

Tuyển tập truyện ngắn Akutagawa

卷之五
 五言古詩
 五言律詩
 五言絕句
 五言排律
 五言長句
 五言歌行
 五言雜詩
 五言雜體
 五言雜賦
 五言雜記
 五言雜序
 五言雜論
 五言雜說
 五言雜文
 五言雜著
 五言雜錄
 五言雜集
 五言雜編
 五言雜錄
 五言雜集
 五言雜編

Tribal
Tide

vh NHÀ NGUYỄN GIỮA
VĂN HÓA



Tuyển tập truyện ngắn Akutagawa

Định Books - Nhà xuất bản Văn học - Nhà văn Akutagawa



Truyện ngắn

vh nhà xuất bản
văn học

Trình tiết

Akutagawa Ryunosuke

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

[Lời giới thiệu](#)

[Lời ngỏ](#)

[Tiểu sử Akutagawa Ryunosuke](#)

[PHẦN DỊCH THUẬT](#)

[Nước dòng sông Cái](#)

[Cổng Rashomon](#)

[Cái mũi](#)

[Cháo khoai](#)

[Chiếc mùi soa](#)

[Bọn đạo tặc](#)

[Thân thể đàn bà](#)

[Lòng đã chót yêu](#)

[Địa ngục trước mắt](#)

[Sợ tư nhện](#)

[Cánh đồng khô](#)

[Thầy Mori](#)

[Niềm tin](#)

[Mấy trái quýt](#)

[Ảo thuật](#)

[Tiệc khiêu vũ](#)

[Tay đạo chích hào hiệp](#)

[Đàn Bà](#)

[Mùa thu](#)

[Đứa con rơi](#)

[Bức họa núi thu](#)

[Bốn bề bờ bụi](#)

[Chiếc xe goòng](#)

[Trình tiết](#)

[Tu tiên](#)

[Trích sổ tay của Yasukichi](#)

[Cục đất](#)

[Sổ điểm danh những người đã khuất](#)

[Mộng mị](#)

[Ảo ảnh cuộc đời](#)

[PHẦN BIÊN KHẢO](#)

[Akutagawa dựa vào đâu để viết Sợi tơ nhện](#)

[Akutagawa Ryunosuke từ A đến R](#)

Lời giới thiệu

Bạn đọc đang cầm trong tay một trong những cuốn sách tuyệt diệu nhất mà văn chương có thể cung hiến cho con người.

Tôi có cơ duyên được biết đến Akutagawa từ rất sớm, năm lên tám hay chín tuổi. Trong tủ sách của mẹ tôi có một cuốn sách mỏng, tập truyện ngắn của Akutagawa Ryunosuke, bản dịch của Thụ Nhân, Nxb Nhị Nùng, Sài Gòn, 1966 (nếu tôi nhớ không lầm). Tôi đọc *Trong rừng trúc, Kesa và Morito, Cái chết của một con chien* (hay *Tuấn đạo*, theo bản của Thụ Nhân)... và bị choáng ngợp bởi vẻ đẹp của chúng, một vẻ đẹp bí ẩn, thanh cao, ám ảnh và khắc khổ. Điều cũng quan trọng như việc khám phá thế giới quanh mình đối với một đứa trẻ, ấy là tôi đã khám phá ra Nhật Bản, một đất nước, một nền văn hóa, một thế giới. Và, một khám phá còn lớn lao hơn thế, ấy là: tác giả, một con người, với tất cả những hành trang hữu hạn của đời người đã có được quyền năng để tạo nên và mang tới cho một đứa trẻ hậu sinh ở xứ sở xa xôi là tôi một phiên bản tính rỗng của thế giới ấy bằng phương tiện duy nhất là ngôn ngữ. Khám phá của tôi - thông qua Akutagawa - thật giản dị: bằng những âm, những chữ, những câu, người ta có thể mang đến cho nhau cơ hội sống những cuộc đời khác, cảm nhận những chiều kích khác của hiện hữu, một cách sâu sắc, máu thịt, tận đáy.

Có đôi điều đáng nói hơn về tập sách này. Theo tôi biết từ trước đến nay, hầu hết tác phẩm của Akutagawa - cũng như các văn hào Nhật khác như Kawabata Yasunari, Mishima Yukio, v.v... - đều được dịch ra tiếng Việt thông qua một ngôn ngữ châu Âu (Anh, Nga, Pháp...). Còn ở đây, lần đầu tiên, một tuyển tập tác phẩm của Akutagawa được dịch trực tiếp từ tiếng Nhật - trong đó có những truyện được dịch ra tiếng Việt lần đầu tiên. Các dịch giả là những người miền Nam sang Nhật Bản du học vào thập niên 1960, theo những ngành không liên quan gì đến văn chương như nông nghiệp, cơ khí, thủy sản, kinh doanh... Đến nay, mỗi người một nơi, ở Nhật, Úc, Pháp..., cuộc sống ổn định, vẫn với những nghề nghiệp “xa lạ với văn chương” ấy - như anh Lê Ngọc Thảo hiện là kỹ sư thiết kế cho hãng Sony. Nhưng, họ đã chọn văn chương - cụ thể là dịch Akutagawa - như một cách để giữ tình thân hữu, giữ gìn tiếng mẹ đẻ, và để bắc một nhịp cầu văn hóa giữa đất nước Nhật Bản mà họ nặng lòng tri ân với Tổ quốc Việt Nam.

Thế mạnh khó ai sánh được của họ là đã sống nhiều năm tại Nhật, am hiểu sâu sắc ngôn ngữ và văn hóa Nhật. Các anh chị đã làm việc hết sức cẩn trọng, góp ý, trao đổi với nhau từng chữ, ngõ hầu mang lại cho bạn đọc những bản dịch tốt nhất có thể. Tuy nhiên, do trình độ các dịch giả không đồng đều, và mỗi người một văn phong, nên không phải bản dịch nào cũng mang lại sự thỏa mãn như ta mong muốn. Mặt khác, do các dịch giả đã sống phần lớn cuộc đời ở nước ngoài, nên ngôn ngữ Việt của các anh chị không khỏi có một khoảng cách với tiếng Việt hiện nay. Đây là một điều cần thể tất, bởi chắc chắn các anh chị chưa hài lòng với những gì mình đã làm được và sẽ không dừng lại ở đây.

Các dịch giả đã làm một nghĩa cử đẹp là rút ngắn hơn khoảng cách giữa văn hóa và tinh thần của Nhật Bản và Việt Nam, hai nước đồng chủng đồng văn, nhưng trong sự gần gũi lại có những khác biệt có tính quyết định đối với diện mạo tinh thần và vận mệnh lịch sử của hai đất nước này. Tôi kính trọng nỗ lực và tấm lòng của họ.

Tôi rất vui rằng bạn đã mở cuốn sách này, cũng như tôi đã mở trang đầu cuốn sách mỏng ngày xưa và, cũng như tôi, bạn sẽ bước vào thế giới của Akutagawa, nơi mà con người, với tất cả những cung bậc tư tưởng, tình cảm được đẩy tới tận cùng, cùng với thiên nhiên và vạn vật, tất cả đều xiết bao *có thực* và sống động trước chúng ta. Nơi đó, đất nước và con người Nhật Bản mở ra với chúng ta vừa lạ lẫm vừa thân quen, để cuối cùng ta nhận ra rằng đó là “cảnh tượng của nhân gian”, là một phần của chính chúng ta, và đó là nhân loại.

TRẦN TIẾN CAO ĐĂNG

Lời ngỏ

Akutagawa Ryunosuke vụt qua trên nền trời văn học Nhật Bản như một ngôi sao băng, thật sáng nhưng cũng thật ngắn ngủi. Người ta trầm trồ ca ngợi tài năng ông và người ta thương tiếc cho số phận ông.

Tuy cuộc đời sáng tác của ông chỉ vồn vện có mười lăm năm, nhưng ông đã để lại cho hậu thế một gia tài khá đồ sộ với khoảng ba trăm tác phẩm, trong đó hơn phân nửa là truyện ngắn, vô cùng phong phú về đề tài, về nội dung và rất đa dạng trong cách viết. Đó chính là cơ sở để người ta tôn ông làm bậc thầy của truyện ngắn. Phần văn nghiệp còn lại của ông là tùy bút, bình luận, bút ký, thơ, v.v...

Sau khi ông mất, năm 1935 một giải thưởng văn chương mang tên ông - giải thưởng Akutagawa đã ra đời. Giải thưởng này rất có uy tín trong giới văn học Nhật Bản, từ khi ra đời cho đến nay luôn luôn đóng một vai trò quan trọng trong việc phát hiện những tài năng trẻ. Oe Kenzaburo, nhà văn đoạt giải thưởng văn chương Nobel năm 1994, lúc còn trẻ là người đã được trao giải thưởng Akutagawa.

Ông còn là một trong những tác giả Nhật Bản rất được thế giới biết tiếng. Và ở Việt Nam tác phẩm của ông đã được giới thiệu rất sớm qua phim ảnh và qua các bản dịch. Tuy vậy những tác phẩm của ông, dịch ra tiếng Việt đang lưu hành trong nước hiện nay phần lớn không phải là những bản dịch trực tiếp từ tiếng Nhật mà qua những ngôn ngữ trung gian.

Trong chương trình thực hiện tuyển tập này chúng tôi đã chọn ba mươi tác phẩm tiêu biểu trải dài suốt cả cuộc đời viết văn của ông mà chúng tôi yêu thích, và dịch trực tiếp chúng từ nguyên tác tiếng Nhật. Chương trình làm việc này có chín người tham gia, tất cả đều là cựu sinh viên du học tại Nhật trong thập niên 1960 và hiện đang sinh sống ở nước ngoài. Các tác phẩm trong tuyển tập được sắp xếp theo thứ tự thời gian ra đời của nó. Mở đầu tuyển tập là tùy bút *Nước dòng sông Cái* (Okawa no mizu), tác phẩm đầu tay viết vào năm 1912 khi ông còn là một sinh viên tay trắng, và kết thúc với tác phẩm *Ảo ảnh cuộc đời* (Shinkiro) viết vào năm 1927, chỉ mấy tháng trước khi ông uống thuốc ngủ tự vẫn. Bên cạnh phần dịch thuật là hai bài biên khảo, một bài viết về xuất xứ của tác phẩm *Sợi tơ nhện* (Kumo no ito), một bài giới thiệu về thời đại, thân thế và sự nghiệp văn chương của ông.

Trong quá trình xuất bản tuyển tập này, chúng tôi xin cảm ơn những giúp đỡ tận tình của anh Trần Tiến Cao Đăng, anh Nguyễn Cảnh Bình - Công ty sách Alpha và sự tận tụy làm việc của chị Hồ Thị Hòa. Nhân đây, chúng tôi xin cảm ơn tất cả bạn bè đã khuyến khích và thôi thúc chúng tôi hoàn tất tuyển tập.

Chúng tôi xin đón chờ những chỉ bảo vàng ngọc của quý độc giả để những lần xuất bản sau được tốt hơn.

ĐINH VĂN PHƯỚC

Tiểu sử Akutagawa Ryunosuke

- 1892(1 tuổi) sinh ở Irifune (Tokyo), trường nam nhà Niihara. Mẹ phát cuồng, về làm con nuôi cho cậu là Akutagawa Michiaki, một văn nhân.
- 1898 (7 tuổi) học tiểu học. Học giỏi. Đã biết làm thơ Haiku.
- 1902 (11 tuổi) mẹ ruột chết. Cùng bạn đồng lứa lập tạp chí văn chương. Thích đọc các tác giả Nhật Bản thời Edo (Chikamatsu, Bakin, Ikku, Sanba), thời hiện đại (Koyo, Rohan, Ichiyo, Ogai) và truyện Trung Quốc (*Tây du*, *Thủy hử*).
- 1910 (19 tuổi) tốt nghiệp trung học với bằng khen. Nhập học văn khoa trường Ikko (Dự bị đại học). Quen biết với Kume Masao, Kikuchi Kan, Yamamoto Yuzo... những bạn đồng song và chung chí hướng.
- 1911 (20 tuổi) nội trú ở cư xá Hongo trường Đại học Đông Kinh. Nổi tiếng thông minh. Làm quen với tác phẩm của Auguste Strindberg, Anatole France, Henri Louis Bergson, Rudolf Eucken.
- 1912 (21 tuổi) viết tùy bút *Nước dòng sông Cái* (Okawa no mi zu)
- 1913 (22 tuổi) tốt nghiệp Ikko đứng thứ hai trong số hai mươi bảy người. Vào khoa Anh và nuôi mộng sáng tác.
- 1914 (23 tuổi) cùng với các bạn Kume, Kikuchi, Yamamoto... tái bản (lần thứ 3) tạp chí *Shinshicho*. Ra mắt *Tuổi già* (Ronen) và vở kịch *Tuổi xuân và cái chết* (Seinen to shi).
- 1915 (24 tuổi) viết *Mặt nạ hyottokon*^[1] (Hyottoko), cho đăng *Cổng Rashomon* (Rashomon). Gặp gỡ Natsume Soseki, từ đó hay lui tới học hỏi.
- 1916 (25 tuổi) tái bản (lần thứ 4) tạp chí *Shinshicho*. Cho đăng *Cái mũi* (Hana). Viết luận văn tốt nghiệp về William Morris, đỗ hạng hai trên hai mươi người. Trong năm, lần lượt đăng tải đó đây *Cháo khoai* (Imogayu), *Chiếc mùi soa* (Hankechi), *Địa ngục cô độc* (Kodoku Jigoku), *Cha* (Chichi), *Chấy rận* (Shirami), *Hy vọng* (Kibo), *Sầu rượu* (Sake no mushi), *Con nộm Noroma*^[2] (Noroma Ningyo), *Khỉ* (Saru), *Căng buồm* (Shuppan), *Thuốc lá và con quỷ* (Tabako to Akuma), *Cái ống điếu* (Kiseru).
- 1917 (26 tuổi) cho ra đời tập truyện ngắn đầu tiên *Cổng Rashomon* (Rashomon), và tập thứ hai mang tên *Thuốc lá và con quỷ* (Tabako to Akuma). Cùng năm, cho in *Bản tường trình của Ogata Ryosai* (Ogata Ryosai oboegaki), *Số mệnh* (Un), *Hỏi đạo tổ sư* (Doso Mondo), *Trung nghĩa* (Chugi), *Ghi chép về một đám tang* (Sogiki), *Bọn đạo tặc* (Chuto), *Người Do Thái lang thang* (Samayoeru Yudajin), *Một ngày kia trong đời O-ishi Kuranosuke* (Aruhi no O-ishi Kuranosuke), *Hứng sáng tác* (Gesaku Zammai).
- 1918 (27 tuổi), đầu năm, cưới cô Tsukamoto Fumi. Định cư ở Kamakura, viết cho nhật báo *Osaka Mainichi*. Theo học *haiku* với Takahama Kyoshi (1874 -1959), truyền nhân của Masaoka Shiki (1867 -1902). Cùng năm ấy, đăng *Tướng Tây Hương Long Thịnh* (Saigo Takamori), *Truyện đầu rơi* (Kubi ga ochiru hanashi), *Truyện về gã Yonosuke* (Yonosuke no hanashi), *Lòng đã trót yêu* (Kesa to Morito), *Địa ngục trước mắt* (Jigokuhen), *Sợi tơ nhện* (Kumo no ito), *Án mạng thời mới mở mang* (Kaika no satsujin), *Cái chết của một con chien*

(Hokyonin no shi), *Cánh đồng khô* (Karenosho), *Tị Tông môn* (Jashumon).

- 1919 (28 tuổi) cho ra mắt tập truyện ngắn thứ ba, *Thầy tuồng múa rối* (Kairai - shi). Thôi làm giáo viên Anh văn ở trường hải quân, ông chính thức làm cho báo *Osaka Mainichi* nhưng không đến sở hàng ngày mà chỉ đăng độc quyền mỗi năm một số truyện. Bố đẻ - Niihara Toshizo mất, ông bỏ Kamakura dọn trở về nhà cũ vùng Tabata ở Tokyo, viết *Hang quỷ đói* (Gakikutsu). Năm này, tháp tùng Kikuchi Kan đi Nagasaki chơi nên chuyển qua những đề tài liên quan đến giai đoạn người ngoại quốc vừa tới Nhật. Viết *Thầy Mori* (Mori sensei), *Tôi hồi đó* (Ano koro no jibun no koto), *Truyện thánh Christopher* (Kirishitohoro shoninden), *Những chuyện tôi đã gặp: mấy trái quýt, bãi lầy* (Watakushi ga deatta koto: mikan, numachi), *Trên đường* (Rojo), *Con mụ phù thủy* (Yoba). Thêm tập phê bình *Nghệ thuật và những vấn đề khác* (Geijutsu to sonota).

- 1920 (29 tuổi) Ra tập truyện thứ tư *Đèn kéo quân* (Kagedoro). Sinh trưởng nam Hiroshi (phiên âm Kan của tên bạn Kikuchi Kan đặt cho con). Viết *Cậu bé thợ săn Jirokichi* (Rokozo Jirokichi), *Tiệc khiêu vũ* (Butokai), *Niềm tin* (Bisei no shin), *Mùa thu* (Aki), *Thánh mẫu áo đen* (Kokui Seibo), *Chúa Kito ở Nam Kinh* (Nankin no Kito), *Cậu bé Đồ Tử Xuân* (Toshishun), *Bóng* (Kage), *Nàng O-Ritsu cùng lũ con* (O-Ritsu to kodomo to).

- 1921 (30 tuổi) Ra tập truyện thứ tư *Hoa nở về đêm* (Yarai no hana). Cho ra mắt *Bức họa núi thu* (Shuzanzu), *Cuộn tranh vẽ kiếp lai sinh* (Ojo emaki), *Thượng Hải du ký* (Shanghai yuki), *Mẹ* (Haha), *Đa tình* (Koshoku).

- 1922 (31 tuổi) lại đi thăm Nagasaki. Tháng năm, cho ra tập tùy bút *Điểm tâm* (Tenshin), tháng tám, tuyển tập *Hoa thiên hương Shara* [\[3\]](#) (Shara no hana), tháng mười một tập tiểu thuyết trung biên *Tà Tông môn* (Jashumon), coi như là phần tiếp theo của Jigokuhen. Sinh Takashi, con trai thứ. Lúc bấy giờ, sức khỏe của ông bắt đầu kém, có triệu chứng suy nhược thần kinh, thêm suy tim, rối loạn tiêu hóa vì lạm dụng thuốc ngủ. Khoảng thời gian này, viết *Sư Tuấn Khoan* (Shunkan); *Bốn bề bờ bụi* (Yabu no naka), *Tướng quân* (Shogun), *Chiếc xe goòng* (Torokko), *Một truyện đèn ơn* (Ho - onki), *Bà chúa Sáu* (Roxu no miya no himegimi), *Chợ cá* (Uogashi), *Trình tiết* (O - Tomi no Teiso), *Hoa loa kèn* (Yuri).

- 1923 (32 tuổi) cho đăng liên tiếp *Lời phát biểu của một người hèn kém* (Shuju no kotoba) trên Dungei Shunju. Tháng năm, cho ra mắt tập truyện thứ sáu nhan đề *Áo Tết* (Shunfuku). Quen biết với vợ chồng Okamoto Kanoko và Horii Tatsuo, cả hai sau đều là nhà văn có tiếng. Đi thăm Kyoto và viết *B à à à à* (Obabababa), rồi. *Ba vật báu* (Mitsu no Takara), *Mấy con nộm* (Hina), *Trích sổ tay của Yasukichi* (Yasukichi no techo kara), *Bệnh của con* (Kodomo no byoki), *Cúi chào* (Ojigi).

- 1924 (33 tuổi) Ra mắt tập truyện thứ bảy *Gió Đông Nam* (Kojakuhi). Biên tập sách nói về *Văn chương Anh hiện đại* (The modern series of English Literature) mất tám tháng ròng.

Ra tập tùy bút thứ hai *Tạp thảo* (Momokusa). Người chú chết, cậu em vợ thổ huyết, gây xúc động mạnh. Sức khỏe suy yếu dần. Trong năm viết *Lời nhắn của cô dột cửi* (Itome oboegaki), *Cục đất* (Ikka no tsuchi), *Hòn đảo kỳ lạ* (Fushigina shima), *Cậu bé* (Shonen), *Cái lạnh* (Samusa), *Cuốn tiểu thuyết ái tình* (Am ren - ai shosetsu).

- 1925 (34 tuổi) Ra mắt *Tuyển tập Akutagawa Ryunosuke*. Con trai thứ ba Yasushi ra đời. Phát hành *Chuyến đi Trung Quốc* (Shina Yuki) và sáng tác *Thời trẻ của Shinsuke chùa Daidoji*

(Daidoji Shinsuke no hansei), *Chân ngựa* (Uma no kyaku), *Tin tức từ trạm suối nước nóng* (Onsendayori), *Bên bờ biển* (Umi no hotori). Có làm vài bài thơ nhưng vào thời điểm này, không những sức khỏe suy sụp mà hứng sáng tác cũng có vẻ cạn.

- 1926 (35 tuổi) Lại rối loạn tiêu hóa, suy nhược thần kinh phải lên suối nước nóng nghỉ ngơi. Cho phát hành tập tùy bút *Ngựa, hoa mơ và chim cuốc* (Uma, ume, hototogisu). Đăng *Cây quạt Hồ Nam* (Konan no uchiwa), *Một ngày cuối năm* (Nenmatsu no ichinichi), *Người đất Việt* (Etsubito) (gồm 25 bài thơ đối đáp), *Nhớ chuyện xưa* (Tsui - oku), *Đêm xuân* (Ham no yo), *Sổ điểm danh những người đã khuất* (Tenkibo), di cao *Điềm gở* (Kyo).

- 1927 (36 tuổi) về lại Tabata. Người anh vợ tên Nishikawa Yutaka tự sát sau khi đốt nhà, để lại một món nợ to, ông phải chạy đông chạy tây lo thanh toán. Bút chiến với Tanizaki Jun - ichiro chung quanh quan điểm nghệ thuật. Tập truyện thứ tám nhan đề *Cây quạt Hồ Nam* (Konan no Uchiwa) là tập truyện cuối cùng. Đêm 24 tháng 7 uống hai liều thuốc ngủ rất nặng, tự sát. Bên gối có đặt quyển Thánh Kinh. Để lại nhiều di thư cho thân nhân và bè bạn, trong đó có *Thư gửi một người bạn cũ* (Aru kyuyu e okuru tegami) viết cho Kume Masao. Ngày 27, đàn anh như Izumi Kyoka, bạn đồng lứa như Kikuchi Kan, lớp sau như Kojima Seijiro chung sức tổ chức tang lễ. Tác phẩm phát hành trước khi chết có *Sơn trang Genkaku* (Genkaku sobo), *Ảo ảnh cuộc đời* (Shinkiro), *Hẩn* (Kare), *Lại ẩn* (Kare daini), *Biệt thự an nhàn* (Yuyu - so), *Xã hội thủy quái Kappa* (Kappa), *Dụ dỗ* (Yuwaku), *Nỗi u sầu của Taneko* (Taneko no yu - utsu), *Guồng máy - Chương đầu* (Haguruma dai issho), *Ba cánh cửa sổ* (Mitsu no mado). Các di cao được in trong năm gồm *Hỏi và đáp trong bóng tối* (Anchu mondo), tiếp đó là *Lời phát biểu của một người đốt nát* (Shuju no kotoba), *Guồng máy* (Haguruma), *Đời một chú ngốc* (Aru aho no issho), *Người phương Tây* (Seiho no hito) và *Tục biên - Người phương Tây* (Shoku Seiho no hito).

Tháng mười một, *Toàn tập Akutagawa Ryunosuke* gồm tám tập ra đời. Ngoài các tập luận thuyết văn học thì tùy bút cũng như các thi tập (mà ông viết với bút hiệu thơ Trùng Giang Đường) cũng được in lại.

Nguyễn Nam Trân

Chú thích:

[1] Mặt nạ có mõm chu chu như người đang thổi lửa. Mang lúc nhảy múa làm trò.

[2] Con nộm múa rối mà thầy tuồng Noromatsu Kampei dùng để diễn lần đầu năm 1670 ở Edo (Tokyo bây giờ).

[3] Trong kinh Phật, hoa này mọc ở vườn Kỳ Viên bên Thiên Trúc.

PHẦN DỊCH THUẬT

Nước dòng sông Cái

(Okawa no Mizu)

Lời người dịch:

Người dịch dùng nguyên tác tiếng Nhật của Nhà xuất bản Kadokaum, bản bỏ túi in lại năm 1989.

Akutagawa hoàn tất Nước dòng sông Cái vào tháng giêng năm 1912 lúc ông hãy còn là cậu sinh viên hai mươi tuổi. Bài được đăng trên Tạp chí thi văn Kokoro no hana (Hoa Tim). Các nhà nghiên cứu thường xem Ronen (Tuổi Già, 1914) mới là tác phẩm đầu tay của ông nên ít người để ý đoạn văn này (vốn thuộc thể loại tùy bút hoặc trường ca nhiều hơn là truyện ngắn). Tuy nhiên, những ai sành Akutagawa đều nhận thấy trong mấy trang sau đây đã ngưng đọng tất cả cái tinh anh và tươi tắn nhất của tâm hồn ông, ở thời điểm mà yếu tố trữ tình và mỹ cảm của tuổi hoa niên chưa bị những hoài nghi và mệt mỏi trong cuộc sống làm cho phai nhạt.

Nước dòng sông Cái có nhiều chi tiết khiến người ta nghĩ nó là thiên tự truyện nhưng thật ra cái duyên dáng của đoạn văn hàm chứa trong sự mơ hồ bàng bạc của những chi tiết ấy. Cái mơ hồ bàng bạc ở đây ta từng tìm được trong Tôi đi học của Thanh Tịnh, Phần thông vàng của Xuân Diệu hay Chơi giữa mùa trăng của Hàn Mặc Tử, đọc thuở thiếu thời.

Ngoài hai thi nhân ngoại quốc Gabriele d'Annunzio (Italia) và Hugo von Hofmansthal (Áo) mà Akutagawa nhắc đến, dịch giả Edwige de Chavanes trong lời chú dẫn cho bản dịch tiếng Pháp (L'eau du Fleuve, trong La vie d'un idiot et autres nouvelles, Unesco, Gallimard, Paris, 1987) đã nhận ra ảnh hưởng của Kitahara Hakushu (1885 I 1942) qua một số chữ dùng, mượn từ tác phẩm Chuỗi ngày thơ ấu (Waga Oitachi) của nhà thơ tới Nước dòng sông Cái.

Sông Cái ngầm chỉ khúc hạ lưu của Sumidagawa, con sông xiết bao gần gũi đối với người dân Tokyo, đã đưa cậu bé Niihara (về sau sẽ thành Akutagawa của chúng ta) vào một dòng sông lớn hơn, dòng văn học.

Như tiên tri về số phận mình, trong đoạn văn đầu tay này, Akutagawa đã nói đến cảm tưởng mơ hồ trực diện Thần Chết đang nổi lên bềnh trên mặt nước, khi dòng sông của đời ông đang rong ruổi về miền Vĩnh Cửu "vô thủy vô chung". Khi chuyển ngữ, người dịch không khỏi xúc động liên tưởng đến những dòng sông thân yêu trong đời mỗi một chúng ta, tự thời Lý Bạch (Dao liên cố viên thủy, Vạn lý tống hành chu) tác giả hai câu thơ mà một người thầy học cũ, nhà mô phạm Trần Trọng San, đã dịch:

Thương sao dòng nước quê nhà,

Tiến đưa muôn dặm thuyền ra xứ người.

Tôi sinh ra ở một xóm kè Okawabata, Vùng Bãi Sông. Ra khỏi nhà, chỉ cần len lỏi xuyên mấy con hẻm khu Yokoami (Lưới Ngang) san sát phen giậu đen đúa nấp dưới những tàng lá dẻ xanh non là đã ra đến ven bờ Hyappongui (Trăm Cọc) để được nhìn mặt nước mênh mông. Từ hồi thơ dại cho đến khi học hết Cấp hai, hầu như mỗi ngày tôi đều có dịp đứng ngắm con sông. Nào nước, nào thuyền, nào cầu, nào cồn cát, nào cuộc đời tất tả ngược xuôi của những người sinh ra và sống trên mặt nước. Cho đến bây giờ, dù bao năm đã trôi qua, tôi vẫn còn nhớ da

diết cái mùi nồng chưa ngủi mà đã cảm thấy của nước sông vào những trưa giữa hè nắng gắt, khi chân tôi giẫm lên cát bỏng trong những lần đến lớp học bơi.

Cớ sao tôi yêu con sông Cái này đến thế! Phải chăng vì cảm thấy trong cái hâm hẩm của làn nước ngầu bùn có gì dễ thương vô hạn. Thật tình đến tôi cũng không thể nào giải thích lý do. Chỉ biết, tự ngày xưa, cứ mỗi lần nhìn dòng nước là trong lòng tôi không khỏi dậy lên một nỗi trống vắng và một nguồn an ủi đến ứa nước mắt. Tôi thấy mình như hoàn toàn tách ra khỏi thế giới đang sống, tâm hồn bay vút vào một cõi đất trời đầy nhớ nhung, luyến tiếc. Nhờ có dòng sông mà mang được cái tâm tình ấy, thưởng thức được nguồn an ủi và thú cô đơn ấy, nên tôi đâm ra yêu nó hơn mọi thứ trên đời.

Làn sương xám bạc, dòng nước như vệt dầu xanh, âm hưởng còi tàu mơ hồ tựa tiếng thở dài, cánh buồm nâu hình tam giác của con thuyền chở than đá... mỗi chi tiết của phong cảnh trên sông đều khơi dậy trong tôi nỗi buồn khó nén, khiến cho chút lòng thơ dại của tôi cũng không khỏi lao xao như ngàn liễu bên bờ.

Ba năm sau này, tôi dành thời giờ chăm chú đọc sách trong phòng văn cất giữa một vùng lùm bụi thanh u ngoại ô khu Yamanote sang trọng, nhưng vẫn không quên tìm ngắm dòng sông lớn ấy mỗi tháng hai ba lần. Màu sắc của nước sông di động lại tựa hồ đứng yên, trôi mà như lười chảy, làm tan biến những căng thẳng trong tâm trí tôi, vốn đang chịu áp lực và kích thích của bầu không khí quá tịch mịch của phòng văn và nhịp làm việc dồn dập không đương nổi. Nước dòng sông Cái mang đến cho tôi niềm tiếc nuối buồn thương và giải thoát của kẻ đi hành hương lâu ngày mới về đến quê nhà, giúp cho cái tâm hồn xao động trong tôi tìm ra thanh thản. Cũng nhờ nó mà lần đầu tiên tôi mới sống được những tình cảm không thoáng gọn và thực sự của mình.

Biết bao lần tôi đã được nhìn những cánh hoa keo trắng toát nghiêng mình xuống dòng nước xanh, bay lả tả trước cơn gió nhẹ một ngày đầu hè. Biết bao lần tôi đã được nghe tiếng chim di se sắt lạnh tàng không ngang tầm mặt nước tối của những đêm tháng mười một trời thường làm sương giá. Những điều ấy đã làm tình yêu trong tôi đối với dòng sông mỗi ngày một mới. Cũng run rẩy như cánh chuồn đen sinh ra từ nước sông mùa hạ, tấm lòng niên thiếu của tôi lúc đó mở thật to để thu biết bao đổi thay mới mẻ cho đầy đôi người kinh ngạc. Nhớ nhất là lúc tựa mạn thuyền thả lưới đêm, trôi theo dòng, ngắm mặt nước đen không gây mảy may tiếng động, để khi nghe tiếng thở phập phồng của Thần Chết đang lênh bênh giữa khoảng đêm khuya và mặt nước, mới cảm thấy một nỗi buồn bơ vơ xâm chiếm tâm hồn.

Mỗi lần nhìn dòng sông Cái, tôi không thể nào quên được cái kinh thành của sóng nước mãi bên trời Ý vẫn đón buổi chiều về với tiếng hát thiên nga và hồi chuông tu viện, nơi mà giữa hàng lan can rợp bóng hồng bóng huê được tô vẽ bằng những tia sáng xanh từ vàng trắng đang chìm dưới nước hắt lên, có những chiếc thuyền Gondola đen tựa quan tài lướt đi như trong một giấc chiêm bao từ vòm cầu này sang vòm cầu nọ theo nhịp chèo lơ lửng - tất cả làm tôi bây giờ càng chạnh lòng nhớ tới tâm tình nồng nàn tha thiết mà D'Annunzio^[1] đã để tuôn trào vì cảnh sắc của Venezia.

Những xóm ven bờ được nước dòng sông Cái yêu dấu vỗ về đối với tôi đều khó quên và rất đổi thân thương. Từ phía cầu Azuma xuôi về hạ lưu, nào là Komakata, Namiki, Kuramae, Daichi, cầu Yanagi hay Yakushimae ở Tada, Umebori, Yokoami, chốn nào cũng thế. Khách bộ hành qua lại các thôn xóm này đều được nghe, từ giữa những bức tường trắng bằng đất nện

của các kho hàng nằm hong nắng, từ giữa những ngôi nhà tối nhờ nhờ có khung cửa chấn song, hay từ giữa những lối đi rợp hàng liễu hàng keo mà lá chỉ mới nhú mầm nâu bạc, vọng vào tai âm hưởng quen thuộc của dòng nước xanh loang loáng mà con sông Cái, sáng như tấm kính mới mài, đã mang đến cho họ cùng lúc với mùi nước triều lành lạnh trong chuyến xuôi Nam, cuộc hành trình mà dòng sông đã quen làm từ một thuở xa xưa.

Ôi, cái tiếng nước sông thân thuộc kia, như thì thảo, như van lơn, như chập lười, dòng nước màu xanh vắt ra từ ngọn cỏ, hết ngày đến đêm, gột rửa những kè đá hai bên bờ. Còn nhớ bi kịch của nàng Hanjo[2] hay chàng Narihira[3] chứ nhỉ? Tôi không ngược lên đến tận thời (khi Tokyo còn là giải bình nguyên Musashi), nhưng kể đã từ lâu, đã có những thầy tuồng kịch múa rối Joruri ở Edo, gần đây là Kawatake Mokuami[4], bậc đại sư Kabuki, thường đưa tiếng chuông thiền viện Senso[5] cũng như âm hưởng trầm buồn của nước dòng sông Cái vào các pho tuồng nói về nhân tình thế thái của họ để làm nổi bật cái die Stimmung[6], không khí căng thẳng trong một lớp lang xảy ra án mạng. Lúc Izayoi và Seishin[7] gieo mình xuống nước, khi cu cậu Gen.nojo[8] mãi mê nhìn người đẹp Okoyo trong bộ áo người săn chim[9] hay ngay cả khi anh chàng bán đồ đồng nát Matsugoro[10] gánh đôi quang thúng đi qua cầu Ryogoku khi chiều hè sụp tối và bày dơi liệng đầy, thì dòng sông Cái, như đến tận giờ, vẫn chây lười thì thầm vỗ sóng vào cầu tàu của hàng quán cho thuê thuyền, bên ngàn lau xanh, dưới lườn những con thuyền mũi nhọn đổ hai bên bờ.

Muốn nghe cho được âm thanh ngùi nhớ của nước sông, phải leo đò làm một chuyến sang ngang. Nếu tôi không lầm, từ phía cầu Azuma đổ xuống cầu mới Ohashi, có tất cả năm cái bến. Trong số đó thì bên Komakata, bến Fujimi và bến Ataka, cả ba đã lần hồi biến mất, bây giờ chỉ có bến ở cầu Ichi để qua xóm Hamacho và cái nữa từ cầu Mikura sang xóm Sugacho là hãy còn thôi. So với hồi tôi còn bé tẹo, con sông cũng đã đổi dòng, những cồn cát điểm xuyết lùm lau bãi sậy như bị lấp vùi không còn hình tích. Thế nhưng hai bên cũ còn nguyên bóng dáng con đò đáy nông, vẫn ông lái đò già mỗi ngày chèo chống bao nhiêu bận đưa khách qua dòng nước xanh rờn một màu cùng rặng liễu ven sông.

Lắm lúc chẳng có việc gì, tôi cũng ra bến theo đò qua sông, sung sướng để mặc sóng nước bồng bềnh đu đưa thân thể mình như trong một chiếc nôi. Đi mấy chuyến đò càng trẻ bao nhiêu thì mới thưởng thức những niềm vui và nỗi buồn thấm thía bấy nhiêu. Kề bên ngoài mạn thuyền thấp chỉ có làn nước xanh lục trải dài. Ném một cái nhìn đã thấy trọn mặt sông mượt mà, đang ánh lên chút màu đồng nhạt nếu tầm mắt không vướng mỗi cái cầu mới Ohashi mãi đằng xa. Nhà cửa hai bên bờ sông giờ ấy đã tuyền một màu tro, đèn đóm cư dân hắt vàng vọt lên những khung cửa phết giấy, thấp thoáng đôi nơi trong sương. Theo ngọn triều lên, thỉnh thoảng lại có một hai chiếc bè lớn chở hàng, buồm xám buồm nửa vôi, bơi ngược dòng nhưng chiếc nào chiếc nấy yên ắng lạ lùng, chả biết có người cầm lái hay không nữa. Không hiểu sao cảnh mấy lá buồm trôi trong lặng lẽ và cái mùi của ngọn triều xanh rộng đã gợi trong tôi một nỗi buồn không nói được nên lời, tương tự khi đang đọc những văn Erlebnis của Hofmannsthal[11] và cùng lúc, trong lòng tôi, một tình cảm dịu ngọt như thể đang khẽ muốn cất lên lời hát để hòa nhịp cho bằng được với âm hưởng của dòng sông Cái đang chìm giữa đáy trời sương.

Không chỉ riêng cái âm hưởng của dòng nước mới lôi cuốn tôi đâu. Màu sắc của nó nữa, vừa mềm mại vừa ấm áp, cái màu mà tôi nghĩ khó tìm được ở nơi nào khác.

Nước ngoài biển giống như ngọc bích, vì sâu nên đọng thành khối nặng, trong khi nước trên thượng nguồn không bị ảnh hưởng triều lên triều xuống, giữ một màu xanh cánh trà nhàn nhạt, lại quá nhẹ, quá mỏng và quá sáng. Duy có nước của khúc sông Cái, chảy giữa bình nguyên, nơi nước ngọt và nước mặn giao hòa, mới dung hợp được màu xanh lạnh lẽo và màu vàng đục ấm áp, để có vẻ thể nhân hơn, sống động[12] hơn, khơi dậy trong ta một tình cảm thân

mặt đời thường. Nhất là khi con sông đã rong ruổi hết vùng bình nguyên Kanto nhiều đất sét nâu đỏ, bình lặng chảy về Tokyo đô hội, cái màu nước vốn đục ngầu và nhẩn nhơ như một lão Do Thái già khó tính, thích cằn nhằn lâu bầu, giờ đây đã có cái gì thông thả, nuột nà, dễ thương. Và tuy cùng chảy ngang một thành phố, nhưng có lẽ nhờ trao đổi thường xuyên với đại dương thần bí, nước con sông Cái không hề đen ngòm như các kênh lạch nối những dòng sông lại với nhau. Sông Cái không hề ngủ. Tôi có cảm tưởng nó luôn luôn di động nhưng chỉ để chấm dứt cuộc hành trình ở đích đến nhất định: một miền Vĩnh Cửu “vô thủy vô chung”. Dĩ nhiên vui là khi thấy dòng nước xanh như vệt dầu thơm trôi dưới những cây cầu Azuma, Umayu, Ryogoku, ôm ấp mấy chân cầu lớn xây bằng gạch hay đá hoa cương. Có khi nó nép vào bờ, in bóng những ngọn đèn giấy màu trắng của các cửa hiệu cho mượn thuyền cũng như những chòm lá liễu nghiêng ngả khoe mặt trái bạc phấn. Có khi tắc nghẽn vì cái đập chắn nước, nó lặng lẽ lấp lánh bên dưới những mái bếp không bóng người, than thở hộ cánh phù dung đỏ một trưa quá ngọ có tiếng đàn samisen[13] rờ rạc uể oải, để rồi giật mình bối rối vì tiếng đập cánh bất chợt của một chú vịt trời. Cái màu phải gọi là nặng nặng của dòng nước như thế cũng chan chứa ấm áp, hồn hậu. Cho dù khi dòng sông về đến gần cầu Ryogoku, cầu mới Ohashi, cầu Eitai và vùng cửa sông lúc nước của nó được hòa với cái màu xanh đậm của ngọn triều ấm hay phản chiếu ánh nắng lấp lóa của mặt trời trắng bạch tựa như tấm kim loại trái rỗng dưới một tầng không ồn ào đầy bụi khói, nó vẫn tiếp tục lười biếng đưa đoàn thuyền khảm lừ than đá và những con tàu kiểu cũ chạy bằng hơi nước mà lớp sơn trắng đã bong đi. Thiên nhiên với con người như chung nhịp thở, cái màu ấm áp mà dòng sông không biết thấu nhận được lúc nào khi chảy qua thành phố đâu dễ gì mất đi cho được.

Đặc biệt lúc chiều xuống, con sông bỗng đổi sắc theo lớp mù do hơi nước vừng lên và màu nắng càng ngày càng phai nhạt trên nền trời, để thành một thứ màu huyền hoặc khó tả. Mình tôi, gối hai tay lên thành đò, lơ đãng lướt nhìn mặt sông chiều nắng xế mù dâng, và khi thấy từ bên kia bờ dòng nước lục đậm, trên không trung chỗ mấy nóc nhà sẫm tối, một vàng trắng to và đỏ ló ra, thì tôi không tài gì cầm được nước mắt, điều mà có lẽ suốt đời, tôi chẳng thể nào quên.

Theo Meljukovski[14], “Mỗi thành phố đều có cái mùi cố hữu của nó. Mùi của Florence là hương huệ trắng, mùi bụi bặm, sương mù và mùi quang dầu[15] của những khung tranh cổ quện vào nhau”. Nếu ai hỏi tôi về cái mùi của Tokyo, tôi sẽ xin phép trả lời ngay đó là cái mùi của dòng sông Cái. Không riêng gì cái mùi! Màu sắc của dòng sông, âm hưởng của dòng sông chính là màu sắc và tiếng động của Tokyo mà tôi yêu dấu. Nhờ có dòng sông, tôi mới biết yêu Tokyo, và nhờ có Tokyo, tôi mới biết yêu đời.

Tái bút: Đạo sau này, tôi nghe nói bến đò ngang cầu Ichi đã mãi đi rồi, bến đò cầu Mikura cũng sắp sửa bị dẹp.

(1912)

Nguyễn Nam Trân dịch

Chú thích:

(1) G. D’ Annunzio (1863 – 1938), thi nhân người Ý thuộc trường phái duy mỹ (aestheticism).

(2) Hanjo, tên một ca kỹ, nhân vật trong tuồng No của tác giả nổi tiếng Zeami (1363? – 1443?), bị người yêu phụ bạc mà phát cuồng.

(3) Ariwara No Narihira (825-880), vương tử và thi nhân có tiếng đẹp trai bị đày về miền Đông (Tokyo) vì dan díu với hoàng hậu. Sự tích được đem vào các vở tuồng No, Kabuki và

Joruri.

(4) Kawatake Mokuami (1816 – 1898), nhà soạn tuồng Kabuki có tiếng.

(5) Sensoji (Thiền Thảo Tự), chùa thuộc phái Tendai (Thiên Thai Tông) ở xóm bình dân Asakusa, gần sông Sumida.

(6) Không khí, (tiếng Đức trong nguyên văn).

(7) Nhân vật tuồng Kabuki của Kawatake Mokuami, ca kỹ Izayoi tự trầm trên dòng Sumida với người yêu, nhà sư Seishin.

(8) Gen.nojo là vũ sĩ hầu cận Shogun yêu nàng con gái hát đạo Okoyo nhưng duyên không thành vì vấn đề giai cấp.

(9) Torioisugata, quần áo giả trang của người hát đạo.

(10) Matsugoro cũng là nhân vật tuồng Kabuki của Kawatake Mokuami, hận đời vì sống nghèo túng, vớt đồ nghề xuống sông Sumida, đi là giặc cướp, sau tự tử.

(11) Hugo von Hofmannsthal (1874 - 1920), thi sĩ trữ tình người Áo, đã viết Erbelnis năm 1892, lúc 18 tuổi.

(12) Lifelike (tiếng Anh trong nguyên văn).

(13) Đàn ba dây truyền từ Okinawa, dụng cụ âm nhạc bình dân.

(14) Có thể là phiên âm Nhật ngữ của Dimitrii Merezhkoskii (1865 - 1941), tiểu thuyết gia Nga trường phái ấn tượng, sau lưu vong ở Pháp.

(15) Véc-ni

Cổng Rashomon

(Rashomon)

Lời người dịch:

Cổng Rashomon^[1] là một trong những tác phẩm đầu tay của Akutagawa Ryunosuke, viết năm 1915, chỉ ra đời sau truyện Nước dòng sông Cái, và một vài truyện khác. Hơn nữa khi Akutagawa Ryunosuke gửi đăng truyện này trên nội san Đế quốc văn học (Teikoku Bungaku) của khoa Văn trường Đại học Tokyo, bè bạn đã không chú ý lắm, thậm chí có người còn khuyên ông gác bút! Thế nhưng sau này, giới văn học Nhật Bản đã đánh giá đây là một tuyệt tác của Akutagawa Ryunosuke, tác phẩm đầu tiên hình thành lối viết của ông sau đó, xây dựng truyện dựa trên các chất liệu có sẵn trong các tác phẩm cổ điển. Akutagawa đã giải thích rằng, khi muốn diễn tả thật nghệ thuật một đề tài nào đó thì có thể phải tạo ra một sự việc thật khác thường, nhưng những điều khác thường lại khó xảy ra trong cuộc sống thực, sẽ có vẻ như bịa đặt, không được tự nhiên, do đó mà ông đã lấy các chi tiết từ các truyện có sẵn.

Cổng Rashomon được viết dựa trên các chi tiết trong hai đoạn của truyện Konjaku Mongatari (Truyện bây giờ đã xưa). Đó là đoạn thứ mười tám về người ăn trộm đã trông thấy xác chết trên gác cổng Rashomon, và đoạn thứ hai mươi một về bà già bán cá trong trận Tatewaki. Tuy nhiên, Akutagawa Ryunosuke đã đổi nhân vật người ăn trộm trong truyện cổ thành gã nô bộc - chưa hề ăn trộm - để rồi qua tay tác giả, câu chuyện xảy ra trên gác Cổng Rashomon là diễn tiến giằng co giữa Thiện và Ác trong lòng nhân vật gã nô bộc này; cuối cùng cái Ác đã biện hộ và xô đẩy nhân vật vào một cái Ác tiếp theo.

Bị cuốn theo ngòi bút của tác giả, dường như người đọc lại không thấy công phần hay có điều gì khiên cưỡng, mà hầu như chỉ còn biết chấp nhận cái kết cuộc ấy như một điều đương nhiên.

Chuyện vào một ngày nọ, lúc trời đã về chiều. Có một gã nô bộc đang trú mưa dưới cổng Rashomon. Dưới chiếc cổng lớn, ngoài gã đàn ông này ra chẳng có ai khác. Trên chiếc cột lớn sơn son đỏ mà nước sơn đã bị bong loang lổ đó đây, chỉ có một con dế mèn đang đậu ở đó. Cổng Rashomon ở ngay trên đại lộ Suzaku cho nên ngoài gã đàn ông này, bình thường lẽ ra cũng có thể có thêm vài ba người khác, đàn bà thì đội nón lá *ichimegasa* hay đàn ông đội mũ *momieboshi* đứng tránh mưa. Thế nhưng ngoài gã ra không có ai khác.

Số là vì mấy năm gần đây kinh thành Kyoto cứ bị hết họa này lại đến nạn kia, hết động đất, giông bão, hỏa hoạn, lại đến nạn đói kém. Vì thế mà chốn kinh sư tiêu điều xơ xác thật khác thường. Cổ thư còn ghi chép lại những chuyện như tượng Phật và đồ thờ tự bị chẻ ra, gỗ sơn son hay thếp bạc cũng bị chất đống bên đường để bán làm củi đốt. Chốn kinh thành mà còn như thế, huống hồ cổng Rashomon này, chẳng ai ngó ngàng đến chuyện trùng tu sửa sang. Cổng bị bỏ mặc tiêu điều hoang phế, chỉ tổ cho chồn cáo cùng quân trộm cắp thừa cơ đến dùng làm nơi trú ẩn. Thậm chí cả những xác chết đường chết chợ không người tới nhận cũng được đem vứt ở đây, như đã thành một cái lệ. Vì thế hễ trời chạng vạng tối là mọi người đều ghê sợ, chẳng một ai dám bén mảng đến gần.

Thay vào đó, vô số quạ không biết từ đâu kéo cả về đây. Ban ngày nhìn về phía cổng thấy không biết bao nhiêu là quạ bay thành vòng tròn, vừa kêu vừa lượn lơ quanh miếng ngói phù điêu trên cùng. Nhất là hễ đến lúc ráng chiều nhuộm đỏ khoảng trời phía trên cổng, thì nom cứ như là nền trời có rắc vừng đen. Dĩ nhiên lũ quạ đến rỉa xác người chết vứt nơi cổng.

Thế nhưng hôm nay, có lẽ kể về giờ giấc thì cũng đã muộn, chẳng thấy bóng dáng một con quạ nào cả. Chỉ thấy đó đây lốm đốm màu bạc phếch của phân quạ dính vào những bậc đá chỉ chực lở và cỏ mọc um tùm từ những kẽ nứt. Gã nô bộc ngồi ở bậc trên cùng của bậc đá có bảy bậc, đặt móng trên vạt sau của chiếc áo xanh lam đã giặt đến bạc màu, vừa mân mê mụn trứng cá to tướng mọc trên má bên phải vừa lơ đãng nhìn mưa rơi.

Tác giả vừa viết ở trên rằng “gã nô bộc đang trú mưa”. Nhưng dù trời có tạnh mưa đi nữa, gã cũng chẳng có việc gì để làm. Thông thường dĩ nhiên là gã sẽ đi về nhà chủ. Nhưng gã lại mới bị chủ cho thôi việc từ bốn năm hôm nay. Như đã viết ở trên, lúc bây giờ Kyoto đã suy tàn lắm rồi. Gã nô bộc này bị người chủ mà gã hầu hạ lâu năm cho thôi việc, thật ra cũng là ít nhiều do sự suy tàn ấy mà ra chứ chẳng phải gì khác. Vì thế thay vì viết “gã nô bộc đang chờ tạnh mưa”, phải viết là “gã nô bộc không đi đâu được vì trời mưa, và gã đã đến bước đường cùng chẳng biết về đâu nữa” mới đúng. Hơn nữa, bầu trời u ám hôm nay chẳng nhiều thì ít cũng đã khiến gã nô bộc thời Bình An (Heian)^[2] này chạnh lòng. Con mưa đổ xuống từ giờ Thân đến giờ vẫn chẳng có vẻ gì là muốn ngớt. Vì thế trước mắt gã nô bộc chưa biết ngày mai sẽ phải làm gì để sống qua ngày, từ này đến giờ gã vẫn vừa miên man nghĩ ngợi tìm cách xoay sở làm sao ra khỏi bước đường cùng, vừa lơ đãng nghe tiếng mưa rơi trên đại lộ Suzaku.

Mưa rào rào từ xa tới bao trùm lên cổng Rashomon. Bóng chiều như kéo màn trời sa xuống thấp, ngẩng nhìn lên thấy hàng ngói chên chếp đầu hồi trên mái cổng như đang đỡ cả một màn mây nặng trĩu u ám.

Một khi đã không còn cách nào khác, không làm sao hơn được, thì đâu còn có thể kén chọn nữa. Nếu còn kén chọn, thì chỉ có mà chết đói, không chết trong nhà thì cũng chết đường chết chợ, rồi sẽ bị đem ra vứt trên cổng này như người ta vứt xác của một con chó mà thôi.

Nếu đừng kén chọn nữa - gã nô bộc cứ nghĩ tới nghĩ lui quanh quẩn mãi không biết bao lần để rồi cuối cùng ngừng lại ở chỗ đó. Tuy vậy, ngay cả khi đã nghĩ tới “nếu đừng kén chọn” rồi, nhưng quanh đi quẩn lại vẫn còn dừng lại ở chỗ “nếu đừng kén chọn” này, thì rút cuộc vẫn mãi mãi chỉ là một chữ “nếu”. Dù gã nô bộc đã nhủ lòng sẽ không kén chọn - không từ bất cứ điều gì thế nhưng gã vẫn không có can đảm tiến thêm đến chỗ khẳng định cái điều đương nhiên phải đến tiếp theo sau câu “nếu đừng kén chọn” – để ngã ngũ cho xong chuyện - tức là “thì chẳng còn cách nào khác là đành làm quân trộm cắp vậy.”

Gã nô bộc hắt hơi thật mạnh, rồi uể oải đứng dậy. Hơi lạnh buổi chiều ở Kyoto đã đến độ muốn có lò than để sưởi ấm. Gió luồn giữa những hàng cột cùng với bóng chiều đang dần xuống, lồng lộng thổi. Con đế mèn đậu trên chiếc cột loang lổ nước sơn đã bò đi đâu mất.

Gã nô bộc vừa kéo cao cổ áo màu lam khoác trên chiếc áo cánh màu vàng, rút cổ lại, vừa đưa mắt nhìn quanh cổng. Gã nghĩ bụng nếu có chỗ nào không sợ bị mưa gió, không ngại có người trông thấy, để đánh một giấc ngon lành, thì gã sẽ ngủ ở đó cho qua đêm nay. Tức thì, may sao chiếc cầu thang cũng sơn son đỏ, bề ngang khá rộng, bắc lên tầng gác của chiếc cổng đã lọt vào mắt gã. Ở trên ấy dù cho có người chẳng nữa, chắc cũng chỉ toàn là người chết. Gã nô bộc bèn vừa cẩn thận giữ cho thanh đao đeo bên hông khỏi tuột ra khỏi vỏ, vừa đặt bàn chân mang đôi dép rơm lên bậc dưới cùng của cầu thang.

Thế rồi, một vài phút sau đó, trên bậc giữa của cầu thang bắc lên gác cổng Rashomon, một gã đàn ông đang co người lại như con mèo, nín thở nghe ngóng động tĩnh trên gác. Một ánh lửa leo lét chập chờn trên gác lơ mờ soi xuống gò má bên phải của gã, gò má có một cái mụn trứng

cá mừng mủ sung đỏ lên ở giữa đám râu ria lởm chởm. Thoạt đầu gã nô bộc cứ đinh ninh rằng ở trên ấy chỉ toàn là người chết. Nhưng chỉ mới bước lên được hai ba bậc thang và nhìn xem thử gã thấy ở trên đó có ai đang thắp lửa, mà ánh lửa ấy hình như đang chuyển động về phía này. Đó là một ánh lửa đục tối và vàng vọt, chập chờn chiếu lên trần nhà có giăng đầy mạng nhện đến khắp mọi xó xỉnh, thoạt nhìn đã nhận ra ngay. Một kẻ dám đốt đèn trên gác cổng Rashomon trong đêm mưa như thế này ắt chẳng phải là người bình thường.

Gã nô bộc rón rén lần bước như một con thạch sùng, mãi mới lên đến bậc trên cùng của chiếc cầu thang dốc dốc. Thế rồi gã cố nằm bẹp xuống bám mình vào sàn gác, cấn cổ thì cố vươn về phía trước, rụt rè dòm vào trong gác.

Gã nhìn thử thì thấy trong lòng gác, quả đúng như lời đồn đại, có một vài xác chết bị vứt nằm ngổn ngang. Chỗ có ánh lửa soi tới hóa ra không rộng lắm nên cũng không rõ là trên ấy có bao nhiêu xác chết. Chỉ có điều là lờ mờ trông thấy trong đó có xác thì trần truồng, có xác thì mặc quần áo. Dĩ nhiên hình như trong đó cũng có cả xác đàn ông lẫn với xác đàn bà. Và tất cả những xác chết ấy đều như những hình nhân nặn bằng đất sét, miệng há hốc, tay thò ra, nằm lẩn lóc trên sàn, thật không ngờ trước đó đã từng là những con người có sự sống. Hơn nữa những phần thân thể nhô cao như vai và ngực phản chiếu ánh lửa mơ hồ đổ bóng xuống làm cho những phần thân thể thấp hơn càng thêm u tối, lặng thinh câm nín ngàn đời.

Gã nô bộc vội bịt mũi vì mùi hôi thối của những xác chết đã rữa nát ấy. Nhưng chỉ trong một phút sau đó, bàn tay ấy đã quên cả bịt mũi lại. Đó là vì một cảm xúc vô cùng mãnh liệt đã cướp trọn khứu giác của gã đàn ông này.

Lúc ấy lần đầu tiên mắt gã nô bộc mới nhìn thấy có bóng người lom khom giữa đồng xác chết. Một bà lão mặc chiếc áo kimono màu nâu vỏ dẻ, thấp bé, gầy gò, đầu tóc bạc phơ như một con khỉ. Bà lão ấy tay phải cầm một mẫu gỗ thông để đốt lửa, đang nhìn như soi vào mặt một trong những cái xác chết. Mái tóc dài cho thấy có lẽ đây là xác của một người đàn bà.

Hết sáu phần là hoảng sợ, bốn phần còn lại là tò mò, nên lúc ấy gã nô bộc đã quên cả sợ. Nếu mượn lời cổ thư thì đó là gã nô bộc cảm thấy như tóc trên đầu mình đang dựng đứng cả lên. Bấy giờ bà lão đặt mẫu gỗ thông xuống sàn gác, rồi đưa hai tay lên đầu của xác chết mà nãy giờ bà vẫn nhìn chăm chú, làm như thế khi mẹ đang bắt chấy cho khỉ con, bà bắt đầu nhổ từng sợi của mái tóc dài ấy. Những sợi tóc dường như cứ thế rụng ra theo bàn tay của bà lão.

Nhìn từng sợi tóc rụng dần, nỗi kinh hoàng cũng biến dần trong lòng gã nô bộc và đồng thời, dần dần mỗi lúc gã cảm thấy căm giận bà lão này hơn. Ồ không, nói rằng đó là lòng căm giận đối với bà lão này thì có lẽ là không đúng. Mà đúng ra đó là mối ác cảm đối với tất cả những điều ác trên đời, cứ mỗi lúc một bùng lên mãnh liệt trong lòng gã. Lúc này nếu có ai lại đem chuyện nên chịu chết đói hay nên thành kẻ trộm mà gã đàn ông này đã nghĩ đến khi còn ở dưới cổng lúc nãy ra hỏi lại gã, thì có lẽ gã đã trả lời ngay không một chút nuối tiếc rằng gã sẽ chịu chết đói. Lòng căm ghét cái ác của gã đang bùng lên mãnh liệt như thế đó, giống như mẫu gỗ thông đang cháy mà bà lão để trên sàn kia.

Dĩ nhiên gã nô bộc không biết vì sao bà lão lại nhổ tóc của xác chết. Vì thế không biết có thể quy kết rằng đây là một việc thiện hay ác, một cách rạch ròi phân minh hay không. Thế nhưng đối với gã nô bộc này thì, chỉ nội chuyện nhổ tóc của xác chết trên gác cổng Rashomon trong

đêm mưa hôm nay cũng đã đủ thành một điều ác không thể nào tha thứ được. Dĩ nhiên, gã nô bộc cũng đã quên rằng mãi cho đến lúc này thì chính gã cũng đã có ý định trở thành quân trộm cắp đầy thôi.

Thế là gã nô bộc bỗng bước thật mạnh trên chiếc cầu thang và leo lên gác. Rồi vừa đặt tay lên thanh đao, gã vừa bước vài mấy bước đến trước mặt bà lão. Đương nhiên là bà lão hết sức ngạc nhiên.

Bà lão nhìn thấy gã nô bộc thì giật bắn cả người, như thể tên vừa bị bắt khỏi nỏ.

- Mụ kia, mụ định chạy đi đâu?

Gã nô bộc chặn đường bà lão đang bị vấp phải xác chết khi bà hốt hải tìm đường chạy trốn, và quát mắng như thế. Bà lão vẫn cố gạt gã ra để chạy đi. Gã nô bộc lại đẩy bà lão lui lại, cố không cho bà chạy thoát. Hai người chẳng nói chẳng rằng cứ giằng co xô đẩy nhau như vậy giữa đồng xác chết. Nhưng thắng bại thì đã rõ ngay từ đầu. Cuối cùng gã nô bộc nắm lấy cánh tay bà lão bẻ vặn sang một bên, cánh tay chỉ còn đúng có da bọc xương như một cái chân gà.

- Mụ làm gì ở đây này giờ? Nói nói ngay không thì mụ biết tay ta!

Gã nô bộc bỗng thành linh gạt bà lão ra, tay rút đao ra khỏi vỏ, khua thanh đao bằng thép sáng loáng trước mắt bà lão. Thế nhưng bà lão vẫn làm thinh. Hai tay bà run lấy bầy, vai co lại thở dốc, hai mắt mở trừng trừng tưởng chừng con người sắp văng ra ngoài, và bà vẫn một mực nín thinh như thể một người câm. Thấy thế, gã nô bộc chợt hiểu rõ rằng mạng sống của bà lão này giờ đây hoàn toàn ở trong tay mình. Nghĩ đến đây sự căm ghét đang bùng cháy trong lòng gã này giờ chẳng mấy chốc đã dịu xuống. Và rồi sau đó chỉ còn lại sự đắc ý dễ chịu, hài lòng vì làm được một việc, và đã hoàn thành công việc ấy thật mỹ mãn. Gã nô bộc cúi nhìn bà lão, hạ giọng nói:

- Ta chẳng phải là sai nha coi việc xét xử gì cả, mà chỉ là khách qua đường đi ngang qua dưới cổng này chiều nay. Vì vậy ta không trói mụ hay làm gì mụ đâu. Thế nhưng, mụ làm gì trên gác này này giờ, mụ chỉ cần kể cho ta nghe là đủ rồi.

Bây giờ đôi mắt đã mở to của bà lão lại càng trợn lên nhìn chòng chọc vào mặt gã nô bộc. Vành mắt đỏ lôm, bà lão nhìn gã bằng đôi mắt sắc như của loài cú vọ chuyên ăn thịt. Thế rồi đôi môi nhăn nheo và hầu như đã dính liền với mũi khê động đập như đang nhai cái gì. Cục yết hầu xương xẩu nhọn hoắt chạy lên chạy xuống trên cổ trông thấy rõ. Đúng lúc đó, từ trong cái cổ họng ấy phát ra một thứ âm thanh nghe như tiếng quạ kêu, hỗn hển lọt vào tai gã nô bộc.

- Ta định nhổ những sợi tóc này, nhổ những tóc này để kết tóc giả.

Gã nô bộc thất vọng vì câu trả lời của bà lão không ngờ lại tầm thường quá. Trong lúc thất vọng như thế thì đồng thời, lòng căm giận lúc này cùng với sự lạnh nhạt khinh bỉ lại ùa vào lòng gã. Bà lão có vẻ cũng nhận ra được điều đó. Một tay vẫn còn cầm mớ tóc dài mới nhổ vừa đoạt từ xác chết, bà lão lẩm bẩm, nghe như một con cóc góm ghiếc đang ộp oạp trong miệng như sau:

- Ừ, thì cho là nhổ tóc của xác chết như thế này có lẽ ác lắm cũng không chừng đấy. Nhưng lũ người chết đang nằm đây cũng toàn là một bọn đã làm những chuyện đáng để bị như thế. Như con đàn bà mà ta đang nhổ tóc của nó đây, nó đã bắt rắn chặt ra thành từng khúc đem

phơi khô mà bảo đó là cá khô, đem bán cho bọn lính gác ở Đông Cung. Nếu nó không bị bệnh dịch mà chết thì bây giờ có lẽ nó cũng đang đi bán đấy. Ấy thế mà cá khô của nó bán lại có tiếng là ngon, không lần nào mà bọn lính tráng không mua về ăn. Ta không nghĩ rằng việc con đàn bà này làm là điều ác. Vì không làm thế thì chết đói, chẳng qua là bất đắc dĩ thôi. Đã vậy, thì bây giờ cũng thế ta cũng không cho rằng điều ta đang làm là điều ác. Vì nếu không làm như vậy sẽ phải chết đói, đó chẳng qua chỉ là một điều bất đắc dĩ mới phải làm đấy sao. Vì thế con đàn bà này cũng đã biết rõ rằng có những điều bất đắc dĩ mới phải làm, cho nên có lẽ nó cũng bỏ qua cho việc mà ta đang làm.

Bà lão nói đại khái như thế.

Gã nô bộc tra đao vào vỏ, vừa chặn tay trái lên chuôi đao, vừa nghe câu chuyện của bà lão với vẻ lãnh đạm. Tai nghe mà bàn tay phải vẫn mân mê mụn trứng cá lớn đang mưng mủ đỏ lôm trên má. Thế nhưng, trong lúc nghe bà lão nói như thế lòng gã dần dần trở nên can đảm hơn. Đó là sự can đảm mà lúc này khi còn ở dưới cổng gã còn thiếu. Và đó là sự can đảm hoàn toàn trái ngược với lòng dũng cảm khi gã leo lên gác của chiếc cổng này và đã tóm lấy bà lão. Gã nô bộc không chỉ không còn phân vân không biết nên đành chịu chết đói hay trở thành kẻ trộm cắp nữa mà trong bụng của gã lúc này, nói thẳng ra là, cái ý nghĩ đành chịu chết đói gì đó hầu như đã bị xua đi mất tiêu, khiến gã như không còn bận tâm gì về điều ấy nữa.

- Ra thế! Chắc phải thế!

Bà lão vừa kể xong, gã nô bộc cười khẩy nói như tự nhủ. Và rồi, gã bước tới một bước, tay phải bỗng rời cái mụn trứng cá trên má, gã nắm lấy cổ áo bà lão gần giọng nói:

- Vậy ta có lột áo của mụ thì mụ cũng đừng cứ oán trách gì nhé. Vì ta mà không làm thế này thì cái thân ta cũng chết đói thôi.

Gã nô bộc lột phắt cái áo của bà lão. Đoạn gã tàn nhẫn đá bà lão, còn đang cố ghì lấy chân gã, khiến bà ngã lăn ra trên những xác chết. Chỉ độ dăm bước là đến miệng cầu thang. Gã nô bộc cắp chiếc áo kimono màu nâu vỏ dẻ vừa tước đoạt của bà lão vào nách, chỉ trong chớp mắt gã đã theo chiếc cầu thang dốc tuột xuống đất, rồi mất hút vào bóng đêm.

Một lát sau, bà lão bị ngã tường suýt chết ngóc được dậy, trần truồng giữa những xác chết. Bà cất giọng vừa như lẩm bẩm vừa như rên rỉ, lần theo ánh lửa vẫn còn leo lét bò ra đến miệng cầu thang. Và rồi, từ miệng cầu thang ấy, một cái đầu tóc trắng ngấn ngùn thò ra dòm xuống cánh cổng. Bên ngoài chỉ có bóng đêm tối đen như mực.

Chẳng ai biết gã nô bộc ấy đã đi đâu.

(1915)

Dương Thị Tuyết Minh dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Cổng Rashomon, ở cực nam con đường chính Suzaku (Chu Tước). Đường Suzaku hiện nay là Sembon dori.

[\(2\)](#) (Heian), tên gọi thời đại dài khoảng 400 năm của Nhật Bản, từ khi kinh đô được dời về

Heiankyo (Kyoto ngày nay) vào năm 794.

Cái mũi

(Hana)

Lời người dịch:

Là một nhà văn nổi tiếng nhưng Akutagawa Ryunosuke không bao giờ viết truyện dài. Tuy vậy, hầu hết tác phẩm của ông rất độc đáo, đưa ông lên vị trí cao trong văn đàn Nhật Bản. Văn ông giàu điển tích, chỉ thấy được trong những tác phẩm nổi danh của Nhật Bản thời cổ. Ngòi bút ông phân tích chi ly tình cảm, niềm vui nỗi buồn, những lo âu, dằn vặt hay ham muốn, những cạnh tế nhị của tâm hồn con người. Khi đọc tác phẩm Cái mũi, văn hào Natsume Soseki, một bậc đàn anh trong giới văn học Nhật Bản đã đưa ngay ra nhận xét: “Cứ viết cho được vài chục bài như vậy đi, tên tuổi con người này sẽ lẫy lừng ngay trong giới văn học”.

Bài này được dịch theo nguyên tác Hana của nhà xuất bản Kadokawa bunko, tái bản lần thứ 33 năm 1984.

Nói đến cái mũi của sư Thiền Trí cả xóm Đuôi Ao không ai là không biết. Nó dài hơn một tấc rưỡi, nằm lòng thông từ trên môi cho đến dưới cằm, đầu đuôi đều to như nhau, chẳng khác gì một khúc xúc xích treo lủng lẳng trên mặt.

Từ khi còn là sa di để chỏm cho đến nay hơn 50 tuổi, đã thành cao tăng được chọn vào cung vua giữ việc tu hành mà trong lòng sư lúc nào cũng canh cánh một nỗi khổ tâm vì cái mũi của mình. Dĩ nhiên, ngoài mặt vẫn cố làm ra vẻ như chẳng có gì lo nghĩ. Nhưng đó chẳng phải vì mình đã là vị sư hết lòng tu hành cho kiếp sau nên lo cho cái mũi thì hóa ra không hay, mà chính vì rất sợ người ta biết tâm trạng mình cứ lo lắng cho cái mũi.

Có hai nguyên do khiến sư luôn rầu rĩ về cái mũi. Thứ nhất là nó dài quá, rất bất tiện. Ăn cơm chẳng ăn một mình được. Ăn một mình thì lỗ mũi sẽ đụng cơm trong bát mất. Cho nên mỗi khi ăn, sư cho đệ tử ngồi kế bên dùng miếng gỗ lớn, bề ngang cỡ ba phân, dài cỡ sáu tấc để nâng cái mũi lên giùm. Việc này thật ra chẳng phải đơn giản đối với sư lẫn đệ tử. Mọi người ở Kyoto đều biết chuyện, có lần một người nâng mũi thay cho đệ tử nhà sư bị hắt xì một cái làm rung tay, khiến cho mũi rớt luôn vào bát cháo. Tuy nhiên, những chuyện đó không phải là lý do chính khiến cho nhà sư khổ tâm vì cái mũi, mà thật ra nhà sư đau khổ vì lòng tự trọng của mình đã bị cái mũi làm tổn thương.

Dân chúng xóm Đuôi Ao cho rằng với cái mũi như thế chắc hẳn nhà sư hạnh phúc vì mình không phải là người thường. Bởi vì chẳng có cô gái nào chịu làm vợ người có lỗ mũi như vậy. Rồi còn có người suy luận rằng chắc vì có mũi như vậy nên sư mới xuất gia. Tuy nhiên, nhà sư thì lại chẳng mấy may nghĩ rằng nhờ đi tu mà giảm bớt được phần nào nỗi sầu muộn do cái lỗ mũi gây nên.

Nhà sư tìm đủ cách khôi phục lại lòng tự trọng bị tổn thương, tích cực lẫn tiêu cực. Trước hết, nhà sư cố làm sao để cho cái mũi thấy ngắn hơn thực tế. Những lúc chẳng có ai, sư nhìn vào gương quay qua quay lại đủ kiểu để ngắm. Rồi có lúc cảm thấy không yên tâm lắm nên chỉ cố thay đổi vị trí khuôn mặt, nhà sư còn tìm nhiều cách khác như chống tay vào má, tỳ ngón tay vào cằm... để ngắm nghía. Thế nhưng chưa lần nào nhà sư thỏa mãn là thấy mũi mình ngắn

hơn. Thậm chí vì phiền muộn quá, đôi khi ngược lại thấy mũi lại dài hơn. Những lúc đó, nhà sư cất gương vào hộp, lặng lẽ thở dài rồi miễn cưỡng trở lại bàn tụng kinh Quan Âm.

Từ đó, nhà sư luôn để ý đến mũi người khác. Ngôi chùa ở Đuôi Ao thường xuyên có thuyết pháp. Trong chùa, nhà ở san sát nhau, các vị sư luôn nấu nước hàng ngày. Do đó đủ mọi hạng người ra vào chùa từ tăng lẫn tục. Sư Thiền Trí kiên nhẫn quan sát khuôn mặt từng người, những mong sẽ gặp được ai đó có cái mũi giống mình để tự an ủi phần nào. Con mắt nhà sư chẳng thèm để tâm đến quần áo của mọi người, nhất là mũ áo của sư sãi thì đã thường quá, chẳng lọt vào mắt. Tóm lại sư không nhìn người mà chỉ nhìn mũi. Trong số người qua lại, cũng có người mũi quặp như mũi kút, thế nhưng tuyệt nhiên không ai có mũi giống như của mình. Cứ thế, ngày qua ngày, sư lại càng buồn thêm. Chính nỗi buồn miên man đó đã khiến cho lúc nói chuyện với người khác sư cứ vô tình rờ vào đầu mũi mà đỏ mặt thẹn thùng thấy chẳng xứng với cái tuổi đã ngoại ngũ tuần.

Cuối cùng, sư cố tìm trong kinh điển và cả sách vở ngoài đời xem có ai có mũi giống mình không để gọi là đỡ buồn đôi chút. Nhưng không thấy kinh điển nào ghi Mục Kiền Liên hay Xá Lợi Phất có mũi dài cả. Long Thọ, Mã Minh cũng là bồ tát có lỗ mũi bình thường. Khi nghe chuyện Lưu Huyền Đức của nhà Thục Hán có tai dài, sư thầm nghĩ phải chi đó không phải là tai mà là mũi thì đỡ khổ cho mình biết bao nhiêu.

Không cần phải nói cũng biết rằng ngoài các biện pháp tiêu cực như vừa kể, sư còn tích cực tìm cách làm cho mũi ngắn đi. Về mặt này, sư cũng đã làm hết cách. Từ nấu trái bình bát để uống cho đến lấy nước đá chuột quẹt lên mũi. Nhưng dù làm cách nào đi nữa, cái mũi vẫn nằm dài lủng lẳng trên mặt hơn một tấc rưỡi.

Thế rồi vào mùa thu năm nọ, có một đệ tử đi lên kinh đô làm công việc cho nhà sư đã được một y sĩ quen biết chỉ cách làm cho cái mũi ngắn. Y sĩ đó nguyên là người từ Trung Quốc đến tu ở chùa Trường Lạc. Tuy nhiên, sư Thiền Trí cố tình không thử ngay phương pháp đó, mà giả bộ như mọi khi là làm như chẳng quan tâm đến cái lỗ mũi của mình. Mặt khác, mỗi khi ăn cơm, sư đều nhẹ nhàng nói rằng thật khổ tâm vì đã làm phiền đệ tử quá. Đương nhiên trong lòng thì vẫn chờ đệ tử thuyết phục mình dùng thử phương pháp đó. Phía đệ tử cũng chẳng phải không biết tâm trạng của sư. Thế nhưng đệ tử không ghét mà còn thương tình khi thấy sư phải cố tình làm như thế. Đệ tử bèn đem ba tấc lược ra khuyên sư hãy thử phương pháp vừa học được. Thế là cuối cùng sư đã nghe theo lời khuyên nhiệt tình của đệ tử. Phương pháp này thật ra vô cùng đơn giản: dùng nước nóng chần mũi rồi cho người đập lên. Nước nóng thì đã có sẵn, hàng ngày vẫn được đun trong bếp. Vị đệ tử bèn đi vào bếp lấy chậu nước nóng mang ra. Nước nóng đến nỗi không thể cho ngón tay vào được. Do đó, nếu cho mũi thẳng vào trong nước này thì không khéo hơi nóng bốc lên sẽ làm phỏng mặt. Vị đệ tử bèn lấy nắp đục lỗ đặt lên chậu rồi đút mũi sư vào chậu qua cái lỗ đó. Chỉ cho mũi vào chậu nước nóng như thế thì sẽ chẳng thấy nóng. Được một lúc vị đệ tử lên tiếng:

- Chắc là đã chần xong rồi?

Sư cười đau khổ nghĩ rằng nếu ai có nghe hỏi như thế thì cũng chẳng làm sao biết được đó là câu chuyện về cái mũi. Mũi hấp trong nước nóng cảm giác rất nhột nhột giống như bị rận cắn. Sư nhắc lỗ mũi còn ngút khói ra khỏi chậu nước nóng để lên sàn cho đệ tử co hai chân đập lên. Sư nằm nhìn cặp chân đệ tử co lên đập xuống ngay trước mắt mình. Vị đệ tử nhìn xuống cái

đầu hói của nhà sư, thỉnh thoảng thoáng vẻ tội nghiệp hời:

- Thầy có đau lắm không? Y sĩ bảo là đập cho mạnh. Chắc là đau lắm phải không?

Sư định lắc đầu ra dấu không đau. Thế nhưng lỗ mũi bị đập nên cái cổ chẳng nhúc nhích được. Sư bèn nhướn mắt lên nhìn cái chân nứt nẻ của đệ tử vừa trả lời như giận dữ:

- Chẳng có đau.

Thật ra mũi ngứa mà được đập như thế thì thay vì đau, nó lại có cảm giác dễ chịu hơn. Đập một lúc thì xung quanh mũi xuất hiện những đốm như hạt kê, trông giống như con chim bị vật lông mà quay. Thấy thế đệ tử thôi đập, lăm bắm như thầm nói với mình:

- Y sĩ bảo dùng cây nhíp để vật bỏ.

Sư bèn phùng má lên như có vẻ không bằng lòng, để mặc cho đệ tử muốn làm gì thì làm. Không phải là không biết đệ tử tử tế với mình nhưng sư không vui khi thấy mũi mình bị xem như một thứ đồ vật. Gương mặt sư giống như bệnh nhân không tin tưởng bác sĩ mà phải chịu giải phẫu, bất đắc dĩ ngấm nhìn đệ tử dùng chiếc nhíp vật lấy các mụn mủ ở lỗ chân lông trên mũi. Mụn mủ vật ra dài hơn một phân, giống như cọng lông chim.

Một lúc xong, đệ tử nói như thở phào nhẹ nhõm:

- Chần thêm một lần nữa mới được.

Gương mặt sư vẫn lộ vẻ bất mãn, mặc cho đệ tử muốn làm gì thì làm. Chần xong lần nữa lấy ra thì thấy cái mũi đã ngắn lại hơn mọi khi. Thế này thì chẳng khác gì lỗ mũi quặp vẫn thấy. Sư Thiền Trí vừa vuốt mũi vừa đưa mắt bên lên nhìn vào gương do đệ tử mang tới với vẻ ngưỡng ngùng. Mũi, cái mũi dài tận dưới cằm trước kia giờ đây đã rút ngắn lại như chuyện không tưởng, chỉ còn hơi cao hơn môi trên một chút. Những đốm đỏ rải rác trên mũi có lẽ là dấu vết do bị đập mà ra. Thế này thì chắc chắn không còn ai cười nữa. Gương mặt trong gương của sư nhìn gương mặt bên ngoài gương mà nháy mắt cười như mãn nguyện. Tuy nhiên, đó mới là hôm đầu tiên thôi, sư vẫn còn lo âu không biết lỗ mũi có dài ra lại không. Cho nên dù tụng kinh hay ăn uống, mỗi khi có chút rảnh rỗi là sư đưa tay lên sờ mũi thăm chừng. Nhưng nó vẫn ngoan ngoãn nằm phía trên môi, hoàn toàn không có vẻ gì dài ra. Từ đó, mỗi lần ngủ dậy, điều đầu tiên là sư đưa tay lên sờ mũi. Nó vẫn ngắn. Thế là lòng sư thanh thản như đã tạo được công đức chép kinh Pháp Hoa.

Tuy nhiên, chỉ hai ba hôm thôi, nhà sư lại phát hiện một điều lạ lùng. Đó là những võ sĩ thường đến chùa Đuôi Ao lại không nói năng gì cả, chỉ lom lom nhìn lỗ mũi của sư với vẻ mặt càng lạ lùng hơn trước. Chẳng những thế chú tiểu từng làm rút cái mũi của sư vào trong chén cháo, lúc gặp mặt sư ngoài giảng đường đầu tiên còn cúi mặt xuống ráng nhịn cười, nhưng rồi kiềm chế không được phải bật ra thành tiếng. Các chú tiểu lúc nhận chỉ thị trước mặt còn nghiêm túc nghe, nhưng hễ sư vừa quay lưng đi là cứ cười lên khúc khích. Lúc đầu, nhà sư nghĩ rằng đó là do mặt mình thay đổi. Nhưng dần dần thấy rằng giải thích như thế không là chưa đủ. Đúng là các chú tiểu hay sa di cười là vì thế. Nhưng cũng một cái cười mà nó có gì đó khác với lúc mũi còn dài. Có thể bảo vì mũi ngắn trông lạ lùng hơn so với cái mũi dài mà họ đã quen thấy. Nhưng mà nó còn cái gì nữa ấy.

- Trước kia mọi người đâu có cười ra mặt như vậy đâu?

Thỉnh thoảng sư ngừng tụng kinh, nghiêng nghiêng cái đầu hói mà nói lầm bầm. Mỗi lần như thế nhà sư dễ mẫn lại đưa mắt lơ đãng nhìn tấm hình bồ tát Phổ Hiền treo kề bên, nhớ lại lúc mũi còn dài vào bốn năm hôm trước mà âu sầu, giống như cảnh người lâm vào bước túng cùng, tưởng nhớ lại thuở giàu sang sung sướng trước kia. Rất tiếc là sư Thiền Trí không đủ trí tuệ để trả lời được câu hỏi này.

Tâm hồn con người luôn luôn có hai thứ tình cảm mâu thuẫn nhau. Dĩ nhiên không ai lại không cảm thông với nỗi bất hạnh của người khác. Nhưng khi người đó thoát ra khỏi cảnh bất hạnh thì tự nhiên trong lòng lại cảm thấy có cái gì đó không muốn như thế. Nói cường điệu hơn là thậm chí còn muốn cho người đó bị lâm vào cảnh bất hạnh tương tự thêm một lần nữa. Rồi đến lúc nào đó trở nên thù ghét họ, dù không phải cố ý. Mặc dù không hiểu rõ nguyên nhân, nhưng sư lại buồn vì cảm thấy thái độ bàng quan, ích kỷ của những người tăng lữ tục trong xóm Đuôi Ao này.

Thế là càng ngày sư càng gắt gỏng, khó chịu, gặp ai cũng la rầy, cho đến nỗi đệ tử đã giúp chữa mũi cho sư cũng nói xấu rằng:

- Sư Thiền Trí thế nào cùng bị mang tội.

Đặc biệt chú tiểu nghịch ngợm kể trên đã làm cho sư vô cùng giận dữ. Một hôm nọ nghe tiếng chó sủa vang rân, sư bước ra ngoài xem thì thấy chú tiểu đang cầm tấm gỗ dài khoảng sáu tấc đuổi theo con chó xù ốm nhom. Không những chỉ đuổi thôi, chú tiểu còn vừa đuổi vừa la lên: “Đừng để bị đập mũi ghen. Nè, đừng để bị đập mũi”. Sư bèn giựt lấy tấm gỗ trên tay chú tiểu, đập thẳng tay vào mặt chàng ta. Thì ra đó là tấm gỗ đã được dùng để nâng mũi của sư lúc trước.

Thế là sư lại lấy làm hận vì chuyện cái mũi ngắn lại. Rồi một hôm nọ, khi màn đêm buông xuống, gió từ đâu đột nhiên thổi đến làm cho các chuông nhỏ trên tháp reo vang vọng đến bên gối nghe nhức óc. Thêm cái lạnh cắt da nên người già như sư Thiền Trí muốn ngủ cũng không thể nào chợp giấc được. Sư nằm trần trọc trên giường một hồi thì bỗng thấy cái mũi trở nên nhột nhạt khác thường. Đưa tay sờ thì thấy nó hơi sưng lên như ngậm nước, và dường như chỉ riêng có chỗ đó nóng lên thôi.

- Chắc là mình đã bị bệnh vì cố quá sức làm cho mũi ngắn lại.

Sư vừa lẩm bầm vừa đưa tay lên sờ mũi với vẻ kính cẩn như dâng hoa cúng Phật.

Sáng hôm sau sư thức dậy sớm như mọi khi thì thấy cây bạch quả và những cây khác trong sân chùa đã rụng sạch lá trong một đêm. Sân vườn sáng chói như lát vàng. Những giọt sương đêm đọng lại trên hiên tháp làm cho vàng cửu luân trên nóc càng tỏa sáng chói lọi dưới ánh nắng ban mai yếu ớt. Sư mở cửa ra đứng ngoài hiên hít một hơi thật sâu. Đúng lúc đó, có một cái cảm giác gần như sắp sửa bị quên lãng đi lại trở về với sư. Sư lật đật đưa tay lên mũi. Đó không còn là cái mũi ngắn đêm hôm trước nữa, mà là cái mũi dài hơn một tấc rưỡi nằm lòng thòng xuống đến tận cằm như trước kia. Lúc này sư mới hiểu ra rằng mũi đã dài ra như xưa trong vòng một đêm thôi. Đồng thời cái cảm giác phờ phợt giống như khi làm cho mũi ngắn lại được lại trở về trong lòng nhà sư.

- Như thế này chắc không còn ai cười nữa.

Sự tự nhủ thầm trong lòng, vừa để cái mũi dài đong đưa theo gió thu ban mai.

(1916)

Việt Châu dịch

Cháo khoai

(Imogayu)

Lời người dịch:

Nguyên tác tiếng Nhật của Cháo khoai (Imogayu) mà người dịch sử dụng trích từ tuyển tập bỏ túi (bunkoboti) Akutagawa Ryunosuke Sakuhinshu Kaihen (Tuyển tập Akutagawa Ryunosuke cải biên) của Nhà xuất bản Kadokawa Bunko (Tokyo) ấn hành năm 1989.

Tác giả Akutagawa Ryunosuke (1892 -1927) mất đã gần tám mươi năm nhưng văn chương ông vẫn còn tính thời đại và vai trò trên văn đàn của ông đến nay chưa ai thay thế nổi. Cùng với Cống Rashomon, truyện Cháo Khoai dưới đây là cảm nghĩ thống thiết của ông về thân phận con người.

Akutagawa bi quan chẳng khi muốn nói đến cái hụt hẫng của con người lúc sắp đạt được lý tưởng mà lý tưởng chỉ có giá trị khi người ta không đạt đến. Ông lạc quan chẳng khi muốn bảo rằng mọi cuộc đời dù hèn mọn đến đâu cũng đều đáng sống, lý tưởng dù nhỏ nhoi thế nào cũng phải ấp ủ. Tuy nhiên tất cả những đề tài tranh luận đó đã trở thành câu hỏi không lời giải đáp vì trong đêm rạng ngày 24 tháng 7 năm Shorn thứ 2 (1927) Akutagawa đã uống hai liều thuốc ngủ cực mạnh để tự sát, lúc mới ba mươi lăm tuổi. Chỉ mong sao ông sẽ giống như triết gia Đức Arthur Schopenhauer (1788-1860), người mà ông “phao tin” trong tác phẩm Kappa (Xứ thủy quái Kappa) là sau khi tự sát đã thác sinh vào thế giới của loài thủy quái Kappa và vì chán sống ở đấy, đã tự sát thêm lần nữa để trở lại... thế giới loài người.

Chuyện sau đây xảy ra vào cuối năm Nguyên Khánh hoặc đầu năm Nhân Hòa thì phải. Mà thôi, thời hạn hay niên hiệu thật chẳng ăn nhập gì với những gì sẽ được kể đâu. Độc giả chỉ cần biết giùm cho bối cảnh của câu chuyện này là triều đại Bình An^[1] xa lắc xa lơ. Thuở ấy, trong đám thị tùng ở dinh quan nhiếp chính Fujiwara Mototsune có một anh chàng cấp bậc ngũ vị^[2], chức sắc hạng bét, tên Mỗ.

Đúng ra không có quyền viết Mỗ không khổng nhưng khổ nỗi, sách cổ^[3] chỉ để lại chừng đó chi tiết... Hoặc giả một gã đàn ông quá tầm thường như Mỗ không đáng cho người ta phải nhớ tên. Văn nhân thời xưa vốn chẳng thiết tha gì với đám phàm phu tục tử và mấy chuyện vặt vãnh xoay quanh bọn chúng, về điểm này, các nhà viết sách thời xưa khác xa các ông văn sĩ trường phái tả chân Nhật Bản bây giờ. Các cụ ta xưa đâu phải là dân rảnh rỗi... Nói tóm lại trong đám người tùng sự ở cửa quan nhiếp chính Fujiwara Mototsune, có anh mang chức ngũ vị họ Mỗ, chức sắc hạng thấp nhất, nhân vật chính của câu chuyện.

Thần thái của Mỗ ta chẳng có gì khởi sắc. Người đã lùn tịt còn thêm cánh mũi đỏ và hai đuôi mắt xệ. Râu mép dĩ nhiên thừa ba sợi, cặp má lại hóp khiến cho cái cằm choắt đi một cách khác thường. Cặp môi thì... thôi, kể từng thứ một thì biết bao giờ cho hết! Đó là tất cả cái vô cùng bê bối trong tướng mạo ông bạn họ Mỗ của chúng ta.

Mỗ ở đâu chui ra và đến hầu hạ ở phủ Mototsune từ đời kiếp nào, chẳng ai rõ. Điều chắc chắn là không biết từ bao giờ, Mỗ vẫn mặc manh áo khoác bằng vải thô đã bạc màu, đội cái mũ đen nhàu nát, mỗi ngày lặp đi lặp lại phận sự của mình không biết chán. Đến đổi những người nhìn thấy Mỗ bây giờ, không ai tưởng tượng được hẳn cũng có một thời trai trẻ như ai. (Ngũ vị thật ra phải trên bốn mươi). Chẳng thể thiên hạ còn có cảm tưởng cái mũi đỏ vì dạn dày sương gió và ba tí râu cằm để cho ra vẻ kia từ thuở cha sinh mẹ đẻ đã biết nếm mùi những cơn gió luồng thổi tạt qua đại lộ Chu Tước^[4] rồi. Trên từ ông chủ tức quan nhiếp chính Mototsune đến

bọn chặn bờ phía dưới, ai cũng yên chí về điều đó nên không hề thắc mắc.

Một gã đàn ông tướng mạo như thế bị người chung quanh đối xử như thế nào, không cần viết ra mọi người cũng hiểu. Bọn kẻ ăn người ở trong phủ coi anh chàng còn tệ hơn ruồi nhặng. Hữu vị hay vô vị^[5], tất cả đám tiểu lại gần hai mươi người, chẳng ai đếm xỉa đến khi hắn đi ra đi vào. Ngay lúc hắn thừa gửi điều chi, bọn chúng cũng không thềm bỏ dở câu chuyện gẫu đang tán vớ nhau. Đối với chúng, ngũ vị cũng thế như không khí, có đó mà không có đó, chẳng bận mắt ai. Bọn kẻ ăn người làm còn đối xử như thế thì nói chi hàng quan chức trong phủ. Việc họ chẳng coi hắn vào đâu cũng là lẽ thường tình. Đối với ngũ vị, bọn họ giấu đằng sau bộ mặt lãnh đạm một chút ác ý rất trẻ con, có bảo ban gì thì chỉ cần phát tay ra dấu. Nhưng ở đời, ngôn ngữ không phải đặt ra để làm cảnh nên không hẳn lúc nào bọn họ cũng đều phát tay dấu. Nói chung thì tất cả dường như nghĩ rằng đầu óc của ngũ vị lú lẫn nên khi không có việc gì sai bảo, họ thường quét một cái nhìn dò xét từ trên xuống dưới, dưới lên trên, từ chòm mũ màu quạ nhàu nát đến gót đôi dép rơm lệch lạc của anh chàng, cười mũi một cái rồi ngoáy dít quay đi. Trước cảnh tượng như vậy, ngũ vị vẫn không hề tỏ ra tức giận. Gặp bất công mà chẳng cảm thấy bất công để có phản ứng, mới biết anh ta khiếm nhược đến chừng nào.

Bọn đồng sự với ngũ vị càng ngày càng lấn lướt trên chọc. Lớp có tuổi một chút thường đem cái dáng dấp lôi thôi lếch thếch của hắn để khơi mào kho chuyện tiểu lâm, người trẻ hơn thì lợi dụng những lúc đó để trau dồi tài giễu cợt. Trước mắt ngũ vị, bọn chúng đàm tiếu không biết chán về cái mũi đỏ cà chua, hàm râu lún phún, vai áo vải thô khoác ngoài và chiếc mũ màu quạ của anh chàng. Đôi lúc chúng còn đem cô vợ lem cầm mà ngũ vị đã thôi nhau từ năm sáu năm trước cũng như tình tiết lem nhem của ả ta với một ông sư nạt rượu ra mà kháo. Đó là chưa tính đến những lối đùa nghịch trời đánh khác, không đếm hết. Chỉ cần viết ra chuyện bọn chúng lấy ống trúc đựng rượu của ngũ vị^[6], uống cho kỳ hết rồi đá vào đó thì mọi người có thể từ đó tưởng tượng ra bao nhiêu trò khác.

Ngũ vị lại không mấy may xúc động trước những thí dụ mới đưa ra. Bảo “hình như” không xúc động thì có lẽ khách quan hơn. Ai nói mặc sức nói, sắc mặt của anh ta không thay đổi, chỉ lặng im, mân mê mấy sợi râu cầm rồi làm nốt việc đang làm. Ngoại trừ lúc bọn chúng chơi lơ như kết tua giấy trên chòm tóc hay cột dép rơm vào vỏ kiếm thì hắn mới mê mếu một chút, dờ cười dờ khóc lên tiếng “Không được nghe bây!”. Nhìn khuôn mặt và nghe giọng nói đó, bọn mất dạy cũng có lúc chạnh lòng. (Người bị bọn chúng trên chọc không chỉ có một mình ngũ vị với cái mũi đỏ của y. Nhiều người bị chọc ghẹo đã mượn vẻ mặt và giọng nói của ngũ vị để trách móc sự vô tình của chúng). Vì vậy trong thoáng nào đó, cũng có tí thương cảm mơ hồ thấm nhẹ vào lòng của chúng. Nhưng kẻ giữ được lâu dài chút tình cảm đó không có mấy ai. Trong đám hiem hoi còn chút lòng tốt, có một anh vô vị, nghĩa là không chức tước gì. Anh ta người xứ Tanba, hãy còn trẻ, trên mép mới nhú chút ria mềm như lông măng. Dĩ nhiên anh chàng này buổi đầu có bắt chước mọi người, chẳng mặc mớ gì cũng đem cái mũi đỏ của ngũ vị ra chế nhạo. Đến một hôm có dịp nghe “Không được nghe bây!” thì câu trách cứ kia không lúc nào rời khỏi tâm trí anh ta nữa. Từ ấy, trong ánh mắt của anh, ngũ vị là một con người khác. Bởi vì khuôn mặt hom hem, xanh xao và khờ khạo của ngũ vị đã toát ra tất cả uất ức của một “con người” bị đồng loại áp bức. Mỗi lần nghĩ về ngũ vị là anh chàng vô (địa) vị này chợt thấy hiện ra trước mắt mọi thấp hèn của giống người. Cái mũi đỏ vì sương ăn và hàm râu thừa thốt kia tự dung đã đem lại cho anh một chút dịu ngọt trong lòng.

Tình người tốt đẹp chỉ còn sót lại ở mỗi anh bạn ấy. Trừ lúc hưởng chút ngoại lệ trên, ngũ vị vẫn tiếp tục sống cái kiếp chó ghẻ. Ngũ vị ta không có cả lấy một tấm áo nên hồn. Thật tình hắn vốn có cái áo khoác bằng vải thô và cái quần cùng một màu xanh thẫm nhưng đến nay thì màu thẫm kia đã bạc thối thành một thứ màu không biết gọi là xanh hay lam nữa. Cầu vai đã trể xuống, chỗ cài khuy với đường viền hoa cúc biến thành một thứ màu dị hợm, còn gấu quần

thì bên thấp bên cao. Bên trong quần lờ ra cặp chân khẳng khiu chẳng có nổi mảnh hakama[7] che đàng trước. Không đợi đến lời bàn ác nghiệt của bọn đồng liêu, ai mà chẳng tội nghiệp khi thấy cái tướng ngũ vị bước đi hệt như con bò đói đang kéo xe cho một ông chủ đói. Đó là chưa kể thanh đao to bản hẵn đeo hình thù cũng lơ mơ, thép vàng trên cán đã phai mà nước sơn đen vỏ bọc cũng bong ra. Ngũ vị vác cái mũi đỏ kia, lệch xệch đôi dép cũ, cong cái lưng vốn còng sẵn, co rút đi dưới bầu trời lập đông. Bước thấp bước cao, mắt hẵn nhìn phải nhìn trái như đang tìm kiếm vật gì khiến bọn bán hàng rong bên đường cũng tìm cách trêu chọc. Cả những cơ sự như sau lại còn xảy ra nữa chứ!...

Hôm ấy lúc ngũ vị đi từ cửa Sanjobo về phía vườn Thần Tuyền[8] thì bọn trẻ con năm sáu đứa đã tụ tập ven đường, không biết giở trò gì. Tưởng chúng lôi kéo con ngựa con nào chạy vòng vo chơi thì nhìn từ đằng sau mới biết chúng đang thất thông lọng trên cổ một chú khuyển lạc chủ, hùa nhau đánh con vật. Ngũ vị vốn hèn nhát, cho đến nay có đồng tình với ai cũng suy trước tính sau, chưa bao giờ dám tỏ bằng hành động. Tuy nhiên kỳ này, đối thủ là bọn trẻ con nên anh ta bỗng dạn dĩ ra. Ngũ vị sửa soạn một nụ cười cầu tài, bước đến và vỗ vào vai thằng có lẽ là đầu đảng: “Thôi tha cho nó đi. Chó cũng biết đau chứ, mấy em!”. Nghe thế thằng bé kia quay phắt lại, nhướn mắt trừng trừng nhìn hẵn khinh miệt, cái ánh mắt mà ngũ vị đã từng biết khi cấp trên ném vào bản mặt của hẵn lúc không được việc cho họ. “Đừng xía vô chuyện chúng ông!”, thằng bé vừa đặt một chân chắm đất, vừa bĩu môi. “Mắc mớ gì mày hở thằng mũi đỏ!”. Ngũ vị cảm thấy như ăn tát. Thế mà hẵn ta vẫn không dám coi đó là hỗn xược, trong lòng cũng không hề loé lên một tia lửa giận. Hẵn tự trách tại sao can thiệp làm chi vào chuyện chẳng dính dáng tới mình và chỉ mắc cỡ cho bản thân thôi. Hẵn lúng ta lúng túng giấu nụ cười gượng gạo, lảng lảng rảo bước về hướng vườn Thần Tuyền. Sau lưng, bọn trẻ con quàng vai nhau, phùng mang trợn mắt, thè lưỡi làm hề. Dĩ nhiên hẵn không biết chuyện đó, mà có biết thì cái anh ngũ vị chết khiếp này đã làm được gì nào...

Nếu bảo nhân vật chính của câu chuyện này sinh ra đời để cho người ta khinh rẻ chà đạp và không có một ước mơ gì thì không đúng đâu. Từ năm sáu năm nay, ngũ vị hết sức thêm món ăn gọi là cháo khoai. Cháo khoai là cháo trộn với khoai rừng thái thành miếng và ninh nhừ trong nước cốt của một loại sắn ngọt. Thời ấy, món ăn này được coi như ngon nhất trần đời, cỗ bàn của những bậc giàu sang không thể thiếu nó. Do đó chỉ vào dịp tết khách ngày mồng hai Tết trong phủ, mỗi năm chàng Mỗ ngũ vị của chúng ta mới được nếm một lần. Nói là ăn chứ thực tình hẵn chỉ húp được một ngụm nhỏ để tráng sơ cổ họng. Ước mơ duy nhất của hẵn thuở giờ là làm sao ăn được một bữa cháo khoai thừa bửa. Dĩ nhiên hẵn chưa hề thổ lộ giấc mơ này cho bất cứ ai. Tuy bản thân không hề ý thức một cách hẵn hoi rằng ăn một bữa cháo khoai cho đã thêm là giấc mộng bình sinh của hẵn, nhưng có ai bảo hẵn sinh ra chỉ để ngồi đợi một nồi cháo khoai thì chắc không oan tí nào... Con người ta có lúc hiến mất cuộc đời của mình cho một ước mơ, lúc đạt được lúc không, mà nội dung của ước mơ đó chính mình không nắm trọn. Ai mà cười cái điều ngu này là kẻ rớt cuộc chỉ đứng bên lề cuộc đời.

Dầu sao đi nữa, cái mộng tưởng “cháo khoai ăn đã đời” đó đã được thực hiện một cách hết sức đơn giản - và mục đích của truyện Cháo khoai này nhằm thuật lại đầu đuôi sự việc xảy ra.

Một năm vào mồng hai tháng giêng, nhằm lúc tiệc Rinji No Kyaku được thiết ở phủ đệ của Mototsune (tiệc này trùng ngày với tiệc tân niên trong hoàng cung, là dịp quan Nhiếp chính Tế tướng thiết đãi các quan dưới cấp bậc đại thần nhưng nó cũng là một đại yến). Ngũ vị cùng với bọn thị tùng đồng sự có dịp nếm các cỗ bàn thừa. Thời đó chưa có lệ chia cỗ thừa cho người ngoài, bọn vũ sĩ nhà nào nhà nấy họp nhau trên sảnh hưởng lộc mà thôi. Nói là đại yến nhưng vào thời xưa, đồ ăn tuy nhiều mà món ngon chẳng có bao nhiêu, quanh quẩn bánh dày tươi, bánh dày rán, bào ngư hấp, khô chim, cá mùa đông ở Uji, cá chép vùng Omi, cá mè sống xắt lát,

bọc trứng cá hồi, bạch tuộc nướng, tôm to, cam, quýt, quất, hồng khô và trong số đó có cả món cháo khoai đã nói. Mỗi năm ngũ vị lại có dịp thưởng thức món ăn khoái khẩu của hẳn. Vì lúc nào nhân số cũng đông, và vài hớp cháo thật chẳng bỏ dính mép. Năm nay đặc biệt lượng cháo lại ít, chắc thế nên hẳn cảm thấy ngon hơn mọi lần. Sau khi húp xong phần mình, ngũ vị đắm đắm nhìn đáy bát, vừa lấy tay lau mấy giọt cháo dính trên chòm râu, không biết nói một mình hay nói với ai: “Bao giờ được ăn bữa cháo cho đã đời hả ta!”.

- Ông anh ngũ vị chưa ăn bữa cháo nào cho sướng miệng sao?

Ngũ vị ta chưa dứt lời đã có kẻ trêu cợt. Giọng ai lạnh lạnh, tự tin, ra vẻ con nhà võ. Ngũ vị ngẩng cái cổ rụt, lăm lét nhìn về hướng đó. Người đang nói chẳng ai khác hơn là Fujiwata Toshihito, con trai đại thần coi về tài chính Tokinaga Toshihito - là một trang nam tử lưng dài vai rộng, đang húp rượu sùm sụp và nhai mấy hạt dẻ nướng đưa cay. Coi bộ chàng ta đã ngà ngà.

- Tội nghiệp quan bác quá nhỉ!

Toshihito thấy ngũ vị ngẩng đầu, bèn thốt ra một câu nói nửa thương hại nửa khinh miệt. Anh ta tiếp lời:

- Nếu muốn, Toshihito này sẽ giúp quan bác xơi bữa cháo đến ngấy mới thôi.

Con chó suốt đời bị bắt nạt thì có ai cho miếng thịt cũng chẳng dễ gì đến chup ngay. Ngũ vị lại phô cái gương mặt dở khóc dở cười cố hữu, hết nhìn Toshihito lại nhìn cái bát không để so sánh.

- Sao, chịu không?

- ...

- Hừ, nói đi chứ!

- ...

Ngũ vị cảm thấy tia mắt đám thực khách đang đổ dồn lên mình hẳn. Trả lời một câu sẽ bị chế nhạo một câu. Hẳn biết nói cách nào chúng cũng giễu cợt được nên hơi chần chừ. Toshihito lặp lại câu hỏi như có ý che chở:

- Muốn sao thì nói đi chứ!

Nếu không nghe thế chắc ngũ vị mãi mãi tiếp tục hết nhìn anh chàng rồi lại nhìn đáy bát. Lúc đó mới nghe ngũ vị đáp:

- Thế còn gì bằng.

Câu trả lời suông đuột của ngũ vị một lúc đã làm cử tọa giật nảy.

- Thế còn gì bằng.

Đã có kẻ nào nhại giọng ngũ vị. Giữa đám mũ áo đang cúi xuống dấy cổ bàn chén bát la liệt thức ăn xanh đỏ đủ màu, bỗng nổi lên trận cười và tiếng nói ồn ào như sóng vỡ bờ. Người cười lớn và có giọng to hơn cả chính là Toshihito.

- Được rồi, mai mốt tôi sẽ mời quan bác.

Vừa nói, hắn ta hơi nhăn mặt một tí. Đã nốc rượu nhiều lại muốn nhin cười nên hắn cảm thấy nghèn nghẹn ở cổ.

- Có được không?

- Thế còn gì bằng.

Ngũ vị mặt đỏ lên, lấp bắp lấp lại câu trả lời và mỗi lần như thế lại gây thêm một tràng cười vỡ chợ. Cả Toshihito cũng không nhin được, cười rung cả hai vai. Anh chàng thô lỗ người miền Bắc này chỉ biết có hai cách sống: một là uống rượu và hai là cười đùa.

May thay thực khách rồi cũng bỏ quên hai người và đổi qua đề tài khác. Mặc dầu ngũ vị là cái đích cho mọi sự chiêm chọc, hình như cử tọa cảm thấy khó chịu khi họ phải dồn tất cả sự chú ý của mình vào cái anh mũi đỏ này. Lúc rượu và thức nhắm bắt đầu cạn, mọi người đang lắng nghe câu chuyện một anh samurai học việc ngu ngơ đút cả hai chân vào một bên bàn đạp bên hông để hòng trèo lên mình ngựa. Riêng chỉ có ngũ vị hầu như chẳng để tâm trí vào mấy chuyện đó vì hai chữ “cháo khoai” đã hợp hồn hắn rồi. Cho dù trước mắt có chim trĩ quay, hắn cũng không buồn đụng đũa, cho dù có bày cơm rượu ngọt^[9], hắn cũng chẳng đưa lên miệng. Ngũ vị chỉ biết đặt hai tay lên đầu gối, sừng sừng đếm từng chân tóc đã dạn dày sương gió, bên lén như gái nhà lành đợi người coi mắt. Đăm đăm nhìn vào cái đáy bát sơn đen, hắn khờ khạo cười một mình.

Thế rồi năm sáu hôm sau, vào một buổi sáng, có hai người đàn ông lặng lẽ sóng ngựa trên con đường dọc theo bờ sông Kamo về hướng Awataguchi. Một người bận bộ quần áo đi săn màu xanh nhạt, bên sườn đeo thanh đại đao, râu tóc đen nhánh. Người kia là một võ sĩ tuổi trạc bốn mươi, gã ta trùm lên người manh áo vải mỏng và khoác áo bằng vải thô dùm đó. Từ dải giầy lưng thắt luộm thà luộm thuộm đến cánh mũi đỏ ướt rượt nước mũi, toàn thân anh ta toát ra một vẻ tội nghiệp. Hai người cuời hai con ngựa chừng ba tuổi, con đầu lông đỏ, con sau lông xám, là loại tuần mã đủ làm cho bọn bán hàng rong và võ sĩ đi đường phải ngoái đầu xem. Đằng sau họ, hai kẻ tùy tùng vác hòm xiểng đang rảo bước để đuổi theo kịp bước ngựa. Không nói ai cũng biết đó là Toshihito và ngũ vị.

Tuy là ngày đông nhưng thời tiết tạnh ráo êm ả. Không có lấy một ngọn gió làm lay động mấy bụi cỏ khô bên bờ sông nơi dòng nước lặng lẽ trôi giữa mấy phiến đá trắng. Vài cây liễu buông cành trĩu lá xuống mặt nước được ánh nắng ngày ve vuốt, in bóng trên đường cái. Dưới mấy cành con, lũ chim chìa vôi quấy đuôi đùa giỡn. Cao hơn vùng lục đậm của rừng Higashiyama, toàn bộ ngọn Hieinoyama hiện ra đầy đặn như hai cánh vai mượt bị sương ăn. Vỏ xà cừ cằn trên yên lấp lánh dưới ánh mặt trời. Hai người khách không thềm ra roi, chậm rãi cho ngựa nhắm hướng Awataguchi.

- Mạn phép hỏi tôn ông đưa tôi đi tận đâu?

- Gần đây thôi, không đến nỗi xa như quan bác nghĩ.

- Thế chắc chung quanh vùng Awataguchi thôi nhỉ?

- Quan bác cứ tạm xem như thế là được.

Sáng nay khi rủ rê ngũ vị, Toshihito chỉ nói sẽ dẫn hắn đi xem một ngọn suối nước nóng mới phun ở vùng Higashiyama thôi. Anh ngũ vị mũi đỏ thật tình nghe theo. Lâu ngày không được tắm suối, thân thể đã cảm thấy ngứa ngáy. Nếu vừa có cháo khoai xơi lại có nước khoáng để ngâm thì hạnh phúc nào bằng. Nghĩ tới đây hắn đã thấy Toshihito tiến đến, đành phải thúc

con ngựa xám theo lên. Tuy thế từ lúc cùng ra roi tới giờ, coi bộ Toshihito không hề có ý dừng chân ở gần nơi đây. Chẳng biết từ lúc nào, hai người đã bỏ Awataguchi lại đằng sau.

- Ủa, đây không phải là Awataguchi?

- Mình vừa đi ngang qua đó đây.

Toshihito vừa nén nụ cười, cố ý tránh cái nhìn của ngũ vị, lẳng lặng rong cương. Nhà dân hai bên đường đã bắt đầu thưa thớt và giờ đây, trên cánh đồng hoang trải rộng dưới trời đông, chỉ có vài con quạ lẻ kiếm mồi. Chút tuyết nhờ núp vào bóng núi vẫn chưa tan đang bốc hơi nước như những đợt khói xanh. Tuy ngày tạnh ráo nhưng cảnh những ngọn thù du trơ trụi chọc thủng nền trời đến nhức mắt không khỏi làm khách đi đường gầy lạnh.

- Thế mình đã đến quăng Yamanashi chưa ông nhỉ?

- Yamanashi hử, còn hơi xa chút xíu.

Nói thì nói chứ vừa vặn lúc đó, họ đã qua búng Yamanashi. Rồi không biết tự bao giờ, họ đã bỏ cả Sekiyama lại đằng sau, qua giờ Ngọ, địa đầu vùng Miidera đã hiện ra. Trụ trì chùa Miidera vốn là chỗ tương đắc với Toshihito. Hai người vào thăm nhà sư, xin thụ trai. Cơm nước xong, khách lại tiếp tục ra roi. Quăng đường này so với đoạn trước lại càng hoang vắng. Thời buổi đó rất đổi nhiều nương, đạo tặc như ong. Ngũ vị rứt thêm cần cổ, nhìn Toshihito dò hỏi:

- Vẫn còn xa hử ông?

Toshihito mỉm cười, nụ cười của một đứa trẻ chơi trò tinh nghịch bị người lớn bắt gặp. Nếp nhú ở cánh mũi và bắp thịt dưới mắt đang giãn ra chứng tỏ anh ta chần chừ, nửa muốn cười nửa không. Thế xong, anh ta đáp một mạch:

- Thực tình tôi muốn đưa bác đến Tsuruga cơ!

Toshihito cười, trở roi ngựa về hướng chân trời xa. Phía roi trở đã thấy mặt hồ Omi loáng bạc dưới ánh mặt trời.

Ngũ vị đâm ra hoang mang:

- Tsuruga nào, có phải Tsuruga mãi Echizen không? Cái xứ Echizen đó nó...

Chuyện Toshihito từ ngày làm rể tay hào tộc vùng Tsuruga là Fujiwara Arihito, lại vẫn thường về đây chơi là điều ngũ vị không phải không nghe nói. Tuy nhiên phải theo anh tới tận Tsuruga là điều đến giờ phút này hẳn thật chưa hề nghĩ tới. Lý do thứ nhất là xứ Echizen đường xa diệu vợi, thứ hai chỉ dắt hai người tùy tùng thì biết có tới nơi an toàn hay không. Chưa kể độ này thiên hạ đồn đại cường đạo vùng này giết người như ngoé... Ngũ vị nhìn Toshihito vẻ mặt như van lơn:

- Tưởng là Higashiyama, té ra Yamanashi. Đình ninh là Yamanashi, lại thành Midera. Tôi viết thiếu một chữ i, xin đọc Miidera rồi cục phải đi Tsuruga tận xứ Echizen. Thế là thế nào hử ông? Đúng ngay từ đầu, có phải ông đã chủ tâm kéo tôi đến đó rồi không? Ai đòi đi tận Tsuruga!

Ngũ vị thều thào và thiếu điều bật khóc. Nếu không có câu “cháo khoai ăn đã đời” cổ vũ cho

lòng can đảm thì chắc anh ta đã rẽ cương lối khác trở về Kyoto rồi cũng nên.

- Toshihito tôi một mình sức địch nghìn người. Quan bác chó lo chuyện đường sá.

Nhìn vẻ bối rối của ngũ vị, Toshihito hơi nhú mồm nhưng cả cười. Xong anh ta gọi tên phu khiêng đồ đến, lấy túi tên đeo lên lưng, rút cây cung cứng sơn đen đặt ngang yên, giục ngựa đi trước dẫn đường. Đã đến nước này thì người chết nhất như ngũ vị cũng chỉ biết nhắm mắt tuân theo ý chí sắt đá của Toshihito thôi. Nhìn phong cảnh hoang vu ảm đạm chung quanh, lòng những lo âu, ngũ vị lẩm nhẩm niệm mấy câu kinh Quan Âm còn nhớ chữ được chữ mất, cái mũi đỏ cúi gằm xuống gần chạm yên, để con ngựa bước thấp bước cao đưa mình đi.

Tiếng vó câu âm vang rời rạc giữa một vùng cỏ tranh vàng bạt ngàn điểm dăm ba đầm nước lạnh lẽo phản chiếu bầu trời trong khiến buổi chiều mùa đông như sắp đóng giá. Đàng xa, rặng núi có lẽ đúng hướng mặt trời nên không còn chút tuyết tàn, trái thành một vết tím bầm, chỉ điểm chút màu bạc của mấy bụi lau khô, nhưng mấy gã tùy tùng có thời giờ đâu mà để ý tới những chi tiết ấy... Vừa lúc đó Toshihito đột nhiên, hướng về ngũ vị cất giọng:

- Ấy, sứ giả đến kìa, mình nhắn tin cho Tsuruga đi!

Ngũ vị không hiểu ý nghĩa của câu nói, lo lắng giương mắt nhìn về chỗ Toshihito trở cán cung. Dĩ nhiên phía đó tuyệt không một bóng người. Giữa lùm cây nơi có giống giầy leo như nho dại bò lan, một chú chồn với bộ lông vàng ảm đang chậm bước dưới ánh nắng chiều... Thoắt cái, chồn ta phóng mình vọt chạy. Chỉ vì lúc ấy Toshihito bỗng quất roi, giục ngựa như bay về hướng đó. Ngũ vị không còn hồn vía, chỉ biết đuổi theo Toshihito. Hai người tùy tùng cũng cố theo bèn gót. Trong một chốc, tiếng vó ngựa đập trên sỏi nghe cồm cộp phá tan sự yên tĩnh của cánh đồng rộng, rớt cục, đã thấy Toshihito dừng cương, xách chú chồn trên tay bằng hai chân sau và treo ngược nó bên yên ngựa. Có lẽ chồn ta chạy hết nổi, cùng đường phải nằm bẹp dưới chân ngựa để bị bắt. Ngũ vị vội lấy tay quệt mồ hôi đọng trên bộ râu thưa, tể ngựa đến bên cạnh.

- Đây chồn, nghe rõ đây!

Toshihito kéo chồn lên ngang tầm mắt, ra vẻ kênh kiệu nói:

- Nội đêm nay phải báo dưới ấp có Toshihito sắp xuống Tsuruga, hiểu chưa!

Nói vừa dứt lời, Toshihito đã vung tay ném chú chồn vào bụi cỏ đàng xa.

- Trời, coi nó chạy kìa, coi nó chạy!

Hai người tùy tùng đến giờ mới bắt kịp, nhìn về hướng con chồn đang chạy trốn, vỗ tay khen không dứt. Con thú với cái lưng màu lá úa vượt bờ bụi đất đá, thoăn thoắt trong ánh nắng của buổi chiều vàng. Từ chỗ bọn người đang đứng nhìn, tưởng gần như có thể đưa tay ra bắt lấy được. Họ có cảm tưởng như vậy vì trong khi mãi đuổi theo con chồn, bọn họ đã đến chỗ cánh đồng đồ thoai thoải xuống lòng một con sông cạn, lúc nào không hay.

- Cái ông sứ giả này khó nhờ quá nhỉ!

Ngũ vị bây giờ mới ngẩn mặt nhìn con người vô biên có tài lạ sai khiến cả muông thú kia, buột miệng đưa ra một nhận xét ngây thơ, vừa xu phụ vừa thật tình kính nể. Khỏi phải nói, ngũ vị nhận ra khoảng cách giữa Toshihito và hẳn là một trời một vực, có điều cái ý chí nhỏ bé của

hắn được cái ý chí mạnh mẽ rộng lớn của Toshihito bao bọc làm hắn thấy yên tâm. Sự a dua có lẽ được sinh ra trong những trường hợp như thế này. Nếu từ đây về sau, độc giả có bắt gặp ở đâu thái độ phờng tuồng của anh chàng mũi đỏ thì xin đừng lấy làm kỳ quặc.

Con chồn bị ném kia chạy lẫn cù xuống triền dốc, phóng phom phom giữa mấy phiến đá giăng ngang lòng sông cạn rồi sẵn trớn, trèo cheo chéo lên được bờ bên kia. Vừa chạy nó vừa ngoảnh lại thấy người vũ sĩ đã chụp được mình và đoàn người tháp tùng vẫn còn ghì cương giăng hàng trên bờ dốc bên kia, trông xa nhỏ như những ngón tay sắp bên nhau. Hai con ngựa, một bờm hung đỏ, một bờm xám tắm ánh nắng hoàng hôn, như trôi ra từ đợt sương chiều.

Như dự định, sáng hôm sau mới khoảng giờ Ty, đoàn người đã đến Takashima. Đây là một vùng thôn ỏ nhìn xuống hồ Biwa. Dưới bầu trời nặng mây khác hẳn hôm qua, chỉ có vài nếp tranh lơ thơ rải rác. Cạnh kè đá giữa mấy ngọn tùng là mặt nước hồ xám lạnh gợn chút sóng lăn tăn như một tấm gương lâu ngày bám bụi... Đến quãng này Toshihito mới ngoái lại nói với ngũ vị:

- Này, bác xem, bọn người nhà đến đón chúng mình đó.

Đúng thế thật, một đám trai tráng hai ba người, kẻ đi ngựa người cuốc bộ đang dắt hai thót ngựa đủ cả yên cương, tay áo khoác phần phật trong gió lạnh, từ phía bờ hồ giữa những hàng tùng đang nhanh chân về phía khách. Chẳng mấy chốc bọn họ đã đến nơi, kẻ đi ngựa vội vàng xuống yên, người đi bộ dạt ra quỳ xuống bên đường, ai nấy đều tỏ ra cung kính chờ đợi cuộc viếng thăm của Toshihito.

- Đúng là chồn ta đã làm tròn nhiệm vụ sứ giả thật.

- Giống thú linh thiêng biết biến hóa như loài chồn thì mỗi việc ấy làm gì lại chẳng được.

Giữa khi ngũ vị và Toshihito trao đổi mấy câu như vậy, đoàn bốn người đã đến nơi bọn trai tráng đang chờ.

- Thôi miễn lễ!

Toshihito lên tiếng, bọn người làm đang quỳ bật dậy, hai đứa tiến ra nắm lấy hàm ngựa cho chủ. Bỗng nhiên cả đám náo hoạt hẳn lên:

- Bẩm tướng công, tối qua có chuyện lạ lắm.

Hai người vừa mới xuống ngựa, chân còn chưa chạm đất thì một lão tá điền tóc bạc, mặc chiếc áo khoác màu chàm, đã tiến tới thưa với Toshihito.

- Cái gì mà lạ?

Toshihito vừa chuyển bầu rượu giỗ cơm bọn người làm mới đem đến mời ngũ vị, vừa điềm đàm hỏi.

- Thưa đúng thế thật. Tối hôm qua vào khoảng giờ Tuất, bỗng phu nhân nhà ta chột lẫn ra, nói như người mất hồn: “Ta là hồ tinh ở Sakamoto. Lại đây, vênh tai nghe cho rõ lệnh tướng công truyền cho các người. Ngài với một đoàn đang trên đường xuống ấp. Các người phải thưa với phu nhân là tướng công mời mấy vị khách đến chơi nhà. Ngày mai khoảng giờ Ty, bọn trai tráng nhớ dẫn theo hai con ngựa có đủ yên cương đến Takashima mà đón ngài”. Bẩm phu nhân

bảo chúng con như thế đấy ạ.

- Nếu thế thì đúng là chuyện hy hữu.

Ngũ vị hết nhìn Toshihito lại nhìn bọn tá điền như dò xét rồi phát biểu một câu làm cả hai bên đều hài lòng.

- Phu nhân đâu chỉ có nói bấy nhiêu thôi đâu. Lúc đó bà phát run như cây sậy, rồi còn bảo chúng con: “Đừng quên đấy nhá, không được quên. Chớ để tướng công quả trách ta”, nói được đến đó thì bù lu bù loa.

- Sau đó sự thế thế nào?

- Phu nhân trở lại bình thường và ngủ say như trẻ con. Lúc chúng con khởi hành thì phu nhân vẫn chưa thức giấc.

- Bác thấy sao? Toshihito sai khiến được cả muông thú, có phải không?

Toshihito nghe bọn người nhà kể chuyện, nhìn ngũ vị nói với vẻ tự mãn.

- Thế mà không lạ thì gì mới đáng gọi là lạ đây.

Ngũ vị một tay gãi mũi, đầu hơi cúi xuống một chút, mồm há hốc làm như không còn biết nói gì hơn. Trên râu cằm, chỗ rượu uống khi nãy rót ra đọng lại thành giọt.

Đêm hôm đó, ở một gian trong trang trại của Toshihito, ngũ vị mắt thao láo, nhìn như người mất hồn ánh bắc đèn đêm, trần trọc nằm chờ sáng. Cứ như thế, những sự việc xảy ra cho đến tối hôm qua, từ cảnh Toshihito và bọn tá điền cười nói với nhau, ngược lên cảnh rừng tùng, sông cạn, bình nguyên hoang dã, bóng cây, ngọn lá, đất đá, mùi khói ai đốt giữa đồng không... hiện ra mồn một trong trí ngũ vị. Nhất là cái thấp thỏm đeo theo hần suốt hành trình đã biến đâu mất khi rớt cuộc đặt chân tới sơn trang và nhìn thấy những ánh lửa đỏ bập bùng trong lò than thổi cơm hiện ra sau làn sương xám buổi chiều. Bây giờ nằm ở đây mà tưởng bao nhiêu chi tiết đó đã thuộc về đời kiếp nào. Toàn thân trùm dưới tấm chăn màu vàng độn bông dày đến bốn năm tấc (ta), hai chân duỗi thoải mái, ngũ vị lơ đãng nhìn quanh cái thế nằm của mình. Dưới tấm chăn, ngũ vị còn mặc phủ lên cả hai lớp vải dày màu vàng nhạt mà Toshihito đưa cho mượn. Bao nhiêu lớp như thế thật nóng đến vã mồ hôi. Nhất là trong bữa cơm chiều, hần đã có vài cút rượu nên càng hùng hục. Cách tấm rèm cửa cạnh gối nằm, bên ngoài khu vườn rộng đang chìm trong sương nhưng cái tấm thân đang nằm ấm cúng nơi đây có cảm thấy gì đâu. Tình cảnh này so với những ngày chịu búa rìu của cấp trên ở Kyoto thì như cực lạc so với địa ngục. Tuy vậy, trong lòng ngũ vị lúc này vẫn có mối lo khó hiểu. Một phần, hần thấy thời gian sao mà đi quá chậm, một phần hần lại chỉ mong cho đêm đừng sáng vội để được kéo dài thời giờ chờ đợi nồi cháo khoai. Nguyên nhân của hai thứ tình cảm đang chống chọi lẫn nhau này có lẽ là diễn biến quá nhanh chóng của hoàn cảnh. Sự bồng chồn trong lòng ngũ vị cũng như khí trời hôm đó, muốn lạnh mà còn ngần ngại. Tất cả những thứ đó như làm rộn ngũ vị, khiến cho chăn ấm nệm êm đến thế mà không tài nào hần dễ được giấc ngủ.

Chợt từ ngoài khu vườn rộng, có tiếng ai vọng tới. Nghe giọng mà đoán, có lẽ ông lão tóc bạc đã ra đón đoàn người đang sai bảo ai điều chi. Giọng khô sắc của lão vang vang giữa màn sương, mỗi lời mỗi chữ như cơn lốc xoáy vào xương cốt ngũ vị.

- Tất cả chúng mày, nghe đây. Tướng công ra lệnh cho bọn bay bắt kể già trẻ lớn bé đến sáng mai trước giờ Mão mỗi đứa phải đào cho được một củ khoai rừng vòng ngang ba tấc, dài năm thước (ta) và đem đến nộp tại đây. Ngày mai, trước giờ Mão, nhớ rõ chứ?

Lão già lặp đi lặp lại hai ba lần như thế. Dần dần không nghe rục rịch gì nữa, đêm mùa đông yên tĩnh trở lại. Trong cái yên ắng ấy, chỉ có tiếng reo của ngọn đèn dầu, ánh lửa bập bật như dải lụa đỏ. Ngũ vị nén một cái ngáp, thờ người suy nghĩ... Bảo đào khoai rừng mang đến thì nhất định để nấu cháo thôi. Sự bất an có từ nãy, nhờ tập trung nghe ngóng bên ngoài nên quên khuấy được đi, nay có dịp trở lại xâm chiếm lòng hấn. Nó như ngọn sóng càng lúc càng dâng cao, và nỗi lo âu được mời ăn cháo khoai như thể trâu chọc, không chịu rời đầu óc hấn nửa bước. Nhớ giấc mơ “ăn một bữa cháo khoai cho đã đời” trở thành sự thực thì chẳng hóa ra bao nhiêu năm tháng dài cổ chờ đợi cho tới nay chẳng là vô nghĩa hay sao.

Nếu được thì khẩn sao cho có thương tật gì xui không ăn được cháo và vì không ăn được cháo nên cuộc chiêu đãi này sẽ bị bãi bỏ đi. Ý nghĩ này quay tròn như con vục trong đầu và ngũ vị, có lẽ mệt mỏi vì cuộc hành trình, thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau vừa mở mắt dậy, ngũ vị đã tiếp tục nghĩ đến chuyện cháo khoai tối hôm trước, vội vội vàng vàng vén rèm nhìn ra ngoài vườn. Thì ra ngũ vị đã ngủ quên đến quá giờ Mão, và ngoài đó, trên bốn năm tấm chiếu cót dài đã có hai ba nghìn thanh gươm dài dài, mập tròn, chồng chất lên nhau như núi, gần đụng mái nhà. Nhìn kỹ thì quả thật là những củ khoai rừng vòng quanh thân đo được ba tấc và độ dài phải đến năm thước (ta).

Dụi cặp mắt còn ngái ngủ, ngũ vị đảo mắt nhìn quanh, kinh ngạc đến bối rối. Trên khoảng sân rộng, người ta đã đặt liên tiếp bên nhau năm sáu cái nồi cỡ lớn kê trên những bệ gỗ có lẽ là thân cây vừa mới đẵn. Vài chục người tó gái trẻ áo trắng đang chạy đi chạy lại chung quanh. Kẻ nhen lửa, người thêm than, kẻ khác lại khuân những cái gầu bằng gỗ tạt thi nhau chuyển mật sắn vào nồi. Ai nấy đều chuẩn bị nấu cháo khoai, bận rộn tới lui đến hoa cả mắt. Khói lò và hơi nước từ nồi cháo tỏa ra hòa lẫn với sương sớm chưa tan thành một khối đặc khiến không sao phân biệt cảnh vật trên sân được nữa. Giữa màu khói xám bao trùm lên tất cả là màu lửa đỏ từ phía lò cháy ngùn ngụt. Tiếng động và màu sắc hỗn tạp ồn ào giống như lúc bọn hỏa đầu quân nấu cho đoàn lính ăn ngoài chiến trường. Nhìn cái núi khoai đang từ từ biến thành cháo trong dãy nồi ba mươi kia, ngũ vị thấy mong ước của hấn đang thành hình. Rồi hấn nghĩ đến bản thân, vì thèm ăn cháo mà lặn lội từ Kyoto đến tận Tsuruga trong cái xứ Echizen xa xôi này. Càng nghĩ hấn càng không khỏi hổ thẹn cho mình. Cái lòng thèm ăn của ngũ vị như thể đồng tính với ông chủ của nó, giờ đây, đã hao đi quá nửa.

Chẳng mấy chốc đã đến giờ quàn sáng, ngũ vị đi theo Toshihito và Arihito, ông bố vợ của anh ta, tiến đến bàn ăn. Trên mâm lúc đó chỉ thấy bày một liễn bạc độ chừng một đấu mà hấn đã sợ hãi tưởng nó là cả một biển cháo khoai. Ngũ vị đã chứng kiến cảnh mấy mươi người trai tráng hoa đao bén, nhanh nhẹn khéo léo vạt ngang chặt dọc đám khoai rừng chất đầy thành núi trước hiên nhà. Thế rồi, bọn đàn bà con gái lăng xăng tíu tít hết xúc lại đổ, hết đổ lại xúc trộn đồng khoai vào nồi không chừa một củ. Cuối cùng, khi cái núi khoai kia đã mất dạng để trở lại mấy tấm chiếu cót, ngũ vị lại được nhìn đến no mắt mấy cột khói dày đặc tinh mùi khoai rừng và mùi mật sắn, tỏa lên từ dãy nồi cháo và múa lượn giữa tầng không của buổi sáng đẹp trời. Sau khi đã trông thấy tận mắt từng ấy cơ sự, có lẽ ta sẽ thông cảm được với ngũ vị nếu chưa

húp một ngụm cháo nào mà hần đã cảm thấy no nê... Nhìn liễn cháo, ngũ vị bỗng đưa tay lau mồ hôi trán mà lòng ân hận như người mới làm điều không phải.

- Quan bác chưa bao giờ ăn cháo khoai cho đã phải không? Thế thì cháo đây, tự nhiên xơi cho nhé!

Ông bố vợ của Toshihito hộ bọn tiểu đồng bày lên bàn thêm ít liễn bạc nữa. Liễn nào liễn nấy cũng đầy ắp cháo với cháo. Ngũ vị nhắm mắt mím miệng - cái mũi thường ngày đã đỏ nay lại ửng đỏ hơn - mức khoảng nửa liễn cháo vào tô sành, ráng húp sạch.

- Nhạc phụ tôi đã nói như thế thì bác đừng khách sáo nhé!

Toshihito đặt thêm liễn cháo mới bên cạnh ngũ vị, vừa mời mọc lại vừa cười như trêu cợt. Ngũ vị bị dụ bị đưa đẩy vào một hoàn cảnh khó xử. Nếu cho phép hần “đừng khách sáo” thì tự lúc đầu, hần có lẽ đã không muốn đụng đến cháo dù chỉ để hớp một hớp. Thế mà hần chẳng đã cố gắng ăn được nửa liễn là gì! Nếu ăn thêm nữa thì cháo chưa qua khỏi cổ họng chắc đã bọn dạ rồi. Bụng thì nghĩ vậy nhưng đồng thời lại sợ mình phụ lòng tốt của hai bố con Toshihito. Hần bèn nhắm mắt bặm môi, cố gắng húp thêm được một phần ba của nửa liễn cháo còn lại nhưng không có hơi sức húp thêm ngụm nào nữa.

- Xin thành thực cảm ơn cụ với ông. Tôi dùng như thế đã đủ. Thật hết sức cảm ơn.

Ngũ vị lắp ba lắp bắp nói. Dù giữa ngày đông tháng giá mà mồ hôi rịn ra trên sống mũi và ria mép đã đọng thành những hạt to như sắp sửa rơi.

- Sao quan bác ăn ít thế. Ông khách nhà ta lại ngại ngừng gì nữa rồi. Bọn nhỏ đâu, sao cứ đứng xớ rớ đó?

Lũ tiểu đồng vâng theo lời Toshihito, mức cháo khoai từ trong liễn mới vào tô sành. Ngũ vị quơ hai tay loạn xạ như đuổi nhặng, cực lực thoái thác.

- Thừa thôi ạ, ăn hết nổi rồi. Xin lỗi, ăn thêm không được nữa.

Nếu lúc đó Toshihito không đột nhiên trở tay ra phía ngoài hiên nhà đằng trước và bảo: “Kìa, quan bác xem!” thì Arihito chắc vẫn còn đôn đả mời cháo. May thay, nghe tiếng Toshihito nói, mọi cái nhìn đều đổ ra phía hàng hiên. Lúc đó, mặt trời đang chiếu lên hiên nhà bọc bằng vỏ dứa. Trong ánh nắng lấp lánh, một con vật với bộ lông mượt mà đang nằm phủ phục thoải mái. Để ý mới thấy đó là con chồn ở Sakamoto ngày hôm kia mà Toshihito đã bắt được khi đoàn người băng qua cánh đồng hoang.

- Chồn nó cũng đến xem quan bác xơi cháo đây. Bọn bay đâu, cho nó cái gì ăn đi chứ!

Bọn thủ hạ tuân lệnh Toshihito. Con chồn bèn phóng từ hiên ra ngoài sân và xỏ vào bát cháo khoai.

Ngũ vị ngắm con chồn ăn cháo ngon lành, trong lòng bỗng dưng ra thương nhớ bản thân mình lúc chưa đến chốn này. Đó là cái thằng tôi ngày ở Kyoto mà bọn đồng liêu đem ra làm trò cười, cái thằng tôi bị trẻ con hàng phố thóa mạ “Muốn gì hở mày, thằng mũi đỏ?” Cái thằng tôi thất tha thất thểu như con chó vô chủ trên đại lộ Suzaku trong chiếc áo khoác vải thô và cái quần đã ngả màu, cô độc đến thương tâm. Tuy nhiên cái thằng tôi đó còn có được một mục đích ở đời là đợi cái ngày đạt được niềm hạnh phúc: ăn một bữa cháo khoai thỏa thuê... Giờ đây an tâm là không ăn thêm cháo nữa thì cũng chẳng ai ép uống, mồ hôi đầm đìa trên mặt ngũ

vị đã dần dần khô, bắt đầu từ sống mũi trở đi. Dù trời tạnh ráo, buổi sáng ở Tsuruga vẫn có chút gió lạnh đủ làm rùng mình. Ngũ vị lật đặt đưa tay lên chặn mũi, nhìn về hướng liễn cháo và hắt hơi một tiếng rõ to^[10].

(1916)

Nguyễn Nam Trân dịch

Chú thích:

⁽¹⁾ Nguyên Khánh (Gangyo), Nhân hòa (Ninna) là hai niên hiệu dưới triều Bình An (Heian), một triều đại Trung cổ Nhật Bản kéo dài 400 năm.

⁽²⁾ Ngũ vị (goi), chức quan thấp nhất trong 5 hạng vũ sĩ được phép lên điện.

⁽³⁾ Sách cổ ám chỉ Kim Tích Vật Ngữ (Koniaku - monogatari), quyển 26 chương 17 và Vũ Trị Thập Di Vật Ngữ (Uji Shu - i Monogatari), quyển 1 chương 18. Akutagawa sử dụng tư liệu đã sử của hai tập này để soạn Cháo khoai.

⁽⁴⁾ Đại lộ Chu Tước (Suzaku), tên con đường lớn phân chia thành Hei - an (Kyoto thời Trung cổ) làm 2 phần: tả kinh và hữu kinh. Thành này rập khuôn thành Trường An nhà Đường.

⁽⁵⁾ Hữu vị và vô vị (có chức và không có chức), người dịch muốn giữ cách chơi chữ của tác giả.

⁽⁶⁾ Ống trúc dùng để đựng rượu (Sasae).

⁽⁷⁾ Hakama, mảnh vải như tấm tạp dề (tablier) che trước bụng và chân.

⁽⁸⁾ Shinshen (Thần Tuyền), tên một ngự uyển của Thiên hoàng.

⁽⁹⁾ Cơm rượu (amazake), giống như cơm rượu của ta nhưng ngọt và lỏng loãng hơn.

⁽¹⁰⁾ Hắt hơi là phản ứng tự vệ của cơ thể. Ngũ vị có lẽ khỏe khoắn ra vì hết thắc mắc về “bữa cháo ăn đã đời”.

Chiếc mùi soa

(Hankechi)

Lời người dịch:

Lần đầu tiên người dịch được đọc Hankechi bằng tiếng Việt là khoảng năm 1963 ở Sài Gòn dưới cái tựa Chiếc khăn tay nhưng không nhớ tên dịch giả. Năm 1972, người dịch đã thử dịch từ tiếng Nhật và đăng trên một nội san sinh viên ở Paris. Sau vài lần dọn nhà, bản dịch đó cũng mất. Bản dưới đây dịch từ nguyên tác đăng trong Văn học Nhật Bản toàn tập (A Treasury of Japanese Literature) của Nhà xuất bản Chuō - Kōron (1964), tập nói về Akutagawa. Trong khi dịch, đã tham khảo bản tiếng Pháp do giáo sư Mori Arimasa dịch (Le Mouchoir, trong Rashomon et autres contes, Gallimard, Unesco, Paris, 1965).

Vũ sĩ đạo (Bushido)^[1] là một quy phạm đạo đức của giới quân nhân hình thành cuối thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XII từ cuộc chiến tranh giữa hai họ Tawara và Minamoto thời trung cổ Nhật Bản, phát triển với mạc phủ Kamakura (1185 -1333). Đến thời Tokugawa (1600 -1868), nó kết hợp với tư tưởng Nho giáo và trở thành một định chế chặt chẽ nhằm phục vụ cho chế độ phong kiến, Trung thành, hy sinh, tín nghĩa, liêm sỉ, lễ nghĩa, kiệm ước, đơn sơ, trong sạch, trọng danh dự, yêu võ nghệ, không sợ chết... là những đức tính cần thiết của người võ sĩ được nhắc trong Hagakure (1716), tác phẩm có tính cách kinh điển do đệ tử của Yamamoto Jocho (1659 - 1719) chép lời thầy giảng. Từ đó, dù đúng hay sai, võ sĩ đạo được nhiều người coi như đồng nghĩa với lối sống Nhật Bản.

Chiếc mùi soa là tác phẩm tiêu biểu của Akutagawa Ryunosuke, trong đó, ông đặt lại vấn đề giá trị đích thực của võ sĩ đạo từ một câu chuyện giản dị.

Ngả lưng trên chiếc ghế mây dưới hàng hiên, Hasegawa Kinzo^[2], giáo sư luật khoa Đại học Đế quốc Đông Kinh^[3], đang đọc quyển Luận về kịch nghệ^[4] của Strindberg.

Lĩnh vực nghiên cứu chuyên môn của giáo sư là chính sách thuộc địa nên chắc đọc giả không khỏi chưng hửng khi thấy tả ông ta đang đọc quyển sách về thuật viết kịch. Tuy nhiên, giáo sư vừa có tiếng là học giả lại là nhà giáo dục nên sách vở dẫu không liên quan tới phạm vi nghiên cứu của mình, miễn nó ảnh hưởng đến lẽ lối suy nghĩ và tình cảm của đám sinh viên là giáo sư muốn liếc qua một lần cho biết. Đạo này, chỗ trường Cao đẳng Chuyên khoa nơi giáo sư vừa mới nhậm chức Hiệu trưởng, đám sinh viên đang mê đọc *Từ hổ thám*^[5], *Ý hướng nghệ thuật*^[6] của Oscar Wilde^[7]. Chừng đó lý do cũng đủ làm giáo sư bỏ công ra đọc mấy cuốn trên. Tính giáo sư là thế nên bây giờ có viết là sách ông đang cầm đọc vốn trình bày về các kịch bản và diễn viên làng kịch Âu châu cận đại thì chẳng có gì khiến ta phải lạ lùng. Nếu muốn rõ nguồn cơn thì xin thưa rằng trong đám học trò giáo sư đào tạo, ngoài những cậu viết khảo luận về Ibsen^[8], Strindberg hay Maeterlinck còn có cả những cậu hăm hở muốn theo dấu các nhà soạn kịch cận đại để sinh sống bằng nghề viết kịch nữa kia.

Cứ mỗi lần đọc xong một chương thẩm thía, giáo sư lại để quyển sách bìa bọc vải màu vàng lên đùi, lơ đãng đưa mắt về phía chiếc đèn lồng Gifu^[9] treo dưới mái hiên. Lạ cái là mỗi lần như thế, dòng suy nghĩ của giáo sư bỗng rời khỏi Strindberg lúc nào không biết. Thay vào đó, hình ảnh bà vợ, người đã cùng ông đi mua chiếc đèn lồng, lại hiện ra trong trí. Ông kết hôn trong thời gian du học Hoa Kỳ và dĩ nhiên^[10] bà nhà là người Mỹ. Thế nhưng tình yêu đối với đất nước và con người Nhật Bản của bà chẳng có gì thua kém chồng. Đặc biệt đồ mỹ nghệ khéo léo của người Nhật là những cái bà hết sức yêu thích. Do đó, chiếc đèn lồng Gifu treo dưới hiên nhà chính ra thể hiện sở thích cá nhân của bà giáo chứ không phải do khiếu thẩm mỹ của giáo sư Hasegawa.

Mỗi lần đặt sách xuống, dòng suy tưởng của giáo sư hết hướng về người vợ, về chiếc đèn lồng Gifu, rồi đến nền văn minh Nhật Bản tiêu biểu bằng chiếc đèn lồng này. Theo chỗ ông nhận xét, trong vòng năm mươi năm nay, văn minh Nhật Bản đã có những bước tiến rõ rệt về phương diện vật chất. Thế nhưng về mặt tinh thần mà nói, hầu như không có sự tiến bộ nào đáng kể. Chẳng những thế ở một ý nghĩa nào đó, nó còn thụt lùi nữa. Thế thì nhiệm vụ của nhà tư tưởng bây giờ là phải tìm cách chỉ bảo đường lối thế nào giúp cho Nhật Bản thoát ra khỏi nguy cơ tụt dốc. Theo ông nhận định, không có cách gì khác hơn là dựa vào vũ sĩ đạo, một truyền thống lâu đời. Không nên hiểu vũ sĩ đạo như một thứ đạo đức hẹp hòi và cứng nhắc của một giống dân ở đảo. Ngược lại, trong vũ sĩ đạo, vốn có những giá trị giống y tinh thần Cơ Đốc giáo của các quốc gia Âu Mỹ. Nếu có thể làm mọi người chấp nhận là với vũ sĩ đạo, có thể chấn chỉnh lại trào lưu tư tưởng Nhật Bản hiện đại thì đã có cống hiến lớn lao cho văn minh tinh thần của Nhật Bản rồi. Nhân đó mà tiến xa hơn, làm cho sự giao cảm giữa người Nhật và dân tộc các quốc gia Âu Mỹ thêm dễ dàng, chưa nói đến lợi ích đóng góp cho hòa bình thế giới. Nó phù hợp với ước mơ đóng vai trò chiếc cầu nối hai bờ Đông Tây mà từ lâu giáo sư vẫn thường ôm ấp. Giáo sư vốn suy nghĩ như thế nên ông không khỏi cảm thấy dễ chịu khi nhận ra có một sự cân đối hài hòa giữa ba yếu tố: bà vợ, chiếc đèn lồng Gifu và nền văn minh Nhật Bản tượng trưng bằng chiếc đèn lồng ấy.

Sự sung sướng mà giáo sư cảm nhận cứ trở về không ngừng làm ông tuy vẫn tiếp tục đọc sách mà chợt thấy tâm trí mình đã lãng xa khỏi Strindberg. Ông bực bội lắc đầu và lại chăm chú cúi xuống dán mắt vào những hàng chữ li ti. Vừa vặn lúc đó, đoạn ông đọc tới có viết như thế này:

“Khi diễn viên tìm ra được một kỹ thuật diễn xuất thích hợp để diễn tả một tình cảm thường thức nào đó và thành công với lối diễn xuất đó rồi, họ có thói quen cứ dùng lại nó bất kể trong tình huống nào, có khi vì chuộng sự dễ dãi, có khi vì sự thành công nó đem đến. Đó là cái mà người ta gọi là “kiểu cọ”[\[11\]](#)...

Xưa nay, giáo sư vốn không phải là người rành rẽ về nghệ thuật. Kịch đối với ông như đàn gảy tai trâu. Ngay cả sân khấu truyền thống, từng này tuổi mà ông đã đi xem được mấy lần đâu! Có lần một cậu sinh viên, khi viết tiểu thuyết, nhắc đến cái tên Baiko. Một người tự phụ học rộng nhớ dai như giáo sư mà cũng chịu, không biết nhân vật này là ai. Sau đó, giáo sư có dịp gọi anh chàng sinh viên ấy đến hỏi:

- Nay em, Baiko là ai vậy?

- Thừa thầy, Baiko[\[12\]](#) à? Ông này là kếp thường trực của rạp kịch Đế quốc khu Marunouchi, hiện đóng vai nhân vật trung trình tiết liệt trong hồi thứ mười vở Taikoki[\[13\]](#) đấy ạ.

Anh học trò, mặc cái hakama[\[14\]](#) có sọc của vùng Kokura kính cẩn trả lời thầy.

Do sự kém hiểu biết đó, giáo sư không thể có ý kiến gì về các loại kỹ thuật diễn xuất mà Strindberg đã phẩm bình với một ngòi bút sắc cạnh. Nó chỉ đem đến cho giáo sư chút đỉnh thích thú trong phạm vi những vở kịch mà ông nhớ đã được xem ở phương Tây thời còn du học. Nói cách khác, trường hợp của giáo sư không khác chút nào cảnh một như ông thầy Anh văn bậc trung học, nhân vì đi kiểm vải thành ngữ mà bắt buộc phải đọc kịch bản của Bernard Shaw[\[15\]](#). Tuy cái ích lợi quyển sách đem đến không phải thứ ông muốn tìm nhưng dù sao nó cũng là một thứ ích lợi.

Chiếc đèn lồng Gifu treo lủng trên trần hàng hiên vẫn chưa ai thắp. Và trên chiếc ghế mây,

giáo sư Hasegawa Kinzo nhà ta vẫn đang xem dở cuốn Luận về kịch nghệ của Strindberg. Người viết chỉ cần tả như vậy thiết tưởng cũng đủ giúp độc giả hình dung một cách dễ dàng đó là một buổi xế chiều đầu hạ ngày còn dài lê thê. Tuy nhiên khi nói thế tác giả không có ý bảo giáo sư chán ngán cái gì đâu. Nếu có vị nào giải thích kiểu đó là cố ý đem ý nghĩa câu văn của tác giả bóp méo để mỉa mai đây.

Và bây giờ, cho dù là Strindberg đi nữa, giáo sư cũng đành cho rơi nửa chừng. Tại sao ấy à, là vì cô bé giúp việc vào báo có khách đến thăm làm giáo sư chột mắt đi cái hứng thanh tao. Cho dù ngày có dài đến đâu, coi bộ người đời không tìm đến quấy quả giáo sư là họ không chịu được hay sao ấy!

Giáo sư đặt quyển sách xuống, cầm tấm danh thiếp cô bé giúp việc vừa mới đưa vào, liếc qua một lượt. Tấm thiếp màu ngà có ghi mấy chữ Nishiyama Atsuko xinh xắn. Thật tình giáo sư không nhớ đã gặp người mang tên này bao giờ cả. Vừa đứng dậy khỏi cái ghế dựa bằng mây, con người giao thiệp rộng như giáo sư đã thử soát lại cuốn sổ trong đầu ghi tên tuổi tất cả những người quen biết một lần cho chắc. Thôi chịu, không có khuôn mặt nào trùng hợp với cái tên ấy. Giáo sư bèn xen tấm danh thiếp vào giữa quyển sách thay cho thẻ đánh dấu trang, đặt quyển sách lên trên chiếc ghế mây, xong, với thái độ hơi bồn chồn, ông vừa sửa lại tấm áo bằng tơ Minh Tiên^[16] mặc trên người cho ngay ngắn, vừa ngược thoáng nhìn lần nữa chiếc đèn lồng Gifu treo ngang tầm mắt. Thói thường, trong trường hợp như thế này, kẻ nôn nóng không phải là người khách bị bắt chờ mà là chủ nhân bắt khách phải chờ. Huống chi giáo sư là người xưa nay vẫn hết sức cung kính đối với khách dù lạ hay quen, nên không thể lấy cớ người đàn bà hôm nay không quen mà cố ý làm khác đi cho được.

Xem chừng giờ, giáo sư mở cửa phòng khách. Khi tay giáo sư vừa buông khỏi nắm đấm cửa thì hầu như cùng một lúc, khách, một người đàn bà tuổi trạc bốn mươi đang ngồi trên ghế bồng bật dậy. Khách bận chiếc kimono lụa xám ánh lục thật sang trọng mà việc phẩm định chất lượng của nó vượt ngoài cả sự hiểu biết của giáo sư, ở chỗ hơi khấp nhẹ trước ngực áo haori choàng ngoài bằng sa đen, ánh lên một viên bích ngọc hình củ ấu để giữ chiếc thắt lưng, trông thật mát mắt. Một người không mấy tinh tế như giáo sư mà cũng nhận ra ngay bà khách búi tóc tròn theo kiểu Marumage dành cho người đã có chồng^[17]... Bà ta có khuôn mặt bầu bầu và nước da đỏ thắm, đúng là dáng dấp tiêu biểu của bậc mẹ hiền dâu thảo trong xã hội Nhật cổ truyền. Mới nhìn thoáng qua, giáo sư có cảm tưởng đã thấy gương mặt này ở đâu rồi.

- Thưa, tôi là Hasegawa.

Giáo sư vui vẻ cúi đầu chào. Tự giới thiệu như thế thì nếu là người mình đã gặp rồi, thế nào phía kia cũng thông báo trước.

- Dạ, tôi là mẹ cháu Nishiyama Ken.ichuro.

Người đàn bà xưng tên bằng một giọng rõ ràng. Xong, bà lễ phép cúi đầu chào trả giáo sư.

Ai chứ Nishiyama Ken.ichuro thì giáo sư có biết. Chính anh ta là một trong những cậu sinh viên đã viết bình luận về Ibsen với Strindberg. Nếu không lầm thì anh ta chuyên môn về luật Đức nhưng từ khi lên đại học tới nay thường hay đem mấy vấn đề tư tưởng đến thỉnh ý giáo sư. Thế rồi mùa xuân này, anh mắc chứng viêm phúc mạc phải vào nằm nhà thương của đại học. Giáo sư nhân dịp cũng đã vào thăm anh ta một hai lần. Do đó điều ông nghĩ rằng khuôn mặt của bà khách này mình đã có lần gặp ở đâu rồi cũng không phải không căn cứ. Người con trai có cặp mày rậm và tính tình năng nổ kia với người phụ nữ này, quả đúng như cách ví von của người Nhật, dung mạo họ giống hệt nhau như “một quả dưa bồ đôi”. Giống nhau đến mức sùng sốt.

- À, chú Nishiyama. Thế ạ! Thảo nào!

Giáo sư vừa gạt gù vừa chỉ tay về phía cái ghế đối diện bên kia chiếc bàn nhỏ:

- Xin mời bà ngồi.

Người đàn bà trước tiên xin lỗi đã đường đột đến gặp, lại cúi đầu thi lễ, rồi mới ngồi xuống chiếc ghế giáo sư vừa trỏ. Trong lúc làm động tác như thế, bà lấy trong ống tay áo ra một vật gì màu trắng, có lẽ là một chiếc mùi soa. Thấy thế giáo sư vội vàng mời bà dùng cây quạt Triều Tiên trên bàn rồi đến lượt mình ngồi xuống chiếc ghế trước mặt bà.

- Thưa, nhà giáo sư trông đẹp quá ạ.

Người đàn bà có vẻ cố tình đảo mắt nhìn quanh căn phòng một vòng.

- Dạ, chỉ được cái rộng chứ bừa lắm.

Giáo sư vốn đã quen lời chào hỏi kiểu cách như thế.

Vừa vặn lúc đó, cô giúp việc mang trà ướp lạnh ra, giáo sư bảo cô ta để chỗ ngay gần trên bàn trước mặt khách, xong đổi hướng câu chuyện qua mục đích của cuộc thăm viếng.

- Thế chú Nishiyama thế nào? Bệnh tình chú ấy có khá ra không?

- Vâng.

Người đàn bà đặt hai bàn tay lên đầu gối như đang bắn khoăn điều gì. Tiếng của bà đứt ngang, xong mới tiếp tục bằng một giọng trầm tĩnh, thông thả:

- Thực ra, hôm nay tôi đến gặp giáo sư cũng để thưa chuyện của cháu. Từ lúc đó trở đi, chúng tôi vô phương cứu chữa. Lúc còn sống, cháu đã làm phiền giáo sư quá đổi...

Cho rằng người đàn bà chưa đưa tay ra cầm lấy tách trà vì còn ngại ngùng, nên lúc đó, giáo sư đang định đưa tách trà của mình lên môi. Ông nghĩ thay vì mời mọc lời thôi chi bằng cứ cho khách thấy mình uống trước thì họ sẽ làm theo. Thế nhưng tách trà chưa chạm vào bộ râu mép mềm mại của ông thì câu nói bà khách đã thốc vào tai. Uống trà hay là không uống trà? Câu hỏi này thực ra hoàn toàn độc lập với cái chết của người sinh viên kia nhưng trong một khoảnh khắc nó đã làm ông bối rối. Chẳng lẽ cứ nhắc tách lên như thế này, chẳng nhẽ chưa nhấp mà đặt xuống. Nghĩ đến đó, giáo sư không dùng dằng nữa, hóp một hóp cạn đến nửa tách trà, lòng dàu dàu se lại và giọng nói nghèn nghẹn:

- Chao ôi!

- Lúc nằm viện, cháu nó vẫn hay nhắc đến giáo sư cho nên dù biết thời giờ giáo sư quý báu chúng tôi cũng đánh bạo đến để xin phép báo tin cháu và tỏ lòng cảm ơn...

- Tôi thật không dám.

Giáo sư đặt tách trà xuống, tay cầm cây quạt Triều Tiên có những cái nan đánh bóng màu xanh, thừ người:

- Thế không cứu chú ấy được à. Con người thật có số! Đường tương lai còn dài. Lúc sau này tôi không có dịp ghé thăm bệnh viện nên cứ ngỡ chú ấy khá ra rồi... Thế chú ấy mất từ hồi nào vậy?

- Hôm qua vừa đúng một tuần ạ.

- Trong bệnh viện à?

- Thừa phải.

- Thật ai mà ngờ! Tôi nào có hay!

- Dù sao thì việc gì trong tầm tay chúng tôi cũng đã làm hết sức, chỉ biết cúi đầu trước số mệnh. Nhưng mỗi khi nhớ đến cuộc đời của cháu, thật tôi không khỏi than trời trách đất.

Trong khi hai bên đang trao đổi câu chuyện, giáo sư chợt để ý đến một điều kỳ lạ. Nhìn thái độ và cử chỉ của người phụ nữ này, không thấy bà có vẻ gì đang nói về cái chết của con trai mình. Mắt không rung một giọt lệ, giọng nói cũng chỉ là giọng bình thường. Không những thế bên khóe miệng như còn điểm một nụ cười. Nếu không nghe bà ta nói chuyện mà chỉ nhìn dáng dấp bên ngoài thôi, ta chỉ có thể nghĩ bà đang nói chuyện cơm canh trà nước trong nhà. Giáo sư thấy đó là điều ông không tưởng tượng nổi.

Ngày xưa, giáo sư có thời du học ở Berlin. Lúc đó nhằm khi Kaizer[\[18\]](#) William - tức là bố của Kaizer bây giờ, vừa qua đời. Giáo sư nghe tin đó ở một quán cà phê ông hay lui tới và chẳng thấy cảm động gì cho lắm. Thế rồi cũng như mọi ngày, ông tươi tỉnh cắp gậy dưới nách trở về nhà trọ. Đến nơi vừa kịp mở cửa thì đã thấy hai đứa bé con nhà chủ chạy ùa ra bá cổ giáo sư khóc bù lu bù loa. Một đứa là gái độ mười hai tuổi, mặc cái áo len màu nâu, đứa kia là trai mới lên chín, mặc quần xanh nước biển. Giáo sư vốn yêu trẻ con, không hiểu ắt giáp gì cả, chỉ biết vò mái tóc nhàn nhát của hai đứa vừa vỗ về an ủi chúng: "Sao vậy mấy em? Sao vậy hở?" Thế nhưng bọn trẻ vẫn không ngừng khóc. Sau một hồi vờ đi được nổi sầu khổ, chúng mới bảo: "Ông nội đức vua chết rồi, chú ạ!"

Đối với giáo sư, cái chết của một nguyên thủ quốc gia khiến cho cả trẻ con cũng buồn bã như thế là một điều khó tưởng tượng. Thế nhưng không chỉ có liên hệ tình cảm của thần dân đối với vị hoàng đế của họ khiến giáo sư kinh ngạc. Từ khi đặt chân lên các quốc gia phương Tây, qua nhiều dịp mắt thấy tai nghe, giáo sư đã xúc động vì lối bộc lộ rõ ràng xung động tình cảm của người dân bản xứ, và lần ấy, sự biểu hiện nơi mấy đứa trẻ đã làm một người Nhật tin tưởng vào vũ sĩ đạo như ông phải sửng sốt. Ông không bao giờ quên được sự ngạc nhiên pha lẫn đồng tình đã dậy lên cùng một lượt trong lòng ông lúc đó. Nhưng hôm nay, ngược lại, ông cũng ngạc nhiên biết bao thấy người phụ nữ này không có lấy một giọt nước mắt.

Thế nhưng sau phát hiện đầu tiên này, ông lại phát hiện thêm một điều thứ hai.

Câu chuyện giữa chủ khách sau khi xoay quanh mối hoài niệm về chàng thanh niên đã khuất, đến chỗ mấy chi tiết về cuộc sống hằng ngày của anh ta, xong lại quay về với nỗi tiếc thương. Vừa vặn lúc ấy, không biết sai nhịp thể nào mà cây quạt Triều Tiên bất chợt tuột khỏi tay giáo sư và rơi xuống mặt sàn lát gỗ vân. Câu chuyện đang nói dĩ nhiên cũng chẳng phải gấp gáp để đến nỗi phải cắt ngang trong giây lát cho nên giáo sư mới nhào người ra khỏi ghế một chút, cúi xuống và duỗi tay về hướng mặt sàn. Dưới chân cái bàn nhỏ, lá quạt đang nằm bên cạnh bàn chân mang tất tabi[\[19\]](#) trắng và ẩn trong chiếc dép của bà khách.

Khi đó, mắt giáo sư tình cờ nhìn lên khoảng đầu gối của người đàn bà. Hai bàn tay cầm chiếc mùi soa của bà đang đặt trên đầu gối. Chỉ thấy chừng đó chi tiết thì chưa đáng nói là phát hiện gì cả. Thế nhưng cùng một lúc giáo sư nhận ra rằng hai bàn tay ấy đang run lẩy bẩy. Không biết bà khách đang dồn hết sức lực để đè nén tình cảm đang dấy lên mãnh liệt hay sao mà hai bàn tay bà ghì chiếc mùi soa chặt đến nỗi thiếu điều làm nó muốn rách ra. Thế rồi, từ giữa

những ngón tay mềm mại đang nắm chiếc mùi soa lụa vò đến nhàu kia thoảng ra một âm thanh nhẹ như gió thoảng làm lay động chỗ viền thêu xanh lục. Người phụ nữ kia, ngoài mặt như thể tươi cười nhưng từ khi nãy đến giờ, chính ra toàn thân bà đang nức nở.

Sau khi nhặt xong chiếc quạt và ngẩng đầu lên, giáo sư có một vẻ mặt khác hẳn từ đầu buổi gặp gỡ đến giờ. Một phần là sự ngượng ngùng và kính cẩn vì đã trót thấy một cái gì đáng lẽ mình không nên thấy, hai là sự hài lòng về điều mình vừa khám phá. Tuy gương mặt làm ra tảng lờ một chút nhưng đó là biểu hiện của tình cảm phức tạp nói trên kèm theo ý thức muốn phô bày sự hài lòng đó.

- Thưa bà, tuy không có con nhưng tôi cũng thông cảm được với sự đau xót của bà.

Như người đang nhìn phải cái gì làm lóa mắt, giáo sư ngẩng đầu lên cao và hất cổ ra sau, thốt ra câu nói với giọng nhẹ nhẹ và u buồn.

- Chúng tôi hết sức cảm tạ lòng quý hóa của giáo sư. Nhưng nay chuyện đã qua rồi, còn biết thưa với giáo sư thế nào bây giờ...

Bà khách cúi đầu ngỏ lời. Thế nhưng trên khuôn mặt thanh thản kia vẫn điểm một nụ cười nhẹ.

*

Thế rồi hai tiếng đồng hồ sau, giáo sư khi đã đi tắm, dùng cơm chiều và nhót mấy quả anh đào tráng miệng xong, lại thủng thỉnh ra buồng người lên chiếc ghế mây kê dưới hàng hiên.

Buổi chiều một ngày hạ dài, ánh sáng sâm sẫm vẫn còn đọng chưa đi. Trên hàng hiên rộng mà cửa kính nhìn ra ngoài vườn mở toang, trời chưa dễ dàng chịu tối hẳn. Trong ánh nắng yếu lịm, giáo sư, chân trái gác chéo lên chân phải, vừa dựa đầu vào thành ghế mây vừa lơ đãng ngắm tua dây đỏ kết dưới chiếc đèn lồng Gifu. Quển Strindberg kia, giáo sư cầm trên tay từ nãy giờ nhưng chưa buồn giở ra xem lấy một trang. Chuyện cũng dễ giải thích! Đầu óc của giáo sư bây giờ hãy còn đầy ắp hình dáng và cử chỉ của bà Nishiyama Atsuko.

Trong lúc dùng bữa cơm chiều, giáo sư có kể cho phu nhân nghe một phần câu chuyện xảy ra. Nhân đó ông tỏ ra tán thưởng tinh thần vũ sĩ đạo của người đàn bà Nhật Bản. Phu nhân vốn yêu nước Nhật và người Nhật nên dĩ nhiên chỉ biết đồng ý với chồng, về phần giáo sư, ông cũng mãn nguyện vì có một người sốt sắng chịu lắng tai nghe mình như bà giáo. Cả phu nhân, bà khách ban nãy và chiếc đèn lồng Gifu, bây giờ đã hiện ra trong trí giáo sư như một tổng hợp ba phần lồng trong một khung cảnh đạo lý.

Không biết giáo sư đã chìm đắm trong dòng hồi tưởng như thế một khoảng thời gian dài đến bao lâu. Thế nhưng sau đó ông chợt nhớ ra việc một tạp chí mời ông viết bài. Tạp chí đó đưa ra đề tài “Thư gửi cho lớp trẻ hôm nay” để các vị có tên tuổi khắp nơi có thể trình bày quan điểm của mình về vấn đề đạo đức nói chung. Giáo sư vừa gãi đầu vừa nghĩ chi bằng ta lấy ngay tư liệu từ câu chuyện xảy ra hôm nay mà trình bày cho độc giả cảm tưởng của mình xem sao.

Bàn tay gãi đầu của giáo sư lại chính là bàn tay đang cầm quyển sách. Bây giờ ông mới để ý đến quyển sách bỏ quên từ hồi nãy và mò ra đọc tiếp trang có xen tám danh thiếp đánh dấu chỗ đang đọc. Cũng nhằm lúc đó, cô giúp việc bước vào châm lửa cho chiếc đèn lồng Gifu. Nhờ

chút ánh sáng ấy, ông đọc cũng không mấy khó khăn những hàng chữ nhỏ trong trang sách. Dù chả có hứng bao lắm, ông vẫn để cặp mắt lướt băng quơ trên mấy dòng Strindberg đã viết như sau:

“Khi tôi còn trẻ, người ta có kể cho nghe câu chuyện về chiếc khăn tay của bà Heiberg, có lẽ bắt nguồn từ Paris. Đó là một kỹ thuật diễn xuất hai tầng: mặt thì vẫn mỉm cười mà đã xé rách chiếc mùi soa cầm trong tay làm đôi. Diễn xuất lối đó thì người ngày nay cho là “kiểu cợt” [\[20\]](#)”.

Giáo sư lại đặt quyển sách lên đùi. Chỗ ông đang mở, tấm danh thiếp của bà Nishiyama Atsuko vẫn nằm giữa hai trang nhưng cái còn đọng lại trong tâm trí ông chẳng phải là hình ảnh người đàn bà ấy nữa. Cả hình ảnh của phu nhân lẫn nền văn minh Nhật Bản cũng không tuốt. Có một vật gì kỳ lạ không rõ hình thù đã phá vỡ sự hòa hợp và bình lặng của ba yếu tố nói trên. Cái lối diễn xuất mà Strindberg phê phán dĩ nhiên khác với vấn đề đạo đức trong cuộc sống. Tuy vậy, sau khi tiếp nhận gợi ý đến từ trang sách vừa đọc, có một cái gì đã làm rối loạn sự thoải mái mà ông cảm thấy lúc từ bồn tắm bước ra. Vũ sĩ đạo, rồi cái “kiểu cợt” của nó!

Giáo sư lắc đầu hai ba lần với vẻ khó chịu. Thế rồi, ông nhướn mắt nhìn lên và bắt đầu chăm chú ngắm ánh sáng của chiếc đèn lồng Gifu có vẽ hình mấy cọng cỏ thu.

(1916)

Nguyễn Nam Trân dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Ở Việt Nam thường gọi là Võ sĩ đạo.

[\(2\)](#) Nhân vật hư cấu tạo theo mẫu Nitobe Inazo (1862 -1933), học giả Nhật Bản, từng dạy các đại học Sapporo, Kyoto và Tokyo, sau chết ở Canada. Nitobe chịu ảnh hưởng tư tưởng Ki Tô giáo, nổi tiếng với tác phẩm Bushido (Vũ sĩ đạo) viết bằng tiếng Anh. Ông có ảnh trên tờ giấy bạc 5000 Yên.

[\(3\)](#) Một trong tám đại học hàng đầu lúc Nhật còn tự xưng là đế quốc.

[\(4\)](#) Luận vẽ kịch nghệ (Dramaturgie, 1907 - 1910), tác phẩm của August Strindberg (1849 - 1912), nhà soạn kịch Thụy Điển, một trong những người tiên phong của kịch nghệ hiện đại.

[\(5\)](#) De Profundis (1905), trong đó, Wilde kể lại hai năm sống trong ngục tối của mình.

[\(6\)](#) Intentions (1891), tập bình luận với quan điểm “nghệ thuật trên hết” của Wilde.

[\(7\)](#) Oscar Wilde (1854 -1900), người Anh, nhà văn tiêu biểu của trường phái duy mỹ.

[\(8\)](#) Henrik Ibsen (1828 -1906), người Na Uy, nhà viết kịch thuộc trường phái tự nhiên, phê phán xã hội thị dân, đề nghị một phong cách mới cho kịch cận đại.

[\(9\)](#) Gifu Chochin, một loại đèn lồng nan nhỏ phết giấy mỏng của vùng Gifu, trung bộ Nhật Bản, trang trí cây cỏ chim chóc rất trang nhã, có tính nghệ thuật dân gian. Dùng để treo bên hiên trong những chiều mùa hạ để đón gió mát hay đặt bên bàn thờ Phật dịp lễ Vu Lan.

[\(10\)](#) Thời đó, phụ nữ Nhật sống ở Mỹ rất hiếm hoi nếu không muốn nói là không có.

[\(11\)](#) Nguyên văn Manieru (Manière theo tiếng Pháp).

(12) Kép hát Kabuki nổi tiếng Onoue Baiko (Vĩ Thượng, Mai Hạnh) tập danh đời thứ sáu (1870 -1934). Từng là giám đốc rạp hát Đế Quốc dưới thời Minh Trị.

(13) Tuồng dựa trên hành trạng của tể tướng Toyotomi Hideyoshi (1536? -1598), một trong ba danh tướng có công thống nhất Nhật Bản.

(14) Tấm vải mặc như tạp dề (tablier) từ lưng xuống chân, ngày nay chỉ mặc trong những dịp trang trọng.

(15) George Beniard Shaw (1856 - 1950), nhà soạn kịch người Anh, giải Nobel Văn chương.

(16) Minh Tiên (Meisen), tên một loại tơ nội hóa của vùng Isezaki, Adachi, Ghichibu (gần Tokyo). Vào đầu thế kỷ 20, nó rất được yêu chuộng. Dùng để may quần áo, nhất là đồ mát mặc trong nhà.

(17) Một kiểu búi tóc của người đàn bà có chồng.

(18) Hoàng đế nước Đức.

(19) Tabi là tất kiểu Nhật có chỗ chia ngón cái khỏi bốn ngón kia để dễ lồng chân vào quai dép.

(20) Nguyên văn tiếng Đức: Matzchen.

Bọn đạo tặc

(Chuto)

Lời người dịch:

Như trong tác phẩm nổi tiếng Cổng Lashomon (*Rashomon*), câu chuyện dưới đây xảy ra tại Kyoto trong thời kỳ suy tàn của kinh đô Nhật Bản, cuối triều Heian (794 - 1185). Kyoto vào thời kỳ này thật hoang phế vì những cuộc tranh chấp giữa các sứ quân. Kyoto được tả, theo giáo sư A.L. Sadler, một học giả nghiên cứu Đông phương, trong cuốn Bình An (*Angus and Robertson, Ltd, Sidney and London, 1946*), như sau:

“Thành phố được kiến thiết như một bàn cờ, trải dài ba dặm rưỡi từ Bắc xuống Nam và ba dặm từ Đông sang Tây. Chạy thẳng từ Bắc xuống Nam ở giữa là đại lộ chính Suzaku (Chu Tước) rộng 280 bộ Anh, nối cửa Nam tới trước cửa khu Hoàng thành ở cực Bắc. Song song với đại lộ này, ở mỗi bên có thêm một con đường bề rộng 100 bộ và hai con đường khác rộng 120 bộ. Xen giữa những con đường này, có những con đường khác hẹp hơn, rộng khoảng từ 40 đến 80 bộ, cắt ngang trục Nam - Bắc là những con đường mang tên từ số 1 đến số 9, rộng từ 80 đến 120 bộ Anh, trừ con đường số 2 (*nijo*), chạy ngang trước mặt Hoàng thành rộng 170 bộ. Phía trước mặt khu Hoàng thành là công viên và khu trường đại học, trong khi đó hai khu chợ được dựng ở giữa đường số 6 và 7, ngăn cách bởi hai con sông đào chảy qua kinh đô. Kinh đô được xây cất trên những mảnh đất chữ nhật 50x70 bộ, và mỗi mảnh đất này gọi là một “cho” (đỉnh); 4 đỉnh hợp thành một “ho” (phương) và 4 phương hợp thành một “bo” (phường). Thành phố có 8 phường theo bề ngang ở giữa hai đường. Chạy dài từ bắc xuống nam là 9 phường rưỡi. Một ngôi nhà nhỏ có thể xây cất trên một đỉnh, nhưng những dinh thự lớn của những nhà quyền quý có thể chiếm trên 4 hay 6 đỉnh.

Cuối thời Heian, dịch đậu mùa lan tràn, và ngoài ra còn nhiều bệnh dịch khác. Thây người chết nhiều khi bị vứt bỏ trên đường phố.

Cấu trúc của câu chuyện dựa trên lời tự thuật của ba người: bà già xóm Inokuma và hai anh em Taro - Jiro, xung quanh hai mối tình giữa hai anh em Taro - Jiro với Shakin, cô gái con bà già Inokuma, và người chồng kế của bà ta. Shakin là thủ lĩnh một bọn đạo tặc, chuyên đi ăn cướp giết người mà đồng đảng là mẹ, ông bố dượng, hai anh em Taro - Jiro và hai mươi người khác. Trong một cuộc đánh cướp, Shakin xếp đặt sao cho Taro, người anh, bị giết để được đi lại với Jiro bằng cách báo trước cuộc tấn công cho phe bị cướp. Tác giả đã khéo léo dựng những lời tự thuật của hai anh em, đưa người đọc tới chỗ có cảm tưởng sẽ có sự đổ vỡ giữa hai người. Câu chuyện được thắt mở đến đỉnh điểm là trận ác chiến giữa bọn đạo tặc và phe của nhà quan án họ Fujiwara, và trong cuộc chiến này có hai tiếng hét thốt ra bởi tình người. Tiếng hét của bà già Inokuma, gọi chồng trước khi lăn xả vào cứu chồng, và chết thay chồng. Tiếng hét thứ hai của Jiro, gọi người anh, khi Taro trở lại trên mình ngựa cứu em ra khỏi nanh vuốt của đàn chó, tiếng hét của Jiro khi tìm lại được tình huynh đệ cũng đã hé mở cho người đọc biết trước cái chết của Shakin trong tay hai anh em Taro - Jiro. Câu chuyện được kết thúc bằng một sinh và một tử. Lão già Inokuma, cha dượng của Shakin, trước khi chết vì vết thương trong cuộc giao đấu, đã cười khi biết đứa trẻ mới sinh của người đầy tớ gái nửa khùng nửa điên Akogi là con của lão.

Akutagawa Ryunosuke khi viết truyện Bọn đạo tặc đã lấy ý từ tập Konjaku Monogatari. Truyện viết xong ngày 20 tháng 4 năm Taisho (Đại Chính) thứ 6 (1917).

1

Ê, bà già, bà già Inokuma^[1].

Tại ngã tư đường Suzaku và Aya, một anh chàng samurai chột mắt, tuổi mới chừng đôi mươi ới ới gọi bà già dừng bước. Samurai với khuôn mặt xấu xí ấy, đội mũ chóp cao màu đen, mặc bộ áo chiến ngắn màu xanh đậm, tay đang giơ cao cái quạt xếp.

Đó là một buổi trưa hè tháng bảy, không khí nóng ẩm đến ngộp thở của mùa hạ bao trùm trên những mái nhà. Tại ngã tư đường, chỗ người đàn ông đứng nghỉ, một cây liễu thừa thốt cành với những lá dài vờ vờ đến nỗi người ta tưởng cây cũng đang bị lây bệnh dịch hiện đang gieo rắc. Bóng cây gầy guộc in trên mặt đường, không có lấy cả một làn gió lay động lá cây dưới nắng hạ. Trên con đường cái nắng như thiêu, không người lai vãng, hiện ra những vệt dài ngoằn ngoèo của bánh xe bò mới qua trước đây, một con rắn nhỏ bị xe bò cán với vết thương còn tươi rói, ngúc ngoắc một lát rồi phơi bụng nằm bất động. Bụi bặm nóng gắt bao trùm khắp nơi tại ngã tư đường, và ngoài cái mùi hôi tanh ẩm ướt thoát ra từ vết thương con rắn, tuyệt chẳng có một tí hơi nước nào.

- Bà già ơi!

Bà già quay ngoắt lại. Thoáng trông bà ta vào khoảng sáu mươi, mái tóc ngả màu vàng xõa trên chiếc kimono bẩn bằng vải gai màu vỏ thông. Mụ lê đôi dép rơm vệt gót, khom mình chống trên một chiếc gậy dáng dài ếch; đôi mắt lồi với cái miệng rộng ngoác khiến mặt mụ thô kệch trông giống một con cóc hơn là mặt một mụ đàn bà. Với một giọng khô quắt dưới ánh nắng, mụ lên tiếng:

- À, Taro hả?

Mụ già kéo lê chiếc gậy, lùi lại hai ba bước, trước khi mở miệng nói, mụ thè lưỡi liếm môi trên.

- Chú có chuyện gì nói với tôi không?

- Không, chả có gì đặc biệt cả.

Gã samurai chột mắt, khuôn mặt rỗ hoa, cố gắng nở một nụ cười, nói với một giọng nửa nạc nửa mỡ:

- Mà này, không biết Shakin mấy ngày nay ở đâu nhỉ?

- Hể mà có chuyện thì lúc nào cũng lo hỏi thăm con gái của già. Chớ có biết nhờ mẹ nào mới sanh được con khôn như thế không?

Bà già Inokuma nói với giọng giễu cợt, mím môi cười.

- Không phải là có chuyện, nhưng tại vì không thấy nghe nói gì về việc sắp đặt cho tối nay.

- Cái gì, làm gì có chuyện thay đổi chương trình, chỗ hẹn thì vẫn ở cổng Rashomon, thời gian thì vào khoảng đầu giờ Hợi như đã quy định từ trước.

Vừa nói, mặt già vừa quỷ quyệt nhìn từ trái sang phải dè chừng mặt muốn coi chừng nhớ ai qua lại gần đó, mặt liếm đôi môi dày, nói tiếp:

- Con gái già nói nó đã xem xét tình hình bên trong nhà đó, không có một tay samurai nào đáng lo ngại cả. Tối nay nó sẽ cho biết thêm chi tiết.

Nghe lời mặt già, gã đàn ông có tên Taro, dùng cây quạt giấy màu vàng che ánh nắng, bĩu môi cười khinh bỉ:

- Vậy thì Shakin chắc lại đan dứ với một tên samurai nào tại đó.

- Cái gì, thì nó giả dạng đi vào đó như một người bán hàng hay gì đó chứ gì.

- Chuyện nó làm gì để vào được bên trong là chuyện của nó, nhưng liệu có thể tin cậy vào nó được không?

- Chú mày lúc nào cũng nghi nghi ngờ ngờ như Tào Tháo, vì vậy con gái già nó ghét. Ghen tuông phải có chừng mực thôi chứ.

Mặt già cười nhạo báng, đồng thời dùng cây gậy chọc con rắn chết trên đường. Đàn nhặng xanh bay vù lên rồi bu trở lại như trước.

- Già nói cho mày nghe, nếu chú mày không để ý, thằng Jiro sẽ phỗng con Shakin khỏi tay chú đấy. Mà thôi thế cũng được, nếu chuyện kết thúc như vậy, có điều thật đáng tiếc. Ngay cả ông chồng của già đây đôi khi thấy mắt cũng long lên. Mà mày cũng vậy, còn hơn thế nữa.

- Biết rồi.

Gã đàn ông bực mình, cau mày, nhổ bãi nước bọt vào gốc cây liễu.

- Tao chẳng hiểu gì ráo. Chú mày bây giờ thật hồ hững. Chả bù khi chú mày biết chuyện xảy ra giữa Shakin và ông già dựng nó, chú mày như một thằng điên, có đúng vậy không? Và ông chồng của già, tính khí ông ấy mà mạnh bạo hơn một chút thì đã đâm chém nhau với chú mày rồi.

- Chuyện ấy cũng đã xưa trên một năm nay rồi.

- Bao nhiêu năm trước thì năm. Chuyện xảy ra một lần cũng có thể xảy ra ba lần, có đúng vậy không? Nếu chỉ ba lần thì cũng được. Đối với già này đến cái tuổi này cũng đã bao lần phạm đi phạm lại những điều điên rồ rồi.

Mặt già vừa nói vừa cười trơ cái hàm khuyết nhiều răng. Taro đổi câu chuyện, với vẻ bất bình hiện trên gương mặt sạm nắng:

- Đừng nói giỡn. Chuyện quan trọng là đối thủ tối nay, bề gì cũng là cánh quan án Fujiwara, vậy mọi việc đã được dàn xếp cả chưa?

Một đám mây bay qua, che lấp tia nắng. Trời tối hẳn lại. Tuy vậy mờ chảy từ bụng con rắn chết hầu như lấp lánh hơn trước.

- Cái gì? Đối đầu bọn quan án Fujiwara, với cánh tay này, già chấp cả bốn năm tên samurai trẻ nhà đó.

- Hừm, bà già yêng hùng thật, thế thì bên ta cả thấy có bao nhiêu người tối nay?

- Thì đàn ông hai mươi ba người như mọi khi, phía đàn bà là đứa con gái của già và già đây... con Akogi vì đang mang bầu, chúng ta sẽ để nó chờ tại cổng Suzaku.

- Con nhỏ mang bầu, thế thì tháng này dễ chừng là tháng chót?

Taro lại nhếch mép cười cợt, và đứng vào lúc đó, bầu trời trở lại trong sáng, ánh sáng chói lòa làm xốn xang con mắt. Mụ già Inokuma quay lưng lại, bật một tràng cười quái gở:

- Thật là một con khùng, không biết đứa nào làm cho nó mang bầu. Con Akogi thì mê thằng Jiro tíu mắt, nhưng chắc chắn thằng Jiro không phải là tác giả cái bầu.

- Điều tra xem ai là cha đứa bé thì dĩ nhiên rồi, nhưng có nhiều cái kẹt trong thời gian nó mang bầu.

- Có nhiều cách nó có thể giúp, nhưng con nhỏ không chịu hợp tác, đó mới là cái lo. Vì vậy chỉ còn già này làm người liên lạc cho nhóm. Sau khi chia tay chú mày, già sẽ phải đi tới nhà ba thằng; Juro Makmoshuna, Heiroku Sekiyama và Tajimaru Takechi. À mà này, già nói hươu nói vượn với mày ở đây mà cũng đã đến giờ Mùi rồi. Chắc mày cũng phát mệt vì già lảm chuyện.

Vừa nói mụ già vừa lê cái gậy dằng chân ếch.

- Thế còn Shakin?

Môi Taro mấp máy - có thể đôi môi run rất nhẹ nên mụ già không hay.

- Có lẽ giờ này nó đang ở nhà tao đằng xóm Inokuma, và đang ngủ trưa. Nó vắng mặt đến mãi hôm qua.

Gã đàn ông một mắt nhìn thẳng bà già, nói với một giọng nhỏ nhẹ:

- Thôi, thế nào cũng gặp nhau lại tối nay.

- À này, từ giờ đến đó, mày cũng nên thủng thỉnh đánh một giấc ngủ trưa.

Mụ già Inokuma trả lời với lối nói khéo léo của mụ, lê cái gậy đi về phía đông dọc theo con đường nhỏ Aya, dáng điệu như một con khỉ mặc áo gai. Bụi tung sau gót đôi dép rơm, mụ tiếp tục bước bất cần cái nắng như thiêu. Gã samurai từ già mụ già, mồ hôi chảy dài theo những đường nhăn trên trán, lại nhổ nước bọt vào gốc cây liễu, từ từ quay bước.

Lúc hai người chia tay, đàn ruồi xanh bu trên thân con rắn chết bay vù lên, vỗ cánh ri... ri... dưới ánh nắng và bu trở lại.

2

Mụ già Inokuma, chân tóc úa vàng ướt đẫm mồ hôi, không để ý đến bụi bám trên đôi chân, tựa lên cây gậy mà bước. Mặc dù mụ thường xuyên qua lại trên con đường này, khi so sánh khung cảnh quanh đó với những cảnh vật những năm trước hồi còn thanh xuân, mọi vật đều thay đổi thật không thể lường được. Hồi tưởng lại lúc còn là cô giúp việc nhà bếp, một người đàn ông có chức phận theo đuổi mụ, và sau đó Shakin ra đời. So sánh với thời đó, ngoài cái tên, kinh đô chẳng còn bao lắm dấu vết ngày xa xưa. Vào thời đó, có những cỗ xe bò tấp nập đi lại trên những con đường mà nay chỉ còn những cây lá gai mọc tràn lan giữa những hàng giậu gần đổ nát, những cây sung với những quả xanh, và đàn quạ dạn người tụ họp ngay ban ngày ở những vũng khô nước. Và mụ, tóc đã bạc, da đã nhăn nheo, lưng đã còng, trở thành già nua.

Ngay cả kinh đô cũng không còn là kinh đô thời xưa, và mộ, mộ cũng không còn là mộ của thời xa xưa nữa.

Không những hình dáng, mà ngay cả trái tim mộ cũng thay đổi. Khi mộ biết được mối quan hệ giữa đứa con gái với người chồng hiện tại, mộ còn nhớ đã bao lần khóc trong cơn giận dữ. Nhưng đến nước này rồi mộ cũng đành xem nó như chuyện thường tình. Ngay cả chuyện trộm cắp, chuyện giết người nếu quen đi thì cũng thành nghiệp nhà. Có lẽ trái tim của mộ cũng trở thành hoang dại như những đường lớn đường nhỏ trong kinh đô nay mọc đầy cỏ hoang, cho nên những chuyện trộm cướp giết người này cũng chẳng mấy may động tâm mộ. Mọi sự vật đều thay đổi, nhưng nếu nhìn cách khác thì mọi vật vẫn như xưa. Cái chuyện con gái mộ đang làm bây giờ, và những hành động của mộ thời xa xưa, đều như nhau. Và ngay cả những chuyện Taro và Jiro làm bây giờ, và những gì người chồng mộ đã làm thời trai trẻ cũng chẳng khác bao nhiêu. Theo nghĩa đó, con người mọi thời đều lặp lại y chang chừng đó chuyện. Như vậy, nếu nghĩ cùng một lối, thì kinh đô hiện nay vẫn là kinh đô thời xa xưa, và ngay mộ, mộ vẫn là mộ của thuở nào.

Trong thâm tâm mộ già Inokuma, những ý tưởng mơ hồ như vậy bập bênh. Có lẽ mộ bị kích động vì cảm giác buồn, cô đơn, nên đôi mắt tròn dụi dàng ra, những bắp thịt trên gương mặt cóc hàu như thư giãn, rồi đột nhiên mộ già nở ngoác một nụ cười vui vẻ trên khuôn mặt nhăn nheo. Khuôn mặt trở nên sinh động cùng với nhịp của chiếc gậy đánh chân ếch, mộ bắt đầu rảo bước.

Mộ nhanh chân cũng có lý do. Đằng trước mộ vào khoảng chín mươi thước, giữa con đường và bãi cỏ hoang (mà chắc trước đây là căn vườn rộng của ai đó), có một bức tường đắp bùn, phần nóc đã đổ nát, bên kia bức tường nhô ra hai ba cây bông gòn. Cây nhô lên trên những hòn ngói màu rêu của bức tường, dưới nắng mặt trời, cảnh buông những bông hoa đã úa, màu đỏ nhạt. Vươn lên bầu trời, một túp lều nhỏ lơ lửng và kỳ quặc với bốn cây tre khô bốn góc, bốn bức tường che bằng chiếu rách. Thoáng nhìn, có lẽ đây là nơi ở của một người ăn mày.

Điều làm cho mộ già chú ý là phía trước túp lều nhỏ, một gã samurai trẻ khoảng mười bảy, mười tám tuổi, đang khoanh tay đứng. Y đeo thanh kiếm trong một cái bao đen, trên bộ quần áo chiến màu lá úa, đang chăm chặp nhìn vào trong túp lều như có điều gì. Dưới cặp lông mày, đôi má căng tròn còn mang vết thương ngầy của đứa trẻ mới lớn. Thoạt nhìn, mộ già đã biết người đó là ai.

- A Jiro, chú mày đang làm gì vậy?

Mộ già Inokuma bước gần lại, chống cây gậy đánh chân ếch, hắt hàm hỏi.

Giật mình, gã samurai quay lại, nhìn mái tóc khô, khuôn mặt cóc của mộ già và cái lưỡi đang liếm cặp môi dày, y cười nhe hàm răng trắng, không một lời, chỉ tay vào phía trong túp lều. Trong túp lều, trên mặt cái chiếu rách trải trên đất, thân hình một người đàn bà nhỏ nhắn vào khoảng bốn mươi, năm mươi, nằm nghiêng, đầu gối trên một tảng đá, chỉ lộ một mảnh vải phủ eo lưng cái thân trần. Nhìn vào bộ ngực và cái bụng trương vàng ềnh, người ta có cảm tưởng chỉ cần chọc ngón tay vào là sẽ ứa nước và mủ. Nhất là tại phần thân thể được soi bởi những tia sáng chiếu qua chỗ hở của bức tường bằng chiếu rách, hiện ra những đốm đen như trên những quả mơ thối. Một mùi nồng nặc tiết ra từ nách và phần dưới cổ.

Ở phía dưới gối, lẫn lóc một cái chén bằng đất nung sứt vành (và nếu ai để ý mấy hạt dính ở đáy chén, có thể cái chén trước đây được dùng để đựng cháo) ai đó chắc nghịch ngợm, sắp trong cái chén năm, sáu viên sỏi dính bùn, và giữa những viên sỏi, cắm một cành cây bông gòn nhỏ vài hoa và lá khô như đặt trên những góc của cái thồi đồ cúng với những tấm giấy màu như thể bắt chước làm bồn trưng cây cảnh.

Khi nhìn thấy cảnh này, cụ già Inokuma mặc dù với trái tim gan lì, cau mặt, lùi lại một bước, và vào đúng lúc đó, thoáng qua trong đầu cụ hình ảnh con rắn chết gập trước đây.

- Gì vậy? người này bị bệnh dịch phải không?

- Ờ ờ, chắc vậy. Chắc người nhà ở đâu gần đây quăng cụ ra đây. Chuyện này ở đâu mà người ta chẳng làm.

Jiro lai cười, trơ hàm răng trắng.

- Thế thì tại sao mà lại nhìn cụ làm chi?

- Ồ, lúc tôi mới chột qua đây lúc này, hai ba bốn con chó hoang thấy cụ có thể xức được, xúm lại định ăn cụ. Tôi lấy đá ném đuổi chúng đi. Nếu tôi không tới thì giờ đây cánh tay của cụ đã bị cắn đứt và ăn mất rồi.

Cụ già, cầm vẫn tựa trên chiếc gậy dáng đùi ếch, nhìn kỹ thân hình người đàn bà. Chỗ mà cách đây không lâu đàn chó có thể đã cắn là đây rồi. Cụ nhận ra trên làn da xỉn màu đất của phần trên hai cánh tay bị kéo thò ra đến trên cát ngoài đường, qua cái lỗ hổng của chiếc chiếu rách làm tường, có vết ướt và vết ba bốn chiếc răng nhọn, màu tím đậm. Đôi mắt người đàn bà nhắm nghiền, không có một dấu hiệu gì cho biết còn hơi thở hay không. Và đây là lần thứ hai, cụ già cảm thấy một cảm giác kinh tởm mạnh như có ai đập vào mặt.

- Con cụ này còn sống hay chết?

- Tôi không biết.

- Thế là cụ yên thân rồi, con cụ này. Nếu cụ đã nghèo, và đàn chó có ăn cụ ta thì cũng được đi.

Cụ già vừa nói vừa nâng cây gậy dáng đùi ếch, và giữ xa khoảng cách, đập cái gậy vào đầu người đàn bà. Cái đầu rơi khỏi cái gối đá, tóc xõa trên chiếu, nhưng mắt của con bệnh vẫn nhắm nghiền, không có lấy một cử động bắt thịt trên mặt.

- Đừng có làm như vậy. Trước đây, khi bị đàn chó ngoạm, bà ta cũng không hề đụng đây.

- Vậy thì con mẹ này nghèo rồi hả?

Jiro cười, lần thứ ba, nhe hàm răng trắng.

- Ngay cả chết rồi đi nữa, ai lại bắt nạt để cho chó ăn thịt người ta.

- Tại sao lại bắt nạt, nếu cụ ta đã chết thì cụ có còn biết đau đớn gì khi chó cắn cụ đâu.

Rồi cụ già rút cây gậy ra, mắt đảo tròn, chậm rãi nói tiếp:

- Nếu cụ ta chưa chết, nhưng nếu gần chết thì tốt hơn để chó cắn vào cổ họng một cái cho rồi. Bề gì, kiểu này có sống cũng không thêm được bao lâu đâu.

Mụ già Inokuma lè lưỡi liếm môi trên. Jiro nói tiếp:

- Nhưng tôi không thể đứng yên khi một người bị chó ăn.

- Thì cũng như vậy - mụ già trâng tráo nói - chúng ta vẫn chứng kiến cảnh người ta giết nhau tỉnh queo là gì?

- Quả có thể thật.

Jiro lấy tay gỡ tóc mai, nhe hàm răng trắng ra cười một lần nữa, yên lặng nhìn mụ già:

- Bà già đi đâu vậy?

- Tao đi gặp Jiro Makinoshima, rồi đi gặp Tajomaru Takechi. À mà này, già muốn hỏi chú em, mày có nhắn gì cho Hiroku Sekiyama không?

Khi mụ già Inokuma thốt ra những lời này, tay cầm gậy, mụ đã đi được hai ba bước.

- Ồ, tôi đi cũng được.

Bỏ túp lều nhỏ của người bệnh lại đằng sau. Jiro đuổi kịp mụ già, cả hai đi thong thả trên con đường nóng như thiêu.

- Nhìn cảnh vừa rồi tao phát ốm.

Mụ già mặt nhăn mày nhí nói tiếp:

- Ở này nhá, nhà thằng Hiroku mày biết chứ gì, đi thẳng một đoạn, đến cổng chùa Ryuhon rẽ trái, tiếp tục đi cho tới dinh quan án Fujiwara. Đi tiếp thêm một chặng nữa là tới. Mày nên quan sát trước cho tối nay, để ý nhìn cái dinh thự này trên đường đi.

- Ờ, tôi cũng định liếc mắt một cái, vì vậy tôi mới tới đây.

- À, thế hả. Chú mày đi thì hợp quá. Nếu tụi chúng thấy tướng mạo ông anh mày, chúng sẽ nổi mối nghi ngờ. Vì thế bọn tao không thể nhờ ông anh mày nhìn quanh chỗ đó. Nếu mày đi thì rất tốt.

- Thôi đi bà già, tôi không thích lời bàn của bà về tướng mạo ông anh tôi.

- Cái gì, tao là người có quyền nói về ông anh của chú mày đúng hơn ai hết. Mày mà nghe những gì chồng tao nói về ông anh mày thì hết hồn luôn.

- Có lẽ vì đã xảy ra những chuyện lời thôi giữa hai người.

- Ngay cả vậy. Không khi nào chồng tao nói xấu về mày.

- Thế thì tốt quá há, có thể ông ta nghĩ rằng tôi còn là một đứa con nít.

Hai người thong dong bước dọc theo con đường hẹp, trao đổi câu chuyện. Theo bước chân, cảnh hoang tàn của kinh đô hiện dần trước mặt. Giữa những ngôi nhà là những cánh đồng ngải hương dậy thơm mùi cỏ. Trong những khoảng này, những bức tường cũ đứng cùng một vài cây thông hay cây liễu của thời xa xưa còn sót lại. Cùng với mùi tử thi bàng bạc đó đây, nhìn đâu cũng thấy những điều làm ta nghĩ cái thành phố lớn này đang chết dần.

Trên đường hai người đi ngang qua một người hành khất tàn tật, chỉ có độc một người này, hai tay cầm cái nặng.

- Này Jiro, cẩn thận nhé.

Bà già Inokuma chợt nhớ đến khuôn mặt của Taro, thoáng một nụ cười chua xót vô tình, nói tiếp:

- Coi bộ ông anh mày cũng mê mệt đứa con gái già không dứt ra được.

Những lời này hình như có tác động lớn tới Jiro hơn là mục già mong đợi. Y chợt nhíu lông mày, cúi mặt tỏ vẻ khó chịu.

- Như vậy thì đến ngay cả tôi cũng phải cẩn thận.

- Không phải chỉ cẩn thận thôi đâu.

Mục già thoáng kinh ngạc trước sự thay đổi tình cảm quá nhanh của Jiro, mục lầm bầm, thè lưỡi liếm môi như thường lệ:

- Phải rồi, cẩn thận thôi cũng chưa đủ.

- Thế nhưng, ông anh tôi nghĩ thế nào thì là ý của ông ấy. Tôi không thể làm gì được, đúng không?

- Nếu chú mày nghĩ như vậy thì đúng là mất cả chì lẫn chài. Thật ra già gặp con Shakin ngày hôm qua, có phải nó hẹn mày ở trước cổng chùa ngày hôm nay vào cuối giờ Mùi không nào? Nó có nói thêm với già là nó tránh không gặp ông anh của mày cả gần một tuần trăng nay rồi. Nếu Taro biết nhiều về chuyện này thì sẽ sinh ra lời thôi giữa hai anh em tụi mày.

Jiro khó chịu gục gặc đầu nhiều lần như muốn bảo mục già thôi nói. Nhưng khó mà cản lời mục được.

- Già mới gặp Taro ở góc đường đằng kia vào lúc trước đây, và già có cho nó một lời khuyên. Nếu có chuyện gì xảy ra giữa hai anh em bây, mà tụi bây là người trong nhóm của tụi tao, và nếu hai đứa bây đụng dao kiếm với nhau lúc đó có thể lỡ gây thương tích cho đứa con gái của già. Già rất lấy làm lo ngại về chuyện này. Cũng giống như đứa con gái của già. Taro rất bướng bỉnh. Già chỉ muốn xin trước với chú mày vì mày hiền hậu... ngay cả với một người chết bị chó cắn ăn, mày cũng không đành lòng đứng nhìn.

Ngay cả khi mục nói, mục già cố gắng giấu nỗi lo ngại đang dồn lên trong lòng, và mục cố tình bật cười lớn. Jiro với khuôn mặt u uẩn, mắt cúi xuống, tiếp tục đi, dáng suy nghĩ dăm chiêu.

- Hy vọng không to chuyện.

Mục già Inokuma, bước nhanh với cây gậy đánh đùi ếch, và trong thâm tâm mục cũng cầu mong như vậy.

Cũng vào lúc đó, ba bốn đứa trẻ trong phố, với xác con rắn trên đầu gậy, chợt bước qua túp lều trong đó có người đàn bà bị mắc dịch. Một đứa trong bọn rắn mặt, thò người vào trong túp lều, quăng xác con rắn lên trên mặt người đàn bà. Cái bụng rắn màu xanh đầy mỡ, rơi và dính vào má bà ta, cái đuôi ướt nhớp nháp từ từ rơi xuống dưới cằm. Sau đó lũ trẻ cùng hét lên, sợ bỏ chạy tứ tung. Tới lúc đó, mục đàn bà dường như nằm chết, bỗng nhiên mở đôi mắt vàng khè, dưới hai mí nặng trĩu, đôi mắt lơ lơ, màu trắng đục của quả trứng thối, mục nhìn lên bầu trời nặng mây, hơi động đậy mấy ngón tay trên cát. Một âm thanh không biết là tiếng của mục, hay

đây chỉ là hơi thở, thoát ra từ đôi môi khô nẻ.

3

Sau khi chia tay mù già Inokuma, Taro thỉnh thoảng phe phẩy cái quạt kiếm chút gió chứ không che nắng, thông thả bước dọc theo đường Suzaku về hướng bắc. Trời giữa trưa nên ít người qua lại trên đường. Một gã samurai đơn độc cưỡi một con ngựa màu hạt dẻ, ngồi trên cái yên khảm xà cừ, theo sau ngựa một tên hầu vác cái hòm đựng giáp trụ. Người Samurai che nắng với cái nón cỏ lát lụa. Một lúc sau khi họ nhong nhong đi qua, chỉ còn mấy con én rộn ràng bay sà trên mặt đường cát, lượn nghiêng phơi bụng trắng lấp lánh, lướt qua bên kia những mái nhà lợp ván hay vỏ cây bách. Những đám mây muôn màu, như pha trộn màu của vàng, bạc, đồng, sắt nung chảy, đùn lại từ lâu, vẫn bất động. Những dãy nhà hai bên đường im lìm sau những cánh cửa gỗ đóng kín mít và những mảnh mảnh bằng cỏ bồ, cho ta cảm tưởng cả thành phố không có lấy một sự sống.

Như bà già Inokuma đã nói ra, nỗi lo sợ bị Jiro đoạt mất Shakin dần dần ám ảnh ta. Con đàn bà đó trước đây từng hiến thân cho lão già dượng, như vậy thì cũng chẳng có chi lạ khi nó bỏ rơi ta, một người mặt rỗ, mắt chột, xấu xí, để đi theo thằng em trai ta, da tuy sạm nắng nhưng đẹp trai. Ngay từ khi còn trẻ thơ, Jiro vẫn coi ta như một thần tượng. Cho đến nay ta cứ đinh ninh Jiro chắc cũng muốn, nhưng còn nể ta nên dù Shakin dụ dỗ vẫn thận trọng không chịu theo. Thế nhưng bây giờ nghĩ lại ta thấy mình đã đánh giá đưa em quá cao và chỉ tính sao để khỏe thân mà thôi. Không phải quá tin vào thằng em trai, nhưng thật ra ta đã mắc lỗi lầm lớn là quá coi thường phương cách ghẹo trai của Shakin. Không những chỉ một mình Jiro, mà số người đàn ông thân tàn ma dại chỉ vì một cái liếc mắt của người đàn bà này còn nhiều hơn là số những con én bay lượn trong khoảng không nóng nực này. Ngay cả ta giờ đây, từ khi gặp con đàn bà này, ta càng ngày càng xuống dốc.

Tại góc ngã tư hai đường Shijo - bomon^[2], một cái xe hoa bò kéo, được trang hoàng với những sợi dây màu đỏ, im lặng vượt qua Taro về hướng nam. Từ phía ngoài không thể nhìn thấy người trong xe, nhưng với tấm màn che mát bằng lụa nhuộm một màu đỏ đậm dần từ trên xuống dưới, cỗ xe lôi kéo sự chú ý của mọi người nhất là khi nó lại xuất hiện trên những đường phố hoang tàn. Thằng bé đánh xe và người hầu ngồi bên cạnh, đưa cặp mắt nghi ngờ nhìn về phía Taro. Con bò vẫn yên lặng cúi sừng, ngúng ngoẩy hai cái móng đen như mun, chậm chạp bước, không hề quay đầu lại. Taro, tuy chìm đắm trong những ý tưởng không mạch lạc, không để ý lắm đến những đồ trang hoàng bằng kim loại trên chiếc xe lấp lánh phản chiếu dưới ánh mặt trời thoáng qua trước mắt. Y dừng bước một lát để chiếc xe đi qua, cúi nhìn xuống đường với con mắt còn lại và, lặng lẽ tiếp tục đi.

Nhìn trở lại khoảng thời gian ta còn làm một chức nhỏ tại ngục Migi mà cứ tưởng đã xa xưa lắm rồi. Nếu tự kiểm điểm lại thời đó, ta thấy mình không hề quên trời phạt cũng như luật vua phép nước. Bây giờ ta vừa trộm cắp, một đôi lần đốt nhà và đến nay giết người cũng đã hai ba lần rồi. Ờ, mà vào thời xưa, cùng lũ chúng bạn sai nha đánh Shichihan^[3], ta cười đùa trong canh bài chiếu bạc. Nhìn lại thời đó, và so với bây giờ, ta đã không biết lúc ấy thật là hạnh phúc.

Trong tâm tưởng, những việc tưởng chừng như mới xảy ra ngày hôm qua, nhưng thật ra đã một năm rồi. Người thiếu nữ đó bị giam tại ngục Migi vì phạm tội ăn trộm. Qua song sắt ngục thất, ta trò chuyện cùng nàng, rồi cuộc chuyện trò trở nên thân mật, và một hôm cả hai kể cho nhau nghe về đời mình. Về sau ta nhắm mắt làm ngơ như không biết đồng đảng bọn đạo tặc vào trong ngục thất cùng với bà già để cứu thoát cô gái, và từ cái đêm đó, ta bắt đầu đi lại nhà bà già Inokuma.

Shakin nhắm chùng lúc ta tới, ghé mắt qua khe liếp nhìn ra ngoài đường trong lúc tranh tối tranh sáng, và khi nhìn thấy ta, nàng giả tiếng chuột gọi ta vào nhà. Trong nhà, ngoài đĩa đầy tởm gái bần hàn Akogi ra, chẳng có ai. Shakin hạ kín cửa liếp ngay sau đó, thấp ngọn đèn dầu ba chân, và trên mấy tấm chiếu chật hẹp, bày ra bừa bộn một cái khay và một cái thõi nhỏ đồ ăn, rồi hai đĩa ăn nhậu vớ nhau, và chỉ có hai đĩa thôi. Thế rồi hai đĩa cười, khóc, gây lộn, giảng hòa, và cũng như bao cặp tình nhân khác, hoan lạc thâu đêm.

Rời nhà lúc hoàng hôn, ta trở về vào tảng sáng, và suốt trong một tháng trời như vậy. Sau đó ta biết Shakin là đứa con gái riêng của bà già Inokuma, và là đầu đảng của hơn hai mươi tên đạo tặc. Bọn này thỉnh thoảng khuấy động kinh thành. Nàng, ngoài ra, cũng hành nghề hương phấn, ngày ngày đem bán cái nhan sắc của mình, sau này ta mới rõ. Nhưng ngược hẳn, nhân cách của nàng càng ngày càng bao phủ một ánh hào quang huyền thoại bí ẩn như những nhân vật trong tiểu thuyết chẳng mấy may khích động chút cảm tình thô tục. Dĩ nhiên nàng đôi lúc yêu cầu ta nhập bọn, nhưng ta không bao giờ đồng ý. Vì vậy nàng tuyên bố ta là một thằng hèn và đối xử với ta như một thằng gộc, và điều này làm ta nổi giận.

Có tiếng người giục ngựa: ê, ê nào... Taro vội tránh sang nhường bước. Một anh phu mặc bộ kimono bằng vải, dắt con ngựa chở bốn bao gạo, mỗi bên hai bao. Anh ta quặt ở ngã tư đường Sanjo - Bomon, không ngừng lau mồ hôi trên khuôn mặt, làm lũn dắt ngựa theo đường cái đi về hướng nam dưới ánh mặt trời nóng như thiêu. Sà dưới bóng của con ngựa in trên mặt đất cháy đen, một cánh én nhẹ lướt, nghiêng cánh ngang qua, vút lên bầu trời, rồi tựa như một viên đá, rơi thẳng xuống trước mặt Taro, rồi bay vào dưới mái nhà bằng gỗ. Taro tiếp tục bước như đi trong dòng hồi tưởng, vung văng cái quạt giấy màu vàng.

Trong khi ngày tháng trôi qua như bất tận, ta tình cờ nhận ra mối quan hệ giữa nàng và người cha dượng. Ta đã biết rằng ta không phải là người độc nhất làm chủ được Shakin; ngay Shakin đã hãnh diện nói với ta nhiều lần tên những nhà quyền quý và những nhà tu hành đã cùng nàng chung đụng xác thịt. Ta có cảm tưởng da thịt nàng đã từng qua tay bao người đàn ông, nhưng trái tim nàng chỉ dành riêng cho mình ta. Đúng ra, trình tiết của người đàn bà không chỉ là thể xác. Tin như vậy, nên ta đã đè nén nỗi ghen tuông. Dĩ nhiên đó cũng có thể chỉ là lối suy nghĩ mà ta đã học nơi người đàn bà này không biết từ lúc nào. Dù sao, khi nghĩ như vậy, trái tim đau khổ của ta cũng thấy được an ủi một phần nào. Thế nhưng đứng trước mối quan hệ giữa Shakin và ông bố dượng thì thái độ của ta lại hoàn toàn khác hẳn.

Khi ta biết được chuyện này, ta khó chịu đến nỗi không thể mở miệng ra được. Nếu cha mẹ và con cái làm điều như vậy thì có giết chết cũng chưa đáng tội. Mẹ nàng, bà già Inokuma, biết chuyện này nhưng cũng chẳng nói gì, thật là độc ác nham hiểm còn hơn súc vật. Ôm chuyện này trong đầu, nên mỗi lần nhìn mặt lão già râu rệu không biết bao lần ta đã để tay lên đốc kiếm, nhưng Shakin, mỗi lần như vậy trước mặt ta, lại chế giễu thậm tệ ông bố dượng. Cái xảo thuật rõ ràng này lại làm chùn tay ta. Khi nàng nói: Ông già em thật đáng ghét, em bực mình lắm mà đành chịu thôi. Ta có thể ghét cay ghét đắng ông bố dượng, nhưng ta không thể ghét Shakin được. Giữa ta và ông già dượng nàng, cho tới ngày nay, ngoài cái việc nhìn nhau trừng trừng, thì chưa có gì xảy ra. Nếu lão già ít nhất tỏ ra một chút can đảm, hay đúng ra, nếu ta có ít nhất chút can đảm thì một trong hai người đã chết từ lâu.

Taro trước đó đã quặt tại góc đường Nijo, ngẩng đầu đã thấy tới trước mặt cái cầu nhỏ vắt

ngang qua sông Mimito. Lòng sông rất hẹp, hầu như khô, giống một lưới kiểng trắng nóng phản chiếu trong nước bóng mặt trời, róc rách chảy qua những khóm nhà, những cây liễu rậm lá. Mãi títt đằng xa, ở phía hạ lưu hiện hai ba chấm đen, tựa như mấy con chim cộc khuấy động đường ánh sáng chảy dài. Có lẽ là những trẻ dưới phố đang tắm trong sông. Tâm trí Taro, trong một chớp mắt bỗng hồi tưởng thời trẻ xa xưa, lúc cùng với thằng em trai câu cá chép dưới chân cầu Gojo. Những hình ảnh của kỷ niệm thoáng hiện trong đầu như một cơn gió mát trong bầu trời thiêu nóng. Nhưng giữa y và đứa em trai sẽ không còn được như cái thời xa xưa nữa. Khi bước chân qua cầu, một nét nghiêm ngẽ thoáng hiện trên gương mặt rỗ.

Thế rồi bất chợt một ngày có tin cho hay là thằng em ta đang giữ một chức nhỏ trong phủ Chikugo bị nghi ngờ phạm tội ăn trộm và bị tổng giam vào ngục Hidari. Lúc đó ta đang nhậm một chức nhỏ trong nhà lao và biết rõ cảnh lao tù, đau đớn như chính mình bị giam cầm. Khi bàn với ta về chuyện này, Shakin chẳng ngượng ngùng gì khi đề nghị: hay là ta phá ngục? Thế rồi bà già Inokuma, có mặt lúc đó, cũng đã xúi ta làm chuyện này. Cuối cùng ta cùng Shakin tụ họp năm sáu tên trong đám đạo tặc, và không có gì khó khăn ngay trong đêm ấy đã cứu thoát em trai ta. Ta bị thương, đến bây giờ vẫn còn vết sẹo trên ngực, những điều không thể quên là lần đầu tiên ta đã chém và giết một tên gác ngục, tiếng thét lạnh lạnh và mùi máu tanh của người này ta không thể nào quên cho được. Đến tận bây giờ, trong không khí ẩm ướt nóng nực này, cảm xúc này vẫn còn trong trái tim ta. Và những ngày sau đó, ta và thằng em ẩn náu tại nhà Shakin ở xóm Inokuma. Một khi đã phạm tội, dù có cố sống lương thiện hay đi lần về cuộc đời bấp bênh, dưới mắt những người cầm cán cân công lý, không có gì là khác cả. Nếu bề gì cùng chết thì sống thêm ngày nào hay bữa nấy vậy. Với ý nghĩ đó trong đầu, Shakin bảo gì ta cũng nghe theo. Cùng với thằng em trai, ta nhập bọn đạo tặc. Từ đó ta đốt nhà, giết người. Không có một hành động ác ôn nào mà ta không làm. Tuy rằng ban đầu, dĩ nhiên ta còn miễn cưỡng, nhưng sau khi đã lún sâu vào tội lỗi như vậy, không còn gì ngăn cản ta được, và ta bắt đầu ý niệm rằng “Nhân chi sơ tính bản ác”.

Theo bước chân quen, Taro quẹo ở một góc đường. Cạnh ngã tư, có một gò đất tròn như ngôi mộ, chồong chất bằng những viên đá. Trên gò đất, hai phiến đá xếp cạnh nhau giống hai cái tháp dưới những tia nắng gay gắt của mặt trời trưa hè. Dưới chân phiến đá, mấy con thần lằn nằm phơi nắng, tro thân hình đen màu bồ hóng. Chắc vì kinh sợ bởi tiếng chân của Taro, nên khi bóng của y chiếu trên chúng, những con thần lằn chạy tứ tán, nhưng Taro không tỏ vẻ gì để ý đến chúng cả.

Càng phạm tội, tội này sau tội khác, ta càng bị Shakin lôi kéo. Ta giết người, trộm cắp, tất cả cũng vì nàng. Ngay cả chuyện phá nhà ngục, ngoài chuyện cứu Jiro, ta làm cũng chỉ vì sợ Shakin chế giễu ta giương mắt làm ngơ không cứu thằng em trai. Ta không muốn mất Shakin dù phải đánh đổi với bất cứ giá nào đi chăng nữa.

Nay ta phải đối đầu với chuyện Shakin đang bị phỗng khỏi tay ta, do chính Jiro, cốt nhục của ta, đứa em trai mà ta đã liều cả thân mình để cứu nó. Thật ra ta cũng không rõ Shakin sẽ, hay đã bị nó phỗng khỏi tay ta. Ta, người không bao giờ mấy may nghi ngờ tình yêu của Shakin, đã để nàng gian díu với những người đàn ông khác đặt thực hiện những mưu đồ quái ác của hai đứa. Ta thậm chí cho phép nàng gian díu với ông bố dượng. Nhắm mắt làm ngơ để nàng làm như vậy vì ta tin rằng nàng bị mê hoặc bởi ma lực quyền làm cha mẹ của lão già. Nhưng quan hệ tình cảm

giữa nàng với Jiro, ta lại nghĩ khác.

Ta và đứa em, tuy tính tình có vẻ khác nhau nhưng thật ra cũng chẳng khác là bao. Về khuôn mặt, cơn bệnh đậu mùa bảy tám năm trước đây đã để lại trên ta những vết rỗ lớn, trong khi đó lại rất sơ sài trên khuôn mặt Jiro. Jiro vẫn giữ nguyên vẻ mặt như lúc mới sinh, và càng lớn lên càng đẹp trai. Trong khi đó ta mất một con mắt vì bệnh đậu mùa và trở nên dị hình. Nếu ta, một tên xấu xí và chột mắt, đến bây giờ chiếm được trái tim của Shakin (ngay cả khi cho rằng ta quá tự tin về mình) nhưng ta chắc chắn chính là nhờ ở sức mạnh tinh thần của ta. Còn đứa em trai vì chung máu mủ, nên có cùng một tình thân như ta. Ngoài ra, so với ta, ai cũng nhìn nhận nó đẹp trai hơn ta, và thật hợp lý khi Shakin bị thu hút bởi một người như Jiro. Hơn nữa, cũng như ta đứng trước Shakin, ta không tin Jiro có thể cưỡng lại được sức quyến rũ của nàng. Bao giờ ta cũng mang mặc cảm với gương mặt xấu xí, nên chuyện tình ái ta không thiết tha cho lắm. Thế mà ta đã yêu Shakin cuồng nhiệt biết chừng nào. Nên chi, Jiro là người biết mình đẹp trai như vậy làm sao không chịu đáp lại lời tán tỉnh đường mật của nàng! Khi nghĩ về chuyện này, ta thấy hai người đi lại với nhau là có lý, nhưng chính vì ta thấy không có gì vô lý mà ta đau khổ. Em trai ta sẽ cướp Shakin khỏi tay ta. Nó sẽ chiếm đoạt trọn vẹn con người Shakin, và tới một lúc nào đó, chắc chắn nó sẽ ra tay. Ồ, không những ta mất Shakin mà ta cũng sẽ mất cả thằng em trai nữa. Ta sẽ có một kẻ thù tên Jiro. Ta, ta sẽ không tha thứ cho kẻ thù của ta, và kẻ thù của ta cũng không hề ban cho ta chút ân huệ nào, và ta, ta cũng không ban ân huệ cho kẻ thù của ta. Như vậy, ta đã biết chắc hai đứa ta sẽ đi đến đâu, một là ta giết đứa em trai của ta hai là ta sẽ bị nó giết...

Mùi người chết xông lên mũi khiến Taro kinh hoàng. Cái chết trong trái tim hẳn không có mùi. Nhìn xung quanh vùng phụ cận khu phố Inokuma, y thấy những xác trần truồng dưới hàng giậu mắt lưới, hai xác chết của hai đứa trẻ đã thối rữa, quăng chồng lên trên nhau. Có lẽ hai cái xác đã bị mặt trời thiêu đốt, ở một vài nơi trên lớp da đã đổi màu tro phần thịt nhão tím ngắt, một đám nhặng xanh, nhiều không kể xiết bu kín. Không chỉ có thế dưới mặt một đứa trẻ úp sấp trên đất, một đàn kiến đang nhanh chân bu lại. Taro cảm thấy trước mắt y hiện ra tương lai của chính mình, và vô tình, y cắn mạnh môi dưới.

Đặc biệt là những ngày gần đây, Shakin tránh mặt ta. Thắng hoặc khi gặp nhau, nàng không khi nào tỏ vẻ hoan hỉ. Những lần mặt đối mặt, nàng hẳn học với ta, và những lần ấy ta thường nổi nóng, đánh đập nàng, có khi đá nàng. Nhưng ngay cả khi đánh đập hay đá nàng, ta có cảm tưởng là chính ta hành hạ ta. Đúng là vô lý. Cả cuộc đời hai mươi thanh xuân của ta nằm trọn trong đôi mắt Shakin. Vì vậy mất Shakin là mất chính mình, có khác gì đánh mất tất cả những năm tháng làm người của ta. Mất người yêu, mất đứa em, cùng một lúc ta mất cả chính ta. Có lẽ đã đến lúc, ta mất cả...

Còn đang nghĩ ngợi liên miên về chuyện này thì Taro đã bước tới ngưỡng cửa nhà bà già ở xóm Inokuma. Khung cửa ra vào treo một tấm vải trắng; mùi thây chết cũng đã bắt đầu lan tới nơi đây. Bên cạnh cửa ra vào là cây sơn trà, bóng lá xanh đậm rủ xuống, tuy không là bao nhưng cũng che mát được khung cửa sổ. Đã bao lần hẳn vào nhà, đi qua dưới cây sơn trà, nhưng kể từ lần này...?

Taro đột nhiên cảm thấy mệt mỏi, một niềm thương cảm xâm chiếm cõi lòng, nước mắt muốn tràn, yên lặng bước tới ngưỡng cửa. Đúng lúc đó, từ trong nhà thoát ra tiếng thét của

một người đàn bà, xen lẫn với tiếng của lão già Inokuma, chói tai gã. Nếu đó là Shakin, gã không thể bỏ mặc được. Tay vén cao tấm vải trên ngưỡng cửa, gã vội vã bước vào phía trong căn nhà lờ mờ tối.

4

Jiro, lòng nặng trĩu, chia tay bà già Inokuma, đếm từng bước leo lên bậc đá cổng chùa Ryuhon. Leo tới những cột tròn, tróc sơn son đây đó, y ngồi bệt dít như một mối. Nắng hạ bị ngăn bởi mái ngói nhô ra trên cao, nên cái nóng nực không lọt vào bên trong chùa. Nhìn vào phía sau, trong ánh sáng lờ mờ, y thấy tượng Kim Cương lực sĩ đứng trên tòa sen màu xanh, tay trái giơ cái chày gỗ, ngực bắm đầy phân chim én, lặng lẽ canh gác khuôn viên chùa trong buổi trưa hè. Jiro khi đi tới chỗ này mới bắt đầu cảm thấy có sự bình tâm, tĩnh trí để suy nghĩ về tình cảm của mình.

Ánh sáng trắng lòa con đường trước mắt, chiếu trên đôi cánh những con én lượn đi lượn lại như những miếng vải sa đen láng.

Một người đàn ông trong bộ áo chiến màu trắng, cắp một văn thư nép bằng tre xanh, che đầu bằng một cái dù lớn, bước chậm chạp vì cái nắng hạ. Cả con đường dài dằng dặc từ phía đằng xa cho đến cuối bức tường bằng đất, không thấy có lấy một bóng râm.

Jiro rút cái quạt giắt bên hông, lấy ngón tay mở từng cái sống quạt màu vàng đậm, rồi lại đóng từng song quạt một, đồng thời hồi tưởng về những chuyện liên quan giữa y và người anh.

Sao ta lại khốn khổ như vậy? Người anh độc nhất nhìn ta như một kẻ thù. Mỗi lần gặp nhau và ta nói chuyện thì anh ấy lại mập mờ trả lời và cắt ngang cuộc nói chuyện. Thật ra không phải không vô lý nên nhìn trạng huống hiện tại giữa ta và Shakin, nhất là mỗi khi gặp người đàn bà ấy, lúc nào ta cũng cảm thấy mình có lỗi với anh. Ngoài ra, sau khi đi gặp nàng, ta lại buồn, thương anh, lại khóc âm thầm rất lâu. Một lần, ta đã nghĩ đến việc rời bỏ xứ này đi về miền đông, không một lời từ giã, để mặc anh ấy và Shakin. Như thế thì anh của ta sẽ hết ghét ta và ta sẽ quên được Shakin. Với ý định ấy trong đầu, mỗi lần tới gặp anh, nghĩ rằng có lẽ đây là lần từ giã mà không thổ lộ cho anh thì anh lại đối xử lạnh nhạt với ta, và khi ta gặp Shakin, thì ta lại quên ngay chuyện đã quyết tâm. Và sau những lần như vậy, ta lại tự trách mình.

Nhưng anh ta lại không biết đến nỗi khổ của ta; anh sẽ coi ta như một kẻ thù trong tình địch. Nếu anh ấy hành hạ ta thì cũng được đi; nếu anh ấy phỉ nhổ vào mặt ta, thì cũng được đi, và trong những trường hợp ấy, nếu anh ấy có phải giết ta, thì cũng được đi. Ta muốn anh ấy biết rằng ta tự ghét mình thậm tệ về nhân cách bậy bạ của ta, và ta đồng tình với thái độ của anh ấy biết chừng nào. Thế là đủ nếu anh hiểu được tâm tình của ta, và ta có thể chết dưới bất cứ hình thức nào, chỉ cần được chết dưới tay anh là ước nguyện của ta, còn hơn là đau khổ như lúc này. Thật sung sướng nếu được chết ngay bây giờ.

Ta yêu thương Shakin, đồng thời cũng ghét cay ghét đắng nàng. Cứ nghĩ đến tính tình hay thay đổi của người đàn bà này mà ta lại nổi giận. Ngoài ra nàng còn nói dối như cuội, lại nữa ngay cả khi anh ta và ta còn đang lưỡng lự thì nàng đã thẳng tay tàn nhẫn giết người không mấy may xúc động. Nhiều khi ta chăm chăm nhìn khuôn mặt dâm đãng trong lúc nàng ngủ, và tự hỏi tại sao mình có thể bị quyến rũ bởi một người đàn bà như vậy, nhất là khi ta thấy nàng dễ dàng trao thân cho những người đàn ông chưa hề quen biết; ta càng cảm thấy có thể giã được

nàng với chính tay ta. Ta thù ghét Shakin làm sao. Nhìn vào đôi mắt nàng, ta càng cảm thấy ma lực của nàng. Không ai có thể có một tâm hồn như nhóp và một thân hình tuyệt mỹ như nàng.

Anh ta dường như không hay ta ghét nàng. Lý do là anh hầu như không chán ghét cái tâm địa thú vật của nàng giống như ta. Tỷ dụ như khi nhận xét mối quan hệ giữa nàng và những người đàn ông khác, nhãn quan của anh ta và ta hoàn toàn khác nhau. Anh ta giữ im lặng khi thấy nàng đi với bất cứ một người nào, như thể anh ấy cho phép nàng có những cái hứng bất chợt và coi những hứng bất chợt này chẳng qua chỉ là những thị hiếu thoáng qua. Nhưng ta, ta không thể làm như thế được. Đối với ta, việc Shakin làm như nhóp thân thể nàng cũng đồng nghĩa với chuyện nàng làm như nhóp tâm hồn nàng, không những chỉ làm như nhóp tâm hồn nàng mà còn hơn cả thế nữa. Ta không thể cho phép nàng nghĩ về những người đàn ông khác. Còn đau đớn hơn nữa là nàng trao tấm thân trần truồng cho những người đàn ông khác. Vì vậy ta cũng ganh ghét với cả anh ta. Trong tình cảm thương hại của ta đối với anh, có chứa đựng cả sự ganh ghét. Có lẽ vì nghĩ như vậy, nên quan điểm của anh ta và của ta khác nhau. Và chính điểm khác nhau này lại càng gây khó khăn cho mối tình huynh đệ...

Mơ màng nhìn ra phía ngoài đường, trong đầu Jiro trầm ngâm trở lại những vấn đề này. Đột nhiên, có tiếng cười ồn ào, chấn động khoảng không khí ngột ngạt của nắng hạ, từ một nơi nào đó dọc trên con đường. Rồi tiếng cười chói tai của một người đàn bà, và tiếng nói ngọng nghịu của một người đàn ông, bất cần có ai nghe, đối thoại tiếp câu chuyện đùa tục tĩu. Jiro giắt cái quạt vào thắt lưng, đứng dậy.

Người đàn ông mặc bộ áo hitatare vẽ mô hình cây phong và cây hoa đào, đội cái mũ chớp mềm màu đen, vành vào đeo một thanh kiếm. Gã chừng ba mươi, hình như đã quá chén. Người đàn bà mặc một áo kimono mô hình màu hoa cà trên nền trắng, đội một cái nón che mảnh sa. Cứ nghe giọng nói và hình dáng thì biết ngay là Shakin.

Jiro bước xuống bậc thang đá, cắn môi, liếc sang một bên. Hai người hình như không thấy anh ta.

- À này, quên chuyện này là em không chịu đâu đây.
- Chắc chắn rồi. Vì chính tớ đã nhận lời đằng ấy, cứ yên chí bình chân như vại.
- Mà này, em liều cả mạng em đây nhé. Vì thế em mới nhắc anh bấy nhiêu đó cho chắc ăn.

Gã đàn ông, mở cái miệng lưa thưa râu đỏ cười rộng ngoác đến nỗi nhìn thấy cả cổ họng, lấy ngón tay quạt má Shakin.

- Cả mạng của tớ nữa chứ.
- Anh ăn nói thực là hay.

Hai người đi qua trước cổng chùa, đi xuống về phía ngã tư mà trước đây ít lâu Jiro đã chia tay với bà già Inokuma. Hai người đứng đó một chặp, ve vãn nhau ai nhìn cũng không biết ngượng, và tiếp tục giỡn cợt. Gã đàn ông rẽ góc đường, đi mất hút về phía đông. Người đàn bà cũng quay lại, vẫn khúc khích cười, đi trở về phía Jiro đang chờ dưới chân bậc đá. Ở đó, Jiro với tình cảm vui sướng hay mắc cỡ, cũng chẳng rõ, bẽn lẽn như một đứa trẻ đón chờ cặp mắt đen to đang nhìn y dưới lớp sa.

- Ngày vừa rồi có nhìn cái gã ấy chứ? - Shakin hỏi, cười cười, vừa vén mảnh sa lộ khuôn mặt lấp lăm mờ mờ.

- Không, không để ý!

- Cái gã ấy... hãy ngồi ở đây cái đã.

Vai kề vai, hai người ngồi dưới chân bậc thang bằng đá. May nhờ một cây tùng đổ ngoài cổng chùa, thân cây gầy, khúc khuỷu cho bóng mát.

- Gã ấy là một samurai đẳng nhà quan án Fujiwara đây.

Shakin nói vậy, ngồi xổm trên bậc đá, tay giở cái nón. Đó là một thiếu nữ trạc hai lăm, hai sáu, dáng người tầm thước, chân tay uyển chuyển nhanh nhẹn như một con mèo. Gương mặt nàng là tập hợp của một vẻ man dại dị thường và một sắc đẹp lạ lùng. Vàng trán thấp, đôi má bầu, hai hàm răng tươi tắn, đôi môi khêu gợi, cặp mắt sắc, và đôi lông mày kiêu kỳ - tất cả vẻ đẹp đó không có thể có tất cả trên một người, mà kỳ lạ thay, nàng có cả. Không có lấy một điểm khiếm khuyết nào trên người nàng. Và điều kỳ lạ nhất là mái tóc nàng xoa trên đôi vai, ánh sáng chiếu trên tóc màu xanh và màu đen lẫn lộn, ta có thể nói là tóc nàng chẳng khác nào lông của chim quạ. Hẳn cảm thấy vẻ yêu kiều nhìn đi nhìn lại vẫn không suy suyển chút nào của người đàn bà này tự dưng có cái gì đáng ghét.

- Thế thì gã là một trong những tình nhân của cô hở?

Shakin híp mắt cười, làm như ngây thơ, lắc đầu:

- Không có ai ngu như hấn. Thiếp nói gì hấn cũng nghe theo như con chó, nhờ đó mà thiếp rõ mọi điều...

- Rõ cái gì kia chứ?

- Còn cái gì nữa, thì lại tình hình nhà quan án Fujiwara. Gã ấy bép xép lắm. Vừa mới đây gã nói cho nghe chuyện đằng đó họ mới mua ngựa, thiếp nghĩ sẽ để Taro ăn trộm con ngựa này. Gã nói là con ngựa ba tuổi gốc gác từ Michinoku. Nói chung thì đề nghị tốt chán.

- Ở đúng như vậy, đối với anh tôi, thì ý muốn của cô là một mệnh lệnh.

- Cái anh này, thiếp là chúa ghét thói ghen tuông. Thêm nữa anh lại ghen với Taro, dẫu rằng lúc đầu thiếp cũng có nghĩ một chút về anh ấy, bây giờ thì chẳng có gì cả.

- Thế thì một ngày nào đó cô cũng sẽ nói như vậy về tôi nhỉ?

- Thiếp đâu biết đến chuyện đó.

Shakin lại cất cao giọng cười:

- Nổi giận rồi hở? Thế thì để thiếp nói nghe: chuyện đó sẽ không hề xảy ra, được không?

- Lòng dạ cô là một nữ quỷ dạ xoa.

Jiro cau mày, nhặt hòn đá cạnh chân, ném ra xa.

- Có lẽ thiếp là nữ quỷ dạ xoa thật. Thế nhưng đi phải lòng con nữ quỷ dạ xoa này, thì đúng là quả báo của anh. Nếu anh còn nghi ngờ thì thiếp cũng chẳng biết ăn nói làm sao được nữa.

Trong khi nói những lời này, Shakin nhìn chăm chặp con đường một lát, rồi đột nhiên nàng đưa mắt nhìn Jiro, một nụ cười lạnh thoáng hiện trên đôi môi.

- Nếu anh nghi ngờ thái quá như vậy, thiếp sẽ nói anh nghe điều này.

- Điều tốt hử?

- Tốt chứ!

Người đàn bà ghé mặt nàng sát mặt Jiro. Mùi son phấn hòa với mùi mồ hôi thoáng đưa lên mũi Jiro, anh chàng cảm thấy bị kích động mãnh liệt, làm ngửa ran cả người, phải quay mặt đi hướng khác.

- Thiếp đã nói với lão ấy mọi điều.

- Nói cái gì?

- Thiếp tiết lộ là mọi người tối nay sẽ đến tấn công nhà quan án Fujiwara.

Jiro không dám tin là gã nghe được những lời này. Giác quan gã vừa bị kích thích đến tê liệt đã giãn ra ngay. Nghi ngờ, gã quay lại nhìn mặt người đàn bà.

- Làm gì mà phải kinh ngạc như vậy! Chẳng có điều chi quan trọng cả.

Shakin hạ thấp giọng, lấy giọng khinh bỉ.

- Thiếp nói với lão như sau: Phòng em ngủ sát ngay hàng cây thông tuyết liền với con đường cái. Tối qua, phía ngoài hàng cây, em nghe một vài người, có lẽ là những kẻ cướp, vào khoảng năm, sáu tên, bàn định sẽ tới phá chỗ của anh, ngoài ra chúng bàn định đánh ngay tối nay. Thiếp nói: em nói với anh vì em thương anh, nếu anh không phòng bị cẩn thận, sẽ nguy hiểm. Thiếp nói như thế. Vì vậy có lẽ bọn họ đã chuẩn bị sẵn sàng cho tối nay. Lão ấy hiện nay đang đi tụ tập bạn bè. Thiếp chắc là bọn họ sẽ có được vào khoảng hai mươi hay ba mươi samurai.

- Tại sao cô lại vẽ chuyện ra như vậy?

Jiro tỏ vẻ khó chịu, bối rối nhìn mắt nàng dò hỏi.

- Thiếp chả vẽ vờ gì cả.

Shakin, tỏ vẻ không bằng lòng, cười nhẹ. Tay trái nàng nhẹ nhàng vuốt ve tay phải Jiro, nàng tiếp:

- Thiếp làm cũng vì anh.

- Vì tôi?

Khi đang thốt ra những lời này, Jiro cảm thấy một nỗi lo sợ. Thế thì còn trời đất nào nữa.

- Còn không hiểu nữa hử? Nếu mình nói với Taro và yêu cầu anh ấy trộm con ngựa, dù bằng cách nào anh ấy một mình cũng không thể lấy được. Nếu những người khác giúp vào thì hợp lẽ hơn. Xong việc là thiếp và anh sẽ mãi mãi cùng nhau.

Jiro cảm thấy như toàn thân bị dội nước lạnh.

- Thế thì mình giết anh ấy còn gì?

Shakin tay nghịch cái quạt, ngây thơ gật đầu:

- Giết anh ấy thì xấu lắm sao?
- Không những xấu mà còn lừa anh ấy vào tròng...
- Thế thì anh không thể giết anh ấy được hả?

Jiro cảm thấy đôi mắt Shakin như mắt con mèo hoang soi mói nhìn gã, và trong đôi mắt nàng thoát ra một sức mạnh ghê rợn, dần dần ý chí gã hình như bị tê liệt.

- Thế nhưng thật là hèn nhát.
- Tuy hèn nhát nhưng không làm sao được.

Bỏ cái quạt Shakin hai tay nắm tay phải Jiro. Jiro nói:

- Dù như vậy, chỉ có một mình anh ấy, nhưng không có lý do gì đặt tất cả anh em khác vào tình trạng nguy hiểm.

Ngay cả khi nói như vậy, Jiro nhận thấy mình đã thua cuộc. Người đàn bà giả hoạt này không khi nào lại bỏ lỡ cơ hội đó:

- Giết một người thôi thì anh lại chịu à, tại sao?

Jiro, gỡ tay ra khỏi tay Shakin, đứng dậy, thay đổi sắc mặt im lặng đi lại trước Shakin.

- Nếu giết anh Taro là đúng thì giết thêm vài người trong bọn nữa đã sao đâu!

Shakin ngược, mắt nhìn Jiro nói.

Jiro hỏi nàng:

- Thế còn bà cụ thì sao?
- Nếu bà có chết, thì cũng là đến lúc chết.

Jiro dừng lại, nhìn mặt Shakin, thấy trong đôi mắt nàng lóe ra ánh khinh miệt và đam mê, rực lên như lò than hồng cháy.

- Vì anh, thiếp có thể giết bất cứ ai.

Trong những lời này có gì như con bò cạp chích vào người. Jiro một lần nữa thấy sợ rùng mình.

- Thế nhưng là anh ấy.
- Thế thiếp không hy sinh cả cha mẹ thiếp hay sao?

Nói xong, Shakin nhìn xuống, và đột nhiên nét mặt đang căng thẳng như chùng hẫng lại, nàng để rồi những giọt nước mắt trên cát nóng bỏng, phản chiếu ánh nắng.

- Thiếp đã nói với lão ấy rồi, bây giờ không thể lấy lại được. Nếu chuyện này đổ vỡ ra thì thiếp... thiếp... thiếp... có lẽ bị giết bởi anh em đồng bọn, hay ngay cả anh Taro.

Nghe những lời ngập ngừng của nàng, cái hùng khí giữa cơn tuyệt vọng nổi lên trong thâm tâm Jiro. Y tái mặt chết lặng, quỳ trên đất, nắm chặt, đôi bàn tay của Shakin trong hai tay lạnh

ngắt. Cả hai cùng im lặng, siết chặt tay nhau như đồng tình ý định khủng khiếp.

5

Taro nâng màn vải trắng, bước vào nhà, kinh ngạc trước quang cảnh không ngờ. Nhìn quanh, trong một căn phòng hẹp, cái cánh cửa kéo thông với nhà bếp, ngã đổ trên một tấm bình phương xếp bằng gỗ trong góc, cái chân bằng đất nung để đốt hương muỗi bị bể làm hai, lảo đảo trên sàn và tro vãi tứ tung; phần lá cây thông xanh còn lại vẫn tiếp tục cháy. Một đũa đầy tóc gái mập trạc mười sáu, mười bảy, sắc da xấu, đầu tóc bôi xù dính đầy tro, đang ở trong tay một lão già hói đầu, mập phì vì rượu chè be bét; mảnh quần áo tồi tàn che phía trước xộc xệch, cô gái vừa lấy chân đá, vừa hét. Tay trái nắm chặt tóc cô gái, tay phải giơ cao, cầm một cái bình rượu mẻ vành, lão cố gắng đổ một thứ nước màu đen tro qua đôi môi cô gái. Nước màu tro không vào mồm, mà chảy ra trên mặt, trên mắt, trên mũi cô gái. Lão già càng cố dùng sức buộc cô gái uống một giọt, lão càng trở lên bức mình. Cô gái không hề uống một giọt, và mặc dầu tóc cô nàng bị giữ thật chặt, cô ta giãy giụa đến nỗi tóc của cô như sắp bị bứt đứt ra. Tay vớ tay, chân vớ chân rồi rầm, lảo đảo lung tung. Taro từ ngoài sáng đột nhiên bước vào trong phòng tối, không phân biệt được ai là ai, nhưng thoát trông, y đã biết hai người là ai. Không chần chừ, Jiro bỏ đôi dép rơm bên, nhảy vào căn phòng xáo trộn. Ngay lập tức, gã nắm tay phải lão già, giật cái bình rượu ra khỏi tay không chút khó khăn, gầm lên:

- Lão đang làm gì vậy?

Lời nói lạnh lạnh của Taro bị cắt ngang ngay bởi câu trả lời của lão già:

- Chớ còn mày thì sao?

- Tao hả, tao đang làm cái chuyện này.

Taro ném cái bình, gỡ tay lão già ra khỏi tóc cô gái, rồi giơ cẳng đá lão già rơi trên cái cánh cửa kéo. Akogi chắc phải kinh ngạc về hành động giúp đỡ không ngờ. Bối rối, cô ta bò ba bốn thước, rồi ngẩng lên nhìn lão già đang ngã ngửa. Cô ta quay về phía Taro, chắp hai tay như thể đang lạy trước tượng Phật, run rẩy, cúi đầu. Đúng lúc đó, không để ý gì đến hình dạng nhếch nhác, cô ta lách qua bức màn trắng, chạy chân đất ra ngoài hiên. Taro đá thêm lần thứ hai lão già Inokuma khi lão hung dữ tợn đuổi theo cô gái, và khi lão ngã sấp trên đám tro, đang thở hổn hển, cô gái đã chạy ra khỏi chỗ cây sơn trà, phía nam căn nhà.

- Bớ người ta, cứu tôi. Đồ giết người.

Lão già gào to lên. Sinh lực lúc trước mất sau khi ngã ngang người trên cái cửa kéo, lão định trườn vào trong bếp. Taro nhanh tay với cánh tay dài như kiếm, nắm chặt cái cổ áo chiến màu vàng nhạt, dúm lão già xuống.

- Đồ giết người, đồ sát nhân. Cứu tôi với. Đồ giết cha.

- Đồ điên, ai mà thêm giết mày?

Taro vừa cất tiếng cười lớn khinh bỉ, vừa ấn lão già xuống dưới đầu gối. Cùng lúc, ý nghĩ muốn giết lão cuồng nhiệt nổi lên trong tâm trí Taro đến nỗi khó mà đè nén. Giết lão dĩ nhiên đối với hắn không có gì khó khăn. Chỉ cần một nhát - chỉ cần chém một nhát sau gáy, chỗ da đỏ hồng và mềm nhũn, thế là xong. Khi mũi kiếm đâm thủng tấm chiếu tatami, Taro tưởng tượng

gã cảm thấy nỗi đau khổ của một thân xác đến gần cõi chết dội lên đến đẳng chuôi, và khi rút lưỡi kiếm gã như ngửi thấy mùi máu tuôn ra. Ý tưởng này khiến gã đưa tay về chuôi kiếm quần dây liễu.

- Nói láo. Nói láo. Mà khi nào cũng nghĩ đến chuyện giết tao. Cứu tôi với. Ai cứu tôi với. Nó giết tôi, nó giết bố nó.

Như nhìn thấu suốt tim Taro, chống cự một cách tuyệt vọng, lão già Inokuma gào thét, cổ nhẩy lên.

- Tại sao mà lại đối xử với Akogi như vậy? Nói cho tao biết lý do. Nếu không nói...

- Tao sẽ nói. Tao sẽ nói. Tao sẽ nói cho mà. Ngay cả tao nói xong, tao biết mà, mà cũng sẽ giết tao.

- Đừng có lảm lời. Nói hay không thì bảo.

- Tao sẽ nói, Tao sẽ nói. Tao sẽ nói cho mà. Nhưng trước hết hãy thả tao ra. Tao không thể mở miệng vì tao bị nghẹn.

Taro làm như không nghe, tức giận cao giọng nhắc lại với giọng dọa nạt:

- Nói hay không nói?

- Tao sẽ nói.

- Đừng lảm lời. Nói hay không?

- Tao sẽ nói.

Lão già Inokuma vừa chồm lên vừa hét to, như hãy còn muốn chống cự Taro:

- Tao sẽ nói cho mà. Chỉ là tao đang cố ép nó uống thuốc. Nhưng cái con điên Akogi nhất định không chịu uống. Vì vậy tao mới phải nặng tay với nó. Đó là tất cả điều tao đang làm. Với lại, không chỉ có thế, đây là bà nó chế thuốc. Tao không biết gì về chuyện này hết.

- Thuốc? Đây là thuốc phá thai phải không? Ngay cả nếu nó điên khùng, nhưng dùng tay chân với đứa con gái khi nó không muốn, thật là thất đức.

- Đúng như tao thấy. Mà bắt phải nói, nay tao đã nói, nhưng mà còn muốn giết tao. Mà là thằng giết người. Thằng đòi bại.

- Ai nói là tao muốn giết mà?

- Nếu mà không muốn giết tao thì tại sao tay lại đang để trên chuôi kiếm? - Lão già la lên, quay cái đầu hói ướt đầm mồ hôi, mắt ngược lên, mép sùi nước bọt. Taro giật mình. Nếu ta muốn giết lão, đúng là lúc này đây - ý tưởng ấy thoáng qua trong đầu. Không nghĩ ngợi gì khác, lấy sức dựa vào đầu gối, tay nắm chuôi kiếm, Taro nhìn vào cái gáy lão già. Phía sau gáy, lưa thưa phủ vài sợi tóc màu xám, hiện rõ ra hai đường gân trên làn da đỏ nhẵn nhéo nổi gai ốc. Khi Taro nhận thấy cái gáy ấy, tự nhiên y nổi lòng thương hại.

- Thằng giết người. Thằng giết cha. Thằng nói láo. Thằng giết cha.

Tiếng hét của lão già Inokuma càng lớn cho đến lúc lão nhồm phất dậy từ đầu gối Taro. Sau

khi đứng dậy, lão ẩn mình sau cái cửa kéo đổ, mắt nhìn lão liên xem chừng có thể chạy được nếu có một chút xíu cơ hội. Khi Taro nhìn bộ mặt xảo quyết của lão với đôi mắt méo mó, cái mũi đỏ sưng phồng, gã hối hận đã không giết lão. Nhưng dần dần gã nói tay thả chuôi kiếm, môi nhếch một nụ cười nhạt như thương hại chính mình, và miễn cưỡng ngồi xuống cái chiếu cũ gần bên.

- Đầu của mày thật không xứng đáng với lưỡi kiếm của tao.

- Nếu mày giết tao thì đúng là giết cha.

Lão già Inokuma, lần này cảm thấy an toàn, dần dần từ phía sau tấm cửa kéo, đi dần ra ngoài. Yên lặng, lão ngồi quỳ đầu gối cùng trên một chiếc chiếu với Taro.

- Nếu tao giết mày, tại sao lại như giết cha? - Taro hỏi, mắt nhìn về phía cửa sổ mà như muốn nhổ một vật bẩn thỉu ra khỏi miệng. Qua cánh cửa sổ, đóng khung một mảnh trời hình vuông, hiện ra cây sơn trà, lá tẩm trong ánh nắng, phần ngọn cây chụm lại những màu xanh từ nhạt sang đậm.

- Có thể là giết cha, tao nói cho mày lý do. Shakin là đứa con ghẻ của tao. Như vậy thì mày cũng như con tao.

- À, thế thì lão lấy con làm vợ thì thế nào? Là con thú hay là người?

Lão già đưa mắt nhìn cái tay áo bị rách trong cuộc vật lộn trước đây, lải nhải nói:

- Ngay thú vật cũng không giết cha mẹ.

Taro nhếch môi, cười khẩy:

- Mày vẫn bẻm mép như mọi khi.

- Bẻm mép là thế nào nào?

Lão già Inokuma lập tức xác xược nhìn vào mặt Taro, nhếch miệng cười chế giễu:

- Thế thì tao hỏi mày, mày có tin tao là cha mày? Mày không thể tin rằng tao là cha mày?

- Không cần phải hỏi.

- Mày không thể tin?

- Không, không thể được.

- Mày thật là một thằng kiêu ngạo. Này nhé, Shakin là đứa con riêng của vợ tao với ông chồng trước. Nó không phải là con tao, nhưng tao phải coi Shakin như là con tao vì tao lấy mẹ nó, như vậy mày phải coi tao là cha mày vì mày lấy Shakin làm vợ. Nhưng vì mày không coi tao là cha. Không những vì mày không nghĩ như vậy, mà theo như chuyện xảy ra, mày lại đánh tao, có đúng không? Với lý do gì mà mày nói là tao nghĩ Shakin là con tao? Có gì là xấu khi tao coi nó như vợ? Nếu tao là một con vật vì tao ngủ với Shakin thì mày không là con vật khi mày muốn giết bố mẹ mày à?

Mắt lão già sáng lên với vẻ đắc thắng, ngón tay trở nhẫn nheo chỉ vào Taro và tiếp tục ba hoa:

- Nào, tao không có lý hay mày không có lý? Không biết liệu ngay cả mày có hiểu được những điều ấy chẳng? Tao và bà lão có tình với nhau từ hồi tao còn làm một chân vệ binh hạ cấp. Tao không biết bà ấy nghĩ thế nào về tao, nhưng tao biết chắc một điều là tao thương yêu bà ấy.

Taro không bao giờ nghĩ có thể nghe những lời đó từ miệng lão già râu rệu, quỷ quyết này. Không - đúng hơn là y nghĩ không biết có thật hay không lão già còn có được những tình cảm thường tình. Lão già Inokuma đã yêu bà già Inokuma, và được yêu lại - nghĩ đến điều ấy, Taro cảm thấy trong đầu có một sự rung động thoáng qua làm gã sắp mỉm cười.

- Sau đó tao biết bà ấy có một tình nhân.

- Thế thì bà ấy ghét mày phải không?

- Dù bà có tình nhân nhưng bà có ghét tao hay không thì chả có bằng chứng gì cả, mà nếu câu chuyện này làm chối tai mày thì thôi, tao không nói nữa.

Vẻ mặt của lão già Inokuma thật nghiêm trang khi lão ngừng lại, nhưng ngay đó, lết bằng đầu gối qua trước mặt Taro, nuốt nước bọt, lão tiếp tục:

- Bà vợ tao lúc đó có mang với người tình. Chuyện đó cũng chẳng có gì lạ. Nhưng chuyện làm tao ngạc nhiên là sau khi bà ấy sinh đẻ xong thì biệt tích. Điều tra mới biết hoặc bà ta chết vì bệnh dịch, hay là đi xuống miền Tsukushi^[4]. Theo như chỗ tao được nghe sau này, bà ấy ở một thời gian với người bà con tại Nara - zaka^[5]. Từ khi đó, tao chẳng thiết sống gì cả. Tao uống rượu, cờ bạc. Rồi tiếp đó, có người mời, tao nhập bọn đi ăn trộm dễ dàng. Nếu tao ăn trộm hàng tơ lụa, thì có tơ lụa mặc; nếu tao ăn trộm hàng vải lại có vải mặc; nhưng tao chỉ nghĩ tới mỗi bà vợ. Mười năm trôi qua, mười lăm năm sau khi bà ấy ra đi, trước khi tao gặp lại bà.

Cho đến lúc đó, lão già ngồi trên cùng một chiếc chiếu với Taro, kể chuyện, có lẽ dần dần lão mệt mỏi, trong một khoảnh khắc, những giọt nước mắt rơi trên má, và tuy lão mấp máy miệng, nhưng không nói được lời nào. Ngược một con mắt, Taro nhìn lão già sục sục, như thể lão đã trở thành một người nào khác.

- Khi chúng tao gặp lại nhau thì bà ấy không còn là người đàn bà của ngày xưa. Tao, tao cũng vậy, không còn là người của ngày trước nữa. Nhưng khi tao nhìn đứa con riêng của bà, Shakin - tao thấy nó giống hệt vợ tao hồi xưa, tựa như người vợ trẻ của tao đã trở về. Rồi tao nghĩ rằng nếu tao xa vợ, tao cũng phải già biệt Shakin. Để khỏi phải cách biệt Shakin, tao phải ở với vợ tao. Được đi - thế rồi tao cưới lại người đàn bà lớn tuổi. Quyết định như vậy, tao cất cái nhà nghèo nàn này tại Inokuma...

Lão già Inokuma gí sát khuôn mặt khóc mếu máo gần mặt Taro, khi lão kết thúc câu chuyện với một giọng đầy nước mắt, một mùi khó chịu nồng hơi rượu, mà mãi đến lúc đó Taro không để ý, tỏa ra xung quanh hai người. Taro lùi lại, giấu mũi sau cái quạt.

- Thế rồi, người vợ của thời xa xưa, người đàn bà mà tao thương yêu đến độ có thể hy sinh cả sinh mạng, thì bây giờ là Shakin của ngày nay. Mày gọi tao bằng tên gì, hoặc giả tên một con thú vật cũng được. Mày ghét tao như thế hả? Nếu mày ghét, giết tao đi thì cũng được. Mày giết tao bây giờ cũng được. Nếu mày giết tao, tao thật thỏa mãn. Nhưng mày không biết rằng giết cha mẹ, như tao, là hành động của một con thú? Thú vật giết thú vật - thật là khô hạn.

Khi nước mắt đã ráo, lão trở lại rầu rĩ và lẳng mạp. Lão vẩy vẩy ngón tay trở nhẵn nheo:

- Thú vật giết thú vật. Giết tao đi. Mày là một thằng hèn.

Lão phá lên cười:

- Vì chính mày đã vừa nổi giận khi tao muốn cho con Akogi uống thuốc, thế thì chính mày làm con Akogi có bầu. Nếu mày không là một con thú thì ai là một con thú?

Cảm thấy ngay mối nguy hiểm cận kề vì ăn nói như vậy, lão già nhảy lùi lại phía sau cái cửa kéo bị đổ, và có ý định chạy trốn, nhưng lại chường cái mặt nhăn nhoe tím bầm đáng ghét. Taro không muốn bị lăng mạ như vậy nhưng tự kìm lại được. Gã đứng dậy, tay nắm chuôi kiếm rồi nhanh miệng nhổ nước bọt vào mặt lão già:

- Này để tặng cho giống cầm thú như mày.

- Đừng có gọi tao là thú vật. Shakin không những là vợ của mày, cũng là vợ của Jiro nữa đây chứ? Ăn cắp vợ của em, mày cũng là một con thú.

Lần thứ hai Taro lại hối tiếc đã không giết lão già. Đồng thời gã cũng sợ trong lòng nổi lên ý muốn giết người. Con mắt sáng lên như lửa nhưng không nói gì, gã lấy chân đá vào tấm chiếu vừa mới ngồi và dậm bỏ đi. Nhưng lão già Inokuma vung vẩy ngón tay trở, tuôn ra những lời lăng mạ:

- Mày có nghĩ là câu chuyện có thật? Láo tuốt - về cái chuyện bà già là người yêu của tao - cũng láo. Những gì tao kể về Shakin, coi Shakin như là người vợ, cũng láo. Hiểu chưa? Láo toét hết. Ngay cả nếu mày muốn trách tao, mày cũng không thể trách được. Tao là một thằng nói láo. Tao là một con thú. Tao là một tên dê hèn xấu xa mà mày không giết được.

Để thoát ra những lời chửi rửa thậm tệ, lão già dần dần trở nên thiếu mạch lạc. Nhưng dồn tất cả nỗi ganh ghét trong đôi mắt đục ngầu, lão giậm chân, tiếp tục thốt ra những lời vô nghĩa. Bị tấn công bởi một cảm giác căm thù khó mà chịu đựng được, Taro bịt hai tai, vội vã đi khỏi căn nhà Inokuma. Bên ngoài, mặt trời đã xế về tây, những con én vẫn bay lướt trên không.

- Ta đi đâu bây giờ?

Ra ngoài, Taro bắt chợt cúi đầu tư lự khi gã nhớ lại lý do tại sao gã tới nhà Inokuma: gã muốn được gặp mặt Shakin, nhưng gã không biết đi đâu để gặp được nàng.

- Hừm... ừ thì ta đi đến cổng Rashomon và chờ ở đó tới chiều.

Thật ra, với quyết định này, gã muốn che giấu phần nào ước muốn gặp Shakin ở đó. Gã nhớ lại hồi sau này, Shakin thích mặc quần áo đàn ông vào ban đêm mỗi khi nàng đi ăn trộm, và tất cả quần áo cùng vũ khí được bỏ vào trong những bọc bằng da giấu tại nóc cổng Rashomon. Sau khi đã quyết định, gã bước những bước dài dọc theo con đường nhỏ về phía Nam rồi quặt về phía Tây tại đường Sanjo (đường số 3), đi xuống đường Shijo (đường số 4) ở bờ bên kia của sông Mimito.

Khi gã đi tới con đường chính Shijo thì có chuyện xảy ra. Taro trông thấy hai người - một người đàn ông và một đàn bà - đang nói chuyện khi họ đi qua dưới bức tường của chùa Rippon đi về hướng Nam, dọc theo con đường chính, cách gã khoảng một thôi.

Bộ áo chiến màu lá úa, cái áo kimono, hai cái bóng để vọng lại tiếng cười rạng rỡ qua từng

con đường nhỏ. Giữa những cánh én bay lượn đến chóng mặt, lấp lánh trong ánh nắng cái bao kiếm màu đen của người đàn ông. Đúng vào lúc đó, họ biến mất dạng.

Vàng trán vô tình như có đám mây che, Taro dừng bước trên vỉa hè, đau đớn lắm lắm:

- Cuối cùng, mọi người ai cũng đều là thú vật.

6

Đêm hạ dăng lên mau, dễ chừng đã đầu giờ Hợi. Trăng chưa ló dạng. Kyoto im lìm trong giấc ngủ, trong bóng tối mịt mùng. Mặt sông Kamo phản chiếu lò mờ những ngôi sao, lấp lánh màu trắng đục. Chỗ giao nhau của con đường chính và đường phụ dần dần không phân biệt rõ rệt. Hoàng cung, đồng cỏ bông bạc, những căn nhà tất cả dưới bầu trời đêm yên lặng... màu sắc và hình dạng mơ hồ lan rộng thành một khoảng không gian không giới hạn. Khu tả Kyoto lẫn vào với khu hữu, vẻ im lặng bao trùm mọi nơi, thảng hoặc chỉ có tiếng vỗ cánh của những con chim cu, ngoài ra rất không một tiếng động.

Nếu muốn thấy một ánh lửa lập lòe và tiếng thì thảo chắc chỉ có ở trong điện chùa Đại, nơi khói hương bay trước hình Khổng Tước Minh Vương (con Công của Đức Phật) mạ vàng, lốm đốm xanh lục, ánh sáng những ngọn đèn cháy đêm ngày hướng dẫn khách hành hương; hoặc giả dưới gầm cầu Shijo và Gojo, nơi nhóm sư khất thực trải qua đêm ngẩn bên cạnh ánh lửa nhóm bằng rác. Hay, đêm đêm, theo lời đồn đại, những con cáo già cổng Suzaku đe dọa mọi người từ trên mái ngói hay trong đám cỏ với những đốm lửa ma trời chập chờn. Phía Bắc từ đường Sembon, tới tận phía nam cận con đường cái Toba^[6], mùi hương xua muối như chìm sâu dưới sắc đêm. Cả một vùng hầu như không biết đến làn gió nhẹ đang lay động lá cây ngải hương trên bờ sông. Màn đêm yên lặng dần dần mở ra.

Cùng lúc ấy, ở phía Bắc Hoàng thành, gần cổng Rashomon, cuối con đường cái Suzaku, sao lại nghe tiếng bật của dây cung, có tiếng người gọi và trả lời nhau, nghe như tiếng đập cánh của lũ dơi đêm - một người, ba người, năm người, tám... những khuôn mặt dữ dần xuất hiện từ một nơi nào đó, và tụ họp lại. Dưới ánh sao mờ, người đeo gươm, kẻ mang tên, người vác búa, kẻ mang kích. Ai nấy đều cắp theo vũ khí quen dùng, chân quấn xà cạp và mang giày rơm bện, chen chúc, tụ họp thành hàng tiến về chiếc cầu đá dẫn vào trước cổng. Ngay phía bên trái là Taro, kể đó là lão già, có lẽ đã quên chuyện bất hòa vừa qua, vì trong bóng đêm lão huyênh hoang hoa đầu mũi kích sáng lóa. Kế ngay sau Jiro là mục già Inokuma, bên cạnh là Akogi. Shakin mặc bộ đồ chiến màu đen, đứng giữa, mang gươm, vai đeo một ống tên. Nàng dùng cánh cung làm gậy chống, nhìn quanh rồi ra lệnh:

- Tất cả hãy nghe đây, đêm nay công việc của chúng ta khó khăn hơn mọi khi. Ráng nhớ lấy. Đầu tiên mười lăm hay mười sáu người cùng tao sẽ vào từ phía sau, còn những người khác tiến vào từ phía trước. Chiến lợi phẩm quan trọng nhất là con ngựa vùng Michinoku ở tàu ngựa đằng sau. Trọng trách này sẽ do Taro đảm nhiệm. Như vậy đã rõ chưa?

Taro im lặng ngắm mấy vì sao, căn môi, gật đầu khi nghe điều này.

- Tao nói trước cho tụi mày hay - Shakin tiếp tục nói - đêm nay không được bắt cóc đàn bà con nít làm con tin, vì sẽ xảy ra lắm chuyện lộn xộn về sau. Thôi, nếu mọi người đã đông đủ, ta bắt đầu khởi hành.

Sau khi ra lệnh, Shakin giơ cung ra hiệu, đoạn quay lại nhìn Akogi đang đứng cắn ngón tay, từ tốn nói:

- Thôi, mày đứng chờ ở đây, mọi người sẽ trở lại đây trong khoảng từ hai đến bốn tiếng nữa.

Akogi như một đứa trẻ, lơ đãng nhìn mặt Shakin, im lặng chấp nhận.

- Thôi chúng ta đi. Đừng có chần chừ nữa, Tajomaru.

Lão già Inokuma nắm chặt cái kích trong tay, quay lại đưa mắt nhìn người đồng hành gần bên. Gã này mặc một bộ đồ chiến màu tím, tiếng thanh kiếm chạm vào vỏ vang lại từ phía gã, cùng tiếng lẩm bẩm hừm... hừm nhưng không trả lời. Bên cạnh gã là một hảo hán trẻ râu rậm, vai mang một cái rìu, lên tiếng:

- Nay chính lão mới hay sợ bóng sợ vía đây.

Tới lúc đó, hai mươi ba tên đạo tặc cùng Shakin ở giữa không nén nổi tiếng cười, họ đổ xô ra ngoài con đường cái Suzaku, túa ra lũ lượt như những đám mây mưa, sắc mặt gan lì. Bọn họ như nước bùn tràn qua đê, chảy và chỗ trũng. Trong chốc lát nhóm người biến mất như hòa trong bóng tối.

Sau khi bọn này đi khỏi, con trăng cô đơn ló dạng trên bầu trời tối lơ mờ, bóng mái hiên cổng Rashomon dọi trên đường cái. Đâu đó vẳng tiếng chim cu. Ngay cả Akogi mới vừa đứng trên bậc thứ năm của bảy bậc đá dài, đã bỏ đi đâu mất, chẳng ai nhìn thấy bóng dáng thị. Nhưng ngay sau đó, trên gác cổng, một ngọn đèn mờ được thắp lên, một cánh cửa sổ được mở, rồi hiện ra một khuôn mặt đàn bà nhỏ nhắn đang nhìn mặt trăng ló dạng xa tắp. Akogi đưa mắt nhìn xuống, Kyoto hiện ra trước mặt với những ánh đèn mờ dần, cảm thấy cái thai trong bụng cựa quậy. Thị mỉm cười, một niềm vui cô đơn dâng trào.

7

Một mình chống trả lại hai samurai và ba con chó, Jiro nâng cao thanh kiếm vấy máu, lùi xuống con đường nhỏ về phía nam vào khoảng hai, ba thôi đường[7] không có cả thì giờ để có một ý nghĩ về Shakin, không biết nàng có hề hấn gì không. Hai samurai thay phiên nhau, ráng sức tìm lúc sơ hở để giết y. Mấy con chó lông xù ra, nhảy xổ vào Jiro tấn công trước sau. Lúc đó trên mặt đường, ánh trăng tuy yếu cũng đủ soi sáng để Jiro và bọn samurai tránh những đường gươm chí mạng. Jiro không còn con đường nào khác, hoặc giết địch thủ, hoặc bị địch thủ giết. Chuyện này là dĩ nhiên, và điều này dần dần khiến y tăng sức mạnh, gạt lưỡi kiếm đối phương đồng thời phải đề phòng rằng nanh chó tấn công đằng sau. Như chuyện có thể xảy ra, trong một lúc y cảm thấy, mình đã bị thương. Dưới ánh trăng, một vệt máu đỏ thẫm hiện ra cùng với giọt mồ hôi chảy xuống từ bên thái dương, nhưng trong lúc tuyệt vọng Jiro không cảm thấy đau đớn. Cặp lông mày rộng trên cái trán tái mét, cau lại. Như mọi người sống bằng nghề gươm giáo, y múa kiếm đâm khắp hướng, không để ý đến chiếc mũ chóp đen đã rơi mất và manh áo đã bị rách.

Khó mà biết tình trạng này kéo dài bao lâu, nếu một samurai trong khi vung kiếm, không đột nhiên mất thăng bằng, hét to lên. Lưỡi kiếm của Jiro đã cắt ngang phía trên bụng gần ngực đối phương, tiếng xương bị chém nghe đánh xoạc, lưỡi kiếm chém ngang, lấp lánh phản chiếu ánh trăng trong màn đêm lù mù. Jiro chém ngược lưỡi kiếm, quét ngang đường gươm của samurai thứ hai, chém đối thủ bên vai. Đối thủ chạy trở lại hướng vừa mới tới, trong khi đó Jiro đuổi theo muốn kết liễu y. Cùng một lúc, một con chó săn nhảy chồm tới như một quả cầu, ngoạm vào tay Jiro. Jiro lùi lại một bước, vung lưỡi kiếm qua khỏi đầu, y cảm thấy mất hết can đảm, thân thể hầu như rã rượi. Y nhìn bóng đen của đối thủ chạy dưới ánh trăng, và như tỉnh

dây sau một cơn ác mộng, mới hay ngay trước mặt là cổng chùa Ryuhon.

... Cách đây đúng một giờ, nhóm đạo tặc đang tấn công vào phía trước dinh thự quan án Fujiwara hoảng kinh khi thấy những mũi tên bay túa ra từ trong và ngoài chái nhà chứa xe, và từ hai bên phía cổng giữa. Juro Makinoshima tiến thẳng lên, bị thương nặng tại đùi, ngã người xuống như bị trượt chân. Trước tiên là Juro, và trong một hơi, hai hay ba người bị thương ở mặt hay ở vai, vội vã quay trở lại. Có bao nhiêu xạ thủ, chẳng ai biết. Tiếng rít của tên đuôi gấu lông chim trắng hay đen lẫn với tiếng xoáy của loại tên đầu khắc hình củ cải. Tên bay tới tấp. Một mũi tên lạc bay tới xuyên qua tay áo Shakin, tuy nàng đứng mãi phía sau.

- Tụi mày dám đụng đến thủ lĩnh! Bắn, bắn. Bên ta cũng có tên mũi sắt, bắn!

Heiroke Katano đập vào cán búa, gào to đến nỗi có người há hốc miệng ồ lên. Liền đó, tiếng tên từ phía bên đạo tặc bay vù vù. Tay nắm chặt chuôi gươm, Jiro còn đang lưỡng lự, cảm thấy có sự trách móc trong lời nói của Heiroke; y đứng bên cạnh Shakin, liếc mắt nhìn trộm khuôn mặt Shakin, cố không cho nàng biết tình ý. Trong lúc hỗn độn, Shakin đứng sang một bên, điềm tĩnh, quay lưng về phía mặt trăng, dựa người chống vào cung, khoe miệng nhếch một nụ cười, nhìn chăm chăm vào những mũi tên bắn từ hai bên. Heiroke cao giọng nổi giận: tại sao tụi mày lại để Juro ở đó, chẳng lẽ tụi mày sợ tên đến nỗi bỏ mặc đồng bọn hay sao?

Juro đùi bị trúng tên, không thể gượng đứng lên, dùng thanh kiếm làm vật tựa, bò lúc lắc thân hình như một con quạ trụi lông. Y né tránh mũi tên này sau mũi tên khác. Chứng kiến cảnh đó, Jiro cảm thấy người run lên, tay tự động rút kiếm bên hông. Heiroke ngó ngang mặt Jiro giọng miệt thị:

- Mày muốn ở đây với thủ lĩnh thì ở, để cho thằng đàn em nào đó đi cứu Juro là đủ.

Cảm thấy lời nói châm chọc, Jiro cắn môi, trừng mắt nhìn lại Heiroke. Đúng lúc ấy bọn đạo tặc đang xông lên để cứu Juro bị khựng lại bởi sáu hay bảy con chó săn nhảy xổ ra từ phía sau cổng dưới tiếng tù và xé tai ra lệnh, trong màn tên hỗn loạn, làm tung đám bụi trắng. Trong bóng tối, ngay phía sau đàn chó, một nhóm khoảng mười đến mười lăm samurai, khí giới trong tay chạy ào ra khỏi cổng. Bọn đạo tặc chẳng chần chừ, để Heiroke múa đường búa dẫn đầu trong rừng gươm giáo dựng đứng lên. Y hét to một tiếng, không sao phân biệt được là tiếng người hay tiếng thú. Khác với sự tê liệt trước đây, bọn đạo tặc đồng hợp sức, nhảy xổ về đằng trước. Shakin cũng vậy, nàng giương cung, lắp tên, khuôn mặt không tắt nụ cười, nấp dưới bức tường bên đường đứng chờ. Trong một khoảnh khắc, nhóm đạo tặc và nhóm samurai cận chiến, gào thét điên cuồng, tùm lại phía trước và bên cạnh chỗ Juro ngã xuống, bắt đầu giao chiến. Lẫn trong tiếng hỗn độn này, hực vang tiếng chó săn khát máu. Trong khoảnh khắc, không biết bên nào chiếm phần thắng. Một tên đạo tặc trong nhóm tấn công phía hông tòa nhà chột hiện ra. Người y nhể nhại mồ hôi và bụi bặm, có vẻ bị thương hai, ba chỗ, vì người y vấy máu của chính mình. Cứ nhìn lưỡi kiếm đeo trên vai cũng đủ biết cuộc chiến bên hông rất ác liệt, ở phía đó, mọi người đang rút lui.

Người này, nương theo bóng trăng tiến gần lại Shakin hỗn hển nói:

- Dù sao, đầu mục của bọn tao đang bị bọn samurai vây ở phía trong.

Shakin và Jiro, dưới bóng mờ của bức tường, tức khắc đưa mắt nhìn nhau:

- Taro đang bị vây? Có sao không?

- Tao không biết ở trong sự việc ra sao, nhưng nếu là Taro thì không sao cả.

Jiro, ngoảnh sang một bên, không nhìn về phía Shakin. Nhưng gã đạo tặc không hay biết gì.

- Ngoài ra cả ông già và bà già, đều bị thương. Tình hình chung thì đã có bốn hay năm người phía ta bị loại.

Shakin gật đầu, rồi với giọng chua chát, nàng cất tiếng nói với Jiro:

- Được rồi, chúng ta cũng rút ra ngoài. Jiro, huyết sát bảo rút lui!

Jiro, nét mặt lo âu, dứt hai ngón tay trái vào miệng, thối hai tiếng còi lạnh lạnh, báo hiệu cho đồng bọn rút lui. Nhưng bọn đạo tặc, sau khi nghe tiếng còi, vẫn không tỏ ra có dấu hiệu rút lui, có lẽ bị vây bởi đàn chó và samurai, bọn chúng không có cơ hội trốn thoát. Tiếng huyết sát vang lên trong màn đêm ngọt ngào, tắt nghẽn trên con đường vắng. Tiếp đó có tiếng la hét của người, tiếng chó sủa, tiếng gươm đao chạm nhau - cái hỗn độn vang lên trên không như đầy những vì sao lên xa tắp trong bầu trời.

Shakin ngẩng nhìn mặt trăng, nhanh như chớp, nhú lông mày:

- Thôi đành, chỉ có chúng ta rút lui thôi.

Trước khi nàng dứt lời, và khi Jiro còn đang một lần nữa dứt hai ngón tay vào trong miệng định huyết sát thì một vài tên trong đám đạo tặc cực kỳ hỗn loạn, chạy tứ tung sang bên trái bên phải của nhóm người và chó, tiến gần lại Shakin và Jiro. Đúng lúc ấy, tiếng dây cung của Shakin bật lên và một con chó trắng đang phóng mình về phía một người, bị trúng tên ở bụng, nằm lăn ra, kêu ăng ẳng chờ chết. Một dòng máu đen phun ra từ bụng, lấm tẩm rơi trên đất. Không để ý gì đến nỗi bất hạnh của con chó, một người theo sát sau, đưa nhát kiếm chém Jiro. Lập tức Jiro giơ kiếm đỡ lại, hai lưỡi kiếm chạm nhau, bắn ra tia lửa. Trong khoảnh khắc, dưới ánh trăng, Jiro nhận ra địch thủ của mình với bộ râu quai nón đỏ, ướt đầm mồ hôi, và bộ hitatare vẽ mô hình cây anh đào. Không cần một giây nghĩ ngợi, Jiro nhận ra người đàn ông là samurai mới thấy trước cửa chùa Ryuhon. Với phát hiện này, nỗi nghi ngờ và sợ hãi đột nhiên hăm dọa gã. Có thể thì thông đồng với người này để giết không những anh ta, mà cả ta nữa? Với ý nghi ngờ thoáng qua trong đầu và nỗi tức giận đen tối hiện ra trước mắt. Jiro nắm chặt thanh kiếm, nhanh như một con thỏ rừng đang chạy, dúi nhanh lưỡi kiếm dưới lưỡi kiếm của địch thủ, đâm vào ngực y một nhát, hai chân đạp trên mặt người đàn ông ngã trên đất. Jiro cảm thấy máu nóng của địch thủ chảy trên tay y; một cảm giác ghê tởm khi đầu lưỡi kiếm đụng vào một xương sườn, và gã cảm thấy địch thủ đang thở hắt dưới đôi ủng rom bện của mình, miệng cạp cạp vào đôi ủng mấy lần. Sự kiện này dĩ nhiên kích thích khoái cảm cho ý muốn phục thù, nhưng đồng thời gây cho gã một nỗi mệt nhọc không diễn tả được. Nếu như không đang đánh nhau, gã sẽ buông thả người xuống mà nằm nghỉ. Trong khi gã đang giậm chân trên mặt đối thủ và rút lưỡi kiếm ra khỏi ngực người này, những samurai khác ủa tới từ khắp phía. Một người nhân lúc lộn xộn, lén sát ngay sau Jiro, đang giơ ngọn kích đâm vào lưng gã, nhưng khi đầu mũi kích vừa chọc rách tay áo Jiro, tên này đột nhiên ngã lăn quay úp mặt sấp trên đất. Một mũi tên như một con diều hâu vút trong không trung đã cắm sâu vào gáy y.

Chuyện diễn ra sau đó đối với Jiro như xảy ra trong mơ. Quay cuồng trong những nhát

kiếm chém từ trên sang trái sang phải, gầm lên như tiếng một con thú, Jiro chống cự không phân biệt địch thủ. Kích thích bởi sự vật xung quanh gã, những âm thanh từ những nguồn không phân biệt rõ rệt - những tiếng nói, những khuôn mặt đầm máu và mồ hôi - lui đi, lui tới không trừ cái gì cả. Đúng như dự tưởng, hình ảnh Shakin mà gã để lại đằng sau, đôi khi thoáng hiện ra trong tâm trí như tia lửa bắn tung ra từ những đường kiếm. Ngay cả khi tưởng thấy nó đang lóe sáng thì nỗi nguy hiểm của cái chết cũng đang đi tới cùng một lúc, đã làm tiêu tan đi mất. Và sau đó, tiếng gươm, tiếng tên bay như tiếng cánh của đàn châu chấu bay trên trời, không ngừng vang dội lại bởi bức tường của con đường hẻm. Jiro bị theo đuổi bởi hai samurai và ba con chó, phải dần dần tìm cách tháo chạy về hướng Nam theo con đường nhỏ. Sau khi đã loại một đối thủ và đánh lui được người khác, Jiro tự phụ nghĩ không còn phải lo sợ gì đến đàn chó nhưng chúng đều thuộc giống chó hiểm, lông đốm nâu, cả ba đều to và khỏe không kém gì con bê, và cả ba con mõm đều dính đầy máu người. Như lúc trước, chúng lẫn xả vào căn chân bên phải, bên trái. Gã đá một con trúng dưới mõm, một con khác nhảy chồm lên vai, đồng thời con khác đang dợm cắn bàn tay đang cầm kiếm. Ba con chó lại vây gã lại, đuôi dựng ngược lên, đầu cúi sát đất giữa hai chân trước như người đất, gầm gừ hung dữ. Jiro sau khi đã loại được một trong những địch thủ, có một khoảnh khắc bớt căng thẳng, không lo lắng cho lắm về đàn chó.

Gã càng khó chịu thì những nhát kiếm chặt hệt vào chân không càng làm giảm sức chạy. Nhân cơ hội Jiro không để ý, đàn chó với hơi thở nóng, dần dần và không ngừng tiến lại gần gã. Như đã xảy ra, chỉ còn dựa vào hy vọng chót và hãn hữu là đàn chó sẽ dần thối mệ vì đuổi theo gã, và như vậy gã có thể có cơ hội chạy thoát. Hai tay giữ thanh kiếm, gã sửa soạn chém vào bất cứ vật gì, và liệu mình nhảy qua lưng đàn chó đang lẫn xả vào chân gã, dựa theo ánh trăng, gã chạy hết sức bình sinh. Hơn cả một quyết định tính toán rõ ràng, điều này cũng chẳng khác gì một người đang chết đuối bám vào một cọng rơm. Đàn chó thấy gã chạy, cũng ngẩng đuôi cong bóng loáng, chân sau cào tung bụi, đồng lòng hề đuổi theo chân gã. Không những đó là bước tuyệt vọng, mà hình như gã đang chạy vào hang cọp. Jiro vừa mới quặt về phía tây tại ngã tư hai con đường tại chùa Ryuhon, thì đúng lúc đó, trước khi vượt qua được hai thối đường, gã nghe tiếng sủa của nhiều con chó vang tới tai hơn là những tiếng sủa của đàn chó săn đang đuổi theo. Như đám mây đen ngáng trên con đường soi trắng bởi ánh trăng, từ trái sang phải, một đàn chó cuồn cuộn ào tới xô nhau săn mồi. Thì ra hầu như chỉ trong chớp mắt một trong những con chó săn, nhanh chóng cắt đường, sủa vang lên tập hợp bạn, và đàn chó trở lên kích động điên cuồng, sủa trở lại cùng nhau; và trong cái điên cuồng giận dữ, gã bị quay cuồng ngay trong cái vòng vòng vây trùng điệp hỗn độn của đàn chó. Thật ra những con chó tụ họp nhau lại vào ban đêm trên những con đường hẻm như thế này là sự thường. Những đàn chó hoang dữ tợn từ mười đến hai mươi con lảng vảng săn mồi trong thành phố hoang tàn, khát mùi máu, và đã đi săn mồi từ chạng vạng tối, trên những thân người đàn bà bị bệnh dịch, bị quăng ra ngoài chờ chết. Jiro bây giờ đang ở giữa bầy chó đang tụ họp nhau để xâu xé thịt xương những xác chết. Người thấy mồi mới, chỉ trong một lát, chúng tụ họp lại đông như hạt lúa tung bay dưới cơn bão, nhảy xô lại Jiro từ khắp phía. Một con chó đen lực lưỡng nhảy xô lên thanh gươm, một con cụt đuôi, luồn nhanh như một con chồn, từ phía sau cắn vai gã. Gã cảm thấy râu mõm chó ướt máu chạm vào má mát lạnh, những chân chó dính đầy bùn cát vờn qua trước lông mày. Gã không thể chọn con nào để chém hay đâm, phía trước, phía sau đặc những ánh mắt đầy lửa xanh lè, và mõm, xúm lại quanh chân gã. Jiro đang múa kiếm chém xuống,

chợt nhớ lại lời bà già Inokuma: Nếu có phải chết thì nên chết với quyết tâm. Với những lời này vang trong tâm khảm, gã nhắm mắt buông thả, nhưng khi gã thấy hơi thở nóng hổi của những con chó chồm lên mặt để cắn cổ họng, không nghĩ ngợi, Jiro mở mắt, khoa kiếm, chém hai bên, và đã bao lần gã lặp lại những động tác này, gã cũng không rõ. Chỉ biết sức mạnh cánh tay dần dần giảm, mỗi lần giơ kiếm chém, gã cảm thấy thanh kiếm càng ngày càng nặng, và mỗi bước chân xê dịch bắt đầu không được vững vàng. Số con chó tới vượt xa số lần gã xoay sở chống cự - chúng tới từ những bãi cỏ hoang, qua những bức tường đổ, chúng tiếp tục ủa tới.

Ngước mắt tuyệt vọng, gã nhìn vầng trăng nhỏ giữa bầu trời, và hai tay cầm thanh kiếm thủ thế, thoáng như một tia lửa, gã chợt nhớ lại người anh và Shakin. Gã, người đã muốn giết người anh, hiện giờ có thể chính gã bị thảm sát, và có thể bị đàn chó ăn sống nuốt tươi. Không có sự trừng phạt nào chính đáng hơn là chuyện này. Ý nghĩ ấy làm mắt gã tự nhiên đầm lệ. Đàn chó trong lúc đó vẫn không tha gã. Cái đuôi có đốm của một con trong đàn chó vượt nhanh qua, và Jiro tức khắc cảm thấy đuôi trái của mình đang bị những răng nanh nhọn cắn sâu vào. Và vào lúc đó, từ vực thẳm của màn đêm, qua hai mươi bảy phố phường ở cả hai khu kinh thành, tiếng vó ngựa chạm trên đường từ xa vọng lên trên tiếng sữa của đàn chó, vọng lại vào tai rất mơ hồ qua ánh trăng. Như làn gió, tiếng vó ngựa bắt đầu vang lên trên bầu trời...

*

Trong khi đó Akogi đang một mình đứng trên lầu gác Rashomon, mỉm cười thanh thản, nhìn mặt trăng đang lên từ mãi tít xa. Trên cao ngọn núi Higashi^[8], mặt trăng chậm chạp, đơn côi trông sáng hơn có lẽ nhờ hạn hán - leo lên trên bầu trời xanh nhạt. Những chiếc cầu bắc ngang qua sông Kamo, như những vệt đen đang bồng bềnh trên dòng nước đầy ánh trăng màu trắng. Ngoài dòng sông Kamo ra, kinh thành mà cách đó không lâu, cho đến hồi nãy mùi thây người chết lan khắp, cũng đã hiện ra trước mắt thị lù mù soi sáng bởi một thứ ánh sáng lạnh lẽo với cái tháp chín vòng và nóc đèn, trong vùng ánh sáng và hình bóng lung linh, trông như ảo ảnh mà nghe nói dân chúng vùng Koshi^[9] từng thấy. Tất cả sự vật hầu như được bao trùm trong mơ hồ. Những dãy núi bao quanh kinh thành dường như trả lại cho trời đêm hơi nóng hấp vào ban ngày. Những đỉnh núi soi sáng bởi ánh trăng, như trầm ngâm yên lặng nhìn xuống làn sương mù bao phủ thành phố hoang tàn; và đây đó, thoảng một mùi hương nhạt của hoa lãng tiêu. Những bụi cây phủ quanh cổng, bên trái, bên phải, những cây hoa và cây leo mọc chẳng chịt, quân xung quanh cột cổng giờ đây đã cũ kỹ, bò trườn lên giữa những tấm rui và ngói đã long, cùng với màng nhện chằng khắp.

Dựa mình vào ngưỡng cửa sổ, Akogi nheo mắt, hít mùi hương hoa lãng tiêu thấu tới tận tâm can; ý nghĩ miên man, bập bênh, phần nhiều về Jiro, người nàng yêu dấu, và về cái thai trong bụng đang cựa quậy, hình như muốn ra để nhìn ánh sáng liền đó... Thị không còn nhớ gì đến cha mẹ; đến ngay cả nơi sinh thị cũng đã hoàn toàn quên từ lâu. Thị nhớ lúc còn là một đứa bé, thị được bế trên tay hay trên vai một người dưới một cái cổng sơn lờn như Rashomon, nhưng thị cũng không thể chắc chắn về chuyện này. Nhưng thị còn nhớ rất rõ những chuyện xảy ra từ khi tới tuổi biết suy nghĩ, và nhiều khi thị nghĩ tốt hơn là không nên nhớ lại làm chi. Có một lần thị bị những trẻ dưới phố chòng ghẹo, bị đẩy từ trên cao cầu Gojo xuống dưới sông. Lại một lần khác, thị bị bắt khi ăn cắp đồ ăn vì quá đói. Lần đó thị bị treo trần trường tại sán ngang Jizodo (Địa Tạng Đường), may nhờ Shakin cứu thoát và dĩ nhiên thị nhập bọn đạo tặc sau đó. Nhưng ngay cả từ lúc ấy, số phận hẩm hiu vẫn theo đuổi thị. Ngay từ khi sinh ra, dù thị là một đứa khù khờ, nhưng cũng có trái tim nhạy cảm với khổ đau. Thị thường bị mẹ già Inokuma đánh đập tàn nhẫn mỗi khi thị không làm vừa lòng mẹ; bị lão già đòi hỏi những điều

không thể được trong lúc lão say sưa; ngay cả Shakin, thường ngày tỏ ra tử tế, có thể nắm tóc thị lôi quanh; lại nữa, bọn đạo tặc thường đánh đập thị không thương tiếc. Mỗi lần như vậy, Akogi lại chạy trốn tới gác thượng Rashomon và khóc một mình tại đó. Nếu không có Jiro thỉnh thoảng tới và nói với thị những lời dịu dàng thì thị đã gieo mình lao xuống từ cổng Rashomon chết từ lâu rồi.

Một cái gì như muội bồ hóng bay phấp phới trước mặt trăng, bay lên từ mái ngói, lên bầu trời màu xanh trên ngưỡng cửa sổ.

Chẳng cần phải nói, ai cũng biết đó là một con dơi? Akogi ngược mắt nhìn trời, mê hoặc chăm chú nhìn những vì sao. Cái thai trong bụng lại động đậy. Thốt nhiên, lần này thị để ý đến cử động của cái thai. Khi lòng thị cố chống cự để thoát khỏi nỗi đau đớn làm người, cái thai trong bụng thị cũng chống lại để bước ra nếm cái nỗi đau khổ làm người ấy. Nhưng Akogi không trầm tư nghĩ ngợi về điều này. Cái nỗi vui vì chính thị sắp trở thành một người mẹ - tựa như mùi thơm hoa lãng tiêu tỏa tới bao khắp thân thể thị.

Trong khi đó thị tự hỏi có phải cái thai cự quậy tại vì nó không ngủ được. “Con ơi, con là một đứa trẻ ngoan, ngủ yên đi con. Trời cũng sắp sáng rồi”. Tuy cái thai chỉ cự quậy trong bụng một lát, nhưng không được bao lâu, con đau càng tăng dần. Akogi cúi mình nép dưới cửa sổ, tránh không nhìn ngọn đèn dầu lù mù, thị cố gắng an ủi đứa trẻ trong bụng, cất giọng nhẹ hát:

Cho dù sóng, ới a, phủ Núi Tùng[\[10\]](#),

Có đâu vì duyên mới, ới a, mà đem lòng, ới à, anh phụ em.

Lời bài hát, thị chỉ nhớ lờ mờ như ánh đèn le lói bập bùng lên xuống trên gác thượng yên lặng. Một bài hát mà Jiro thích hát khi gã uống rượu say, có thể lim dim đôi mắt, gõ quạt đánh nhịp, và hát đi hát lại bài này. Shakin lại cười, tay vỗ nhịp theo và nói điệu hát gì mà lạ ghê. Cái thai trong bụng chắc cũng phải thích bài hát ấy.

Nhưng đứa trẻ chưa sinh có đúng là hồn máu của Jiro hay không thì chẳng ai biết. Đến ngay cả Akogi cũng cảm như hén về chuyện này. Nếu có ai trong bọn đạo tặc chòng ghẹo tra hỏi ai là cha đứa bé, thị chỉ khoanh tay, đôi mắt e thẹn nhìn xuống, nhất định im lặng. Lúc đó một ánh hồng con gái lại ửng lên trên gương mặt lúc nào cũng lem luốc, và đôi mi rớm lệ; thấy vậy, bọn đạo tặc lại càng chế giễu cái ngu xuẩn của thị không biết cả ai là cha đứa trẻ thị đang mang trong bụng... Nhưng Akogi trong thâm tâm nhất quyết tin rằng cha cái bào thai là Jiro. Thị tin đương nhiên đó là đứa con của Jiro, người mà thị thương yêu, thì mới đến trọ ở trong bụng thị. Bất cứ lúc nào, mỗi lần thị ngủ một mình trên gác thượng này, Jiro luôn luôn hiện ra trong giấc mơ của thị; vì vậy đối với thị, nếu Jiro không phải là cha đứa bé thì ai là cha đứa bé? Mắt mở trừng nhìn vào trong khoảng không, Akogi cất giọng hát, mặc cho đàn muỗi bu tới đốt, để mặc mình chìm vào trong mơ, những giấc mơ đẹp, thật là đẹp, mà không ai có thể mơ như thế nếu đã không trải qua những năm tháng đầy nước mắt; phải rồi, đó là những giấc mơ để quên đi những nỗi đau khổ làm người. Trong đáy mắt, mọi chuyện xấu xa đều bị quét sạch, và tan biến đi. Nhưng nỗi buồn cô đơn làm người lại như ánh trăng kia tràn ngập khung cửa sổ, và cái sầu khổ to lớn của con người vẫn động lại sừng sững.

Cho dù sóng, ới a, phủ Núi Tùng,

Có đâu vì, ới a, duyên mới...

Giọng hát dần dần se nhỏ lại như ánh đèn bập bùng, tắt ngấm, và rồi một giọng rên rĩ không còn sức lực bắt đầu bật ra như thể mời màn đêm đến. Đột nhiên, giữa chừng bài hát, Akogi cảm thấy bụng đau quặn lại.

*

Nhóm đạo tặc bị đối phương đánh lừa vì đã chuẩn bị trước; những người tấn công vào cổng bên bị chống cự lại bởi những mũi tên, những kẻ tấn công ở cổng giữa thì bị chặn bởi nhóm samurai, chiến đấu rất ác liệt. Không đếm xỉa gì tới tài năng của những samurai trẻ hơn, một vài tên trong nhóm đạo tặc tiến tới trước, nay phải liều mạng tìm đường rút lui trong hỗn loạn. Trong đám này, lão già hèn nhát Inokuma muốn tẩu thoát trước đồng bọn, không may nhằm phương hướng, lọt vào tròng một nhóm samurai đao kiếm trên tay. Có lẽ với thân hình béo phệ của một sấu rượu, và cách vênh vang cầm kích, ai cũng tưởng rằng lão phải là một kiện tướng. Bọn samurai nhìn lão và đưa mắt nhìn nhau và hai người, kể đến ba người, mũi kiếm chĩa về phía lão già, dè dặt tiến kẻ trước người sau quanh lão.

- Đừng có lộn xộn, tao là gia nhân trong phủ đây.

Lão già Inokuma tuyệt vọng gào lên như điên dại.

- Đồ nói láo. Mày tưởng tụi tao điên mà tin vậy sao! Mày là lão già gian ác đã vào cửa tử.

Vừa sỉ nhục lão, bọn samurai dùng kiếm tấn công lão rất nhanh. Đã đến sự thể này, tuy lão muốn tìm đường tẩu thoát, nhưng giờ đây không còn lối khác. Mặt lão tím lại như một xác chết.

- Tại sao tao lại nói láo? Láo chỗ nào?

Lão mở to hai con mắt, và không ngừng nôn nóng tìm một đường tẩu thoát. Mồ hôi lạnh ứa ra đầy trán, hai tay không ngừng run rẩy; ở bất cứ chỗ nào, lão cũng thấy cuộc đấu ác liệt - chết - sống - xảy ra giữa bọn đạo tặc và nhóm samurai. Dưới ánh trăng yên lặng, tiếng đao kiếm cùng tiếng hét của bọn samurai và đạo tặc vang lên không ngừng. Nhận thấy không còn đường thoát cặp mắt nhìn thẳng vào những đối thủ, lão bỗng biến thành một con người khác, sát khí đằng đằng, nhe hai hàm răng, nâng nhanh cây kích, ngang ngược khua một đường như để dọa bọn này:

- Tao nói láo điều gì? Đồ ngu, đồ gian tà, đồ súc sinh, có giỏi lại đây!

Tiếp theo lời nói là những tia lửa lóe ra từ mũi kích của lão già. Một samurai lực lưỡng trong nhóm, có cái bốt đỏ, tiến lại gần lão hơn những người khác, và giơ kiếm chém liên tiếp. Vì lão đã luống tuổi nên ngay từ đầu không phải xúng tay địch thủ của người samurai này; chưa được mười hiệp đụng độ giữa gươm và kích, đường kích yếu dần, lão lần lần thụt lùi. Cuối cùng lão bị đối thủ đuổi tới giữa con đường nhỏ, đang lúc tưởng tháo thân được thì lúc đó gã samurai hét to lên một tiếng, cúi người xuống, chém một nhát kiếm tài tình chẻ đôi cán kích. Nhát kiếm sau, lần này từ đầu vai phải xuống ngực, chéo hai đường như cổ áo cà sa. Lão già Inokuma ngã phịch xuống, mở to hai mắt hầu như lòi ra ngoài, và trong cơn đau và sợ hãi, lão vội lê người lùi lại, rên rĩ với giọng run rẩy:

- Đồ đánh lén, tụi mày thắng tao nhờ đánh lén. Cứu tôi với. Đồ đánh lén.

Ở phía sau lão già, người samurai có vết bớt đỏ, gươm cao thanh kiếm nhuộm máu. Lúc đó, đột nhiên từ đâu đó, nếu không có một con vật hình thù như khỉ chạy đến, cái áo vải gai bay phần phật dưới ánh trăng - chạy vào giữa hai người thì lão già Inokuma, lúc đó hồn đã lìa khỏi xác. Nhưng con vật như khỉ ấy nhảy vào giữa samurai và lão già, nhanh như chớp, đâm một gươm ngắn suốt qua ngực gã samurai, đồng thời con vật này cũng bị lưỡi kiếm cắt ngang, và nhảy thẳng lên như chân giẫm phải cái kẹp sắt nóng bỏng, nứu vào đầu gã samurai rồi ngã đánh thịch một cái cùng một lượt với gã samurai.

Và một cuộc chiến ác liệt xảy ra, hầu như cả hai không phải là con người. Đánh đấm, cắn, kéo tóc! Đôi lúc không ai phân biệt được cả hai, cuối cùng, con vật như khỉ lật được lên trên, đâm nhanh một nhát gươm ngắn thứ hai; mặt của gã samurai bị đè dưới, tức khắc trở lên tái nhợt, chỉ có vết bớt trên mặt còn lại màu đỏ như trước. Cùng lúc đó, con vật giống như khỉ, có lẽ vì kiệt sức, rũ người xuống đè lên trên thân gã samurai, mặt ngửa lên trên, và dưới ánh trăng, lần đầu tiên khuôn mặt như cóc nhằn nheo của mục già Inokuma hiện ra.

Mục nắm vắt qua xác gã samurai, hai vai nhô lên thở khó khăn, còn nắm chặt nắm tóc đỉnh đầu của đối thủ trong tay trái, và không hề thả ra, thỉnh thoảng mục tiếp tục đau đớn rên rỉ. Cuối cùng trợn tròn đôi mắt trắng dã, hai ba lần, mục cố sức rên rỉ nhiều lần qua đôi môi khô quắt:

- Ông ơi, ông ơi.

Mục tha thiết khẽ gọi chồng. Nhưng chẳng có ai trả lời. Lão già Inokuma, ngay sau khi được người vợ già cứu thoát, đã vội trườn ra, quăng ngay vũ khí và những đồ linh kính, nhanh chân tẩu thoát. Đằng sau lão, dây đó trên con đường nhỏ, một vài tên đạo tặc tay còn vung vũ khí, tiếp tục chiến đấu chí mạng. Nhưng tất cả những người này cũng như gã samurai nằm kia, đối với bà già đang ngắc ngoải chờ chết, chỉ còn là những kẻ qua đường xa lạ. Nhiều lần với một giọng yếu ớt, mục già Inokuma cất tiếng gọi tên chồng; và đau khổ hơn cả những cái đau của vết thương mục đang chịu đựng là nỗi buồn khi không có ai trả lời. Hơn nữa thị lực yếu dần, mọi vật quanh mục trở thành mờ mờ. Bầu trời đêm bao la bao phủ mục, và mặt trăng bạc nhỏ treo trên đó - ngoài ra, mục chẳng còn phân biệt được gì cả.

- Ông ơi.

Miệng đầy nước dãi và máu, mục già thều thào thốt ra lời đó. Trong tận cùng của trạng thái mất ý thức, hay có lẽ tận cùng của một giấc ngủ mà mục không bao giờ tỉnh giấc trở lại nữa, mục chìm dần vào trong hôn mê.

Cùng đúng lúc đó, Taro trên lưng con ngựa lông màu nâu hạt dẻ, miệng ngậm lưỡi kiếm vấy máu, hai tai nắm giây cương vụt qua như một cơn bão. Con ngựa, chẳng cần phải nhắc, chính là con ngựa ba tuổi vùng Michinoku mà Shakin đã nói tới. Bọn đạo tặc chạy tóa ra ngoài đường, bỏ mặc xác chết lại đằng sau để rút lui, và con đường nhỏ dưới ánh trăng được bao phủ bởi một lớp trắng mỏng như sương mù. Mái tóc rối bù để gió nhẹ thổi, Taro đảo mắt nhìn quanh một vòng tỏ vẻ tự mãn trước một đám người ồn ào chửi rủa và la hét đi sau.

Chuyện đó cũng không vô lý. Khi nhận thấy bọn đạo tặc bị thất bại, Taro quyết tâm nếu y không lấy được một vật gì thì y sẽ lấy con ngựa này. Theo đuổi quyết định này, tay nắm chặt chuôi kiếm, chém người samurai đang đứng cản trên đường, tiến vào cổng một mình, y không gặp trở ngại gì khi đưa chân đạp đổ cánh cửa chuồng ngựa. Ngay sau khi cắt dây buộc ngựa,

nhảy lên lưng con vật, và hầu như không để phí một giây, để con ngựa đá người samurai cản trở, y phóng ra ngoài như bay vào trong đêm tối. Y không có thì giờ để đếm đến số vết thương nhận được trong cuộc mạo hiểm này. Tay áo rách toác; sợi dây buộc trên cái mũ chóp đen lông bay phấp phới, cái quần phía ngoài rách bao nhiêu chỗ cũng nhuộm mùi máu hăng hắc, nhưng nghĩ đến việc mình đã phải vượt qua mấy rừng gươm giáo, gặp một thì chém một gặp hai thì chém hai - y rất hồ hởi, không một chút hối tiếc. Y nhìn con đường, một nụ cười tươi hiện trên khóe miệng, đắc thắng thúc con ngựa.

Trong nơi sâu thẳm của tâm hồn Taro có hình dáng Shakin, và đồng thời cũng có Jiro. Càng trách mình vì quá yếu đuối để làm chính mình thất vọng, trong trái tim y càng vẽ ra, như một giấc mơ, cái ngày khi trái tim Shakin nghiêng về y. Dịp này y đã trộm được một con ngựa, và chẳng có ai có thể thực hiện được điều này. Những đối thủ của y đã đồng lòng chiến đấu, lại nữa, bọn họ đã được thượng phong nhờ địa lợi. Nếu Jiro mà lãnh trách nhiệm này thì, trong trí tưởng tượng của y, trong một lúc đã liên tưởng tới cảnh đứa em trai bị chém và ngã dưới đường kiếm của bọn samurai. Điều này, dĩ nhiên đối với y cũng chưa chắc đã là hình ảnh mà y không thích. Thật ra trong đầu y đã cầu mong sao cho chuyện này thành sự thực. Nếu bản thân không phải nhúng tay vào mà giết được Jiro, lương tâm y sẽ không hề bị cắn rứt. Lại nữa, nhờ đó y không còn lo sợ Shakin ghét y. Mới nghĩ tới đó thì ngay chính y cũng thấy những ý tưởng đó làm y xấu hổ về hành động dối trá của mình. Thế rồi y đưa tay phải cầm thanh kiếm ngậm ngang miệng, chùi vết máu.

Đúng lúc y cài thanh kiếm sạch vào vỏ, phóng qua ngã tư đường, trên con đường đi qua, y nhìn thấy một đàn chừng hai mươi hay ba mươi con chó đang sủa ăng ăng. Và ở giữa đàn chó, chỉ có mỗi một người, hình dáng một người đang nắm một thanh gươm, lưng dựa vào bức tường đồ tối mập mờ. Trong một lúc, con ngựa hí vang, vẩy cái bờm dài bốn vó tung mù bụi chở Taro đến như một cơn gió.

- Jiro?

Taro quên ngay chính mình, cau mày khi nhìn thấy đứa em. Jiro cũng vậy, một tay vung kiếm, quay đầu và nhìn thấy người anh. Và vào lúc đó, cả hai đều thấy có điều chi ghê sợ ẩn dưới đáy mắt của hai người. Chỉ một thoáng qua thôi. Con ngựa ở giữa đàn chó dường như bị đe dọa. Vươn cao đầu trong khoảng không và hai chân trước xoay một vòng tròn lớn, con ngựa chồm lên và phóng nhanh hơn trước, để lại phía sau đám bụi xoáy trắng trong màn đêm, cuộn cuộn thành một cột trong một lúc. Ở giữa đàn chó hoang, Jiro vẫn còn đang đau đớn vì vết thương, đứng với thế tự vệ như trước...

Trên khuôn mặt Taro, trong một lúc tái mét không có bóng một nụ cười. Trong thâm tâm y, tiếng của ai thì thào: chạy, chạy đi - trong vòng một giờ - hay chỉ cần nửa giờ thôi chỉ cần y bỏ chạy, là tất cả đều xong hết. Điều gì y cần làm, hay đến một lúc nào đó sẽ phải làm mà thôi, thì đàn chó sẽ làm thế chỗ y.

Tiếng thì thào: “chạy đi, tại sao mày không chạy đi?” không rời bên tai. Phải rồi, một lúc nào đó phải hành động. Làm sớm hay làm muộn thì cũng giống nhau thôi! Nếu ngược lại em ta vào trường hợp này, cũng không hành động khác gì đối với ta. - Chạy đi, Rashomon không còn xa! Thoáng trong con mắt còn lại lóe lên ánh sáng của người đang lên cơn sốt, như nửa tỉnh nửa mơ, y thúc chân vào bụng con ngựa. Quất đuôi và dựng bờm trong gió, con ngựa chồm lên

lầm tóe lửa dưới vó, chạy thẳng. Hết một chặng, hai chặng đường, dưới ánh trăng, con đường nhỏ dưới chân Taro cuộn cuộn chảy ngược lại.

Nhưng rồi, bất chợt cái tiếng gọi thân ái của ngày xưa thoảng qua dâng tràn lên, thoát ra khỏi đôi môi: “Em!” Đứa em trai của y, cùng máu mủ, y không làm sao quên được. Tay nắm chặt giây cương, Taro nghiêng rặng như biểu lộ một sự thay đổi thái độ. Trước cái tiếng gọi này, tất cả những lý luận của y tan biến, bị quét sang một bên. Không còn cái chuyện thôi thúc y phải chọn lựa giữa Shakin và đứa em trai. Đột nhiên như một lần sét, tiếng gọi này làm nhói thẳng trái tim. Y không còn nhìn thấy bầu trời, không còn nhìn thấy đường đất, không nhìn cả thấy mặt trăng. Cái y nhìn là màn đêm mù mịt, y nhìn tới tận đáy của tình thương yêu, của hờn ghét, như chính màn đêm. Taro như điên, gọi tên người em trai, rồi xoay mình lại, y giật mạnh cương. Đầu con ngựa đổi hướng, mồm đầy bọt trắng như tuyết, con ngựa nâu màu hạt dẻ ấy, bốn vó đập trên mặt đường như muốn vỡ đất ra. Một lúc sau, Taro với một con mắt lóe lên như ánh sáng trên gương mặt đen tối, dữ tợn, phóng trên mình ngựa nhể nhại mồ hôi, quay ngược lại con đường vừa đi.

Tới gần, Taro hét lớn:

- Jiro!

Khi y thốt ra tên đó, một trận bão xúc động nổi lên từ trong trái tim, trào ra mạnh mẽ. Cái tiếng ấy vang lên như âm vang đập trên một thanh sắt nung đỏ, chói tai Jiro. Jiro liếc nhìn người anh trên mình ngựa. Không phải người anh mình vẫn gặp mỗi ngày. Cũng không phải người anh đã phóng trên mình ngựa bỏ đi lúc nãy không lâu, người anh chạy trốn. Cặp lông mày Taro nhăn lại, răng cắn chặt môi dưới và con mắt độc nhất sáng rực kỳ lạ; Jiro nhìn thấy ở đây tình yêu thương giống hầu như tính ganh ghét, cho tới bây giờ y chưa từng thấy - một tình thương bỏng cháy kỳ lạ.

- Jiro! - Taro hét - nhảy lên mau!

Như một ánh sao băng, Taro vòng ngang con đường, thúc ngựa vào đám chó. Đó là tình trạng cấp bách không thể chần chừ. Đột nhiên phóng thanh kiếm đang cầm trong tay ra thật xa rồi chạy theo sau, nhân lúc đàn chó rụt cổ tránh để lộ một khoảng trống, Jiro chạy theo con ngựa, nhanh nhẹn nhảy lên cổ con ngựa. Taro lúc đó cũng vươn cánh tay như khi, nắm lấy cổ áo người em và nhanh nhẹn lấy hết sức bình sinh nhấc hẳn lên. Ngựa tung bồm dưới ánh trăng, vừa quay đúng vòng thứ ba, Jiro đã ngồi trên lưng ngựa, tay vòng qua ôm ngực người anh. Đúng lúc đó, một con chó đen, mồm nhuộm đầy máu, tru lên dữ dội, khuấy tung bụi và nhảy lên lưng ngựa. Những cái răng nhọn hoắt nguy hiểm sắp cắn vào đầu gối Jiro, nhưng Taro đã giơ chân thúc mạnh vào bụng ngựa, con ngựa hí lên, nhanh nhẹn quất đuôi, và con chó chồm lên sát qua đuôi ngựa, định dớp cả Jiro nhưng không được, ngã quay trong đám đồng loại đang quay cuồng.

Nhưng Jiro ngược mắt ngậy ngất như trong một giấc mơ say mê. Y không thấy trời mà cũng chẳng thấy đất. Khuôn mặt của người anh, người mà y đang ôm, một nửa khuôn mặt của người anh soi dưới ánh trăng trong lúc đang chăm chú nhìn thẳng vào con đường hai người đang phi ngựa. Khuôn mặt hiền hòa, trang nghiêm phản chiếu trong đôi mắt Jiro. Y cảm thấy trái tim dần dần tràn ngập một tình cảm thanh thản không bờ bên; thứ tình cảm an ủi mạnh mẽ yên

lặng mà từ khi y xa khỏi vòng tay chăm sóc của bà mẹ, y không còn thấy trong nhiều năm qua.

- Anh!

Như quên y đang ở trên lưng ngựa, ôm lấy người anh và khoan khoái mỉm cười, Jiro để má mình áp trên cái áo xanh đậm của Taro và khóc.

Một giờ sau, cả hai lặng lẽ phóng qua con đường chính Suzaku. Người anh vẫn giữ im lặng; và người em cũng chẳng có gì để nói. Tiếng vó ngựa vang trong màn đêm.

Trên bầu trời trên cao, sông ngân hà lạnh đang trôi.

8

Trên cổng Rashomon, ngày chưa hừng đông. Nếu có ai từ dưới nhìn lên, chắc sẽ thấy ánh trăng đêm mười sáu ngả dần trên lan can tróc sơn son và trên những viên ngói dầm sương mai lạnh. Dưới cổng, hai cái mái cong vươn cao đón nhận ánh trăng cùng gió, đàn muỗi cỏ từ trong bụi không ngừng châm chích cái màn tối lơ mờ, không khí nóng ẩm ngọt ngào ứ đọng thành mùi chua chua. Nhóm đạo tặc rút lui khỏi dinh thự quan án Fujiwara đang đứng trong bóng tối quanh một cây đuốc gỗ thông, tỏa sáng lơ mờ. Tụm năm tụm ba, kẻ đứng người nằm, có người trườn ra khỏi chân những cột tròn; tất cả đều đang bận rộn băng bó vết thương.

Trong đám người bị thương, nặng nhất là lão già Inokuma. Lão nằm trên cái áo ngắn khoác ngoài cũ bằng lụa của Shakin trải ngay trên đất, mặt ngựa lên, đôi mắt lúc nhắm lúc mở, đôi khi như sợ hãi điều chi, lão lại rên la với giọng khàn khàn.

Trong đau khổ và mệt mỏi, lão không biết đã nằm như vậy mới một chốc hay dài đã cả một năm. Những bóng ma, dường như cười cợt lão, người đang chờ chết, lui tới không ngừng trước mắt. Đối với lão, những bóng ma hay những sự việc đang diễn ra dưới cổng Rashomon, hợp với nhau hoàn toàn như thuộc về cùng một thế giới. Từ dưới đáy vực của hôn mê, lão không phân biệt được không gian hay thời gian, nhưng lão có thể tái lập với một sự chính xác và theo một trật tự nào đó bên ngoài phạm vi lý trí cả cuộc đời thối tha của mình và lão sống lại lần nữa những cảnh tượng đó.

- Ê, bà già! Chuyện gì xảy ra cho bà vậy? Bà già ơi!

Lão kinh hoàng vì những hình ảnh ghê sợ ma quái hiện ra từ đêm tối, rồi lại biến mất vào trong đêm tối; thân thể quần quai, lão rên siết.

Heiroku Katano, vết thương trên trán được băng bó với miếng vải của tay áo trong, ghé sát mặt lão già:

- Bà, bà đã đi cực lạc rồi, có lẽ đang ngồi trên tòa sen đợi mây tới.

Thốt ra những lời đó, Heiroku phá lên cười với chính lời giễu của gã, xong quay lại nhìn Shakin, ở một góc xa, đang coi vết thương đùi của Juro Makinoshima. Gã nói với nàng: Thủ lĩnh, ông già dường như đau đớn lắm, khi thấy ông ấy đau đớn như vậy thật khổ, hay cho ông ấy một nhất?

Shakin cười từ tốn;

- Đừng nói đùa, nếu ông già phải chết, hãy để ông ấy chết một cách tự nhiên.

- Thế hở, thôi thì để như vậy.

Lão già Inokuma nghe được những lời đối thoại này, linh cảm đang đứng trước cái chết và nỗi sợ hãi ủa khắp người. Thân thể lão bắt đầu như đông cứng lại. Lão lại rên lớn. Mặc dù tỏ ra hèn nhát trước mặt kẻ thù, đã bao lần lão cũng nghĩ như Heiroku đang nghĩ, nên đã đâm chết đồng bọn với mũi giáo? Đã bao lần lão đã hành động như vậy, lão cũng chẳng nhớ. Cũng chỉ trong những trường hợp như vậy, lão mới để ý đến thú giết chóc, và để muốn chứng tỏ cho những tên khác biết cái dám làm của mình khi lão hành động đã man như vậy. Và rồi, như không để ý đến tình trạng ngắc ngoải của lão già, ai đó cất giọng mũi hát trong ánh lửa bập bùng:

A hừ...

Con chồn thối sáo

Khỉ theo gảy đàn

Dế mèn cầm châu

Châu chấu đánh nhịp...[\[11\]](#)

Tiếp sau, có tiếng đập muỗi đánh bốp, nhưng ai đó trong bọn, đánh nhịp, cất cao giọng: Đô ta! Hai ba người cất tiếng cười, rung rung vai, tiếng cười như nghẽn lại. Lão già Inokuma, để biết rõ mình còn sống, động dậy thân thể, mở to hai mí mắt nặng nề, nhìn ánh lửa. Ngọn đuốc tỏa ra không biết bao nhiêu là vòng tròn từ ngọn lửa, đang bị tấn công bởi màn đêm dày đặc, chỉ tỏa ra được một ánh sáng lạt. Một con bọ cam nhỏ xíu, tiếng vỗ cánh vù vù, bay sát tới gần ngọn lửa, cánh bị cháy, rơi xuống, tỏa mùi khét nồng xông đến tận mũi lão già. Chẳng mấy lúc, cũng như con bọ này, lão cũng chết, lão nghĩ vậy. Nên lão chết, thân thể cả thịt và máu đều chắc chắn sẽ bị ngẫu nhiên bởi ruồi bọ. *A, rồi đến chính ta cũng phải chết!*

Đồng bọn lão coi chuyện xảy ra vào đêm nay như chẳng có gì, ồn ào ca hát cười đùa. Qua nhận định này, lão già Inokuma cảm thấy ngay cả xương tủy lão cũng bị tấn công bởi nỗi tức giận và đau khổ, và tiếp theo cảm giác này, lão cảm thấy như có một cái máy tiện đang bắn ra những tia lửa đang lừ lừ tiến dần tới trước mắt lão.

- Đồ súc sinh, đồ bất nhân, Taro, ê, đồ đạo tặc!

Những tiếng thêu thào thốt ra từ đầu lưỡi hơi mấp máy. Juro Makinoshita hầu như quên cả vết thương đau đớn trên đùi, yên lặng quay mặt về phía lão, thì thầm với Shakin bằng một giọng khô khan:

- Ông già chắc phải thù ghét Taro ghê lắm.

Shakin nhú lông mày, nhìn lão già Inokuma, gật đầu. Vẫn cái giọng đã hát bằng giọng mũi, lên tiếng hỏi:

- Taro thế nào?

- Có lẽ không thoát được.

- Có ai nói trông thấy nó chết ai vậy?

- Tao thấy nó chống chọi với năm, sáu samurai.

- A, a, tiêu điều cực lạc, tiêu điều cực lạc.

- Jiro cũng vậy, cũng không thấy!

- Chắc cũng chung số phận.

- Taro chết, bà già mất! Ta cũng vậy, sẽ chết. Chết? Chết là gì? Ta không muốn chết, nhưng ta sẽ chết. Giống như con côn trùng kia, ta sẽ chết chẳng ra cái thá gì cả.

Tựa như tiếng vo ve của đàn muỗi cỏ khắp nơi trong màn đêm, những ý tưởng hỗn độn đè nặng trên trái tim lão. Lão già Inokuma cảm thấy cái chết không hình dạng và thích chòng ghẹo kia đang kiên nhẫn đứng chú mắt nhìn từng hơi thở của lão sau cái cột sơn son, tàn nhẫn và điềm tĩnh, nó đang nhìn chăm chăm vào cơn hấp hối của lão. Cái chết bò từng bước như ánh trăng đang tàn. Dần dần lão thấy vàng đồng tiến sát lại cái gối.

Bằng mọi cách, ta không muốn chết...

Biết đêm ta ấp ai chăng?[\[12\]](#)

Ấp cái anh chàng đất Hitachi

Da thịt thơm chẳng ai bì

Otoko trên núi ấy, lá phong chỉ sánh bằng

Tiếng tăm ta sẽ vang lừng!

Giọng hát bằng mũi hợp cùng tiếng rên rỉ của lão già. Rồi ai đó đứng gần chiếc gối lão già, nhổ nước bọt, lên tiếng:

- Tao không thấy cái con khùng Akogi đâu cả?

- Ở đúng vậy.

- Có lẽ nó đang ngủ trên gác thượng

- Ha - có con mèo đang gào trên đó.

Tất cả mọi người đều im lặng trong cùng một lúc, rồi tiếng như tiếng mèo gào vang lại trên tiếng rên rỉ từng hồi không đều đặn của lão già Inokuma. Gió bắt đầu thổi ấm giữa những cột cổng Rashomon, và mùi thơm thoảng nhẹ của hoa lãng tiêu đưa tới mũi mọi người đang quây quần.

- Đó là tiếng giả tiếng mèo.

- Bầu bạn của Akogi có thể là mèo già thành tinh thôi.

Rồi Shakin động dậy làm phát ra tiếng như tiếng sột soạt của vải chạm vào nhau, nói chen vào, ra vẻ trách móc:

- Không phải là mèo, ai đó đi coi thử xem.

Đáp lại lời của Shakin, Heiroke Katano đứng dậy, vỗ bao kiếm chạm vào thân cột. Có vào khoảng hai mươi hay hơn nấc thang leo lên trên gác thượng dọc theo cột. Tất cả trong một khoảnh khắc đều im lặng trong nỗi hồi hộp lo âu. Gió thổi thoảng mùi hương hoa lãng tiêu một lần nữa tới mọi người, và trong một lát, Heiroke trên gác thượng hét to lên một tiếng, tiếp đó

có tiếng chân của gã xuống cầu thang với những bước ngắn hấp tấp khuấy động màn đêm dày đặc như có điều gì bất thường.

- Tụi bây coi, không thể tin được, Akogi vừa mới sinh con.

Heiroku đi khỏi xuống bậc thang và hân hoan trình cho tất cả bọn một vật tròn đỏ, quần trong tấm áo cũ. Trong miếng vải hoen ố, sặc mùi đàn bà, đứa trẻ mới sinh trông giống như một con ếch bị lột da hơn là con người; ngúc ngắc cái đầu lớn một cách vụng về, nhăn gương mặt xấu xí, khóc thét lên. Tóc sơ sinh lơ thơ, những ngón tay thon dài - tất cả gộp lên cùng một lúc niềm hân hoan và kinh tởm. Heiroku nhìn xung quanh, nói huyền thuyên, dung đưa đứa trẻ trên tay:

- Lúc tao leo lên trên, Akogi đang ngồi sụp dưới cửa sổ rên siết như thể nó đang chết. Nó điên nhưng nó cũng là đàn bà. Tao nghĩ nó đang lên cơn, nên khi tao tới gần - tao mới ngạc nhiên. Ở chỗ đó trong bóng tối, có một vật gì như ruột cá quăng đi, và cái vật ấy đang khóc. Khi tao chạm vào, cái vật ấy ngo nguậy chút ít, và khi tao nhìn vào cái vật không tóc, tao cũng nghĩ rằng có lẽ đúng là một con mèo. Tao nhấc con vật lên nhìn dưới ánh trăng, và tao tìm ra đứa trẻ mới sinh này đây. Nhìn này, nó bị muỗi đốt đầy những nốt đỏ ở ngực và bụng. Akogi bây giờ cũng làm mẹ rồi.

Mười lăm hay mười sáu tên đạo tặc bu quanh Heiroku, gần bó đuốc gỗ thông; kẻ đứng, người ngồi xồm - ai cũng ngẩng cổ như chúng là những người khác, tươi cười nhìn cái đùm thịt đỏ hồng, xấu xí mới vừa chào đời. Đứa trẻ không nằm yên dù chỉ một lát, cựa quậy hai tay, hai chân, và trườn đầu về đằng sau khóc ré lên rất ngắn, và cho thấy một vật ở trong cái mồm chưa có răng.

Người trước đó hát với giọng mũi la lên:

- A, nó có lưỡi.

Lúc đó, mọi người như quên hẳn những vết thương, cười ồ lên. Rồi như theo tiếng cười, đột nhiên lão già Inokuma cất tiếng lạnh lạnh, khiến mọi người tự hỏi không biết sức lực từ đâu trong người lão.

- Tụi bây cho tao coi đứa bé! Mấy thằng đều! Cho tao coi đứa bé, tụi bay!

Heiroku thúc chân vào đầu lão, nói với một giọng dọa nạt:

- Nếu mày muốn nhìn thì coi đây. Ngoài ra nếu có ai là đồ đều ở đây thì chính là mày thôi.

Đoạn Heiroku còng người xuống, vụng về trao đứa trẻ. Lão già Inokuma mở to hai đôi mắt lơ lơ, chăm chú nhìn đứa trẻ như thể lão sắp ăn nó đến nơi. Khi lão nhìn, nước da lão tự nhiên tái lại như sáp, và trên những nét đuôi nheo khóe mắt lăm lăm tấm những giọt nước mắt. Vào lúc ấy, trên đôi môi run run, thoáng hiện một nụ cười kỳ lạ - một biểu lộ thơ ngây, chưa hề xuất hiện trên mặt lão mãi đến bây giờ. Những bắp thịt trên gương mặt bắt đầu chùng lại, dẫu rằng lão mở miệng nói, nhưng những lời nói không mạch lạc. Mọi người ai cũng biết là thần chết sắp đến mang lão đi, nhưng chẳng ai thấu hiểu nụ cười của lão.

Lão già Inokuma nằm đó, vươn dần bàn tay và chạm nhẹ những ngón tay đứa bé. Đứa bé như bị kim chọc, khóc ré lên. Heiroku định mắng lão, nhưng ngần ngừ. Có lẽ vì gã thấy bộ mặt

lão, bộ mặt phì của một con sâu rượu, đầy gân máu, vào lúc đó và chỉ có vào lúc đó thôi - sáng lên nét trang nghiêm, khó mà quấy rầy được. Ngay cả Shakin, như đang chờ đợi một sự gì, cũng hồi hộp, chăm chăm nhìn vào mặt người cha dượng, người tình của thị. Lão không nói một lời nào, nhưng trên gương mặt hiện ra nỗi hân hoan, như thể trong cái khoảng tiếp cận này, nổi lên ngọn gió thổi vào lúc rạng đông. Rồi, trên màn đêm, tận trên cao tím bầu trời mà mắt người không thể nhìn được, lão nhìn thấy lạnh lẽo hé ra ánh rạng đông, một ánh rạng đông buồn tẻ và bất tận.

- Đứa trẻ - lão nói - đứa trẻ này là con tao...

Sau khi đã nói rõ ràng, lão sờ một lần nữa những ngón tay đưa bé với bàn tay hết khí lực, rơi xuống. Shakin đứng cạnh bên nhẹ nhàng nâng lão. Hơn mười tên cướp không ai nói một tiếng, ai cũng giữ vẻ im lặng. Shakin ngẩng đầu nhìn mặt Heiroke Katano đang đứng với hai tay trong tay, thị nói:

- Dường như là tiếng đờm bị nghẹn.

Đối với Heiroke, như chẳng có chuyện gì. Lão già Inokuma, cùng với tiếng khóc của đứa bé như sợ màn đêm, tiếp tục rên rỉ yếu ớt, và như ngọn đuốc sắp tàn, lão tắt thở.

- Ông già, cuối cùng rồi cũng chết.

- Ờ, mà ít ra chúng ta cũng biết ai đã làm Akogi có mang.

- Xác sẽ được đem đi chôn dưới bụi cây hả?

- Nếu để làm mồi cho quạ rửa thì thật ác.

Trong khoảng không khí lạnh lạnh, bọn đạo tặc bàn nhau. Từ xa yếu ớt vẳng lại tiếng gáy của những con gà trống. Vùng đông bắt đầu le lói.

- Thế còn Akogi? - Shakin cất tiếng hỏi.

- Tao phủ cho nó cái áo tìm được và nó đã ngủ. Nó có sức, không có chuyện gì phải lo cả.

Heiroke trả lời với một giọng hiền hòa hơn thường lệ.

Trong lúc ấy, hai hay ba tên đạo tặc khiêng xác lão già Inokuma ra khỏi cổng. Bên ngoài, trời cũng hãy còn tối. Dưới ánh sáng nhạt của vầng trăng về sáng, những cành phía trên của bụi hoa lăng tiêu ẩm đậm đu đưa nhẹ, và mùi hương càng trở nên ngào ngạt. Đôi lúc, hầu như không nghe rõ, tiếng rơi của giọt sương từ những lá tre.

- Sinh tử là kiếp người!

- Sinh tử như phù vân!

- Mặt người chết trông lạnh hơn mặt người sống.

- Ờ, mặt lão trông chân thật hơn xưa.

Giữa những lời bàn này, xác lão già Inokuma nhuộm đầy vết máu được chôn sâu dưới bụi tre và những bụi cây hoa lăng tiêu.

Ngày sau đó, trong một ngôi nhà tại Inokuma, người ta phát hiện xác một người đàn bà bị sát hại một cách tàn bạo. Người đàn bà trẻ đẹp, mũm mĩm. Cứ theo tình trạng vết thương thì bà ta đã chống trả rất kịch liệt. Tang vật phải nói rõ ràng là một mảnh tay áo màu lá úa còn dính trong miệng xác chết. Lại nữa, có điều lạ là người đàn bà thứ hai có tên Akogi, đứa đầy tớ gái trong nhà, dù có mặt trong lúc xảy ra án mạng mà không mấy may bị hề hấn gì. Theo lời của giới hữu trách thì sau đây là những sự việc đại khái (nói “đại khái” vì Akogi là một con khùng, khó mà có thể biết được chi tiết một cách rõ ràng) xảy ra:

Akogi bị đánh thức vào khoảng nửa đêm, nghe thấy tiếng Shakin cãi vã với hai anh em Taro - Jiro. Khi Akogi còn đang cố gắng tìm hiểu nguyên nhân của cuộc cãi vã thì Jiro bất thành linh rút gươm chém ngã Shakin. Shakin kêu gào cầu cứu, định chạy trốn, nhưng Taro liền đó cũng chém thêm một nhát kiếm trong cuộc ẩu đả. Và trong một khoảnh khắc, tiếng nguyên rủa của hai người cùng tiếng than đau rên rỉ của Shakin vẫn tiếp tục. Cuối cùng khi người đàn bà tắt thở, hai anh em ôm chầm lấy nhau và khóc một lúc lâu. Qua khe hở của cánh cửa kéo, Akogi nhìn vào, nhưng thị không ra cứu cô chủ vì thị nghĩ rằng không thể để đứa bé đang ngủ trên tay bị thương.

- Lại nữa, Akogi đỏ mặt kể tiếp - người đàn ông có tên Jiro là cha của đứa bé... Rồi Taro và Jiro đến chỗ tôi đang đứng, nói tôi phải tự lo liệu lấy một mình. Khi tôi chìa cho họ xem đứa con của tôi, Jiro mỉm cười và xoa đầu đứa bé... có điều nữa là mắt ông ta đầy nước mắt. Tôi yêu cầu hai người ở lại, nhưng cả hai vội vã đi ngay. Họ nhảy lên trên lưng một con ngựa, có lẽ được buộc vào cây sơn trà, và đi khỏi. Không phải là hai con ngựa, tay bế đứa trẻ, tôi nhìn qua cửa sổ, và dưới ánh trăng, tôi rõ ràng trông thấy hai người cùng cưỡi chung một con ngựa. Sau đó tôi để mặc xác cô chủ rồi đi ngủ. Vì đã nhiều lần tôi chứng kiến cảnh cô chủ giết người nên ngay cả xác của cô ta cũng không làm tôi bận lòng.

Giới chức trách, sau một thời gian dài chỉ khám phá được chừng đó, và vì Akogi chẳng phạm tội gì, họ thả thị ra ngay.

... Rồi hơn mười năm sau, khi đứa con của Akogi đã khôn lớn, và bà ta cũng đã xuống tóc đi tu. Một hôm bà ta thấy một người đàn ông nổi tiếng dừng cảm đi ngang qua. Ông ta là một trong những cận vệ của một tướng quân họ Mỗ miền Tango^[13], và theo lời Akogi thì ông ta là Taro. Đúng là người đàn ông có khuôn mặt đỏ hoa và chỉ có một con mắt.

- Nếu ông ta là Jiro, tôi sẽ chạy tới ngay để chào hỏi, nhưng Taro làm tôi cứ... sợ... sợ là...

Akogi khi kể lại câu chuyện này có dáng dấp đáng như một cô gái dậy thì, nhưng không biết có đúng là Taro hay không, nào ai hay. Chỉ biết rằng người đàn ông trong chuyện có chú em trai nổi tiếng cũng theo hầu một chủ. Nhưng tất cả chỉ là những lời đồn đại kín đáo.

Ngày 12 tháng 4 năm Taisho thứ 6 (1917)

Cung Điền dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Inokuma, khu ở Kyoto, giữa Nishinomiya và Honkawa.

[\(2\)](#) Shijo - bomon, Một đường nhỏ theo hướng Đông - Tây gần đường Shijo (đường số 4).

[\(3\)](#) Shichihan, một trò đánh bạc.

(4) Tsukishi, tên xưa của Kyushu.

(5) Nara - zaka, khoảng giữa từ Heijo (hiện nay là Nara) và Kitsu, thuộc Yamaninokuni.

(6) Toba, một thắng cảnh ở Nhật, trong huyện Miê, kế Kyoto.

(7) 1 Cho, vào khoảng 106m, ở đây dịch là “một thoi đường”.

(8) Higashi, ngọn núi phía đông Kyoto.

(9) Koshi, thuộc miền núi Hiroku.

(10) Bài hát này phỏng theo bài thơ số 1093 bắt đầu bằng câu Kimiwo okite trong Kokin Wakashuu hay Cổ Kim, phần Azumauta tức là Đông Ca của lính thú miền Hokunku, đại ý thề thốt “Cho đến khi nào sóng dâng cao hơn ngọn núi Sue no Matsuyama (Mặt Tùng Sơn) thì lúc đó anh mới bỏ em một mình để theo người con gái khác”.

(11) Ca khúc dân gian Nhật Bản thời trung cổ, thu lượm nơi đầu đường xó chợ, có in lại trong Ryojin Hisho (Lương Trần Bí Sao) do Thái Thượng hoàng Go Shirakawa (1127 - 1192) biên tập.

(12) Một phần của bài hát được chép lại trong chương 87 của tập tùy bút Makura no Soshi (Sách gối đầu, 1000), của bà Sei Shonagon. Tương truyền là ca dao do tăng khất thực hát.

(13) Tango, địa danh cũ một tỉnh phía Bắc Kyoto.

Thân thể đàn bà

(Nyotai)

Lời người dịch:

Đây là một trong những truyện rất ngắn của Akutagawa Ryunosuke. Thân thể đàn bà được viết xong vào tháng 7 năm Taisho thứ 6 (1917).

Vào một đêm hè, người Tàu họ Dương thức giấc vì cái nóng quá oi bức. Dương nằm sấp trên giường, hai tay chống cằm, đang để mặc mình chìm đắm trong ảo tưởng mung lung, chợt thấy một con rận đang bò trên mép giường. Dưới ánh sáng lù mù của ngọn đèn trong phòng, cái phần lưng bé nhỏ của con rận lấp lánh như hạt bụi bạc, con rận bò dần về phía vai vợ đang nằm ngủ bên cạnh. Vợ ngủ say, trần truồng, hơi thở đều đều, thân hình và mặt nghiêng về phía Dương mõ.

Nhìn cái dáng chậm chạp của con rận, Dương tự hỏi không hiểu cái thế giới của loài sâu bọ như vậy ra thế nào? Giá mà đi thì Dương mõ chỉ cần hai hay ba bước, mà con rận phải bò mất cả một tiếng. Lại nữa, con rận cũng chỉ bò quanh quẩn trên cái giường. Nếu mà gã sinh ra làm thân rận, ôi cuộc đời thật đáng buồn tẻ làm sao...

Trong khi gã mặc nhiên nghĩ ngợi một cách vô định, ý thức của Dương lần lần lu mờ; và không hiểu nguyên nhân vì sao, gã cảm thấy như đang chìm trong vực thẳm của trạng thái hôn mê, chẳng phải mộng mà cũng chẳng phải thực. Rồi đúng lúc gã tưởng là mở mắt thức giấc, thì giật mình chẳng hiểu vào lúc nào hồn Dương mõ đã nhập vào trong thân con rận, đang ngo nguậy bò chậm chạp trên giường, sặc mùi mồ hôi. Sự kiện này thật kỳ dị hoang tưởng đến nỗi Dương mõ đứng ngẩn ngơ. Nhưng cái làm Dương ngạc nhiên không chỉ có chừng đó.

Trên đường đang bò, một ngọn núi cao sừng sững vươn lên. Dáng ngọn núi hình tròn, treo như một nhũ thạch từ chỗ cao vượt khỏi tầm mắt gã, buông xuống tận giường nơi gã đang đứng. Phần tiếp giáp với giường hình tròn giống như trái thạch lựu, đỏ hồng như có lửa ở trong. Chỉ trừ cái phần đó, toàn thể trái núi toàn một màu trắng, trông như miếng mỡ đông mềm và trơn láng. Một khoảng lớn ngọn núi tắm trong một thứ ánh sáng màu hổ phách dịu làm thành một hình cung với một vẻ đẹp tuyệt diệu vươn lên về phía chân trời, trong khi bóng quả núi lấp lánh như tuyết đượm màu xanh nhạt dưới ánh trắng.

Với đôi mắt mở tròn xoe thán phục, Dương mõ nhìn chăm chăm trái núi với vẻ đẹp quyến rũ. Nhưng khi gã biết được trái núi là một cái vú của vợ mình thì cũng đoán được Dương mõ đã ngạc nhiên đến thế nào! Gã quên hẳn tình yêu thương, hờn ghét, ngay cả nỗi ham muốn nhục dục mà chỉ ngẩn nhìn cái vú đồ sộ, trông giống như một trái núi bằng ngà. Trong trạng thái quá kinh ngạc, gã đứng sững sờ hồi lâu như choáng váng, quên hẳn cả mùi mồ hôi trên giường. Chỉ đến khi Dương mõ biến thành con rận thì gã mới thực sự biết được vẻ đẹp thân thể vợ mình.

Không phải chỉ giới hạn vào trường hợp vẻ đẹp của thân thể đàn bà, người làm nghệ thuật phải có khả năng nhìn như con rận.

(1917)

Lòng đã chót yêu

(Kesa to Morito)

Lời người dịch:

Đây là vở kịch gồm hai màn, được viết phỏng theo sự tích trong một truyện dài rất cổ: Genpei Seisui-ki (chuyện thịnh suy của hai dòng họ Mimmoto và Taira). Truyện này lại thoát thai từ Heikei Monogatari, một truyện khác cổ hơn, được viết vào khoảng đầu thế kỷ XII. Viết tiểu thuyết dựa trên những truyện cổ là một trong những nét đặc sắc của tác giả Akutagawa Ryunosuke. Ông nổi tiếng vì tuy viết theo lối văn mới nhưng vẫn giữ được những nét hay nét đẹp như lối văn trong truyện cổ, lại còn sáng tạo cho nội dung hoàn toàn khác hẳn, mà vở kịch này là một ví dụ.

Mặc dầu chi tiết toàn là hư cấu, đây là một chuyện có thực: Kesa là một nữ lưu quý phái, nổi tiếng đẹp và có đức hạnh, lễ nghi. Một hôm, nàng gặp lại Morito, một võ sĩ trẻ (mười chín tuổi) trong đội Ngự lâm quân. Morito say mê nhan sắc của Kesa, nên dọa già mẹ nàng nếu Kesa không chịu gặp mình. Nghe người quen đến khóc lóc báo tin, Kesa bằng lòng đi gặp Morito. Chỉ trong lần đó, hai người đã hẹn với nhau sẽ giết chồng của Kesa. Nàng sẽ gọi đầu chồng vào một buổi chiều, và khi Morito tới trong đêm tối thì sẽ sờ đầu người nào ướm để vung kiếm.

Đêm đó, để bảo toàn danh tiết, Kesa lại gọi cho tóc mình ướm, nên Morito giết lầm. Hối hận việc mình làm, và cũng nhận ra được sự vô thường trong cuộc đời - những thay đổi không ngờ được của tâm tính con người, cùng những đam mê, dục vọng, tuy ngăn ngủ nhưng nhiều khi mãnh liệt đến độ có thể làm thay đổi tất cả như có định mệnh đưa đẩy - Morito bỏ đi tu, để sám hối, và để nguyện cầu cho linh hồn của Kesa. Về sau, Morito trở thành một nhân vật lừng danh: đó là đại sư Mongaku (1139 - 1203), người sáng lập ra môn phái Phật giáo Shingoti, và đồng thời là người giúp Minamoto no Yoritomo làm nên thời đại Kamakura lẫy lừng trong lịch sử Nhật Bản.

Truyện này mang đầy triết lý của Phật giáo: sắc sắc không không, ác thiện - thiện ác. Chân tính của con người có thể tùy theo hoàn cảnh mà thay đổi hay được bộc lộ ra, chỉ vì đam mê, hay chỉ vì dám thành thực với những khát khao tiềm ẩn trong bản ngã. Ở đây, câu hỏi căn bản được nhắc lại: nghiệp chướng do đâu mà có, tự lòng ta hay tại tha nhân?

Màn 1:

Đêm yên lặng, con trăng chênh chếch. Morito rảo bước bên gò đất thấp, tiếng lá khô nghe xào xạc dưới chân. Anh suy nghĩ miên man, rồi nói một mình nho nhỏ:

Trăng lên rồi ư! Thường ta vẫn hay chờ đợi, sao đêm nay lại sợ cả ánh trăng? Mà không run sao được. Chỉ đêm nay thôi, trước khi trời sáng ta đã trở thành kẻ giết người. Cứ tưởng tượng xem, đôi bàn tay này sẽ nhuộm đầy máu, lúc đó chắc ta sẽ trông khủng khiếp vô cùng. Giá như đi giết một người mình ghét thì cũng đành, nhưng khổ tâm thay, đêm nay ta lại phải giết một kẻ mà mình hoàn toàn không thù ghét!

Người này cũng chả phải ai xa lạ: Wataru Saemon-no-jo! Tên của y bây giờ ta mới nhớ rõ, nhưng cái mặt đó thì có quên được đâu - đàn ông gì mà cứ mịn màng trắng trẻo! Khi biết được y là chồng của Kesa, quả thực là ta có thấy ghen tức, nhưng mà sau đó thì thôi, nào ta có suy

nghĩ gì thêm! Ừ, thì y cũng là tình địch, nhưng ta chả oán ghét cảm hận gì y, còn cảm động với những việc y làm là đằng khác. Nghe bà Koromogawa kể chuyện y đã lao tâm khổ tứ để chinh phục Kesa, ta cũng thấy cảm kích. Ôi chao, y đã ráng tập làm thơ để lấy lòng Kesa! Chỉ tưởng tượng đến cảnh chàng võ sĩ Watam, bình thường vốn ngây ngô chân chỉ nay đi cầm cúi làm thơ tặng gái là đã không nhìn cười được. Dĩ nhiên không phải cười để chế nhạo, vì những chân tình của y rất đáng cảm động. Đúng ra có thể nói những nhiệt tình của y dành cho người đẹp Kesa mà ta yêu quý, còn làm cho ta đây - người yêu thực sự của nàng - thấy tự ái rất được vượt ve là đằng khác.

Nói thì như thế nhưng ta có yêu Kesa thật không? Chuyện với nàng phải chia ra làm hai thời kỳ: lúc trước và bây giờ. Trước khi Kesa lấy chồng, ta đã rất mực yêu nàng - hay ngỡ là rất yêu nàng. Thực ra, giờ nghĩ lại thấy chẳng đơn thuần như thế. Ta mơ ước nàng chỉ vì thuở ấy chưa biết đến đàn bà, cho nên đúng ra là ta mơ ước thân thể của nàng. Nói có thể hơi quá một chút, nhưng tình yêu đó chỉ là dục vọng được tình-cảm-hóa cho đẹp ra, thế thôi. Sau khi không còn gặp Kesa nữa, suốt ba năm tròn ta không thể quên nàng - nhưng nếu thuở đó đã biết được thân thể của nàng rồi, chắc gì ta mãi nhớ nhung đến thế? Thực tình ta không dám khẳng định được điều này ngay với cả chính mình, nghĩ cũng đáng thẹn! Về sau, Kesa có chồng rồi, lòng ta vẫn khôn nguôi, tuy lòng thiết tha đó chỉ đầy những luyến tiếc ảm ức là đã chưa từng được cùng nàng chung đụng. Rồi với cái tình cảm đam mê cuồng nhiệt đó, ta được gần nàng, một điều ta vừa sợ, mà cũng hằng mong. Và hiện tại thì sao? Ta muốn hỏi lòng mình lần nữa: ta có thực sự yêu Kesa, hay không?

Trước khi trả lời, mặc dù không thích thú gì khi nhớ tới, nhưng cũng nên ôn lại một lượt những gì ta đã trải qua.

Nhân dịp lễ cầu siêu ở gần cầu Watanabe, ta tình cờ gặp lại Kesa sau ba năm xa cách. Từ đó, cũng trong khoảng nửa năm, ta đã xếp đặt đủ mưu mô để có được một lần hò hẹn với nàng - và ta đã thành công, không phải chỉ ở việc gặp gỡ không thôi, mà còn thỏa được ước mơ là cùng nàng chung đụng. Không cần phải nói lại, động cơ thúc đẩy ta lúc đó là những ảm ức nuôi tiếc chất chứa trong bao nhiêu năm về việc chưa biết được thân thể của nàng. Nhưng khi có được những phút riêng tư cùng nàng trong căn phòng ở nhà bà Koromogawa, tự nhiên cái nuôi tiếc ấy sao bỗng vui đi rõ rệt Ta cũng vẫn tự hỏi: Phải chăng vì lúc đó, ta đã biết được thế nào là thân thể một người đàn bà, cho nên cái đam mê ngun ngút có bớt đi chẳng? Đúng hơn là vì nhan sắc của nàng đã phai pha đi. Kesa bên cạnh ta không còn là một Kesa của ba năm về trước. Chỉ có đôi mắt đen láy long lanh ấy là không khác bao nhiêu, nhưng da nàng đã hết láng, dưới mắt đã có quầng thâm, chung quanh gò má và dưới cằm, cái trẻ trung mơn mớn cũng đã biến đi đâu mất; làm cho những đam mê sôi nổi của ta bỗng biến thành hụt hẫng. Suốt ba năm nhưng nhớ, nhưng tự nhiên ta đã phải liếc đi nơi khác khi cùng nhìn tận mặt nhau. Cái bàng hoàng ấy, bây giờ ta vẫn còn nhớ rõ.

Rồi bây giờ, những ảm ức về việc chưa chiếm được thân thể nàng đã hết, sao ta phải còn gần bó với Kesa? Dễ hiểu thôi, vì ta khoan khoái với cảm giác của kẻ đi chinh phục. Kesa vẫn bảo rằng nàng rất được chồng thương, nhưng với ta, điều này vô nghĩa. Nàng chỉ muốn khoe khoang, hay có thể chỉ vì mặc cảm sợ ta thương hại. Không hiểu sao lắm lúc ta muốn vạch trần những lời dối trá đó, nhưng nàng có dối trá hay không, thực tình ta chả biết. Có ai vặn hỏi, ta

cũng không cắt nghĩa được. Nhưng ta tin là nàng nói dối, bây giờ vẫn còn tin. Cũng còn một lý do nữa, nhưng nói ra thì quá mắc cỡ: Ta chỉ tìm nhục dục, không hẳn phải là nàng mà ta chỉ cần một thân thể đàn bà, để thỏa mãn, để dâm dục. Chắc những người cần đến gái buôn hương bán phấn cũng không ai quá thèm nhục dục như ta.

Chỉ vì thế mà ta tìm tới Kesa, và cưỡng ép nàng, để dâm dục. Cho nên với câu hỏi “ta có yêu Kesa không” lúc này, chắc khỏi cần phải trả lời. Thực ra đôi khi ta còn thấy ghét nàng là đằng khác. Lần đó, khi mọi sự xong xuôi, nàng nằm khóc rấm rức, và khi ta ôm nàng lên, thấy nàng còn khát khao thêm muốn hơn cả chính ta. Cứ nhìn mái tóc rối ren ấy, gương mặt phấn son ướm lấm mồ hôi ấy, có thể bảo rằng về cả hai mặt tâm hồn và thể xác, hẳn không người phụ nữ nào lại có thể xấu xí và đọa lạc hơn. Thành ra giá lúc trước ta có yêu nàng đi nữa, cái tình yêu cũng đã lịm chết ngay từ hôm ấy. Hay nếu ta đã không yêu nàng gì cả, ai có bảo từ ngày đó trong lòng ta đã nảy sinh ra mầm chán ngán thì cũng chẳng sai. Oái ăm thay, đêm nay, vì một người mà mình chẳng thương yêu, ta phải đi giết một kẻ mà mình không thù ghét!

Ai gây ra việc này ư? Ta đâu trách ai được, vì chính ta đã bày ra, đã thì thầm bên tai Kesa bảo “phải giết Wataru”. Chắc lúc ấy ta hóa điên, vì rõ ràng là với đôi hàm răng nghiền chặt, chính miệng ta đã rửa nàng phải giết. Mà tại sao? Thực tình ta chả hiểu! Ráng nghĩ cho kỹ thì lúc đó, càng ghét nàng, càng khinh bỉ nàng, ta lại càng thấy cần phải làm nhục nàng, và cách đích đáng nhất là xúi cho nàng muốn giết người chồng mà nàng cứ khoe khoang là vẫn thương yêu nàng rất mực. Ta như sống trong ác mộng, lý trí thì bảo đừng mà miệng lại cứ thì thầm mãi để thúc giục nàng. Trước sau là vậy, nhưng đã bảo thế mà còn chưa giải thích được tại sao ta muốn giết chồng nàng thì chỉ có thể nói là do ma xui quỷ ám, hay có một sức huyền bí nào đó đã thúc đẩy ta mà thôi.

Nào ngờ, Kesa nằm im một lát rồi vụt ngẩng lên, và bảo là nàng cũng muốn vậy. Ánh mắt của nàng thực kỳ lạ, xưa nay ta chưa từng thấy như thế bao giờ. Ôi, sao mà dễ vậy? Ta bàng hoàng, không kịp được ý nghĩ “đồ gái lăng loạn!” Trong thất vọng chơi vơi, ta bỗng nhận ra mưu đồ của ta thực quá khủng khiếp. Nhìn nàng lúc đó, dáng điệu dâm đãng, mặt mày nhợt nhạt khó coi, ta thực như muốn chết đi vì chán ngán, đau khổ.

Lúc đó, giá có thể được, ta cũng muốn dẹp ngay chuyện giết người, và dìm cho thanh danh con người không tiết hạnh đó xuống tận tột cùng của nhục nhã. Như thế, lương tâm ta sẽ đỡ bị cắn rứt, dù chính ta đã kéo nàng vào chuyện ô danh. Nhưng hình như đọc được ý nghĩ của ta, Kesa bỗng đổi thay nét mặt và nhìn vào mắt ta chăm chú. Thành ra, phải thú thực là ta dâm ra sợ nàng trả thù, nên đành hẹn với nàng ngày giờ nhất định để giết Wataru. Nỗi sợ này, chao ôi, giờ đây vẫn còn đầy ắp! Có ai cười ta hèn nhát, ta cũng đành cam chịu. Nào các người có thấy được Kesa lúc đó để hiểu đâu! Khi thấy nàng ngồi khóc mà không có một giọt nước mắt, ta biết không lùi được nữa. Nếu ta không chịu giết Wataru, chắc chắn nàng sẽ giết ta bằng cách này hay cách khác! Đành phải ráng thôi! Nghe ta hứa xong, nàng cúi đầu nhìn xuống, mỉm cười. Nụ cười làm hiện lên lúm đồng tiền trên gò má trắng, rất lặng lẽ, mà sao ta thấy lạnh cả mình.

Ôi thôi, chỉ vì lời hứa oan nghiệt ấy, giờ đây ta mang tấm lòng nhơ nhuốc, dấn thân đi làm kẻ sát nhân. Cứ nghĩ, giá ta bỏ hết đi vào giờ phút chót chắc cũng không thể được. Vì ta đã thề thốt, nhưng đúng hơn - điều này ta nói thực - ta sợ nàng sẽ trả thù. Còn lý do gì khác nữa không nhỉ? Cái gì lại có thể làm cho một kẻ hèn nhát như ta phải đi giết một người vô tội? Cái gì mà

mãnh liệt thể, thực tình ta không hiểu. Tuy nhiên... Tuy nhiên... Nhưng không! Không thể thể được! Ta khinh bỉ người đàn bà đó! Ta sợ nàng, ta ghét nàng. Nhưng biết đâu, tất cả chỉ vì ta... thực sự yêu nàng!

Morito vẫn tiếp tục đi đi lại lại, nhưng không nói thêm một lời nào. Trăng đã lên cao, sáng tỏ. Có tiếng hát vọng lên từ một nơi nào đó, rất xa xăm:

Lòng người ta quả thực

Là tấm tối u mê

Cháy theo dục vọng góm ghê

Phút giây tàn tụi một bề, thế thôi.

Màn 2:

Trời đêm tĩnh mịch. Bên chiếc giường thấp, Kesa đứng quay lưng lại với ngọn đèn, miệng cắn vào tay áo rộng, đắm mình theo bao ý nghĩ bồn chồn:

Sao lại chưa tới? Thế nào đêm nay cũng phải tới, nhưng trăng đã quá đỉnh đầu mà chẳng thấy tăm hơi gì cả, hay anh ta bỗng đổi ý rồi chẳng? Chao ôi, anh ta mà không tới thì chết mất! Tôi sẽ phải mặt dạn mày dày để sống thêm những ngày tủi hổ, như thân phận gái lầu xanh! Cứ nghĩ lúc đó, nếu tội lỗi phơi bày ra ánh sáng, thân tôi sẽ chờ đầu tiều tụy như xác chết, bị lôi ra bên đường cho người ta chà đạp, nhục mạ, rồi đám đông bu vào sỉ vả, nhưng vẫn phải lặng câm hứng chịu, làm sao tôi kham được! Ôi, với bao nhiêu dọa dẫm nhục nhã đó, có chết đi chắc cũng không đành lòng mà nhắm mắt. Không! Không! Anh ta nhất định phải tới! Nhìn vào mắt anh ta lúc chia tay hôm đó, tôi biết chắc anh ta sẽ phải giữ lời, vì sợ tôi! Phải, ghét tôi, khinh bỉ tôi, nhưng phải tới, vì sợ tôi! Dĩ nhiên nếu chỉ vì tôi mà thôi thì chắc anh ta không tới. Nhưng tôi biết nắm được anh ta, dựa vào lòng ích kỷ của anh ta, hay nói đúng hơn là dựa vào sự sợ sệt đến hèn hạ của anh ta. Thành ra dù trời có sập đi chẳng nữa, chắc chắn anh ta cũng phải ráng mà tìm tới.

Nhưng nghĩ đến thân tôi, bây giờ không tin được vào mãnh lực quyến rũ của chính mình nữa thì quả thực đáng thương. Ba năm trước đây, mọi sự mọi việc tôi đều trông cậy vào chính tôi, vào sắc đẹp của tôi. Bảo là ba năm, nhưng thực sự phải nói là mãi từ trước cho đến ngày hôm ấy thì đúng hơn. Hôm hẹn với anh ta, chỉ nhìn thoáng qua ánh mắt, tôi hiểu ngay mình hết còn được xem là một người đẹp, xấu xí là đằng khác. Tuy anh ta ráng trấn tĩnh và nói ra toàn những lời thiết tha êm ái, nhưng với một người đàn bà đã nhận ra được mình hết còn son trẻ, những lời ngọt ngào còn mang lại được điều chi - nên không nói là chỉ làm tôi thêm buồn, thêm tiếc nuối và lo sợ cho những tháng ngày sắp tới - khi nhan sắc dần phai mà mình không thể nào níu kéo. Ôi, nỗi buồn lúc ấy sao bao la đến thế? So với nỗi lo buồn sợ hãi mà tôi cảm thấy lúc còn bé - khi đang được bế trong tay người nhũ mẫu và giương mắt lên nhìn trời đất âm u trong một đêm nguyệt thực - không biết cái nào mạnh mẽ hơn? Chỉ trong phút giây ngắn ngủi thôi, tất cả những mơ mộng tự hào mà tôi hằng ấp ủ bỗng biến đi đâu mất, nhường chỗ cho một cảm giác mệnh mang và lạnh lẽo như lúc trời mới mưa xong. Tôi chơi vui trong biển buồn sâu rộng, nên đắm ra ngẩn ngơ thờ thẩn nửa sống nửa chết, và đem thân mình dâng hiến cho anh ta, một người mà tôi chẳng yêu thương, một người mà tôi biết đang ghét tôi, khinh bỉ tôi, tìm

đến với tôi chỉ vì nhục dục!

Tại sao tôi để cho ra như thế nhỉ? Có phải vì tôi không kham được nỗi buồn quá lớn khi nhận ra giờ đây mình chẳng còn đẹp, nên vô tình muốn vớt vát tình cảm, để thấy mình vẫn còn được say mê? Hay tại tôi cố ý viện ra đủ thứ lý do để có thể quên đi tất cả trong phút nhiệt cuồng của thân xác, khi được anh ta ôm sát trong vòng tay? Nếu quả như vậy thì tôi nào khác gì anh ta, cũng kiếm tìm vật dục, cũng để cho lòng khát khao sôi nổi lôi kéo mình đi! Trời ơi, đúng thế rồi, chỉ nhớ lại mà thẹn, thật mắc cỡ, thấp hèn, nhục nhã! Nỗi nhục này đầy ắp khi anh ta xong việc và buông ra. Tôi được tự do trở lại, nhưng thấy tủi thẹn xác thân mình, và khinh ghét chính mình đến cùng cực.

Nước mắt tôi trào ra, mặc dù tôi cứ nhủ mình đừng khóc. Tôi không khóc vì thanh danh hay xác thân đã thành ô uế, nhưng đau vì tự ái bị thương tổn, vì tôi đã bị coi rẻ, cứ như một con chó cùi ghẻ lở, đã chịu khinh khi ghê tởm mà còn bị hành hạ dày vò.

Hôm ấy ra sao nhỉ? Bây giờ tất cả hầu như đã lu mờ như một ký ức xa xôi, nhưng tôi còn nhớ được cảm giác của râu anh ta chạm vào bên tai, khi tôi đang nằm khóc. Anh ta hạ thấp giọng, và thì thào qua hơi thở nóng hổi, bảo phải giết Wataru. Lạ lùng thay, khi nghe được câu này cả người tôi như có sinh khí trở lại.

Sinh khí? Vâng, nếu bảo ánh trăng là sáng thì đó cũng là sinh khí, tuy không được như ánh mặt trời. Nhưng tôi thấy ngơ ngai, vì tình cảm của tôi được an ủi bởi những lời khủng khiếp đó. Chao ôi, có phải lòng người đàn bà là thế, khi biết ra mình được yêu thương thì cảm thấy sung sướng, dù là đến nỗi phải giết cả chồng mình?

Tôi vẫn cứ nằm khóc, trí óc ngổn ngang với nỗi buồn tê tái trong khi lòng mình nhẹ hẳn xuống. Hai cảm giác đó xen lẫn nhau, mờ lung man mác như ánh sáng trăng. Rồi sao nữa? Lúc nào tôi đã đưa tay ước hẹn cùng anh ta để giết chồng tôi? Chồng tôi! Lúc đó tôi mới chợt nhớ đến. Đúng thế vào giây phút ấy tôi mới bắt đầu nhớ đến chồng tôi. Trước đó thì tôi hoàn toàn chỉ nghĩ đến tôi, đến chuyện bản thân tôi bị nhục nhã. Hình ảnh của chồng tôi, con người hiền lành nhỏ nhẹ ấy... Nhưng không, lúc ấy tôi không nhớ chồng, tôi chỉ nghĩ đến gương mặt vẫn thường tươi cười mỗi khi có chuyện gì nói với tôi, thế thôi. Và có phải trong thoáng phút giây khi nghĩ đến gương mặt tươi cười đó, trong trí tôi bỗng nảy ra được một quyết định chẳng? Tôi nghĩ rằng mình sẽ chết, và thấy hài lòng sung sướng với lựa chọn này. Tôi thôi khóc, nhưng khi ngẩng mặt lên, thấy được trong mắt anh ta lại hiện ra hình ảnh xấu xí của tôi, niềm sung sướng ngẩn ngui trong tôi vụt biến mất. Tự nhiên những u ám hãi hùng của đêm nguyệt thực mà tôi cảm được lúc ấu thơ khi còn được bế ẵm trong tay bỗng kéo về đầy ắp, cứ như có đám yêu quỷ gớm ghê độc ác đang lẫn trốn dưới đáy của niềm sung sướng bỗng lao vút ra cùng một lúc phủ vây và chế ngự cả trí óc tôi.

Tuy nhiên, có phải vì yêu chồng mà tôi chọn lựa sẽ chết thay? Không đâu, đó chỉ là bề ngoài. Thực ra tôi chỉ muốn chuộc lại lỗi mình đã để cho anh ta kéo vào chuyện nhục nhã, nhưng không can đảm đến độ có thể tự sát nên phải khéo lựa chọn để người ta ngỡ là tôi đã làm việc tốt. Lòng tôi nhỏ mọn xấu xa, tôi muốn điều tốt của tôi được nhiều người nhìn thấy, xa gần ai cũng biết tin. Thực tình, khi nhìn vào mặt anh ta, mọi cảm giác tươi lành kỳ diệu như ánh trăng thanh bỗng tự dừng tắt hết trong tôi, chỉ có buồn tê tái. Cho nên dưới danh nghĩa thế mạng cho chồng, tôi sẽ trả thù được việc anh ta đã dám ghét tôi, khinh bỉ tôi, đã xâm phạm

thân thể tôi, và lấy lòng dạ gian tà mà đối xử với tôi. Tôi không phải vì chồng. Tôi chết vì tôi, vì cảm thương cho mình đã bị vết thương lòng và căm giận việc tấm thân đã thành ô uế. Than ôi, tôi chả có gì vinh để sống, mà chết đi thì cũng chẳng vì chuyện gì vinh!

Dù sao thì chết không vinh đi nữa vẫn còn hơn sống. Hơn được bao nhiêu, tôi chẳng biết, nhưng đã lựa chọn một cách chết cho mình. Nên tôi nén nỗi buồn, và mỉm cười để ước hẹn với anh ta về việc giết chồng tôi. Anh ta vốn tâm cơ linh mẫn, qua lời tôi hăn hiểu được nếu không giữ lời hứa thì tôi sẽ làm gì. Lại còn thêm đã thề thốt nặng lời, cho nên đêm nay chắc chắn thế nào anh ta cũng đến.

Ôi, có phải vừa rồi là tiếng gió thổi đó không? Cứ nghĩ sau đêm nay thì những khổ tâm tôi mang mãi từ ngày đó sẽ thôi day dứt mà thấy sao lòng thật nhẹ. Ngày mai khi bình minh đến, hăn trên tấm thân không đầu của tôi ánh nắng lạnh của mặt trời mới mọc sẽ chiếu lên? Nhìn vào đó, chồng tôi sẽ... nhưng không, không nên nghĩ đến chồng tôi lúc này. Chồng tôi thật thương tôi, nhưng tôi nào đã bao giờ đáp lại tình yêu ấy? Trước sau tôi chỉ yêu có một người, và đêm nay, người ấy sẽ đến đây để kết liễu đời tôi! Ôi, ngọn đèn này sao mà sáng quá!

Nhưng mà... thế nào đi nữa, với tôi, một người đã quá mỗi mòn khổ sở vì anh ấy... bây giờ...

Kesa thổi tắt ngọn đèn. Chỉ trong chốc lát; giữa cơn tịch mịch của đêm thâu có tiếng then cửa kêu nhè nhẹ, Ánh trăng lạnh lách theo cửa mở, chiếu thẳng vào nhà.

(1918)

Văn Lang Tôn Thất Phương dịch

Địa ngục trước mắt

(Jigokuhen)

Lời người dịch:

Akutagawa viết Jigokuhen (1918) theo lối cổ sự tân biên (chuyện cũ soạn lại), sở trường của ông. Đề tài một phần mượn từ Uji - shui - monogatari (Vũ tri thập di vật ngữ), tập sách gộp nhất 197 truyện có màu sắc Phật giáo do tác giả vô danh soạn vào thế kỷ 13 (khoảng 1213 - 1218 dưới thời mạc phủ Kamakura), phần khác mượn từ Kokon Chomonju (Cổ kim trữ văn tập, tương truyền do Tachibana Narisue thu thập, in năm 1254^[1] liên quan đến bức bình phong địa ngục nổi tiếng. Akutagawa lấy cảm hứng viết Jigokuhen từ thái độ quái gở của một họa sư tên gọi Ryoshu hay Yoshihide (Lương Tú) bởi vì nhân vật này tỏ ra khoái trá khi thấy nhà mình bị hỏa tai thiêu rụi.

Jigokuhen (Địa ngục biến) là tên thu gọn của Địa ngục biến Tướng đồ, bức tranh trên bình phong tả những cảnh tượng hình phạt dưới địa ngục mà tăng lữ Phật giáo cho vẽ ra để răn dạy tín hữu làm lành lánh dữ.

Truyện này tuy không dính líu gì đến phim Địa ngục môn^[2] (1953) của Kinugasa Teinosuke, đã đoạt Giải chính Đại hội điện ảnh Cannes năm 1954 nhưng có liên hệ với Địa ngục biến (1969) do các tài tử hàng đầu Nhật Bản như Nakamura Kinnosuke, Nakadai Tatsuya và Naito Yoko diễn xuất.

Akutagawa có lẽ viết theo phong cách kodan (giảng đàm), nghệ thuật sân khấu hưng thịnh nhất vào thời Genroku (1688 - 1704), có lẽ đến từ Trung Quốc. Người kể chuyện ngồi trước cái bàn con, cầm quạt gỗ nhịp, lên bổng xuống trầm kể những loại chuyện có chủ đề chiến trận, vũ hiệp, báo ân báo oán, thế thái nhân tình. Đây là một ví dụ điển hình của truyền thống kết hợp văn học với nghệ thuật trình diễn (misemono) của Nhật Bản, vẫn còn truyền đến ngày nay.

Quan điểm của Akutagawa là nghệ thuật trên hết (tuy lúc cuối đời ông bị dao động vì sự bột phát của khuynh hướng nghệ thuật vị nhân sinh). Trong truyện, nghệ thuật đã thắng được quyền lực nhưng vì hy sinh Thiện để chọn lấy Mỹ nên theo thiện ý, điều đó không thỏa đáng. Tuy nhiên, tác giả đã có lý khi bảo địa ngục không cần phải tìm đâu xa, nó đã có ở trong lòng hay trước mắt ta qua quan hệ với tha nhân.

1

Đức ông Horikawa^[3] có lẽ là nhân vật xưa nay chưa hề thấy mà mai sau khéo chẳng ai sánh kịp ngài. Người ta đồn trước khi ngài thác sinh vào đời này, Đại Uy Đức Minh Vương^[4] đã hiện ra bên gối mộng của đấng từ thân nên tự thuở còn thơ ngài đã có cái gì khác hẳn người thường, nhất cử nhất động không ai lường được. Chỉ riêng quy mô phủ đệ ngài xây ở vùng Horikawa thì ôi thôi, tráng lệ, huy hoàng, cao kỳ đến mức bọn phàm tục chúng tôi dù có bóp trán cũng không sao nghĩ ra nổi. Những điều thiên hạ thì thầm về ngài có cả chuyện liên quan tới tính hạnh mà kẻ bảo giống Tần Thủy Hoàng^[5], người so với Tùy Dạng Đế^[6]. Nhưng hạng bàn tán kiểu đó thì, như ngạn ngữ nói, khác chi lũ mù xem voi. Đức ông không bao giờ chuộng lộng lấy hào nhoáng cho riêng mình mà lúc nào cũng nghĩ đến kẻ dưới, nói cách khác, có cái lượng cả chỉ lo cho trăm họ yên vui.

Con người ngài quang minh chính đại như thế nên ngộ nhớ đêm khuya qua cung điện phường Nijo, có gặp phải quỷ sứ chắc chúng cũng chẳng dám động đến lông chân. Ngay hồn ma của quan Tả Đại Thần Minamoto Toru mà thiên hạ đồn đại đêm đêm vẫn hiện về ở viện Kwarano In^[7] ở phường đông Sanjo, nơi nổi tiếng vì có khu viên đình mô phỏng theo phong

cảnh Shiogama trong xứ Michinoku [8], bị ngài mắng cho, phải lủi mất. Nam phụ lão ấu đất kinh đô có tôn kính ngài như hiện thân Phật Tổ tái sinh thì cũng chẳng quá đáng. Đến độ hôm đi dự yến thưởng mơ trong hoàng cung về, con bò kéo xe cho ngài lỏng lên đâm phải ông lão bên đường đến bị thương, mà lão già ấy chỉ biết chấp tay xá dài, coi chuyện bò ngài húc phải như một vinh hạnh.

Suốt đời đức ông không thiếu chi những chuyện đáng lưu truyền hậu thế. Này nhé, nhân đại yến của Thiên Hoàng, ngài đã dâng ba mươi thốt ngựa, toàn ngựa kim, để làm quà cho khách; lúc gặp khó khăn khi xây chiếc cầu dài Nagara, ngài lại đem cậu tiểu đồng hầu cận sủng ái nhất làm chân cầu sống để tế thần[8]; có hôm còn to gan cho một nhà sư Trung Quốc đem cái thuật Hoa Đà mổ nhọt tấy trên đùi nữa đấy. Những chuyện thế đấy kể ra không hết, tuy nhiên trong số các giai thoại, xem ra không có gì thảm khốc hơn câu chuyện về nguồn gốc bức bình phong vẽ cảnh địa ngục mà con cháu ngài còn giữ làm của báu trong nhà. Thường ngài có bao giờ dao động vì điều gì đâu, thế mà trong thời gian câu chuyện bình phong xảy ra, đức ông cũng tỏ ra bối rối. Không thừa chắc quý vị cũng hiểu, kẻ chầu chực bên cạnh ngài như bọn tôi thì hồn xiêu phách tán cả lũ. Riêng bản thân từng hầu hạ trong phủ có trên hai mươi năm, thú thực tôi chưa bao giờ chứng kiến cảnh tượng nào hãi hùng như vậy.

Thế nhưng, để mào đầu câu chuyện, quý vị phải nghe tôi giới thiệu tay họa sư Yoshihide, tác giả tấm bình phong nổi trên là nhân vật thế nào cái đã.

2

Nhắc đến cái tên Yoshihide, có thể quý vị ở đây nhiều người hãy còn nhớ. Hồi đó, hắn ta là một họa sư danh tiếng lẫy lừng, cả giới cầm cọ chẳng có người nào qua mặt. Lúc câu chuyện sắp kể xảy ra, hắn đã là một lão già ngoại năm mươi, dáng dấp khảng khiu chỉ có da bọc xương, khổ người thấp bé, tính nết khó ưa. Mỗi lần đến hầu cửa phủ, hắn ta hay mặc một bộ quần áo nhuộm màu nâu nhạt và đội chiếc mũ đen mềm, trông thật ti tiện. Không hiểu có nào từng ấy tuổi mà hắn còn tô môi đỏ chót khiến cho ta phải nghĩ tâm địa hắn có cái gì quỷ quái. Hư thực thế nào chẳng rõ, chỉ nghe có người bảo cặp môi son kia là do thói quen mút đầu cọ vẽ lâu năm mà sinh ra. Kẻ xấu miệng hơn lấy cách đi đứng, cử chỉ giống như khỉ của hắn ta để đặt cho hắn cái biệt hiệu Saruhide, nghĩa là “con khỉ Hide”.

Nói tới Saruhide, người ta còn nhớ cả câu chuyện như sau. Dạo đó, đứa con gái độc nhất của Yoshihide mới mười lăm tuổi được tuyển vào làm thị nữ trong phủ đức ông. May mắn cho hắn, cô gái nom ra đẹp dễ yêu kiều, nghĩa là chẳng giống bố tí tí nào. Có lẽ vì mồ côi mẹ từ nhỏ hay sao mà cô ta sớm chín chắn, biết để ý để tứ, kính trên nhường dưới, tính lại lạnh lợi nên mới từng ấy tuổi đã xử sự khôn khéo, được lòng mọi người, trên từ Lệnh Bà cho đến hàng thê thiếp.

Thế rồi không hiểu nhân cơ hội nào, có người ở vùng Tanba đem dâng một con khỉ nuôi đã thuần tính. Công tử con trai đức ông đang tuổi tinh nghịch mới mượn cái tên Yoshihide đặt cho nó. Khốn nỗi cái tên lại ăn khớp với tướng mạo kỳ khôi của con khỉ nên khắp phủ không ai là không buồn cười. Nào chỉ có thế, cứ mỗi lần con khỉ leo lên ngồi vắt vẻo trên cành tùng hoặc làm bẩn mặt chiếu phòng học công tử, bọn gia nhân lại kêu réo ầm tên Yoshihide để dọa cho nó sợ.

Nhưng có hôm, khi cô con gái của Yoshihide, tay cầm nhánh mai hồng có cài một tờ hoa tiên, đang đi dọc theo cái hành lang dài thì từ phía cánh cửa kéo đằng xa, con khỉ Yoshihide kia, chân khập khiễng như bị lệch xương, không đủ nhanh nhẹn để trèo cột nữa, đang cố lết mình

chạy trốn ai đó cho thật nhanh. Thì ra sau lưng nó, công tử nhà ta đang hươu gậy đuổi, miệng mắng: “Đội đó, mày chạy đi đâu, đồ trộm quýt”. Trước cảnh tượng ấy, đứa con gái của Yoshihide ban đầu có chần chừ giầy lát nhưng khi con khỉ đến nơi, bám cứng vào áo dài của mình và cất tiếng kêu thảm thiết như van lơn thì cô ta bỗng động lòng thương. Một tay cô đưa nhành mai lên cao, tay kia vung ngay ống tay áo thụng màu tím nhạt, nhẹ nhàng bế con khỉ vào lòng, tiến đến trước mặt công tử, khẽ cúi đầu cất tiếng trong thanh thưa:

- Dám xin công tử tha tội cho con vật ngu dại này.

Công tử đang hùng hổ đuổi theo đến nơi, dễ gì mà tha, mặt người mới sa sầm, dậm chân ầm ầm hai ba lần, quát mắng:

- Nó là đồ trộm quýt, mi bao che cái gì?

- Thưa công tử, thú vật chúng đâu có hiểu phải trái...

Cô gái mỉm cười hiền hậu đáp lời, rồi phân trần:

- Con vật này cũng mang tên Yoshihide như cha thiếp. Nếu nó bị trừng phạt khác thì khác nào cha bị phạt nên thiếp không nỡ giương mắt làm ngơ...

Nghe vậy, ngạo ngược như công tử cũng phải vuốt bụng:

- Nếu người có hiếu muốn cứu mạng cha thì lần này ta tạm tha cho nó đây!

Còn hậm hực, công tử nói xong câu, vút cái roi rồi đi khuất vào trong theo cánh cửa ban này.

3

Con gái Yoshihide và con khỉ nhỏ trở nên thân thiết từ ngày có câu chuyện kia. Cô đem cái lục lạc bằng vàng tiểu thư ban, gắn vào sợi dây đỏ cho nó đeo vào cổ. Còn con khỉ cứ quần quít bên cô, ít khi chịu rời. Lúc cô bị cảm, trong người khó ở phải nằm một chỗ, nó cứ ngồi bên gối, cắn cắn móng tay, gương mặt đượm vẻ lo lắng.

Có điều lạ là cũng kể từ hôm đó, thiên hạ không còn xúm lại trêu chọc con khỉ như trước. Trái lại họ ngày càng yêu chiều nó, ngay cả người khó tính như công tử lâu lâu cũng ném cho nó quả hồng hay hạt dẻ. Lúc trong đám cận vệ có kẻ lấy chân đá nó, người bèn nổi ngay cơn thịnh nộ. Rồi đến phiên đức ông cũng có lần cho gọi con gái Yoshihide bế con vật đến châu ngài, có lẽ vì đã nghe thuật lại chuyện liên quan đến con khỉ và duyên cớ những trận lôi đình của công tử.

- Mi hiếu thảo, ta khen cho đó!

Đức ông phán như thế và cô gái được thưởng cho một tấm yếm màu hồng. Con khỉ cũng nhanh nhẩu bắt chước cô gái nâng chiếc yếm lên trán để tạ ơn làm ngài vô cùng đẹp ý. Phải nhớ cho là con gái Yoshihide có lọt vào mắt đức ông chỉ nhờ cái đức hiếu hạnh tỏ ra khi che chở thương yêu con khỉ làm ngài cảm động chứ không phải ngài đắm đuối sắc đẹp như thiên hạ cứ hiểu lầm. Như tôi sẽ từ từ tường thuật, những lời đồn đại đó cũng không chỉ là chuyện bịa cả nhưng phải thừa trước là người như đức ông thêm gì tư tưởng tới con gái anh thợ vẽ cho dù nàng ta sắc nước hương trời đến đâu chẳng nữa.

Con gái Yoshihide được đức ông khen thưởng xong, mới lui ra. Vì tính cô khéo ăn ở, các nàng hầu trong phủ không ai ghen tức cả. Ngược lại, kể từ hôm đó, họ càng đem lòng thương mến cô lẫn con khỉ, còn cô thì lúc nào cũng được ở cạnh tiểu thư, không thiếu gì dịp theo hầu xe loan xem hội đó đây.

Ta hãy tạm gác chuyện cô con gái ở đây để kể về người cha, tức là họa sư Yoshihide. Trong khi con khỉ kia chẳng mấy chốc bỗng được mọi người cưng yêu chiều chuộng thì cái lão Yoshihide chính hiệu vẫn bị ghét bỏ, người chung quanh hễ gặp dịp cứ gọi lén hắn là Saruhide. Chả riêng người trong phủ không ai ưa, bên ngoài như tăng quan chùa Yokawa bây giờ, lúc nghe ai nhắc tên Yoshihide là biến sắc như người gặp ma và ghét hắn ra mặt. (Có người cho biết nguyên do tại Yoshihide hay vẽ hí họa hành tung của ông ta nhưng đó chỉ là lời đồn có mười đã phải bỏ bớt tám chín, không lấy gì làm chắc). Dù hỏi ai chẳng nữa, mọi người đều nghĩ không tốt về hắn. Không nói xấu hắn có lẽ chỉ là hai ba đồng nghiệp trong ngành họa hoặc những ai biết hắn qua tranh mà chưa tiếp xúc với người. Trên thực tế thiên hạ ghét hắn không riêng chỗ tướng mạo ti tiện mà còn vì một số thói hư tật xấu nữa. Nên có gì là do hắn tự chuốc vạ vào thân thôi chứ không thể nào giải thích lối khác.

4

Thói hư tật xấu phải kể ra là keo bần, ích kỷ, trơ trẽn, biếng nhác, tham lam... trong đó, nổi bật hơn cả tính phách lối ngạo mạn, lúc nào cũng vênh váo như có cái bảng đệ nhất họa sư bản triều treo trước mũi. Nếu hắn chỉ ngạo nghề trong lĩnh vực hội họa thì còn được đi, nhưng không, hắn lại coi thường tất cả những gì gọi là quy củ phép tắc trong thiên hạ mới phiền chứ. Một đệ tử theo học lâu năm ở cửa hắn kể chuyện có hôm ở phủ đệ nào đó, trong khi một cô đồng rất thiêng được linh nhập đang báo trước những tai họa thảm khốc thể mà hắn vẫn không thềm lắng nghe, sẵn bút mực cứ chăm chú vẽ lại từng chi tiết nét mặt hải hùng của cô đồng. Dưới con mắt hắn những lời tiên tri của đức mẫu đều là trò đùa để dọa con nít chắc?

Gã họa sư tính khí như thế nên khi họa tiên nữ Kichijo^[9], hắn mượn hình thù gái dĩ thô bỉ, còn vẽ Đức Bất Động Minh Vương^[9], hắn lại chọn hình ảnh một tên vô lại mới ra tù, toàn chơi những trò bất kính phạm thượng. Hễ cất vấn thì hắn trả lời như khiêu khích: “Nói nghe lạ chưa, Thần Phật Yoshihide tạo ra thì tài nào vật nổi Yoshihide nhỉ!”. Lời ăn tiếng nói kiêu đó khiến bọn đệ tử thân tín cũng cảm miệng hến, thiếu chi những đứa sợ hải cho tương lai hậu vận đã tức tốc xin ra. Nói tóm lại, phải gọi Yoshihide là kẻ đầy tiền oan nghiệp chương vì tội ngạo mạn, lúc nào cũng vỗ ngực coi ta nhất trần đời.

Khỏi nói cũng biết hắn ta tự cho tài nghệ hội họa của mình là cao cường. Nhất là khi trong những bức họa vừa kể, từ nét cọ đến cách chọn màu, nhất nhất đều khác phong cách các họa sư đương thời làm cho bọn đồng nghiệp ghét hắn đều cho là tà phái. Theo lời bọn họ bình phẩm thì đối với những họa phẩm của các bậc tổ sư đời xưa như Kawanari^[10] hay Kanaoka, không hiếm chi những lời truyền tụng kiểu như, khi các vị ấy vẽ bức cảnh mai nở bên bờ giếng thì vào những đêm có trăng sẽ thoảng thoảng hương thơm, còn nên là bức bình phong tả cuộc sống nhà công khanh thì tưởng chừng có tiếng đàn sáo vọng ra từ đó. Trong khi ấy, tranh của Yoshihide lúc nào cũng chỉ để lại một ấn tượng gây gây khó ở. Ví dụ khi gã ta vẽ cánh cửa chùa Ryugaiji^[11], thì riêng một cảnh tả năm côi luân hồi^[12] thôi cũng làm cho những kẻ đi đường đêm khuya qua đấy tưởng chừng nghe đâu đây tiếng quỷ thần đang khóc than rên siết. Không những thế có người còn bảo ngửi được cả mùi thây chết thối rữa từ bức tranh ấy bốc ra. Về những bức truyền thần mấy bà thê thiếp của đức ông mà ngài ra lệnh cho hắn làm thì bà nào được vẽ chỉ trong vòng ba năm đều lâm bệnh như bị ai hớp hồn rồi lần lượt ra ma cả. Bọn xấu miệng cứ bảo thế vẫn chưa đủ bằng chứng để kết luận là tranh của Yoshihide theo đường bàng

môn tả đạo là gì à?

Vâng, đúng như tôi đã thưa trước, Yoshihide là kẻ đập đổ khuôn khổ của người mà lại vô cùng thỏa mãn về mình, đến độ lúc đức ông hỏi đùa hắn: “Coi bộ nhà người chỉ chuộng vẽ toàn cái xấu xa thôi nhỉ?” thì hắn vừa mỉm một nụ cười khó ưa trên cặp môi đỏ chót già không nên nết, vừa trả lời bề trên bằng một giọng trịch thượng: “Bẩm chính thế. Bọn họa sĩ hời hợt thường tình thì làm sao nhìn thấy nét đẹp nằm bên trong cái xấu để mà vẽ nó ra ạ!”. Cho hắn là đệ nhất họa sư của bản triều đi, nhưng đứng trước mặt đức ông mà dám vênh váo thốt ra một câu như thế quả to gan. Cậu đệ tử mà tôi dẫn chứng lúc nãy hay gọi lén hắn bằng cái hỗn danh Chira Eiju để chế nhạo tính tự mãn của hắn. Thật không có gì đúng hơn vì như quý vị thừa biết Chira Eiju là tên con thiên cầu có cái mũi to, dài, xưa từ Trung Quốc vượt biển qua đây ấy mà.

Tuy vậy, ngay ở nơi Yoshihide, con người ngang ngược, bất chấp thiên hạ này, hãy còn một chút gì gọi là nhân tính, bởi vì hắn cũng biết yêu thương.

5

Xin thưa với quý vị rằng tên Yoshihide kia yêu đứa con một của hắn hiện đang làm thị nữ trong phủ của đức ông với một tình thương hầu như rồ dại. Như tôi vừa mới thưa qua, con gái của hắn là người rất mực dịu hiền, có hiếu với cha hết chỗ nói, nhưng hắn nào kém, đối với con cũng lo lắng chi li. Dù là một kẻ không hề cúng cho chùa chiền lấy một đồng kẽm nhưng hễ con gái xin đồ trang sức đầu tóc, quần áo thì hắn không tiếc mấy may tiền bạc, vôi vàng sắm sửa cho ngay. Quý vị coi có tin nổi không?

Yoshihide yêu con gái nhưng chỉ yêu suông chứ không bao giờ nghe hắn đả động tới việc kiếm tẩm chồng cho con.

Ngược lại, nếu có ai tỏ ý sẵn đón cô gái thì hắn liền tụ tập bọn côn quang lập mưu lén nện người ấy một trận nên thân. Vì vậy lúc đức ông ra lệnh phải tiến cô ấy vào phủ làm thị nữ thì ông bố này không bằng lòng chút nào. Giữa sảnh đường trước mặt đức ông mà hắn lộ vẻ đau khổ ra mặt. Những kẻ tung tin ra cho rằng đức ông bị sắc đẹp của cô gái lôi cuốn mới cưỡng cô ta phải vào hầu bất chấp sự chống đối của cha cô có lẽ đã suy luận theo lối họ, nghĩa là những người từng lâm vào cảnh ngộ đó.

Cho dù những tin đồn kia có thất thiệt đi nữa, đối với một người thương con như Yoshihide thì chuyện khẩn khứa sao cho nó sớm được trong phủ thả ra là điều hợp lý. Có lần hắn theo lệnh đức ông lấy gương mặt một cận hầu cận sủng ái của ngài làm mẫu để vẽ hình Văn Thù Bồ Tát thời niên thiếu. Bức tranh hết sức thành công làm đẹp lòng đức ông, ngài mới cao hứng ban cho một lời:

- Mi muốn thưởng gì, ta sẽ cho. Đừng ngần ngại cứ nói thật!

Yoshihide lúc đó mới ngồi lại ngay ngắn. Người ta còn đang đoán thử hắn định xin gì thì bỗng nghe hắn dạn dĩ thưa:

- Xin lượng trên cho con gái của thần được thôi việc.

Ở nơi phủ đệ khác thì không nói, chứ đây là được hầu hạ đức ông Horikawa cơ mà! Dù thương con đến mức nào, ai đòi lại ngu dại xin cho nó về nghỉ. Ngay cả người có lượng hải hà như đức ông mà cũng thấy bị xúc phạm. Ngài trầm ngâm chốc lát, trừng mắt nhìn Yoshihide

rồi phán ngắn gọn:

- Cái đó không được!

Nói xong, mặc kệ hắn, ngài vùng đứng dậy vào trong.

Sự thể như thế phải lặp đi lặp lại đến bốn năm lần và bây giờ nhớ lại mới thấy cặp mắt đức ông nhìn Yoshihide mỗi ngày càng lạnh nhạt. Nhân chuyện đó, con gái hắn có lẽ vì lo lắng cho cha già nên mỗi khi lui về phòng thường cắn tay áo và thút thít khóc. Thế rồi lời xì xào chuyện đức ông tơ tưởng đến cô gái càng ngày càng lan ra trong phủ. Kẻ thì bảo nguyên do của sự tích bức bình phong vẽ cảnh địa ngục là vì cô gái kia không chiều theo ý muốn đức ông nhưng dĩ nhiên chuyện như thế làm gì có.

Theo con mắt của tôi, sở dĩ đức ông không cho cô gái kia nghỉ việc luôn vì ngài cảm cảnh cô ta, thay vì để cô về với một người cha ương ngạnh gàn dở, ngài có hảo ý giúp cô có dịp may ở lại sống đời nhung lụa trong phủ. Dĩ nhiên ngài cũng muốn bảo bọc cô bé hiền hậu dễ thương kia nữa đấy nhưng nếu ta cứ nằng nặc bảo ngài háo sắc thì hơi quá. Đúng hơn, đó chỉ là chuyện đặt điều nói xấu.

Ai muốn bảo sao thì bảo nhưng lúc đó là thời điểm vì chuyện cô gái, ngài đâm ra ghét bỏ Yoshihide. Không hiểu suy nghĩ thế nào mà đột nhiên, ngài cho gọi hắn lại, hạ lệnh vẽ bức bình phong miêu tả cảnh tượng địa ngục.

6

Xin thưa về bức Bình phong địa ngục kia thì đến nay, cái cảnh tượng khủng khiếp trên bức họa vẫn còn hiện ra mồn một trước mắt tôi.

Cũng cùng vẽ cảnh tượng địa ngục như nhau nhưng nếu đem so sánh với tác phẩm của các họa sư khác thì tranh Yoshihide chẳng giống mấy may kể từ hình vẽ đầu tiên. Trên bức bình phong ấy, cả đến từng xó góc cảnh tượng thập điện diêm vương và phán quan, quỷ sứ đều được tô vẽ tỉ mỉ, sau mới đến một mặt tranh rợn người với ngọn lửa hùng hực đốt sáng núi kiểng rừng gươm. Tưởng chừng lửa đang cuốn hút tất cả. Phẩm phục ra vẻ đời Hán của các vị phán quan còn điểm cho bức tranh một ít chấm xanh hoặc vàng, ngoài ra, cả nền họa bị trùm trong một bầu lửa đỏ. Giữa bức tranh, ta thấy những giọt mực tóe ra thành mấy cột khói đen uốn hình chữ vạn, còn kim nhũ bắn tung như đốm sáng của lửa ngọn đang múa may quay cuồng.

Chừng đó đã đủ mười phần bút lực để làm kinh ngạc người xem tranh nhưng hơn thế nữa, hầu như chưa ai thấy ở một bức tranh vẽ cảnh địa ngục nào khác có được cái cách trình bày cảnh tượng tội nhân đang bị ngọn nghiệp hỏa quay nướng, quẩn quại thống khổ như thế. Giải thích tại sao ấy à? Xin thưa là trong đám tội nhân mà Yoshihide vẽ ra đây, có đủ mọi hạng người: trên từ công khanh quyền quý, dưới đến bọn ăn mày ăn nhặt. Nào bậc cao sang đai mã uy nghiêm, nào ả hầu non lượt là tình tứ, nào nhà sư lần tràng niệm Phật nào cậu hề đồng chân xỏ guốc cao, nào cô tiểu thư xiêm y thon thả, nào ông thầy cúng diện lớp đạo bào... nhiều đếm không hết. Tất cả lũ người đó đang bị bọn ngục tốt đầu trâu mặt ngựa hành hạ khổ sở, mê loạn tứ tán trong ngọn lửa, ngọn khói, giữa dòng nước xoáy như những chiếc lá rụng bị cơn lốc cuốn. Người đàn bà tóc kết giữa thanh cương đao, tay chân co rúm như con nhện xưa kia

không phải là một mục đồng buôn thần bán thánh đó sao? Gã đàn ông mình treo ngược thân dơi ngực bị ngọn giáo đâm xuyên thủng kia chẳng từng là tên quan lại ngồi chơi hưởng lộc là gì! Ngoài ra, những kẻ khác thì hoặc bị quật bằng roi sắt, hoặc bị nghiền nát dưới bàn đá nghìn cân, để cho quái đản rửa, độc xà ngoạm. Hể tội nhân phạm lỗi thế nào thì có cách ứng báo thế đó, nói sao cho cùng.

Dẫu vậy, khủng khiếp nhất vẫn là cảnh chiếc xe ngựa do bò kéo rơi từ trên không thẳng xuống rừng gươm đao nhọn hoắt như nanh thú, lũng lảng từng xâu người bị lưỡi kiếm xuyên ngang. Trong chiếc xe ấy, nhìn qua bức rèm trúc đã bị gió lửa tạt đến bật tung, có một nữ quý nhân ăn mặc lụa là như công nương, đang khô héo ngoắc ngoải chờ chết, dòng suối tóc bị lửa tấp và chiếc cổ trắng ngần của nàng ưỡn ra đằng trước. Quang cảnh vị công nương hấp hối trong chiếc xe bò kéo là cao điểm tượng trưng cho mọi thống khổ trong cái hỏa ngục này. Tất cả sự khủng khiếp của tấm bình phong rộng lớn như tụ lại ở một nhân vật chính. Họa sư đã vẽ tới mức nhập thần khiến cho những ai nhìn bức tranh đều có cảm tưởng nghe được tiếng gào khóc thê thảm xoáy vào tai họ.

Ôi chao, vì nó đấy, vì để vẽ bằng được tấm bình phong ấy, mà câu chuyện thảm khốc kia mới xảy ra, quý vị ạ! Nhưng nếu nó không xảy ra, tài thánh Yoshihide cũng chẳng vẽ được sống động cảnh tượng trừng phạt và thống khổ cùng cực dưới đáy địa ngục đâu! Để hoàn thành bức tranh, hắn đã chấp nhận một cảnh ngộ còn thê thảm hơn cả chuyện mất đi mạng sống. Nói cách khác, chính vì muốn sao cho bức tranh địa ngục đạt đến mức thần diệu mà Yoshihide, đệ nhất họa sư của bản triều đã tự tay mở cánh cửa địa ngục để rồi lao mình xuống đấy.

Có thể tôi quá sôi nổi vì bức bình phong quý giá ấy nên kể hơi nhanh hay đã đem đuôi câu chuyện đổi ra đằng đầu. Vậy bây giờ cho phép tôi vòng lại kể tiếp việc đức ông Horikawa đã ra lệnh cho Yoshihide ra sao và hắn đã vẽ bức bình phong ấy như thế nào nhé.

7

Từ hôm nhận lệnh, Yoshihide không lên hầu trên phủ suốt năm sáu tháng liền, mỗi ngày cặm cui vì bức họa trên bình phong. Yêu con đến thế mà khi đã bắt đầu vẽ thì có bảo là hắn chẳng thèm gặp mặt con gái nữa thật cũng không ngoa. Theo lời cậu đệ tử mà tôi nhắc đến hồi nãy đấy, hể lao đầu công việc rồi thì hắn ta như bị ma chồn ám. Thiên hạ hay dè bủ rằng Yoshihide mà thành công và có chút danh trong họa giới là vì hắn đã thế ước điều gì với hồ ly tiên để đánh đổi lấy phúc lộc. Chứng cứ là có kẻ kể rằng chỉ cần nấp vào một chỗ tối rình xem lúc gã vẽ tranh thì thế nào cũng thấy bóng không phải một con mà cả một đàn chồn tụ tập, trước mặt sau lưng, bên trái bên phải hắn. Chỉ cần được hỗ trợ thế thôi mà mỗi khi tay cầm cây cọ rồi là hắn có sức vẽ một lèo cho đến lúc hoàn tất bức tranh. Ngày đêm tự giam trong phòng kín, mắt ít khi thấy được ánh mặt trời. Nhất là khi vẽ bức bình phong địa ngục, thì hắn càng mê mải, quên bằng mọi sự.

Nói rõ hơn, giữa ban ngày ban mặt Yoshihide cứ buông rèm kín mít, bắt lũ học trò mặc thử đủ loại áo xống từ áo dự hội đến áo mặc ngày thường, mang đủ loại trang sức, còn hắn thì, bí mật pha màu và chăm chú ghi chép lại chi tiết của từng người dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu. Nhưng nên chỉ thế thôi thì đã lấy gì làm lạ vì mỗi lần vẽ tranh hắn đều có những thái độ lạ lùng chứ đâu riêng gì khi họa bức bình phong địa ngục. Ví dụ trong thời gian vẽ Năm Cảnh Luân Hồi ở chùa Ryugaiji, hắn có lần thấy một xác chết nằm bên đường. Nếu là người bình thường thì họ

đã nhìn thật nhanh qua chỗ khác, thế mà hắn lại điềm nhiên ghé ngồi xuống, bắt đầu vẽ chi li từng chân lông cọng tóc trên mặt trên tay của cái thầy đã bắt đầu rữa ra. Sự say mê đến thế của hắn phải được gọi thế nào cho đúng nhỉ? Chắc nhiều vị sẽ không trả lời được. Bây giờ tôi chưa có thời giờ giải bày tường tận đâu, trước hết, xin quý vị hãy nghe cho thủng câu chuyện đã.

Một tên đệ tử của Yoshihide (vẫn là anh chàng nhắc tới ban nãy) đang mài bột màu cho thầy thì bỗng dung hắn ta đến đứng một bên, bảo:

- Ta đi nghỉ trưa một chốc. Không biết sao dạo này chiêm bao toàn ác mộng.

Chính ra chuyện đó Yoshihide vẫn thường gặp nên tên đệ tử chẳng làm lạ, vẫn không dừng tay, cất tiếng:

- Thế ạ.

Nó chỉ trả lời cho đủ lễ nhưng khác mọi ngày, mặt Yoshihide ra chiều buồn bã, y hỏi tên đệ tử bằng một giọng điệu mà nó cảm thấy khó từ chối:

- Vì thế ta muốn nhờ người đến ngồi bên giường, canh giấc hộ ta cơ!

Tên đệ tử tự hỏi không biết sao lần này thầy nó lại có vẻ bứt rứt vì những cơn ác mộng đến thế, nhưng cũng lễ phép thưa.

- Vâng, thầy để con canh cho.

Yoshihide vẫn chưa hết vẻ lo âu, chần chừ bảo:

- Thế thì mi vào trong này với ta. Nếu có đũa khác đến trong lúc ta đang ngủ, tuyệt đối cấm nó đến bên cạnh nhé.

Chỗ gọi là bên trong có gì khác hơn là gian phòng ngày cũng như đêm cửa bít kín, nơi Yoshihide ngồi vẽ hay băng quơ nhìn ngọn đèn dầu. Vòng quanh căn buồng là bức bình phong mới được thảo qua vài nét đơn sơ bằng hòn than. Tên đệ tử đến nơi đã thấy Yoshihide nằm đầu gối lên cánh tay, ra dáng đang thiếp đi vì quá mệt. Thế nhưng chỉ được một giờ sau, tên đệ tử ngồi canh giấc đầu giường bỗng nghe một chuỗi âm thanh rờn rợn vọng vào tai hắn.

8

Lúc đầu thực ra chỉ là một chuỗi tiếng động vô nghĩa nhưng lần hồi, tên đệ tử nghe ra đó là những câu nói mớ ngắt quãng của người đang ngộp nước, cố gắng học ra ằng ặc:

- Sao, bảo tôi xuống à? Đi đâu, xuống mãi đâu? Tận đáy địa ngục cơ à? Bảo tôi xuống hỏa ngục? Ai đó? Vị nào đang gọi tôi đó? Tưởng ai chớ hóa ra...

Tên đệ tử quên cả bột màu, hoảng hốt nhìn như muốn xuyên thấu ông thầy để dò xét tận bên trong khuôn mặt nhăn nhoe giờ đây đã đổi thành trắng bệch, đầm những hạt mồ hôi to, cũng như cái miệng còn sót mấy chiếc răng thừa thốt giữa đôi môi khô queo đang thở đứt đoạn. Thế rồi trong cái miệng đó có một vật gì lay qua lay lại như được ai cột vào một sợi tơ mà kéo. Thì ra cái lưỡi của ông thầy nó. Những âm thanh rờn rợn đang phát ra từ phía cái lưỡi ấy.

- Hừ, té ra là người. Ta cũng đoán chỉ có thể là người thôi. Người bảo gì? Đến đón à? Cùng nhau xuống tận đáy địa ngục đi. Ta đi thôi! Con gái ta đang chờ dưới ấy mà...

Lúc ấy tên đệ tử có cảm tưởng ghê rợn như có những bóng hình mờ ảo kỳ quái vụt lướt qua mắt nó rồi tan biến vào bức bình phong. Dĩ nhiên nó vội vàng nắm bàn tay Yoshihide lay lấy lay để, đánh thức thầy cho bằng được nhưng ông ta vẫn tiếp tục mê sảng một mình, không có vẻ gì sắp mở mắt ra. Hoảng quá, tên đệ tử mới bùng chậu nước rửa cọ đang đặt ở bên cạnh, xối ào lên mặt thầy.

- Đợi người đẩy, lên xe nhanh đi! Lên xe bò này mà xuống địa ngục với ta.

Câu nói phát ra giữa tiếng rên siết như đang bị tắt nghẽn trong cổ họng Yoshihide. Thế rồi hắt giạt bắn như bị kim chích, bừng mở mắt, bật người dậy. Trong ánh mắt như vẫn còn đọng lại những cảnh tượng quái gở vừa thấy trong chiêm bao. Một hồi lâu sau, cặp mắt vẫn đầy kinh hãi, miệng há hốc, còn đôi mắt mở trừng trừng nhìn vào hư vô. Rốt cục, lại được thần hồn rồi, hắt mới lãnh đạm nói với tên đệ tử:

- Thôi, được rồi. Cho mi trở về chỗ cũ!

Tên đệ tử biết lúc này mà còn thêm tiếng một tiếng hai, chắc chắn không khỏi bị thầy mắng cho nên lật đật rút lui khỏi phòng. Ra đến bên ngoài nhìn được ánh nắng mặt trời, nó mới cảm thấy chính mình cũng vừa thoát khỏi cơn ác mộng.

Nếu chỉ có chừng đó chuyện thôi thì nói gì nhưng chưa đầy một tháng sau, Yoshihide lại cố tình gọi một tên đệ tử khác vào phòng vẽ. Đang ngồi trong bóng tối trước ngọn đèn dầu chập chờn, miệng cắn mũi bút họa, hắt thành linh quay sang ra lệnh cho tên đệ tử:

- Mi chịu phiền trần trường ra cho ta xem!

Thông thường, mỗi khi sư phụ đã truyền điều chi, bọn chúng phải nghe theo răm rắp nên tên đệ tử bèn nhanh nhẹn cởi hết quần áo bày nguyên hình dạng cha sinh mẹ đẻ. Lúc đó, Yoshihide mới nhìn mặt nhìn nó một cách lạ lùng rồi bảo:

- Ta chưa hề được xem cảnh một người bị cột bằng xiềng sắt. Dù không thích, mi có vui lòng làm theo lời ta trong chốc lát hay không?

Giọng lười thì bảo vui lòng kia nọ nhưng thái độ của hắt trông thật lạnh lùng. Nguyên lai, tên đệ tử này không có tướng là dân cầm cọ vẽ mà là thứ con trai mạnh bạo sinh ra để cầm đao kiếm cơ, nhưng khi nghe thầy nói thế, nó cũng hết hồn. Mãi sau này khi kể về câu chuyện trên, nó vẫn lặp đi lặp lại: “Tôi cứ tưởng sư phụ nổi điên và thật tôi đến nơi đấy chứ!” Thế nhưng lúc ấy Yoshihide thấy tên đệ tử ra dáng chần chừ là đã phát sốt. Không biết hắt kiếm đâu ra một sợi xích sắt mỏng, tay liền hoa nó lên rồi thoăn thoắt cuốn như bay quanh châu thân tên đệ tử. Thằng kia chưa kịp có thời giờ ừ hử gì cả thì đã bị xích kia siết hết hai cánh tay. Thế rồi Yoshihide lại hiềm ác rút thật chặt một đầu dây xích làm tên đệ tử đau thấu trời xanh, nó quy người ngã xuống mặt sàn đánh ầm và lăn lộn mấy vòng.

9

Lúc đó có thể nói hình thù tên đệ tử giống như cái vò rượu ngã lăn lóc, mình mẩy tứ chi đều bị trói chèo queo thật trên thân thể vạm vỡ của nó, máu trong huyết quản bị xiềng sắt ngưng tụ lại đã căng ứa trên làn da làm ửng đỏ cả người. Thế mà trước quang cảnh đó Yoshihide vẫn bình thản như không, hắt cứ lững thững đi vòng quanh cái “vò rượu” kia, nhìn chỗ này ngắm chỗ kia, sao chép hết bức này tới bức nọ. Trong khi ấy thì tên đệ tử bị trói nằm kia chịu đau

đón khổ sở như thế nào thì tôi không cần tả ra làm gì, quý vị cũng đã đoán được.

Nếu không có gì bất ngờ xảy ra hôm đó thì chắc tên đệ tử kia còn phải chịu cái cực hình này không biết đến bao giờ, nhưng may cho nó (hay bảo không may cho nó mới phải) là sự việc kéo dài được một chốc thì từ chỗ khuất cạnh cái bờ góc nhà có một vệt gì đen bóng như dầu loang chậm chậm chảy thẳng ra thành một đường dài. Lúc đầu thì trông vật đó như dính chặt dưới nền nhưng lần hồi bỗng động dấy từ từ rồi bắt đầu trườn về phía trước. Khi thử chú mục nhìn cái thân hình lấp la lấp lánh tiến gần đến trước mặt mình, tên đệ tử mới la ó thiếu điều đứt hơi:

- Rắn, rắn...

Lúc ấy có bảo tượng chừng máu toàn thân tên đệ tử sắp sửa đông đặc cũng không quá đáng vì con rắn chỉ còn xiu xiu nữa đã có thể thè cái đầu lưỡi lạnh buốt của nó chạm vào mảng thịt ở cổ tên đệ tử đang bị xiềng siết đến bắn máu. Chuyện không thể ngờ này chắc đã khiến cho con người ma giáo như Yoshihide cũng đâm ra hoảng hốt nên hấn vội vàng ném ngay mũi cọ, khom người chụp lấy đuôi rắn, thông đầu cho nó đong đưa. Rắn cố vặn vẹo cả người để ngóc lên cho bằng được nhưng đầu nó không tài nào chạm nơi cổ tay gã thợ vẽ.

- Con rắn khốn nạn, ông vẽ đang ngon.

Hắn lăm thềm nguyên rửa, thấy tốt con rắn vào trong cái bờ góc phòng rồi cúi kính tháo vòng xiềng đang thắt chung quanh người tên đệ tử. Hắn chỉ làm mỗi việc tháo xiềng chứ nhất nhất không có lấy một lời dịu ngọt an ủi. Như thế hắn cúi kính không phải vì suýt nữa con rắn ngoạm cổ tên học trò mà chỉ vì nó làm hỏng một nét họa mà thôi. Sau này nghe kể mới biết ra con rắn ấy cũng được Yoshihide cố ý nuôi để dùng làm mẫu vẽ.

Qua mấy chuyện như thế quý vị đã hình dung được Yoshihide điên khùng và tệ bạc đến chừng nào. Để kết thúc, tôi xin kể thêm chuyện một tên đệ tử khác tuổi vừa mười ba mười bốn đã thiếu điều mất mạng trong khoảng thời gian bức tranh địa ngục đang thành hình. Tên đệ tử này là một cậu trai bần sinh có nước da trắng trẻo như con gái. Một đêm, không hiểu có gì, cậu ta được gọi vào phòng thầy. Lúc đó, Yoshihide ngồi dưới ánh đèn, đang chăm chút dứt cho một con chim quái dị ăn mấy mẩu thịt sống để trong lòng bàn tay mình. Con chim ấy phải to cỡ một con mèo nuôi trong nhà, lông vũ chĩa ra hai bên như những cái lỗ tai, cặp mắt tròn to màu hổ phách, tóm lại, mới nhìn qua cứ ngỡ là ông miêu nào đó.

10

Nguyên lai, Yoshihide chúa ghét những ai chõ mõm vào chuyện của lão, thành thử trong xưởng vẽ cất giấu gì, cả con rắn vừa kể, hắn không hề hé môi cho lũ đệ tử biết. Do đó, có lúc trên bàn trong phòng hắn, những vật quái lạ như đầu lâu, bình bạc, mâm sơn... được trần thiết, tùy theo cảnh trí cần cho bức vẽ. Không ai hiểu ngày thường Yoshihide chôn giấu những của lạ ấy ở đâu. Cho nên lời đồn đại về việc hắn được Thần Tài hỗ trợ chắc phải bắt nguồn từ những chi tiết đó thôi.

Tên đệ tử trẻ lúc ấy nghĩ thềm con chim quái dị kia cũng chỉ là một vật làm mẫu để vẽ bức bình phong nên mới thẳng thớm đến cúi xuống trước mặt thầy, kính cẩn:

- Thưa thầy gọi con có việc gì ạ?

Yoshihide coi bộ không chú ý đến câu hỏi của nó, thè lưỡi liếm quanh cặp môi đỏ, hất hàm về hướng con chim, hỏi:

- Sao, mi thấy nó thuần không nào?

- Thừa thầy, chim này là giống gì mà con chưa được biết bao giờ!

Đệ tử vừa hỏi vừa ngấm nhìn con chim hình thù giống mèo với cặp tai trông đến khiếp. Yoshihide vẫn giữ vẻ trào lộng cổ hủ:

- Cái gì? Mi chưa thấy giống chim này bao giờ à? Dân đô thị như bọn bay chán thật. Con vật này là giống cú có sừng mà lão thợ săn ở Kurama mới đem biếu ta mấy hôm trước. Có một con thuần tính thế này hiếm lắm đây!

Vừa nói xong, nhằm lúc con cú vừa nuốt sạch mồi, y mới đưa tay lên nhẹ nhàng vuốt ngược tấm lưng nó từ dưới lên trên. Mới thế thôi thì trong nháy mắt, con vật đã vùng bay lên bàn, cất lên một tiếng kêu nhọn sắc, hai chân giương móng vuốt nhắm đầu tên đệ tử lao tới. Nếu lúc đó tên đệ tử không vội vàng đưa ống tay áo lên che mặt thì đã ăn hai ba vết mổ rồi cũng nên. Nó la oí oí, vung tay chực đuổi quái điếu thì con cú có sừng lại kêu the thé, chìa mỏ cốc thẳng đầu thẳng bé. Thăng bé quên cả việc nó đang đứng trước mặt thầy, hết đứng lại ngồi, chống đỡ không ngừng, luống cuống chạy trong cái phòng vẽ chật chội tìm cách thoát thân. Con cú cũng không chịu rời một tấc, lúc bay lên cao lúc sà xuống thấp, hễ thấy kẻ hở là châu đầu xuống nhắm ngay con người thẳng bé. Mỗi lần như vậy, cánh nó đập phần phật, bắn ra hơi ẩm nặng mùi lá mục hay quả nhũn (mà bọn khỉ rừng ủ trong hang đến bốc men) hăng chịu không thấu. Đối với thẳng bé lúc ấy thì thú thật, ngọn đèn dầu leo lét bên cạnh chả khác gì vầng trăng lạnh lẽo và căn buồng vẽ của ông thầy nó là hang động đầy yêu khí một nơi thâm sơn cùng cốc nào đâu.

Tuy nhiên cái nó sợ nhất không phải việc bị con cú tấn công. Điều làm nó rợn tóc gáy là thái độ của ông thầy Yoshihide, nãy giờ vẫn lạnh lùng ngấm nghĩa quang cảnh, từ tốn nhấm ngọn bút và ghi chép lên một cuộn giấy cảnh tượng ghê khiếp khi đứa học trò ẻo lả như con gái đang bị quái điếu tấn công không thương tiếc. Thoáng liếc thấy thế một nỗi sợ hãi xâm chiếm lấy thẳng bé và đương sự hiểu ngay là ông thầy này có khi sẵn sàng thí cả mạng nó nữa.

11

Tình thực chuyện thầy thí mạng trò không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Xem chuyện kêu đệ tử đến đêm hôm đó rồi lập mưu kích thích con cú để vẽ được cảnh nó chạy cuống cuồng lúc bị cú tấn công thì rõ. Thừa, vì lẽ đó mà tên đệ tử khi nhanh mắt thấy bộ dạng ông thầy, bất giác lấy hai ống tay áo che đầu, bỗng sau một tiếng thét hoảng hốt, nó té khuyu phía cánh cửa kéo ở góc phòng. Vừa lúc ấy, Yoshihide cũng cất tiếng la lối rồi dợm đứng lên. Đã thấy tiếng đập cánh của con cú càng lúc càng dữ dội cùng với tiếng đồ vật đổ vỡ loảng xoảng. Tên đệ tử mất cả thần hồn, bỏ cả tay che đầu, ngẩn xem có gì. Căn phòng lúc đó tối mịt chỉ nghe tiếng gã họa sư đang bực dọc réo gọi bọn đệ tử.

Rốt cục, từ xa một đứa lên tiếng đáp lại, rồi tất tả cầm đuốc đến nơi. Dưới ánh sáng của ngọn lửa khói cay xè, nó thấy cây đèn trong phòng đã ngã lăn kềnh và ở chỗ đầu loang ra cả mặt sàn lẫn mặt chiếu, con cú hồi nãy đang nằm lẫn lộn, cố nhấc một bên cánh lên và cất tiếng

kêu ra chiều đau đớn. Riêng Yoshihide vẫn ở trong tư thế nửa đứng nửa ngồi, mặt ra dáng kinh ngạc còn mồm lẩm bẩm những gì không rõ. Thật ra chẳng có gì lạ cả: một con rắn đen thui đã cuộn người quanh con cú, từ đầu đến một bên cánh, và tiếp tục siết chặt. Có lẽ lúc tên học trò chạy vội và té khuỵu ở góc này đã lật đổ cái chum và khi cú kia khinh suất định chụp mồi con rắn đang từ trong chum bò ra là lúc cuộc thư hùng bắt đầu. Hai tên đệ tử đưa mắt nhìn nhau rồi trong khoảnh khắc, chỉ biết trơ mắt nhìn cuộc chiến đấu đang xảy ra, xong lặng lẽ cúi đầu chào thầy và kín đáo bước ra khỏi phòng. Chẳng ai biết số phận của con cú và con rắn ra sao nữa.

Chuyện tương tự những gì vừa kể nhiều vô số. Như tôi đã thưa trước, kể từ đầu thu là lúc có lệnh vẽ bức bình phong địa ngục cho đến mùa đông, lũ đệ tử của Yoshihide luôn luôn bị sự phụ tạo ra mọi chuyện phiền hà vì thái độ quái gở của hắc tặc. Thế nhưng đến cuối mùa đông thì có cái gì không ổn trong kế hoạch vẽ bức bình phong của Yoshihide. Mặt mày hắc tặc ngày càng bực xụ, lời ăn tiếng nói cũng gắt gỏng hơn. Bức họa vẽ thử đã xong đến tám phần mười mà cứ bị bày trơ ra đấy, không tiến thêm được bước nào. Nhìn cảnh tượng đó có thể đoán được là Yoshihide sẵn sàng xóa sạch những gì đã cất công vẽ cho đến lúc ấy.

Dẫu vậy, chẳng ai hiểu và chẳng ai dám đặt câu hỏi xem cái gì đã làm họa sư kẹt cứng. Bọn đệ tử trước đây mấy lần đã cách ông thầy, có cảm tưởng như chúng đang bị nhốt chung một chuồng với hổ lang, đều giữ ý giữ tứ không dám đến gần sự phụ.

12

Chính vì thế mà tôi không thấy gì xảy ra vào thời điểm đó để kể chuyện làm quà cho quý vị. Có lẽ chẳng chỉ là việc cái lão già ngang bướng kia bỗng trở nên mau nước mắt, nhiều lúc ra chỗ khuất ngồi khóc một mình. Đặc biệt có hôm có tên đệ tử không biết nhân việc gì phải đi ngang vườn nhà trên, bắt gặp ông thầy của nó đang đứng bên hành lang ngược mắt nhìn lên khung trời sắp vào xuân mà đôi mắt như mờ lệ. Tên đệ tử thấy thế chợt cả thẹn như thể nó đang nhìn trộm ai, lảng lảng trở gót rút lui, nhưng bấy nhiêu đó đã đủ cho ta thấy gã đàn ông ngạo mạn khi muốn vẽ cảnh năm côi luân hồi của chúng sinh dám lấy cả thầy chết bên vệ đường làm mẫu kia lại có thể ức lòng vì không thực hiện được bức bình phong mà dăm ra khóc lóc như trẻ con. Nếu quý vị không cho là quái gở thì tôi xin thua.

Thế nhưng, suốt thời gian vẽ bức bình phong, khi Yoshihide thiếu điều say mê đến mức có thể coi như khùng tới nơi thì cô con gái lão ta càng ngày càng chìm đắm trong u ám đến nỗi khi nhìn dung mạo tiều tụy của cô, bọn tôi không ghìm được nước mắt. Huống chi cô ta xưa giờ da dẻ vẫn trắng muốt, dáng điệu u buồn, khép nép, nên từ độ riềm mi trĩu xuống, quầng mắt thâm hơn, dáng cô đã buồn lại náo nùng thêm. Ban đầu còn tưởng cô vì lo lắng cho cha già hay hờn duyên tử phận chi chi. Chúng tôi phỏng đoán hết nguyên nhân này tới nguyên nhân nọ, giữa chừng mới nghe người ta đồn cô buồn là tại đức ông đang buộc cô chiều theo ý ngài đây thôi. Nhưng chỉ ít lâu, bỗng nhiên thấy thiên khu đột ngột quên khuấy những lời đàm tiếu đó.

Có lẽ nhằm khoảng đó thì phải, một đêm, trời vừa rạng sáng, lúc tôi đang một mình đi dọc hành lang trong phủ thì cái con khỉ nhỏ mang tên Yoshihide ở đâu bỗng bất đồ chạy tới, nín cứng vật hakama[\[13\]](#) trên quần của tôi giật lấy giật để. Tôi còn nhớ đêm đó trời ấm lắm, trong vườn thoảng hương mơ, vàng trắng tỏa ánh sáng bàng bạc. Dưới ánh trăng, tôi để ý thấy con khỉ chìa hàm răng trắng bóc, mũi xấp nấp nhảnh nhảnh, kêu eng éc toán loạn như đang bực bội vì điều gì. Tôi khó chịu thái độ quái gở của con vật thì ít mà hậm hực vì tấm hakama mới toanh bị giật nát thì nhiều, mới đầu định quơ chân đá nó qua một bên rồi cứ thế đi tiếp. Bỗng tôi chợt

nhớ ra chuyện anh chàng vũ sĩ vì muốn trừng phạt con khỉ mà bị công tử quở trách. Lại thêm dáng điệu của con khỉ như có cái gì khác thường làm tôi rất cục buộc phải chạy theo hướng con khỉ kéo, dọc theo năm sáu gian buồng^[14].

Vòng khỏi khúc quanh của hành lang, dù trong bóng đêm tôi cũng nhận ra được màu nước sáng nhàn nhạt của hồ nước trải rộng đằng sau mấy thân cây tùng xinh xắn. Chính vào lúc đó, tai tôi bỗng bắt được tiếng người đang giằng co gì nhau ở một gian phòng bên cạnh, và tiếng động đó coi bộ kịch liệt nhưng thì thầm thì thụt. Ngoài ra chung quanh hoàn toàn im vắng, ngoài tiếng cá nhảy làm nước động, dưới ánh sáng trắng bạc của màu trắng pha sương, không lấy có một tiếng người. Đến cạnh chỗ xuất phát tiếng động, tôi bất chợt dừng bước, tiến lại gần cánh cửa kéo, nín hơi để rình xem có kẻ bất lương nào ló đầu ra chẳng.

13

Hình như con khỉ Yoshihide thấy tôi cứ e dè, đâm ra bực bột chạy lú qua lú quýu hai ba vòng dưới chân, phát ra tiếng kêu lí nhí như bị ai bóp họng, rồi thoát cái co hai chân phóng lên chộp lấy vai tôi. Tôi chỉ biết phản ứng bằng cách quay cổ về hướng khác để khỏi bị móng nó cào cho. Con khỉ bèn cắn lấy ống tay suikan^[15] của tôi để thân mình khỏi bị tuột xuống nhưng lại làm tôi mất đà loang choang thụt lùi hai ba bước, cả người va vào cánh cửa kéo. Đến nước này thì không còn chần chừ được nữa nên tôi mới kéo xoạc tấm cửa ra, dợm nhảy vào phía bên trong chỗ ánh trăng không chiếu tới xem sao thì cùng lúc có vật gì bỗng ngáng tầm mắt. Nhưng không, đấy chỉ là một người đàn bà từ căn phòng ấy chạy vụt ra, làm giật bắn cả mình. Người ấy thiếu điều đâm sầm vào tôi và nhân cái đà đó, tới được bên ngoài thì ngã ra sàn, đầu gối quy xuống và hơi thở đứt đoạn, run rẩy dương mắt nhìn về phía tôi mà như thể còn đang nhìn một vật gì khiếp đảm.

Không cần phải nói quý vị cũng đủ hiểu người đàn bà ấy là cô gái con anh thợ vẽ Yoshihide. Nhưng có cái là đêm hôm đó cô chẳng còn là cô gái của mọi ngày, đôi mắt to của cô chiếu vào mắt tôi một cái nhìn cứ ánh lên lấp la lấp lánh, gò má đỏ bừng bừng như hực sốt. Tấm hakama trên đùi cũng như cái uchigi^[16] lụa choàng người đã lệch lạc, không còn dấu nét thơ ngây mọi ngày mà thay vào đó là một vẻ gợi tình. Làm tôi đâm ra tự hỏi con người trước mặt kia có phải cô con gái thường ngày mảnh khảnh khép nép của Yoshihide hay không nữa. Tôi bèn đứng tựa lưng vào tấm cửa ngăm người con gái yêu kiều kia dưới ánh trăng, vừa đưa tay chỉ về hướng có tiếng chân của ai đó đang chạy vội vã xa dần và đưa mắt lạng lẽ nhìn cô thầm hỏi cô xem đó là ai.

Cô gái chỉ cắn môi, im lặng lắc đầu. Cứ xem thế thì thấy cô hãy còn cay đắng vì việc mới xảy ra.

Tôi mới khom người xuống, miệng sát vào tai cô gái, thì thào hỏi “Ai đấy?” Thế nhưng cô ta cứ quây quậy lắc đầu, chẳng chịu trả lời. Không những thế, lúc đó, những giọt lệ từ rèm mi dài như chực trào ra khóe mắt và cô càng cắn chặt môi hơn. Đáng tiếc là với đứa cha sinh mẹ đẻ tính khí dần dần như tôi thì ngoài những gì được thấy tận mắt, tôi không biết phỏng đoán ngọn ngành chi cả. Thấy thế, thưa quý vị, tôi chả dám hỏi cô ấy thêm câu nào mà chỉ biết đứng như trời trồng một lúc lâu như để lắng nghe từng nhịp trái tim nhảy thình thịch trong lồng ngực của cô gái, một phần cũng vì thầm nghĩ mình có thể làm điều đại dột nếu còn muốn tìm hiểu xa hơn.

Không nhớ rõ tôi đã đứng như thế được bao lâu, mãi sau mới từ từ khép cánh cửa kéo và chỉ biết ngoái lại cổ nhỏ nhẹ từ tốn nói được một câu: “Cô về phòng việc đi thôi!” với người con gái hình như lúc ấy đã qua cơn xúc động. Riêng phần tôi lại áy náy vì có cảm tưởng mình đã thấy một điều gì không nên. Hơi mắc cỡ, bèn quay người đi trở lại hướng cũ. Thế nhưng vừa

được mười bước thì chợt có ai từ đằng sau e sợ nắm vạt áo tôi giật giật kéo lại. Tôi giật mình quay lại, xem có chuyện gì.

Chỉ thấy dưới chân mình con khỉ nhỏ Yoshihide hai tay phục xuống như người ta, cái lưng bằng vàng kêu lanh canh, đang kính cẩn gục đầu lên gục đầu xuống.

14

Sự việc sau đây xảy ra khoảng chừng nửa tháng sau vụ náo loạn. Một hôm, họa sư Yoshihide đột nhiên đến phủ và xin đức ông cho phép hẳn gặp trực tiếp. Lão họa sư chỉ là hạng bần dân nhưng thường ngày vẫn được đức ông đặc biệt chiếu cố nên mới dám thế. Bình thường dễ gì ngài cho ai gặp nhưng hôm đó ngài nhận lời tiếp hẳn một cách dễ dàng và cho gọi hẳn đến ngay. Yoshihide mặc cái áo màu nâu nhạt và đội chiếc mũ đen quen thuộc nhưng vẻ mặt lại nhăn nhó, khó ở hơn mọi ngày. Cúi rạp trước mặt đức ông, hẳn cất giọng khàn khàn thưa:

- Bẩm bực bình phong cảnh địa ngục mà bề trên hạ lệnh vẽ, thần ra sức cầm bút đêm ngày nên nay mai sắp hoàn thành rồi ạ.

- Thế thì mừng cho mi. Ta cũng đẹp lòng.

Ngoài miệng dạy như thế nhưng giọng của đức ông ỉu xiu như không lấy gì thiết tha cho lắm.

- Thưa thần chưa làm gì đáng để bề trên khen thưởng như vậy.

Yoshihide có vẻ hơi giận dỗi nhưng vẫn phủ phục nói tiếp:

- Bức tranh hầu như xong rồi nhưng còn có chỗ thần không sao vẽ được.

- Mi nói gì? Có chỗ mi vẽ không được à?

- Thưa vâng. Bình sinh cái gì thần chưa thấy tận mắt thì thần không thể vẽ ra. Nếu gương mà vẽ lại không thỏa mãn. Cho nên thần coi như là vẽ không được vậy.

Nghe đến đây, gương mặt đức ông bỗng phảng phất một nụ cười chế nhạo:

- Mi muốn nói là muốn vẽ bức bình phong địa ngục thì mi phải thấy được cảnh địa ngục trước đã à?

- Thưa đúng thế thật. Năm ngoái gặp lúc có trận hỏa tai thật lớn, thần đã chứng kiến tận mắt một biển lửa nóng rực chẳng khác lửa hỏa ngục. Nhờ cái duyên thấy cảnh lửa đỏ cuộn cuộn đó mà sau này thần mới sáng tác được bức *Bất động minh vương quán lửa*. Chắc bề trên cũng biết đến bức họa đó của tiểu thần.

- Vẽ lũ tội nhân được không hả? Mi chưa chứng kiến công việc bọn ngục tốt dưới địa ngục bao giờ mà!

Đức ông như hoàn toàn không thêm để ý đến lời phân trần Yoshihide, ngài đang hỏi câu này lại nhảy qua câu khác.

- Mắt thần đã có dịp nhìn cảnh kẻ bị xiềng bằng xiềng sắt, cũng từng vẽ được cảnh người chạy trốn khi bị quái điều đuổi theo mổ thực sự. Còn cảnh khổ của lũ tội nhân bị tra khảo, thần

đầu dám thừa là chưa biết. Hơn nữa, ngực tốt thì...

Yoshihide miệng nở một nụ cười gượng gạo, nói:

- Ngực tốt thì đã hiện ra rõ ràng trong những giấc mộng của thần rồi. Đứa đầu trâu, đứa mặt ngựa, có lúc chúng nó mang dạng quỷ ba đầu sáu tay, miệng nói không ra âm, tay đập không thành tiếng, đối xử hết sức tàn bạo với tiểu thần bất kể ngày đêm... Cái mà thần không tài nào vẽ nổi không phải là cảnh đó đâu ạ.

Nghe thế đến đức ông cũng không khỏi ngạc nhiên. Ngài nhìn trừng trừng mặt Yoshihide một lúc lâu, có vẻ bồn chồn muốn tìm hiểu. Mãi sau mới nhú mày và ngạo nghễ buông một câu gọn lỏn:

- Vẽ cái gì mà không được đâu, nói nghe coi!

15

- Cái tiểu thần muốn vẽ cho được ở ngay giữa bức bình phong là cảnh chiếc xe ngựa từ trên không rơi xuống đấy ạ.

Yoshihide nói và lần đầu tiên y dám ngẩng lên nhìn thẳng vào mặt đức ông. Tôi nghe người ta bảo khi đựng đèn chuyện hội họa rồi là anh ta hóa ra ngông cuồng luôn nhưng quả là cái nhìn của hắn lúc đó trông đáng sợ thật.

- Thừa, trong chiếc xe đó phải có một vị công nương cực kỳ diễm lệ, mái tóc sổ tung, khô héo khắc khoải giữa ngọn lửa hung bạo. Khuôn mặt nàng phải ngọt ngào vì khói, đôi mày nhíu lại, đầu rướn lên về phía vòm nóc xe. Tay của nàng phải kéo ghệt lấy rèm cửa muốn che không cho những đốm lửa đang bắn tung như mưa bắc từ trên không xuống. Thế rồi chung quanh nàng phải có khoảng mười, mười hai con ác quỷ châu mỗ kêu inh ỏi và bay liệng loạn xạ. Xin thừa hình ảnh vị công nương diễm lệ trong chiếc xe ngựa kia chính là cái mà tiểu thần không tài nào vẽ cho được!

- Thế... mi tính sao đây?

Không hiểu có gì đức ông xem ra có vẻ hài lòng một cách kỳ lạ, ngài làm như thúc giục Yoshihide nói thêm. Cặp môi đỏ chót như người lên cơn sốt của lão họa sư run lấy bầy. Y nói mà cứ tưởng mình đang ở giữa cơn mộng dữ:

- Đó là cái mà thần không tài nào vẽ nổi.

Y lặp lại câu khi nãy lần nữa rồi cắn chặt hàm răng, mạnh dạn tiếp lời:

- Xin bề trên làm ơn cho thấy được cảnh châm lửa đốt một chiếc xe ngựa trước mặt thần. Ngoài ra, nếu có thể thì...

Đức ông sa sầm nét mặt trong giây lát, xong bỗng ngài bật tiếng cười sảng sặc. Từ từ cố nén cười cho khỏi đứt hơi, ngài mới phán:

- Được rồi, ta sẽ ra lệnh cho chúng làm đúng ý ngươi. Chẳng cần lo có thể hay không thể cho mất công.

Khi tôi nghe đức ông thốt ra câu đó, không hiểu vì có linh tính hay sao mà thấy hơi rờn rợn. Dung nghi ngài lúc đó thật dị thường, miệng thì sùi cả bọt mép, còn cặp mày cứ nhăn đi nhíu lại

như sắp phát ra chớp nhoáng. Có lẽ ngài đã tiêm nhiễm cái khùng của Yoshihide nhưng chưa đến nỗi điên như hắn đó thôi. Nói hết câu ngài mới ngừng lại giây lát rồi bỗng dưng tiếng cười ăng ặc trong cổ họng tuôn ra như thác, không cách gì ngăn lại được:

- Ta sẽ cho đốt một chiếc xe ngựa như ngươi muốn. Ta lại sẽ ra lệnh đặt lên xe đó một đứa con gái thật diễm lệ ăn bận kiểu nhà đài các. Khối lửa sẽ liếm tấp mặt nó, con đàn bà đó sẽ khắc khoải đau khổ chờ chết. Muốn vẽ cho bằng được cái cảnh tượng đó thì mi đáng là đệ nhất họa sư trong thiên hạ. Ta khen cho mi đấy, a ha, ta khen cho mi!

Mới nghe đức ông nói như thế mặt Yoshihide bỗng tái mét, hơi thở hồn hển, đôi môi hãy lập bập nhưng gân cốt toàn thân thì đã nhũn. Hai tay dán bệt xuống mặt chiếu, hắn mới lí nhí trong miệng mấy câu cảm ơn:

- Tiểu thần vô cùng cảm kích. Muôn đội ơn bề trên.

Có lẽ câu nói của đức ông đã làm lóa ra trong đầu hắn từng chi tiết sống động quang cảnh ghê rợn của chương trình mà hắn ta dự tưởng. Đây là lần duy nhất trong đời mà dưới mắt tôi, Yoshihide chỉ là một kẻ đáng thương thôi.

16

Được hai ba hôm, một đêm sau lần đức ông cho Yoshihide hầu, ngài mới gọi hắn vào cho nhìn tận mắt quang cảnh một chiếc xe ngựa bị đốt. Nhưng cảnh đốt xe đó không diễn ra ngay giữa phủ Horikawa mà ở cái dinh tên gọi Yukige, một sơn trang nơi ngày xưa lệnh bà em gái của ngài có lần cư ngụ.

Xin thưa cái dinh Yukige này đã lâu không ai ở, vườn tược mệnh mông để tiêu điều hoang phế. Riêng về số phận của em gái đức ông, vẫn theo lời đồn của thiên hạ, có những mẩu chuyện chẳng hạn cứ vào đêm không trăng, bà ta hãy còn kéo lệch gấu cái hakama đỏ tươi, chân không chấm đất, đi dọc suốt hành lang. Những giai thoại đó có thể phát xuất từ trí tưởng tượng của những kẻ có dịp đi ngang qua chỗ thiếu hơi người này thôi nhưng không hẳn hoàn toàn phi lý vì giữa ban ngày ban mặt mà không khí ở khu dinh cơ này hết sức u tịch. Cứ đến lúc mặt trời khuất núi, tiếng nước lòng khe róc rách trong bờ bụi và cảnh mây cánh vạc bay dưới ánh trăng như mang điềm gở làm người ta đủ rợn người.

Đêm đó lại đúng hôm không trăng. Trời tối như mực nhưng dưới ánh đèn dầu, đã thấy đức ông mặc cái áo ngắn màu xanh non, cái quần dài tím sẫm thêu hoa văn nổi, đang chễm chệ ngồi xếp bằng trên tấm bồ đoàn tết bằng rơm viền gấm trắng bên hành lang. Chung quanh ngài là năm sáu tả hữu hầu cận, không cần phải nói cũng biết họ sắp thành hàng ngũ rất cung kính. Đặc biệt trong đám có một người cặp mắt trông dị thường, đó là một vũ sĩ mấy năm trước trong khi viễn chinh ở Michinoku, có lần đói phải ăn thịt người qua bữa. Từ dạo đó, hắn trở nên mạnh mẽ đến độ tay không có sức bẻ nổi sừng hươu sống. Mình mang áo giáp, hắn đứng nghiêm trang bên hành lang, lưỡi đại đao đeo vĩnh lên như đuôi én lộ ra ngoài thắt lưng. Dưới ánh đèn chập chờn trong gió đêm, lúc lóe lên lúc chực tắt, không hiểu sao nhìn đi nhìn lại những con người đó, tôi thấy ghê ghê, không biết mình đang sống trong mộng hay đứng trước cảnh thực.

Hơn thế nữa, một chiếc xe ngựa đã được kéo ra đặt giữa viên đình. Vẻ uy nghi của cỗ xe như

át cả bóng đêm, hai càng xe vì không bắt vào bờ nên đặt nghiêng nghiêng lên trên một cái bậc. Nhìn những chỗ dát vàng trên thành xe trông như sao sa, chiếu lấp lánh, ngay giữa đêm xuân mà cảm thấy ớn lạnh, nhất là vì bức rèm xanh có viền hàng thêu nổi phong kín không cho thấy bên trong xe có những gì. Chung quanh, một bọn tráng đinh tay cầm đuốc cháy, cẩn thận tránh không để khói dạt về phía hàng hiên nơi đức ông ngự, cung kính đứng chờ lệnh.

Chỗ của Yoshihide hơi cách đó một chút. Hắn quỳ gối, mặt hướng về hàng hiên, hình như vẫn bộ áo màu nâu non và cái mũ quạ mềm, như bị đè bẹp bởi bầu trời đầy sao, thu mình lại dúm dỏ nom còn nhỏ bé hơn ngày thường. Sau lưng hắn lại có thêm một người cũng đội mũ áo y như thế, có lẽ là tên đệ tử tùy tùng. Hai người ấy đang quỳ cách xa trong bóng tối lò mò thành thử từ dưới hàng hiên là chỗ tôi mà nhìn thì thật tình cũng không sao chắc chắn về màu áo.

17

Lúc đó trời cũng đã về khuya. Bóng tối phủ đen kịt núi rừng như đang nghe ngóng từng nhịp tim tiếng thở của những người có mặt. Chỉ có tiếng gió đêm thốc qua và mỗi lần như thế, mùi khói và muội đuốc lại bay tới. Đức ông ngồi một đỗi không nói gì, ngài chỉ lặng ngắm khung cảnh khác thường này, rốt cục mới lê gối tới một chút, cao giọng gọi:

- Yoshihide!

Hình như Yoshihide có trả lời ngài sao đó nhưng lỗ tai tôi chỉ nghe tựa hồ một tiếng rên rỉ.

- Yoshihide! Đêm nay mi được toại nguyện đấy nhé. Ta sẽ cho đốt chiếc xe ngự để mi xem.

Nói xong câu, đức ông mới liếc mắt nhìn lũ hầu cận. Lúc đó, tôi có cảm tưởng đức ông và chúng nó đang mỉm cười với nhau một cách khó hiểu. Có lẽ tại tôi tưởng tượng ra thế không chừng. Nghe đức ông bảo, Yoshihide sợ hãi ngẩng đầu lên nhìn về phía hàng hiên nhưng không nói năng gì cả.

- Xem kìa. Đây là chiếc xe ta vẫn đi mỗi ngày. Chắc mi thừa biết. Bây giờ ta sẽ ra lệnh đốt xe để dựng mẫu phong cảnh hỏa ngục cho mi.

Đức ông mới dừng nói, đưa mắt ra hiệu cho tên hầu cận rồi mới làm bộ thương cảm:

- Trong chiếc xe này, ta cho trói một con thị tỳ phạm lỗi đặt nguyên vào đấy. Nếu châm lửa đốt xe thì nhất định thịt nát xương tan; con đàn bà đó sẽ chịu muôn vàn đau đớn, khắc khoải chờ chết. Người họa được bức bình phong với cảnh tượng như thế thì tác phẩm của người đúng là có một không hai đấy. Đừng bỏ sót chi tiết lúc thịt trắng da ngà cháy khét trong lửa nhé! Hãy nhìn cho mãn nhãn cảnh lợn tóc đen sổ tung bị lửa tấp ra tro đi nghe!

Lần thứ ba, đức ông lại ngưng giọng. Tôi không hiểu ngài đang nghĩ gì, chỉ thấy ngài cười không thành tiếng đến rung cả đôi vai, rồi phán:

- Quang cảnh này muôn đời sau cũng không có đấy. Ta cũng xin làm quan khách. Bay đâu, vén rèm lên cho Yoshihide biết mặt con đàn bà trong xe đi!

Nghe lệnh, một tên tráng đinh một tay nâng cao ngọn đuốc thông, xông xáo đến gần cỗ xe, vươn cánh kia tay ra, kéo bức rèm cửa lên cái một. Ngọn đuốc đang cháy phừng phực kêu rầm rắc, ánh sáng đỏ loá loá của nó thoát chốc đã rọi sáng rõ khoảng không gian hẹp. Cảnh tượng thật thảm khốc: trên sàn, một thị nữ bị xiềng chặt, mà trời ơi, làm sao tôi trông nhầm cho

được? Sau tấm kimono điểm lệ thêu hoa anh đào là dòng suối tóc đen mượt buông mềm xuống bờ vai, một cành thoa vàng xinh xắn cài lấp lánh. Nhìn cái thân hình mảnh mai, mềm bị bịt chặt để khỏi kêu la, nét u buồn dịu hiền của khuôn mặt, tôi nhận ra ngay người thị nữ ấy không ai khác hơn cô con gái Yoshihide. Suýt nữa tôi đã hét lên vì thắng thốt.

Thưa chính vào lúc đó đấy ạ, tên vũ sĩ mạnh bạo đối diện với tôi bỗng đứng phắt lên, một tay ghim cán đao, mắt trừng trừng nhìn về hướng Yoshihide. Tôi kinh hãi ngó theo mới thấy lão họa sư vừa chứng kiến cảnh tượng trên đã gần hóa rồ. Tự nãy giờ vẫn quỳ bên dưới thế mà đã hần đã bật dậy chực bay ra. Hai tay hần vươn ra phía trước như sắp sửa chạy ủa về hướng cái xe trong cơn mê dại. Có điều đáng tiếc là, như đã thưa, chỗ tôi đứng lại quá xa nên không rõ tướng mạo hần ta lúc ấy. Tuy nhiên mới vừa nghĩ như thế xong thì đã cảm thấy gương mặt trắng bệch của Yoshihide, không, cả hình dáng của lão ta nữa, đang như có một sức lực vô hình gì nào đó thoát kéo khỏi màn đêm và mang ra treo giữa không gian, bày lồ lộ trước mắt tôi. Cùng lúc ấy có tiếng đức ông ra lệnh “Châm lửa cho ta!” và bọn tráng đinh ném đuốc thông vào xe hết ngọn này đến ngọn khác. Chiếc xe ngựa bèn lửa bùng lên.

Chỉ trong nháy mắt, ngọn lửa đã bao trùm cả cỗ xe. Mấy chùm dây màu tím kết trên hiên xe bị quạt bay tung lên, từ phía dưới khói trắng cuồn cuộn hiện rõ trong đêm đen. Hết rèm trúc rồi hai bên thành cửa cho đến đến kim loại dát trên muinhư thế vỡ tung một loạt và bay ra thành một trận mưa lửa cuồng loạn giữa tầng không, cảnh tượng thảm khốc đến nghẹn lời. Thế rồi những lưỡi lửa giận dữ liếm tấp khung xe, bốc lên tận trời cao, đỏ rực như vàng dương đang sa xuống đất bảo là lửa lò trời trào ra cũng không quá đáng. Lúc này tôi còn chực hét lên, còn giờ đây hoàn toàn hồn tiêu phách tán, chỉ biết há hốc nhìn quang cảnh rừng rợn này chứ không biết làm gì khác. Thế nhưng người ruột thịt như Yoshihide thì...

Đến nay tôi vẫn còn chưa quên vẻ mặt Yoshihide lúc ấy. Gã đàn ông đó những tưởng là sẽ chạy như mê về phía cỗ xe thì lúc lửa vừa bùng lên, bỗng chùn chân lại, hai tay vẫn vươn ra đằng trước, mắt chỉ nhìn chằm chặp, cái nhìn như đang cố cuốn hút cho bằng được tất cả lửa khói đang bao trùm cỗ xe. Ánh sáng ngọn lửa chiếu rọi toàn thân, soi từng nếp nhăn nheo trên khuôn mặt già nua xấu xí, soi đến cả từng cọng râu của lão. Thế nhưng chính cái gương mặt với cặp mắt đang mở cực to, với đôi môi vắn vẹo đến biến hình, với bắp thịt trên gò má đang run rẩy lật bật mới làm ta hình dung được tâm trạng của Yoshihide khi sự sợ hãi, nỗi đau khổ và kinh ngạc thay nhau hiện ra trên đó, đợt này nối tiếp đợt khác. Cho dù là tên cường đạo sắp sửa bị bêu đầu hay kẻ tội nhân gian ác nghịch đạo mà thập điện diêm vương lôi ra công đường xét xử cũng không thể nào có khuôn mặt khốn khổ hơn lão ta lúc ấy. Đến nỗi tên vũ sĩ tùy tùng mạnh bạo dường nào mà mặt cũng chợt biến sắc, sợ sệt ngược mắt lên nhìn đức ông.

Đức ông miệng vẫn mím chặt lâu lâu lại cười ma quái, mắt không rời cỗ xe. Mà trong chiếc xe ấy thì, trời ơi, hình dung cô gái trong xe tôi được thấy lúc đó ra làm sao, đến bây giờ vẫn chưa đủ can đảm để kể hết chi tiết. Cái khuôn mặt trắng trẻo ngửa lên vì ngạt khói, mái tóc dài phất tung như muốn dập tắt ngọn lửa, cả manh áo lụa thêu hoa anh đào thướt tha mỹ lệ, trong một khoảnh khắc đều biến thành lửa. Thật là một cảnh tượng bi thảm. Dần dần ngọn gió đêm có phần dịu xuống để khói dạt về phía bên kia, những đốm sáng bắn tung như kim nhũ lên đầu ngọn lửa đỏ, người con gái, miệng vẫn bị bịt chặt, ngoi lên trong cơn hấp hối làm sợi xiềng sắt cột nàng như thể sắp đứt đến nơi. Tôi nghĩ rằng dưới địa ngục, tội nhân cũng chỉ đau khổ đến

thế này là cùng! Từ bọn tôi đến người vũ sĩ mạnh bạo kia đều khiếp sợ đến dựng tóc.

Gió đêm thổi trở lại lần nữa, lướt trên những ngọn cây trong khu viên đình. Luồng gió ấy loanh quanh như không biết về đâu. Bỗng lúc đó mọi người nhận thấy có một vật gì đen đen, nhảy nhót như một quả cầu, giữa khoảng mặt đất và thỉnh không, rồi từ trên nóc dinh phóng thẳng vào cỗ xe đang bốc cháy. Thế rồi giữa khi khung xe sơn son bắt đầu rời rã và đổ xuống, vật ấy quàng lấy bờ vai xiêu vẹo của cô gái lay lay để, thốt ra một tiếng kêu dài, nhọn sắc như lụa xé vụng ra đến ngoài màn khói, ra chiều đau đớn. Nghe như thế được hai ba lần thì bọn chúng tôi cũng không ai bảo ai cũng bật lên tiếng kêu ngạc nhiên. Kẽ vào tận đằng sau bức tường lửa khói để đeo riết vào vai cô con gái bị thiêu không ai khác hơn con khỉ mang cái hỗn danh Yoshihide xích ở phủ Horikawa.

19

Cái bóng khi ấy chỉ hiện ra trong một thoáng thôi ạ. Trong lúc những tia lửa hãy còn bắn tung lên trời như người ta rắc thêm kim nhũ lên mặt bức sơn mài thì cả bóng con khỉ lẫn cô gái đều đã chìm khuất hoàn toàn sau làn khói đen. Giữa khu viên đình chỉ còn cỗ xe lửa cháy bùng bùng, tiếng nổ lộp độp. Có lẽ không thể gọi là xe mà phải gọi là cột lửa thì mới phù hợp với hình dạng ngọn lửa kinh hoàng đang vút lên không như thiêu đốt cả ngàn sao.

Đứng lặng người nhìn chăm chú trước cái cột lửa kia, Yoshihide đang có một thái độ không ai hiểu nổi. Cái lão Yoshihide mới phút trước hãy còn cực kỳ đau khổ vì quang cảnh trừng phạt dưới địa ngục kia bây giờ lại mừng vui rạng rỡ ra một cách lạ lùng. Cái rạng rỡ của người ngộ đạo đang tràn trề trên khuôn mặt nhăn nheo. Có lẽ hẳn quên bằng việc mình đang ở trước mặt đức ông hay sao mà thấy hẳn cứ đứng vênh váo, hai tay khoanh chặt trước ngực. Làm như cảnh mà hẳn đang thấy không phải là đứa con gái yêu đang hấp hối trước mặt cha. Hẳn chỉ ghi nhận được qua đó những chi tiết đem đến cho hẳn một niềm vui thỏa vô bờ bến: màu lửa huy hoàng và hình ảnh người đàn bà trẻ đang chịu cực hình.

Quái gở hơn nữa là Yoshihide không chỉ tỏ ra vui sướng khi đứng ngắm đứa con gái yêu trong cơn thống khổ. Lúc đó con người hẳn còn toát ra một vẻ bạo tợn như sư vương đang căm giận, đến độ lũ chim đêm không biết bao nhiêu con đang bay toán loạn và kêu gào vì bất chợt bị ngọn lửa sém phải, không có con nào dám lượn vòng quanh chòm mũ màu quạ đen của Yoshihide. Có lẽ đối với lũ chim không hiểu cơ sự gì kia, trên đầu lão họa sư phải có một vòng hào quang uy nghiêm tỏa rộng làm chúng kinh sợ.

Chim chóc còn như thế thì nói chi đến bọn chúng tôi, ngay cả lũ tráng đinh, đều im hơi nín tiếng, toàn thân run rẩy, chăm chú theo dõi từng động tĩnh của Yoshihide mà lòng tràn ngập một sự đồng tình lạ lùng với hẳn như mới vừa được Đức Phật khai nhãn mở mắt cho. Hình ảnh ngọn lửa thiêu đốt cỗ xe vằn vũ trên không trung và lão họa sư đứng lặng như kẻ bị ai cướp mất hồn đủ tạo ra một bầu không khí uy nghiêm và hoan hỉ dị thường. Giữa cảnh tượng đó, chỉ có mỗi một người đang ngồi bên hàng hiên, đức ông Horikawa là đã biến thành một kẻ khác, mặt ngài tái như chàm đỏ, mép sùi bọt, hai bàn tay ghệt chặt lấy manh quần màu tím sẫm, kéo từng hơi thở khò khè như một con thú cổ họng khát ráo.

20

Rốt cục cũng có người đem chuyện đức ông Horikawa đốt chiếc xe ngựa ở dinh Yukige đêm

hôm ấy thổ lộ cho bên ngoài biết. Mà hình như không thiếu gì những kẻ chê trách hành vi của đức ông. Trước tiên người ta đặt câu hỏi có gì đức ông lại đem đốt chết con gái Yoshihide; riêng việc này, câu giải đáp căn cứ vào lời đồn về mối hận tình xem ra nhiều hơn cả. Nhưng đến độ cho đốt xe, giết người như vậy chắc hẳn đức ông hẳn còn có chủ tâm sửa trị tính khí quàng xiên của lão họa sư muốn thí cả mạng người để vẽ bằng được bức bình phong. Lý do trên có lần tôi đã nghe từ chính miệng ngài.

Còn thái độ lão Yoshihide sau khi chứng kiến cảnh con gái bị đốt trước mắt mà con tim gỗ đá của mình vẫn không lay chuyển, còn xin tiếp tục được vẽ bức bình phong, cũng lại bị người đời phê phán. Trong số đó, có kẻ thóa mạ nếu vì hội họa mà quên cả tình cha con, rõ ràng hẳn là phường gian ác, mặt người dạ thú. Tăng quan chùa Yokawa chính là một trong những người tán thành luận điệu ấy. Vị này thường bảo: “Cho dù giỏi hơn người được trong một lĩnh vực nghề nghiệp hay một nghệ thuật nhưng nếu để được thể mà vứt cả ngũ thường^[17] thì không tránh khỏi bị đọa xuống A Tỳ”.

Chỉ trong vòng một tháng sau, Yoshihide đã hoàn thành bức bình phong tả cảnh địa ngục. Hẳn liền đem lên phủ kính cẩn dâng cho đức ông. Nhằm lúc ấy tăng quan chùa Yokawa đang ghé qua phủ. Khi ông ta mới vừa xem một lượt bức bình phong, đã kinh hoàng trước cảnh một cõi đất trời đang chìm đắm trong trận bão lửa. Tăng quan trước đó vẫn khinh khỉnh với Yoshihide, cứ nhìn lão họa sư một cách trâng tráo, đến lúc được xem bức tranh, bỗng như không nén nổi lời tán thưởng, vỗ đùi đánh đét, thốt lên một tiếng: “Thần diệu!”. Nghe thế đức ông Horikawa chỉ biết cười gượng gạo và hình ảnh nụ cười ấy, đến nay tôi vẫn chưa quên.

Kể từ ngày đó, không còn một ai, ít nhất trong cửa phủ, nói xấu lão họa sư thêm một lời nào. Những người được xem bức bình phong, cho dù là kẻ ngày thường vẫn mang ác cảm với hẳn, đều không khỏi xúc động đến lặng người, làm như họ sống thực được với muôn vàn khổ ải của hỏa ngục thể hiện trên mặt tranh.

Nhưng lúc thiên hạ hiểu ra thì Yoshihide đã vĩnh biệt cõi đời này. Ngay đêm hôm sau khi hoàn thành bức bình phong, hẳn đã thông dây thừng lên rường căn buồng ngủ, thắt cổ chết. Có mỗi đứa con gái yêu thì nó đã đi trước cha nên gã đàn ông này có lẽ không bao giờ tìm lại được sự yên ổn trong tâm hồn. Năm xương tàn của lão ta nay vẫn nằm đâu đó dưới nền nhà cũ nhưng ngay cái mốc con bằng đá ghi dấu lại thì vài chục năm sau đó, với mưa to gió lớn đã đổ nát rêu phong, khiến không còn ai biết ngôi mộ kia là của ai và xưa kia đã làm gì.

Nguyễn Nam Trân dịch

Chú thích:

^[1] Cách ghép hai nguồn tư liệu làm một của Akutagawa có thể ảnh hưởng đến phong cách sáng tạo của Kurosawa Akira khi ông dựng phim *Rashomon* (1950, Giải chính Đại hội điện ảnh Venice) theo hai tác phẩm của Akutagawa, *Cổng Rashomon* (*Rashomon*, 1915) và *Bốn bề bờ bụi* (*Yabu no naka*, 1921).

^[2] Đã dựa trên truyện tình tội lỗi giữa chàng Morito và nàng Kesa với bối cảnh trung cổ thời Heian trong một tác phẩm cùng tên (*Morito to Kesa*) cũng do Akutagawa Ryunosuke viết đã đăng trên tạp chí *Chuo Koron* năm Tasho thứ 7 (1918). Xin xem *Lòng đã trót yêu*, bản dịch của Văn Lang Tôn Thất Phương trong tập này.

(3) Horikawa, tên một con sông chảy qua Kyoto, kinh đô Nhật Bản thời xưa, những Đức Ông (quan đại thần hay bậc tôn quý) Horikawa có thể chỉ là một nhân vật hư cấu.

(4) Đại Uy Đức Minh vương, tên một trong năm vị Minh vương gìn giữ cõi Tây Phương, biến thân của Đức Văn Thù Bồ Tát. Có tài hàng long phục hổ để bảo vệ chúng sinh. Tương truyền có ba đầu sáu tay, cưỡi trâu trắng, tướng mạo phần nộ dữ tợn.

(5) Tần Thủy Hoàng Doanh Chính (259 - 210tr CN), hoàng đế đầu tiên, gồm thu sáu nước, thống nhất Trung Quốc, nổi tiếng tàn ác, đốt sách, chôn sống nho sinh.

(6) Tùy Dạng đế Dương Quảng (569 - 618), vua thứ hai nhà Tùy, tương truyền giết cha soán ngôi, chuộng vũ công, sống xa hoa dâm dật.

(7) Kawaharano In, dinh thự ở Kyoto có khu vườn nổi tiếng đẹp, sau lấy làm chùa. Quan tả đại thần Minamoto no Toru (822-1895), con trai thiên hoàng Saga, là chủ cũ khu dinh thự tráng lệ ấy.

(8) T. Kojima và A.Mori hiểu đoạn văn này theo hai cách trái ngược nhau. Chúng tôi theo lối dịch của T.Kojima.

(9) Fudomyo (Acalanātha theo Phạn ngữ) hay Bất Động Minh Vương, một trong năm vị Minh Vương, sứ giả của Như Lai đến giáo hóa chúng sinh.

(10) Kawanari tức Hokusai Kawanari (782 - 853) họa gia đầu đời Heian, gốc người Triều Tiên. Giỏi về sơn thủy và nhân vật.

(11) Ryugaiji hay Long Cái Tự (Chùa Đầu Rồng).

(12) Năm cõi trong vòng luân hồi mà tùy theo nghiệp báo con người sẽ thác sinh vào: cõi trời, người, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục.

(13) Nửa mảnh vải đeo đằng trước người, từ thắt lưng xuống bàn chân, giống cái tạp dề.

(14) Dịch thoát chữ ken (gian) có nghĩa là đơn vị đo chiều dài cỡ 1,81m.

(15) Suikan, áo khoác mặc nửa thân trên dùng cho đàn ông.

(16) Áo choàng vai của phụ nữ quyền quý.

(17) Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.

Sợi tơ nhện

(Kumo No Ito)

Tháng 2 năm 1918 Akutagawa kết hôn với Tsukamoto Fumi. Đôi vợ chồng trẻ mới cưới chắc hẳn có nhiều bận rộn, thế mà đến giữa tháng 4, ông đã viết xong tác phẩm này cho số khai trương của tạp chí Con chim đỏ (Akai Tori) ra vào tháng 7, do Suzuki Miekichi chủ trương. Nhà văn đàn anh Suiuki là ân nhân dìu dắt Akutagawa vào văn đàn. Có lẽ vì coi trọng ơn nghĩa đó mà Akutagawa đã dành thời giờ và dồn tâm trí cho việc viết tác phẩm này.

Xin độc giả tham khảo thêm bài “Akutagawa dựa vào đâu để viết Sợi tơ nhện” ở phần biên khảo.

1

Dạ thừa, đây là một câu chuyện xảy ra trên cực lạc. Một bữa nọ, Đức Thích Ca một mình lững thững đi dạo bên hồ sen. Những đóa hoa sen trong hồ nở trắng toát, đẹp như ngọc. Từ giữa nhụy vàng một hương thơm ngào ngạt khó tả, ngan ngát tỏa ra khắp miền.

Dạ thừa, trên cực lạc lúc đó đúng vào buổi sáng.

Đức Thích Ca dừng lại bên cạnh hồ sen. Xuyên qua giữa những lá sen phủ khắp mặt hồ, Đức Phật chột đưa mắt nhìn xuống dưới.

Dạ thừa, dưới hồ sen chính là đáy của âm ty. Nước hồ trong vắt như thủy tinh. Đây là sông Tam Đồ, đấy là những hòn núi đầy kim nhon hoắt. Cảnh tượng ở dưới trông rõ mồn một như được soi gương.

Dưới địa ngục, cảnh gã Kandata cùng với các tội nhân khác đang quần quai rên siết, lọt vào mắt Phật.

Tên Kandata này là một tên trùm trộm cướp. Cả đời, y làm đủ chuyện độc ác, cướp của, đốt nhà, giết người không gớm tay. Duy chỉ một lần, y làm được một việc thiện. Vâng, đó là chuyện vào một buổi nọ, tên ác ôn này đang đi trong rừng sâu, bỗng y thấy một con nhện bò bên vệ đường.

Y liền giở chân định giẫm chết con nhện, nhưng y nghĩ: “Không, không, nó tuy chỉ là một con vật nhỏ bé, nhưng cũng có một sinh mệnh, nỡ nào ta lại giết nó đi, như thế thì tội nghiệp cho nó quá”. Nghĩ vậy y bèn thôi, không giẫm con nhện.

Đức Thích Ca nhìn cảnh địa ngục, nhớ lại chuyện tha không giết con nhện của tên Kandata. Để báo ứng cho cái việc thiện ấy, Đức Phật nghĩ nếu được thì cứu vớt tên này ra khỏi âm phủ. May thay lúc ấy, Đức Phật nhìn bên cạnh, thấy trên một lá sen xanh như cẩm thạch, một con nhện trên cực lạc đang giăng tơ, những đường tơ óng ánh, đẹp như bạc.

Đức Phật bèn vươn tay nhẹ vớt một sợi tơ nhện và xuyên qua giữa những đóa hoa sen trắng như ngọc, buông tuốt xuống âm phủ.

2

Xin thưa, dưới âm phủ, Kandata cùng với những tội nhân khác đang lặn hụp trong ao máu,

lúc nổi lúc chìm.

Mà tứ bề thì tối mịt. Trong cái cõi âm u ấy, đâu đó nếu có cái gì hiện ra thì đó lại chính là những mũi kim nhọn hoắt của các hòn núi đầy kim dưới âm phủ, lóe sáng trông thật là khủng khiếp, ghê rợn. Hơn thế cả vùng lặng ngắt như nằm trong huyết mộ, chốc chốc chỉ nghe thấy vọng tiếng thở dài khe khẽ của các tội nhân.

Dạ thưa, ai đã sa xuống dưới âm phủ, phải chịu đủ cực hình đau đớn, còn sức đâu mà khóc thành tiếng được nữa.

Cho nên dù lúc sinh tiền Kandata là tên cường đạo, thì nay giới lắm cũng chỉ giãy giụa, sặc sụa trong ao máu không khác gì một con ếch sắp chết mà thôi.

Nhưng xin thưa, trong lúc lặn hụp ấy, Kandata bất giác ngược mặt nhìn trời. Ô kìa, xa tít từ trên trời cao trong cõi u minh tối mịt, một sợi tơ nhện màu bạc như một tia sáng thật mỏng, lóng lánh, len lén thông xuống như không muốn cho ai hay, ngay trên đầu của mình.

Khi Kandata nhận ra được điều này thì trong bụng mở cờ. Nếu bám được sợi tơ nhện này mà leo miết lên thì chắc có lẽ sẽ thoát được âm phủ.

Ơ này, không biết chừng có thể vào được cả chốn cực lạc. Như vậy thì từ nay khỏi bị đuổi trèo lên núi đầy kim nhọn, hết phải bị bắt lặn hụp trong ao máu nữa.

Nghĩ vậy, Kandata liền đưa cả hai tay níu chặt lấy sợi tơ nhện, cố hết sức leo lên, leo lên cao hơn.

Dạ thưa, y vốn là tên cường đạo, nên chuyện như vậy thì xưa nay y đã từng quen.

Nhưng xin thưa, khoảng cách giữa âm ty và cực lạc thì xa đến hàng ngàn vạn dặm, dù có muốn gấp cũng chẳng dễ gì có thể thoát ngay được. Kandata ra sức leo một mạch thì thấm mệt, y kiệt sức, không tài nào leo nổi nữa, dù chỉ một gang.

Không cách nào hơn, Kandata đành đeo cứng sợi tơ ở giữa chừng, định nghỉ một lát, lấy lại sức. Y đưa mắt nhìn xuống phía dưới xa lắc.

Thì ra, đã không hoài công leo, cái ao máu mới hồi nào đây, y lặn hụp trong đó thì nay, không biết tự hồi nào đã chìm mất trong bóng tối phía bên dưới. Cả những ngọn núi đầy kim sáng lờ mờ khủng khiếp kia, cũng đã khuất ở phía dưới chân của y rồi. Cứ như thế này mà leo mãi lên thì không biết chừng chuyện ra khỏi được âm phủ không phải là không được.

Kandata quấn sợi tơ nhện vào cả hai tay, đã mấy năm rồi từ ngày sa xuống địa ngục, y không hề thốt ra nổi một lời, nay bỗng to tiếng cười: “Được rồi, chắc được rồi”.

Nhưng bất đồ y nhận ra, ơ kìa phía dưới sợi tơ nhện, không biết bao nhiêu là tội nhân cứ nổi nhau, cố hết sức leo lên theo y, đông như kiến.

Thấy vậy Kandata vừa hoảng vừa lo. Y chờ người ra, miệng há hốc, mắt đảo quanh.

Y nghĩ thầm, sợi tơ nhện này mong manh như thế một mình y đeo không thôi cũng không biết chừng bị đứt, thế thì làm sao mà chịu cho nổi sức nặng của cả chừng ấy người.

Nếu lỡ mà sợi tơ này bị đứt giữa chừng, thì toi hết công đã leo được đến đây, và chính y cũng sẽ rớt trở lại âm phủ. Không thể được.

Nhưng ngay cả trong khoảnh khắc ấy, từ dưới ao máu tối mịt, hàng trăm, hàng ngàn tội nhân khác, lúc nhúc nối tiếp nhau bò lên, cố bám lấy sợi tơ nhện mong manh sáng ấy, leo lên thành một hàng dài.

Kandata liền hét to.

- Ê bọn bay, sợi tơ nhện của tao. Bọn bay đã xin phép ai mà dám leo lên đây. Xuống hết! Xuống hết!

Chính ngay lúc đó.

Sợi tơ nhện cho đến giây phút ấy chẳng sao cả, bỗng đột nhiên đứt phụt một tiếng, ngang từ trên chỗ tên Kandata đang đeo.

Và như thế tên Kandata chẳng còn bám víu vào đâu được. Trong chớp mắt y rớt lộn ngược, người y cắt gió quay vòng như một con vù, rớt tuột xuống trong bóng tối.

Sau đó, giữa bầu trời không trăng không sao, chỉ còn lại một sợi tơ cụt ngắn của con nhện trên cực lạc, lòng thông óng ánh sáng, rất mong manh.

3

Đức Thích Ca ngự bên hồ sen trên cực lạc, thấy hết mọi chuyện, mãi cho đến lúc tên Kandata chìm nghỉm trong ao máu như một tảng đá. Đức Phật như có vẻ buồn, lại lững thững cất bước đi.

Vì cái tâm không có một chút từ bi chỉ muốn một mình thoát khỏi địa ngục, mà Kandata đã bị quả báo rớt trở lại địa ngục, dưới mắt Đức Phật, là cả một điều bi đát thảm thương.

Thế nhưng, trên cực lạc sen trong hồ vẫn nở như không có chuyện gì xảy ra.

Những đóa hoa sen trắng như ngọc, đài hoa lay nhẹ bên chân Phật. Từ giữa nhụy vàng một hương thơm ngào ngạt khó tả, ngan ngát tỏa ra khắp miền.

Dạ thừa, lúc đó trên cực lạc đã gần đến đúng Ngọ.

(1918)

Đinh Văn Phước dịch

Cánh đồng khô

(Karenosho)

Lời người dịch:

Cánh đồng khô (ra đời năm tháng 9 năm 1918) là một trong ba tác phẩm mà Akutagawa đã viết với bối cảnh thời Edo (1603 - 1867). Hai tác phẩm kia là Một ngày trong đời Oishi Kuranosuke (Aru hi no Oishi Kuranosuke, 1917) nói về thủ lĩnh của 47 người samurai trung thành, trả thù cho chủ, và Hứng sáng tác (Gesakuzanmai, 1917) liên quan đến quan điểm viết văn của tiểu thuyết gia Takizawa Bakin (1767-1848).

Thi hào Matsuo Basho (Tùng Vĩ, Ba Tiêu, 1644 -1694), nhân vật chính của Cánh đồng khô, có công đưa thơ haiku từ một trò tiêu khiển lên hàng nghệ thuật. Ông rất nhiều học trò, trong đó mười đệ tử nổi bật hơn cả được gọi là Tiêu môn thập triết (Shomon jittetsu). Một số sẽ lần lượt xuất hiện trong truyện.

Để đi tìm hứng thơ và phong cách sáng tác mới, thi hào Basho đã lên đường hành hương và từ đó đi mãi không ngừng. Ông thuộc vào loại nhà thơ “thèm đi” như Lý Bạch, Đỗ Phủ của Trung Quốc, Saikyo và Sogi của Nhật Bản. Sau chuyến đi Đông Bắc (1689) để lại giai tác Đường mòn miền Oku (Oku no hosomichi), ông về sống ở Edo rồi năm 1694, trong chuyến đi thăm cố hương Iga - Ueno, ốm và mất ở Osaka lúc mới 51 tuổi. Với tâm sự vĩnh viễn làm người lữ khách, ông viết bài thơ từ giã cuộc đời gửi đến đám môn nhân vây quanh giường bệnh và có nhắc đến “cánh đồng khô”, thiên nhiên căn cỗi hoang sơ mà hồn ông luôn vương vấn.

Trong tác phẩm này, vinh quang, kính phục, tôn thờ... bỗng một ngày đã tiêu tan thành tro bụi trước bàn tay của định mệnh. Cảnh chờ chết của Basho tượng trưng cho giây phút một thần tượng sụp đổ. Vị tôn sư mất hết uy lực, nằm bẹp trên giường bệnh và sắp sửa trở về với cát bụi để trả lại tự do cho đám đệ tử cũng có thể là hình ảnh văn hào Natsume Soseki (1867 -1916), người hướng dẫn tinh thần tôn kính mà Akutagawa và các bạn văn khác vừa mới đưa ma, hay chính bản thân tác giả, nhà nghệ thuật cô đơn, “thấy người nằm đó biết sau thế nào?”

*

Tôn sư gọi Joso^[1] và Kyorai^[2] đến và bảo: Tối hôm qua, trong khi trần trọc không ngủ được, tứ thơ chợt đến và ta đã nhờ Donshu^[3] ghi lại. Các trò hãy ngâm thử xem:

Lữ thứ thân nằm bệnh,

Hồn lang thang đồng khô.

(Trích Nhật Ký Hanaya^[4], 1811)

Đó là buổi trưa mười hai tháng Mười năm Genroku thứ bảy^[5]. Từ lúc sáng dậy mở mắt ra, dân buôn bán ở Osaka đã lo lắng theo dõi bầu trời ứng một màu đỏ ối đằng xa sau mấy lớp nhà lợp ngói, dò xem có mưa rào như hôm qua nữa không. May quá, trên mây chòm liễu lá xào xạc, chưa thấy những đợt mưa dày như khói mù. Hôm đó chỉ là một ngày mùa đông tẻ nhạt, đâu có mây giăng nhưng trời hãy còn đủ sáng. Ngay cả nước của dòng sông len giữa xóm nhà dân xếp thành hàng cũng biếng chảy, hôm nay nó bơ thờ, mất đi vẻ óng mượt của mọi ngày. Có cảm tưởng mấy cọng lá hành rác rưởi trôi nổi trên dòng cũng không thấy mang màu xanh lạnh mắt thường nhạt. Thêm vào đó, khách bộ hành trên bờ, từ kẻ bịt khăn trùm đầu đến người xỏ dép

da, ai cũng như đã quên những cơn gió đông đang quét qua cái cõi trần ai này mà lơ đãng bước đi. Màu sắc của các rèm cửa hiệu, âm thanh ngựa xe qua lại, tiếng đàn samisen ở một rạp diễn tuồng múa rối từ xa vọng về... ngay cả bụi bặm đường phố bám trên những cái nắm bằng đồng hình trái châu đặt trên thành cầu, tất cả đều như bất động để giữ y nguyên cái bình lặng cho ngày mùa đông...

Lúc ấy, ở gian buồng nhà trong của Hanaya Nizaemon xóm Midomae Minamikyutaro, kẻ được người đời tôn sùng như bậc đại tôn sư của thơ haikai[6], thi hào Matsuo Tosei, am chủ am Basho[7], đang được chur đệ tử đến từ khắp nơi canh giấc bên giường bệnh. Thi hào gần đến chạng cuối của cuộc đời năm mốt năm làm người, thân thể ông như “đốm lửa đang nguội dần dưới lớp tro tàn”[8] và sắp lạng lẽ trút hơi thở cuối cùng. Lúc đó có lẽ gần giữa giờ Thân... trong căn phòng rộng thênh nhờ những bức vách ngăn di động được đã được tháo ra, một thói hương tỏa lên làn khói mỏng nhẹ trên đầu nằm của người đến giờ lâm chung. Lớp giấy còn mới dán lên cánh cửa kéo nhìn ra vườn được đóng kín ngăn cái lạnh mùa đông ngoài trời, lại để riêng chỗ đó một cái bóng sẫm mà màu sắc lạnh lẽo như ngấm vào da thịt. Basho yên lặng nằm, đầu hướng về cánh cửa kéo, bên cạnh ông trước tiên có Mokusetsu[9], người thầy thuốc, một tay đang luồn xuống dưới tấm chăn, cau mày lo lắng bắt nhịp mạch đã rời rạc của con bệnh. Co ro đằng sau Mokusetsu là người này giờ vẫn rì rầm niệm Phật không dứt, chắc không ai khác hơn Jirobe, người lão bộc[10] từ thời ở Iga, đã theo chân tôn sư trên bước du hành. Bên cạnh Mokusetsu là Shinshi Kikaku[11], người mà ai cũng nhận ra dễ dàng vì to béo đồ sộ, thân hình núc nác làm chật ních tấm áo thụng tay vuông vức Kikaku cũng như Kyorai với đôi vai lực lưỡng và dáng dấp uy nghi trong chiếc áo nhuộm in hoa văn nhô kiểu Kenpo, đều dăm dăm ngấm sắc diện vị tôn sư của họ. Đằng sau lưng Kikaku là Joso, tướng như ông thầy cúng, chuối bồ đề trên cổ tay, dáng điệu nghiêm trang. Otokuni[12] chiếm chỗ bên cạnh, mũi thút thít liên hồi như thể không ngăn chặn được nỗi buồn thương đang trào dâng. Còn người tướng nhỏ thó giống thầy tăng trong chiếc áo bạc màu mà ống tay đầy chỗ vá vúi đang chòng chọc nhìn cảnh đó và chìa cằm ra đằng trước với vẻ khó chịu là Izenbo[13]. Ông ta ngồi đối diện thầy thuốc Mokusetsu, một hàng với Shiko[14], người có nước da tái thâm, tính cứng cỏi. Ngoài ra là một vài đệ tử đang im phăng phắc, thiếu điều nín thở. Bọn họ ngồi cả bên mặt bên trái quanh giường bệnh, tỏ niềm tiếc thương vô hạn vì sắp phải vĩnh viễn chia tay sư phụ. Trong đám chỉ có mỗi một người là phủ phục trên mặt chiếu ở góc buồng và khóc như rì. Chắc là Masahide[15] chứ chẳng ai! Thế nhưng tiếng khóc của ông ta như bị cái yên lặng đến lạnh lẽo của căn phòng chìm xuống nên không thể vang lên để khuấy động được làn hương đang tỏa nhẹ trên đầu nằm của người bệnh.

Trước đó một lúc, sau khi vừa nói dăm câu di chúc không rõ ràng vì cái giọng ho đàm khàn khàn, Basho hai mắt vẫn khép hờ mà hình như đã đi vào tình trạng hôn mê. Khuôn mặt của nhà thơ, sót lại chút dấu vết của bệnh đậu, thật gầy guộc. Ngoài hai gò má xương xẩu hãy còn nhô lên chút tất cả màu hồng của sự sống đã biến mất trên cặp môi bọc quanh bằng những chuối nếp nhăn. Nhưng đau lòng nhất là cái nhìn của ông, đôi mắt chỉ còn loe loe chút ánh sáng mờ hồ như đang bám víu vào vật gì ở mãi xa như khung trời mùa đông bên kia những mái nhà, lạnh lẽo và trải rộng đến vô cùng:

“Lữ thứ thân nằm bệnh,

Hồn lang thang đồng khô”.

Có lẽ trong phút giây này, trong cái nhìn không dò hỏi được đó, đã hiện ra hình ảnh cánh đồng khô mênh mông trong ánh chiều tàn, sắp chìm vào bóng tối một đêm không trăng, trôi nổi bồng bềnh trong mộng - đúng là cái hình ảnh chính Basho đã cho ghi lại ba hôm trước trong vần thơ từ già cõi đời.

- Đem nước tới!

Rốt cuộc Mokusetsu mới lên tiếng nhờ Jirobe đang ngồi lẳng lẳng phía sau. Người lão bộc đã soạn sẵn bát nước với cái que bằng lông gà để chấm, thận trọng đẩy hai thức ấy về bên gối chủ nhân, rồi như thể chợt nhớ ra, lại nhanh nhanh tiếp tục niệm Phật. Trong lòng con người chất phác, sinh trưởng giữa rừng núi như Jirobe, một niềm tin đã bám rễ. Ông cho rằng dù Basho hay là ai chẳng nữa cũng phải nương tựa vào sự từ bi của Phật A Di Đà mới có thể thác sinh về bờ bên kia để đến cõi Tịnh Độ.

Còn Mokusetsu, khi xin miếng nước, chỉ trong một sát na thôi ông đã tự hỏi lòng mình, với tư cách là người thầy thuốc, ông đã làm hết cách để cứu con bệnh chưa. Nghi vấn đó ông đã từng đặt cho mình nhiều lần. Nhưng lúc này, ông ta lấy lại được ngay sự bình tĩnh trong tâm hồn và quay về phía Kikaku đang ngồi bên cạnh, không nói không rằng mà chỉ ra hiệu. Trong lòng tất cả những người vây quanh giường bệnh của Basho lúc ấy chợt có một sự căng thẳng như đoán biết giờ phút cuối cùng sắp diễn. Đồng thời họ cũng cảm thấy một thứ thư giãn nếu không bảo là nhẹ nhõm. Nói cách khác, họ biết cái gì phải đến đã đến và cảm giác được yên thân này sẽ không ai đoạt lại được. Tình cảm này chính ra hết sức tinh tế đến nỗi những người trong cuộc không thể khẳng định mình đã ý thức được lúc đó. Cho nên ngay cả Kikaku, kẻ thực tế nhất trong bọn, cũng không khỏi sửng sốt khi ánh mắt ông ta và của Mokusetsu chợt giao nhau và trong đôi mắt của hai người, họ đã lo âu khi đọc được cùng một thứ tình cảm. Kikaku bèn lẳng qua một bên để tránh tia nhìn, cầm que lông gà lên như không có việc gì:

- Cho tôi được làm người đầu tiên...

Ông ta quay sang Kyorai xin phép. Sau khi nhúng que lông gà vào trong bát nước, ông lật bằng hai đầu gối mập mạp tới gần và nhìn soi mói vào mặt ông thầy. Thực ra, mới đây thôi, ông còn tưởng tượng rằng cái ngày không được thấy mặt thầy trên đời chắc mình sẽ đau xót biết chừng nào. Thế mà bây giờ, khi nhúng que vào bát nước cúng cho người sắp chết, tình cảm đích thực của ông chỉ là sự dửng dưng và lạnh lùng. Nó tương phản với những chi tiết mà ông tưởng tượng gần như là dàn cảnh trước đây. Chẳng những thế điều Kikaku không thể đoán trước được là hình dung tiêu tụy da bọc xương của tôn sư trước phút lâm chung làm ông cảm thấy ghê tởm, khinh ghét mãnh liệt đến độ thiếu điều quay mặt không nhìn. Bảo rằng mãnh liệt thôi thì vẫn chưa hết ý. Nó còn là một thứ ghê tởm tựa hồ phản ứng sinh lý của cơ thể muốn cưỡng lại sự lan tràn của một chất độc mình không chịu nổi và không rõ hình thù. Lúc này, phải chăng ông ta đã biểu lộ ra tất cả sự khinh ghét đối với mọi vẻ xấu xí trên đời tình cờ quy tụ lại trên thân xác bệnh hoạn của vị tôn sư? Hoặc giả trước mắt cái con người yêu “cuộc sống”, thích hưởng lạc như Kikaku, thực thể của “cái chết” bày ra giống những lời thiên nhiên đang hăm dọa, điều mà ông nguyện rửa hơn bất cứ cái gì khác. Dù sao, khi nhìn khuôn mặt chờ chết của thầy mình, Kikaku chỉ thấy ghê tởm không tả xiết. Ông ta đưa phốt que lông gà chấm ướt vành môi mỏng khô tím của Basho mà không có chút buồn thương, rồi thối lui với vẻ sượng sùng. Khi đang lùi ra sau, trong một thoáng, ông cảm thấy lòng gợn lên một tình cảm tựa hồ sự trách móc đối với bản thân nhưng cái ghê tởm cảm thấy lúc này còn mạnh mẽ hơn và lấn át được đôi chút suy nghĩ có tính cách đạo đức ấy.

Sau Kikaku, đến phiên Kyorai, người không còn giữ được bình tĩnh từ lúc Mokusetsu ra hiệu, cầm que lông gà. Tiếng đời đồn ông là kẻ khiêm cung quả không sai vì Kyorai có hơi cúi đầu thi lễ mọi người xong mới lê về đầu nằm của thầy. Nhưng vừa khi nhìn thấy khuôn mặt bị bệnh hoạn tàn phá của vị tôn sư thơ haikai, trong lòng ông ta bỗng chen lẫn hai thứ tình cảm:

thỏa mãn và hối hận. Chùng như có mắc mớ gì nhau mà hai tình cảm đó cấu kết tựa bóng với hình và từ mấy bữa nay đã làm xáo trộn tâm trí của một người thận trọng như Kyorai. Ông ta chẳng đã tức tốc từ Fushimi lấy thuyền về ngay khi vừa nghe tin thầy lâm bệnh nặng, ông ta chẳng đã nê hà đêm hôm khuya khoắt đến đập cửa nhà Hanaya này, và từ dạo ấy châu chực bên giường thầy không chút trễ biếng là gì! Không những thế ông hết cậy Shido[16] phụ giúp mình lo mọi việc, hết gửi người đến đền Sumiyoshi cầu thần cho thầy chóng lành, lại còn bàn bạc với Hanaya Nizaemon sắm sanh bao vật dụng cần thiết. Hầu hết mọi công việc đều do một tay ông sốt sắng lo. Phải nhìn nhận sự thật là mỗi mình ông chủ động và không hề mượn ai cảm ơn. Tuy nhiên trong khi lo cho thầy đến quên ăn quên ngủ, trong đáy lòng ông cũng không phải không nhen nhúm một sự mãn nguyện về mình. Vì sự mãn nguyện ấy không cảm nhận được rõ ràng, nó chỉ kích thích cho Kyorai vui trong công việc chứ hầu như chẳng quấy nhiễu ông trong lúc đi đứng nằm ngồi. Nếu không phải thế thì tại sao một đêm trong khi canh giấc con bệnh bên cạnh ngọn đèn dầu và mãi mê nói chuyện trên trời dưới biển với Shiko, nhân bàn đến ý nghĩa chữ hiếu, ông đã tránh né việc trình bày cách ăn ở thế nào cho phải đạo và không kể lể dài dòng về ý định hầu hạ thầy như hầu hạ cha mẹ của mình. Có điều trong khi ông ta đang hóm hỉnh thì trên gương mặt của anh chàng Shiko đã nghi kia thoáng hiện một nụ cười chế nhạo: nụ cười ấy bất chợt phá mất sự yên ổn trong tâm hồn mà ông đã giữ được đến giờ. Nguyên nhân làm ông mất yên ổn là việc lần đầu tiên ông khám phá ra mình có mãn nguyện thật. Thêm nữa, càng ý thức rõ ràng về sự mãn nguyện đó, Kyorai càng cảm thấy đôi lúc khó chấp nhận sự bần tiện của chính bản thân.

Mấy ngày liền cứ như thế nên hôm nay bên gối thầy, lúc phải châm giọt nước lên môi để tiễn người sắp ra đi, quả thấy tội nghiệp nhưng không ai ngạc nhiên tí nào nếu thấy con người lúc nào cũng tuân thủ đạo đức một cách chặt chẽ nhưng thần kinh vô cùng nhạy cảm ấy trở thành luống cuống trước mâu thuẫn nội tâm. Kyorai cầm que lông gà đưa lên mà cảm thấy thân thể cứng nhắc. Khi cái que thấm nước lướt trên môi Basho.

“Rời ra xương trắng vệ đường

Gió mưa lạnh buốt, buồn vương hành trình” [18]

Chính tôn sư bốn năm ngày trước đây còn lặp đi lặp lại như một lời cảm ơn bọn mình: “Xưa nay vẫn tưởng phải trải cỏ làm giường, lấy đất làm gối mà nằm chết, nay ta được có được giường êm nệm đẹp để ra đi trong toại nguyện như thế này thì có niềm vui nào bằng”.

Nhưng nói cho cùng, có gì khác nhau rõ rệt giữa “cánh đồng khô” và cái phòng phía sau nhà trọ Hanaya này đâu. Thật ra, trước đây ba bốn hôm, ngay kể đang chấm nước lên môi thầy là ông ta đây chỉ có mối lo sao chưa thấy tôn sư viết bài thơ từ giã cuộc đời[19]. Thế rồi hôm qua ông này lại nảy ra cái ý gom góp những hokku[20] của thầy để làm thành thi tập một khi tôn sư quá vãng. Cuối cùng đến hôm nay, từ nãy đến giờ, ông chỉ chăm chú quan sát những diễn biến trên khuôn mặt người thầy mà giờ nhắm mắt mỗi lúc gần kề. Nếu mạnh miệng thêm tí nữa thì ta có thể ngờ rằng đằng sau cái nhìn kiểu như dò xét kia, có cái dự tính mình sẽ là người đặt bút viết ít nhất một đoạn văn mô tả về giây phút cuối của thầy. Như thế mới biết trong khi đang châu chực bên giường bệnh, cái điều đang chi phối tâm trí của Shiko chỉ là tiếng tăm của môn phái, lợi lộc của đám đệ tử cũng như tính toán hơn thiệt của riêng mình, tóm lại toàn là những điều chẳng dính dáng gì đến ông thầy đang nằm đợi chết. Do đó, đúng y như tôn sư đã khéo tiên tri trong những bài thơ thường làm trước đây, kết cục là khi chết đi người sẽ bị bỏ rơi để trở thành một trận mưa đông lang thang trên cánh đồng khô mênh mông của cuộc đời. Tất cả lũ đệ tử có ai khóc thương cho thầy đâu, họ chỉ khóc cho bọn họ từ đây không còn thầy bên cạnh nữa. Họ không than thở cho người lãnh đạo tinh thần kiệt sức chết giữa cánh đồng khô, họ chỉ thở than cho chính họ mất đi ông thầy giữa khi chiều xuống. Nhưng đem đạo đức ra phê phán bọn họ nào có thay đổi được gì! Bạc bẽo chẳng phải là bản chất của con người đó sao?... Shiko vừa châm nước lên môi thầy, một mình chìm đắm trong một niềm cảm khái đượm màu sắc yếm thế mà ông tự cho rằng khả năng trầm tư được thế này là cái bằng chứng

hơn người của mình. Chấm xong, ông để lại que lông gà chỗ bát nước, nhìn quanh một vòng với ánh mắt khinh thị những người đệ tử khác còn đang nghen ngào, xong thủng thỉnh quay về chỗ cũ. Cái lạnh lùng trong hành động của Shiko đã đập vào mắt của con người tốt bụng là Kyorai ngay từ giây phút đầu tiên. Trong lòng Kyorai, sự lo âu ban nãy lại trở về. Riêng Kikaku có vẻ như cười khinh khỉnh, ý như khó chịu trước cái cố tật lúc nào cũng muốn ta đây hơn người của Tokabo.

Shiko vừa xong thì đến lượt Izenbo. Người khảng khiu, ông phải trườn ra, tay áo tu hành nhuộm đen lết trên mặt chiếu. Khi ấy thì thần chết như đã đến sát Basho rồi. Sắc mặt tôn sư nhợt nhạt hơn lúc nãy, trên làn môi đầm nước, hơi thở lắt lắt như quên bằng, không thấy phát ra. Mới tưởng thế thì bất đồ như chợt nhớ trở lại, cổ họng ông co thắt mạnh rồi một lần hơi nhẹ thoảng. Trong cổ họng có tiếng đờm kéo hai ba lần, nhưng rõ ràng đường hô hấp dường như yếu dần. Lúc đó Izenbo, người đang đặt que lông gà cho đúng chỗ trên môi thầy, bất chợt cảm thấy hoảng sợ - một tình cảm không liên quan đến nỗi buồn từ biệt - ập vào tâm hồn ông ta. Đó là nỗi sợ hãi phi lý khi ông nghĩ rằng hết lượt thầy, mình sẽ là người chết trước tiên. Cho dù nỗi lo sợ đến không lý do nhưng một khi đã xâm chiếm ông rồi thì làm ông tê liệt không cách nào chịu đựng hay chống cự được. Số là đối với cái chết, Izenbo có một sự khiếp sợ đến bệnh hoạn. Từ ngày xưa ông đã từng trải qua cái cảnh, ngay cả khi đang rong chơi vui vẻ, cứ mỗi lần nghĩ đến cái chết của mình là sợ hãi đến toàn thân mướt mồ hôi. Do đó, khi nghe nói đến cái chết của ai, ông cũng mừng rơn vì họ không phải là mình. Đồng thời ngược lại ông lo lắng đặt câu hỏi nếu đó là trường hợp của mình thì biết tính sao đây? Dĩ nhiên ngay cả trường hợp Basho cũng không được Izenbo xem như ngoại lệ. Lúc đầu, khi cái chết của thầy hãy còn chưa đến kề bên - một ngày mùa đông tạnh ráo, trời hãy còn sáng sủa, những tia nắng chiếu lên cánh cửa phết giấy và hương thơm dịu dàng của hoa thủy tiên mà bà Sonojo [\[21\]](#) tặng còn tỏa ngát trong phòng, lúc tất cả đệ tử tụ tập bên giường còn ngâm những bài thơ để giúp thầy khuây khỏa - thì tâm trạng của Izenbo hãy còn khác cái tâm trạng hiện nay như ánh sáng đối với bóng tối. Tâm trạng cũ đã lần hồi nhường chỗ cho tâm trạng mới và khi hồi chung cuộc gần kề - làm sao quên được hôm có trận mưa rào đầu mùa ấy - nhìn thấy thầy mình không còn ăn nổi miếng lê, thú quả ngày thường người vẫn thích, Mokusetsu đã lắc đầu lo lắng, vâng, kể từ giờ phút đó, cái yên trí lần lần đã bị nỗi lo âu gặm nhấm và biến nó thành một thứ khủng hoảng tinh thần khi ý nghĩ “hết phiên thầy là đến phiên mày đấy” như một cái màng mỏng lạnh lẽo cứ lan dần ra làm buốt thấu tim. Vì vậy, khi ngồi cạnh đầu nằm để chấm nước lên môi thầy một cách cẩn thận thì Izenbo cảm thấy nỗi khiếp hãi ấy bao vây đến độ không dám nhìn thẳng vào mặt người đang hấp hối. Không, có một giây ông đã có thể nhìn thẳng mặt tôn sư đấy nhưng cũng vào lúc đó, tai ông bỗng nghe tiếng thở thì thảo vì ghê đờm trong cổ họng Basho. Nó làm mọi can đảm của ông co rút lại. Câu nói “Thầy chết rồi tính ra chắc là lượt mày đấy” cứ lặp đi lặp lại trong lỗ tai ông như một lời dự ngôn khi Izenbo đang rúm ró lết cái thân hình gầy yếu về chỗ ngồi. Ông ta chẳng thèm dòm ai chung quanh mà cứ ngược mắt ngó lên. Gương mặt đã không mấy cảm tình lại làm cho khó thương thêm.

Otokuni, Masahide, Shido, Mokusetsu... đám môn nhân kẻ trước người sau đến vây quần bên giường bệnh, lần lượt chấm nước cúng lên môi thầy. Trong khi đó, hơi thở của Basho càng lúc càng mỏng manh và cách quãng lâu hơn. Yết hầu cũng thôi di động. Khuôn mặt nhỏ rỗ hoa, dấu vết lên đậu, trông tiêu tụy như bọc sáp, đôi mắt đã lạc thần cố bám víu vào một khoảng không gian xa vời, râu bạc trắng như cước bó quanh hàm... đã đông cứng, không còn cảm giác gì của thế giới con người nữa. Tất cả đều như đang mơ về một cõi đời sau đầy ánh sáng yên lành mà người chết sắp sửa bước vào. Chính vừa lúc đó thì Joso, đang ngồi sau lưng Kyorai, cúi đầu xuống ra dáng trầm tư. Joso, con người cục cung tận tụy, một khách thiên môn, cảm thấy trong lòng mình từ từ dậy lên một nỗi buồn vô bờ bến xen lẫn với một sự an tâm cũng vô bờ bến khi hơi thở tôn sư yếu dần. Về nỗi buồn thì chẳng cần phải mất thêm thời giờ để giải thích lý do. Thế nhưng tại sao Joso lại cảm thấy sự an tâm lan rộng trong lòng mình như ánh sáng đang xua dần bóng tối. Hơn thế nữa, cứ mỗi khắc qua đi thì những ý nghĩ vẫn vương dần dần tiêu

tán, rồi những giọt nước mắt cũng biến dạng thành nỗi buồn trong sáng không mảy may làm đau đớn con tim. Phải chăng vì trong lòng Joso đang chan chứa niềm vui khi biết linh hồn tôn sư đã thoát ra ngoài vòng sinh diệt để về cõi Niết Bàn siêu sinh tịnh độ? Không đâu ạ, ngay cả Joso cũng không hiểu được vì sao. Nếu thế thì, ôi thôi,... cái thằng ngu ngốc mãi mãi chần chừ không dám tiến lên và cứ tự dối mình là ai vào đây? Tình cảm an tâm trong lòng Joso chẳng qua là niềm vui của một tâm hồn bấy lâu bị cái hình bóng quá to lớn của Basho chèn ép, khuất phục, rốt cục thoát khỏi sổ lồng, đuổi được tay chân, đoạt lại tự do và sức mạnh cố hữu của mình. Đó là niềm vui được giải phóng. Choáng ngợp bởi niềm vui và nỗi buồn ấy, Joso tay lần tràng hạt, trong đáy mắt của ông, hình ảnh bọn đệ tử hãy còn khóc thút thít chung quanh đã tan biến đi mất. Với nụ cười nhẹ nhàng thoáng trên bờ môi, ông cung kính cúi đầu thi lễ trước tôn sư vừa trút linh hồn.

Và như thế, bậc đại tôn sư thơ haikai danh quán cổ kim, Matsuo Tosei, am chủ am Basho, đột ngột thở hơi cuối cùng trong niềm “xót thương vô hạn” của bầy đệ tử chung quanh gói người.

(1918)

Nguyễn Nam Trân dịch

Chú thích:

- [\(1\)](#) Joso (Naito Joso, Nội Đảng, Trượng Thảo, 1662 -1704) là một trong thập triết, thơ ông trong trẻo, thanh đạm. Sau lập am tu thiền.
- [\(2\)](#) Kyorai (Hương Tình, Khứ Lai, 1651 - 1704) là một trong thập triết. Người đôn hậu trung thực, thơ cao nhã, u buồn.
- [\(3\)](#) Donshu (Thôn Châu), người chăm sóc Basho bên giường bệnh.
- [\(4\)](#) Tập sách ghi chép những ngày tháng cuối cùng ở quán trọ Hanaya. Đời sau cho là một tập sách giả.
- [\(5\)](#) Vào niên hiệu Genroku (Nguyên Lộc, 1688 -1704). Tức là năm hôm trước khi Basho mất.
- [\(6\)](#) Hình thức nguyên thủy của thơ haiku tức loại thơ Nhật rất ngắn, theo khổ 5/7/5, tất cả 17 âm tiết.
- [\(7\)](#) Basho tu thiền nên dựng cái am tên là Cây chuối (Bashô) như biệt hiệu của ông.
- [\(8\)](#) Trích văn của chính Basho.
- [\(9\)](#) Mokusetsu (Mochizuki Mokusetsu, Vọng Nguyệt, Mộc Tiết), thầy thuốc người Osaka, cũng là học trò Basho.
- [\(10\)](#) Người chú giải cho Nhà xuất bản Shincho phán đoán rằng Akutagawa đã lầm. Jirobe không phải là lão bộc mà là con bà Juteini, một người tình của Basho. Có thể chính là con đẻ của ông.
- [\(11\)](#) Shinshi Kikaku (Tân Tử, Kỳ Giác), tên thật là Enomoto Kikaku (1661 -1707), người đứng đầu thập triết. Sau khi thầy chết, nổi tiếng ở Edo với thi phong trào lộng.

(12) Otokuni (Kawai Otokuni, Xuyên Tinh Ất Châu, 1657 -1720), cùng với chị là nữ thi nhân Chigetsu (Trí Nguyệt) đều là học trò Basho.

(13) Izenbo (biệt hiệu của Hirose Izen, Quảng Lại, Duy Nhiên,? -1711. E. de Chavanes đọc là Inenbo) đệ tử đã theo Basho trong cuộc du hành cuối cùng và chầu chực bên giường bệnh. Thơ tiêu sái, nhẹ nhàng, sử dụng văn nói và chủ trương bỏ khái niệm mùa trong *haikai*.

(14) Shiko (Kagami Shiko, Các Vụ Chi Khảo, 1665 - 1723), là một trong thập triết. Thơ bình dị, đại chúng.

(15) Masahide còn đọc là Seishu (Mizuta Seishu, Thủy Điền, Chính Tú, 1658 - 1723) cũng là một môn đệ của Basho. Sau hành nghề thầy thuốc.

(16) Shido tên thật là Emoto Shido, hiệu Fuchiku (Phóng Trúc), buôn dược thảo ở Osaka, một nhân vật quan trọng trong đám môn sinh của Basho.

(18) Ý câu thơ mào đầu viết năm 1684 trong Koshi Ginko (*Giáp Tý ngâm hành*) về nỗi lo âu phải chết bỏ xương trắng dọc đường trong chuyến lữ hành.

(19) Người Nhật có tập quán làm thơ tuyệt mệnh (tử thi) trước khi chết.

(20) *Hokku* (phát cú) còn gọi là *hoku* hay *ageku* là câu thơ mào đầu trong chuỗi *haikai renga*, kỹ thuật làm thơ liên tục của Nhật, về sau, câu đầu tiên này đứng riêng và thành một câu thơ độc lập gồm 17 âm tiết, sắp xếp theo hình thức 5.7.5. *Haiku* bây giờ tức là *haikai hokku* (câu đầu của thơ *haikai*) vậy.

(21) Shiba Sonojo (Tư Ba, Viên Nữ, 1664 -1726), một nữ đệ tử của Basho, tính cứng cỏi như đàn ông nhưng lời thơ đơn sơ, có phong thái phụ nữ.

Thầy Mori

(Mori Sensei)

Lời người dịch:

Truyện ngắn này được viết vào năm 1919 lúc Akutagawa hoạt động sung sức nhất. Thầy Mori là thầy dạy tiếng Anh thời trung học của Akutagawa. Ông giáo này có đầy đủ đặc tính không được học trò yêu thích như có vẻ không thông minh lắm, cách ăn mặc lại lỗi thời, dáng điệu tiều tụy.

Tuy nhiên ông giáo trong tác phẩm này có lẽ là một ông giáo gương mẫu ở một vài khía cạnh nào đó. Ông đã dám xin lỗi học trò của mình... khi ông biết mình đã hành động sai trái.

Vào một buổi chiều cuối năm, dưới hàng liễu trĩu lá dọc theo con đường mà người đời thường gọi là phố Koshiben^[1], tôi và bạn tôi, một nhà phê bình văn học, đang rảo bước về phía cầu Kanda^[2]. Hai bên chúng tôi, có những người mà xưa kia nhà văn Shimazaki Toson đã phải than thở rằng “hãy ngẩng đầu lên mà đi”, đang lê bước lang thang trong ánh hoàng hôn còn lan tỏa đó đây. Chắc họ là những công chức cấp thấp không hen, nhưng có những ưu tư giống nhau, đều có muốn quên đi, cũng không thể nào quên được. Hai đứa chúng tôi vai kề vai, lẹ bước. Chúng tôi đã không trao đổi với nhau một lời nào cho đến khi qua khỏi trạm xe điện Ote^[3]. Nhìn đám người với dáng lạnh cóng đang đứng chờ xe điện dưới cây cột đỏ phía bên kia đường, anh bạn phê bình gia của tôi bất ngờ rùng mình, lấm bầm như nói một mình.

- Lại nhớ ra chuyện của thầy Mori rồi.

- Thầy Mori là ai vậy?

- Thầy tôi thuở trung học đây. Tôi chưa nói với anh chuyện đó lần nào à?

Thay vì trả lời, tôi yên lặng kéo vành nón xuống. Dưới đây là câu chuyện mà anh bạn của tôi lúc đó vừa đi vừa kể lại cho tôi nghe về kỉ niệm của thầy Mori đó.

...

Cách đây chừng hai mươi năm về trước, chuyện khi tôi còn học lớp chín trong một trường trung học công lập. Một giáo viên trẻ tên Adachi dạy tiếng Anh ở lớp tôi, bất ngờ qua đời trong kì nghỉ đông vì bị sưng phổi cấp tính chuyển từ bệnh cúm sang. Quá đột ngột, nên đây có lẽ là cách đối phó bất đắc dĩ vì không đủ thời gian để tìm thầy thay thế thích đáng, trường trung học tôi đã tạm mượn thầy Mori, một ông thầy già lúc ấy đang làm giáo viên Anh văn ở một trường trung học tư thục đến dạy những giờ mà thầy Adachi dạy từ trước đến nay.

Tôi thấy thầy Mori lần đầu tiên vào buổi chiều khi thầy nhậm chức. Lòng hiếu kì khi đón thầy mới đã đè nặng lên chúng tôi nên khác hẳn với thường lệ, chúng tôi đã lẳng lặng chờ đợi giờ học bắt đầu từ lúc nghe tiếng giày của thầy khua vang ở hành lang. Tiếng giày này dừng lại bên ngoài phòng học lạnh lẽo khuất bóng mặt trời của chúng tôi, rồi cánh cửa mở ra. Ngay trong khi tôi đang nói chuyện đây, cảnh tượng lúc đó còn lần lượt hiện ra trong mắt tôi. Thầy Mori mở cửa bước vào, trước nhất, thân thể lùn tịt của thầy đã khiến tôi liên tưởng đến một người nhện mà tôi thường thấy trong trò nhảy múa biểu diễn khi có cúng đình. Nhưng cái đầu sói bóng láng trơn tru của thầy, phải nói là đẹp mới đúng, đã cướp mất hình dáng ảm đạm có từ cảm tưởng nói trên. Cái đầu ấy chỉ còn một số tóc muối tiêu sắp rụng bám ở phía sau, phần

lớn nó giống như cái trứng đà điểu vẽ trong sách giáo khoa vạn vật. Sau hết, cái làm cho phong thái của thầy vượt xa những người thường chính là chiếc áo đuôi én kỳ lạ của thầy. Chiếc áo xưa cũ, bạc màu biến thành xanh sẫm khiến người ta suýt quên đi sự thật là trước kia nó đã có màu đen. Tôi vẫn còn nhớ rõ trên cái cổ áo khá bẩn của thầy có thắt một cà vạt tím rực rỡ, nghiêm trang, giống y như con bướm đêm đang dang cánh. Vì vậy, chẳng có gì lạ khi thầy vừa vào lớp, những tiếng xì xào như cổ rún cười đã bất ngờ nổi lên ở góc này, góc nọ trong lớp.

Tay cầm cuốn sách và sổ điểm danh, thầy Mori bước lên bục giảng cao hơn sàn một bậc, với thái độ thản nhiên như chẳng để ý gì đến học trò. Sau khi đáp lễ cúi đầu chào bọn tôi, thầy đã nở nụ cười trông thật dễ dãi, thân thiện trên gương mặt tròn trịa xanh mét, rồi eo éo gọi.

- Các em.

Trong ba năm qua, các thầy ở trường trung học này chưa có lần nào gọi bọn tôi bằng tiếng “các em”. Cho nên tiếng “các em” của thầy Mori bất ngờ đã làm cho cả bọn tôi mở cặp mắt kinh ngạc. Đồng thời, bọn tôi cũng nghĩ rằng khi đã mở miệng gọi “các em” chắc sau đó sẽ có một buổi diễn thuyết to lớn về một việc gì đó, như phương châm dạy học chẳng hạn, nên bọn tôi đã nín hơi chờ đợi.

Nhưng thầy Mori chỉ nói “các em” xong rồi cứ nhìn quanh phòng học mà không mở miệng thêm một tiếng nào. Nụ cười thanh thản thoáng hiện lên trên gương mặt xệ thịt nhưng những bắp thịt quanh miệng thầy lại cứ nhảy cảm giật giật. Ngoài ra, còn có ánh mắt áy náy cứ đi đi lại lại không ngừng trong đôi mắt trong vắt giống như mắt gia súc của thầy. Tuy không ra miệng được, nhưng thầy có một điều gì đó như muốn van lơn với cả bọn tôi, nhưng đó là điều gì, tiếc thay chắc chính thầy, thầy cũng không biết rõ.

- Các em.

Thầy Mori cứ lặp đi lặp lại cùng một điệu này. Rồi sau đó, như để bắt đúng tiếng vang của tiếng “các em”, thầy đã hết sức hấp tấp thêm vào.

- Từ đây, thầy sẽ dạy Choice Reader (những bài đọc chọn lọc) cho các em.

Bọn tôi càng cảm thấy hồi hộp vì lòng hiếu kì nên lần lần im lặng ra, say sưa nhìn theo gương mặt của thầy. Nhưng vừa nói xong như thế, thầy lại nhìn quanh phòng học với đôi mắt như van lơn, cuối cùng, bất ngờ thầy ngồi bệt xuống ghế giống như bị sút lò so. Thầy đến bên cạnh cuốn *Choice Reader* đã mở, lật sổ điểm danh ra nhìn. Có lẽ không cần phải nói, cách chấm dứt chào hỏi quá đường đột này đã làm cho bọn tôi thất vọng biết bao, có lẽ phải nói là hơn cả thất vọng, việc này đã khiến bọn tôi cảm thấy hết sức khôi hài.

Nhưng may mắn thay, trước khi bọn tôi bật cười, từ sổ điểm danh, thầy đã ngẩng đôi mắt giống như mắt gia súc của mình lên, gọi ngay tên một người trong lớp bằng cách thêm tiếng “anh” ở đầu tên. Dĩ nhiên thầy ra hiệu hãy đứng lên, đọc và dịch đi. Người học trò đứng dậy, đọc và dịch tỉ mỉ một đoạn văn trong bài Robinson Crusoe gì đó, theo cách thức cẩn thận đặc biệt của học sinh trung học vùng Tokyo. Thầy Mori thỉnh thoảng đưa tay lên sờ chiếc cà vạt tím, kĩ lưỡng sửa từng chữ một, từ những chỗ dịch sai đến những chỗ có phát âm hơi khác. Cách phát âm có chỗ kiểu cách lạ lùng nhưng đại khái vừa chính xác, vừa rõ ràng, hình như thầy rất hay về phương diện này.

Nhưng khi người học trò ngồi xuống và thầy bắt đầu đọc và dịch lại đoạn văn vừa rồi, bọn tôi ở mọi nơi trong lớp lại bắt đầu tủm tỉm cười. Vì, thầy đã đạt được đến chỗ tinh diệu trong cách phát âm, nhưng đến khi dịch nghĩa, số tiếng Nhật thầy biết rất ít, đến độ không thể nghĩ được thầy là người Nhật. Hoặc dẫu có biết, đến lúc dịch thì bất ngờ không nhớ ra được. Tỉ dụ, dẫu chỉ dịch một dòng chữ “Cuối cùng, Robinson Crusoe đã quyết định nuôi một con... nuôi con gì đây, ừ, con thú lạ đó... có rất nhiều ở sở thú... gọi là con gì đây... cái con thường đóng kịch... ừ, các em cũng biết phải không, con, cái mặt nó đỏ... con gì, ờ, con khỉ? Đúng rồi, đúng rồi, con khỉ. Nuôi con khỉ đó”.

Ngay như chữ con khỉ mà còn như thế này, đến những chữ khác hơi phức tạp một chút, nếu không đi ngẩn ngơ quanh quẩn nhiều lần thì không dễ gì gặp đúng chữ dịch. Mỗi lần như vậy, thầy Mori hết sức lúng túng, vừa đưa tay lên cổ họng, như sắp kéo đứt chiếc cà vạt tím ra, vừa ngẩng gương mặt bối rối lên, dồn dập đưa ánh mắt sang phía bọn tôi. Đôi lúc thầy dè hai tay lên cái đầu hói, vừa úp mặt lên bàn, bí dường như không còn mặt mũi nào nữa. Thân thể của thầy lúc bình thường đã nhỏ, trong những lúc như vậy, cái thân thể nhỏ đó lại giống như bong bóng bị xì hơi, yếu đuối bẹp xẹp, ngay như hai chân từ ghế thông xuống của thầy cũng bị thấy như nổi lơ lửng trên không. Điều đó làm cho bọn tôi thích thú, khúc khích cười. Rồi thầy đọc, dịch tới lui hai ba lần như thế tiếng cười cũng lần lần trở nên mạnh dạn hơn, và cuối cùng bùng lên một cách lộ liễu từ ngay những hàng ghế phía trước. Những tiếng cười như thế này của bọn tôi đã làm cho thầy Mori hiền lương, khổ sở biết bao... Giờ đây, ngay chính tôi, khi nhớ tới những tiếng cười bạc bẽo này, nhiều lần, tự dưng tôi cũng muốn bịt tai tôi lại.

Dẫu vậy thầy Mori vẫn dũng cảm tiếp tục đọc, dịch cho đến khi tiếng còi báo hiệu giờ nghỉ vang dội. Và sau khi đọc xong đoạn cuối, thầy đáp lễ cúi đầu chào của bọn tôi với thái độ thản nhiên như lúc ban đầu, rồi thủng thẳng đi ra như hoàn toàn quên hết những đấu tranh đáng thương từ nãy giờ. Tiếng đóng mở nắp bàn cố gây ồn ào, tiếng cười của bọn tôi như giông tố gào lên đuổi theo sau thầy, lại còn có đứa nhảy lên bục giảng, biểu diễn cho xem dáng điệu, giọng nói của thầy Mori... Ôi, chắc tôi phải nhớ lại cái sự thật là chính mình, với phù hiệu trưởng lớp có năm sáu đứa học sinh vây quanh, tôi đã ra vẻ đắc ý chỉ trích những chỗ dịch sai của thầy. Và, những chỗ dịch sai đó? Thật ra, lúc đó, thật sự có dịch sai hay không, tôi cũng không biết rõ, thế mà tôi cũng vẫn ra oai.

Vào giờ nghỉ trưa ba bốn ngày sau, năm sáu đứa bọn tôi tập hợp ở bãi cát có trang bị dụng cụ thể dục. Cùng phơi lưng đồng phục may bằng vải thô trong ánh nắng mùa đông ấm áp, bọn tôi đã rộn rã trò chuyện với nhau về những tin vật liên quan đến kỳ thi cuối năm sắp tới. Ở đó có thầy Tanpa, nặng khoảng bảy mươi kí, nãy giờ vẫn đu người dưới cây xà ngang cùng với đám học trò. Bỗng thầy hô lớn lên “một, hai”, rồi nhảy xuống trên mặt cát. Mình mặc áo gilê, đầu đội mũ vận động, thầy hiện ra trong bọn tôi.

- Sao? Thầy Mori lần này, thế nào?

Thầy Tanpa cũng là thầy dạy tiếng Anh ở lớp cùng bậc với chúng tôi. Thầy nổi tiếng thích thể thao, lại còn ngâm thơ hay, nên bọn hào kiệt vốn ghét tiếng Anh như những tuyến thủ nhu đạo hoặc kiếm đạo cũng nể thầy lắm. Khi được thầy hỏi như thế, một người trong đám hào kiệt đó vừa vo gang tay, vừa rụt rè trả lời, thật không hợp với dáng dấp của anh ta một chút nào.

- Dạ, không... Ai cũng nói dạy không được hay lắm.

Thấy vậy, thầy Tanpa vừa lấy khăn tay phủi cát dính quần, vừa cười vớ vể tự đắc.

- Dở hơn mày à.

- Đâu, dĩ nhiên là hơn tui rồi.

- Vậy, có chuyện gì đáng phàn nàn đâu.

Anh chàng hào kiệt lấy tay gắng gãi đầu, rứt rứt rút lui đi mất. Kể đến, một anh cùng lớp giỏi Anh văn đưa tay sửa lại cặp kính cận nặng độ của mình, ra giọng người lớn không hợp tuổi mình một chút nào, nói chống lại.

- Nhưng, thầy ơi, bọn tui hầu hết đều định dự thi vào trường phổ thông, cho nên bọn tui muốn được thầy giỏi, hơn tất cả các thầy khác dạy.

Thầy Tanpa vẫn thản nhiên, cười vớ vể oai vệ.

- Có gì đâu. Chỉ một kỳ học[4] thôi, học ai cũng được, có sao đâu.

- Vậy, thầy Mori chỉ dạy có một kỳ thôi à?

Thầy Tanpa như bị thọt trúng chỗ yếu với câu hỏi này. Thầy là người thành thạo việc đời, nên đã cố ý không trả lời câu hỏi đó. Thầy lật mũ vận động xuống, lấy tay phủi mạnh bụi cát trên cái đầu tóc ngắn của thầy, rồi bất ngờ nhìn bọn tôi một lượt, khéo léo đổi câu chuyện sang hướng khác.

- Ừ, thầy Mori là người khá xưa cho nên hơi khác với bọn mình. Hồi sáng này khi lên xe điện, tôi thấy thầy đang đứng ở ngay chính giữa xe. Khi sắp đến chỗ đổi xe, thầy Mori bỗng lên tiếng gọi “anh lơ ơi, anh lơ ơi”. Tôi cảm thấy kỳ cục, thật không biết phải làm sao. Ừ, phải nói là thầy có vẻ hơi khác người đấy.

Không cần phải đợi thầy Tanpa nói, liên quan đến phương diện này, thầy Mori có rất nhiều chuyện đã làm cho con mắt bọn tôi kinh ngạc.

- Có lúc trời mưa, thầy Mori mình mặc đồ Âu mà chân lại mang guốc đến trường.

- Cái bọc khăn mùi soa trắng, lúc nào cũng treo toòng teng ở lưng thầy, chắc là cơm xách tay của thầy đó chứ gì.

- Nhìn tay thầy nắm dây treo trong xe điện, thấy găng tay bằng chỉ len của thầy đầy lỗ thủng.

Bọn tôi vây quanh thầy Tanpa, bốn phía sùi bọt mép nói những chuyện nhảm nhí, nhức tai. Nhưng, có lẽ thầy Tanpa đã bị câu vào cuộc, nên khi bọn tôi lớn tiếng ồn ào ra, không biết từ lúc nào, thầy đã để nón thể thao lên đầu ngón tay vừa quay vừa ra giọng vui vẻ.

- Còn hơn nữa kìa, cái nón đó là đồ cũ đấy...

Bất ngờ thầy đã nhẹ miệng. Đúng vào lúc đó, không biết nghĩ gì, thầy Mori, với tấm thân nhỏ bé của mình, đã lảng lảng hiện ra trước cửa vào khu phòng học hai tầng, cách khoảng mười bước ở phía đối diện với sân chơi thể dục dụng cụ. Đầu thầy đội cái nón chóp cũ, tay thầy cứ đưa lên sửa đi sửa lại chiếc cà vạt tím quen thuộc với vẻ thành thạo lắm. Trước cửa vào có một đám sáu bảy học sinh giống như trẻ nít, có lẽ là học sinh lớp bảy[5], đang chơi trò nhảy ngựa gì đó, khi thấy dáng thầy, chúng đã đua nhau chạy đến, trịnh trọng cúi đầu chào thầy. Thầy Mori đứng lại trong ánh nắng chiếu trên thềm đá ở cửa vào, thầy vừa nhấc cái nón chóp lên, vừa

mỉm cười đáp lễ. Nhìn cảnh tượng này, tất cả bọn tôi vì cảm thấy mắc cỡ, nên đã yên lặng một hồi lâu, và những tiếng cười giòn giã cũng đã biến mất. Lúc đó, thầy Tanpa biết đã lỡ lời nên hết sức lúng túng và hổ thẹn. Thầy đã lè cái lưỡi nói lờ “cái nón đó là đồ cũ đấy” ra rồi nhanh nhẹn đội nón tập thể dục lại, bỗng nhiên thầy đổi hướng, treo cái thân mập mang áo gilê lên xà ngang, rồi hô lớn lên “Một...”. Thầy vươn hai chân thẳng lên trời cao theo kiểu “con tôm búng”, khi thầy hô to lên “Hai...” chân thầy đã xé bầu trời xanh mùa đông một cách tuyệt diệu, rồi thầy nhẹ nhàng luồn chân lên trên xà ngang. Cách dấu ngưng nghịu hết sức khôi hài của thầy Tanpa đã đủ lý do làm cả bọn tôi không nín cười được. Sau khi cố ngậm miệng trong phút chốc, bọn học trò ở sân tập thể dục dụng cụ đã ngửa mặt lên nhìn thầy Tanpa trên xà ngang, rồi vỗ tay, la rộ lên giống y như lúc ủng hộ bóng chày.

Dĩ nhiên tôi cũng đã hoan hô cùng với mọi người. Nhưng trong lúc hoan hô, có lẽ do bản năng, dần dần tôi bắt đầu cảm thấy chán ghét cái thầy Tanpa trên xà ngang. Nói như vậy, không có nghĩa là tôi đã cảm thấy thương hại thầy Mori đâu. Bằng chứng là cái vỗ tay dập dồn của tôi cho thầy Tanpa lúc đó, đồng thời nó cũng gián tiếp bày tỏ những tình cảm không tốt của bọn tôi đối với thầy Mori. Bây giờ dùng đầu mà nghĩ, thì có thể giải thích được rằng lòng dạ của bọn tôi lúc đó đã khinh miệt thầy Tanpa về mặt đạo đức, đồng thời cũng đã khinh miệt thầy Mori về mặt học vấn. Hoặc là cũng có thể nghĩ được rằng sự khinh miệt đối với thầy Mori càng trơ trẽn ra khi được thêm thắt một lời chứng minh cần thiết qua câu nói “cái nón đó là đồ cũ đấy” của thầy Tanpa. Cho nên tôi vừa hoan hô vừa nhướn vai lên đưa mắt nhìn cửa vào khu phòng học với vẻ đắc ý. Ở đó, vẫn như trước, thầy Mori giống như một con ruồi mùa đông ham tắm nắng cứ đứng mãi trên bậc thang đá một mình chăm chú nhìn bọn học sinh năm lớp bảy ngây thơ đùa giỡn. Cái nón chóp và chiếc cà vạt màu tím... thật ra đó cũng là đối tượng cười giễu của tôi lúc đó... cái quang cảnh lồng vào trong một thoáng mắt, không biết tại sao bây giờ nghĩ lại, cũng không thể nào quên được.

...

Cách ăn mặc và thực lực học vấn của thầy Mori lúc nhậm chức đã làm chúng tôi có cảm giác khinh miệt thầy, cái cảm giác đó cuối cùng đã lan rộng ra toàn cấp học từ lúc có chuyện sơ ý của thầy Tanpa. Rồi lại có chuyện vào một buổi sáng cách đó không đầy một tuần. Ngày hôm ấy, tuyết từ đêm qua vẫn tiếp tục rơi, toàn bộ mái nhà lợp thêm bên ngoài cửa sổ để làm nơi tập thể dục lúc trời mưa đã bị tuyết đóng không còn thấy màu ngói nữa, nhưng trong phòng học, ánh lửa than đá trong lò sưởi vẫn bùng lên đỏ hồng, tuyết đóng trên mặt kính cửa sổ tan vội, không đủ thì giờ để chiếu lơ lửng những ánh sáng phản xạ xanh nhạt. Vừa xếp đặt chỗ ghế trước lò sưởi, thầy Mori vẫn như mọi khi, cổ lớn giọng eo éo, say sưa giảng bài “Some of life” (Một phần cuộc sống) trong cuốn sách *Choice Reader*. Dĩ nhiên không có ai nghiêm trang lắng tai nghe thầy dạy. Không những thế những người như anh bạn tuyển thủ nhu đạo ngồi bên cạnh tôi, anh ta đã mở truyện võ hiệp để ở dưới sách tập đọc, và đã đọc tiểu thuyết mạo hiểm của Oshikawa Shunro từ nãy giờ.

Tình trạng này cứ thế kéo dài đâu được hai ba mươi phút. Đương lúc đó, bỗng thầy Mori từ ghế bật người lên, bắt đầu nói chuyện đời, nhân lúc dạy một bài thơ của Longfellow^[6]. Đầu đuôi của câu chuyện như thế nào tôi không nhớ rõ, nhưng có lẽ không phải là chuyện bàn luận mà hình như là cảm tưởng của thầy xoay quanh cuộc sống. Lý do là vì thầy đã nói với giọng điệu hối hả, hai tay không ngừng đưa lên kéo xuống giống y như một con chim bị trụi lông.

- Các em chưa có ai biết chuyện đời cả. Phải không nhỉ. Mà dẫu có muốn biết đi nữa, cũng không làm sao biết được. Thế là các em hạnh phúc đó. Lớn lên như thầy đây, nhất định sẽ biết

chuyện đời. Biết được thì thấy có nhiều chuyện khổ lắm. Phải rồi. Nhiều chuyện khổ lắm. Coi vậy chớ thầy đây cũng có hai con. Ờ, phải cho tụi nó ăn học. Cho ăn học... ờ... cho ăn học... học phí? Ờ phải rồi, cần phải trả học phí. Ừ, hén. Cho nên chuyện khổ cũng nhiều lắm đấy...

Tôi còn nhớ mang máng có những câu nói như thế. Than khổ trước mặt bọn học sinh trung học chưa biết gì cả... dẫu không có ý muốn than, nhưng đúng là thầy đã than. Chuyện tâm tình của thầy, đương nhiên bọn tôi làm sao mà hiểu được. Thay vì hiểu cho thầy, bọn tôi cứ để ý đến khía cạnh khôi hài của việc than khổ, và cả bọn tôi đã bắt đầu cười khúc khích trong lúc thầy đang kể lể. Chỉ có một điều là những tiếng cười đã không bật rộ lên như mọi khi, vì cách ăn mặc có vẻ nghèo nàn và nét mặt phát ra cái giọng nói eo éo của thầy, chính nó là biểu hiện của cuộc sống đầy khó khăn, đã làm nảy sinh trong lòng chúng tôi đôi chút thương hại đối với thầy. Nhưng tiếng cười của bọn tôi đã không lớn thêm ra, thay vào đó, một lúc sau, anh tuyển thủ nhu đạo cạnh bên tôi bỗng nhiên bỏ rơi thế giới võ hiệp, hùng hổ đứng lên như một con cọp. Tưởng là chuyện gì, té ra anh ta đã nói.

- Thừa thầy! Bọn tui đến đây để được thầy dạy học tiếng Anh. Cho nên nếu thầy không dạy cho bọn tui thì thầy không cần phải vô trong lớp. Nếu thầy cứ tiếp tục chuyện thầy nói nãy giờ thì tui xin đi ra ngoài chỗ tập thể dục.

Vừa nói thế, cậu học trò này đã cố làm ra mặt khó chịu, rồi ngồi bệt xuống ghế. Tôi chưa có lần nào thấy được gương mặt kỳ dị của thầy Mori như lúc đó. Thầy như bị sét đánh, miệng há hốc ra không ngậm lại được. Thầy cứng người lên bên cạnh lò sưởi, lờm lờm nhìn gương mặt bực bội của cậu học trò trong một hai phút. Nhưng, cuối cùng, trong cặp mắt giống như mắt gia súc của thầy, nét mặt như van lơn một điều gì đó đã lóe lên như suýt bị kim đâm, bỗng thầy lật đật đưa tay lên chiếc cà vạt tím thường lệ, rồi cúi cái đầu hói của mình xuống hai ba lần.

- Đúng rồi, thầy bày thật. Thầy bày thật, cho thầy xin lỗi. Ừ, các em đến đây để học tiếng Anh. Thế mà thầy không dạy tiếng Anh cho các em, thầy bày thật. Cho thầy xin lỗi. Ừ. Cho thầy xin lỗi.

Thầy ra mặt cười như muốn khóc, cứ nói đi nói lại như vậy không biết bao nhiêu lần. Ánh lửa hồng từ miệng lò sưởi rơi nghiêng hình dáng của thầy, càng làm nổi bật những chỗ cọ rách ở vai và lưng áo của thầy. Cái đầu hói của thầy mỗi lần cúi xuống là mỗi lần phát ra màu đồng đỏ láng bóng rực rỡ. Nó càng lúc càng giống như cái trứng đà điểu.

Nhưng cái cảnh tượng đáng thương này, lúc đó đối với tôi, nó chỉ là một hình ảnh bộc lộ cái bản tính hạ cấp của thầy. Thầy Mori đã làm cả chuyện lấy lòng học trò để cố tránh nguy cơ bị mất việc làm. Cho nên có thể nói rằng thầy dạy học chỉ vì cuộc sống bắt buộc chứ nhất định không phải vì thầy thích việc dạy học. Tuy mập mờ không rõ nhưng tôi đã thỏa thích với những đánh giá như thế đó, giờ đây không chỉ khinh miệt cách ăn mặc và trình độ học vấn, mà tôi còn cảm thấy khinh miệt cả cái phẩm cách của thầy. Tôi đã chống cùi chỏ lên trên sách Choice Reader rồi đặt hàm lên hai bàn tay đó, để những tiếng cười xắc xược lên đầu thầy Mori đứng im lìm trước lò sưởi cháy nóng, như đang bị nướng cả tinh thần lẫn thể xác. Dĩ nhiên đây không phải là điều chỉ có ở một mình tôi. Anh tuyển thủ nhu đạo, người bắt bí thầy đã quay lại nhìn sang phía tôi một chút, anh ta hé miệng cười với vẻ xảo quyết khi thầy Mori biến sắc mặt và nói lời xin lỗi, liền sau đó anh ta lại bắt đầu học hỏi quyển tiểu thuyết mạo hiểm của

Oshikawa Shunro để ở dưới sách tập đọc.

Cho đến khi kèn thổi báo hiệu giờ nghỉ đến, thầy Mori của chúng ta đầu óc như rối bù hơn bất cứ lúc nào, thầy vui đầu dịch bài thơ đáng thương của Longfellow. "Life is real, life is earnest"^[7]. Thầy Mori vừa lớn giọng đọc những dòng chữ đó, vừa không ngừng van lơn một cái gì đó không biết. Gương mặt tròn trịa của thầy xanh mét đầy mồ hôi. Trong tai tôi bây giờ vẫn còn văng vẳng cái giọng eo éo nghẹt thở đó. Hàng triệu tiếng than của những người đau khổ ẩn trong cái giọng eo éo đó đã quá thấm khốc vượt qua mức có thể kích thích màng nhĩ bọn tôi lúc đó. Cho nên trong giờ học này, vì quá uể oải nên nhiều đứa trong bọn kể cả tôi, đã mở miệng ngáp không một chút do dự. Nhưng thầy Mori vẫn giữ cái thân nhỏ bé của mình thẳng đứng trước lò sưởi, mặc cho đám tuyết bên ngoài trượt nhẹ trên tấm kính cửa sổ, thầy cứ vung tay đưa cuốn sách tập đọc lên lên xuống xuống, với cái đà giống như sợi dây thiều ở trong đầu bỗng nhiên bị đứt dây. Thầy lớn tiếng tiếp tục gào thét. "Life is real, life is earnest... Life is real, life is earnest".

Với những việc xảy ra như thế đó, thời gian muồn dạy trong một kỳ học trôi qua, bọn tôi không còn được thấy bóng dáng của thầy Mori nữa. Thời gian không còn thấy thầy chỉ làm cho bọn tôi vui sướng, nhất định không có một ai cảm thấy hối tiếc. Không chỉ có thể có thể nói là bọn tôi đã lãnh đạm với thầy, đến nỗi bọn tôi cũng chẳng thấy vui gì về sự ra đi của thầy. Như tôi đây, bảy tám năm qua, từ trung học cơ sở lên phổ thông, từ phổ thông lên đại học, dần dần trở thành người lớn, tôi hoàn toàn không còn một chút tiếc thương nào ở trong lòng. Hầu như tôi đã quên mất, ngay cả chuyện tôi đã có một ông thầy như vậy.

Rồi vào mùa thu năm tôi tốt nghiệp đại học... chuyện một đêm vừa tạnh mưa, đầu tháng Mười hai, khi mà sương mù thường dày đặc ra trong trời chiều và những hàng liễu và những hàng ngô đồng dọc đường đầy lá vàng úa. Tôi kiên nhẫn dạo quanh tìm kiếm sách cũ trong những tiệm sách ở Kanda, và cuối cùng tôi đã tìm ra được một vài quyển sách tiếng Đức hiếm hoi từ khi chiến tranh Âu châu bắt đầu. Vừa đi tôi vừa dựng cổ áo khoác lên để chặn cái không khí lạnh lạnh cuối thu, và khi tình cờ đi ngang qua trước tiệm Nakanishi, không biết sao tôi cảm thấy thèm thức uống nóng và thèm nghe tiếng cười nói vui tươi của mọi người, bất chợt, tôi đã vào một tiệm cà phê ở gần đó một mình.

Nhưng, vào rồi mới biết, tiệm cà phê này tuy hẹp, nhưng lại trống trơn, không một bóng khách. Trên những chiếc bàn lát cẩm thạch xếp thành dãy, chỉ có những hộp đựng đường mạ bạc lạnh lẽo phản chiếu ánh đèn. Như bị ai đó lường gạt, tôi đã đến ngồi xuống ở một cái bàn trước tấm gương lắp trong vách tường, lòng buồn rười rượi. Khi anh bồi đến, tôi đặt cà phê rồi như nhớ ra, tôi lấy xì gà ra hút, nhưng phải quẹt diêm quẹt không biết mấy lần, tôi mới châm được lửa. Chẳng bao lâu một tách cà phê bốc khói hiện ra trên bàn, nhưng, tấm lòng đã một lần thất vọng thì không dễ gì sáng khoái được, giống như sương mù đang rớt xuống ở bên ngoài. Cuốn sách vừa mua từ tiệm sách cũ lại là một sách triết học in chữ nhỏ, tuy đây là những luận văn nổi tiếng nhưng đọc một trang như vậy cũng đủ khổ. Bất đắc dĩ, tôi đã dựa đầu lên lưng ghế, vừa uống cà phê Brazil xong lại đổi sang uống cà phê Havana, ánh mắt lưng chừng không biết nhìn đâu của tôi, đang lạc đường trong tấm gương trước mũi.

Trong tấm gương, đầu tiên là mặt bên hông của những bậc thang lên lầu hai, kế đến là bức tường ở phía đối diện, rồi cánh cửa sơn trắng, tấm giấy quảng cáo buổi nghe nhạc treo trên tường, tất cả đang được phản chiếu rõ ràng, lạnh lẽo, giống như tôi đang nhìn một phần cảnh trong sân khấu. Không, còn có những cái khác, một cái bàn lát cẩm thạch, một chậu trồng cây lá

kim, một bóng đèn lồng thông từ trần nhà xuống. Cũng có một cái lò sưởi bằng sành to lớn xài khí đốt. Trước lò sưởi, ba bốn anh bồi đang quây quần nói chuyện gì đó với nhau không ngớt. Tôi đã lần lượt kiểm điểm những hình ảnh trong tấm gương như thế đó, và... khi mắt tôi đến nơi những anh bồi đang quây quần trước lò sưởi, hình dáng của một ông khách ngồi đối diện mặt bàn, đang bị bọn họ vây quanh, đã làm tôi sửng sốt. Từ nãy giờ tôi đã không để ý, có lẽ vì bị lẫn lộn với những anh bồi xung quanh, vô ý thức tôi cứ nghĩ đó là anh đầu bếp hay một người nào đó của tiệm cà phê. Nhưng, lúc đó tôi sửng sốt không phải chỉ vì tôi nghĩ rằng không có một ông khách nào, té ra lại có. Mặc dầu từ hướng này tôi chỉ thấy được một phần hình dáng của ông khách chiếu trong tấm gương, nhưng cái đầu hói giống như cái trướng đà điểu đó, cái áo khoác bạc màu cũ rích đó, cái màu sắc ngàn năm của chiếc cà vạt tím đó, không cần phải nói, ông khách đó chính là thầy Mori.

Vừa nhìn thấy thầy, bỗng chốc trong đầu tôi đã hiện ra khoảng thời gian bảy, tám năm cách biệt giữa tôi và thầy. Khoảng thời gian từ một anh trưởng lớp trung học học *Choice reader* đến tôi bây giờ, một người đang im lìm thả khói thuốc xì gà từ mũi ra... đối với tôi khoảng thời gian này nghĩ sao cũng không thể nói là ngắn được. Dòng chảy của thời gian mặc dầu đã đẩy trôi mọi vật, nhưng có lẽ đã không làm được gì đối với thầy Mori, con người đã vượt qua mọi thời đại. Bây giờ trong tiệm cà phê đêm nay, thầy đã ngồi cùng bàn với những anh bồi, đúng là ông thầy đã dạy bài tập đọc trong phòng học lạnh lẽo không có ánh sáng mặt trời chiếu rọi tới, giống hệt như xưa. Cái đầu hói cũng không có gì thay đổi. Chiếc cà vạt tím cũng y hệt như vậy. Và cái giọng eo éo đó... À phải rồi, ngay bây giờ thầy vẫn lớn tiếng ra giọng eo éo, chắc thầy đang bận rộn giải thích điều gì đó cho đám bồi. Bất chợt tôi mỉm cười, không biết lúc nào, tôi đã quên cái cảm giác nặng nề trong lòng, tôi cố lắng tai nghe tiếng nói của thầy.

- Đây nè, tính từ ở đây, chi phối danh từ này. Napoleon là tên người, cho nên đó là danh từ. Hiểu chứ. Nhìn phía sau danh từ ở đó... ừ, phía sau liền sau đó, chữ này, có biết không? Ờ, mày nói thử coi.

- Quan hệ... quan hệ danh từ?

Một anh bồi vừa lấp bắp vừa trả lời như thế.

- Hả, quan hệ danh từ? Không có tiếng quan hệ danh từ. Quan hệ... ừ... quan hệ đại danh từ? Ờ, đúng rồi, quan hệ đại danh từ nhen. Đại danh từ, chữ đó, nó thay thế cho danh từ Napoleon. Đại danh từ được viết là “tiếng thay thế cho danh từ” đó nhen.

Từ cách nói chuyện như thế này mà nói, chắc là thầy Mori đang dạy tiếng Anh cho những anh bồi. Thế nên tôi đã kéo ghế sang một bên và từ một vị trí khác tôi lại nhìn vào tấm gương. Đúng là trên bàn có một quyển sách đang được lật ra, có lẽ là sách tập đọc. Thầy Mori đưa tay chỉ tới chỉ lui một trang trong sách, say sưa giảng nghĩa không biết đến chừng nào mới hết. Ở điểm này thầy vẫn giống hệt như xưa. Chỉ có khác một chỗ, những anh bồi đứng xung quanh, khác hẳn với bọn học trò ngày xưa, anh nào cũng long lanh ánh mắt, vai chen vai, im lặng lắng nghe những lời giảng nghĩa dồn dập của thầy.

Nhìn quang cảnh trong tấm gương một chập, dần dần tình cảm nồng nàn đối với thầy Mori bắt đầu nổi lên trong ý thức của tôi. Phiêu bạt đó đây, rồi mình cũng đã đến nơi này, lâu lắm mới được gặp lại thầy. Nhưng có lẽ thầy không nhớ mình đâu, một người chỉ gặp mặt thầy

trong phòng học và chỉ trong một kỳ học ngắn ngủi. Cho dầu thầy có nhớ ra được... khi tôi triền miên nhớ lại những giọng cười đầy ác ý của bọn tôi đã trút lên người thầy thời đó, sau cùng tôi đã nghĩ lại rằng nếu mình còn có ý kính trọng thầy thì tốt hơn không nên ra mặt gặp thầy. Vì thế nhân lúc cà phê vừa hết, tôi dúi bỏ điều xì gà đã cháy ngẩn, rồi rón rén đứng lên khỏi bàn. Tuy tôi định đứng lên thật êm nhưng rốt cuộc tôi cũng đã làm thầy mất chú tâm. Khi tôi vừa rời khỏi ghế, đúng vào lúc ấy thầy đã quay lại phía tôi một lần, vẫn với cái gương mặt tròn trịa xanh mét, vẫn với cái cổ áo khá bẩn, và với chiếc cà vạt màu tím đỏ. Đúng lúc đó, cặp mắt trông giống như mắt gia súc của thầy và ánh mắt của tôi đã gặp nhau trong tấm gương trong phút chốc. Nhưng trong ánh mắt của thầy, như tôi đã đoán trước, không có một hình ảnh nào nổi lên cho thấy như thầy đã gặp được lại người xưa. Ở đó, vật ngồi lên chỉ là một ánh mắt đau thương, như lúc nào cũng van lơn một điều gì đó.

Mắt tôi vẫn nhìn xuống, tay nhận phiếu, tôi yên lặng đến quầy tính tiền ở cửa vào tiệm cà phê. Anh bồi chánh, chảy tóc rẽ hai đẹp dễ, đang đợi khách ở quầy tính tiền với cái vẻ chán phèo.

- Ở đó có người đang dạy tiếng Anh. Tiệm cà phê mượn dạy đấy à.

Tôi vừa đưa tiền ra trả, vừa hỏi như thế. Anh bồi chánh nhìn những người qua lại trước cửa, với gương mặt chán ngấy, anh đã trả lời cho tôi.

- Đâu, không có ai nhờ ông ấy cả. Mỗi đêm ông ấy đến, dạy như thế đó. Nói gì đi nữa, tiếng Anh của ông ấy cũ rích, nên không có chỗ nào mượn ông dạy, đại khái, ông ta đến đây để giết thì giờ đó. Với một tách cà phê, ông ta ngồi ở đó suốt đêm, nên thật tình mà nói, cũng chẳng muốn cảm ơn một chút nào.

Khi nghe chuyện này, bất ngờ, ánh mắt như muốn van lơn một điều gì đó không ai có thể biết được của thầy Mori đã hiện ra trong óc tưởng tượng của tôi. Thầy Mori ời, thầy Mori. Bây giờ đây, lần đầu tiên tôi thoáng hình dung được cá tính kiên cường của thầy. Nếu ai đó sinh ra để trở thành nhà giáo, thì đúng người đó là thầy Mori. Đối với thầy, việc dạy tiếng Anh cũng giống như chuyện hô hấp không thể ngừng được dầu chỉ trong chốc lát. Nếu bị bắt buộc ngừng lại, năng lượng dồi dào của thầy sẽ bị héo hon tức khắc, giống như một cây trồng bị mất nước. Cho nên sự thích thú trong việc dạy tiếng Anh đã thúc đẩy thầy mỗi tối, một mình lặn lội ra quán, để nhâm nhi một tách cà phê. Dĩ nhiên đó không phải là việc có tính cách thanh thoi, bị những người như anh bồi chánh xem như để giết thời gian. Thế mà, ngày xưa bọn tôi đã nghi ngờ tính ngay thật của thầy, nhạo báng cho đó là vì cuộc sống, bây giờ nghĩ lại, đúng đây là một sai lầm đáng xấu hổ. Dầu là giết thời gian, hay là vì cuộc sống, những suy nghĩ không tốt của mọi người chắc đã làm thầy Mori đau khổ khôn cùng. Bẩm sinh, dầu trong đau khổ, thầy luôn luôn giữ được thái độ thanh thoi, vẫn với chiếc cà vạt tím và cái nón chóp cũ mềm trên thân, dũng cảm hơn cả Don Quijote, thầy kiên cường tiếp tục dạy đọc, dịch. Nhưng, đôi lúc, một tia lóe như để van lơn sự đồng tình... có lẽ của tất cả mọi người thầy gặp, hay... của đám học trò thầy dạy... dầu đau thương cũng vẫn cứ trú ngụ trong cặp mắt của thầy.

Trong khoảnh khắc, tôi đã nghĩ như thế và tôi đã lấp mặt vào trong cổ áo khoác rồi đi ra ngoài với mối cảm động không biết nên khóc hay nên cười. Phía sau tôi, nhờ không có khách nên thầy Mori, vẫn lớn giọng eo éo như mọi khi, say sưa dạy tiếng Anh cho bọn bồi dưới ánh đèn sáng choang lạnh lạnh.

- Chữ này thay thế cho danh từ, nên nó là đại danh từ. Nhen. Đại danh từ. Hiểu rồi chứ...

Lê Ngọc Thảo dịch

Chú thích:

- [\(1\)](#) Liên phố Koshiben, phố có nhiều công chức cấp thấp (ngày xưa những công chức này thường mang theo cơm xách treo ở lưng để ăn trưa (Koshi: lưng, ben (bento): cơm xách).
- [\(2\)](#) Kanda, một khu vực gần ga Tokyo, nơi có rất nhiều tiệm bán sách cũ.
- [\(3\)](#) Ote, cửa tiền của thành Edo xưa, gần với nhà ga Tokyo ngày nay.
- [\(4\)](#) Kỳ học một năm học ở cấp tiểu học và trung học thường được chia ra thành ba kỳ học và một năm học ở đại học được chia thành hai kỳ học.
- [\(5\)](#) Lớp bảy, Trung học cơ sở Nhật Bản bắt đầu từ lớp bảy và chấm dứt ở lớp chín.
- [\(6\)](#) Henry Wadsworth Longfellow (1807 -1882), thi sĩ người Mỹ.
- [\(7\)](#) Tiếng Anh trong nguyên văn, “Đời là hiện thực, đời là nghiêm túc”.

Niềm tin

(Bisei no shin)

Lời người dịch:

Năm 1919, khi viết *Bisei no Shin* (Chữ tín của Vĩ sinh) mà ở đây chúng tôi dịch là Niềm Tin, lần đầu tiên, người ta chợt nhận ra Akutagawa không giết dây nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử của mình như vẫn thường làm mà để cho chính nhân vật giết dây ông.

Nhân vật Vĩ sinh đã thấy trong tác phẩm của Trang Tử cũng như trong Sử Ký Tư Mã Thiên. Vĩ sinh không ai khác hơn là anh chàng hẹn bạn gái dưới chân cầu, bạn gái không tới, thủy triều lên, anh ta vì giữ chữ tín không bỏ đi nên chết đuối. Ông Tư Mã theo thầy Khổng nên khen “Phải giữ cho được chữ tín như thế!”, ông Trang mắng “Chết vì chữ tín kiểu đó là ngu!”.

Chữ tín là qui phạm đạo đức do xã hội đặt để những niềm tin là tình cảm tự phát của cá nhân. Hơn hai nghìn năm sau, Akutagawa mở lại “hồ sơ” của Vĩ sinh và trình bày cách nhìn mới của ông về anh chàng “ngu ngốc và đại gái” này; nhưng không đưa ra chút phán đoán có tính đạo đức nào. Hãy xem “tài biến hóa” của Akutagawa qua truyện ngắn “niềm tin” sau đây.

Đã một đôi lâu, Vĩ sinh đứng lặng dưới chân cầu, đợi người con gái đến.

Ngẩng lên nhìn hàng lan can cao của chiếc cầu đá có những sợi dây leo buông chùng, chàng thấy giữa khe hở chốc chốc có bóng người qua lại, tay áo trắng của họ lay động theo làn gió dưới ánh nắng lấp lóa của buổi chiều tà. Thế nhưng người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh vừa huýt sáo nhẹ nhàng, thông dong đưa mắt nhìn quanh bãi sông dưới chân cầu.

Bãi bùn vàng nhạt dưới gầm cầu chỉ rộng có mươi thước dư là đã tiếp giáp với mặt nước. Có lẽ vùng lau sậy trên bờ nước là nơi cư ngụ của lũ cua lớn hay sao mà có vài cái lỗ tròn thật to. Mỗi lần sóng vỗ vào chỗ đó là nghe thoảng như có tiếng óc ách. Thế nhưng người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh bắt đầu cảm thấy sốt ruột mới tán bộ xuống phía bờ nước và đưa mắt ngắm suốt dải sông chiều không có lấy một bóng thuyền.

Lau sậy trên dòng mọc xen khít. Chẳng những thế đôi chỗ trong rặng lau lại có vài chòm liễu nước với tán lá hình tròn xanh tốt. Vì một phần dòng sông luồn vào cả đám cây cối nên mặt sông tưởng như hẹp lại chỉ còn là dải nước trong leo lẻo in mỗi một áng mây trời trắng như mặt đá vân mẫu, lượn lờ len giữa ngàn lau. Thế nhưng, người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh không men theo bờ nước nữa. Lần này, dưới vạt nắng chiều, chàng dạo đôi chỗ trên cái bãi bùn không mấy rộng, lắng tai nghe động tĩnh chung quanh.

Trên cầu, chẳng biết tự lúc nào, đã ngót người qua lại. Không còn nghe tiếng chân đi, tiếng vó ngựa hay tiếng bánh xe nữa. Có chăng là tiếng gió, tiếng lau lách, tiếng nước chảy, thế rồi không biết từ đâu vọng ra tiếng cò xám gáy the thé. Vừa dừng chân chưa kịp nghĩ ngợi thì đã thấy nước triều dâng lên không biết tự lúc nào. Màu nước liếm lên bãi bùn vàng đã ánh lên gần kề hơn khi nãy. Thế nhưng người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh chau mày lấy làm lạ. Trên bãi dưới chân cầu tối mờ mờ, chàng bắt đầu nhanh chân bước. Trong lúc đó thì từng phân một, từng tắc một, thủy triều bò dần lên bãi. Cùng một lúc mùi rong và mùi dước dậy lên, gây lạnh trên da thịt. Nhìn lên bên cầu thì nắng chiều đã tắt lịm, chỉ còn bóng hàng lan can của chiếc cầu đá cắt thành những vệt đen kịt trên nền trời hoàng hôn xanh mờ. Thế nhưng, người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh đứng thờ người một chỗ.

Nước sông đã bắt đầu thấm gót giày.

Nước lóng lánh một thứ ánh sáng lạnh lẽo như ánh thép, bắt đầu tràn lan dưới chân cầu. Thế rồi, chắc chắn chỉ trong khoảnh khắc thôi, mực nước của ngọn triều đầy sẽ ngập hết đầu gối, đến bụng rồi cả ngực. Mới nghĩ vậy mà mực nước đã dâng thêm lên làm hai chân chàng cũng đã bị nước bủa vây. Thế nhưng, người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh cứ đứng dưới nước, chỉ còn nương vào một tia hy vọng mong manh, bao nhiêu lần ngược nhìn lên không trung phía chiếc cầu.

Phía trên làn nước đang bao phủ thân chàng là màu chiều từ lâu đã trải rộng ngang vòm trời. Từ những hàng liễu, hàng lau xa gần, chỉ nghe vọng lại tiếng lá xào xạc xuyên qua làn sương đục. Một con cá, có lẽ cá vược, vọt phóng người lên khoe cái bụng trắng ngay trước mũi Vĩ sinh. Trong khoảng không trung mà con cá vừa nhảy lên, lúc đó đã thấy tản mát dăm vì sao lấp lánh. Hình ảnh của mấy sợi dây leo buông trên thành cầu đá rồi cũng chìm lẫn vào bóng tối. Thế nhưng, người con gái vẫn chưa thấy tới.

Đến nửa đêm, khi ánh trăng đã ngập tràn một bờ đầy lau liễu suốt cả dải sông, làn nước và làn gió nhẹ cùng thì thảo với nhau, dịu dàng dịu thi thể của Vĩ sinh từ dưới chân cầu đi về phía biển. Không chừng vì hồn của Vĩ sinh ao ước nhìn lại ánh sáng của vầng trăng đang treo giữa không gian tịch mịch nên nó đã thoát ra khỏi thể xác để bay lên bầu trời mờ ảo. Như thế, cả mùi nước và mùi rong đã lặng lẽ rời khỏi mặt sông một lượt để cùng về với vầng sáng trên cao.

Rồi cách đó một vài nghìn năm, hồn của Vĩ sinh sau khi lưu lạc qua không biết bao nhiêu đời kiếp, lại phải chịu số phận làm người một lần nữa. Linh hồn đó đã đến ngụ trong thân xác của tôi. Cho nên tôi tuy sống giữa thời hiện đại này mà chẳng làm được đâu một việc gì có ý nghĩa. Hết sáng lại chiều, tôi như anh chàng đắm chìm trong mơ mộng mông lung, chỉ sống để trông mong một điều kỳ diệu chắc chắn sẽ xảy ra. Tôi như Vĩ sinh, dưới chân cầu trong ánh sáng nhạt buổi hoàng hôn, mãi mãi đợi chờ bóng một người yêu vĩnh viễn không bao giờ tới.

(1919)

Nguyễn Nam Trân dịch

Mấy trái quýt

(Mikan)

Lời người dịch:

Đến năm 1919 thì Akutagawa đã rất nổi tiếng trên văn đàn. Tháng ba năm ấy ông bỏ chân dạy Anh văn trong trường hải quân ở Yokosuka, nhận làm nhân viên chính thức của nhật báo Osaka Mainichi, nhưng được hưởng đặc ân không cần phải đến làm việc ở tòa soạn, nhờ vậy mà ông có thể tập trung thời giờ vào việc sáng tác. Tháng năm ông cho đăng tác phẩm này trên tạp chí Shingho nhưng với nhan đề “Những điều tôi đã gặp”, về sau ông mới đổi tên nó thành *Mấy trái quýt*. Trong tác phẩm này ông đã bóc trần một cách thật linh động sự biến đổi tình cảm trong lòng ông xuyên qua một diễn biến ngắn ngủi trên một chuyến xe.

Vào lúc chạng vạng một ngày mùa đông mây mù. Tôi ra ga Yokosuka lấy chuyến xe lửa đi Tokyo, lên ngồi ở một góc trên toa hạng nhì, lơ đãng chờ tiếng tu huýt báo tàu chạy. Trong toa, đèn đã bật sáng từ lâu, nhưng lạ thay, ngoài tôi ra chẳng có hành khách nào khác. Nhìn ra ngoài sân ga lò mờ tối, hôm nay lạ thật, sao không thấy bóng người tiễn đưa, chỉ có một con chó con bị nhốt trong cũi, chốc chốc cứ sủa ăng ẳng, nghe thật buồn thảm. Cảnh vật sao giống lòng tôi lúc ấy một cách kỳ lạ. Một cảm giác mệt mỏi rã rời khó tả như bị bầu trời u ám đầy mây tuyết đè nặng trong đầu. Tôi thọc nguyên hai tay trong túi ngoài của chiếc măng tô, ngay cả tờ báo chiều bỏ trong túi ấy cũng không buồn lôi ra đọc.

Rồi tiếng tu huýt rúc lên. Tôi thấy dễ chịu hơn, ngả đầu dựa vào khung cửa sổ, trong lòng hờ hững chờ cảnh sân ga trước mắt sắp chậm chậm lùi về phía sau. Bỗng, từ phía cửa soát vé có tiếng guốc khua ầm ĩ, tiếp đó tôi nghe thấy tiếng la ó của người theo xe soát vé, rồi cửa toa xe tôi đang ngồi bỗng mở toang, một đứa con gái trạc mười ba, mười bốn lật đặt leo vội vào vừa đúng lúc chuyến xe lửa nặng nề lắc mạnh, từ từ chuyển bánh. Hàng cột trên sân ga cắt quang cảnh chạy trước mắt tôi thành từng khung một, chiếc xe rải nước nằm lơ lửng như bị bỏ quên, tiếng người phu khuân vác cảm ơn ai đó cho tiền nước - tất cả lùi dần nhưng như vẫn còn luyến tiếc, rồi mờ đi sau làn khói tàu đang tạt vào cửa sổ toa xe. Bây giờ tôi mới thấy thanh thản, châm điếu thuốc quấn tay hút, lần đầu tiên tôi nhướng cặp mi buồn ngủ, thoáng nhìn mặt con bé ngồi ở ghế trước.

Con bé búi tóc kiểu ichogaeshi^[1], mái tóc khô không xức dầu, hai gò má đỏ gay đầy những lần nứt nẻ ngang dọc, thấy dễ sợ. Nó đúng là một đứa con gái nhà quê, nó quàng một chiếc khăn len màu lá vàng nhạt câu bẩn, thả xuống tận đùi, trên đấy đặt một tay nải lớn. Tay nó thâm tím vì sương giá, nó vừa ôm tay nải, vừa nắm chặt cái vé đỏ hạng ba^[2]. Tôi không thể nào thấy ưa bộ mặt quê kệch của con bé. Quần áo nó dơ dáy càng làm tôi thêm khó chịu. Sau cùng, tôi hết sức bức con bé dần dần không biết thân phận, không phân biệt nổi đâu là toa hạng ba, đâu là toa hạng nhì. Tôi châm điếu thuốc hút, cố để quên nó. Tôi lôi tờ báo chiều trong túi ra, giở trên đùi mà đọc. Ánh sáng bên ngoài đổ tràn trên mặt báo, đột nhiên đổi thành ánh điện của bóng đèn trong toa, chữ in tồ tẹt trong các cột báo không ngờ lại nổi bật lên thật rõ trước mắt tôi. Thì ra con tàu đã lao vào hầm đầu tiên của tuyến đường Yokosuka-Tokyo, đường xe có rất nhiều hầm.

Nhưng các trang báo chiều dưới ánh đèn tàu, toàn chuyện không đâu, không làm tôi bớt chán nản. Tin về hòa ước, tin đám cưới, tin tham nhũng, các cột phân ưu cáo phó - chuyến xe

lửa lại lao vào hầm, trong khoảnh khắc, tôi có cảm tưởng như con tàu đang chạy ngược, và trong cái ảo tưởng ấy tôi đọc lướt qua, như cái máy, các cột báo khô khan vô vị hết bài này đến bài khác. Nhưng suốt cả thời gian ấy, không một giây phút nào tôi lại quên được con bé với tất cả vẻ quê mùa cục mịch, ngồi trước mặt. Chuyển xe lửa chạy trong hầm, đưa con gái nhà quê này và những trang báo chiều đầy chuyện tầm phào - đó là tượng trưng cho những gì đây? Nếu đây không phải là biểu tượng của cuộc sống tẻ nhạt thấp hèn, vô nghĩa này, thì là gì? Tôi thấy chán ngắt, hất tờ báo chiều đang đọc dở qua một bên, lại dựa đầu vào khung cửa sổ, nhắm nghiền mắt ru dần vào giấc ngủ.

Vài phút sau, bất giác tôi cảm thấy như có gì đe dọa, chợt mở mắt nhìn xung quanh. Không biết tự hồi nào, con bé đã bỏ chỗ ngồi trước mặt, sang bên cạnh tôi, nó cố hết sức mở cửa sổ toa. Nhưng có lẽ tấm cửa kính quá nặng nên con bé không làm sao nâng nổi. Hai má đầy những lằn nứt cằn đơ gắt. Thỉnh thoảng tiếng hít mũi lồng trong tiếng thở hỗn hển đứt đoạn của nó, dồn dập vào tai tôi. Dĩ nhiên tôi cũng thấy ít nhiều thương hại cho con bé. Nhưng đây chính là lúc con tàu lại sắp chạy vào hầm, cỏ khô mọc hai bên sườn núi, phát phơ trong ráng chiều chỉ chực ập vào cửa toa, và đó là một trong những lý do để người ta đóng kín cửa tàu. Thế mà con bé lại cứ muốn nâng cửa sổ lên - tôi không thể nào hiểu nổi. Không, thực ra tôi chỉ nghĩ đơn giản là nó muốn mở cửa sổ chơi mà thôi, vì thế tôi càng bức bối khó chịu. Tôi lạnh lùng nhìn cảnh con bé đang khó nhọc lôi kéo tấm cửa kính với hai bàn tay thâm tím vì sương giá, trong bụng cứ cầu cho con nhỏ sẽ không bao giờ mở được. Tiếng con tàu chạy bỗng gầm lên dữ dội, chuyển xe lửa lại lao vào hầm, và đột nhiên tấm cửa con bé muốn mở, rơi xuống đánh ầm. Qua cái khoảng trống vuông vức, khói lẫn bụi than đen kịt ập vào khắp toa, khói mù mịt làm tôi nghẹt thở. Tôi vốn yếu cuống họng, lại không kịp lấy khăn tay ra che; khói tấp vào mặt vào mũi; tôi ho sặc sụa, thở không được. Nhưng con bé không hề màng đến tôi, nó thò đầu ra ngoài cửa sổ, mặc cho hai mái tóc hai bên mang tai bị gió lay giạt trong bóng tối, mắt đăm đăm về hướng tàu chạy. Khi tôi ngược mặt nhìn con bé trong màn khói dưới ánh đèn, thì ngoài cửa sổ toa, trời mỗi lúc một sáng ra. Từ bên ngoài, mùi đất mùi cỏ khô, hơi nước mát lạnh tràn vào giúp tôi dứt được cơn ho, nếu không chắc tôi sẽ mắng phủ đầu con bé không quen biết này, bắt nó phải đóng cửa sổ lại.

Nhưng lúc ấy cũng chính là lúc con tàu đã êm ả ra khỏi hầm, sắp chạy qua một cổng xe lửa ngoài bìa một xóm nghèo nằm xen giữa hai ngọn đồi mọc toàn cỏ khô. Gần cổng xe lửa, chen chúc mấy nóc nhà, nhà nào cũng lụp xụp tồi tàn, cái thì mái rạ cái thì mái ngói. Một lá cờ trắng nhạt lay động trong ráng chiều, có lẽ người canh cổng đang phát cờ. Tôi nghĩ, như thế là tàu đã qua hết các đường hầm - ngay lúc ấy, bên kia thanh cổng xe vắng vẻ ấy, tôi thấy ba đứa con trai, má hây hây đỏ, xếp hàng chen nhau đứng. Đứa nào cũng thấp loắt choắt như bị bầu trời đầy mây đè bẹp xuống. Quần áo chúng nó bạc màu, tồi tệ không khác gì cái xóm nghèo. Ba đứa bé ngược đầu nhìn chuyển xe lửa đang chạy, vừa đưa tay lên vẫy nhanh, vừa ngắc cổ hét to gì đó, tôi nghe không ra. Đúng lúc đó, con bé đang thò nửa thân người ra ngoài cửa sổ toa, đưa tay tím bầm, ra sức vẫy lại. Và bỗng từ trên trời năm sáu trái quýt vàng, màu vàng của nắng ấm, màu vàng gây rộn ràng, rớt xuống đầu ba đứa bé đang đứng tiễn chuyển xe. Tôi bất giác nín thở, chợt như hiểu được mọi điều. Thì ra chắc con bé này phải lên tỉnh đi ở đợ, nó cất kỹ mấy trái quýt trong tay áo, bây giờ đem liệng ra ngoài cửa sổ xe, đền công cho ba đứa em đứng đợi ngoài cổng, chờ chuyển tàu để tiễn nó.

Cổng xe bên xóm nghèo chìm trong ráng chiều mờ nhạt, tiếng ba đứa nhỏ hò reo tíu tít nghe như tiếng chim non và mấy trái quýt màu vàng rực rỡ, tung rơi trên đầu chúng - trong nháy mắt, tất cả vụt lướt qua nhanh ngoài cửa sổ con tàu. Nhưng cảnh tượng ấy ăn sâu vào lòng làm tim tôi thắt lại. Và từ đó, không hiểu vì sao, lòng tôi dạt dào sung sướng. Tôi thấy hân hoan phấn khởi, ngẩng đầu lên chăm chú nhìn con bé, bây giờ trông như một người hoàn toàn khác. Con bé đã trở về chỗ cũ trước mặt, vẫn khuôn mặt đầy những lần nứt ngang dọc giấu trong chiếc khăn quàng len màu lá vàng nhạt, hai tay vẫn ôm cái tay nải lớn, trong tay vẫn nắm chặt cái vé hạng ba...

Giây phút này, lần đầu tiên tôi quên đi được dù chỉ một thoáng cái mệt rã rời và cuộc đời thấp hèn, tẻ nhạt vô nghĩa này.

(1919)

Đinh Văn Phước dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Ichogaeshi, một kiểu tóc của thiếu nữ Nhật. Nhìn từ phía sau lưng, mái tóc được kết thành hình cánh bướm.

[\(2\)](#) Vào thời ấy vé xe lửa Nhật có ba hạng: hạng nhất màu trắng, hạng nhì màu xanh và hạng ba màu đỏ.

Ảo thuật

(Majutsu)

Lời người dịch:

Ảo thuật nói lên dục vọng khó dứt bỏ của con người, cũng như khát vọng muốn vươn lên nhưng vẫn bị cái tầm thường níu lại. Truyện này được đăng trên tạp chí Con chim đỏ (Akai Tori) năm 1919, thường được xem là một truyện nhi đồng của Akutagawa Ryunosuke. Tuy nhiên cốt truyện còn có sức hấp dẫn của loại truyện trinh thám, gợi sự tò mò và lôi cuốn độc giả, khiến người đọc hồi hộp từ đầu tới cuối theo các tình tiết của câu chuyện. Độc giả sẽ thấy mình trở thành nhân vật Tôi của truyện này lúc nào không biết, sẽ tưởng chừng như thấy Misura đang làm các trò ảo thuật trước mắt mình và cuối cùng đang nghiêm khắc nhìn thấu đáy lòng mình.

Hassan Kan được nhắc đến trong truyện này chỉ là một nhân vật giả tưởng, đã xuất hiện trong một truyện ngắn ra đời trước đó của nhà văn Tanizaki Junichiro, mà Akutagawa Ryunosuke đã khéo đưa vào truyện như một nhân vật có thật.

Chuyện xảy ra vào một đêm trời đổ mưa. Chiếc xe kéo chở tôi đã bò lên tuột xuống không biết bao nhiêu đường dốc gập ghềnh trong khu phố Ômôri này, cuối cùng mới hạ được tay đòn xuống trước cửa một căn nhà nhỏ xây kiểu tây phương ở giữa một vườn trúc. Chiếc cổng hẹp màu xám đã bị bong nước sơn loang lổ, dưới ánh đèn lồng nơi tay của người phu xe thì thấy có một tấm bảng tên bằng sứ, và chỉ có cái bảng tên này là còn mới, có ghi bằng tiếng Nhật tên anh Matiram Misura người Ấn Độ.

Nói đến Matiram Misura, trong quý vị có lẽ số người biết anh không phải là ít. Anh Misura sinh quán ở Calcutta, là một người yêu nước, đã nhiều năm tranh đấu giành độc lập cho Ấn Độ. Đồng thời anh đã theo học phép bí truyền từ Hassan Kan một người Bà La Môn nổi tiếng, tuy còn trẻ mà đã là một nhà ảo thuật tài ba. Tôi quen Misura là nhờ có một người bạn giới thiệu cho được chưa đầy một tháng nay, thế nhưng tuy chúng tôi đã bàn luận về nhiều đề tài như chính trị, kinh tế nhưng mà cái chính là tài làm ảo thuật của anh, thì tôi lại chưa một lần nào được chứng kiến. Vì thế tôi đã viết thư xin anh làm ảo thuật cho tôi xem, rồi đêm nay mới cho xe kéo hồi hải trực chỉ đến cuối phố Ômôri hẻo lánh nơi anh đang ở.

Tôi đợi mưa, theo ánh đèn chập chờn trên tay người phu xe đưa tay bấm chiếc chuông ở phía dưới tấm bảng ghi tên trước cổng nhà. Lát sau cửa mở và một khuôn mặt thò ra, đó là một bà vú già người Nhật dáng thấp bé ở đây hầu hạ anh Misura.

- Ông Misura có nhà không ạ?

- Xin mời ông vào. Ông ấy đang đợi ông từ nãy đến giờ đấy ạ...

Vú già niềm nở nói vậy rồi liền đưa tôi vào căn phòng của anh Misura ở ngay cuối chiếc hành lang ngắn đi thẳng từ cửa vào.

- Chào ông, trời mưa gió mà ông đã chịu khó lặn lội tới đây.

Anh Misura có nước da đen nhẻm, mắt to, bộ ria mềm mại. Anh vừa nâng bắc của ngọn đèn dầu để trên mặt bàn lên, vừa cất tiếng chào sang sảng.

- Ô có gì đâu, miễn là được xem phép ảo thuật của ông thì mưa gió thế này nào có hề gì.

Tôi ngồi xuống ghế đoạn nhìn quanh khắp căn phòng mờ tối dưới ánh đèn dầu lửa leo lét. Căn phòng của anh Misura bài trí đơn sơ theo kiểu tây phương, ở giữa kê một chiếc bàn lớn, sát tường có một cái tủ sách vừa vặn. Rồi bên cạnh cửa sổ lại có một cái bàn. Ngoài ra chỉ có một dãy mấy chiếc ghế mà tôi đang ngồi. Hơn nữa, mấy thứ bàn ghế này đều cũ mèm, ngay cả đến chiếc khăn trải bàn lông lầy có dệt hoa màu đỏ rực rỡ quanh đường viền cũng đã bợt bạt, để lộ rõ cả sợi vải, tưởng chừng như khăn đã dùng lâu ngày đến sắp rách tã đến nơi.

Chúng tôi chào hỏi nhau xong, ngồi lơ đãng nghe tiếng mưa rơi trong bụi trúc bên ngoài một lát, thì người vú già giúp việc lại đem bộ ấm pha trà vào phòng. Anh Misura mở hộp đựng xì gà mời tôi:

- Mời ông một điếu.

- Cảm ơn ông.

Tôi điềm nhiên lấy một điếu xì gà, vừa châm lửa nơi que diêm, vừa hỏi:

- Nghe đâu là vị thần mà ông vẫn sai khiến tên là Jin phải không ạ? Còn phép ảo thuật mà tôi sắp được ông cho xem cũng là mượn phép của thần Jin đó phải không ạ?

Anh Misura châm lửa vào điếu xì gà của mình, đoạn nhếch miệng cười, phà ra một làn khói có mùi thơm dễ chịu:

- Tin rằng có thần thánh như thần Jin là chuyện đã cũ cả trăm năm rồi. Có thể nói đó là những truyện từ thời của Chuyện nghìn lẻ một đêm. Còn phép ảo thuật mà tôi học từ Hassan Kan thì ngay cả ông, nếu ông muốn làm, cũng làm được thôi. Vì đó chẳng qua chỉ là một phép thôi miên ở một trình độ cao, thế thôi. Ông xem đây, chỉ cần khoa tay như thế này là đủ rồi.

Anh Misura đưa tay lên, vẽ một hình giống như hình tam giác trước mắt tôi hai ba lần, đoạn đưa bàn tay ấy lên bàn, nhón hình hoa dệt màu đỏ từ đường viền của chiếc khăn bàn lên. Tôi sững sờ, bất giác đã nhích cả chiếc ghế lại gần để nhìn bông hoa ấy cho rõ. Song quả thật đó đích thị là một đóa hoa trước đó nằm trong tấm khăn trải bàn dệt hoa, không chệch đi đâu được. Khi anh Misura đưa đóa hoa đến gần chớp mũi tôi, thì đúng lúc ấy có một mùi gì nặng nề như mùi xạ hương thoảng qua. Thấy điều lạ kỳ quá tôi đã cất tiếng trầm trồ không biết bao lần, mỗi lần như vậy anh Misura vẫn chỉ tủm tỉm cười, lại điềm nhiên thả đóa hoa ấy rơi xuống mặt khăn bàn. Tất nhiên, khi buông ra thì nó lại thành một mẫu hoa dệt trên nền vải như trước, bấy giờ nói gì đến muốn nhón lên, mà ngay cả nếu muốn làm cho chỉ một cánh hoa có thể tự do lay động, cũng còn không được nữa là.

- Ông thấy thế nào, có khó gì đâu. Bây giờ ông hãy nhìn chiếc đèn này.

Anh Misura vừa nói vừa khế đặt chiếc đèn dầu lên mặt bàn. Thế rồi, chẳng hiểu sao, làm như thế nào mà chiếc đèn lại bắt đầu xoay tít cứ như con vục. Hơn nữa chiếc đèn vẫn đứng yên một chỗ mà xoay, phần bóng đèn như một cái trục bắt đầu tự xoay tròn. Lúc đầu tôi còn sợ đến suýt vỡ mật hót hơ hót hải chỉ sợ lở sinh cháy nhà. Thế nhưng anh Misura vẫn điềm nhiên uống trà, chẳng có vẻ gì là lo lắng. Thấy thế cuối cùng tôi cũng thành ra gan góc tợn, cứ thế trân trối nhìn chiếc đèn mỗi lúc một quay nhanh hơn.

Hơn nữa thực sự là trong lúc chao đèn quay vù vù như cái quạt quạt gió, chỉ có một ngọn lửa màu vàng duy nhất cứ hùng hực cháy như bất động nom mới đẹp làm sao, mới là một quang cảnh hết sức kỳ diệu. Chiếc đèn mỗi lúc một xoay nhanh dần lên, đến nổi thành trong suốt không còn biết là đèn đang xoay nữa, thì không biết từ lúc nào ngọn đèn đã lại đứng yên một chỗ trên bàn mà bóng đèn không có vẻ bị lệch đi một tí nào cả.

- Ông thấy lạ à. Đây mới chỉ là trò vật phỉnh phờ con trẻ một tí thôi. Nếu ông muốn mời ông xem thêm trò nữa nhé?

Anh Misura quay lại nhìn chiếc tủ sách kê sát tường rồi đưa tay về phía đó, co duỗi mấy ngón tay như thể đang mời gọi. Tức thì lần này sách xếp trong tủ lần lượt từng quyển một bắt đầu nhúc nhích, rồi cứ thế bay ra trên mặt bàn. Những quyển sách này còn bay theo kiểu mở cả hai bìa trước bìa sau ra mà chập chờn bay lên không như những con dơi liệng qua liệng lại vào những buổi chiều hè. Tôi há hốc mồm ra nhìn, điều gì gà vẫn còn dính nơi miệng. Những quyển sách cứ thế, không biết là bao nhiêu cuốn, bay liệng tự do trong ánh sáng leo lét của ngọn đèn dầu, rồi lần lượt xếp lên nhau gọn gàng thành hình kim tự tháp trên mặt bàn. Hơn nữa đúng lúc mình cứ tưởng tất cả những quyển sách ấy đều sẽ di chuyển ra đây, thì chúng lại chuyển động ngay về vị trí ban đầu, chúng chẳng đang bay trở về, xếp tuần tự trở lại trong tủ sách là gì kia.

Thế nhưng thú vị nhất là có một quyển sách mỏng đóng bằng chỉ khâu ở gáy sách, cũng mở bìa sách ra như là đang giang cánh, nhẹ bay lên không, lát sau lại như vẽ một vòng tròn trên mặt bàn, bỗng lật nhanh qua từng trang một, đoạn như bị buông cho rớt thẳng xuống đất, đã rơi xuống nằm ngay trên đùi tôi. Tôi cầm lên coi thử mới nhớ ra đây là quyển tiểu thuyết mới ra của Pháp mà tôi đã cho anh Misura mượn một tuần trước.

- Xin cảm ơn ông đã cho tôi mượn quyển sách này lâu nay.

Anh Misura cảm ơn tôi, vẫn với giọng nói như đang mỉm cười. Dĩ nhiên tới lúc đó có khá nhiều sách đã từ trên mặt bàn bay trở lại về tủ sách. Tôi như vừa từ trong giấc mơ mới bước ra, thậm chí lúc ấy còn không nhớ phải nói một câu gì đáp lại nữa. Nhưng sau đó tôi nhớ lại lời anh Misura đã nói với tôi lúc nãy, đó là “Ảo thuật của tôi là một phép thuật mà ngay cả đến ông, nếu ông muốn thì cũng dùng được”

- Quả thật tôi đã nghe tiếng ông từ lâu, nhưng thực tôi không ngờ phép thuật của ông lại lạ lùng như thế. Thế nhưng khi bảo hạng người như tôi nếu muốn cũng làm phép thuật được, có phải ông định nói đùa đây không ạ?

- Làm được chứ sao không. Ai cũng làm được dễ dàng thôi. Chỉ có điều là...

Anh Misura bỏ dở câu nói, nhìn chăm chăm vào mặt tôi, đoạn tiếp lời bằng một giọng nghiêm nghị khác thường:

- Chỉ có điều là, người có lòng tham thì không làm ảo thuật được. Nếu muốn học phép thuật của Hassan Kan thì trước hết phải vứt bỏ lòng tham. Ông có làm như thế được không?

- Tôi nghĩ là tôi làm được.

Tôi đáp lại như vậy, nhưng vẫn cảm thấy không yên tâm làm sao ấy, nên ngay sau đó vội vàng nói thêm.

- Miễn là ông dạy cho tôi phép ảo thuật ấy.

Thế mà anh Misura vẫn lộ ánh mắt nghi ngờ, tuy nhiên có lẽ anh cũng nghĩ rằng nếu còn căn vặn tiếp là thất lễ. Anh bèn vừa gật đầu thật mạnh vừa nói:

- Vậy thì tôi sẽ truyền cho ông. Thế nhưng cho dù là dễ đến mấy đi nữa, muốn học cũng phải mất một ít thì giờ, vì thế tối nay ông hãy ở lại đây với tôi.

- Xin cảm ơn ông lắm ạ.

Tôi mừng rỡ vì sắp được dạy cho phép làm ảo thuật rồi rít cảm ơn anh Misura mãi. Anh Misura không có vẻ gì là để tâm đến chuyện ấy, từ tốn đứng dậy, cất tiếng gọi:

- Vú già ơi vú già, tối nay quý khách ở lại đây, vú dọn giường sẵn cho nhé.

Tôi thấy lòng rộn ràng, quên cả gạt tàn điếu xì gà, bất giác ngừng lên nhìn chăm chú vào khuôn mặt có vẻ ân cần đang sáng lên dưới ánh đèn dầu của anh Misura.

*

Chuyện xảy ra sau khi tôi đã được anh Misura dạy cho cách sử dụng phép ảo thuật được độ một tháng. Cũng là vào một tối trời mưa tầm tã, tôi và năm sáu người bạn đang ở trong căn phòng của một câu lạc bộ nọ trong phố Ginza, quây quần trước lò sưởi, đang mải tán gẫu đủ thứ chuyện phiếm.

Chả gì thì cũng đang ở giữa thành phố Tokyo nên tiếng mưa ào ạt bên ngoài cửa sổ, có lẽ vì mưa rơi trên mái xe hơi và xe ngựa qua lại không ngớt nên đã không có cái âm thanh buồn bã rì rào như trong bụi trúc ở xóm Ômôri.

Dĩ nhiên, từ không khí nhộn nhịp trong nhà, ánh sáng của bóng đèn điện sáng trưng, cho đến chiếc ghế lớn bọc da của xứ Ma rốc hay là sàn nhà lát gỗ ghép hình kỷ hà học bóng loáng, tất cả đều hoàn toàn khác với căn phòng mới thoát nhìn đã tưởng chừng sắp có thần linh hiện ra của anh Misura.

Chúng tôi vừa hút thuốc lá vừa nói chuyện về nào thú săn bắn, nào chuyện đua ngựa, nhưng rồi sau đó một người trong đám bạn tôi đã ném điếu xì gà đang hút dở vào lò sưởi, quay nhìn về phía tôi nói.

- Đạo này nghe đồn là cậu có tài làm ảo thuật. Thế nào? Tối nay cậu hãy làm một phép thuật cho bọn tớ xem nào.

- Được thôi.

Tôi tựa đầu vào lưng ghế đáp lại một cách kênh kiệu, ra vẻ ta đây đã là một nhà ảo thuật nổi tiếng.

- Vậy thì tùy cậu muốn làm sao cũng được. Hãy trở tài cho bọn tớ xem một trò ảo thuật mà các tay ảo thuật gia trên đời này không ai có thể làm nổi đi nào.

Bè bạn xem ra ai cũng tán thành, vội kéo ghế ngồi lại gần, nhìn về phía tôi như hồi thúc. Tôi bèn đứng dậy nói:

- Hãy nhìn kỹ mà xem. Vì trò ảo thuật mà tớ đang làm đây không phải dùng mưu mẹo gì cả.

Tôi vừa nói vừa xắn hai cổ tay áo lên, thản nhiên lấy hòn than đang cháy rực trong lò sưởi ra lòng bàn tay. Chỉ mới chừng đó thôi, bạn bè chung quanh tôi có lẽ đã táng đờm kinh hồn. Mọi người mặt nhìn mặt bất giác cùng né cả sang một bên, thậm chí còn có vẻ kinh hãi, co rúm cả lại như thể sợ lỡ bị bỏng thì nguy to.

Lúc đó tôi bèn làm ra vẻ thản nhiên, chìa hòn than đang cháy trên lòng bàn tay ra trước mắt mọi người một lát, rồi lại thoát một cái hắt mạnh xuống sàn nhà lát gỗ. Đúng lúc ấy, một tiếng mưa thứ hai nghe khác thường từ dưới nền nhà bỗng nổi lên át cả tiếng mưa rơi ngoài cửa sổ. Đó là khi hòn than đỏ rực vừa rời lòng bàn tay tôi nó đã liền biến thành vô số những đồng tiền vàng đẹp đẽ rơi như mưa trên khắp nền nhà.

Mấy người bạn cứ như thể đang nằm mơ, ngẩn cả người ra mà quên cả vỗ tay tán thưởng.

- Ấy mới chỉ là một chút gọi là thôi đây nhé!

Tôi cười đắc ý, lại diềm tĩnh đặt mình xuống chiếc ghế vừa nãy.

- Tất cả đều là tiền vàng hết đây ư?

Phải đến năm phút sau mới có một người trong đám bè bạn đang ngơ ngác ấy lên tiếng hỏi tôi câu này.

- Tiền vàng thật chứ! Nếu nghĩ là giả thì cứ cầm lên tay mà xem!

- Chắc là không có chuyện ngộ nhớ lại bị bỏng tay đấy chứ nhỉ?

Một người trong đám bạn rụt rè lấy đồng tiền vàng trên sàn nhà lên xem.

- Hóa ra là tiền vàng thật. Này, anh bồi ơi, anh lấy cho cái chổi với cái xẻng, vun hết chỗ này lại hộ cho.

Người bồi liền làm y theo lời, vun hết tiền vàng trên sàn nhà lại, xếp thành đống trên chiếc bàn. Bạn bè xúm lại cả chung quanh chiếc bàn này.

- Dễ cũng có đến hai mươi vạn yên đấy nhỉ.

- Không đâu, có vẻ nhiều hơn đấy. Nhiều đến nỗi nếu phải cái bàn mảnh dẻ hơn thì có mà gãy rồi ấy chứ.

- Hẳn học được phép thuật gì mà ghê gớm thật. Ai lại than hồng mà biến thành tiền vàng ngay được.

- Cứ cái điệu này thì chỉ không đầy một tuần, sẽ thành tỷ phú không thua gì Iwasaki với Mitsui đâu.

Mọi người đều trầm trồ khen ngợi phép ảo thuật của tôi. Nhưng tôi vẫn cứ ngồi yên, tựa lưng vào ghế, diềm nhiên nhả khói xì gà.

- Không đâu, phép ảo thuật của tớ là cái mà hể một khi đã nổi lòng tham lên rồi thì không còn được dùng đến lần thứ hai. Vì vậy những đồng tiền vàng này cũng thế các cậu xem xong rồi thì tớ định sẽ lại ném ngay trở lại vào lò sưởi thôi.

Bè bạn nghe tôi nói thế liền bắt đầu nhao nhao phản đối. Họ nói số tiền lớn thế này mà biến thành than trở lại thì phí đi. Nhưng cũng vì tôi đã hứa với anh Misura, nên tôi cương

quyết cãi lại với các bạn rằng nhất định sẽ ném cả vào lò sưởi. Lúc đó một người có tiếng là ranh mãnh trong đám bè bạn cười khẩy mà nói rằng:

- Cậu bảo định sẽ biến những tiền vàng này thành than. Còn bọn tớ bảo không muốn thế. Cứ thế này mãi thì chắc là còn cãi nhau chán chả đi đến đâu cả. Vì vậy theo tớ hãy dùng số tiền này làm tiền cọc để cậu với bọn tớ đánh bài nhé. Nếu cậu thắng thì cậu muốn cho biến thành than trở lại hay làm gì là tùy cậu. Nhưng nếu bọn tớ thắng, thì cậu phải để y nguyên tiền vàng như thế mà đưa cho bọn tớ. Làm như vậy là vừa lòng cả đôi bên, chẳng phải là chúng ta ai cũng hỉ hả hết sao.

Tuy thế xong tôi vẫn lắc đầu, không dễ gì mà chấp thuận đề nghị ấy. Thế nhưng người bạn này lại cười ra vẻ nhạo báng, đôi mắt soi mói hết nhìn tôi lại nhìn sang đồng tiền vàng trên bàn.

- Cậu không muốn đánh bài với bọn tớ, đó là vì cậu không muốn bọn tớ lấy mất đồng tiền vàng kia chứ gì. Nếu vậy thì như cậu nói, nào là đã vứt bỏ lòng tham để làm phép ảo thuật, nhưng như thế chẳng hóa ra là cái quyết tâm mà cậu đã mất công có được ấy cũng thành ra... đáng ngờ vực lắm sao!

- Không phải thế, không phải là vì tớ tiếc những đồng tiền vàng này mà định biến nó thành than đâu.

- Nếu vậy thì hãy đánh bài đi!

Sau bao lần cứ bị hỏi dồn như thế mãi, cuối cùng tôi đã bị dồn đến nước phải làm theo lời chúng bạn, thế nào cũng phải dùng món tiền vàng trên bàn làm tiền cọc mà đánh bài với họ. Dĩ nhiên các bạn tôi mừng rơn, liền lấy ra một cỗ bài, ngồi vây quanh chiếc bàn dùng để chơi bài ở góc phòng, hối thúc tôi mau mau lên trong lúc tôi còn đang lưỡng lự.

Thế là tôi không có cách nào khác, đành phải miễn cưỡng đánh bài với chúng bạn một lát. Thế nhưng chẳng hiểu vì sao, chỉ trong đêm ấy thôi, cái thằng tôi ngày thường vốn không phải là đứa giỏi cờ bạc, không ngờ lại cứ thắng tràn. Và lạ lùng thay là tuy lúc đầu tôi chẳng thiết gì cả, ấy thế mà dần dà lại cảm thấy thích thú, chỉ trong vòng chưa đầy mười phút sau, không biết tự lúc nào tôi đã quên hết mọi chuyện, bắt đầu mê mải rút bài.

Bạn bè lúc đầu định bụng sẽ cuôm sạch của tôi món tiền vàng kia, nên mới bày ra trò đánh bài, vì thế đã đến nước này, bọn họ mỗi lúc một bồn chồn nóng nảy, mặt mày ai nấy tưởng chừng như đang đẳng đẳng sát khí mê mải vùi đầu vào cuộc đồ đen. Thế nhưng, mặc cho họ gắng sức quật lại, chẳng những tôi không bị thua một ván nào, mà cuối cùng tôi còn thắng một số tiền lớn tương đương với món tiền vàng dùng làm tiền cọc. Tức thì người bạn có vẻ xấu bụng lúc nãy, chừng như đã điên tiết, sừng sộ chìa cỗ bài ra trước mặt tôi, bảo:

- Nào! Rút bài đi nào! Tớ đặt hết tất cả tài sản của tớ đấy. Cả đất, cả nhà, cả ngựa, cả xe... đặt tất, không chừa một thứ nào. Ngược lại, ngoài món tiền vàng này cậu cũng phải đặt tất cả chỗ tiền mà cậu vừa thắng được. Nào rút bài đi!

Chỉ trong một sát na này lòng tham của tôi chợt nổi lên. Không chỉ món tiền vàng chất thành đồng trên bàn kia, mà ngay cả số tiền tôi đã may mắn thắng được ấy, tôi không thể chỉ vì rủi ro trong lần này mà cuối cùng để cho đối thủ là các bạn tôi lấy mất. Chẳng những thế mà chỉ

cần thắng một lần này nữa thôi, tôi sẽ có được trong tay tất cả tài sản của đối phương. Nếu không đem phép ảo thuật ra dùng vào lúc này thì ai hoài công đi tìm thầy học phép ảo thuật để làm gì chứ nhỉ. Nghĩ vậy tôi bồn chồn nóng nảy, vội vừa lén dùng phép ảo thuật, vừa hùng hổ nói như thế sắp xông vào so kiếm tỉ thí.

- Được! Thì cậu hãy rút bài trước đi.

- Lá chín.

- Ông già!

Tôi đắc thắng hô to, tay chìa lá bài vừa rút ra trước mặt đối thủ mặt mày đang xanh mét. Tức thì lạ lùng thay, ông già trong lá bài như thể có hồn, ngừng cái đầu có đội vương miện lên, thoát một cái đã từ trong lá bài bước ra, tay vẫn cầm gương nghiêm chỉnh như trong hình, nhếch mép mỉm cười đến rợn người, thốt lên lời bằng một giọng nói mà tôi đã từng có lần nghe rồi:

- Vú già, vú già ơi, ông khách về bây giờ, vú không phải dọn giường ngủ cho khách nữa đâu nhé.

Mới đó mà không hiểu sao tiếng mưa rơi ngoài cửa sổ bỗng lại bắt đầu nghe như tiếng mưa rì rào buồn bã trong bụi trúc ở Ômôri.

Định thần nhìn quanh, hóa ra tôi vẫn còn ngồi đối diện với anh Misura, trong ánh đèn mờ tối của ngọn đèn dầu lửa, anh đang nhếch mép mỉm cười giống hệt như ông già trong lá bài.

Tàn thuốc của điếu xì gà mà tôi đang kẹp trên tay vẫn còn chưa kịp rơi xuống đất, hóa ra một tháng trời mà tôi tưởng vừa trôi qua chỉ mới dài chừng vài ba phút, chắc chỉ là một giấc mộng thôi. Nhưng chỉ trong một thoáng vài ba phút ngắn ngủi ấy, cả tôi lẫn anh Misura đều đã nhận ra một điều là, con người như tôi không đủ tư cách để học phép ảo thuật của Hassan Kan. Tôi ngượng ngùng cứ cúi gầm mặt xuống, mãi một lúc lâu sau vẫn không nói được một lời nào.

- Muốn dùng phép ảo thuật của tôi thì trước hết phải vứt bỏ lòng tham. Ông còn chưa tu tập được ngay cả điều đó.

Anh Misura chống khuỷu tay lên chiếc khăn bàn có dệt hình hoa màu đỏ ở đường viền nhìn tôi ra chiều ái ngại, khẽ quở trách tôi như vậy.

(1919)

Dương Thị Tuyết Minh dịch

Tiệc khiêu vũ

(Butokai)

Lời người dịch:

Ngày mừng ba tháng mười một năm Minh Trị thứ mười chín (1886), ngài bá tước ngoại trưởng Inoue Kaoru đã tổ chức một tiệc khiêu vũ long trọng ở Rokumeikan để mừng sinh nhật Thiên hoàng, với sự tham gia của khoảng một ngàn sáu trăm người gồm hoàng tộc, các vị đại thần trong chánh phủ, đại sứ các nước v.v...

Piere Loti (tên thật Julien Viaud) (1850 - 1923), một sĩ quan hải quân người Pháp, đã có lần được mời đi dự tiệc khiêu vũ ở Rokumeikan, nhưng vào năm Minh Trị thứ mười tám. Ông này sau trở thành một tiểu thuyết gia và có các tác phẩm về Nhật như *Phu nhân hoa cúc*^[1], *Mùa thu Nhật Bản*^[2] v.v...

Tiệc khiêu vũ ở Edo là bài được viết trong tập truyện *Mùa thu Nhật Bản* lấy năm Minh Trị thứ mười chín làm ngày tổ chức tiệc này. Akutagawa Ryunosuke đã phỏng theo tác phẩm này viết bài *Tiệc khiêu vũ* như dưới đây. Ngày tổ chức tiệc khiêu vũ được giữ đúng theo nguyên tác của Loti.

1

Đêm mồng ba tháng Mười một, năm Minh Trị thứ mười chín, công nương Akiko, lúc ấy vừa được mười bảy tuổi, cùng với người cha hói đầu của mình, bước lên thang lầu Rokumeikan^[3], ở đây đêm nay có tiệc khiêu vũ. Những cụm hoa cúc to lớn được tay người uốn nắn từ lúc mới trồng, xếp thành ba lớp hàng rào dọc theo hai bên cầu thang rộng rãi dưới ánh đèn khí chiếu sáng. Ba màu hoa cúc hồng nhạt, vàng đậm và trắng bạch từ phía sau, hỗn loạn đua nhau xòe ra những cánh hoa giống như những chùm chỉ len. Từ trong phòng khiêu vũ trên đầu cầu thang, cuối hàng rào hoa cúc, âm thanh vui tươi của dàn nhạc ô ạt tràn đến không ngớt, tựa như những tiếng thở dài sung sướng không nén được.

Akiko đã được đi học tiếng Pháp và khiêu vũ từ lúc còn thơ. Nhưng đêm nay, đây là lần đầu tiên trong đời, cô được đi dự một buổi tiệc khiêu vũ chính thức. Vì thế ngay lúc còn ở trong xe ngựa, đôi lúc cha cô gọi chuyện, cô chỉ có toàn những câu trả lời băng quơ. Một loại cảm giác thấp thỏm, có lẽ phải hình dung đó là một nỗi lo lắng, hồi hộp đến độ sung sướng, đã bám chặt lòng cô. Trước khi xe ngựa dừng lại trước Rokumeikan, cô đã đưa cặp mắt thấp thỏm nhìn không biết bao nhiêu lần những ngọn đèn leo lét của đường phố Tokyo chạy qua bên ngoài cửa xe.

Nhưng khi vào bên trong Rokumeikan, chẳng bao lâu tình cờ cô gặp được một vài chuyện khiến cô quên đi những lo lắng kia. Khi hai người vừa đến khoảng giữa thang lầu, thì đã kịp chân một ông quan lớn người Tàu đang đi lên trước. Ông quan lớn vừa lách tấm thân mập phì để hai người đi qua, vừa nhìn Akiko với cặp mắt chưng hửng. Bộ dạ phục khiêu vũ màu hồng mới mẻ, miếng băng vải màu xanh buộc ngang cổ lộ vẻ cao quý, lại còn có mùi thơm của một cành hoa hồng trên vầng tóc xanh đen. Thật tình đêm nay diện mạo của Akiko có đầy đủ vẻ đẹp của một thiếu nữ Nhật Bản khai hóa, đủ làm kinh ngạc đôi mắt của ông quan lớn người Tàu còn bởi bím tóc đuôi sam dài lòng thòng này. Cũng vừa lúc đó, một người Nhật trẻ mặc áo đuôi én đang nhanh chân xuống thang lầu, giữa chừng khi vừa qua mặt hai người, anh ta chột quay mặt lại một cách phản xạ, và đã đổ dồn cặp mắt sững sốt vào lưng Akiko. Rồi như đã nghĩ ra được lý

do tại sao, anh ta đưa tay sửa lại chiếc cà vạt trắng, nhanh chân luồn qua đám cúc, xuống hành lang.

Hai người đi dứt cầu thang đến lầu hai. Trước cửa vào phòng khiêu vũ ở lầu hai, ngài bá tước chủ tiệc, ngực cài huân chương, có râu quai nón hoa râm, đã cùng với phu nhân có vẻ lớn tuổi hơn, kiểu cách trong bộ trang phục đời Louis thứ mười lăm, ung dung đón khách. Akiko đã không bỏ sót, ngay chính ngài bá tước này, khi nhìn dáng điệu của nàng, đầu đó trên gương mặt lão luyện của ngài đã chớp hiện ra một vài nét kinh ngạc ngây ngô. Ông cha hiền lành của Akiko, mỉm cười vui thích, đã ngăn gọn giới thiệu con gái mình với bá tước và phu nhân. Akiko hưởng được cái cảm giác vừa thẹn thùng vừa sung sướng hãnh diện lẫn lộn trong lòng. Nhưng, chỉ trong khoảnh khắc rảnh rang đó, nàng cũng có thừa thời giờ để ý đến một điểm có vẻ hạ cấp trên gương mặt quyền quý cao ngạo của bá tước phu nhân.

Hoa cúc nở đẹp khắp nơi trong phòng khiêu vũ. Và ở mọi nơi, những cánh quạt ngà, những cành hoa, những vành ren của các phu nhân đang chờ người mời, lay động trong mùi hương khoan khoái, giống như những làn sóng thầm lặng. Akiko liền rời cha, nhập bọn với một đám phu nhân đẹp để lộng lầy. Đó là những thiếu nữ có lẽ tuổi cũng xấp xỉ nhau, tất cả đều mặc dạ phục màu hồng nhạt hoặc màu xanh dương giống nhau. Những người này khi đón nhận nàng, miệng ai cũng líu lo khen ngợi không ngớt vẻ đẹp của nàng đêm nay.

Nhưng, khi nàng vừa nhập đám, liền có một sĩ quan hải quân người Pháp lạ mặt, từ chỗ nào không biết, đã lặng lẽ đến cận bên. Hai tay buông thẳng, chàng đã trịnh trọng cúi chào nàng theo kiểu Nhật Bản. Akiko cảm thấy có chút máu hồng ửng lên má mình. Nhưng cái chào ở đây có ý nghĩa gì, không cần phải hỏi cũng đã rõ. Cho nên nàng đã quay lại phía công nương mặc dạ phục màu xanh đứng bên cạnh, nhờ giữ giùm chiếc quạt đang cầm tay. Cùng lúc đó, không ngờ chàng sĩ quan hải quân người Pháp này, thoáng hiện nụ cười trên má, và bằng một thứ tiếng Nhật với dấu nhấn lạ lùng, đã rõ ràng nói với nàng.

- Xin hân hạnh mời cô nhảy một bản.

Liền đó, Akiko đã ra nhảy với chàng sĩ quan hải quân người Pháp vũ khúc Dòng sông xanh^[4] điệu valse. Chàng sĩ quan nhảy với cô là một người đàn ông có đôi má râm nắng, mắt mũi đẹp dễ, râu mép đậm. Nàng quá thấp bé để có thể đặt bàn tay mang găng dài lên vai trái trên bộ quân phục của người cùng nhảy. Nhưng người sĩ quan hải quân thành thạo này, đã khéo léo dìu nàng nhẹ nhàng lướt khắp nơi trong đám đông. Đôi lúc lại còn thì thầm bên tai nàng những lời ca ngợi nhã nhặn bằng tiếng Pháp.

Nàng vừa tằm tằm thẹn thùng đáp lại những lời nói êm ái đó, đôi lúc đưa mắt nhìn quanh phòng khiêu vũ nơi họ đang nhảy. Dưới lá cờ Tàu có con rồng xanh uốn mình vươn móng, và dưới những băng nhiều tím nhuộm nổi huy hiệu hoàng tộc, những đóa hoa cúc trong bình thấp thoáng giữa làn sóng người, màu trắng sáng láng nhẹ nhàng, nhưng có lúc lại là màu vàng kim tối sẫm. Ngoài ra, vì bị cuốn đi trong làn gió âm điệu hoa lệ bùng lên sục sục như rượu sâm banh của dàn nhạc Đức, làn sóng người lũ lượt đó triền miên di động đến độ chóng mặt. Akiko khi giao mắt với một người bạn đang nhảy khác, trong lúc bận rộn này, cũng đã gửi cho nhau cái gật đầu tỏ vẻ vui sướng. Nhưng, ngay trong khoảnh khắc đó, có một tay nhảy khác, không biết từ đâu, giống như một con bướm đêm diên to lớn, đã hiện ra nơi đó.

Nhưng Akiko đã biết rằng ánh mắt của chàng sĩ quan hải quân người Pháp đang theo dõi

tùng hành động của nàng. Điều này đã nói lên rằng một người ngoại quốc hoàn toàn chưa quen thuộc với nước Nhật này, đã hết sức quan tâm đến cách nhảy thanh lịch của nàng. Một công nương đẹp dễ như thế này, cũng sống trong ngôi nhà làm bằng tre và giấy, giống như một búp bê sao? Và với đôi đĩa kim loại nhỏ nhắn, cũng đã gấp những hạt cơm trong một chén nhỏ chỉ bằng bùm tay có vẽ hoa xanh để ăn sao? Những nghi vấn này kèm theo nụ cười tủm tỉm thân thiện đã hiện lên trong ánh mắt chàng không biết bao nhiêu lần. Những điều đó đối với Akiko vừa tức cười đồng thời lại vừa làm nàng hãnh diện. Thế nên đôi lúc khi ánh mắt của người cùng nhảy nhìn xuống gót chân nàng với vẻ hiếu kỳ, mỗi lần như vậy đôi giày nhảy màu hồng nhạt yếu điệu của nàng càng lướt nhẹ hơn trên sàn nhà trơn tru.

Nhưng rồi viên sĩ quan nhận thấy công nương mảnh mai như con mèo con này có vẻ mệt, nên đã nhìn vào mặt nàng với vẻ lo lắng.

- Tiếp tục nhảy thêm có được không?

Akiko vừa thở hổn hển, lần này trả lời lại rõ ràng.

- Non, merci.

Chàng sĩ quan hải quân người Pháp vừa tiếp tục nhịp bước điệu valse, vừa lách qua những vành ren và hoa lữ lượt di động xung quanh, chậm rãi đưa nàng đi về phía mấy chậu hoa cúc ở bờ tường. Và sau khi quay một vòng sau cùng, đã khéo léo để nàng ngồi xuống trên chiếc ghế ở chỗ đó. Vừa xong chàng ta uốn ngực quân phục ra một lần rồi cũng giống như lúc nãy, trịnh trọng nghiêng mình chào theo kiểu Nhật.

Sau đó, khi đã nhảy xong những điệu polka[5] và mazurka[6], Akiko cặp tay chàng sĩ quan hải quân người Pháp, đi ngang qua ba lớp hàng rào hoa cúc trắng, vàng và hồng nhạt, đi xuống phòng rộng ở dưới thang lầu.

Ở đây, trong đám người mặc áo đuôi én và những phụ nữ vai trắng đi đi lại lại không ngớt, có một dãy bàn ăn để đầy bát đĩa bằng bạc hoặc bằng thủy tinh. Có đĩa chất thịt và nấm cục[7] thành núi, có đĩa chất xăng-đuých[8], kem thành tháp cao nghều nghệu, có đĩa lại chất lựu và sung thành kim tự tháp. Đặc biệt, trên một bức tường của căn phòng không trang hoàng hoa cúc, có một hàng rào treo màu vàng kim đẹp có dây nho do tay người uốn nắn khéo léo, bò chằng chịt xanh tươi. Giữa lá nho, những chùm nho tím đỏ giống như tổ ong, buông xuống đầy cành. Akiko gặp ông cha đầu hói của mình đang bập thuốc xì gà, đứng với một thân sĩ cùng lứa tuổi trước hàng rào treo màu vàng kim. Ông cha nhìn thấy dáng của Akiko, khẽ gật đầu với vẻ mãn nguyện, nhưng sau đó đã hướng mặt sang người đi chung, và lại bắt đầu thả hồn trong khói thuốc.

Chàng sĩ quan hải quân người Pháp, cùng đi với Akiko đến một bàn ăn, cùng nhau lấy kem ăn. Nàng để ý rằng trong lúc đó, cặp mắt của ông bạn kia cũng vẫn thỉnh thoảng chăm chú vào tay, tóc, hoặc cổ có bịt băng vải xanh của nàng. Việc đó đối với nàng dĩ nhiên không có gì khó chịu. Nhưng, trong nhất thời đã làm nảy sinh nỗi nghi ngại trong lòng nàng, một loại nghi ngại mà phụ nữ thường có. Vừa lúc đó, khi một phụ nữ trẻ, có lẽ là người Đức, với cành hoa trà mi đỏ cài trên ngực nhung đen, đi qua bên cạnh hai người, nàng đã nghĩ ra lời khen ngợi như sau, như để nói bóng nổi nghi ngại kia.

- Phụ nữ Tây phương đẹp thật ạ.

Không ngờ chàng sĩ quan hải quân khi nghe câu này, đã nghiêm nghị lắc đầu.

- Phụ nữ Nhật Bản cũng đẹp đấy chứ. Đặc biệt tỉ dụ như cô...

- Không có chuyện đó đâu.

- Không, không phải tôi nịnh đâu. Ngay bây giờ, y như vậy, cô cũng có thể đi dự những tiệc khiêu vũ ở Paris đấy chứ. Chắc chắn mọi người sẽ sững sốt. Vì cô giống như công nương trong tranh của Watteau^[9] đấy.

Akiko không biết Watteau là ai. Vì thế câu nói của chàng sĩ quan hải quân đã gọi đến ảo ảnh xinh đẹp của thời quá khứ, có lẽ là... kỷ niệm về những bồn phun nước trong cánh rừng âm u với những cụm hoa hồng dần dần tàn úa, một phút sau đó, cũng đã phải biến mất đi, không để lại một dấu vết gì đối với nàng. Nhưng, Akiko vẫn còn đủ nhanh trí hơn người, vừa lay động thìa kem, nàng đã không quên bám vào một chủ đề khác còn lại.

- Tôi cũng muốn dự tiệc khiêu vũ ở Paris, xem sao.

- Đâu. Tiệc khiêu vũ ở Paris cũng hoàn toàn giống như đây thôi.

Sĩ quan hải quân vừa nói như thế, vừa nhìn đám hoa cúc và làn sóng người đi quanh bàn ăn của hai người, và khi nụ cười mỉa mai vừa chìm xuống đáy mắt, chàng liền dừng thìa kem lại nói thêm, phần nữa như lẩm bẩm với mình.

- Không phải chỉ Paris. Tiệc khiêu vũ ở đâu cũng giống nhau cả.

Một giờ sau, Akiko và chàng sĩ quan hải quân người Pháp, vẫn cặp tay nhau, cùng với nhiều người ngoại quốc và nhiều người Nhật, tập hợp ở bao lơn ngoài phòng nhảy, dưới trời sao.

Bên kia bao lơn cách một lan can, những cây tùng bách trồng ở hoa viên rộng, âm thầm chen cạnh lẫn nhau. Ánh đèn lồng tròn nhỏ màu đỏ, treo rải rác trên các ngọn cây. Dưới bầu không khí lạnh lạnh, mùi lá khô và mùi rêu nhẹ nhàng bốc lên từ hoa viên phía dưới, bỗng bồng bềnh như hơi thở của mùa thu buồn man mác. Ngay phía sau trong phòng nhảy, làn sóng của hoa và những vành ren vẫn tiếp tục lay động không ngừng dưới băng nhiều tím nổi hình hoa cúc mười sáu cánh^[10]. Những cơn gió lốc âm thanh chói tai của dàn nhạc vẫn cứ ra tay roi vọt không một chút dung tha trên biển người này.

Dĩ nhiên, từ trên bao lơn này, cũng có tiếng cười nói ồn ào không dứt lay động bóng đêm. Thêm vào đó, khi ngọn pháo bông tuyệt đẹp bay lên bầu trời trên đầu đám tùng bách tối đen, mọi người bỗng náo động hẳn lên. Đứng lẫn trong đám người đó, Akiko từ này đến giờ cũng đã vui vẻ trò chuyện với các công nương hợp ý ở nơi đó. Để ý thì thấy chàng sĩ quan hải quân người Pháp kia vẫn choàng tay với Akiko, im lìm đưa mắt nhìn lên trời sao trên hoa viên. Dưới mắt nàng, điều đó không biết sao, đã làm nàng cảm thấy như chàng đang nhớ nhà. Cho nên Akiko từ dưới nhìn lên mặt chàng khẽ hỏi, với giọng nửa nũng nịu.

- Chắc là đang nhớ nhà phải không?

Sĩ quan hải quân vẫn với nụ cười nhẹ trên đôi mắt, lảng lảng quay mặt về phía Akiko. Rồi thay vì trả lời là “Non” thì lại chỉ lắc đầu như đứa con nít.

- Nhưng ông có vẻ đang nghĩ điều gì kia mà.

- Cô thử đoán xem là điều gì đi.

Lúc đó trong đám người tập hợp ở bao lơn, có tiếng rít dài như tiếng gió. Akiko và viên sĩ quan hải quân không hẹn mà đã cùng nhau ngừng trò chuyện, đưa mắt nhìn về phía bầu trời

đêm đang áp xuống đám tùng bách trong hoa viên. Ở đó, đúng lúc pháo bông có màu xanh và đỏ vừa bung màn đêm ra tứ phương như hình chân nhện, sắp sửa tan biến. Akiko không biết tại sao lại nghĩ rằng, chùm pháo bông đó đẹp đến nỗi làm cho lòng mình buồn.

Một khoảng lâu sau, chàng sĩ quan hải quân người Pháp âu yếm nhìn xuống gương mặt của Akiko, nói với một giọng như để chỉ dạy.

- Tôi đang nghĩ đến chuyện pháo bông. Pháo bông giống như cuộc đời của chúng ta.

2

Mùa thu năm Đại Chính^[11] thứ bảy (1918). Akiko của năm nào, đang trên đường đi đến biệt thự gia đình ở Kamakura, tình cờ ngồi chung chuyến xe lửa với một nhà văn trẻ quen biết. Chàng thanh niên lúc đó đã để lên kệ xe một bó hoa cúc để tặng cho người quen ở Kamakura. Akiko của năm nào, bây giờ là lão phu nhân H. nói có chuyện hồi tưởng mỗi lần nhìn thấy hoa cúc và đã kể lại chi tiết kỷ niệm của buổi tiệc khiêu vũ ở Rokumeikan cho chàng trai nghe. Chàng thanh niên đã tỏ ra hết sức hiếu kỳ trong việc nghe chính miệng người này kể lại một kỷ niệm như thế đó.

Khi câu chuyện chấm dứt, chàng thanh niên đã lơ đãng hỏi lão phu nhân H.

- Bà có biết tên của vị sĩ quan hải quân người Pháp ấy không?

Phu nhân H. đã có một câu trả lời hết sức bất ngờ.

- Biết chứ. Ông nói ông tên là Julien Viaud đấy.

- Vậy à. Vậy ông ấy là Loti đây rồi. Đúng là Pierre Loti, người viết truyện *Phu nhân hoa cúc* đấy.

Chàng thanh niên cảm thấy hưng phấn vui vẻ. Nhưng phu nhân H. vừa nhìn mặt chàng trai với vẻ lạ lùng, vừa lăm bằm trong miệng không biết bao nhiêu lần.

- Đâu, không phải là người có tên là Loti đâu. Ông ấy có tên là Julien Viaud kia mà.

(1920)

Lê Ngọc Thảo dịch

Chú thích:

⁽¹⁾ Madam Chrysanthème

⁽²⁾ Japoneries d'automne

⁽³⁾ Rokumeikan, dinh thự được xây cất vào năm Minh Trị thứ XVI, tại Yamashita cho, Koiimachi ku, Tokyo, theo kiểu Condole, tây phương. Đây là nơi hoàng tộc dùng để tổ chức những buổi dạ hội, những tiệc khiêu vũ... để tiếp đãi sứ thần ngoại quốc trong những cuộc đàm phán sửa đổi điều ước v.v...

⁽⁴⁾ Dòng sông xanh, nhạc khiêu vũ, điệu valse của nhà soạn nhạc Johann Strauss người Áo (1804 -1849), cha đẻ của nhạc valse kiểu Vienna.

⁽⁵⁾ Polka, nhịp 2/4, có nguồn gốc từ Bôhemia (nước Séc ngày nay) với điệu nhảy nhẹ nhàng.

[\(6\)](#) Mazurka, nhịp 3/4 có nguồn gốc từ những vũ khúc dân ca Phần Lan.

[\(7\)](#) Nấm cục, nấm “truffle” Tây phương, màu đen, mỹ vị của thế giới.

[\(8\)](#) Xăng-đuých: thức ăn có xà lách hoặc xúc xích kẹp giữa hai miếng bánh mì.

[\(9\)](#) Watteau (1684 -1721), họa sĩ người Pháp, thường vẽ những bữa tiệc ngoài trời, tranh rất tao nhã.

[\(10\)](#) Cúc mười sáu cánh, cúc biểu hiện dành riêng cho hoàng tộc Nhật Bản.

[\(11\)](#) Đại Chính, Thiên hoàng thứ 123, nối ngôi thiên hoàng Minh Trị trị vì Nhật Bản từ 1912 đến 1926.

Tay đạo chích hào hiệp

(Nezumi Kozo Jirokichi)

Lời người dịch:

Truyện này nói về Jirokichi (1795 - 1832) - thường được gọi là Nezumi Kozo - một nhân vật tuy có thực nhưng đã được biến thành người của huyền thoại. Đây là một “người hùng” trong lòng nhân gian, vì tuy là đạo chích nhưng ông lấy tiền của nhà giàu để giúp nhà nghèo. Nhà giàu ở đây thường là những người hoặc đang nắm giữ quyền bính, hoặc có thế lực qua quan hệ mật thiết với giới quyền chức.

Từ năm Minh Trị thứ nhất (1868) trở đi, nhờ chế độ lãnh chúa đã cáo chung nên trên một chừng mực nào đó người ta có thể bày tỏ được lòng bất mãn chán ghét những kẻ hủ bại trong giai cấp thống trị, xưa nay quen sống trên đầu trên cổ người dân. Tuy Nezumi Kozo chết đã lâu nhưng những vở kịch vì ông ta vẫn rất thịnh hành trên sân khấu Kabuki (một loại hát tuồng, như Hát Bộ của ta). Quần chúng thích được nhắc đi nhắc lại về một nhân vật có tài đã dám giẫm cọt và làm khổ những vị tai to mặt lớn thường hay bóc lột, hống hách. Người ta tin rằng Nezumi Kozo cũng có đầy đủ tài nghệ của những ninja, nghĩa là cũng xuất quỷ nhập thần, có thể phi thân lên nóc nhà, ném ám khí, sử dụng khói mê, v.v... Tương truyền rằng khi hành nghề, ông thường mang theo một túi nhỏ chứa vài con chuột để khi nào lỡ gây tiếng động thì thả chuột ra cho chủ nhà lạc hướng. Cái tên Nezumi Kozo là từ đó mà ra (Nezumi = con chuột, Kozo = người còn trẻ).

Không giống như hình ảnh trong các pha “long tranh hổ đấu” dữ dội của phim kiếm hiệp, thông thường các ninja rất kín đáo trong hành tung và cẩn mật trong cuộc sống hằng ngày. Nezumi Kozo cũng thế, tuy người đương thời ái mộ ông và vẽ vời thêm, thực sự bao giờ ông cũng cố gắng sống như một người rất bình thường. Sự trái ngược giữa trí tưởng tượng của mọi người và cái thực rất bình thường của con người trong huyền thoại là vấn đề chính của câu chuyện.

Nhiều sử gia Nhật Bản cho rằng ngay cả việc giúp đỡ người nghèo cũng chỉ là điều tưởng tượng. Dù vậy đi nữa, với đông đảo quần chúng Nezumi Kozo vẫn là người hùng, vì việc làm của ông được xem như tiêu biểu cho ý hướng chống bất công.

Trời mới sang Thu, nắng chiều đã muốn tắt nhưng còn vương vấn, từ mặt tiền của lữ quán Izuya nhìn ra bên bờ lớn vẫn còn thấy được những tia nắng vàng làm sáng ửng cả một khúc sông.

Trên gác của lữ quán, có hai người đàn ông ngồi đối ẩm thấy rất tương đắc. Cả hai đều có vẻ là dân quen mùi cò bạc, ham trò lui tới chỗ mua vui. Một người thì da ngăm ngăm, dáng chắc thịt nhưng hơi đầy một chút, trên mình mang chiếc kimono mỏng, bên trên khoác thêm một chiếc áo dày kiểu cổ, làm cho anh ta trông càng thêm vẻ lao khổ của một người từng trải phong sương. Người kia thì trắng trẻo, hơi nhỏ con, mình xăm đầy hình chàm, nhiều đến độ thấy lòi ra tới tận cổ tay. Đã thế mà còn mặc tấm kimono cũ đến nổi bạc nhách, cái dây thắt lưng có in hình những hột tròn tròn thì lại quấn đến mấy vòng lộn xộn, làm cho anh ta thấy không hùng dũng mà còn đầy vẻ lố lăng của một tay anh chị cò cò con quen sống bê tha. Anh ta luôn luôn kính cẩn kêu người kia là “đại ca”. Hai người trông khoảng trạc tuổi nhau, cho nên đối với nhau có vẻ như chỗ bạn bè hơn là người dưới kẻ trên, cách thù tạc mời mọc nhau thấy

rất vui vẻ.

Bên ngoài trời tuy đã vào thu nhưng vẫn còn ấm như những ngày cuối hạ. Sau dãy tường thấp ở bờ bên kia, bóng mặt trời còn đỏ ối, ánh nắng chiếu sang còn nồng nã trên mấy nhành liễu thướt tha trải dọc ven sông. Bên trong căn gác của lữ quán cũng có vẻ gì như chút luyến lưu những ngày về trước, mọi vật vẫn như còn mang hơi hướm của một thời cũ chưa dứt bước đi qua. Tuy cách trang trí của những cánh cửa đã đổi thay với lớp giấy dán màu trắng mỏng, nhiều thứ khác hầu như vẫn còn giữ được vẻ ngày xưa: bên này có bức màn treo kiểu iyo, bên kia còn bức tranh thủy mặc vẽ hình con rồng cuộn. Trong chiếc khay để giữa hai người đàn ông, mấy món đồ nhậu cũng toàn là những thứ vốn từ lâu quen thuộc. Thỉnh thoảng vài làn gió từ khe nước xa xa thổi xuống, tuy mang theo ít nhiều hơi ẩm nhưng không đủ lạnh để cho người ta có được cảm giác thực sự của mùa thu. Cho nên anh chàng da hơi trắng trẻo để áo hở toạc ra hết nửa lồng ngực, phô ra cả chiếc dây chuyền bằng bạc lòng thông dưới cổ. Anh ta đang nói gì nho nhỏ với anh kia, mắt vẫn liếc chừng để nắm chắc là cô gái hầu bàn không nghe được. Một lát sau, có vẻ như bàn luận đã xong xuôi, người đàn ông da ngăm ngăm khoan thai đưa chén rượu sang mời bạn mình, rồi cúi xuống rút hộp thuốc lá trong người ra và nói:

- Chuyện vừa bàn thì cứ thế đã nha! Ờ, vậy mà đã ba năm, nay mới về Edo[\[1\]](#) này lại!

- Bây giờ đại ca mới về là trễ đó chứ. Có anh, đám tụi em vui đã đành, hết thầy dân Edo ai cũng mừng rơn!

- Nói mừng thì chỉ có mỗi mình chú thôi chứ ai!

Chàng nhỏ con nhìn đắm đắm vào mắt người kia, cười hô hố: “Anh cứ nói vậy! Thử hỏi bà chị ấy đó, xem có đúng không?”

Trên đôi môi đang ngậm chiếc tẩu thuốc lá bạc của người đàn ông nở ra một nụ cười héo hắt: “Chú mày thì cứ toàn chuyện đầu đầu!”. Nói xong, anh ta đổi sang giọng nghiêm trang:

- Nhưng mà trong ba năm mỗi đây đi vắng, có vẻ Edo đổi thay cũng dữ!

- Phải, đổi nhiều, mà cũng chả đổi gì. Khu chị em ta bây giờ ế khách, vắng teo!

- Nói nghe như mấy ông bà già, hể cái gì thuở xưa thì nhất!

- Chỉ có thằng em này là không đổi gì hết, lúc nào cũng nghèo!

Vừa dứt câu, anh ta vớ tay ra nhận thêm chén rượu, rồi đưa lên ực một cái, làm tràn ra cả mép. Gã lấy ngón tay vuốt vuốt, rồi nhướn mày lên nói như phân bua:

- So với bây giờ thì ba năm trước cứ như thiên đàng không bằng. Nay đại ca, hồi đó, khoảng lúc anh rời Edo lần rồi, trong dân hành nghề mà thuộc hạng chiến có tay Nezumi Kozo, tuy không đến cỡ siêu như Nishnawa Goeimon ngày xưa nhưng cũng là dân ngon thứ thiệt, đại ca có biết không?

- Không ngờ lại có đứa dám gom thằng này vô cùng bọn với tụi lưu manh trộm cắp! Chú mày coi bộ bốc dữ rồi há?

Người mặc áo khoác mới nói xong bỗng sắc hơi thuốc phải ho khan một tiếng, nhưng trên môi vẫn giữ nụ cười buồn. Anh kia thì đang hăng hái, nốc thêm một chén nữa rồi nói:

- Người như ông đó chắc không còn đâu. Dân trộm vặt thì đầy ra, lấy chổi quét cũng không hết, nhưng tay ngon cỡ bụi như thế thì chẳng còn nghe gì nữa.

- Mấy thứ đó, không nghe đến thì càng tốt chứ sao? Nhà chẳng chuột dơi, nước không đạo tặc; trộm cỡ bụi, chả có lại càng hay.

- Phải, phải đó đại ca. Không có trộm thì còn gì bằng!

Người nhỏ con lại rót thêm một chén rượu, đưa lên mời người kia làm hai cổ tay lộ ra đầy vết chàm trở màu chàm. Anh ta tiếp lời:

- Em cũng lạ đời, nghĩ tới cái thuở đó... thấy sao cứ khoái một vài người ăn trộm. Hồi nãy mới nói cái tên Nezumi Kozo đó, phải là dân thứ dữ mà bụng dạ hào hiệp, đúng không đại ca?

- Đúng chứ, đi mê bọn ăn trộm thì chỉ có mấy đũa cò bạc!

- Trời đất, nói vậy nghe kệt anh em quá đại ca!

Nói xong, anh chàng nhỏ người như cụt hứng, ngồi xuội lơ, nhưng rồi lại lên tiếng:

- Có ai bệnh vực hay ngưỡng mộ chi mấy cha ăn trộm! Nhưng nghe đâu tay này dám ăn hàng đến tận trong dinh mấy ông tướng, bê hết tiền bạc trong tủ đem ra ngoài cho bà con nghèo mới đáng nói chứ. Xấu hay tốt là chuyện khác nhưng đã đi ăn trộm rồi thì nên làm như thế, để âm đức lại mà chuộc bớt lỗi mình.

- Ừ nhỉ, nghe cũng có lý! Cái gã Nezumi Kozo đó thế mà may, không hiểu sao lại được thế lực của họ Hadakamatsu ở vùng Kaidai che chở. Đồ ăn trộm mà số cũng hên!

Anh chàng da hơi ngăm ngăm vừa nói xong bèn rót thêm rượu định mời anh kia, nhưng hình như nhớ ra được điều gì nên tươi nét mặt ra, cười rồi nói tiếp:

- Mà này! Có chuyện hay hay cũng liên quan tới gã Nezumi Kozo nhưng kỳ cục lắm, bây giờ nghĩ lại còn thấy buồn cười.

Dứt câu xong, anh ta đưa cái điều lên môi rít một hơi, rồi vừa thả nhẹ cho khói thuốc bay ra vừa bắt đầu kể.

*

Việc này thì cũng đã ba năm rồi, hồi đó tao bỏ Edo ra đi, cũng chỉ vì mấy chuyện rắc rối ở sòng bạc. Đi ra bằng ngõ Koshu, có gặp ghềnh đôi chút nhưng kín đáo hơn mấy con đường lớn. Bữa đó là ngày 11 tháng Chạp, tao khởi hành từ vùng Yotsuya, chỉ mang đồ nhẹ để đi xa, áo mưa, giày cỏ, hành lý thì chỉ có hai cái túi nhỏ, cũng chả có ai tiễn đưa gì. Đi mà cứ nghĩ chắc là sẽ không còn dịp nào gặp lại mẹ cha nên thấy buồn hết biết, chân bước mà lòng cứ ngẩn ngẩn ngơ ngơ.

Bữa đó sao mà trời xấu quá cỡ thợ mộc. Tuyết thì đọng sẵn dày đặc đầy đồng, còn mây ở đâu mà kéo tới đen trời mịt đất. Thấy giữa chỗ trống không có một cây dâu trụi cả lá, có một con sáo đứng bám trên cành cứ kêu khàn khàn không ra hơi, coi bộ lạnh quá nên bị đông cứng luôn cả cổ rồi hay sao không biết. Gió cũng ác, thứ gió núi đó mà! Lâu lâu nó thổi cho một cái lạnh buốt da, tung cả tóc cả nón ra. Tao thì xưa nay có phải đi xa lặn lội kiểu như vậy đâu, ở thành phố quen rồi cho nên lúng túng thấy rõ. Chỉ biết một tay thì giữ chặt cái nón, tay kia lo

túm kỹ cái áo mưa, ráng đi mà bụng không đành, lâu lâu cứ ngoảnh cổ nhìn lại phía Edo không biết là bao nhiêu lượt.

Mấy người đi đường thấy cái bộ dạng của tao chừng cũng lo giùm. Khi qua khỏi trạm Fuchu thì tự nhiên có một người trẻ - ờ, trẻ hơn tao mà coi bộ cũng hiền lành - bước tới sau lưng hỏi chuyện làm quen. Anh này ăn mặc cũng như những người khác nhưng cái tay nải vác sau lưng thấy đã phai hết màu, giải thắt lưng thì bạc thếp, tóc phía bên phải sới mất một lỗ, phần mặt chỗ ngang cằm thì tóp lại, coi ra thiếu thốn tiêu tụy, chắc bụi đời lặn độn cũng đã lâu. Nhưng bề ngoài tuy thế mà anh ta tốt, đi qua nơi này chỗ nọ, cái gì biết thì chỉ dẫn cho tao rõ ràng cặn kẽ lắm. Tao cũng đang buồn cho nên thấy mừng là may mà gặp được người đi chung như thế này. Đi chừng một lát, tao quay qua:

- Xin hỏi ông anh đi đâu?
- Dạ Kofu. Còn ông anh thì?
- Dạ, đi... đi Minobe.
- Chắc ông anh là người Edo. Ông anh ở đâu trên Edo?
- Dạ ở khu Kayaba-cho, tiệm của tôi tên Ueki.
- Vậy à? Tôi thì ở Fukagawa. Tên tôi là Jukichi, bán tạp hóa.

Đại khái cứ câu qua rồi câu lại như thế cũng là người Edo với nhau cả nên nói lung tung đủ thứ về Edo thật là vui, mà cũng quên được đường xa. Đi gần tới trạm Hino thì tuyết bắt đầu rơi. Cứ tưởng tượng nếu lúc đó mà đi một mình thì chả biết sẽ phải làm sao: Trời thì đã khá về chiều, tuyết thì rơi bên kia sông chim hót buồn hiu, nghe não cả ruột. Nếu ráng đi thêm thì chắc cũng được, nhưng lạnh quéo cả xương, chỉ biết tính chuyện nghỉ lại thôi. Rất may mà bên cạnh có tay Jukichi. Anh ta bàn:

- Tuyết rơi kiểu này là ngày mai chẳng đi đâu được cả. Chi bằng ráng lên một chút, đi nhanh thì tối nay đến được Hachioji.

Thế là cả hai ráng lội tuyết mà đi, đến đó thì trời tối lắm rồi. Dọc hai bên đường, mái nhà nào cũng trắng xóa vì tuyết, con đường nhỏ ở giữa thì lấm tấm dấu chân người in đều đặn trên mặt tuyết cũng trắng phau. Dưới mỗi hàng hiên thì nơi nọ chỗ kia có treo lủng lẳng dăm ba lồng đèn màu đỏ, lại có chiếc xe ngựa nào đó về trễ, tiếng lục lạc kêu leng keng nho nhỏ, nhìn quang cảnh mà cứ tưởng như đang đứng trước một bức tranh thật to, sống động, đẹp tuyệt!

Hai đứa đi thêm một khúc nữa. Anh chàng Jukichi đang đạp tuyết đi trước tự nhiên quay đầu lại nói:

- Đêm nay có nghỉ lại thì xin được chia phòng với ông anh.

Thấy không có gì bất tiện, mà anh ta nói đến hai lần, nên tao ừ liền:

- Vâng, xin theo ông anh. Nhưng tôi mới đến đây lần đầu, không rõ quanh đây có chỗ nào cho mình ở không?

- Ồi, lo gì! Gần đây có quán Yamajin, thỉnh thoảng tôi cũng ghé đó khá thường.

Tao theo Jukichi đến gần, mới biết đây là một trong những nơi có treo lồng đèn đỏ nhìn

thấy lúc này. Quán còn mới, cái khách sảnh rất rộng, nối liền với một phòng ngang, có lẽ là dẫn thẳng ra nhà bếp ở phía sau. Thấy lão quản lý đang ngồi sau cái quầy, bên cạnh lò sưởi. Hắn chẳng niềm nở gì cả, chỉ gật đầu bảo “hai ông đi thẳng ra phía sau”. Lúc đó vừa đói vừa lạnh mà nghe bốc lên mùi cơm canh quện với mùi lửa từ sau bếp và lò sưởi, rồi mùi hơi nước nóng, cả hai lật đật cởi giày đi vào liền. Cô gái trong quán cầm lồng đèn dẫn lên trên lầu, hai thằng tắm nước nóng đã đời rồi ra ngồi làm lai rai vài cốc. Mời nhau qua lại đâu chừng được năm bảy lần thì tay Jukichi bắt đầu nói liên tu bất tận:

- Loại rượu này cũng khá phải không ông anh? Suốt cả một vùng này mà kiếm cho được loại cỡ này thì chỉ có ở đây thôi đó nghe! À, có bài hát này hơi cũ, chẳng rõ ông anh có biết không:

Đừng nhắc là em đã có chồng,

Rượu ngon lòng ấm, uống không nữa hoài.

Mới ngang đây thì chưa sao, nhưng thêm được vài bình nữa là hai khốe mắt anh ta đã sụp xuống, mũi thì trở thành bóng lưỡng lên, cứ lắc lư cái đầu mà lè nhè:

Chữ ra...ằng... xuân bất tái lai,

Ra...áng lên, cạ chén kéo hoài xuân đi,

Tương phùng, mà... dễ được mấy khi,

Đèn khuya quán nhỏ... tiếc gì nữa đâu.

Lỡ ra, quá chén... cũng vì nhau,

Tửu phùng tri kỳ... biển sâu... cũng vui!

I...i...i

Thấy giọng hát hết ra nổi, tao không cho uống tiếp, sợ ngày mai còn phải đi sớm. Y thì cứ đòi uống tới, nhưng bị ép đi ngủ nên nằm mà còn ca lải nhải, một lát mới chịu im, rồi bắt đầu ngáy khò khò, chả còn biết trời biết trăng gì. Chỉ riêng tao mới kệt. Một phần vì đó là đêm đầu tiên từ khi rời khỏi Edo, phần khác là trong khi bốn bề yên lặng mà lại nghe ngáy rầm rĩ bên tai nên không dễ gì ngủ. Bên ngoài hình như tuyết còn rơi, lâu lâu bị gió thổi tạt vào cánh cửa nghe kêu nhè nhẹ. Anh chàng bụi đời kia thì ngủ say thẳng cẳng, có thể còn đang muốn hát tiếp trong giấc mơ không chừng, nhưng tao thì cứ thao thức, nghĩ đêm nay mình không còn ở Edo nữa, những người thân hẳn cũng đang trần trọc ngủ chẳng yên. Tự nhủ mình chả phải là lúc để lòng ủy mị, nhưng cứ miên man nghĩ quanh nghĩ quẩn thì hai con mắt lại sáng trưng ra, rớt cục nằm mà chỉ mong sao cho trời sáng quách cho rồi.

Lúc đó giờ điểm vào đúng canh ba, thao thức mãi đến canh tư vẫn còn nghe tiếng điểm nhưng sau đó chợp mắt đi lúc nào không biết. Được bao lâu chả rõ, chợt mở mắt ra thì thấy cây đèn dầu trên đầu nằm đã tắt ngúm, chắc là do chuột phá. Còn anh chàng bên cạnh thì từ đầu hôm trở đi vẫn cứ ngáy vang nhà, lúc đó sao lại im ru như xác chết, ngay cả hơi thở cũng chả nghe. Tao cảm ngay được có cái gì không bình thường. Đang nằm ngẫm nghĩ thì bỗng từ đâu có một bàn tay thò vô trong mền rò rẫm, rồi từ từ tìm tới chỗ túi tiền cột quanh bụng. Thôi đúng rồi, tên này là dân ăn trộm, đoán người mà chỉ nhìn bề ngoài thì hồng lét! Nhưng trộm kiểu

này thì xoàng quá, tao thấy nực cười mà cũng hơi tức một điều là nó như thế mà mình không biết, còn ngồi chung uống rượu, chén chú chén anh!

Nhưng để kể tiếp: Tao thủ sẵn, chờ bàn tay của y mới đụng vô định gờ túi tiền là chụp một cái rồi bẻ quặt lại thật mạnh. Y hoảng lên, giựt tay định bỏ chạy nhưng bị tao lấy cái mền trùm luôn lên đầu rồi ngồi đè lên như cỡi ngựa. Y lúng túng vùng vẫy để thò cái mặt ra. Tao tưởng sao, không ngờ y rống lên “bớ người ta, nó giết tui, cứu, cứu!”

Đã ăn cướp còn la làng! Tuy từ đầu đã biết là dân không đảng hoàng nhưng đâu ngờ y lại tồ quá mức như thế? Tao nổi đoá, sẵn tay vác cái gổ gổ tọng cho mấy cái nên thân vô mặt. Đang nửa đêm thanh vắng mà tự nhiên nghe âm ỉ, thôi thì nào chủ quán nào dám làm công, rồi khách ở những phòng khác, kẻ đèn người đuốc lật đật chạy tủa lên. Thấy y đang bị tao ngồi đè đầu dí bẹp xuống dưới sàn, chỉ có cái mặt là lộ ra khỏi mền đang ráng ngáp ngáp mà thở, ai nấy đều bò lăn ra mà cười.

- Ông chủ ơi, tôi bị con rệp này cắn lở gây náo động, xin lỗi tất cả bà con!

Tao chỉ nói có chừng đó, khỏi cần phải cắt nghĩa gì dài dòng. Lập tức mấy người làm công lấy dây trói chặt y lại năm vòng bảy lượt rồi vác thẳng xuống dưới lầu, xóm xởi như bắt được một con dã nhân hay thủy quái gì đó không bằng.

Đám này mới đi xong thì ông chủ quán bước tới xoa tay lễ mễ:

- Dạ, chuyện cũng không ngờ, làm phiền đến quý nhân. May mà tiền bạc với đồ đạc không có gì mất mát, cũng thật đáng mừng. Cái tên kia thì sáng mai chúng tôi sẽ đem lên nạp ngay cho nhà chức trách. Ngoài ra còn có chỗ nào sơ sót, cũng xin hoan hỉ mà bỏ qua cho!

- Không có chi, mọi sự cũng tại tôi lựa người đi chung mà không cẩn thận, đâu phải tại quán mà ông xin lỗi! Thôi đây có một chút gọi là lấy thảo, ông mua giùm tôi cho mấy anh trẻ trẻ lúc nãy một tô mì tô cháo gì đó ăn cho ấm bụng.

Lão ta đi xong, tao thở phào vì được yên tĩnh trở lại. Nhưng khoanh tay nằm mãi vẫn không ngủ được, mà chả lẽ cứ nằm hoài chờ dần như mấy bọm thất tình? Cho nên lại nhòem dây, tuy trời chưa sáng nhưng mình đi sớm thì tốt hơn. Nghĩ là làm liền, tao thay quần áo, đi ra nhè nhẹ sợ làm mấy người khách khác mất giấc. Đến ngay cầu thang, định xuống quầy để trả tiền phòng thì nghe bên dưới đang nói gì lao xao. Lắng nghe thử thì có ai đó nói gì tới cái tên Nezumi Kozo mà chú mày khen lúc nãy. Tao đâm hiếu kỳ, để bao hành lý dưới chân rồi ngồi nhìn xuống xem sao. Thì ra ở dưới đó anh chàng Jukichi nhà ta đang bị trói ngồi xếp chân dưới đất, có sợi dây dài buộc anh ta vào một gốc cột lớn, giống như người ta thường buộc trâu bò vô gốc cây. Dưới ánh đuốc sáng thấy có ba người đứng vây quanh y, ai nấy đều tay áo xắn lên, bộ dạng hầm hầm. Lão quản lý đứng gần y nhất, tay lăm lăm một cây thước to bản^[2], cái đầu hói thì bưng bưng như muốn bốc hơi. Lão ta hậm hực:

- Thiệt đó nghe. Cái thằng trời đánh này, ăn trộm quen thói, rồi có ngày còn quá tay hơn cả tên bọm Nezumi Kozo nữa. Thiệt đó nghe. Nó mà cứ kiểu này hoài thì mấy cái quán tụi mình suốt cả vùng này mang tiếng chết! Bữa nay có đập nó chết tươi cũng là làm phước cho cả làng chứ phải chơi đâu!

Anh chàng đánh xe râu ria ghé mắt dòm sát vào mặt tên Jukichi rồi nói xen vô:

- Nhưng mà, phải nhìn mặt cho kỹ mới biết là dân thứ gì. Cái thằng chết tiệt này, sao mà nó là Nezumi Kozo được? Anh Quản chỉ nói vậy thôi!

- Đứng rồi - một người trẻ hơn đang cầm cái ống tre thổi lửa tiếp lò - Thằng này thì cỡ ruồi muỗi để mèn thôi!

- Thiệt đó nghe. Cái thằng khỉ mốc này mà được cái gì? Chưa móc được ví của ai thì đã bị người ta lột hết tuốt luốt, trần truồng như nhộng!

- Phải, cái thứ mày mà cũng dám bò ra đường cái làm ăn! Chẳng thà biết thân, xin đi theo mấy đứa con nít, cột cục nhựa ở đầu cần câu thò vô ăn trộm tiền trong mấy cái hộp công quả trước chùa coi bộ còn hợp hơn!

- Chắc cũng không làm nổi chuyện đó đâu! Tài nghệ của thứ này thì chỉ mặc đồ rách ra đứng ngoài ruộng làm bù nhìn để hù mấy con chim là giỏi lắm rồi!

Gã Jukichi tuy tức vì bị xỉ vả giễu cợt nhưng chỉ ngồi yên, đôi mắt cứ chớp chớp. Tuy nhiên khi anh chàng trẻ luồn cái ống thổi lửa tre dưới cằm để nâng mặt y lên, gã bỗng nổi giận, la lớn:

- Ê, lũ khốn kiếp này, tụi bây biết tao là ai không mà cứ miệng lằn lưỡi mỗi ăn nói xỏ xiên? Tuy rằng trộm nhưng cũng có thứ! Nói cho lũ mày biết, anh của tụi bây đây nhé, một mình dọc ngang bờ cõi, không oai vang tột đỉnh nhưng cũng không phải là thứ thường. Tụi bây một bọn nông dân bần cốt sao dám to gan lớn mật, lải nhải nói điều bậy bạ khi dễ người ta?

Cả đám nghe vậy đâm ra chưng hửng. Thật ra lúc đó tao cũng đã xuống đến nửa cầu thang rồi, nhưng thấy y nói hùng dũng như thế nên đứng nán lại xem thử ra sao. Lão quản lý thế mà có vẻ là người tốt bụng, nghe nói vậy thì ngừng lại nhìn hẩn chăm chăm, sững sờ tới độ quên mất là mình đang nắm thanh thước gỗ trong tay. Nhưng gã đánh xe có vẻ cứng cựa hơn, gã vuốt vuốt bộ râu rồi hất hàm hỏi:

- Ăn trộm thì vinh quang cái con mẹ gì? Nói cho mày biết, trong một buổi mưa lớn ba năm về trước, tao đây đã từng tay không mà bắt được mãnh thú nhà trời^[3]. Cái biệt danh “ông Kanta ở Yokchama” mà thiên hạ vẫn hay đồn chính thị là mỗ gia đây! Thứ tép riu như mày thì nói thiệt, ông chỉ cho một đập là ngúm cù tẻo ngay, đừng tưởng bở!

- Cóc xì! Nói toàn chuyện trên trời dưới đất, bộ tưởng anh đây là thằng dễ dọa già dọa non hay sao hả? Tụi bây mà biết anh đây là ai thì chắc chắn phải giật mình choáng váng. Để anh nói sơ qua cho mà rõ, cả bầy lo ngoáy tai cho kỹ mà nghe!

Nói xong, y bắt đầu sửa giọng cho ra vẻ trịnh trọng. Lúc đó trời lạnh nên nước mũi của y chảy đọng trên chót mũi, một nửa mặt từ mang tai xuống tận cằm thì sưng vếu lên vì bị tao giáng cho mấy cú thật mạnh hồi nãy, trông rất khó coi. Nhưng ba đứa quê mùa đó nghe nói thế đâm ra rụt rè, trong khi y thì dáng bộ ra vẻ oai phong. Y vốn quen chuyện mồm năm mép mười từ thuở nào đâu nên ăn nói nghe thật lạnh lợi trơn tru, làm cho gã râu ria “tay không bắt thú” kia cũng đâm ra hết còn sừng sỏ. Thấy cả đám có vẻ chùn hẩn lại, y bắt đầu lắc lư cái đầu, liếc xéo một cái rồi đồng dặc:

- Mấy thằng dễ nhủi này, tụi bây hồi hộp muốn nghe lắm chứ gì? Chuyện thế này nhé! Đứa nào lơ nghĩ anh đây là dân trộm vặt thì quá lắm to! Chính ở vùng này chứ đâu, cuối mùa thu năm ngoái có người lên vào dinh quan huyện trong một đêm mưa gió, lấy hết tiền bạc trong tủ không chừa một xu nhỏ, tụi bây chắc có nghe, nhưng biết ai không? Anh đây chứ ai!

- Mày? Vào dinh quan lớn?

Chỉ một mình lão quản lý hỏi như vậy nhưng cả đám ai cũng giật mình. Anh chàng trẻ người coi bộ sợ muốn vỡ mật, kêu lên một tiếng rồi lật đật lùi tới hai ba bước.

- Chứ ai vào đây nữa? Nhưng chừng đó thì thối gì! Mới mấy tuần trước đây, có hai người bảo tiêu mang tiền qua tới đền thì bị giết, tại bây giờ chẳng nghe là ai ra tay à?

Gã Jukichi nói xong, hít mũi mấy cái rồi đắc chí kể thêm một lèo, nào là lên vào nhà kho lớn ở Fuchu, nào là đốt trạm Hino, nào là hiếp dâm một cô đi hành hương trên núi, toàn là những chuyện bạo gan táo tợn. Nhưng vậy mà cả đám kia đâm ra sợ, bắt đầu tỏ ra khép nép hẳn xuống. Đặc biệt là anh chàng đánh xe lực lưỡng. Anh ta nhìn lên trộm chăm chăm nhưng bây giờ hai cánh tay to đã khoanh lại trước ngực, giọng nói nghe ỉu xìu:

- Ông đúng là hạng dữ dội ác liệt chứ phải thường đâu!

Hắn làm tao muốn bật cười, nhưng cũng ráng mà cầm lại. Lúc đó trời lạnh thêm nên gã Jukichi run lập cập, nhưng miệng y vẫn cứ thao thao:

- Sao, giờ thấy được rồi hả? Nhưng anh đây còn độc địa động trời hơn nữa, tại bây giờ không tưởng nổi đâu! Biết tại sao anh đây phải đi khỏi Edo không? Coi bàn tay đây nè, tại muốn lấy tiền nên đã siết cổ mẹ ruột của anh đây chết tươi, chuyện lòi ra nên phải chuồn đi đó thôi!

Y cứ như một kịch sĩ có tài, nói nghe ngon lành, thản nhiên, làm cả ba người như muốn dội lại vì nể, khuôn mặt của y sưng húp mà người nào cũng nhìn với vẻ thật kính cẩn. Tao thấy chuyện khôi hài, không nhịn được nữa định bước ngay xuống nhưng lại nghe lão quản lý vỗ tay đánh đét một cái rồi nói với hắn:

- A, hiểu ra rồi! Thiên hạ biết ông qua cái tên Nezumi Kozo phải không?

Y lờm một cái rồi ngạo nghễ:

- Đã đoán trúng thì thôi cũng chẳng giấu diếm gì nữa. Nezumi Kozo, con người nức tiếng ở Edo, xa gần bàn tán, chẳng phải ai đâu xa lạ thực sự chính là anh đây!

Y vừa nói vừa cười đầy vẻ khinh bạc. Còn đang định nói thêm gì đó thì bỗng rùng mình rồi hắt hơi mấy cái liên tiếp làm cái oai phong mới có được bị giảm bớt đi. Tuy vậy đám người kia thì vẫn kính nể lắm, đứng nhìn y mà thán phục như nhìn một lực sĩ đang chiến thắng trên võ đài. Anh chàng đánh xe dè dặt hỏi:

- Tôi cũng nghĩ chắc là ông chứ chẳng ai. Tôi đây cũng không phải tay thường, ba năm trước đây đã từng tay không bắt được mãnh thú nhà trời, cho nên nghe tiếng tăm của Kanta ở Yokchama ai cũng ngán, con nít đang khóc mà nghe dọa cũng im re. Vậy mà trước mặt tôi, thấy ông thật cừ, cứ ung dung không nao núng chút xíu nào cả.

- Đây đúng là tay cừ, hèn chi con mắt sắc bén, có thần!

- Thiệt đó nghe! Từ đầu đã biết ngay là dân thứ sộp, ngon lành hơn các tay nhà nghề tới mấy chục lần. Ở đời vẫn có may có rủi, tài đến bậc thầy còn có khi trượt bót, người giỏi đi mấy mà hai tay bụm nước cũng có lúc nó trào ra! Bữa nay không hiểu sao đó chứ như bình thường thì khỏi nói, tất cả khách trên lầu hai là kể như bị lột sạch bách, không ai còn sót được một đồng.

Tuy chưa đến nổi mở dây thả trôi nhưng bây giờ bộ dạng cung cách của ba người đối với y ta đã khác hẳn. Gã Jukichi được thể càng đâm ra lớn lối:

- Nè, ông quản lý, Nezumi Kozo này bữa nay đến đây là quán ông hên làm đó. Giờ thì cổ họng đã khô queo, cũng tại ba cái chuyện lằng nhằng vì cái quán này. Thôi có rượu đâu mang ra cho anh đây một ít. Lấy chén gì cũng được, không cần chi cái bề ngoài!

Đứa đòi đã ngang như cua mà đứa nghe thực cũng ngu, cứ làm theo riu riu. Tao nhìn lão quản lý đang lễ mễ cho y uống rượu mà thấy ngứa mắt, không cười dù riêng ba tên trong quán mà ngán ngấm cho cái kỳ cục của người đòi. Nghĩ cho đúng thì đốt nhà cướp của dĩ nhiên tội phải nặng hơn trộm vặt với móc túi. Nhưng cứ nhìn vào đám đứng dưới kia thì biết, gặp trộm thú dữ thì cúi đầu cung kính, nghe đến tên Nezumi Kozo thì mời uống rượu, còn đụng kẻ trộm tép riu thì đập đánh xỉ vả. Cho nên giá mà tao có đi ăn trộm, chắc chắn là không dại gì đi làm thứ trộm cò con!

Nhưng không lẽ cứ đứng hoài một chỗ mà nghĩ quanh nghĩ quẩn, tao thấy có ló mặt ra cũng phải lúc nên bước mạnh chân cho mọi người nghe tiếng đi xuống. Đến gần đám đó, tao đặt túi hành lý xuống đất rồi nói với lão quản lý:

- Tôi muốn đi sớm, ông làm ơn tính tiền giùm.

- Dạ, ngài định đi sớm thế sao? Chúng tôi có chỗ sơ hở, không giữ ngài được lâu, cũng mong ngài đừng chấp. Mà hết thấy anh em chúng tôi xin cảm ơn ngài đã cho quà lúc nãy. Thật may quá, bây giờ tuyết cũng đã hết rơi.

- Lúc mới bước xuống tôi cũng nghe được nhưng không rõ lắm, thằng này bảo nó là tên trộm nổi danh Nezumi Kozo, không biết phải không?

- Dạ, hình như vậy thì phải. Ôi, tụi bây đâu mau lên, lấy giày lại đây! Còn áo mưa của khách, đứa nào để đâu? Thiệt đó, coi bộ đúng là dân siêu, loại dữ dội! Dạ, để tôi lo tính toán lẹ lẹ để ngài đi.

Lão ta hơi ngượng khi thấy tao, nên nói xong là lật đật chạy vô bên trong, tính toán lách cách gì đó. Tao ngồi xuống xỏ giày vô, rồi rút cái điều ra rít vài hơi và nhìn tên trộm. Bây giờ y thấm rượu lắm rồi, mặt đỏ gay đến cả hai bên mang tai. Không biết y mắc cỡ hay sao mà liếc tao rồi quay đi chỗ khác. Tao thấy cũng hơi tội nghiệp, lựa lời hỏi từ từ:

- Này ông bạn Jukichi! Chuyện gì không đáng thì mình đừng nói. Ông xưng là Nezumi Kozo, mấy người chất phác nghe thì tin liền, nhưng như thế cũng không tốt lành gì cho ông đâu!

- Cái gì? Định bảo tao không phải là Nezumi Kozo hả? Biết quái gì mà nói! Vậy mà có kẻ cứ mở miệng là kêu “ngài, ngài”!

- Thế này nha! Cứ gáy hoài một bài như vậy thì mấy người này tin thật chứ chả phải là không. Nhưng mà ca mãi nghe riết rồi cũng chán chứ? Trước hết, nếu ông thực sự là tay Nezumi Kozo nghiêng trời lệch đất thì không ai lại sượng miệng đem hết tội lỗi mình đã làm mà cung khai ra. Tiếp theo, nếu quả tình ông cứ một hai bảo mình là Nezumi Kozo thì chắc là từ quan quyền cho tới thứ dân ai cũng đâm ra tin như thế mà đã vậy rồi thì sắp thấy rõ, có nhẹ ra cùng tù tội một gông, mà nặng thì đến chặt đầu treo cổ. Như vậy đó, ông còn ưa làm Nezumi Kozo nữa không?

Y ta nghe có vẻ thắm nên mặt mày hoảng hốt, lật đật trả lời:

- Tôi xin lỗi vậy, thật ra có phải Nezumi Kozo gì đâu, chỉ là thứ trộm thường thường thôi.

- Thế mới có lý chứ, nhưng đốt nhà cướp của cũng là tội ác tày trời, bị xử tử là cái chắc!

Tao vừa dọa vừa nghiêm nghị nhìn thẳng vào mặt y. Lúc đó y đã tỉnh ra, mếu máo nói như muốn khóc:

- Dạ đâu đến thế, đó toàn là những chuyện tôi phịa ra thôi. Như đã có nói với ông, tôi quả thực là Jukichi, buôn bán tạp hoá, năm nào cũng qua lại vùng này mấy lần nên chuyện gì thiên hạ kháo nhau tôi đều biết hết. Thành ra mới nhận vợ vào mà nói đại ra vậy thôi.

- Khoan đã! Mới rồi thì tự nhận là ăn trộm, bây giờ lại nói là buôn bán tạp hóa. Ăn trộm mà đi buôn tạp hóa, xưa nay có ai từng thấy thế bao giờ?

- Chắc là ông hiểu được cho tôi, bữa nay là lần đầu tôi dám mó tay đến tiền bạc của người khác. Mới mùa thu này vợ tôi bỏ nhà ra đi, rồi từ đó làm ăn thất bại mãi, đâm ra mỗi ngày mỗi tệ dần. Cũng vì cái khó nó bó cái khôn, nên đâm ra có phút nhẹ dạ, lỡ phạm đến ông!

Có ai ngu đến nỗi không biết là y lẹo lưỡi, vẽ vờ ra để che giấu nghề ăn trộm đâu! Nhưng tao cũng chán, không muốn nói chi, chỉ ngồi yên mà nhồi thêm thuốc vô điệu. Tuy nhiên anh chàng trẻ người và anh đánh xe kia thì khác, nghe y nói chưa dứt là đã ùng ùng nổi giận. Cả hai xông tới đập cho y nhào lặn ra, tao có muốn can cũng không kịp.

- Cái thằng tráo trở, tưởng đặt ra lắm điều là qua mặt được bọn tao hả?

- Cho mày lãnh đủ nghe thằng kia!

Thế là ống thổi lửa bay vô, sào tre giáng xuống, thôi khỏi nói. Tội nghiệp cho gã Jukichi, mặt mày lại thêm sùng húp, đầu thì nổi lên đến mấy cục u!

*

- Đại khái thì chuyện đầu đuôi nó như thế!

Anh chàng có nước da ngăm đen nói xong, vớ tay ra cầm chén rượu đưa lên môi nhấp nhấp. Nhìn qua bờ bên kia, ánh hoàng hôn đã thôi le lói trên bức tường thấp, mấy nhành liễu rủ dọc theo ven sông cũng đã ngả màu đen sẫm không biết tự lúc nào. Khắp chân mây mặt đất, mọi vật đều trở nên yên lặng; tiếng chuông chùa điểm thu không cũng bắt đầu vọng xuống từ phía núi San-en, ngân dài trên sông nước. Phải ở vào những lúc như thế này mới cảm được là mùa thu đã thực sự đến: một hơi gió nhẹ đến lay động bức màn treo gần chỗ ngồi, vài tiếng quạ lẻ loi từ khu rừng thưa bên cạnh, màu sáng lạnh của ánh nước từ chiếc đĩa to để trước mặt hai người. Bên trong căn gác tối xuống dần dần. Cô hầu bàn đã thấp sẵn một cây nến lớn, lấy tay che ngọn lửa hồng đang lung linh nháy múa, từ dưới cầu thang chậm chậm bước lên.

Gã nhỏ người thấy anh kia nâng chén lên môi cũng cầm nguyên cả bình rượu con lên tu cạn một hơi rồi nói:

- Cái thằng lưu manh đó, đúng là mặt dày mày dạn! Nó nghĩ sao mới được chứ? Chả lẽ không biết Nezumi Kozo là núi Thái Sơn của dân trộm nhà nghề trong cả nước, có biết bao nhiêu người nể phục như bọn em đây. Không biết đại ca lúc đó nghĩ sao, chứ em mà ở đó thì

chẳng để yên, thế nào nó cũng mềm xương là cái chắc!

- Chuyện chỉ mới thế thì đã sao đâu mà dữ vậy? Thứ tép riu mà khi nguy cũng biết lấy tên của Nezumi Kozo để làm bùa, nội chừng đó thôi cũng làm cho ông ta khoái chí chứ?

- Nhưng đại ca, thứ đó mà dám cả gan đi xưng là Nezumi Kozo, mình bảo là ông ta khoái chí được sao?

Thấy anh ta cứ hậm hà hậm hực, anh chàng da ngăm đen xích lại gần hơn một chút, cười cười mà bảo:

- Nghe đây, tao đã bảo là ông ta khoái chí thì chắc chắn không sai vào đâu được. mấy lâu nay chưa nói ra với chú mày, chứ cái tay Nezumi Kozo lừng danh ở Edo ba năm về trước thì tao biết rõ.

Nói đến đó, anh ta đưa đôi mắt sáng quắc liếc chừng khắp hết chung quanh, tay vẫn còn nâng chén rượu ngang môi:

- Chả ai nào khác, chính là Jirokichi này vậy!

(1920)

Văn Lang Tôn Thất Phương dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Edo là tên cũ của Tokyo.

[\(2\)](#) Trong nguyên văn, ông này cầm “soroban” là “bàn châu toán” (dụng cụ có những hạt tròn để tính toán ngày trước) ở đây chỉ dịch thoáng cho dễ hiểu.

[\(3\)](#) Theo truyền thuyết của người Nhật, mỗi lần có sấm chớp lớn thì có “raiju” là con thú lớn dữ tợn tự trên trời đi xuống, gầm thét vang dội. Trong nguyên văn, anh này khoe mình “tay không mà bắt được raiju”.

Đàn Bà

(Onna)

Lời người dịch:

Trong truyện cổ tích Nhật Bản, ta có thể thấy thấp thoáng bóng dáng đàn bà trong cảnh thiên nhiên tươi đẹp như tuyết (trong truyện Yuki Onna, là cô gái có làn da trắng nõn), trăng (trong truyện Kaguya Hime, với nàng công chúa Kaguya là người ở cung trăng), hay những động vật hiền lành, dễ thương với vẻ đẹp muôn thuở như hạc (trong truyện Hạc trả ơn, hạc đã biến thành cô gái dệt lụa), rùa (trong truyện Urashima Taro, là nàng công chúa ở Thủy Cung), v.v... Còn nhận lại là một hình ảnh yêu quái (như trong truyện Obakegumo, nhện ma biến thành nhà sư, đêm đêm đàn tì bà trong ngôi chùa cổ để giăng bẫy bắt người), dễ sợ.

Đàn bà là một truyện rất ngắn viết vào năm 1920, năm mà Akutagawa Ryunosuke đã viết các truyện nổi tiếng như Tiệc khiêu vũ, Mùa thu, v.v... Người dịch đã tò mò đọc Đàn bà, chỉ vì đề tựa và hình ảnh con nhện trong truyện này, đã gợi nhớ những kỷ niệm ngày còn bé trong vườn chuối sau nhà vào những buổi trưa hè, đã mãi mê ngắm nhện chăm chỉ giăng tơ giữa những phiến lá chuối xanh như ngọc.

Dưới ngòi bút của Akutagawa Ryunosuke, nhện cũng sẽ cho độc giả cảm giác êm đềm và rất gần gũi, hơn là hãi sợ.

Nhện cái đang nằm yên tắm ánh nắng hè dưới đáy bông hoa hồng kếp màu đỏ, trầm ngâm nghĩ ngợi. Tức thì lúc bấy giờ trên không có tiếng đập cánh, rồi chẳng mấy chốc có một con ong mật lao đầu sà xuống đóa hoa hồng. Nhện liền ngược mắt nhìn lên. Bầu không khí tĩnh mịch của buổi trưa như vẫn còn sót lại gợn sóng dư âm tiếng đập cánh của ong mật.

Không biết tự lúc nào, từ đáy hoa hồng, nhện cái đã bắt đầu âm thầm lặng lẽ cự mình. Lúc ấy ong cũng đang thò vòi vào hút mật ẩn dấu phía dưới nhụy hoa, mình dính đầy phấn hoa.

Vài giây im lặng đến tàn nhẫn trôi qua.

Từ trong cánh hoa hồng đó bỗng nhô lên bóng dáng của nhện cái đang lần mò theo sau ong đang say mật. Rồi thoát một cái nhện đã chồm lên vồ lấy đầu ong. Ong ra sức rung cánh, cố dùng vòi chích lại kẻ thù. Phấn hoa bị đôi cánh của ong quạt bay tung lên trong ánh nắng. Nhưng nhện cái nhất định không đời nào chịu há cái miệng đã ngoạm được mồi ra.

Cuộc đọ sức thật là chóng vánh.

Chẳng mấy chốc ong không còn rung cánh được nữa. Thế rồi chân bắt đầu bị tê. Cuối cùng chiếc vòi vươn dài quơ vào khoảng không vài cái như thể đang bị co giật. Đó là những phút cuối thật bi thảm. Một hồi kết cuộc bi thảm, tàn nhẫn và bạc bẽo chẳng khác gì cái chết của con người. Chỉ một lát sau, ong đã nằm sòng soài dưới đáy của hoa hồng kếp, vòi ngay đơ không còn co lại được nữa, chân và cánh vẫn còn dính đầy phấn hoa thơm phức...

Nhện cái nằm im ru, bắt đầu từ tốn hút máu ong mật.

Ánh mặt trời không hề biết ngưng ngừng đã xé rách sự tĩnh lặng của buổi trưa đang trở lại với hoa hồng, lại soi trên bóng dáng ngạo nghễ đắc thắng của nhện sau cuộc tranh giành cường

đoạt đầy sắt máu. Cái bụng giống hệt như vải sa tanh màu tro, hai mắt làm ta liên tưởng đến hai viên bi, và rồi những cái chân xấu xí không khoèo như mắc phong hủi, nhện hầu như là hiện thân của cái ác, cứ chễm chệ ở trên xác ong một cách ghê rợn không biết đến bao giờ.

Cái màn kịch tàn ác này sau đó vẫn còn lặp đi lặp lại mãi. Thế mà hoa hồng đỏ tươi đẹp vẫn nở rộ mỗi ngày trong cái nắng và nóng ngột ngạt.

Thế rồi có một buổi trưa, làm như chợt nghĩ ra điều gì, nhện cái bèn chui mình giữa kẽ lá hoa hồng, bò lên cành cây ở phía trên. Đầu cành có một nụ hồng bị héo vì hơi đất bốc lên hùng hực, cánh hoa bị hấp hơi nóng tỏa ra một mùi thơm nhẹ. Nhện cái bò lên đến tận đó rồi thì bây giờ tới lượt cứ đi đi lại lại mãi không ngừng nghỉ giữa nụ hoa và cành cây. Cũng cùng lúc ấy, vô số những sợi tơ trắng ngần, óng ánh, một đầu mắc vào nụ hoa héo úa, và dần dần giăng khắp đầu cành.

Một lát sau, ở đó đã có một cái túi bằng lụa hình ống màu trắng sáng lòa đến chói mắt phản chiếu lại ánh nắng giữa ban trưa.

Nhện giăng tơ xong, đã đẻ vô số trứng dưới đáy của cái túi mỏng mảnh ấy. Thế rồi nhện lại đan một miếng đệm bằng sợi thật dày ở miệng túi, rồi chính mình vừa chiếm chỗ ở trên cái đệm ấy, vừa giăng thêm một cái trần nhà mỏng như vải the. Tấm mạng như thể một mái vòm chỉ chừa lại có mỗi một cái cửa sổ, đã ngăn con nhện màu tro dửng mẫn như một con thú dữ này với bầu trời xanh giữa buổi trưa. Tuy vậy, nhện - nhện cái sau khi sinh - gầy gò ốm yếu vẫn nằm yên trong căn phòng trắng muốt ấy, một mình đơn chiếc đắm chìm vào dòng suy tưởng, dường như đã quên hẳn hoa hồng, mặt trời và cả tiếng đập cánh của ong mật.

Một vài tuần lễ như thế trôi qua.

Trong thời gian đó, trong cái túi của nhện, những sự sống mới say ngủ trong vô số trứng đã mở mắt chào đời. Nhận ra điều ấy trước tiên, trước bất cứ một ai, chính là nhện mẹ, nay đã già và kiệt sức, nằm yên bỏ cả ăn, trong căn phòng màu trắng ấy. Nhện mẹ đã nhận ra được dưới tấm nệm bằng tơ những sinh mệnh mới đã cự mình không biết từ bao giờ, bèn lê những cái chân đã yếu dần quờ quạng xé rách trần nhà che trên túi ngăn cách mẹ với con. Vô số nhện con lục tục từ đó tràn ra khắp phòng. Hay nói đúng ra là chính cái đệm đã tự phân tán ra thành hàng trăm vi phân tử nhỏ li ti cùng chuyển động một lúc.

Nhện con liền chui ra ngoài cửa sổ trên mái vòm tràn ra cành hoa hồng trong nắng và gió. Lũ nhện con túa ra từng đàn, có đàn chen chúc nhau bầu vào lá hồng đang hứng cái nóng như thiêu như đốt. Có đàn hiếu kỳ chui vào giữa hoa hồng nơi có ử không biết bao nhiêu tầng mật ngọt. Có đàn lại còn nhanh nhẹn bắt đầu chăng những sợi tơ mỏng đến nỗi mắt thường không trông thấy, giữa những cành hoa hồng ngang dọc đang xé nát cả khoảng trời xanh. Nếu chúng có thể thốt lên lời, thì chắc hẳn là bông hoa hồng giữa ngày nắng hạ đã rung lên như chiếc đàn violon mắc trên ngọn cây mà cất tiếng ca cùng gió.

Thế nhưng trước khung cửa sổ trên chiếc mái vòm, nhện mẹ gầy gò chỉ còn như cái bóng vẫn buồn rầu cuộn mình ử rũ. Chẳng những thế, cứ như thế mãi, nhện có vẻ như chẳng buồn động đậy nữa, cho dù là một cái cẳng chân. Ở nơi vừa để sinh con vừa là mộ địa, dưới bức màn mỏng như the buông trên trần nhà, trong tĩnh lặng của căn phòng trắng muốt, và hương thơm của nụ hồng đã héo, nhện mẹ - con nhện đã sinh ra vô số nhện con - đang nằm tận hưởng niềm

vui vô hạn của người mẹ đã làm xong thiên chức và đã chết tự bao giờ. Đó là một người đàn bà hầu như là hiện thân của cái ác, từng ăn sống nuốt tươi ong mật, đã sống cùng thiên nhiên vào giữa một mùa hè.

(1920)

Dương Thị Tuyết Minh dịch

Nguyên tác: Onna, Akutagawa Ryunosuke toàn tập, nhà xuất bản Iwanami Shoten, 1934.

Mùa thu

(Aki)

Lời người dịch:

Tác phẩm *Mùa thu (Aki)* được viết vào năm 1920, hai năm sau khi Akutagawa lập gia đình và đang làm việc cho nhật báo *Mainichi* với những điều kiện rất ưu đãi. Ông chỉ cần viết tiểu thuyết đăng trên báo mà thôi. Đây là bắt đầu thời kỳ ông viết về những đề tài xã hội đương thời nhưng đa phần mang tính chất tự thuật, yếm thế. *Mùa thu* là một trong những sáng tác đó.

Câu chuyện dưới đây diễn tả những tình cảm phức tạp và tình tiết éo le của hai chị em cùng yêu một thanh niên, lồng trong cảnh sắc đẹp, yên tĩnh, u buồn của những mùa thu Nhật Bản. Qua *Mùa thu*, có lẽ Akutagawa muốn gói ghém nỗi niềm của chính mình đối với một người con gái thường hay lui tới nhà ông nhưng cuối cùng cuộc hôn nhân đã không thành.

1

Nobuko là một thiếu nữ tài hoa. Khi còn là sinh viên ở một trường nữ đại học, cô đã nổi tiếng là văn hay chữ giỏi. Bạn cô hầu hết đều tin tưởng không sớm thì muộn cô sẽ trở thành một cây bút mới trong làng văn học. Trong trường có đứa bạn nói với mọi người rằng Nobuko đã viết trên ba trăm trang cho một truyện tiểu thuyết loại tự thuật. Thế nhưng khi Nobuko vừa mới ra trường thì cô đã phải trực diện với một sự tình phức tạp. Mẹ Nobuko góa chồng, vất vả nuôi hai chị em cô ăn học mà đứa em gái tên Teruko chưa học xong trung học. Trước mặt người mẹ tảo tần, Nobuko ít khi có thái độ ích kỷ cá nhân và bây giờ, theo như tập quán của xã hội cô không tránh khỏi việc phải nghĩ đến chuyện lập gia đình trước khi bắt đầu sự nghiệp sáng tác!

Cô có một người anh họ tên Shunkichi, một sinh viên học văn chương. Shunkichi cũng nuôi mộng trong tương lai sẽ trở thành một nhân vật trong chốn văn đàn. Từ lâu, cả hai là đôi bạn chí thân và vì cùng thích bàn chuyện văn học nên càng ngày họ càng thân nhau hơn. Cái khác với Nobuko là Shunkichi hoàn toàn không xem trọng trường phái Tolstoi^[1], hồi đó rất thịnh hành. Khi đối thoại, Shunkichi hay nói những lời lẽ châm biếm hoặc những câu cách ngôn dạy đời của Pháp. Thái độ giễu cợt và hời hợt này đôi khi đã làm phật lòng Nobuko, vốn tư chất nghiêm trang. Tuy nhiên, Nobuko không khỏi không cảm thấy ở những lời lẽ của Shunkichi có một cái gì không thể xem thường.

Do đó, khi còn là sinh viên, hai người thường rủ nhau đi xem triển lãm hoặc nghe nhạc. Những lần như thế, hầu như lúc nào cũng có Teruko bên cạnh. Cả ba cùng trò chuyện và cười đùa rất vui vẻ. Chỉ có Teruko đôi khi bị đặt ra ngoài vòng trò chuyện giữa Nobuko và Shunkichi nhưng cô không lộ một vẻ gì bất bình cả. Như đứa trẻ, cô vừa đi vừa ngấm mấy cây dù hay mấy tấm khăn choàng trưng bày ở các cửa hàng. Khi Nobuko nhận ra điều này, cô liền thay đổi đề tài để gọi Teruko nói chuyện lại như trước. Mặc dù vậy, Nobuko chính là người trước tiên quên rằng cô có cô em gái đang đi chơi chung với mình. Shunkichi thì như là vô ý với tất cả sự việc, vừa đi vừa giễu cợt vui vẻ, chậm rãi nghênh ngang trong dòng người qua lại tấp nập trên đường phố.

Tình cảm nồng thắm giữa Nobuko và Shunkichi đã khiến đám bạn cô tin chắc là hai người sẽ kết hôn với nhau. Bạn bè người thì ao ước có được một tương lai như Nobuko, kẻ thì sinh

lòng đổ kỵ. Đặc biệt, (điều thật là khôi hài là) người không biết Shunkichi thì càng ganh tị nhiều hơn. Nobuko khi thì đánh chính, khi thì cố ý làm cho bạn cô ngẫm hiểu đó là sự thật. Vì vậy, trước khi hai người tốt nghiệp, hình ảnh tương lai của Nobuko và Shunkichi như đôi vợ chồng mới cưới đã in đậm trong tâm trí của tất cả mọi người.

Khi Nobuko tốt nghiệp đại học thì hoàn toàn trái hẳn với dự tưởng của họ, cô đột nhiên lập gia đình với một thanh niên tốt nghiệp trường cao đẳng thương mại và mới làm việc cho một công ty mậu dịch ở thành phố Osaka. Sau lễ cưới vài ngày, cô theo chồng đi Osaka. Theo lời người đi tiễn ở nhà ga Tokyo, Nobuko luôn mỉm cười vui vẻ như mọi khi, thảnh thơi an ủi về Teruko, ngày hôm ấy khóc suốt suốt không nguôi.

Tất cả bạn cô, không ai là không thắc mắc. Trong lòng họ, có tình cảm vui sướng và tình cảm ganh tị, một thứ ganh tị hoàn toàn khác với thứ ganh tị hai ba năm về trước, trộn lẫn vào nhau một cách kỳ diệu. Người tin cẩn thì nghĩ rằng cô đã chọn chữ hiếu mà phó mặc định mệnh cho người mẹ quyết định. Kẻ đa nghi thì cho rằng cô đã thay lòng đổi dạ. Họ cố tìm một lời giải thích thỏa đáng mặc dù họ thừa hiểu rằng những cách giải thích đó chỉ là sản phẩm của óc tưởng tượng. Tại sao Nobuko không kết hôn với Shunkichi? Câu hỏi này, khi các bạn cô gặp nhau, bao giờ họ cũng bàn tán sôi nổi như là một đề tài rất quan trọng. Tuy nhiên sau đó chừng vài tháng, họ không còn nhắc đến Nobuko nữa và quên luôn cả quyển tiểu thuyết trường thiên mà họ nghĩ là Nobuko sẽ cho ra đời.

Trong khi đó ở ngoại ô thành phố Osaka, Nobuko đang sống những chuỗi ngày đầy hạnh phúc. Căn nhà của vợ chồng cô nằm giữa một rừng thông yên tĩnh. Khi chồng cô đi làm vắng nhà, chỉ có mùi nhựa thông quyện với ánh sáng xuyên qua khung cửa sổ chiếm ngự bầu không khí tĩnh mịch nhưng đầy sinh khí của căn nhà mới hai tầng. Vào những buổi chiều cô đơn ấy, khi Nobuko cảm thấy lòng mình nặng trĩu, cô thường lấy ra một bức thư màu cam xếp dưới đáy một hộp đựng kim chỉ. Bức thư có những hàng chữ nhỏ đẹp:

"... Chị ơi! Hôm nay là ngày cuối cùng em được ở gần bên chị. Khi viết những dòng chữ này em không cầm được nước mắt chị ạ. Em xin chị. Em xin chị hãy tha thứ cho em. Em không biết nói làm sao trước sự hy sinh cao quý của chị. Em biết chị chấp thuận lời cầu hôn là vì em. Chị có nói là không phải thế, em cũng không tin. Em biết rất rõ. Chị có nhớ một đêm khi hai chị em mình đi xem kịch ở Đế Quốc Kịch Trường không? Chị hỏi em có yêu anh Shunkichi không. Rồi chị nói tiếp nếu em có yêu thì em hãy lấy anh ấy đi. Chị sẽ hết sức giúp. Khi ấy, chị đã đọc lá thư em gửi cho anh Shunkichi rồi phải không? Khi em biết mình mất lá thư đó, em đã hận chị. (Em xin lỗi chị, em không biết nói sao). Đêm ấy em đã hiểu những lời lẽ thân yêu của chị như là lời trêu chọc nên em không trả lời thẳng vào câu hỏi quyết định đó. Hai ba ngày sau, nghe tin chị vội vàng chấp thuận lời cầu hôn, em sững sờ cả người. Nếu có phải chết đi để xin lỗi chị, em cũng sẵn lòng. Chị cũng yêu anh Shunkichi! Đừng có giấu em, em biết rõ mà. Em biết chắc nếu không vì em, chị sẽ kết hôn với anh Shunkichi. Chị đã lặp đi lặp lại nhiều lần giữa chị và anh Shunkichi không có gì cả. Rồi bây giờ, chị lập gia đình với một người mà chị không yêu. Chị yêu dấu của em! Chị có nhớ em đã bảo gì với con gà con em ôm trong tay không? "Chào dì Nobuko đi. Ngày mai dì đi Osaka đó". Em muốn cùng con gà mà em nuôi xin lỗi chị. Hôm đó, mẹ không hiểu gì hết chuyện giữa hai chị em mình, cũng khóc.

Chị ơi! Ngày mai chị sẽ đi Osaka rồi phải không? Chị nhớ đừng bao giờ bỏ Teruko, đưa em nhỏ

của chị nhé. Mỗi sáng khi cho gà ăn, chắc em sẽ khóc thầm vì nhớ chị”.

Nobuko luôn ứa nước mắt khi đọc lá thư này. Nobuko nhớ lại hình ảnh rất dễ thương của Teruko, nhét vội vào tay cô lá thư khi cô sắp bước lên con tàu hỏa rời ga Tokyo. Có thật cô đã hy sinh hạnh phúc của mình như Teruko tưởng tượng hay không? Lòng hoài nghi sau khi hết khóc đã làm Nobuko cảm thấy bứt rứt nặng nề. Để thoát khỏi ý nghĩ tiêu cực đó, Nobuko tìm cách khuây khỏa bằng cách nhìn về phía rừng thông. Một chập, ánh nắng dần dần đổi sang màu vàng báo hiệu trời sắp tối.

2

Trong vòng ba tháng đầu, như tất cả những cặp vợ chồng mới cưới, họ sống với nhau hạnh phúc. Người chồng là người ít nói nhưng tính tình thì hơi giống đàn bà. Mỗi ngày sau khi đi làm về và sau buổi cơm tối, anh ta luôn dành vài tiếng đồng hồ cho vợ. Nobuko vừa đan vừa kể cho chồng nghe những truyện tiểu thuyết hay những vở kịch đang làm sôi nổi dư luận. Câu chuyện của Nobuko, đôi khi có thêm một vài triết lý về nhân sinh quan, thường thấy ở những nữ sinh tốt nghiệp trường đại học thuộc hệ Thiên Chúa giáo. Người chồng, mặt đỏ vì men rượu, đặt tờ báo phát hành buổi tối đang đọc xuống đùi và chăm chú nghe cô nói một cách thích thú, nhưng tuyệt nhiên không góp thêm một ý kiến riêng tư nào cả.

Mỗi chủ nhật, họ thường đi du ngoạn ở ngoại ô thành phố Osaka. Những khi ở trên tàu điện, Nobuko đều nhận thấy người miền Kansai^[2] không được lịch sự cho lắm ở chỗ họ ăn uống bất kể nơi chốn. Cô lấy làm hãnh diện với thái độ hòa nhã của người chồng, trông quý phái hơn một bậc. Người chồng ăn mặc chỉnh tề đẹp đẽ, từ cái mũ, bộ veste cho đến cả đôi giày da màu đỏ, trông rất thanh tao. Khi chồng cô ngồi giữa đám quần chúng địa phương, tất cả như tỏa ra một mùi thơm tinh khiết giống như mùi thơm từ cục xà phòng trang sức. Đặc biệt vào lúc nghỉ hè khi họ đi xa để viếng thăm maiko^[3] và tình cờ gặp các bạn đồng nghiệp trong phòng trà đạo, Nobuko càng thấy hãnh diện hơn về chồng cô, nhưng cô lấy làm lạ về thái độ quá thân mật của người chồng đối với đám bạn tầm thường trong sở.

Không bao lâu, Nobuko nhớ lại việc sáng tác mà cô đã bỏ dở khá lâu. Vì vậy, mỗi ngày sau khi chồng đi làm vắng nhà, cô thường ngồi vào bàn vài tiếng đồng hồ để sáng tác. Khi người chồng biết cô viết văn, anh ta mỉm cười thông cảm: “Em sắp sửa trở thành một nữ văn hào rồi đấy”. Thế nhưng dù ngồi vào bàn, Nobuko cũng không viết được bao nhiêu. Tay chống cằm, cô thả hồn theo tiếng ve sầu phát ra từ rừng thông trong bầu không khí oi ả của mùa hè. Cô không khỏi không cảm nhận thân phận cô trong tiếng ve sầu đó.

Vào một ngày đầu thu nhưng trời nóng nực trở lại, trước khi đi làm người chồng lục tìm một cổ áo sạch để thay cho cổ áo đã ướt mồ hôi. Nhưng không may tất cả đã được mang đi tiệm giặt. Người chồng quen ăn mặc sạch sẽ nên mặt cau lại. Khi thất lại dây quần trên ngực, người chồng cầu nhàu: “Viết tiểu thuyết hoài không lo việc nhà”. Nobuko cúi mặt không trả lời, lo phủ bụi áo veste cho chồng đi làm.

Hai ba ngày sau vào một buổi tối, khi đọc báo thấy có vấn đề thực phẩm, người chồng lên tiếng yêu cầu Nobuko nên tần tiện một chút. Rồi, anh ta nói thẳng thừng: “Nên nhớ em không còn là nữ sinh nữa đâu nhé”. Nobuko đang thêu chiếc cà vạt cho chồng, chỉ trả lời một cách miễn cưỡng. Người chồng bồi thêm: “Cái cà vạt đó, mua còn rẻ hơn là làm”. Nobuko càng làm thình không nói một tiếng. Một chập sau không thấy cô trả lời và cảm thấy nhàm chán, người chồng lấy một tạp chí thương mại ra đọc. Sau khi tắt đèn phòng ngủ, Nobuko nằm quay lưng lại

với chồng khẽ nói: “Em sẽ không viết tiểu thuyết nữa đâu”. Người chồng không trả lời. Một lát, cô lặp lại với một giọng nhỏ nhẹ hơn, rồi cô bật khóc. Người chồng trách móc cô vài ba câu rồi bảo cô im đi, nhưng tiếng khóc thút thít của cô vẫn không dứt. Một lát sau, Nobuko ôm chặt lấy người chồng.

Ngày hôm sau họ làm lành trở lại. Tưởng là mọi sự sẽ tốt đẹp từ đó nhưng có một đêm quá 12 giờ mà người chồng chưa về nhà. Tới lúc người chồng về thì anh ta nồng nặc mùi rượu và say lúy túy đến nỗi tự mình không cởi áo khoác ngoài được. Nobuko nhú mào, tận tình thay quần áo cho chồng, nhưng đền bù cho cô là lời nói mỉa và nhỏ mọn như đàn bà: “Đêm nay anh mà không về nhà thì tha hồ em viết tiểu thuyết”. Đêm ấy khi Nobuko vừa đặt lưng xuống ngủ thì tự nhiên nước mắt chảy giàn giụa. Nếu Teruko thấy Nobuko khóc như vậy, không biết cô em sẽ buồn và khóc làm sao. Đêm đó, Nobuko không tài nào ngủ được vì hơi thở nồng nặc mùi rượu của người chồng. Trăn trở, nhiều lần Nobuko gọi thầm tên người em: “Teruko ơi, Teruko! Chị chỉ biết tâm sự với em thôi”.

Sáng hôm sau, tự nhiên họ hòa thuận trở lại.

Khi những câu chuyện như thế tái diễn ngày nọ qua ngày kia thì trời đã vào giữa thu. Hiếm khi Nobuko ngồi vào bàn viết, mà người chồng cũng không còn thích thú nghe Nobuko kể chuyện văn chương như trước nữa. Mỗi đêm, đối diện nhau bên lò sưởi, họ chỉ còn biết giết thời giờ bằng những câu chuyện như thiếu hụt tiền bạc trong gia đình. Ít ra đây cũng là một đề tài hấp dẫn nhất đối với người chồng, sau khi anh ta xong buổi cơm tối và một chén rượu. Thỉnh thoảng cô theo dõi sắc diện chồng với vẻ thương hại, nhưng người chồng không biết gì cả. Ngậm vài sợi râu để dài trong miệng và vui vẻ hơn hẳn mọi hôm, anh ta đắm chiêu nói: “Bây giờ chúng mình mà có con thì...”

Đạo đó, Nobuko thấy tên người anh họ xuất hiện trên những tờ nguyệt san. Sau khi lập gia đình, Nobuko cắt đứt mọi liên lạc thư từ với Shunkichi, như thể cô đã không còn muốn nhớ đến Shunkichi nữa. Thỉnh thoảng có những tin tức của Shunkichi như đã tốt nghiệp đại học ban Văn hay cùng một số bạn thân ra mắt một tạp chí thì là do các bức thư từ người em gái gửi đến. Tuy Nobuko không muốn biết thêm về Shunkichi mấy, nhưng khi thấy tên của Shunkichi trên những trang tiểu thuyết thì cô nhớ lại những ngày xưa. Nhiều lúc, Nobuko không nhịn cười một mình được khi đọc những trang do Shunkichi viết. Cũng một giọng điệu, vừa châm chọc vừa hài hước. Giống như Miyamoto Musashi^[4] dùng hai thanh kiếm cùng một lúc. Có thể từ tiềm thức hay chẳng, Nobuko cảm nhận trong những lời văn mỉa mai nhẹ nhàng của Shunkichi có tiềm ẩn một tâm trạng buồn chán, buông thả chưa từng có của người anh họ. Và cô không khỏi cảm thấy hối hận là đã suy nghĩ như vậy.

Từ đạo ấy, Nobuko trở nên chiều chuộng người chồng hơn trước. Những đêm thu lạnh, người chồng nhìn thấy Nobuko, ngồi bên kia lò sưởi lúc nào cũng tươi cười vui vẻ. Guơng mặt cô trông trẻ hơn trước và thường được trang điểm. Vừa may, cô vừa kể cho chồng nghe những điều cô nhớ khi hai người làm đám cưới ở Tokyo. Người chồng, ngạc nhiên và sung sướng trước những chi tiết đó: “Em còn nhớ cả những chuyện như thế à!” Bị chồng trêu, Nobuko không trả lời mà chỉ đưa mắt nhìn chồng tình tứ. Đôi khi cô cũng không hiểu tại sao cô lại nhớ dai đến thế.

Không bao lâu, cô nhận một bức thư từ người mẹ báo tin đám hỏi của Teruko đã xong. Trong thư, mẹ cô viết thêm rằng Shunkichi đã tậu một căn nhà mới ở ngoại ô vùng Yamanote để đón Teruko về sống chung. Cô viết ngay một lá thư dài chúc mừng: “Vì nhà không có ai, rất

tiếc chúng con không thể lên dự ngày cưới...". Ngồi bết Nobuko khựng lại nhiều lần (cô không hiểu tại sao) khi cô viết những dòng chữ đó. Cô ngước mắt lên, rồi lại nhìn ra ngoài phía rừng thông. Những cây thông xanh rì và rậm rạp dưới bầu trời mới sang đông.

Đêm ấy, Nobuko cùng chồng bàn chuyện kết hôn của Teruko. Người chồng mỉm cười vui thích nghe Nobuko nhái giọng nói của cô em. Nhưng Nobuko lại có cảm tưởng là cô kể chuyện của Teruko cho chính cô nghe. Hai ba tiếng đồng hồ sau, vuốt bộ râu mềm mại, người chồng đứng dậy rời lò sưởi: "Thôi đi ngủ nhen". Suy nghĩ mông lung không biết tặng món quà gì cho người em và đang dùng đũa gấp than viết vài chữ trên đồng tro, Nobuko đột nhiên ngước mặt lên nhìn chồng:

- Nhưng mà lạ thật. Khi nghĩ rằng mình có được một người em trai.
- Lẽ dĩ nhiên rồi. Mình có em gái mà.

Nobuko chỉ làm thỉnh, cặp mắt như suy nghĩ sâu xa lắm.

Giữa tháng Chạp, Teruko và Shunkichi làm đám cưới. Ngày hôm đó, trước trưa một chút, tuyết bắt đầu rơi lảm tã, Nobuko ngồi ăn trưa một mình. Sau bữa cơm, mùi cá vẫn còn đọng trong miệng. Tựa mình vào lò sưởi trong phòng khách thiếu ánh sáng và trong tư thế bất động, Nobuko nghĩ: "Ở Tokyo, có lẽ tuyết cũng rơi chẳng?" Tuyết rơi thật nhiều, nhưng mùi tanh của cá vẫn không bay khỏi miệng.

3

Mùa thu sang năm, sau một thời gian dài Nobuko có dịp cùng chồng đặt chân lên đất Tokyo, khi người chồng nhận lệnh của hãng đi công tác nơi đây. Vì phải hoàn tất nhiều việc trong một thời gian ngắn, người chồng chỉ đến thăm mẹ Nobuko qua loa. Ngoại trừ ngày ấy, cô không được chồng dẫn đi đâu cả. Khi đi thăm gia đình người em ở ngoại ô Tokyo, cô cũng phải đi một mình. Cô xuống tàu điện ở một ga cuối đường tàu, chung quanh là một khu đất mới. Cô gọi xe kéo rồi sau đó ngồi lắc lư trên con đường nhiều ổ gà dẫn đến nhà Teruko.

Nhà của họ nằm trong một khu phố sát vườn hành. Chung quanh ở đâu cũng là nhà mới, cất san sát chật hẹp, đúng như kiểu nhà cho thuê. Tất cả đều na ná giống nhau từ cái cổng có mái hiên che, hàng rào cho tới đồ giặt phơi trên sào. Phong cảnh nhà cửa tầm thường này đã làm cho Nobuko hơi thất vọng.

Khi Nobuko đến một nhà để hỏi thăm, không ngờ người ra tiếp cô chính là người anh họ. Khi thấy mặt người khách ít có dịp gặp được, Shunkichi reo lên, cũng một giọng linh hoạt như trước:

- Ối chà chà!

Nobuko nhận thấy Shunkichi không còn để tóc ngắn như thời sinh viên nữa. Cô chào lại:

- Lâu ngày quá.
- Vào nhà đi. Tiếc quá, chỉ có mình tôi thôi.
- Teruko đâu? Đi vắng hả?
- Teruko đi có việc. Người giúp việc cũng vậy.

Nobuko cảm thấy hơi ngượng. Cô cởi áo khoác ngoài có lớp vải lót bên trong đẹp sắc sỡ, rồi nhẹ nhàng đặt ở một góc thềm nhà.

Shunkichi mời cô ngồi trong một phòng rộng tám chiếu^[5], vừa là phòng đọc sách kiêm phòng khách. Trong phòng, sách vở chất ngổn ngang. Đặt biệt chung quanh một cái bàn nhỏ làm bằng gỗ tử đàn đặt bên cửa kéo, có nắng chiếu rọi xuống thì còn tệ hơn nữa. Báo, tạp chí rồi bản thảo bừa bãi đến nỗi không còn muốn dọn dẹp. Chỉ có một món đồ duy nhất trong phòng nói lên sự hiện hữu của người vợ trẻ là một cây đàn koto^[6] dựng bờ tường, cạnh phòng ngủ. Nobuko không ngừng quan sát căn phòng với cặp mắt hiếu kỳ.

Shunki châm lửa thuốc điếu, nhìn Nobuko với cặp mắt thân thiện:

- Qua thư từ, mình biết Nobuko sẽ đến thăm, nhưng không nghĩ là ngày hôm nay. Sao? Sinh hoạt ở Osaka như thế nào?

- Còn anh Shunkichi thì sao? Hạnh phúc chứ?

Trong khi trao đổi dăm ba câu, Nobuko ý thức tình thân ái của những ngày xưa đang trỗi dậy trong lòng cô. Cô không còn e ngại lắm về chuyện cô đã không trao đổi thư từ hơn hai năm nay.

Cùng để tay trên lò sưởi, hai người nói đủ thứ chuyện, như tiểu thuyết của Shunkichi, tin tức bạn bè, so sánh giữa Tokyo và Osaka v.v... Giữa họ có rất nhiều chuyện để nói, nói bao nhiêu cũng không hết. Tuy nhiên, như là đã giao ước từ trước, hoàn toàn họ không đề cập đến những vấn đề liên quan đến cuộc sống riêng tư. Điều này đã tạo cho Nobuko có cảm tưởng mạnh là cô đang nói chuyện với người anh họ mà thôi.

Tuy nhiên, im lặng cũng thỉnh thoảng đến giữa hai người. Khi đó, Nobuko mỉm cười, cúi mặt nhìn xuống đồng hồ treo trên lò sưởi. Có vẻ cô đang âm thầm chờ đợi một điều gì (mặc dù nói là chờ đợi cũng không đúng hẳn). Không hiểu ngẫu nhiên hay cố ý, Shunkichi liền tìm ngay một đề tài để phá tan bầu không khí yên lặng. Lần lần, Nobuko không khỏi không ngược nhìn lên gương mặt người anh họ. Nhưng Shunkichi chỉ bình thản hút thuốc, không tỏ ra đặc biệt che giấu một tình cảm không tự nhiên.

Một chập sau, Teruko trở về nhà. Vừa thấy mặt chị, Teruko mừng rỡ nắm tay Nobuko còn Nobuko thì mỉm cười nhưng mắt đã ngấn lệ từ bao giờ. Hai chị em vồn vã hỏi thăm nhau sinh hoạt từ năm ngoái, trong một thời gian dài mà không màng gì đến Shunkichi. Teruko tươi tắn, đôi má ửng hồng màu máu, đã không quên kể cho người chị nghe chuyện con gà nuôi từ trước đến nay. Ngậm điếu thuốc trong miệng, Shunkichi nhìn hai chị em, cười hề hề một cách thích thú.

Khi đó, người giúp việc cũng vừa về tới. Được trao cho mấy tấm bưu thiếp, Shunkichi vội vã ngồi ngay vào bàn, rồi bắt đầu viết phúc đáp. Teruko thấy làm lạ khi nhận ra người giúp việc cũng vắng nhà:

- Vậy là khi chị đến đây, không có ai ở nhà à?

Nobuko lấy vẻ bình tĩnh trả lời:

- Ờ, chỉ có anh Shunkichi.

Tức thì, Shunkichi quay lại phía Teruko nói:

- Cám ơn chồng đi. Trà đó là do anh rót đấy.

Teruko đưa mắt nhìn cô chị tinh nghịch cười khúc khích, như cố ý không thèm trả lời chồng.

Sau đó, Nobuko bắt đầu dùng cơm tối với vợ chồng cô em. Teruko giải thích tất cả trứng gà trên bàn ăn đều là do con gà cô nuôi đẻ ra. Shunkichi vừa rót rượu vang mời Nobuko, vừa lý sự: “Cuộc sống của loài người có sự bóc lột trong đó. Bắt đầu từ chuyện nhỏ như quả trứng gà”. Một nhận xét có tính cách chủ nghĩa xã hội, nhưng điều trớ trêu là Shunkichi là người thích ăn trứng gà nhất trong ba người ngồi ở bàn ăn. Nghe chồng nói, Teruko bật cười giòn giã, tiếng cười trong trẻo như trẻ con, cho rằng đó là điều khôi hài. Trong không khí chung quanh bàn ăn như thế, Nobuko không khỏi không nhớ lại những buổi hoàng hôn trên phòng khách cô đơn của cô trong khu rừng thông xa xôi.

Sau phần tráng miệng bằng trái cây, câu chuyện vẫn chưa dứt. Đêm dài dưới bóng đèn điện, ngà ngà vì men rượu Shunkichi vừa ngồi tréo chân vừa thao thao bất tuyệt với những nguy biến độc đáo của anh ta. Cuộc đàm luận sôi nổi làm Nobuko trễ lại. Cô mắt sáng lên:

- Tôi cũng sẽ xuất bản tiểu thuyết. Được chứ?

Người anh họ không trả lời, tiếp tục dẫn chứng câu nói của Gourmont:

- Thần Muses^[7] là nữ thần nên chỉ có nam giới là có thể tự do sử dụng họ như tù binh mà thôi.

Nobuko cùng Teruko không chấp nhận uy tín của Gourmont, trở thành đồng minh. Teruko làm nghiêm nói:

- Như vậy, nếu không phải là nữ giới thì không thể trở thành nhà âm nhạc hay sao? Thần Apollo không phải là đàn ông chăng?

Đêm tối quá khuya, Nobuko phải ngủ lại. Trước khi đi ngủ, Shunkichi mở một cánh cửa rồi bước ra ngoài vườn nhỏ, bộ đồ ngủ còn mặc trên người. Sau đó, gọi trống không: “Nào ra xem trăng đi. Trăng đẹp lắm”. Nobuko đặt chân vào đôi guốc để ngoài vườn rồi một mình theo chân Shunkichi. Sương lạnh thấm vào chân không mang tất. Mặt trăng chênh chếch trên nhánh cây bách èo uột ở góc vườn. Đứng dưới cây bách, người anh họ ngẩng nhìn bầu trời lơ mờ ánh trăng. Nobuko rụt rè tiến đến gần Shunkichi, cảm thấy khó chịu trước cảnh xơ xác của khu vườn:

- Cỏ dại mọc nhiều quá.

Tuy nhiên Shunkichi chỉ ngược mặt nhìn bầu trời, nói nhỏ:

- Đêm mười ba rồi nhỉ.

Im lặng giữa hai người. Một chập sau, Shunkichi quay lại nói với Nobuko:

- Đi xem chuồng gà không?

Nobuko im lặng gật đầu. Hai người sánh vai, chậm rãi đi về phía chuồng gà, ở một góc đối diện với cây bách. Tuy nhiên trong chuồng hôi mùi gà chỉ có ánh trăng nhạt và bóng tối xen kẽ với nhau. Shunkichi ngó vào chuồng gà rồi nói nhỏ với Nobuko như thể nói một mình:

- Ngủ mất rồi.

Nobuko đứng yên trong sân cỏ, chạnh nghĩ:

- Những con gà bị người ta ăn cắp trứng...

Khi hai người trở vô nhà thì thấy Teruko ngồi bên bàn viết của chồng cô, thần thờ nhìn bóng đèn điện. Một con châu chấu màu xanh bò bên trong chụp đèn.

4

Sáng hôm sau, Shunkichi bận một bộ veste bóng láng duy nhất rồi vội vã bước ra khỏi nhà sau khi ăn cơm xong. Shunkichi nói anh phải đi thăm mộ người bạn, mất cách đây đúng một năm. Vừa mặc thêm áo ngoài, vừa căn dặn Nobuko: “Nobuko nhớ nhé. Phải ở nhà chờ tôi đấy. Chắc chắn tôi sẽ về trước trưa”. Đưa bàn tay thon đẹp cầm nón hộ cho Shunkichi, Nobuko chỉ im lặng mỉm cười.

Sau khi tiễn chồng, Teruko mời người chị ngồi bên lò sưởi rồi ân cần rót trà. Teruko kể đủ thứ chuyện, nào chuyện bà hàng xóm, chuyện ký giả đến phỏng vấn, chuyện hai vợ chồng đi xem kịch ở nước ngoài v.v... và rất nhiều chuyện vui khác. Nhưng Nobuko chỉ thấy buồn chán. Khi sự tĩnh thì thấy ở đó có cô, người lúc nào cũng chỉ trả lời ừ hử cho qua chuyện. Điều này rất cuộc đập vào mắt Teruko. Người em nhìn thẳng vào mắt người chị, lo lắng: “Chị làm sao thế?” Nobuko cũng không hiểu rõ hôm nay cô ra làm sao.

Khi đồng hồ điểm mười giờ, Nobuko mệt mỏi đưa mắt lên nói: “Anh Shunkichi chắc không về sớm được đâu nhỉ”. Nghe người chị nói, Teruko cũng ngược mặt nhìn đồng hồ rồi thản nhiên nói: “Chưa đâu”. Nobuko cảm nhận trong câu nói đó tâm trạng của người vợ mới cưới đang sống thật hạnh phúc trong tình yêu chồng vợ. Nghĩ thế rồi Nobuko không khỏi không cảm thấy u buồn.

Nobuko kéo áo che cổ lại rồi nói như nói đùa: “Em Teruko hạnh phúc nhỉ”. Giọng cô nói mang âm hưởng xuất phát một cách tự nhiên từ một ao ước chân thật, muốn được hạnh phúc như cô em. Tuy nhiên, Teruko chỉ bình thản vui vẻ mỉm cười, làm ra vẻ trừng mắt giận: “Chị nhớ đấy”. Rồi với giọng ngọt ngào: “Chị cũng hạnh phúc vậy. Nói chi chuyện người khác!” Câu này đập thẳng vào Nobuko.

Nhuộm chân mày, Nobuko hỏi lại: “Em nghĩ thế à?” Hỏi lại, rồi hối hận. Teruko biến sắc một lát, nhìn mặt người chị. Gương mặt không che giấu được nỗi hối hận trong lòng. Nobuko gượng mỉm cười: “Được nghĩ như vậy thì cũng là hạnh phúc rồi phải không?”

Im lặng đến giữa hai chị em. Dưới tiếng đồng hồ đánh tích tắc, hai chị em làm như đang lắng nghe tiếng hơi nước xì xì từ ấm nước treo trên lò sưởi. Một chập, Teruko nhỏ nhẹ hỏi, giọng lo lắng và với vẻ tội nghiệp: “Anh không đối xử tử tế với chị sao?” Nobuko không thích được ai thương hại, cô đặt tờ báo xuống đùi rồi cúi mặt xuống cố ý không trả lời. Cũng như ở Osaka, tờ báo đăng tin giá gạo đang leo thang.

Khi đó, trong phòng khách yên tĩnh tiếng khóc thút thít nhỏ nhỏ vang lên. Nobuko ngừng đọc, thấy Teruko úp mặt vào vạt áo, ngồi khóc bên kia lò sưởi: “Thôi, đừng khóc nữa”. Teruko vẫn không nguôi dù được chị an ủi. Nobuko vừa cảm một niềm sung sướng tàn nhẫn, vừa nhìn đôi vai rung rung của cô em một chập mà không nói. Một lúc sau, để người giúp việc khỏi nghe,

Nobuko nói khẽ bên tai Teruko: “Nếu chị làm em buồn thì chị xin lỗi em thôi. Em Teruko có được hạnh phúc thì không gì làm chị vui sướng hơn. Thật mà. Nếu anh Shunkichi thương Teruko thì...”. Trong khi nói, giọng Nobuko dần dần trở nên xúc động vì chính lời nói của cô. Khi đó, đột nhiên Teruko để vạt áo xuống, gương mặt đầm đìa nước mắt. Điều lạ là cặp mắt cô không lộ vẻ buồn cũng không lộ vẻ giận. Mắt cô sáng rực lên như lửa cháy vì không kiềm chế được cơn ghen: “Nói vậy tại sao đêm qua chị, chị cũng...” Chưa nói hết câu, Teruko lại úp mặt vào tay áo rồi khóc nức nở...

Sau chừng hai ba tiếng đồng hồ, Nobuko vội vã gọi chiếc xe kéo rồi hướng về phía nhà ga. Quang cảnh lọt vào mắt cô chỉ là qua một miếng nhựa trong, vuông nho nhỏ phía trước. Những ngôi nhà cuối phố, những hàng cây bách mọc loạn xạ, nhiều màu sắc, chậm chạp nhưng liên tục lui về phía sau. Nếu có cái gì không di động thì đó chỉ là một bầu trời của mùa thu giá lạnh, lửng lơ với những đám mây mỏng mà thôi.

Lòng cô thanh thản. Một sự dứt khoát cùng với một tâm trạng buồn cô đơn đang chi phối tâm hồn cô. Sau khi Teruko nguôi cơn khóc, những lời lẽ hòa giải và những giọt nước mắt mới đã dễ dàng biến hai chị em trở lại hòa thuận như trước. Tuy nhiên, những sự việc đã xảy ra cho đến bây giờ không rời khỏi trí não cô, vì sự thật vẫn là sự thật. Khi Nobuko đặt mình ngồi trên chiếc xe kéo mà không đợi người anh họ trở về, thì cô nghĩ rằng từ đây và mãi mãi về sau cô đã trở thành một người xa lạ với em cô. Và tâm tình đó đang đóng băng cứng nhắc trong lòng cô.

Đột nhiên, Nobuko ngược mặt lên. Qua khung nhựa, cô thấy hình dáng của Shunkichi, tay cầm gậy đang đi về phía cô trên con đường khá dơ bẩn. Lòng cô dao động. Ngừng xe ư. Hay đi qua luôn. Trong khi cô không biết xử trí ra sao, thì khoảng cách giữa Shunkichi và cô càng lúc càng ngắn. Anh ta vừa đi vừa cố tránh các vũng nước trên đường, dưới bầu trời nhạt nắng.

Suýt chút nữa thì Nobuko đã kêu lên: “Anh Shunkichi!” Thật ra khi đó, dáng dấp quen thuộc của Shunki đã xuất hiện sát bên cạnh chiếc xe của cô. Cô lại do dự. Rồi Shunkichi, không biết có Nobuko ngồi trong xe, đi qua chiếc xe. Dưới bầu trời hơi u ám, chỉ có những căn nhà thưa thớt, những cây bách cao màu vàng, rồi một khu ngoài phố, ít người đi lại.

Trong chiếc xe kéo lạnh lạnh, Nobuko cảm một nỗi buồn tê tái và thăm thía nghĩ rằng: “Mùa thu rồi.”

(1920)

Nguyễn Ngọc Duyên dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Lev Nikolaevich Tolstoi (1828-1910), tiểu thuyết gia nổi tiếng người Nga, thuộc giai cấp quý tộc, đã để lại cho hậu thế những kiệt tác như *Chiến tranh và hòa bình*, *Phục sinh*...

[\(2\)](#) Osaka và các vùng phụ cận như Kyoto, Hiroshima.

[\(3\)](#) Những thiếu nữ thực tập để trở thành Geisha - những phụ nữ chuyên nghiệp giúp vui khách ở các quán ăn sang trọng hoặc ở những phòng trà đạo. Họ phải có khả năng ngâm thơ, múa, hát, hầu chuyện v.v...

[\(4\)](#) Kiểm sĩ lừng danh Nhật Bản (1584-1645), phát minh nitoryu, phương pháp sử dụng

hai thanh kiếm. Ông còn là một họa sĩ vẽ tranh mực Tàu.

[\[5\]](#) Tatami, tấm cói hình chữ nhật, khổ 180cm x 90cm, dày khoảng 5cm, dùng để lót sàn cho các nhà gỗ Nhật Bản. Tatami còn được dùng làm đơn vị đo lường diện tích căn phòng (thí dụ phòng bốn chiếu rưỡi, phòng sáu chiếu v.v...)

[\[6\]](#) Nhạc cụ truyền thống Nhật Bản, mười ba dây, khi đánh ra có âm điệu giống như đàn tranh Việt Nam.

[\[7\]](#) Chín nữ thần trong thần thoại Hy Lạp, ngự trị văn chương, nghệ thuật và khoa học.

Đứa con rơi

(Sutego)

Lời người dịch:

Đứa con rơi được Akutagawa Ryunosuke viết xong vào tháng bảy năm 1920. Khi tác giả được tám tháng tuổi thì mẹ ông đột nhiên mắc bệnh thần kinh nên ông được gia đình người cậu ruột (không có con riêng) đón về nuôi nấng. Từ đó, ông mang họ mẹ, Akutagawa, và được người chị dâu của mẹ ông, bà Fuki, chăm sóc. Đây là một trong những truyện ngắn tuyệt đẹp nói về tình mẫu tử.

“Ở khu phố Nagasumi^[1], Asakusa có một ngôi chùa tên Shingyo. - Người khách bắt đầu kể. - Ngôi chùa này không to lớn gì lắm nhưng tương đối thuộc loại cổ nhờ có tượng gỗ của nhà sư nổi danh tên Nichiro Shonin^[2]. Vào mùa thu năm Minh Trị thứ 22, người ta thấy có một bé trai sơ sinh bị bỏ trước cổng chùa. Không có lấy một miếng giấy để ghi tên chứ đừng nói đến năm sinh. Thân thể nó được cuộn bởi một miếng vải cũ kỹ và đầu nó đặt trên một chiếc dép đứt quai của phụ nữ làm gối.

Hồi đó, nhà sư trụ trì ngôi chùa là một vị lão thành tên Tamura Nisso. Một hôm khi nhà sư đang làm lễ ban sáng thì người gác cổng, cũng là một người đứng tuổi, đến báo có một đứa bé bị bỏ rơi. Đang đối diện trước tượng Phật, nhà sư hầu như không quay lại phía người gác cổng mà chỉ thản nhiên nói: “Vậy à, thôi thì ẵm nó vào đây đi”. Khi người gác cổng, vẻ mặt lo lắng, ẵm đứa bé đến thì nhà sư liền ôm nó vào lòng rồi vỗ về: “Đứa bé này thật dễ thương! Đừng khóc. Đừng khóc nữa con. Thầy sẽ nuôi con mà”. Từ đó về sau, người gác cổng, vốn có tình cảm đặc biệt với nhà sư, thường hay kể những tình tiết của câu chuyện này khi bán cây hồi^[3] hoặc nhang đèn cho khách thập phương đến viếng chùa. Có lẽ anh cũng biết, hòa thượng Nisso xưa là một thợ hồ sinh sống ở quận Fukagawa. Lúc mười chín tuổi, khi đang làm việc trên giàn xây cất, lỡ trượt chân ngã, bất tỉnh một hồi rồi sau đó tự nhiên mang lòng sùng bái đạo Phật chứ hồi xưa ông ta là người hung hăng, tính nết kỳ khôi chứ không phải hiền từ gì đâu.

Rồi sau đó, hòa thượng đặt tên đứa bé là Yunosuke và bắt đầu nuôi nấng nó như con ruột vậy. Nhưng mà kể từ thời Minh Trị Duy Tân trở đi, vì nhà chùa không có phụ nữ nên nói là nuôi chứ thật sự không phải là chuyện dễ. Từ chuyện ẵm bồng cho đến chuyện cho uống sữa, một mình hòa thượng làm hết trong những lúc rảnh rỗi không phải đọc kinh kệ. À, có một chuyện này nữa. Có một hôm thằng Yunosuke, có lẽ là cảm cúm gì đó mà xui xẻo làm sao nó lại bị bệnh nhằm lúc có Phật sự ở nhà một người tên là Nishitasu, một người cúng dường rất nhiều tiền của cho nhà chùa. Hòa thượng mặc áo lễ, một tay ôm thằng nhỏ đang lên cơn sốt vào ngực, một tay lần tràng hạt thủy tinh rồi đọc kinh bình thường như mọi hôm.

Nhưng mà lúc đó thì có lẽ là trong thâm tâm hòa thượng cũng muốn cho thằng Yunosuke được gặp cha mẹ ruột của nó nếu được, vì hòa thượng tuy là người bề ngoài trông cứng rắn nhưng cũng là người giàu tình cảm. Mỗi khi hòa thượng thuyết pháp - ngay bây giờ nếu anh đến cổng chùa thì cũng sẽ thấy tấm bảng cũ kỹ ghi: “Mỗi tháng thuyết pháp ngày rằm” - hòa thượng thỉnh thoảng trích dẫn điển tích Trung Hoa hay Nhật Bản, rồi bằng một giọng chân tình mà giảng dạy rằng không quên tình mẫu tử tức là đã báo ơn Phật vậy. Tuy nhiên, biết bao nhiêu lần thuyết pháp đã trôi qua mà chưa có một người nào đến tự xưng mình là cha hay là mẹ của đứa bé. À tôi quên mất, không phải như vậy đâu. Khi thằng Yunosuke lên ba tuổi, thì chỉ có một lần thôi có một người đàn bà, mặt nám vì đánh phấn trắng quá nhiều, đến gặp hòa

thượng nói mình là mẹ ruột của đứa nhỏ. Nhưng mà có lẽ bà ta định lợi dụng thằng nhỏ để làm chuyện gì đó nên khi hòa thượng hỏi kỹ lưỡng thì chỉ nghe toàn những chuyện đáng nghi ngờ mà thôi. Vì là người tính nết ngay thẳng, đàng hoàng, hòa thượng rất tức giận đến nỗi ông muốn đập bà ta một trận, nhưng thay vào đó chỉ nặng lời với bà ta một hồi lâu rồi đuổi đi ngay.

Rồi mùa đông năm Minh Trị thứ 27, lúc mà cả nước đang sôi sục trước tin đồn Nhật và nhà Thanh bên Trung Quốc sắp đánh nhau thì cũng vào ngày mười sáu, ngày thuyết pháp đó, khi hòa thượng trở về phòng riêng thì có một người đàn bà tuổi trạc băm bốn, băm lăm, dáng vóc thanh lịch dịu dàng bước theo. Trong phòng, thằng Yunosuke đang bóc quýt bên cạnh lò sưởi có ấm nước treo bên trên. Mới thấy mặt mũi thằng Yunosuke thì người đàn bà không ngần ngại liền chắp tay trước hòa thượng, rồi cố nén giọng run run bà ta nói thẳng rằng: “Bạch thầy, thưa con là mẹ ruột của đứa bé này.” Chuyện này làm hòa thượng Nisso, sững người ngạc nhiên đến nỗi không nói được một lời chào hỏi mặc dù hòa thượng vốn là người giao thiệp rộng rãi, bất thiệp. Rồi không đợi cho phép, người đàn bà mắt luôn nhìn xuống sàn chiếu, trân trọng bày tỏ lòng cảm ơn của bà đối với hòa thượng đã nuôi dưỡng thằng Yunosuke cho đến ngày hôm nay. Bà ta nói như đã học thuộc lòng trước nhưng sự xúc động mãnh liệt trong lòng bà ta có thể thấy thể hiện trên tấm thân run rẩy của bà.

Sau khi người đàn bà nói một chập, hòa thượng giơ quạt lên ngắt lời rồi yêu cầu bà ta trước tiên hãy nói cho nghe nguyên do nào bà đã phải bỏ đứa bé. Nghe nói vậy, người đàn bà mắt vẫn dán vào sàn chiếu, bắt đầu kể câu chuyện như sau.

Cách đây đúng năm năm, chồng bà buôn bán gạo ở phố Tawara, Asakusa nhưng vì say mê chuyện mua bán chứng khoán không lo làm ăn nên tiêu tan cả sự nghiệp. Gia đình phải vội vàng dọn nhà xuống Yokohama như là để trốn nợ và trong tình trạng đó, thằng nhỏ mới sinh đã trở thành vương tay vương chân. Hơn thế nữa, xui xẻo làm sao, người đàn bà lại hầu như không có một giọt sữa cho con bú. Đêm cuối cùng phải rời Tokyo, hai người đến trước cổng chùa Shingyo, khóc nức na nức nở một hồi lâu rồi đặt thằng bé còn đỏ hỏn ở đó.

Chỉ dựa vào mối quen biết ít ỏi, hai vợ chồng không đủ sức đáp tàu lửa, đã lần đến Yokohama tìm việc. Người chồng thì làm công cho một hãng vận tải, người vợ thì làm đầy tớ cho một tiệm dệt. Trong vòng hai năm, hai vợ chồng chăm chỉ làm ăn. Mùa hè năm thứ ba, chủ nhân hãng vận tải thấy người chồng làm việc thật thà và siêng năng nên cho mở một chi nhánh nhỏ nằm trên một con đường mới khai thông hồi đó thuộc khu Honmoku. Như vậy, người vợ không còn phải làm đầy tớ cho người ta nữa mà trở lại chung sống với chồng là chuyện đương nhiên rồi, khỏi phải nói.

Chi nhánh làm ăn khá khấm khá. Năm sau, hai vợ chồng sinh được một bé trai kháu khỉnh. Đương nhiên là ký ức bi thảm về đứa con rơi vẫn còn làm hai vợ chồng day dứt trong lòng. Đặc biệt khi người đàn bà cho đứa bé sơ sinh bú, lòng lo buồn không có đủ sữa cho con, thì bà ta nhớ lại rất rõ hình ảnh cái đêm hai vợ chồng phải rời Tokyo. Nhưng mà công việc làm ăn bận rộn. Rồi đứa bé càng ngày càng lớn. Vợ chồng rủng rỉnh có tiền gửi ngân hàng. Và như vậy thì sau một thời gian cực khổ hai người đã có được một đời sống tương đối hạnh phúc.

Tuy nhiên hạnh phúc đó không kéo dài được bao lâu. Khi cuối cùng họ mới có được nụ cười thì đầu xuân năm Minh Trị thứ 27, người chồng mắc bệnh thương hàn nằm liệt giường không đến một tuần thì ngã lăn ra chết. Nếu chỉ có chuyện đó không thôi thì bà ta cũng có thể

cho đó là số phận mà vượt qua được. Tuy nhiên, cái mà bà ta không thể nào chịu nổi là sau khi người chồng chết chưa đầy trăm ngày thì đứa con đột nhiên bị bệnh kiết lỵ rồi đi theo luôn. Thôi thì bà ta khóc ngày khóc đêm như khủng như điên rồi từ đó suốt nửa năm, bà ta sống như người mất hồn vậy.

Khi nỗi buồn vơi đi một chút, chuyện bà nghĩ đến đầu tiên là đi gặp đứa con trai đầu mà bà đã bỏ hờn xưa. Trong lòng bà ta nghĩ rằng: “Nếu nó còn khỏe mạnh thì đầu có cực khổ đi chăng nữa mình cũng ráng mang về mà nuôi nấng”. Nghĩ tới đó thì lòng dạ bứt rứt không thể chần chừ, bà ta liền đáp tàu lửa đi Tokyo, vùng đất quen thuộc khi xưa, rồi đến thẳng chùa Shingyo. Lúc bà ta đến thì đúng vào buổi sáng ngày mười sáu, ngày thuyết pháp mỗi tháng.

Đến chùa, bà ta định đến ngay tầng phòng để hỏi tông tích thằng nhỏ. Nhưng khi đang thuyết pháp giữa chừng thì làm sao mà bà ta gặp hòa thượng được. Do đó bà ta phải vào chính điện đang đông nghẹt thiện nam tín nữ, bèn chồn tai lắng nghe thuyết pháp mà hồn thì để đâu đâu. Nói là nghe chứ thực sự là bà ta chỉ cầu mong cho buổi thuyết pháp xong thật sớm.

Nhưng ngày hôm ấy, hòa thượng cũng đã trích dẫn điển tích bà Liên Hoa^[4] tình cờ gặp lại năm trăm người con của bà để rồi tận tình thuyết minh rằng ân tình giữa mẹ và con rất là cao quý. Bà Liên Hoa đẻ năm trăm trứng nhưng tất cả đều trôi sông đến một nước lân bang và được nhà vua nước đó nuôi nấng. Lớn lên, năm trăm chàng lực sĩ sinh ra từ năm trăm quả trứng này lại đi tấn công thành trì của bà Liên Hoa mà không biết đó là thành của mẹ mình. Nghe nói vậy, bà Liên Hoa liền leo lên đỉnh thành rồi nói vọng xuống: “Tao là mẹ của năm trăm đứa tui bay đây. Bằng chứng đây này”. Nói xong, bà kéo vú ra rồi bằng bàn tay nồn nà bóp cho sữa chảy. Từ ngực của bà đứng trên đỉnh thành cao, sữa chia ra năm trăm dòng rót ngay vào miệng của năm trăm chàng lực sĩ, không sót một ai. Đang ngồi nghe thuyết pháp một cách miễn cưỡng, câu chuyện ngụ ngôn của nước Thiên Trúc^[5] này đã làm người đàn bà bất hạnh xúc động mạnh. Chính vì vậy sau khi nghe thuyết pháp xong, mắt còn đầm lệ, bà ta liền ra khỏi chính điện rồi theo hành lang vội vàng đến tầng phòng của nhà chùa.

Nghe xong rõ ràng đầu đuôi câu chuyện, hòa thượng Nisso gọi thẳng Yunosuke ở bên lò sưởi đến để nó thấy mặt mẹ nó lần đầu tiên sau năm năm bị bỏ rơi. Có lẽ hòa thượng đã tự nhiên cảm nhận rằng những lời lẽ bà ta nói ra là thật. Bà ta ẵm thẳng Yunosuke lên. Trong lúc bà ta cố dùng để tiếng khóc bật ra thì hòa thượng, một con người rộng rãi hào phóng, đang mỉm cười nhưng nước mắt thì đã lóng lánh dưới hàng mi.

Sau đó chuyện gì sẽ xảy ra thì khỏi phải nói anh chắc cũng đoán được. Yunosuke được mẹ dẫn về sống ở thành phố Yokohama. Bà ta sau khi chồng con chết, dưới sự hướng dẫn của ông chủ hãng vận tải giàu tình nghĩa, đã sinh sống bằng nghề dạy may giỏi giang của bà. Cuộc sống tuy đạm bạc nhưng không phải là cực khổ gì cho lắm”.

Sau khi chấm dứt câu chuyện dài, người khách cầm tách trà lên nhưng không uống mà nhìn thẳng vào mặt tôi rồi nói giọng trầm buồn:

- Đứa con bị bỏ rơi đó chính là tôi đây.

Tôi yên lặng gật đầu, rót thêm nước nóng vào bình trà. Mặc dù đây là lần đầu tiên tôi gặp người khách, tôi cũng đã mừng tượng được rằng câu chuyện dễ thương về đứa con bị bỏ rơi này là chuyện thật về cuộc đời thừa thừa ấu của bạn Matsubara Yunosuke.

Im lặng một chập, tôi hỏi người khách: “Bây giờ mẹ anh vẫn khỏe mạnh chứ?” thì tôi nhận được câu trả lời ngoài dự đoán: “Không, mẹ tôi mất cách đây hai năm. Nhưng mà người phụ nữ

mà tôi kể cho anh nghe không phải là mẹ ruột của tôi đâu”.

Thấy tôi ngạc nhiên, người bạn mắt hơi lộ vẻ hóm hỉnh kể:

“- Đương nhiên là chuyện người chồng mở tiệm gạo ở phố Tawara, Asakusa, hoặc chuyện hai người đến Yokohama rồi sống lặn lội ở thành phố này là chuyện có thật. Tuy nhiên chuyện bỏ con là chuyện bịa đặt mà sau này tôi mới biết được. Số là đúng một năm trước khi mẹ tôi mất, do công chuyện làm ăn - như anh đã biết, nhà tôi mua bán chỉ vải - tôi đã đi khắp các phố ở huyện Niigata. Lúc đó tôi có dịp đi cùng chuyến tàu lửa với một người chủ tiệm bao bì, láng giềng của mẹ tôi khi bà cư ngụ ở phố Tawara. Theo lời ông ta kể, mặc dù tôi không có hỏi, thì hồi đó mẹ tôi sinh được một đứa bé gái nhưng đứa bé sơ sinh này lại chết đi trước khi mẹ tôi đóng cửa tiệm. Rồi sau đó khi tôi trở về Yokohama, không cho mẹ tôi biết, tôi liền xin bản sao của tờ khai hộ tịch mà xem thì đúng như là ông chủ tiệm bao bì nói, đứa bé sinh ra lúc mẹ tôi cư ngụ ở phố Tawara là đứa bé gái nhưng ba tháng sau thì mất. Không biết mẹ tôi đã suy nghĩ như thế nào mà đặt ra chuyện bỏ con để nuôi dưỡng tôi, một đứa bé không phải là ruột thịt của bà. Rồi trong vòng hơn hai mươi năm qua, bà đã tận tụy nuôi dưỡng tôi nhiều khi quên cả ăn ngủ.

Lý do nào mà bà đã làm như vậy. Tôi đã suy nghĩ về câu hỏi này không biết bao nhiêu lần rồi. Nhưng mặc dù tôi không thể biết hết sự thật, tôi nghĩ một lý do thỏa đáng nhất là những lời giảng dạy của hòa thượng Nisso đã làm cho mẹ tôi, một người vợ góa chồng và một người mẹ mất con, hết mực cảm động. Tôi nghĩ có lẽ là mẹ tôi, khi nghe những lời thuyết pháp đó, đã quyết định đóng vai thế cho người mẹ ruột của tôi mà tôi không hề biết. Có thể bà nghe chuyện tôi bị bỏ rơi ở chùa từ khách vãng lai. Cũng có thể bà nghe từ ông lão gác cổng chùa”.

Người khách ngừng kể một chút rồi với cặp mắt như nghĩ ngợi xa xôi, nâng tách trà lên rồi hớp một ngụm như chợt nhớ ra có tách trà trước mặt mình. Tôi liền hỏi tiếp:

- Như vậy thì anh có nói với mẹ anh rằng anh không phải là con ruột... hay là anh biết chuyện anh không phải là con ruột không?

- Không. Tôi không có nói như vậy. Bởi vì nói như vậy thì tội nghiệp cho mẹ tôi quá. Cho tới khi mẹ tôi mất, bà cũng không hề nói với tôi về chuyện đó. Có lẽ mẹ tôi cũng nghĩ rằng nói ra thì chỉ tội cho tôi mà thôi. Thật tình mà nói, kể từ khi tôi biết tôi không phải là con ruột của bà, tình cảm của tôi đối với bà đã thay đổi nhiều lắm.

Tôi nhìn thẳng vào mắt người bạn:

- Thay đổi là thay đổi như thế nào?

- Tôi yêu thương mẹ tôi nhiều hơn trước. Từ khi biết được bí mật đó, là đứa con rơi, tôi đã nghĩ là bà cao cả hơn những người mẹ bình thường khác.

Người khách chân tình trả lời. Như thế không biết rằng chính anh cũng là một người con hiếu thảo hơn những người con bình thường khác.

(1920)

Nguyễn Ngọc Duyên dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Hiện nay là Nagasumachi, quận Taito, Tokyo. Nơi đây có nhiều chùa thuộc hệ Nichiren (Nhật Liên) nhưng không có chùa nào tên Shingyo.

[\(2\)](#) Nhichiro Shonin (1243-1320) là một nhà sư trú danh thời Kamakura.

[\(3\)](#) Tên Nhật là “shikimi” hay “shikibi” (tiếng Anh là “Japanese star anise”), một loại cây được các nhà sư Nhật Bản mang từ Trung Quốc về. Vì cây có mùi thơm nên vỏ cây được dùng làm nhang và người Nhật thường dùng nhánh cây hồi có bông vàng nhạt để dâng cúng và tỏ lòng kính trọng đối với người chết.

[\(4\)](#) Bà Liên Hoa là một bà tiên theo truyền thuyết Ấn Độ, đi đến đâu thì hoa sen nở đến đó.

[\(5\)](#) Thiên Trúc là nước Ấn Độ bây giờ. Tức là nơi Đức Phật ra đời, nên gọi nước Phật là nước Trúc (theo *Hán Việt Tự Điển* của Thiền Chủ).

Bức họa núi thu

(Shuzanzu)

Lời người dịch:

Cũng như nhiều nhà văn Nhật Bản khác, Akutagawa Ryunosuke thường mượn bối cảnh và đề tài Trung Quốc cho tác phẩm của ông. Thu sơn đồ đã được đăng tải lần đầu tiên trên tờ Kaizo vào tháng giêng năm 1921, lúc ông 29 tuổi.

Các họa phổ của Trung Quốc thường nhắc đến bức Phỏng họa Hoàng Đại Si Thu sơn đồ của Vương Thạch Cốc mà không mấy may ghi chép về bản chính Thu sơn đồ do Đại Si sáng tác.

Hai lần nhìn một bức tranh, người ta có thể cảm nhận hai cách khác nhau nhưng có thể nào cùng một người xem mà một bức tranh được coi là đẹp khi treo trong ngôi nhà hoang phế của khách tài tử phong lưu lại trở thành tầm thường khi trưng trên tường phủ đệ một phú hào thiếu nghệ sĩ tính.

- Nói đến Hoàng Đại Si^[1], thế cụ đã có dịp xem Thu sơn đồ của Đại Si chưa ạ?

Một tối mùa thu, Vương Thạch Cốc^[2] đến thăm Âu Hương Các và khi đang nhấp mấy ngụm trà với chủ nhân Uẩn Nam Điền^[3], câu chuyện đưa đẩy thế nào mà tự dưng khách đi vào câu hỏi đó.

- Thưa không, tôi chưa được xem ạ. Thế cụ đã có dịp thưởng thức tranh ấy chưa?

Đại Si lão nhân Hoàng Công Vọng tề danh với Mai Đạo Nhân^[4] và Hoàng Hạc Sơn Tiều^[5], đời coi là ba thánh thủ hội họa dưới triều Nguyên. Uẩn Nam Điền vừa nói thế mà có cảm tưởng những bức danh họa của Đại Si mình có dịp chiêm ngưỡng ngày xưa, nào Sa tích đồ, nào Phú xuân quyền như phảng phất hiện về trong ký ức.

- Ấy, biết thưa thế nào đây, bảo là xem rồi thì vẫn đúng mà bảo chưa xem cũng chẳng sai. Chuyện nói ra thật khó tin, bẩm cụ...

- Cái gì mà xem rồi lại như chưa xem, thế nhỉ?...

Uẩn Nam Điền lộ vẻ thắc mắc, nhìn Vương Thạch Cốc như dò hỏi.

- Hay tranh cụ xem là bức họa mô phỏng thôi chứ gì?

- Thưa không, chẳng phải phỏng họa nào cả. Rõ ràng tôi được xem bản chính đấy. Nào phải một mình tôi đâu. Cả Yên Khách tiên sinh^[6] lẫn Liêm Châu tiên sinh^[7] đều có chút duyên may với bức Thu sơn đồ này cả đấy, cụ ạ!

Vương Thạch Cốc mới nhấp thêm ngụm trà, ra vẻ nghĩ ngợi lung lắm, rồi mới mỉm cười.

- Nếu không nhàm tai cụ thì tôi xin được phép kể lại đầu đuôi câu chuyện.

- Vâng, cụ tự nhiên cho.

Uẩn Nam Điền khêu lại ngọn lửa trên giá đuốc đồng, vừa ân cần thôi thúc khách.

Chuyện xảy ra hồi Nguyên Tế tiên sinh^[8] còn sinh tiền cơ. Mùa thu năm ấy, có hôm đang cùng Yên Khách Ông luận về hội họa, bất chợt tiên sinh hỏi Ông đã được xem Thu sơn đồ của Hoàng Nhất Phong chưa. Như cụ thừa biết, trong ngành họa, Ông là môn hạ họa phái Đại Si, nên có thể bảo đã là tác phẩm của Đại Si lưu lại trên cõi đời này, Ông đều xem không sót. Thế

mà mỗi bức tranh gọi là *Thu sơn đồ*, rốt cục ông chưa hề được xem.

- Không ạ, tên còn chưa nghe tới, nói chi đến xem!

Yên Khách Ông vừa trả lời như thế vừa không khỏi then thùng.

- Thế thì khi nào có dịp, xin ông xem một lần cho biết. So với Hạ sơn đồ và Phù băng đồ, tranh ấy còn nổi hơn một bậc. Có lẽ trong số họa phẩm của Hoàng Đại Si lão nhân, *Thu sơn đồ* chính là bạch mi^[9] đấy ạ!

- Kiệt tác như thế hờ cù. Tôi phải tìm xem mới được. Thế cù có biết hiện nay ai là chủ bức tranh ấy không?

- Nó nằm ở nhà họ Trương xứ Nhuận Châu. Trên đường văn cảnh Kim Các Tự chẳng hạn, ông nhớ tạt qua gõ cửa hỏi thăm chủ nhân xem. Tôi sẽ xin vì ông mà thảo một phong thư giới thiệu.

Yên Khách Ông lãnh thư của tiên sinh, tức thời lên đường đi Nhuận Châu. Nghĩ thầm nếu nhà họ Trương là nơi sở tàng một bức danh họa như vậy thì đến đó, ngoài tranh Hoàng Nhất Phong chắc còn chiêm ngưỡng được những bức họa tuyệt vời khác, nên Yên Khách Ông bèn chồn bút rút không thể nào có thể nán lại thư phòng Tây Viên^[10] thêm một khắc nào nữa.

Thế nhưng khi tới Nhuận Châu, Ông mới vỡ lẽ ra ngôi nhà họ Trương mà ông thêm thường đến viếng kia, cơ ngơi đồ sộ thì có đấy nhưng sao hoang phế tiêu điều quá. Dây trường xuân leo đầy tường dậu, cỏ dại um tùm trên sân, một đàn gà vịt nhón nhác nhìn khách lạ. Cảnh tượng như thế làm cho một người như Ông cũng bất giác nghi ngờ lời nói của Nguyên Tế tiên sinh vì không nghĩ ra có gì mà tranh Đại Si lạc loài đến chốn hoang vu thế này. Nhưng đã cất công đến lại chưa chìa danh thiếp mà đã bỏ về thì sao gọi là sở nguyện bình sinh. Vừa vịn lúc ấy người canh cửa bước ra, Ông đành phải trình bày việc làm khách viễn phương ghé xem tranh Hoàng Nhất Phong, rồi trao phong thư giới thiệu của Tư Bạch tiên sinh.

Chỉ trông chốc lát, Yên Khách Ông đã được mời lên đại sảnh. Ở đây cũng vậy, tuy có đặt bộ trường kỷ bạch đàn nom rất trang nhã nhưng thoang thoảng mốc meo, như thể mùi hoang phế bốc lên cả từ nền gạch. May thay, khi chủ nhân bước ra thì dầu nhìn mặt thấy như mang bệnh nhưng tướng người nom ra cũng hiền lành. Không những thế, khuôn mặt xanh xao và bàn tay thanh tú kia cho ta cái cảm tưởng người ấy có cái phong thái con nhà dòng dõi. Sau khi hai bên phân chia ngôi thứ theo đúng lễ sơ kiến, Ông bèn thưa với chủ nhân xin được bái kiến tác phẩm cao diệu của Hoàng Nhất Phong. Nghe giọng khẩn khoản mới thấy Ông có vẻ như bị ám ảnh bởi nỗi lo sợ nếu không tìm xem cho được bức họa bây giờ, e nó sẽ biến thành sương thành khói mất.

Chủ nhân vui vẻ nhận lời và cho treo ngay lên tường của sảnh đường một bức họa:

- Xin thưa đây là *Thu sơn đồ* mà quý khách hằng ao ước.

Yên Khách Ông mới nhìn một lượt bức tranh trên tường đã bất giác thốt ra một tiếng kêu kinh ngạc.

Nền họa tuyền một màu xanh lục. Chỗ dòng khe uốn mình như rắn lượn, lác đác xóm làng và mấy nhíp tiểu kiều. Bên sườn ngọn núi vút lên cao nhất, chòm mây thu nhàn nhã được điểm đậm nhạt bằng mấy lớp phấn trắng. Núi xếp giăng hàng theo phép hoành điểm^[11] của Cao Phòng Sơn^[12], tươi tắn sau cơn mưa như một nét mây xanh, lại ánh lên nét đẹp của màu son

rắc đó đây trên những khóm cây lá đỏ. Không biết dùng lời nào để diễn tả cho hết ý, và còn lo dò hỏi đó vượt cả khả năng của ngôn ngữ nữa. Chỉ thấy bức họa vừa diễm lệ, vừa hùng tráng, bút mực lại rất dồi dào đượm. Có thể nói màu sắc rực rỡ như thế mà vẫn toát ra một cái gì xa xưa, hư không lãng đãng.

Yên Khách Ông để thần hồn bay bổng, mắt mãi mê không rời bức họa. Càng nhìn càng ngắm, Ông khám phá hết chỗ ảo diệu này đến chỗ ảo diệu khác.

- Thế nào, quý khách có hài lòng không ạ?

Chủ nhân miệng hơi mỉm cười, nhìn nghiêng mặt ông dò hỏi.

- Quả là thần phẩm! Lời tán tụng của Nguyên Tể tiên sinh chẳng những không quá đáng tí nào mà còn như là chưa đủ đấy ạ. Dem những danh họa tôi xem được cho đến nay mà so với bức tranh này thì chúng đều ở thế hạ phong cả.

Miệng thì nói nhưng mắt Yên Khách Ông vẫn không rời khỏi bức họa.

- Thế cơ, bức tranh này là kiệt tác đến mức đó sao, thưa quý khách?

Yên Khách Ông lúc đó mới đảo mắt nhìn chủ nhân, ra dáng ngạc nhiên:

- Tại sao bây giờ ngài lại tỏ ra mất tin tưởng như thế.

- Không ạ, tôi nào có mất tin tưởng gì đâu. Chẳng qua là...

Lúc đó, chủ nhân bỗng đâm ra bẽn lễn như cậu thư sinh, mặt đỏ lên vì lúng túng. Mãi sau mới nở một nụ cười buồn bã, tần ngần nhìn bức họa và tiếp lời:

- Thực tình, mỗi lần nhìn bức họa này, dù mắt đang mở trao tráo, tôi vẫn thấy mình như đang ở trong cõi mộng. Thu Sơn đẹp đến thế này ư? Vẻ đẹp ấy chỉ có mình tôi cảm nhận được thôi sao? Ngoài tôi ra, dưới mắt người khác nó chỉ là một bức họa tầm thường chẳng? Không hiểu tại sao sự ngỡ vực đó cứ dẫn dắt tôi. Đây là nguyên nhân? Một là tâm trí tôi bất loạn vì nó hoặc giả bức tranh kia quá đẹp để có thực ở trên đời? Mang một tâm trạng lạ lùng như vậy nên lời tán thưởng mới đây của quý khách chỉ làm tôi dao động thêm thôi.

Thật tình lúc đó Yên Khách Ông chẳng có vẻ để ý gì lời biện bạch của chủ nhân. Như đang bị *Thu sơn đồ* hấp hồn, ngoài nó Ông không thấy gì khác. Ông chỉ có cảm tưởng từ đầu chí cuối, chủ nhân toàn ăn nói lung tung nhằm che giấu sự yếu kém về khả năng thưởng thức hội họa của mình.

Sau khi trò chuyện một lúc, Yên Khách Ông cáo từ họ Trương và rời ngôi nhà hầu như hoang phế ấy để lên đường.

Thế nhưng làm sao thì làm, từ khi bức *Thu sơn đồ* mở bừng con mắt cho Ông thì nó không rời khỏi tâm trí Ông nữa. Thực sự nếu ta đặt mình vào địa vị Yên Khách Ông, người được truyền thừa họa phong của Đại Si, thì chắc chắn sẽ sẵn sàng lìa bỏ mọi thứ miễn sao bức họa kia vào tay mình cho được. Ngoài điều đó, cá nhân ông còn là nhà sưu tập tranh. Những bức danh họa gia bảo trong đó kể cả Sơn âm phiếm tuyết đồ của Lý Doanh Khẩu^[13] mà ông đã phải trả bằng hai mươi dật hoàng kim, so với *Thu sơn đồ* thì vẫn còn thua sút về mặt thần diệu. Vì thế, ở cương vị một người chơi tranh sành sỏi, ông càng thêm ngưỡng bức họa hi hữu của đại sư Hoàng Nhất Phong.

Trong thời gian ở Nhuận Châu, bao lần Ông cho người đến thương lượng với họ Trương để

nài *Thu sơn đồ* nhưng Trương thị trước sau không chịu nghe. Theo lời kể của người nhà được Ông phái đi, chủ nhân có khuôn mặt xanh xao kia đã nhắn lại: “Nếu quý khách có lòng yêu bức tranh ngà này thì tôi xin cho ngài mượn nhưng xin thứ cho đừng bắt tôi phải xa lìa nó vĩnh viễn”. Đối với người hiếu thắng như Yên Khách Ông, lời từ chối đó như đùng chạm đến tự ái. Được rồi, thêm gì mà mượn, một ngày nào đó bức tranh sẽ vào tay ta cho xem. Ông định bụng như vậy rồi, cuối cùng tạm xa *Thu sơn đồ* và rời khỏi Nhuận Châu.

Vừa vặn một năm sau, Yên Khách Ông đã trở lại chốn cũ. Tới nơi, Ông liền đến ngay nhà họ Trương. Cảnh vẫn chẳng có gì thay đổi, dây trường xuân bò lan tường dậu và cỏ dại mọc đầy sân, màu sắc cứ như xưa. Tuy nhiên khi hỏi thăm người giúp việc, mới hay chủ nhân đi vắng. Không gặp được chủ nhân nhưng Ông cũng xin phép ngắm lại *Thu sơn đồ*. Có điều dầu khẩn khoản bao lần, mượn có chủ không có nhà, gia nhân quyết ngăn Ông vào. Cuối cùng, họ còn sập cửa, không thêm cả ừ hừ. Ông chỉ còn cách tư tưởng đến cái bức danh họa hiện đang được cất giấu một xó nào trong căn nhà điều tàn ấy, bồi hồi trở gót quay về.

Sau lần đó, lúc Ông có dịp gặp Nguyễn Tế tiên sinh thì cụ lại báo cho biết ở nhà họ Trương, ngoài *Thu sơn đồ* của Đại Sĩ, còn có cả những kiệt tác khác như Vũ dạ chỉ túc đồ và Tự thọ đồ của Thẩm Thạch Điền^[14] nữa.

- Lần trước định nhắn Ông rồi lại quên khuấy. Hai bức tranh tôi vừa kể ra phải nói là những kỳ quan của họa đàn cũng như *Thu sơn đồ* đấy ạ. Thế nào cũng tìm xem cho được nhé.

Yên Khách Ông tức tốc phái người nhà đến Nhuận Châu gặp họ Trương. Ngoài tờ thư với thủ bút của Nguyễn Tế tiên sinh, người nhà còn được sắm cho cả một đầy bạc để dùng vào mua tranh. Thế nhưng họ Trương vẫn khẳng khăng một mực không chịu nhượng lại tác phẩm của Hoàng Nhất Phong. Ông đành bấm bụng bỏ rơi chuyện *Thu sơn đồ*.

*

Vương Thạch Cốc chợt ngừng bật trong giây lát.

- Những điều tôi kể đến đây là nghe từ chính miệng Yên Khách Ông đấy, thưa cụ.

- Thế thì chỉ có mỗi mình Yên Khách tiên sinh được chiêm ngưỡng *Thu sơn đồ* thôi phỏng?

Uẩn Nam Điền vừa mân mê chòm râu, vừa hỏi lại Vương Thạch Cốc cho chắc.

- Tiên sinh bảo với tôi người đã xem rồi. Còn việc tiên sinh có thực thấy nó chưa thì chẳng ai dám quả quyết.

- Nhưng qua nội dung câu chuyện dường như...

- Ấy, để tôi kể thêm cái đã. Nếu mà cụ nghe cho đến cuối thì cụ lại đưa ra kết luận khác tôi cũng không chừng.

Lần này, Vương Thạch Cốc, trà cũng chẳng nhấp, kể luôn một mạch.

*

Yên Khách Ông cho tôi nghe câu chuyện trên, tính ra từ hồi cụ được xem *Thu sơn đồ* lần đầu tiên là gần năm mươi năm sau, trải qua biết mấy tình sương rồi. Lúc đó Nguyễn Tế tiên sinh ra người thiên cổ từ lâu rồi mà cơ nghiệp họ Trương cũng đã truyền đến đời thứ ba. Cho nên bấy giờ tôi chẳng những không biết ai là người giữ bức *Thu sơn đồ* mà còn ngay ngáy nổi bức danh họa kia ngọc nát vàng phai. Lúc Yên Khách Ông tả cho tôi xong cái thần diệu của bức

tranh mà cụ như cầm chắc trên tay, mới ngậm ngùi than: “Cái bức Hoàng Nhất Phong ấy giống như đường kiếm của Công Tôn Đại Nương^[15] ông ạ. Bút mực có đó mà không thấy bút mực. Cái thần khí của bức tranh như up lên trái tim mình. Như thể nhìn rồng bay trong mây, không sao phân biệt đâu là người đâu là kiếm”.

Chừng một tháng sau lần gặp gỡ ấy, gặp lúc gió xuân sắp nổi, tôi định một mình thăm thú phương nam. Dem chuyện đó thưa với Ông, Ông mới bàn:

- Thế thì còn gì bằng. Anh cũng nhân cơ hội này tìm gặp Thu sơn thử xem. Nếu bức danh họa xuất hiện với đời lần nữa thì đúng là một tin vui cho làng họa đấy.

Dĩ nhiên tôi chỉ mong chừng đó, liền phiền Ông thảo hộ phong thư. Thế nhưng trên bước đường du lịch, hết xem chỗ này đến chỗ nọ, không tìm ra thời giờ đến nhà họ Trương xứ Nhuận Châu. Tôi để lá thư giới thiệu của ông trong tay áo, mãi khi cuộc gọi vào hè vẫn quên bằng việc viếng Thu sơn.

Chợt lúc ấy chuyện một vị quý thích họ Vương mới là người hiện giữ *Thu sơn đồ* lọt vào tai tôi. Nếu thế thì do trên đường du lịch, tôi có lần đem thư Yên Khách Ông cho một người quen xem và họ cũng là chỗ đi lại với một tân khách của họ Vương. Chắc Vương thị nghe tin từ đó mới biết bức tranh đang nằm ở nhà họ Trương Nhuận Châu. Theo lời thiên hạ thì nào là khi cháu Trương thị tiếp người của vị họ Vương kia phái tới đã mang hết đỉnh vạc thư tịch tổ tiên truyền lại, kể cả *Thu sơn đồ* của Hoàng Đại Si, hiến dâng ngay. Rồi nào là Vương thị quá đổi mừng rỡ, mời cháu nhà họ Trương ngồi ghế trên, hết sai ca kỹ trong nhà ra tấu nhạc thù tiếp, yến ẩm linh đình, lại còn tặng nghìn vàng làm lễ thọ... Tôi mừng muốn nhảy tung tung vì trải qua năm mươi năm dâu bể *Thu sơn đồ* vẫn bình yên vô sự! Hơn nữa, nó đang nằm trong tay Vương thị, người mà tôi có chút quen biết. Ngày xưa Yên Khách Ông lao khổ là thế, lại không nhìn bức họa được lần thứ hai, hẳn là bị quỷ thần ghét bỏ để cuối cùng đành nuốt hận. Trong khi họ Vương kia cứ đứng đỉnh chảnh phải chờ mà bức họa lộ ra ngay trước mặt như lâu đài tiên xây cho. Chỉ có thể nói đây là cái may sung chín rụng nhằm mồm. Tôi vội thu nhanh vén gọn tìm đến ngay phủ đệ nguy nga của họ Vương để hội kiến Thu sơn.

Đến nay tôi vẫn nhớ rõ như in mấy cảnh mẫu đơn khoe sắc thắm giữa một buổi xế trưa đầu hè lặng gió ngoài hàng lan can đẹp như ngọc của viên đình nhà họ Vương. Mới nhìn Vương thị, chưa chào hỏi xong xuôi mà tôi đã không nén được tiếng cười:

- Giờ đây Thu sơn là báu vật của quý phủ rồi. Yên Khách tiên sinh mất ăn mất ngủ bao nhiêu vì nó nhưng chắc lần này cụ ấy đã an tâm. Chỉ nghĩ chừng đó thôi cũng đủ sung sướng.

Mặt Vương thị cũng lộ vẻ hết sức mãn nguyện.

- Hôm nay cả Yên Khách tiên sinh và Liêm Châu tiên sinh cũng ghé chơi. Thế nhưng ta cứ theo thứ tự, ông đã đến xin mời ông vào xem trước cho.

Vương thị mới sai người treo bức *Thu sơn đồ* ấy lên trên tường bên cạnh. Vẫn thôn làng trong rừng lá đỏ nhìn xuống dòng nước, vẫn chòm mây trắng che khuất thung lũng, cả những ngọn núi gần xa vút lên như mây tấm bình phong, những gì Đại Si lão nhân tô vẽ đã hiện ra lồ lộ trước mắt tôi. Quả thật là một cõi tiểu thiên địa mà xem còn thần diệu hơn cả đại tự nhiên. Lòng rộn ràng, mắt tôi dăm dăm ngắm bức họa trên tường. Cái cảnh khói mây gò trũng này, phân vân gì nữa, Hoàng Nhất Phong đây rồi. Ngoài Si Ông ra, hỏi có mấy ai thành công được khi vừa gia phép tuần điểm^[16] mà vẫn làm dậy nét mực, tô màu đậm đến thế mà không dấu ngọn bút. Tuy nhiên, vâng, tuy nhiên bức *Thu sơn đồ* này so với bức tranh mà ngày xưa Yên

Khách tiên sinh đã được xem ở nhà họ Trương là một Hoàng Nhất Phong khác. Bức này nếu đem ra mà so sánh với *Thu sơn đồ* mà ông đã tả cho nghe, hẳn còn thua một bậc.

Từ họ Vương cho đến đám thực khách đang ngồi vây chung quanh đều nhìn về mặt tôi như chờ đợi. Chính vì vậy tôi cảm thấy cần giữ ý không để một chút thất vọng nào lộ ra cả. Cố gắng được có bấy nhiêu, rốt cuộc vẫn không tài nào giấu nổi vẻ không phục. Vương thị mới từ từ quay lại phía tôi, lo lắng cất tiếng hỏi:

- Thấy thế nào hở ông?

Tôi mới làm bộ trả lời:

- Thần phẩm! Bức tranh này xưa có làm điều đúng Yên Khách tiên sinh thì cũng chẳng lấy làm lạ.

Mặt Vương thị mới tươi lên được một chút. Dù sao giữa khoảng đôi mày vẫn thấy có gì không được hài lòng về lời tán thưởng của tôi.

Vừa lúc đó, Yên Khách tiên sinh, người từng đem cái cao diệu của *Thu sơn đồ* ra thuyết tôi nghe, đến nơi. Trong lúc chào hỏi họ Vương, tôi thấy Ông tủm tỉm cười ra dáng vui mừng.

- Năm mươi năm trước được xem *Thu sơn đồ* trong ngôi nhà đổ nát của Trương thị, ngày nay lại diện kiến *Thu sơn* giữa khung cảnh dinh thự phú quý như thế này, thật là một mối nhân duyên kỳ lạ.

Vừa nói thế, Yên Khách Ông ngược nhìn bức họa trên tường. *Thu sơn* này có đúng là *Thu sơn* ông nhìn thấy năm xưa hay không, chuyện đó ngoài ông ra không ai có thể rõ hơn. Biết vậy, cả họ Vương lẫn tôi đều đổ dồn con mắt theo dõi nét mặt Ông lúc xem tranh. Quả nhiên, tôi bỗng nhận ra ngay khuôn mặt của ông như vương một lớp mây mờ.

Sau một hồi im lặng trầm tư, Vương thị càng thêm lo lắng, nhìn về hướng Ông, giọng run run:

- Sao hở cụ? Mới đây Thạch Cốc tiên sinh vừa không tiếc lời khen.

Lúc đó, bụng tôi sợ hết vía không khéo một người thẳng thắn như Yên Khách Ông sẽ trả lời bộc trực quá chẳng. Nhưng chắc Ông chẳng đành lòng để Vương thị chuốc lấy thất vọng. Mắt nhìn *Thu sơn* xong, ông mới nghiêm trang trả lời họ Vương:

- Ngài thật may mắn mới thu nạp được bức tranh này. Từ đây, kho tàng gia bảo của quý phủ sẽ thêm mười phần hương sắc.

Thế nhưng nghe được lời này, nét mặt của Vương thị chỉ đắm chìm trong u ẩn.

Nếu lúc đó không có Liêm Châu tiên sinh vì trễ hẹn học tốc chạy vào thì bầu không khí giữa chúng tôi sẽ còn nặng nề hơn. May quá, lời bình phẩm của Yên Khách Ông vừa đến chỗ ngúc ngắc thì tiên sinh đã khoái hoạt nhập đám:

- Ủa, *Thu sơn đồ* vẫn được truyền tụng là đây à?

Chào hỏi vội vàng xong, tiên sinh đến đứng trước mặt bức tranh của Hoàng Nhất Phong. Im lặng hồi lâu, tiên sinh chỉ cắn râu không thốt ra một tiếng.

- Yên Khách tiên sinh cho biết năm mươi năm về trước cụ đã được xem tranh này một lần

rồi.

Vương thị ra chiều lo lắng, giải thích thêm. Thật ra, Liêm Châu tiên sinh chưa hề được Yên Khách Ông bình phẩm cho nghe cái thần diệu của *Thu sơn đồ*.

- Thế nào? Cụ giám định ra sao?

Tiên sinh chỉ khẽ thở hắt ra, mắt vẫn không rời bức họa.

- Xin cụ chớ ngại ngần, cứ bảo ban cho chúng tôi biết.

Vương thị gượng cười, giục tiên sinh thêm lần nữa.

- Bức này đây à, bức này nó...

Mồm Liêm Châu tiên sinh mím lại.

- Bức này nó?...

- Nó là danh tác số một của Si Ông đấy. Ngài cứ xem chỗ mây khói đậm nhạt kia. Không tràn trề sức sống là gì. Cách cho màu rừng cây phải gọi là thiên tạo mới đúng! Nhìn cái đỉnh núi xa xa kia thử đi! Toàn thể bố cục hài hòa với nó, không có gì sinh động hơn được.

Sau một hồi im lặng mới thấy Liêm Châu tiên sinh quay về hướng Vương thị không ngớt lời ca tụng và giảng giải từng chút cái cao diệu của bức họa. Tôi không thừa chắc cụ cũng đoán được là nghe đến đâu, mặt mày Vương thị rạng rỡ ra đến đấy.

Trong khi đó tôi và Yên Khách Ông ngằm đưa mắt nhìn nhau.

- Thừa thầy, đây là *Thu sơn đồ* thật sao?

Thấy tôi hạ giọng hỏi, Ông khẽ lắc đầu, vừa nháy mắt một cái thật khó hiểu:

- Tóm lại mọi sự ở đời chỉ là thoáng chiêm bao. Xem sự thể xảy ra mới biết đâu chủ nhân họ Trương kia lại chẳng là một thứ tiên chồn!

- Chuyện *Thu sơn đồ* chỉ có thể thôi, thừa cụ!

Vương Thạch Cốc kể xong, mới chiêu trồn một chung trà.

- Thế à, câu chuyện quái lạ đấy chứ nhỉ!

Từ nãy giờ, Uẩn Nam Điền vẫn lặng ngấm ngọn lửa trên giá đuốc đồng.

- Về sau, dường như Vương thị cũng hết lòng thăm hỏi nhiều nơi nhưng nếu nói đến *Thu sơn đồ* của Si Ông thì ngoài bức đó, ngay cả họ Trương chắc cũng chẳng biết gì khác hơn. Do đó, bức *Thu sơn đồ* mà Yên Khách Ông có lần được xem, một là có ai dấu biệt ở đâu đâu, hai là nó chỉ là một điều lằm lẩn trong trí nhớ của cụ ấy thôi. Sự thật ra sao, tôi không dám quả quyết. Có khi việc cụ khăn gói đến nhà họ Trương để tìm xem *Thu sơn đồ* cũng là một câu chuyện hoàn toàn huyền hoặc...

- Thế nhưng trong tâm trí Yên Khách Ông vẫn ghi khắc rành rành hình ảnh bức *Thu sơn đồ* kỳ quái kia chứ hở cụ? Và trong tâm trí của cụ cũng thế phải không?

- Màu lục đậm của đá núi và màu son đỏ của rừng phong cho đến bây giờ vẫn rõ mồn một trong tôi.

- Nếu thế thì cho dù *Thu sơn đồ* không có thực chẳng nữa, cụ có điều gì để tiếc hận đâu nào!
Đến đây, Uẩn, Vương hai bậc đại gia một lượt vỗ tay, cùng cười ha hả.

(1920)

Nguyễn Nam Trân dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Hoàng Đại Si tức Hoàng Công Vọng (1269-1354) hiệu Nhất Phong, họa gia đời Nguyên, nổi tiếng về tranh sơn thủy. Một trong Tứ Đại gia khoảng Tống mạt Nguyên sơ.

[\(2\)](#) Vương Thạch Cốc tức Vương Kỳ (1631-1717), họa gia đời Thanh, thiện tranh sơn thủy, thập đại thành họa pháp hai phái Nam Bắc đời Tống.

[\(3\)](#) Uẩn Nam Điền hay Uẩn Thọ Bình (1633-1690), họa gia đời Thanh, sau khi xem tranh sơn thủy của Vương Thạch Cốc thì bỏ sơn thủy mà chuyển qua tranh họa điều và thành công trong lĩnh vực này.

[\(4\)](#) Mai Đạo nhân Ngô Trán (1280-1354), họa gia đời Nguyên, có công nâng cao kỹ thuật của tranh sơn thủy, mặc trúc, mặc hoa, là một trong Tứ Đại gia cũng như Hoàng Đại Si.

[\(5\)](#) Hoàng Hạc Sơn Tiều Vương Mông (?-1385), họa gia đời Nguyên, một trong Tứ Đại gia, nổi tiếng về hội họa (sơn thủy) lẫn văn chương.

[\(6\)](#) Yên Khách Ông Vương Thì Mẫn (1592-1680), họa gia thời Minh mạt Thanh sơ. Cuối đời, về ở ẩn và đào tạo đệ tử trong đó có Vương Thạch Cốc.

[\(7\)](#) Liêm Châu Vương Giám (1598-1677), cũng là họa gia cuối Minh đầu Thanh. Đứng ngang hàng với Vương Thì Mẫn, giỏi tranh sơn thủy.

[\(8\)](#) Nguyên Tế tiên sinh Đồng Kỳ Xương (1554-1636), hiệu Tư Bạch, họa gia thời Minh mạt. Đầu đàn họa phái Nam Tông. Giỏi thi phú.

[\(9\)](#) Mã Lương đời Tam Quốc có đôi mày trắng, tài tuần nhất trong năm anh em, tất cả đều là người giỏi (Thục Chí, Mã Lương truyện).

[\(10\)](#) Tây Viên Thư phòng là thảo am của Yên Khách Ông Vương Thì Mẫn, người còn có biệt hiệu là Tây Lư Lão nhân.

[\(11\)](#) Hoành điểm là phép vẽ núi, khe, sương, khói bằng cách chấm chấm nhiều điểm theo hàng ngang bên nhau.

[\(12\)](#) Cao Phòng Sơn tức Cao Khắc Cung (?-1310), họa gia đời Nguyên, hiệu là Tú Sơn, vẽ sơn thủy có tiếng.

[\(13\)](#) Lý Doanh Khâu tức Lý Thành (?-967), họa gia Đường mạt Tống sơ, đại sư về tranh sơn thủy.

[\(14\)](#) Thẩm (Trầm) Thạch Điền tự Thẩm Chu (1426-1509), họa gia sơn thủy, sống giữa đời Minh, ông tổ của Ngô phái.

[\(15\)](#) Công Tôn Đại Nương là người diễn trò dưới đời Đường Huyền Tông, múa kiếm cực

giỏi. Đỗ Phủ từng làm thơ ca ngợi (*Quan Công Tôn Đại Nương Đệ Tử Vũ Kiếm Khí Hành*)

[\(16\)](#) Tuần điểm: thủ pháp chấm phá từ thời Bắc Tống để làm khói mây, núi non đất đá trên tranh.

Bốn bề bờ bụi

(Yabu No Naka)

Lời người dịch:

Truyện ngắn dưới đây là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Akutagawa Ryunosuke, bày tỏ hoài nghi về tính tuyệt đối của “sự thật”: có “sự thật” phổ quát không, hay chỉ là ảo ảnh của “sự thật” khúc xạ qua tâm lý của mỗi người?

Truyện ra mắt độc giả năm 1922 trên tạp chí Shincho. Năm 1950 được đạo diễn Kurosawa Akira dựng thành cuốn phim Cổng Lashomon (thêm vài chi tiết trong truyện ngắn Cổng Rashomon). Phim này thành công rực rỡ ở cả trong và ngoài nước Nhật. Nhờ đó, thế giới biết đến tên tuổi của Kurosawa và Akutagawa. Điện ảnh Mỹ mô phỏng phim Cổng Rashomon thành phim The Outrage (Lăng nhục) năm 1964 (đạo diễn Martin Ritt) và Iron Maze (Mê cung bằng sắt) năm 1991 (đạo diễn Yoshida Hiroaki). Năm 1996, đạo diễn Sato Hisayasu đã dựng nên phim Yabu No Naka (Trong bụi rậm) sát với nguyên tác của Akutagawa hơn.

Lời khai của người đồn củi với quan kiểm sát

Đúng đó, thưa quan lớn. Thấy được xác chết đó chính là tui đây chứ ai. Sáng nay tui lên rừng sâu đồn củi như mọi ngày, thì thấy có xác chết trong bụi cây khuất sau núi đó. Quan hỏi ở đâu hả? Thì cách chừng bốn, năm thôi đường từ con đường lớn qua trạm thư ở Yamashina đó mà. Chỗ đó vắng người, có nhiều cây tuyết tùng nhỏ lẫn trong bụi tre.

Xác chết nằm ngửa, mặc áo bào màu xanh lơ, đầu vẫn còn đội mũ xếp kiểu nhà quan trên kinh đô. Nói là chỉ bị đâm một dao thôi, chứ thiệt ra, vết thương nhằm ngay ngực, cho nên lá tre rụng chung quanh xác chết thấm đầy máu thâm tím. Không, máu đã hết chảy rồi, mà vết thương ngó bộ cũng đã khô rồi, thưa quan lớn. Lại có một con ruồi trâu bám riết trên vết thương, như thể không nghe cả tiếng chân tui bước tới nữa.

Quan hỏi có thấy đao kiếm chi không hả? Không, tui chẳng thấy có đao kiếm chi hết. Chỉ thấy có một đoạn dây rút ở gốc cây tuyết tùng gần đó. À, ngoài đoạn dây, còn có cái lược nữa. Chung quanh xác chết chỉ có hai vật đó thôi, thưa quan lớn. Nhưng mà, một vùng cỏ và lá tre rụng quanh đó thì bị giẫm đạp tan hoang, nên chắc chắn là anh ta trước khi bị giết chết, cũng đã chống chọi dữ lắm. Còn ngựa hả? Chỗ đó thì ngựa không vô lọt được. Lối cho ngựa chạy thì phải cách đó một cánh rừng mới có.

Lời khai của nhà sư lữ hành với quan kiểm sát

Người chết đó thì quả thật tôi đã gặp hôm qua. À, có lẽ vào khoảng trưa, thưa quan lớn. Chỗ gặp là khoảng đường tôi đang đi từ Sekiyama tới Yamashina đó. Anh ta đi bộ, cùng với người đàn bà cưỡi ngựa, hướng về phía Sekiyama. Người đàn bà đội mũ có phủ khăn che mặt nên tôi không biết mặt mũi ra sao, chỉ thấy cái áo màu tím. Con ngựa màu hung đỏ... À, hình như đã cắt sạch bờm. Quan hỏi ngựa bao lớn à? Con ngựa này có lẽ cao hơn ngựa thường đến bốn tấc^[1]. Là người tu hành nên tôi không rành chuyện đó, thưa quan lớn. Anh ta mang gươm, và có cả cung tên nữa. Đặc biệt, bao đựng tên sơn đen, cầm hơn hai chục mũi tên đánh trận, thì tới bây giờ tôi cũng còn nhớ rõ.

Tôi đâu có ngờ anh ta rời ra thân thể như vậy. Quả thật là đời người như sương như điện

chớp. Chao ôi, thâm thương đến thế này thì còn lời nào mà nói nữa.

Lời khai của sai nha[2] với quan kiểm sát

Quan hỏi cái thằng mà tôi bắt được là ai ạ? Thừa quan lớn, thằng này chính thật là tướng cướp khét tiếng Tajomaru đó. Quả thật là tôi đã tóm được lúc hắn đã ngã ngựa, đang rên hừ hừ trên cầu đá ở Awadaguchi. Quan hỏi vào giờ nào ạ? Khoảng canh đầu đêm hôm qua đó, thừa quan lớn. Lần tôi bắt hụt hắn trước đây, hắn cũng mặc áo bào màu xanh đậm, mang gươm dài như vậy. Lần này, như quan lớn thấy đó, lại mang thêm cung tên nữa. Dạ, quan dạy là người chết đã mang cung tên đó? Vậy thì giết chết người đàn ông đó chính là tên Tajomaru này rồi, chẳng sai chạy vào đâu được nữa. Cây cung bọc da, bao đựng tên sơn đen, tên đánh trận đuôi lông ó mười bảy cây, tất cả những thứ này hắn là của người bị hắn giết rồi. Ngựa thì đúng như quan phán, là ngựa màu hung đỏ, cắt hết bờm. Tên cướp này mà bị con vật đó hất ngã xuống thì hắn là tiền duyên nghiệp báo chi đây. Con ngựa lúc đó vẫn còn kéo theo dây cương dài, đúng găm cỏ bên đường, một đoạn phía trước cầu đá.

Trong đám mấy tên cướp hay lai vãng chốn kinh kỳ, thằng Tajomaru này nổi tiếng là háo sắc. Năm ngoái đây, trên núi phía sau chùa Toribedera thờ La Hán Binzuru, có một bà đi lễ chùa đã bị giết chết cùng với đứa con gái nhỏ, nghe đâu là thủ đoạn của thằng này. Nếu đúng thật là hắn đã giết người đàn ông đó, thì người đàn bà cưới con ngựa hung đỏ đã đi đâu, ra sao rồi, thật không còn biết nói sao nữa. Sợ quan mắng cho là dám nói leo, nhưng xin quan lớn xét cả việc ấy cho.

Lời khai của bà già với quan kiểm sát

Dạ phải, người chết đó là người đã cưới con gái của già này. Nhưng cậu ta không phải là người chốn kinh kỳ, mà là vũ sĩ nhà Kokufu ở xứ Wakasa. Tên cậu ta là Takehiro dòng Kanazawa, hai sáu tuổi. Dạ không, cậu ta tính tình hiền lành, đâu có gây thù oán chi với ai.

Còn con gái tôi à? Con gái của già tên là Masago, mười chín tuổi. Tuy tính tình có cứng cỏi không thua đàn ông con trai, nhưng mà ngoài cậu Takehiro ra, nó chưa hề biết tới người đàn ông nào khác. Khuôn mặt nhỏ trái xoan, nước da bánh mật, đuôi mắt bên trái có một nốt ruồi đen.

Hôm qua, cậu Takehiro đã cùng con gái tôi lên đường đi Wakasa. Nhân quả chi mà ác đức đến ra nông nổi này. Rể tôi phần số như vậy đã đành, nhưng con gái tôi ra sao thì già này lo lắng không sao ở yên được. Lạy quan lớn xét cho lời van xin cuối đời của người già cả này, mà cho dù phải vạch từng lá cỏ, kiểm từng gốc cây, cũng xin tìm cho ra con gái của già. Dù gì đi nữa, già cũng cảm hận tên cướp mà quan nói là Tajomaru gì đó. Đã giết chết con rể tôi, mà cả con gái của tôi cũng... *(sau đó khóc ròng, không nói gì được nữa)*.

Lời thú của Tajomaru

Giết chết người đàn ông đó chính là tui đây. Nhưng tui không giết người đàn bà. Vậy thì cô ta đi đâu? Cái đó thì tui cũng không biết. Mà khoan đã, có tra tấn bao nhiêu đi nữa, chuyện tui không biết thì làm sao mà nói gì được chứ. Hơn nữa, đã tới nước này thì tui cũng quyết không dấu giếm hèn nhát đâu.

Hôm qua, khoảng sau trưa một chút, tui đã gặp hai vợ chồng đó. Đúng lúc gió thổi lật cái

khăn che mặt trước mũi của cô đỏ lên, tui thoáng thấy được khuôn mặt cô ta. Mà chỉ một thoáng thôi. Tui vừa tưởng là thấy được mặt cô ta, thì đã không còn thấy nữa. Một phần có lẽ cũng vì chỉ thấy lướt qua nên tui thấy khuôn mặt cô đó giống như khuôn mặt Bồ Tát. Chỉ trong chớp nhoáng đó, tui đã quyết sẽ chiếm đoạt cô ta, dù có phải giết người chồng đi nữa.

Ôi, có gì đâu. Giết người có phải là chuyện gì ghê gớm như các người nghĩ đâu. Thế nào cũng phải chiếm đoạt đàn bà, thì phải giết đàn ông đi thôi. Chỉ khác là tui giết người thì dùng dao kiếm, còn các người thì thay vì dao kiếm, lại dùng quyền lực, tiền bạc, hay có khi chỉ cần lời nói xảo quyệt là đủ để giết người ta rồi. Giết kiểu đó thì máu chẳng đổ, mà đàn ông đó vẫn thấy như còn sống đàn ông hoàng. Nhưng chung quy cũng là giết người đó thôi. Giết người kiểu nào đáng kết tội nặng, các người đáng tội nặng, hay tui đáng tội nặng, thật khó mà phán quyết được (*mỉm cười mai mỉa*).

Nhưng mà, tất nhiên nếu không cần giết đàn ông mà vẫn chiếm đoạt được đàn bà thì tốt hơn. Quả thật, lúc đó lòng tui đã nghĩ là nếu được thì chiếm đoạt người đàn bà mà tránh giết người đàn ông. Nhưng khổ là ngay trên đường lớn qua trạm thơ ở Yamashina thì không cách nào làm được việc đó. Cho nên tui đã phải dàn xếp để dụ hai vợ chồng đó vô sâu trong núi.

Chuyện này cũng chẳng khó khăn chi. Tui giả bộ đi cùng đường với họ, rồi đặt chuyện rằng trong núi phía trước có phần mộ cổ, tui đào lên thấy có vô số gương và kiếm, nên đã dời đi, chôn ở một bụi rậm khuất sau núi để không ai tìm thấy được, nếu có ai muốn mua thì tui sẽ để lại với giá rẻ. Người đàn ông nghe tui nói, dần dần cũng động lòng ham. Thấy chưa, lòng ham muốn là thứ đáng sợ như thế nào. Vậy là, không đầy nửa khắc sau, vợ chồng họ đã theo tui, rẽ ngựa vào rừng.

Tới chỗ ngay trước bụi rậm, tui nói là kho tàng chôn ở trong đó, gọi họ tới xem. Anh chồng trong lòng đã ham muốn quá rồi, chẳng có gì phải phản đối. Nhưng cô vợ thì không chịu xuống ngựa, nói là muốn ngồi đợi ở đó. Mà nhìn thấy bụi rậm cây cối um tùm kiểu đó thì cô ta nói như vậy cũng là chuyện đúng thôi. Tui thì thật tình lúc đó đã chắc mẩm là thú săn lột bấy rồi, chạy đâu cho thoát, nên cứ để mặc cô ta ở đó, chỉ đưa anh chồng vô sâu trong bụi rậm.

Lúc đầu thì chỉ toàn là bụi tre dày. Nhưng đi chừng nửa thôi đường thì tới chỗ thấy phía trước có đám cây tuyết tùng, có phần thưa hơn. Không còn chỗ nào tốt hơn chỗ đó, cho tui ra tay. Tui vừa rẽ bụi rậm bước tới, vừa kiếm lời lột tai mà nói gạt rằng kho tàng chôn ở dưới đám cây tuyết tùng đó. Anh chồng nghe tui nói, hăm hở rẽ bụi rậm tiến về phía đám cây đó. Một hồi thì tới chỗ chỉ có ít tre, có vài cây tuyết tùng mọc thành hàng. Vừa tới chỗ đó, tui thành linh nhào tới vật anh ta xuống. Là một tay dùng dao kiếm, anh ta quả là có sức mạnh lắm chớ, nhưng bị đánh thành linh nên không làm gì được, tức thì bị trói chặt vô một gốc cây tuyết tùng. Quan hỏi dây trói à? Dây đó là thứ đồ tiện lợi cho kẻ cướp, phòng khi cần có để vượt qua rào tường, nên lúc nào tui cũng cột sẵn ở thắt lưng. Tất nhiên là để anh ta khỏi la lên, chỉ cần tọng đám lá tre khô vô miệng là khỏi phải lo lắng chi nữa.

Lo xong phần anh chồng, tui quay trở lại chỗ cô vợ, nói là anh ta có vẻ phát bệnh thành linh, bảo vợ tới coi sóc cho. Chắc khỏi cần nói là chuyện này cũng song suốt như ý tui. Cô ta vút mũi, mặc cho tui nắm tay, tất tả bước sâu vô bụi rậm. Nhưng, tới nơi lại thấy chồng mình bị trói vô gốc cây tuyết tùng. Vừa thấy vậy, không biết đã lấy từ trong túi ra từ lúc nào mà cô ta đã tức thì rút lưỡi dao ngắn ra, sáng loáng trên tay. Cho tới bây giờ, tui chưa hề thấy một người đàn bà

nào cường ghánh như cô này. Lúc đó, tui mà sợ ý một chút là đã bị đâm một nhát thủng hông rồi. Tui trảng người né tránh được, nhưng cô ta cứ đâm chém túi bụi nên tui mà có bị thương tích cũng chẳng có chi lạ. Nhưng mà, tui đây, đường đường là Tajomaru, cho nên không đến nỗi phải dùng tới đao kiếm, cuối cùng rồi cũng đánh rớt được con dao. Tính khí cương cường đến đâu đi nữa mà trong tay không có vũ khí thì cũng phải chịu phép thôi. Vậy là đúng như ý định, cuối cùng tui đã chiếm đoạt được người đàn bà mà không cần phải giết người đàn ông.

Khỏi phải giết người đàn ông. Đúng đó. Tui đâu có ý định giết anh ta làm chi nữa. Nhưng, lúc tui định rời thoát khỏi bụi rậm đó, bỏ lại cô ta đang nằm khóc lóc, thì thành linh, cô ta nắm cánh tay tui, rồi như điên cuồng, cứ ôm chặt lấy tui. Mà nghe những lời thổn thức đứt quãng đó thì ra là cô ta nói: hoặc là chồng cô ta phải chết, hoặc là tui phải chết, một trong hai người phải chết đi, chớ cô ta đã làm chuyện nhục nhã đó trước mắt cả hai người đàn ông thì đau khổ còn hơn chết nữa. Ai cũng được, người nào sống sót thì cô ta sẽ đi theo mà cung phụng người đó. Cô ta năn nỉ thảm thiết vậy đó. Riết rồi tui cũng phát khởi ý muốn giết chết anh chồng đi (*có vẻ xúc động buồn rầu*).

Chuyện này nói ra như vậy, chắc là người ta thấy tui tàn nhẫn hơn các người. Nhưng các người đâu có nhìn thấy vẻ mặt cô ta. Nhất là trong thoáng chốc đó, đôi mắt cô ta bốc lửa như thế nào. Lúc đó, nhìn đôi mắt cô ta, tui đã nghĩ là cho dù có bị sấm sét đánh chết đi nữa, cũng phải lấy cô ta làm vợ mới thỏa lòng. Phải, lấy cô ta làm vợ, trong lòng tui lúc đó chỉ có một ý nguyện đó mà thôi. Điều đó không phải như các người nghĩ là chuyện sắc dục bỉ ổi đâu. Lúc đó, nếu thật chỉ chuyên niệm chuyện sắc dục mà thôi, thì dù có phải đập ngã cô ta, tui cũng đã bỏ đi rồi. Mà như vậy thì người chồng cũng khỏi phải đổ máu dưới lưỡi gươm của tui. Nhưng mà, trong bụi rậm mờ tối, trong thoáng chốc khi tui nhìn đắm đắm khuôn mặt cô ta, tui hiểu rằng nếu không giết chết anh chồng thì không thể rời chỗ đó mà đi được.

Nhưng có giết anh ta đi nữa, tui cũng không muốn giết bằng thủ đoạn dê hèn. Tui cởi trói cho anh ta, rồi biểu anh ta tuốt gươm ra. (Dây trói cởi bỏ lúc đó, sau này còn sót lại bên gốc cây tuyết tùng). Sắc mặt giận dữ, anh ta mới tuốt cây gươm to bản ra, không nói một lời, tức thì hăm hăm bay tới chém tui. Trận đấu gươm đó cuối cùng ra sao thì khỏi nói các người cũng đã rõ. Tới thế thứ hai ba thì lưỡi gươm của tui đã xuyên thấu ngực kẻ địch. Thế thứ hai ba đó, xin các người nhớ cho. Điều này, cho tới bây giờ tui vẫn còn nể phục. Đấu gươm với tui mà đỡ được hơn hai mươi thế thì khắp thiên hạ chỉ có một mình anh ta mà thôi (*mỉm cười khoái trá*).

Anh ta vừa ngã xuống, thì tui hạ mũi gươm nhuộm máu, quay lại nhìn cô vợ. Thì, các người nghĩ coi, cô ta chẳng còn ở đó nữa. Tui cố tìm kiếm trong mấy đám cây tuyết tùng coi cô ta trốn đi đâu. Nhưng trên đám lá tre khô chẳng còn gì là dấu vết của cô ta cả. Có lắng tai nghe cũng chỉ nghe tiếng hấp hối trong cổ họng người chồng mà thôi.

Theo chuyện mà đoán thì ngay khi tui chém nhát gươm đầu, có lẽ cô ta đã luồn qua bụi rậm, trốn đi để kêu người tới cứu rồi. Nghĩ vậy nên đến phiên tính mạng mình bị nguy, tui bèn đoạt lấy gươm dài và cung tên, lập tức chạy trốn về phía đường rừng đã vô lúc trước. Ở đó vẫn còn con ngựa của cô ta đang yên lặng gặm cỏ. Chuyện từ đó về sau thì chẳng cần phải nói ra làm chi nữa. Có điều, trước khi vô kinh đô, chỉ có thanh gươm thì tui đã vứt đi rồi. Lời cung khai của tui chỉ có chừng đó. Đẳng nào thì cũng một lần, côn trượng hay bêu đầu treo cổ, thôi thì xin chịu nhục hình cho rồi (*tỏ thái độ ngạo mạn*).

Lời sám hối của người đàn bà đến chùa Kiyomizu

Tên đàn ông mặc áo bào màu xanh đậm đỏ, sau khi đã dày vò tôi xong, hắn nhìn chồng tôi mà cười chế giễu. Chồng tôi khổ tâm biết là dường nào. Nhưng dù cho chồng tôi có vụn vẹo bao nhiêu đi nữa, cũng chỉ làm cho những vòng dây trói khắp trên thân người càng siết chặt vào thêm mà thôi. Tôi nghiệp quá, bất giác tôi lăn về phía chồng tôi. Không, tôi mới định lăn lại thì ngay lúc đó tên cướp đã đạp tôi ngã chúi tới chỗ chồng tôi. Rồi trong thoáng chốc nhìn thấy tia sáng không sao diễn tả được lóe lên trong mắt chồng tôi, tôi hiểu ra được điều gì chứa đựng trong ánh mắt ấy. Ánh mắt không lời nào diễn tả được. Cho đến bây giờ, nhớ lại ánh mắt ấy, tôi còn không khỏi rùng mình. Dù miệng không nói ra được lời nào, nhưng trong khoảnh khắc ấy, chồng tôi đã truyền đạt được tất cả tâm tình anh ấy. Nhưng chiếu tỏa ra từ ánh mắt ấy không phải là cơn giận dữ, mà cũng không phải là nỗi buồn rầu. Đó chỉ là tia sáng lạnh lẽo của lòng khinh miệt đối với tôi. Hơn cả nỗi đau đã bị tên cướp kia đạp đá, tôi đã bị ánh mắt ấy tổng mạnh vào tâm thần, bất giác thét lên lời gì không rõ, rồi ngã xuống bất tỉnh.

Đến lúc tỉnh lại được thì tên đàn ông mặc áo bào màu xanh đậm đỏ đã đi đâu mất. Chỉ còn lại chồng tôi bị trói ở gốc cây tuyết tùng. Tôi gượng ngồi dậy được trên đám lá tre khô, nhìn chăm chú vẻ mặt của chồng tôi. Nhưng ánh mắt của chồng tôi vẫn không thay đổi chút nào. Cũng vẫn biểu lộ một màu thù ghét từ dưới đáy lạnh băng của lòng khinh miệt. Hồ thẹn, đau buồn, tức giận... tôi không còn biết lòng tôi lúc ấy là như thế nào nữa. Tôi lão đảo đứng lên, lết lại gần chồng tôi:

- Anh ơi, đã đến nông nỗi này thì em không còn có thể cùng sống với anh được nữa. Em chỉ muốn chết ngay cho rồi. Nhưng mà, xin anh cũng chết đi. Bởi anh đã chứng kiến nỗi ô nhục của em. Em không thể nào để mặc anh sống như thế này được.

Tôi gượng hết sức mình để tỏ bày điều ấy. Thế mà chồng tôi vẫn chỉ nhìn tôi trừng trừng kinh tởm. Tôi gắng dần lòng mình đang muốn xé toang ra, vừa tìm kiếm thanh gươm của chồng tôi. Nhưng có lẽ tên cướp kia đã đoạt lấy mất rồi. Thanh gươm đã đành, mà cung tên nữa, cũng không còn thấy đâu trong bụi rậm ấy. Nhưng may thay, lưỡi dao ngắn thì còn rớt lại dưới chân tôi. Tôi giương con dao ấy lên, nói với chồng tôi một lần nữa:

- Thôi thì xin anh giao mạng cho em. Rồi em cũng xin chết theo anh.

Nghe thế, chồng tôi mới mấp má môi. Tất nhiên là vì miệng ngậm đầy lá tre khô, nên tiếng nói không sao nghe được. Nhưng nhìn đôi môi mấp má, tôi cũng hiểu ngay lời anh nói. Chồng tôi cũng vẫn khinh miệt tôi, chỉ nói một lời: "Giết ta đi". Tôi, như hoàn toàn trong mộng dữ, đã đâm phập một nhát dao xuyên thấu ngực chồng tôi, qua lớp áo bào màu xanh lơ ấy.

Và rồi, có lẽ tôi đã bất tỉnh một lần nữa. Hồi lâu sau, khi tỉnh lại nhìn quanh, thì chồng tôi, vẫn còn bị trói như cũ, đã tắt thở từ lâu rồi. Ánh nắng chiều xuyên qua kẽ lá tuyết tùng lẫn trong đám lá tre, rọi lên khuôn mặt người chết tái xanh. Tôi cố nén tiếng khóc, lần mở dây trói tử thi mà vứt đi. Rồi, còn thân tôi thì ra thế nào? Tôi chẳng còn sức nào mà nói nữa. Chỉ biết là, tôi không có đủ nghị lực để chết đi. Tôi đã kê dao lên cổ, đã gieo mình xuống hồ nước bên triền núi, đã thử chết nhiều cách, nhưng cuối cùng cũng không chết được, mà còn sống sót như thế này, thì có gì để tự hào đâu (mỉm cười buồn bã). Một kẻ hèn nhát như tôi, có lẽ đến Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cũng chẳng muốn đoái hoài cho nữa. Nhưng là kẻ đành phải giết chồng, là kẻ đã

bị tên cướp kia dày vò nhục nhã, tôi biết làm thế nào được chứ? Trời ơi, tôi phải làm thế nào bây giờ? (*Thình lình nước nổ thảm thiết*).

Lời kể lễ của người chết qua miệng người ngồi đồng

Tên cướp dày vò vợ ta xong còn ngồi đó mà an ủi vợ ta đủ điều. Tất nhiên, ta không thể thốt ra được lời nào. Thân thể lại bị trói vào gốc cây tuyết tùng. Nhưng ta đã đưa mắt ra hiệu cho vợ nhiều lần. Đừng tin những gì tên cướp nói, cứ nghĩ tất cả những điều hắn nói đều là láo toét cả. Ta muốn truyền đạt như thế. Thế nhưng, vợ ta cứ ngồi trên đám lá tre khô, buồn rầu nhìn xuống đầu gối. Ta thấy có vẻ cô ấy đang lắng tai nghe tên cướp nói. Ta rung động cả người vì ghen. Nhưng tên cướp đã khéo léo kiểm lời nói này nói nọ. Những là, đã thất tiết với người khác một lần rồi thì không thể nào còn sống chung êm đẹp với chồng nữa. Đi theo người chồng như thế, chỉ bằng theo làm vợ hắn còn hơn. Chính vì hắn đem lòng yêu thương cô, nên mới làm chuyện táo tợn như thế. Tên cướp ấy thật là lớn mật, dám đặt điều đến cả chuyện như thế.

Vậy mà nghe tên cướp nói, vợ ta lại ngược khuôn mặt dờ dẩn lên. Ta chưa bao giờ thấy vợ mình đẹp đến như lúc ấy. Nhưng, người vợ tuyệt đẹp ấy, ngay trước mặt chồng là ta đây đang bị trói chặt, đã nói gì với tên cướp? Ta, dù lúc này đang thất thế chờ dịp đầu thai, mà mỗi lần nhớ đến lời nói của cô ta, lại không thể không bốc lên lửa hận. Vợ ta quả thật đã nói như thế này: “Vậy thì, xin ông cứ cho tôi theo, bất cứ nơi đâu”. (*Im lặng một hồi lâu.*)

Tội của vợ ta không phải chỉ có thế. Nếu chỉ có thế thì trong cõi tối tăm này, ta đâu đến nỗi đau khổ như thế. Vợ ta, như trong cơn mộng mị, đã để cho tên cướp nắm tay dắt đi, dợm bước ra khỏi bụi rậm ấy, đột nhiên, mặt mày tái nhợt, chỉ tay vào ta đang bị trói vào gốc cây tuyết tùng mà nói:

- Giết chết người đó đi. Người đó mà còn sống thì tôi không thể nào đi theo ông được.

Vợ ta như điên cuồng, đã thét lên nhiều lần: “Giết chết người đó đi”. Lời thét ấy như trận cuồng phong, cho đến bây giờ vẫn còn chực cuốn ngược đầu ta xuống đáy vực sâu tăm tối. Lời nói dồn dập đến như thế mà có thể lọt ra từ miệng con người được sao, dù chỉ một lần đi nữa? Lời nói quỷ ám đến như thế mà có thể chạm tai con người được sao, dù chỉ một lần đi nữa? (*Thình lình phì cười như chế giễu.*) Nghe lời nói ấy, chính tên cướp kia, mặt mày cũng tái mét. “Giết chết người đó đi”. Vợ ta vừa thét lên vừa nắm kéo cánh tay tên cướp. Hắn nhìn vợ ta đăm đăm, chẳng trả lời được là giết hay không giết. Rồi đột nhiên, vợ ta ngã xuống đám lá tre khô; chỉ một đập, tên cướp đã đập ngã cô ta xuống đấy. (*Lại phì cười như chế giễu một lần nữa.*) Tên cướp khoan thai khoanh tay, nhìn về phía ta mà nói:

- Người định làm gì con đàn bà này? Chỉ cần gật đầu trả lời. Nào, giết nhé?

Chỉ cần một câu nói này thôi, ta đã muốn tha tội cho tên cướp ấy rồi. (*lại im lặng một hồi lâu.*)

Vợ ta, trong lúc ta đang do dự, đã thét lên một tiếng rồi lập tức vùng chạy vào sâu trong bụi rậm. Tên cướp cũng nhanh nhẹn phóng tới chụp lại, nhưng không kịp nắm được dù là một chéo áo. Ta chỉ nhìn khung cảnh ấy như trong cơn mơ.

Sau khi vợ ta đã chạy trốn mất, tên cướp thu nhặt thanh gươm và cung tên, xong cắt một chỗ dây trói trên mình ta. “Đến phiên tao phải lo lấy thân đây”. Ta nhớ tên cướp đã lăm bắm như thế trước khi chạy ra khỏi bụi rậm, mất dạng. Sau đó, bốn bề chung quanh đều im vắng. À

không, còn có tiếng ai khóc. Ta vừa tự cởi trói, vừa lắng tai nghe ngóng. Nhưng mà, tiếng khóc đó, nghĩ lại, chẳng qua là tiếng khóc của chính mình đó thôi (*lại im lặng hồi lâu, lần thứ ba*).

Cuối cùng, ta đã nhấc thân mình mệt đến kiệt sức lên từ gốc cây tuyết tùng. Trước mặt ta là con dao ngắn vợ ta đã làm rớt lại, lóe sáng. Ta nhặt con dao đó lên, đâm một nhát vào ngực mình. Có gì như một khối tanh tươi cuộn dâng lên trong miệng. Nhưng, chẳng nghe đau đớn gì. Chỉ khi ngực ta lạnh băng đi rồi thì chung quanh như càng lặng im thêm một bậc nữa. Ôi, sao mà tĩnh mịch đến như thế. Khoảng trời trong bụi rậm khuất sau núi này, đến một cánh chim nhỏ cũng không thấy. Chỉ thấy ánh nắng chiều phiêu lãng buồn rầu trên những thân tre và tuyết tùng. Mà ánh nắng chiều cũng dần dần nhọt nhạt đi, rồi tuyết tùng và tre cũng không còn thấy nữa. Rồi ta ngã xuống đó, bao phủ trong tĩnh mịch sâu thẳm.

Lúc ấy, có tiếng chân ai rón rén đến bên ta. Ta cố nhìn về phía ấy. Nhưng chung quanh ta, bóng tối mịt mù bao phủ. Ai đó... bàn tay không thấy được của ai đó đã nhẹ nhẹ rút lưỡi dao ra khỏi ngực ta. Cùng lúc ấy, trong miệng ta, dòng máu lại trào lên, dâng đầy tràn một lần nữa. Từ đó, ta vĩnh viễn chìm mất vào tăm tối hư vô.

(1922)

Phạm Vũ Thịnh dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Ki, (thốn) khoảng 3cm, xin dịch là “tấc”. Ngựa thường chừng 4 shaku (1 shaku - thước: 30.3cm), tính ra thân con ngựa này cao chừng 1m3-1m4.

[\(2\)](#) Homen, người phạm tội nhẹ, được tha, cho theo quan kiểm sát để đi bắt tội phạm.

Chiếc xe goòng

(Torokko)

Lời người dịch:

Bên cạnh những tác phẩm nổi tiếng viết dựa trên những đề tài lấy từ kho tàng văn hóa cổ điển và lịch sử, Akutagawa còn để lại một cụm tác phẩm xây dựng trên đời sống hiện thực. Chiếc xe goòng nằm trong cụm tác phẩm ấy và được Inoue Yasushi (1907-1991), một nhà văn lớn của Nhật Bản chọn làm một trong mười kiệt tác của Akutagawa.

Công trình đặt con đường sắt tạm thời nối Odawara^[1] với Atami^[2] được bắt đầu khi Ryohei lên tám. Ngày nào Ryohei cũng ra ngoài bìa làng xem cảnh đặt đường - nói là đặt đường nhưng đó chỉ là việc chở đất bằng xe goòng - thế mà Ryohei lại thấy hay, hôm nào cũng đi.

Hai người phu đứng ở phía sau xe goòng chở đầy đất. Chiếc xe goòng chạy từ trên đồi xuống chẳng cần ai đẩy. Chiếc xe lao nhanh chao qua chao lại, vạt áo khoác hanten^[3] của người phu phần phật, con đường ray hẹp vẹo xuống - Ryohei lặng ngấm quang cảnh ấy, trong lòng muốn thành người phu, hay ít ra cũng được đứng chung một lần với người phu trên xe. Xe goòng chạy tới vùng đất bằng phẳng ở bìa làng thì tự nhiên ngừng hẳn. Những người phu nhanh nhẹn nhảy xuống, đổ ào đất xuống ngay cuối con đường sắt. Xong, lại đẩy xe lên đồi. Ryohei nghĩ dù không được leo lên xe, nhưng nếu được đẩy xe thì cũng đủ mãn nguyện.

Một buổi chiều - khoảng đầu tháng Hai, Ryohei cùng với đứa em nhỏ hơn mình hai tuổi và đứa nhỏ ở nhà bên cùng tuổi với đứa em, ra ngoài bìa làng chỗ bãi xe đậu. Mấy chiếc xe goòng dính đầy bùn, nằm xếp hàng trong ánh sáng mờ nhạt. Nhưng nhìn quanh không thấy bóng dáng người phu nào cả, ba đứa bé lén lại gần, hồi hộp đẩy chiếc xe goòng chót ngoài bìa. Khi ba đứa ùa nhau ra sức đẩy, thì đánh rột, xe goòng bỗng lăn bánh. Tiếng rột đầu tiên làm Ryohei lạnh toát người. Nhưng tiếng thứ hai không còn làm nó hoảng hốt nữa. Rột, rột - dưới sức đẩy của ba đứa bé, xe goòng từ từ chuyển bánh ngược đường ray.

Đẩy xe được khoảng hai mươi thước thì đường ray bỗng lên dốc gấp. Ba đứa dù cố hết sức đẩy cũng không làm sao nhúc nhích được chiếc xe. Có lúc ba đứa và chiếc xe còn bị đẩy ngược lại. Ryohei nghĩ như thế là đủ, liền ra hiệu cho hai đứa nhỏ:

- Nè, leo lên mau.

Ba đứa cùng ngừng đẩy, nhảy ngay lên xe. Chiếc xe ban đầu chạy từ từ, nhưng mỗi lúc một bắt trớn, lao nhanh xuống dốc. Tức khắc, quang cảnh trước mặt Ryohei vùn vụt dang ra hai bên. Gió chiều tạt vào mặt mát, chiếc xe goòng đồng, lắc mạnh dưới chân Ryohei - Ryohei thấy sướng ngắt người.

Nhưng chỉ hai ba phút sau thì xe goòng ngừng lại ở điểm cuối.

- Nè, đẩy thêm một lần nữa nghen.

Ryohei và hai đứa nhỏ định đẩy xe goòng đi, nhưng chiếc xe chưa kịp lăn bánh thì ba đứa đột nhiên nghe có tiếng chân ai phía sau lưng, rồi bỗng có thêm tiếng quát giận dữ:

- Ê đồ quỷ sứ, ai cho tụi bay động tới xe đó.

Khi nhận radạng người phu to lớn mặc chiếc áo khoác hanten cũ, đầu đội nón rạ trái mùa,

đứng ở phía đằng kia, thì Ryohei và hai đứa nhỏ liền bỏ chạy khoảng mười thước.

Từ dạo đó, đi công việc về, dù thấy mấy chiếc xe goòng ở chỗ làm đường vắng vẻ ấy, Ryohei cũng không còn dám nghĩ đến việc leo trèo lên xe nữa. Hình ảnh người phu hôm ấy tưởng chừng như đã hằn sâu vào trí nhớ của Ryohei - chiếc mũ rá màu vàng lò mờ trong ánh sáng đã nhạt - nhưng ngay cả cái hình ảnh ấy, mỗi năm như một phai dần.

Mười ngày sau, một hôm vào khoảng xế trưa, Ryohei một mình lại lảng vảng ra chỗ đặt đường xem mấy chiếc xe goòng đến đổ đất. Ngoài các xe chở đất, lần này Ryohei thấy một chiếc xe goòng chở toàn những cây đà lót đường ray đang được hai người phu xe hãy còn trẻ, đẩy trên đường rộng hơn, chắc sau này sẽ trở thành đường ray chính. Chỉ mới thấy họ, Ryohei đã thấy dễ làm quen, “Có lẽ mình sẽ không bị hai người này la”. Nghĩ vậy, Ryohei chạy nhanh đến bên cạnh chiếc xe goòng.

- Hai chú, cho tui đẩy với!

Một trong hai người phu, mặc áo rằn, vắn cúi gằm người đẩy xe, trả lời dễ dãi đúng như Ryohei đã đoán:

- Ờ, mày đẩy đi.

Ryohei liền chen vào giữa hai người phu, ra sức đẩy.

- Mày nhỏ mà mạnh quá hả!

Người phu khác - bên mép tai có vết sẹo thuốc quẩn tay, khen Ryohei.

Được một lúc, đường ray bớt dốc, xe đẩy nhẹ hẳn ra. Ryohei thấp thỏm lo sẽ bị người phu bảo “Thôi khỏi cần đẩy nữa”. Song, hai người phu trẻ chẳng ai nói rằng, thẳng lưng lên tiếp tục đẩy. Ryohei không nhịn nổi, lo lắng hỏi:

- Đẩy được đến bao lâu nữa?

- Mày muốn đẩy đến chừng nào cũng được.

Hai người phu trẻ cùng trả lời một lượt. Ryohei nghĩ trong bụng: “Hai người này hiền thật!”

Đẩy thêm năm, sáu trăm thước thì con đường ray lại lên dốc gấp. Chỗ này hai bên toàn là vườn trồng quýt, biết bao nhiêu quýt vàng ửng đang húng nắng.

“Đẩy xe lên dốc vẫn hay hơn, người ta cho mình đẩy hoài mà” - Ryohei miên man nghĩ vừa hết sức đẩy chiếc xe goòng.

Đến giữa vườn quýt, đường ray bỗng xuống dốc, người phu mặc áo rằn giục Ryohei: “Leo lên mau”. Ryohei phóc lên xe. Ba người vừa đứng gọn trên xe thì chiếc xe goòng dong xuống dốc giữa mùi thơm của vườn quýt. “Đẩy xe không sướng bằng được đứng trên xe.” - Ryohei để mặc cho gió thổi căng chiếc áo khoác haori^[4], trong đầu nghĩ về chuyện đương nhiên ấy. “Lần đi càng đẩy thì lần về càng được đứng trên xe” - Ryohei nghĩ thêm.

Đến khoảng khu rừng có những lùm tre thì xe chạy chậm lại rồi ngừng hẳn. Như những lần trước, ba người lại xuống đẩy chiếc xe goòng nặng trĩu. Qua khỏi những lùm tre, ở đây toàn là cây rừng. Dưới chân, đây đó lá rụng đầy, che lấp cả mặt con đường sắt bị sét ăn đỏ. Lên hết con dốc cao thì bên kia vực thẳm, mặt biển lạnh hiện ra lò mờ, mênh mông. Đấy cũng là lúc Ryohei ý thức rõ nó đã đi quá xa.

Ba người lại lên xe. Chiếc xe goòng chạy dưới những tàn cây trong khu rừng, dọc theo biển trải ra phía bên phải. Nhưng Ryohei giờ đây hết thấy thích thú. Nó miên man nghĩ: “Thôi, về thì hơn”. Dĩ nhiên Ryohei cũng biết, phải đến nơi định tới thì xe và người mới có thể quành về.

Chiếc xe dừng lại lần thứ hai nơi quán nước có mái lợp bằng rạ, trước vách núi mới xẻ. Hai người phu vào trong quán, thông thả ngồi uống trà với bà hàng quán. Bà đang cõng một đứa nhỏ chưa bỏ bú. Còn lại một mình, Ryohei bực dọc, loay hoay xoay quanh ngắm chiếc xe. Chiếc xe goòng với thân thùng chắc nịch, bùn bẩn đầy, khô quánh.

Một lúc sau, hai người phu xe từ trong quán ra. Người phu có điều thuốc vắt mép tai (lúc này không còn thấy điều thuốc đâu nữa) đến chỗ Ryohei đang đứng đợi bên cạnh chiếc xe goòng, đưa cho Ryohei một cái bánh gói trong giấy báo. Ryohei lạnh nhạt: “Cảm ơn”, nhưng sau đó hần nghĩ lại, nói như vậy không được lễ phép, Ryohei bèn bóc bánh ra ăn một miếng. Cái bánh ẩm giấy báo, hôi mùi dầu.

Ba người lại tiếp tục đẩy xe, leo con dốc thoải. Ryohei, tay đẩy nhưng lòng nghĩ chuyện khác.

Khi xuống hết con dốc phía bên kia đồi thì lại thấy một quán nước giống hệt như cái quán trước. Đợi cho hai người phu vào trong quán, Ryohei ngồi lên bọc xe, chỉ tính chuyện đi về. Nắng chiếu từ phía tây sắp lặn hắt trên những đóa hoa mơ nở trước quán. “Trời tối mất!” - Ryohei nghĩ vậy, không thể ngồi yên, chốc chốc lấy chân đá cái bánh xe goòng, hoặc ra tay đẩy thử chiếc xe mặc dù biết một mình không thể đẩy nổi - Ryohei làm vậy chỉ để khuây khỏa.

Hai người phu trong quán ra, đặt tay lên mấy cây đà lót đường rầy, hững hờ nói với Ryohei:

- Mày về đi, hôm nay tụi tao ngủ lại đây này.

- Mày mà về muộn thì nhà mày lo đó.

Ryohei bất giác ngăn người ra. Trời đã bắt đầu tối, cuối năm ngoái Ryohei có theo mẹ đi đến tận làng Iwamura rồi về, nhưng lần này đường xa gấp ba bốn lần năm ngoái, mà bây giờ phải về một mình suốt cả con đường này. Ryohei bỗng hiểu ra mọi sự. Nó suýt bật khóc. Nhưng nó nghĩ khóc cũng chẳng ích gì, và cũng không phải là lúc để khóc. Ryohei khúm núm cúi đầu chào hai người phu, rồi nương theo con đường ray mà chạy.

Ryohei cầm đầu chạy một lúc lâu dọc theo đường ray, bỗng nó cảm thấy gói bánh trong áo lấn cấn khó chịu, liền móc ra liệng bên đường. Cùng lúc ấy, nó hất bỏ luôn đôi dép itazori^[5]. Chân nó chỉ còn lại có mỗi một lớp tabi mỏng. Lòng bàn chân nó bị những viên đá nhỏ đâm thẳng vào đau, nhưng nó thấy hai chân nhẹ hẫng ra. Rồi nó cảm được biển nằm phía bên tay trái, nhưng cứ một mực chạy vút nhanh lên con dốc cao. Chốc chốc nước mắt cứ muốn ứa lên làm nó phải nhắm mắt. Ryohei cố nhịn khóc, nhưng cứ phải hít mũi sục sục.

Chạy qua khỏi khu rừng tre, thì ráng chiều ửng trên nền trời bên triền núi Higane sắp tắt hẳn. Ryohei càng quỳnh lên. Quang cảnh lúc về bây giờ trông khác hẳn lúc đi, càng làm cho nó lo. Ryohei thấy khó chịu với cả chiếc áo khoác ngoài đã ướt đầm mồ hôi. Để cố chạy cho nhanh, nó cởi vứt luôn chiếc áo khoác bên đường.

Chạy đến vườn quýt thì xung quanh trời càng tối. “Chỉ cần còn sống...” dù có bị trượt, bị vấp, Ryohei cũng không màng, chỉ một mực cầm đầu chạy.

Khi Ryohei thấy được cái bãi xe goòng ngoài bìa làng hiện ra ở đằng xa trong bóng tối, thì nó muốn khóc òa lên. Mặt thì như dở khóc, nhưng nó dần lại được, cứ cầm cổ chạy.

Vào đến trong làng, hai bên đường mọi nhà đã lên đèn. Trong ánh sáng lù mù, Ryohei thấy rõ hơi mờ hôi trên đầu nó bốc khói. Mấy người đàn bà đang đứng bên giếng múc nước, mấy người đàn ông đi làm vườn về, ai thấy Ryohei hồng hộc chạy, đều cất tiếng hỏi: “Có chuyện gì vậy mày?” Nhưng nó vẫn nín thinh, một mực cầm đầu chạy, băng qua nào tiệm bán tạp hóa, tiệm hớt tóc rồi những căn nhà có đèn sáng.

Khi chạy lọt vào trong cổng nhà thì Ryohei không còn nhịn được nữa, nó òa lên khóc tức tưởi. Nghe tiếng khóc của Ryohei, bố mẹ nó xúm lại. Nhất là mẹ nó, bà ôm chặt lấy nó vào lòng, nói dỗ dành gì đó. Nhưng, Ryohei tay chân cứ vùng vẫy, khóc rống lên. Tiếng khóc, hét dữ dội của Ryohei kéo ba bốn bà hàng xóm tụ tập trước cái cổng tối mờ. Bố mẹ nó và cả các bà hàng xóm ai cũng cố gạn hỏi sao nó khóc. Nhưng càng bị gạn hỏi, nó càng khóc ré lên. Cứ nhớ lại quãng đường xa mới chạy về, bao nhiêu nỗi lo sợ còn lại cho đến giây phút này, thì dù có khóc lớn cho đến mấy nó cũng không thấy hả dạ...

Năm hai mươi sáu tuổi, Ryohei cùng vợ con lên Tokyo ở. Giờ này Ryohei đang cầm bút son ngồi sửa bản thảo trên lầu hai của một nhà xuất bản tạp chí. Có gì đâu, thế mà có lúc hần nhớ lại hần ở cái ngày xa xưa ấy. Chẳng có lý do gì cả? Ryohei mệt mỏi, rã rời, trước mặt hần bây giờ thì ra, cũng giống như cái thửa ngày xưa ấy, vẫn con đường mòn hẹp với những lùm cây, những con dốc tranh sáng tranh tối cứ đứt đoạn, rồi lại cứ tiếp nối nhau chạy dài...

(1922)

Đinh Văn Phước dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Odawara, một thị trấn ở phía nam, cách Tokyo khoảng 80 cây số. Vào thế kỷ XVI có thành Odawara chu vi hơn 9 cây số, do sứ quân Hojo xây. Tháng 5 năm 1590, sứ quân Hideyoshi ở phía nam Nhật Bản, trong cuộc tranh hùng thống nhất lãnh thổ, động viên 22 vạn quan, vây 5 vạn quân Hojo thủ trong thành. Đến tháng 7 thì Hojo phải ra hàng. Chiến thắng của Hideyoshi ở Odawara mở màn cho thời đại thống nhất dưới quyền cai trị của một Shogun (Tướng quân).

[\(2\)](#) Atami, một thắng cảnh có nhiều suối nước nóng, cách Tokyo khoảng 120 cây số về phía nam.

[\(3\)](#) Hanten, một kiểu áo khoác haori ngắn đến hông, có cấu tạo và cách may đơn giản hơn, không có dây buộc ở giữa thân áo. Hanten thường được dùng làm đồng phục cho giới phu, thợ hay các tổ chức xã hội của Nhật ngày xưa, thí dụ như các tổ chữa cháy v.v...

[\(4\)](#) Haori, áo khoác ngắn dùng cho cả nam lẫn nữ, mặc áo khoác lên bên ngoài bộ áo kimono dài. Có rất nhiều loại, kiểu mẫu khác nhau.

[\(5\)](#) Itazori, dép cổ hữu của Nhật, loại rẻ tiền, không có đế, làm bằng gỗ, chân chỉ kẹp vào đai guốc.

Trinh tiết

(Otomi No Teiso)

Lời người dịch:

Câu chuyện *Trinh tiết* xảy ra trong căn nhà vắng chủ vào một buổi chiều mưa giữa tên hành khất Shinko và Otomi, người tớ gái căn nhà trở lại tìm con mèo Mike. Truyện được diễn tả như một vở kịch mà sân khấu là căn bếp nhỏ, diễn tiến theo tiếng mưa và ánh sáng của buổi chiều. Lời than cuối cùng của gã khất thực Shinko trong truyện sau khi để Otomi bế con mèo Mike ra khỏi nhà là lời than trung thực nhất của con người bị giằng co giữa bản năng và luân lý.

Dịch giả dùng nguyên tác đăng trong tập *Gesakusanmai (Hứng sáng tác)*, Ikkai no tsuchi (Cục đất), một phần của bộ sách khổ nhỏ về tác phẩm Akutagawa do Nhà xuất bản Shincho in năm Chiêu hòa 61 (1986).

Xế trưa ngày 14 tháng 5 năm Minh Trị thứ nhất, chính phủ ra thông cáo: “Sớm mai, quan quân sẽ tấn công bọn phiến loạn Shoghi đang ẩn náu tại ngọn đồi Toei. Lệnh cho toàn thể dân cư vùng Ueno phải tùy nghi lánh đi nơi khác”. Ở xóm số 2 khu Shitaya, trong tiệm tạp hóa mà ông chủ tiệm Kogaya Seibei cũng vừa mới bỏ đi, một con mèo tam thể lớn cong lưng nằm thu mình trong góc bếp, trước một vỏ bào ngư.

Vì cửa đóng kín mít, bóng tối bao trùm căn nhà mặc dù trời mới xế trưa. Ngôi nhà vắng tanh, không tiếng người, có chăng là tiếng mưa dầm không ngừng từ mấy bữa rày. Chỉ nghe đôi lúc tiếng mưa ào ạt trên mái nhà, rồi nhẹ dần như bay vút lên không mất hút. Mỗi lần mưa gieo nặng hạt, đôi mắt hổ phách của con mèo lại mở tròn xoe. Trong bóng tối của căn bếp, lò mờ không thấy đâu là lò, đôi mắt ánh lân tinh hiện ra ghê rợn. Con mèo sau khi biết chắc chẳng có gì lạ xảy ra ngoài tiếng mưa càng ngày càng nặng hạt, khép dần đôi ngươi, se lại như sợi chỉ. Sau nhiều lần nhắm mắt, mở mắt, con mèo bất động chìm dần trong giấc ngủ. Mưa vẫn tiếp tục rơi, khi nhạt, khi khoan. Hai giờ, rồi ba giờ chiều. Ngày tàn dần theo nhịp mưa.

Bốn giờ vừa điểm thì con mèo như linh cảm điều gì, mở to mắt, đồng thời vểnh đôi tai nghe ngóng. Mưa rơi dịu hẳn. Ngoài tiếng chân phu kiệu chạy ngoài đường, không nghe gì khác. Nhưng sau một vài giây yên ắng, căn bếp trước đây tối om, bắt đầu tỏ ra không biết tự lúc nào. Mọi vật hiện rõ dần, từ cái lò choáng một phần lớn trên sàn gỗ mộc của căn bếp nhỏ, cái chum không nắp lóng lánh nước, bàn thờ ông địa có nhánh tùng, sợi dây thông dùng để mở cánh cửa sổ thông hơi... Con mèo càng lúc càng tỏ vẻ lo lắng, mắt nhìn về phía chỗ cửa căn bếp vừa mở, vươn vai nặng nề đứng dậy.

Kẻ bước vào là một gã khất thực, người ướm như chuột lột. Gã hết mở cái cánh cửa kéo bên ngoài lại mở cả cánh cửa dán giấy bên trong. Đầu quấn một cái khăn cũ, gã nhô người về phía trước, mắt lảo liên tai nghe ngóng căn phòng yên lặng một lát. Yên chí không có ai khác, gã để nguyên tấm rơm bên làm áo mưa còn lấp lánh mấy giọt nước, vật duy nhất xem ra còn mới trên người, nhẹ nhàng bước lên sàn bếp... Con mèo cụp đôi tai, lùi lại hai ba bước. Gã khất thực không may may kinh ngạc, quay lại khép cánh cửa, từ từ cởi cái khăn quấn trên đầu. Trên khuôn mặt đầy râu có dán hai ba miếng thuốc cao. Người gã tuy cẩu thả nhưng mặt mũi không có vẻ hạ cấp.

Vừa rũ nước trên tóc, vừa chùi mặt, gã khất thực gọi khẽ con mèo.

- Mike, mike!

Không biết con mèo có nhận ra giọng của gã khất thực hay không, vênh hai tai, không rời chỗ, thỉnh thoảng đưa mắt nghi ngờ, xoi mói nhìn kẻ lạ mới vào. Gã khất thực cởi áo tơi ra, đôi cẳng lấm đầy bùn xếp bằng lên sàn, trước mặt con mèo.

- A chú măn... có chuyện gì vậy, không còn ai ở đây à, chú bị bỏ rơi hả?

Gã cười một mình, tay vuốt đầu con mèo. Con vật rụt người chực chạy trốn, nhưng rồi thay vì nhảy về phía sau, ngồi lại rồi khép dần đôi mắt. Gã khất thực ngừng tay vuốt mèo, rút từ phía trong vạt áo yukata cũ rích một khẩu súng lục bóng loáng dầu mỡ. Trong khoảng tối lò mờ, gã bắt đầu thử lại cò súng. Một gã khất thực thử súng trong căn bếp ngôi nhà hoang ngập mùi chiến tranh, thật là một cảnh tượng lạ lùng khó hiểu. Con mèo đôi mắt lim dim, co tròn bất động, thản nhiên như đã thấu hết ngọn nguồn.

- Này Mike, chú hãy chờ đến mai mà xem, súng đạn sẽ rơi xuống đây như mưa, chú nghe chưa? Nếu chú bị trúng một viên đạn thì thể nào cũng nghèo. Ngày mai, tớ khuyên chú mày nên nấp dưới sàn hiên nhà suốt ngày.

Vừa coi lại khẩu súng, đôi lúc gã gọi chuyện với con mèo:

- Này nói thật ra giữa tớ với chú, bọn mình đã biết nhau từ lâu. Hôm nay là ngày chót của bọn mình, chú hiểu không? Có thể ngày mai là ngày bất hạnh của chú, và đối với tớ, có thể là cái chết. Nhưng ngay nếu không nghèo thì tớ cũng chả còn có dịp bới thùng rác với chú nữa đâu. Chú ắt sẽ hài lòng!

Sau đó một chốc, mưa bỗng đổ ào ào. Những đám mây sà thấp hầu như phủ mờ cả hai đầu cong mái nhà. Bóng tối lại đổ ụp xuống căn bếp. Gã khất thực sau khi chăm chú xem xét khẩu súng, cẩn thận lên đạn.

- Này, chắc chú phải có điều gì nuối tiếc chứ? À không? Thiên hạ thật có lý khi phán rằng mèo là giống bạc nghĩa, hưởng ơn ba năm chúng cũng còn quên. Chẳng ai có thể trông cậy vào chú được cả, tớ e vậy... nhưng thôi... chẳng sao đâu. Thằng hoặc, nếu tớ có nghèo thì...

Gã thỉnh linh ngưng nói, ai đó ở ngoài hình như đang đến gần căn bếp. Gã giấu ngay khẩu súng rồi quay ngoắt ra. Cùng một lúc, cánh cửa kéo gian bếp bỗng mở toang. Gã khất thực nhìn chăm chú người mới vào, sẵn sàng đối phó với mọi việc có thể xảy đến.

Người mới vào thoát mở cánh cửa, khi nhìn thấy gã khất thực, thốt ra một tiếng kinh ngạc: A!!! Đó là một người đàn bà còn trẻ, đi chân đất, tay cầm cái dù giấy cán tre. Khi thấy gã khất thực, cô ta định chạy ra ngoài trời mưa trở lại. Nhưng khi thoáng kinh ngạc đã qua, cô ta lấy can đảm, nhướn mắt nhận diện kẻ lạ mặt trong bóng tối. Gã khất thực hầu như cũng ngạc nhiên, kiễng chân dưới vạt áo yukata cũ, nhìn mặt cô gái, và sau đó, gã mất ngay vẻ e sợ. Trong khoảnh khắc, bốn con mắt nhìn nhau im lặng. Sau khi lấy lại chút bình tĩnh, cô gái nói với gã khất thực:

- À, hóa ra là mày, Shinko?

Gã này cười bên lên, cúi đầu chào hai ba lần:

- Xin cô thứ lỗi, trời mưa quá lớn nên chỉ mạn phép lén vào nhà trong lúc cô vắng mặt, ngoài ra tôi không có ý đồ xấu xa gì cả. Không, tôi không định trộm cắp đâu.

- Nay, mày cũng làm tao hoảng hồn. Tuy mày thề thốt là không có ý đồ trộm cắp, nhưng tự tiện cũng vừa vừa thôi chứ. Đi ra ngay để tao còn vào.

Cô gái vừa cầu nhàu vừa rũ nước cái dù.

- Dạ vâng tôi xin đi ngay, nhưng làm gì cô phải quát tháo đuổi ra như vậy. Thế chứ cô không di tản à?

- Có chứ, tao đã di tản, dĩ nhiên là tao di tản, nhưng có gì liên quan gì đến mày đâu?

- Thế thì chắc cô quên cái gì rồi. Nay cô hãy vào đi đã, đứng đó mắc mưa ướt hết.

Cô gái không trả lời, vẫn vẻ bất bình, ngồi xuống ngưỡng cửa nhà bếp, trước chỗ thoát nước, đoạn đuổi dài hai chân, dội nước ào ào lên trên đôi cẳng dính đầy bùn. Gã khát thực không hề bối rối, ngồi xếp bằng, tay mân mê cái cầm xù râu, mắt hau háu nhìn thân hình cô gái. Cô ta nhỏ con, dáng dấp quê mùa, nước da hơi ngăm với những nốt tàn nhang trên sống mũi, quần áo thuộc loại tứ giá, gồm một chiếc váy vải dệt tay, một cái thắt lưng bằng vải Kokura. Tuy vậy, khuôn mặt cô ta tươi tắn và thân hình tròn lẳn, chắc nịch, trông xinh như quả đào hay quả lê mới hái.

- Nay nếu cô phải trở lại đây trong cảnh hỗn loạn này, chắc chắn để lấy một vật gì quan trọng lắm. Cái gì vậy hở Otomi? Cô quên cái gì vậy hở cô, nói tôi nghe!

- Ê này, chẳng có liên quan gì đến mày. Tao đã nói mày xéo khỏi chỗ này ngay lập tức, và đừng có xía vào chuyện của tao.

Sau câu trả lời thật bốp chát, bất chợt với dáng lo âu, cô ngược nhìn Shinko, thành khẩn hỏi:

- Nay Shinko, mày có biết Mike, con mèo nhà này không?

- A, Mike, mới thấy nó lúc nãy mà. Ấy, nó đi đâu mất rồi nhỉ?

Gã hành khát đưa mắt nhìn quanh. Con mèo, không ai để ý đã thu mình trên kệ, giữa cái cối và cái chảo. Otomi cũng nhìn ra con mèo cùng một lúc với Shinko. Gác ngay cái gáo nước, và hầu như quên cả sự hiện diện của gã khát thực, cô gái đứng dậy trên sàn gỗ, cười vui vẻ gọi con mèo.

Shinko trở mắt ngạc nhiên, hết nhìn con mèo lại nhìn cô gái:

- À thì ra là con mèo. Nay cô, cô quên con mèo hả?

- Đi kiếm mèo thì đã sao?... Mike! Mike! Nào, xuống đi.

Gã khát thực bật cười. Tiếng cười của gã xen trong tiếng mưa rền, lạnh lạnh khó ưa. Otomi má đỏ lên vì giận, to tiếng với Shinko, không nể nang:

- Mày cười cái gì? Bà chủ nhà này như điên như dại vì bỏ quên con mèo. Bà ta cứ khóc suốt, bảo lỡ con mèo có mệnh hệ nào thì không biết bà sẽ sống ra sao. Tao mủi lòng nên đợi mưa trở về đây để kiếm nó cho được đấy...

- Thôi thôi, tôi không cười nữa.

Nói thì nói, gã khất thực vẫn tiếp tục cười, và ngắt lời cô gái:

- Được rồi tôi không cười nữa. Nhưng này, cô cứ thử nghĩ một tý mà xem, ngay từ ngày mai, cuộc chiến sẽ bắt đầu, và trong tình trạng ấy, chuyện lo cho một hay hai con mèo thì, để rồi coi, sẽ chẳng ra đâu vào đâu. Xin lỗi phải nói trắng ra, chứ chẳng thấy ai ở trên đời lại u mê và keo kiệt hơn bà chủ nhà cô. Cứ thử nghĩ mà xem, ngay cái chuyện bắt cô đi kiếm con Mike chẳng hạn...

- Này im đi, tao không muốn nghe những lời đặt điều nói xấu bà chủ.

Otomi run người vì tức giận, nhưng gã khất thực, không như ta tưởng, vẫn thản nhiên trước cơn giận của cô gái. Không những thế, gã còn nhìn cô ta chăm chặp không chút ngại ngùng. Thực ra lúc đó khuôn mặt cô gái là cả một vẻ đẹp man dại. Cái áo kimono và cái váy ướt vì trời mưa dán sát vào người, không chỗ nào mà không nồn nường. Nhìn một cái cũng đủ thấy nét trinh trắng trong tấm thân trẻ trung. Shinko mắt vẫn như dính vào người cô gái, tiếp tục cười nói:

- Ở đúng rồi, trước tiên qua việc bà ta bắt cô trở về kiếm Mike. Cô không đồng ý với tôi sao? Vào lúc này, toàn khu Ueno, ai mà không di tản. Nhà cửa tuy còn đó nhưng khu này vắng như chùa bà đanh. Dầu cho lang sói không lộ mặt, nhưng chắc gì chả có chuyện nguy hiểm xảy ra. Đúng thế không nào?

- Này, thay vì lo sợ vẩn vơ như thế, bắt con mèo cho tao đi. Chiến sự còn chưa bắt đầu thì nguy hiểm ở chỗ nào cơ chứ?

- Này cô ơi, đừng có đùa. Làm thân con gái đi dạo một mình giữa thời buổi như vậy mà không nguy hiểm thì tôi không biết khi nào mới gọi là nguy hiểm. Cứ nói thẳng thừng ra, ở đây, chúng ta chỉ có hai người, cô và tôi. Giả tí tôi đâm ra suy nghĩ quàng xiên, thì cô, thì... cô Hai, làm được gì tôi nào?

Cái giọng cọt nhả của Shinko có vẻ nửa đùa nửa thật, nhưng ánh mắt trong sáng của Otomi không thoáng vẻ sợ hãi. Cặp má cô nàng càng đỏ hơn vì tức giận:

- Mà nói cái gì hử? Dễ chừng mày muốn dọa tao hả? Otomi sấn một bước về phía Shinko, nói như đe ngược lại hẳn.

- Dọa cô? Nếu chỉ dọa chút chơi thì đã nhằm gì? Trên đời, thiếu gì những thằng đeo đầy lon trên vai, mà ăn ở không ra hồn người. Hơn nữa, tôi chỉ là dân ăn xin... cô hiểu chứ? Tôi dám làm thiệt chứ chẳng dọa suông đâu. Bây giờ, nhờ tôi lên cơn thèm muốn bắt chột thì sao.

Trước khi nói dứt câu, Shinko đã nhận một cái nện trên đầu, và gã cũng không hay Otomi đã nện mình với cái dù cán tre.

- Đừng có nói tầm bậy.

Lại một lần nữa Otomi lấy hết sức bình sinh giáng cái dù lên đầu Shinko. Gã lùi nhanh ra xa, nhưng lại ăn thêm một đường dù khác trên vai áo yukata đã cũ mềm. Con mèo, giật mình vì tiếng động, nhảy từ cái kệ sang bàn thờ ông Táo, hất văng cả cái chảo, cùng lúc đánh đổ đĩa dầu thấp và nhánh tùng trên bàn thờ xuống đầu Shinko. Trước khi chệnh choạng đứng lên, một

trận mưa dù đã rơi trên người gã.

- Tổ cha mi... tổ cha mi...

Otomi vẫn huơ vũ khí, Shinko tuy bị ăn đòn, nhưng cuối cùng gã cũng giật được cái dù. Quảng nó qua một bên, gã nhảy xổ vào người Otomi. Hai người giằng co trong một lúc trên sàn gỗ căn bếp hẹp. Đúng lúc cuộc vật lộn đang gay cấn, cơn mưa lại bắt đầu rơi sầm sập trên mái bếp. Theo tiếng mưa càng ngày càng nặng hạt, ánh sáng trong căn nhà yếu hắt đi. Mặc kệ những cái vả, những cái cào cấu sưng da của Otomi, Shinko tìm mọi cách giữ chặt cô ta trên sàn. Sau nhiều lần thất bại, gã hầu như làm chủ được tình hình, nhưng thỉnh thoảng gã giật bắn như lò xo, nhảy lùi một bước về phía cửa nhà bếp:

- Đồ giặc cái.

Đứng trước cánh cửa kéo của căn bếp, Shinko trừng mắt nhìn Otomi. Ngồi trên sàn gỗ, đầu tóc rũ rượi, Otomi cầm đốc ngược con dao cạo trong tay mà chắc cô ta giấu trong nếp thắt lưng. Dáng điệu dữ dằn lại làm cô trông càng gợi tình. Cô có dáng dấp như con mèo Mike đang phồng lưng trên cái kệ. Trong khoảnh khắc, hai người im lặng rình nhau. Hai ánh mắt ghìm nhau. Shinko thoát nhếch miệng cười nhạt, rút từ trong yukata ra khẩu súng lục:

- Này, giờ có giỏi thì tới đây mà hung hăng!

Đầu súng từ từ chĩa về phía ngực Otomi nhưng cô nàng vẫn không mở miệng, tiếp tục nhìn mặt Shinko với tia mắt căm thù. Khi gã thấy cô ta không chút dao động, bèn nảy ra một ý, quay mũi súng lên cao về phía có hai con mắt hổ phách của con mèo đang ánh lên trong khoảng tranh tối tranh sáng:

- Này, tôi bắn được không cô Otomi? Gã cất cao giọng cười như muốn trêu chọc.

- Nếu khẩu súng này đoành một phát, con mèo sẽ ngoẻo trước tiên, và sau đó sẽ tới lượt mày. Này, thế mày có muốn không nào?

Gã để tay lên cò súng như sắp bấm.

- Shinko, Otomi chọt hét lên.

- Không, đừng bắn.

Shinko đưa mắt nhìn Otomi, nhưng mũi súng vẫn chĩa về con mèo.

- Tao biết quá là mày sợ tao bắn nó mà.

- Đừng bắn, tội nghiệp con mèo, làm phúc tha nó đi.

Thái độ của Otomi thay đổi thật đột ngột. Ánh mắt lo lắng, đôi môi hé run vì xúc cảm để lộ hai hàm răng nhỏ nhắn. Shinko nhìn khuôn mặt Otomi với dáng điệu giễu cợt và tò mò, cuối cùng hạ thấp mũi súng. Lúc ấy, trên mặt Otomi mới trút bớt vẻ lo âu.

- Được rồi, tao sẽ tha mạng cho con mèo. Bù lại... Shinko tiếp tục nói với giọng điệu xác xược, bù lại mày phải hiến thân cho tao.

Otomi tránh cái nhìn của Shinko. Trong khoảnh khắc, hình như có một cảm giác tức giận, ghét, ghê tởm, buồn chán lẫn lộn, sùng sục trong trái tim nàng. Shinko dòm chừng mọi cử chỉ

của cô gái, cẩn thận đi vòng về phía sau Otomi, kéo phăng cánh cửa phòng khách. Căn phòng này dĩ nhiên còn tối hơn cả căn bếp. Mặc dù chủ nhà đã di tản, giữa phòng vẫn còn tủ bàn và cả một lò sưởi hình bầu dục. Shinko đứng trong phòng khách, đưa mắt nhìn cổ áo Otomi, cái cổ lấm tấm mồ hôi. Có lẽ cô ta cảm thấy cái nhìn, xoay mình, ngược mắt nhìn Shinko. Sắc mặt hồng hào đã trở lại trên nét mặt không biết tự lúc nào, nhưng Shinko lại dậm ra hoảng hốt, cặp mắt chớp nhanh một cái, lại chĩa mũi súng về phía con mèo.

- Không, đừng bắn, tao xin mày...

Otomi, vừa lên tiếng ngăn Shinko vừa liệng con dao cạo cầm trong tay xuống sàn gỗ.

- Nếu mày không muốn tao bắn, thì vào trong kia cho tao. Mặt Shinko thoáng vẻ giễu cợt.

- Gớm, cái thằng tởm thật. Otomi lăm bắm miệt thị, trỗi dậy, xăm xăm đi vào phòng khách. Trước thái độ buông xuôi nhanh chóng, Shinko có vẻ hơi ngạc nhiên. Trong khi đó, không những mưa đã thưa hạt mà có lẽ một tia nắng quái đã len được qua mây, vì căn bếp nãy giờ chìm trong bóng tối lờ mờ, bỗng sáng hẳn ra. Shinko vẫn đứng im, lắng nghe tiếng động từ phòng khách: tiếng cửi thắt lưng sột soạt, tiếng thân người buông rơi xuống mặt chiếu. Chỉ có thế, căn phòng khách lại trở nên yên lặng.

Sau một phút lưỡng lự ngần ngừ, Shinko bước vào phòng khách lù mù. Giữa căn phòng, Otomi đang nằm dài, ngửa người bất động, tay áo phủ trên mặt. Mới nhìn cảnh tượng này, Shinko bỏ chạy như tháo thân về lại căn bếp. Một tình cảm kỳ quái không thể diễn tả hiện trên nét mặt gã, có thể nó là một sự ghê tởm, hay xấu hổ, nào ai biết. Vừa bước chân ra đến bếp, lưng vẫn quay về phòng khách, gã cười nói một cách gượng gạo:

- Tôi đùa cô đấy, cô Otomi. Đùa đấy thôi, xin cô trở lại đây.

Vài phút sau, Otomi với con mèo trong vạt áo, cái dù trong tay, vui vẻ trò chuyện với Shinko, đang ngồi trên một cái chiếu rách gã mới trải ra.

- Này cô, tôi có một chuyện hỏi cô. Vẫn còn đang xấu hổ, gã tránh không nhìn mặt cô gái.

- Gì vậy?

- Thật ra cũng chẳng có chuyện chi. Nhưng tôi nghĩ trao thân cho ai là một điều quan trọng trong đời người đàn bà. Otomi à, muốn hiến cả thân mình để đổi mạng con mèo... như cô hiện nay, không phải hơi khùng sao, hở cô?

Shinko im lặng một lát. Otomi mỉm cười, tay vẫn vuốt ve con mèo.

- Cô thương con mèo đến như thế à?

- Tôi thương con mèo, thế nhưng... Otomi trả lời bỏ lửng.

- Hay là... tại cô có tiếng là người giúp việc trung thành trong xóm này. Hoặc cô sợ nhớ con mèo bị chết thì không biết ăn nói làm sao với bà chủ... có phải đó là nỗi lo âu của cô chăng?

- Dĩ nhiên tôi thương con mèo, và tôi cũng phải trung thành với bà chủ, tất cả đều đúng, nhưng tôi...

Otomi, đầu hơi nghiêng, ánh mắt nhìn xa xôi.

- Không biết phải nói sao, chỉ biết là trong lúc ấy, tôi không thể tha thứ cho chính mình, nếu tôi không hành động như đã làm... chỉ có thể thôi.

Một vài phút sau, Shinko một mình, hai vòng tay ôm đầu gối phủ chiếc áo yukata cũ, ngồi thừ người trong căn bếp. Màn đêm lên dần cùng với tiếng mưa bây giờ đã thưa thớt. Sợi dây từ cửa sổ tò vò, cái chum đựng nước bên cạnh chỗ thoát nước, tất cả sự vật chìm dần trong bóng tối từng thứ một. Chuông khu Ueno từng tiếng rót vào đám mây đen, bắt đầu rền nặng nhọc. Như chợt tỉnh với hồi chuông, Shinko nhìn khoảng không gian yên lặng vây quanh, rồi lần mò từng bước xuống chỗ thoát nước, múc đầy một gáo nước.

- Ta, Murakami Shinzaburo, Shigemitsu dòng họ Minamoto danh giá, ngày hôm nay đã bị thua một keo.

Vừa lẩm bẩm, gã uống một hơi ngon lành gáo nước của buổi chiều tà...

Ngày 26 tháng 3 năm Minh Trị thứ 23, Otomi cùng chồng và ba con tản bộ trên đường Hirokoji khu Ueno. Ngày hôm đó thiên hạ làm lễ khánh thành cuộc triển lãm quốc gia lần thứ 3 tại Takenodai. Trong khu phố Kuromon, hoa đào đã gần như mãn khai. Trên đại lộ Hirokoji, thiên hạ tấp nập chen nhau. Từ phía Ueno, xe ngựa và xe kéo có lẽ đi dự lễ khai mạc về, tấp nập di chuyển không ngừng. Thiên hạ nhận ra những khuôn mặt quan quyền nổi tiếng trong những chiếc xe ngựa hay xe kéo, nào là Maeda Masena, Taguchi Ukichi, Shibusawa Eichi, Tsuji Shinji, Okakura Kakujō, Shimojo Masao.

Chồng của Otomi, một tay bế đứa con trai thứ vừa lên năm. Đứa con trai lớn tay bám vào vạt áo bố, họ chen lẫn trong dòng người ồn ào di động. Đôi lúc ông chồng ngoái lại, dáo dít nhìn về phía Otomi đang đi theo sau. Cô nàng tay dắt đứa con gái đầu lòng, nở một nụ cười tươi tắn cùng chồng. Dĩ nhiên hai mươi năm đã mang lại dấu vết già nua trên mặt nàng, nhưng ánh mắt trong sáng của tuổi thanh xuân vẫn không đổi. Nàng đã lập gia đình vào năm Minh Trị thứ 4. Chồng nàng là cháu của ông chủ Kogaya Seibei. Lúc cưới, ông chồng có một tiệm đồng hồ nhỏ dưới Yokohama. Giờ đây, ông ta mở một tiệm tại phố lớn ở Ginza.

Otomi tình cờ ngược mắt nhìn lên. Trong một chiếc xe song mã đang chạy ngang trước mặt nàng lúc đó, có Shinko nghiêm trang ngồi. Đúng là Shinko, không thể nào lầm được, nhưng bây giờ đã đeo đầy lon vàng chói, huy chương đủ loại. Tất cả tạo cho gã một vẻ uy nghiêm. Gã đội một cái mũ giắt lông đà điểu. Khuôn mặt hồng hào với bộ râu quai nón muối tiêu quay mặt nhìn về phía nàng, đúng là khuôn mặt gã hành khất thuở nào. Otomi chậm bước lại nhưng nàng không hề kinh ngạc. Đối với nàng, Shinko không bao giờ là một gã hành khất tầm thường, nàng không thể giải nghĩa tại sao, nhưng nàng đã thấu hiểu chuyện đó từ lâu. Vì dáng dấp khuôn mặt của gã? Vì lời ăn tiếng nói của gã? Vì khẩu súng lục gã mang trên người? Không biết vì cái gì, nhưng nàng đã chắc chắn như vậy. Otomi nhìn thẳng mặt Shinko không chớp mắt. Vô tình hay cố ý, gã cũng nhìn khuôn mặt người đàn bà. Kỷ niệm của dĩ vãng vào một ngày mưa hai mươi năm trước đây trào lên trong tâm trí nàng, vào đúng giây phút ấy, rõ ràng đến se sắt con tim. Ngày đó, chỉ để cứu mạng một con mèo, Otomi đã sắp hiến thân cho Shinko mà không hề suy nghĩ. Bởi vì lẽ gì, nàng cũng không hiểu. Shinko, về phía gã, không hề đụng đến nàng, dù chỉ một đầu ngón tay cái thân thể mà nàng sẵn sàng buông thả trong lúc đó. Vì lẽ gì, nàng cũng không rõ. Nhưng mặc dù với cái động cơ không biết đến từ đâu này, dưới mắt Otomi, mọi hành động lúc đó đều quá đương nhiên, tất cả phải đúng như thế thôi. Đi ngược chiều chiếc xe, nàng

thấy tâm hồn như rộng ngát ra.

Sau khi chiếc xe của Shinko đi qua, chồng nàng bị đám đông chen lấn, lại ngoảnh lại nhìn vợ. Nàng đáp lại bằng một nụ cười như không có chuyện gì xảy ra, một nụ cười đầy sức sống, một nụ cười đầy dịu dàng, trù mấn.

(1922)

Cung Điền dịch

Dịch xong vào những ngày sơ hạ năm 2003

Tu tiên

(Sennin)

Lời người dịch:

Akutagawa viết ba tác phẩm lấy cùng tên là Sennin. Tiếng Nhật Sennin là danh tự, dịch sát thì phải dịch là Ông tiên hay Tiên ông, tuy nhiên người dịch xin để dành cái tựa Ông tiên cho câu chuyện Sennin thứ hai với nội dung viết cho người lớn về một ông tiên chán cõi tiên, giáng trần, và xin dịch thoát truyện Sennin này thành Tu tiên. Đây là truyện một người sống dưới trần tìm đường tu tiên.

Thưa quý bạn

Hiện nay tôi đang ở Osaka, xin để tôi kể hầu quý bạn một câu chuyện truyền tụng ở đây.

Ngày xưa, có một gã ra tỉnh Osaka làm việc. Không ai biết tên thật của gã là gì, chỉ biết gã đến đây làm bếp, nên người ta gọi gã là Gonsuke^[1].

Thiên hạ kể rằng khi Gonsuke vén bức rèm bước vào trong cửa tiệm chuyên môi giới công ăn việc làm, thì gã nhờ ngay người coi tiệm, đang ngồi ngậm ống điếu, tìm giúp công việc bằng một câu như thế này:

- Dạ thưa bác, tui muốn tu tiên, xin bác làm ơn giới thiệu giùm chỗ nào để tui vô làm rồi ở tu luôn trong đó.

Người coi tiệm chưng hửng, không biết trả lời sao cho phải, đành nín thinh.

- Bác ơi, bác không nghe tui nói sao bác? Tui muốn thành tiên, bác làm ơn giới thiệu giùm chỗ nào để tui vô làm rồi ở đó tu luôn.

- Thật tội nghiệp cho cậu, nhưng...

Người coi tiệm lại bập bập hút ống điếu, rồi nói tiếp.

- Tiệm tui xưa nay chưa nhận giới thiệu cho ai đi tu tiên cả, cậu cảm phiền đi kiếm chỗ khác.

Nghe bảo vậy, Gonsuke tỏ ngay vẻ bất bình, hấn lết hai đầu gối quần lót nhuộm xanh sặc sỡ, xích lại gần chỗ người coi tiệm, nói lý sự:

- Nè, nè bác nói vậy đâu được. Rèm trước tiệm, bác quảng cáo gì ngoài đó... hở? Rõ ràng trên đó có đề mấy chữ: Tiệm môi giới VẠN, có đúng không nào? Đã là VẠN thì có nghĩa là vạn sự, việc gì cũng giới thiệu. Hay là, bác tính viết điều dối trá trên bức rèm hay sao?

Lời gã nói, nghe như đinh đóng cột. Gonsuke nổi giận có cái lý của gã.

- Không không, bức rèm tiệm tôi không có đề điều gì dối trá đâu, nếu cậu muốn tìm cho được chỗ để đi tu, thì ngày mai cứ trở lại đây, để hôm nay tôi hỏi dọm trước mấy chỗ, xem có được không đã.

Người coi tiệm nhận lời Gonsuke như vậy, vì muốn tránh chuyện lời thôi ngay lúc ấy. Thật ra chàng ta làm gì mà biết cách tìm được chỗ để tu tiên. Cho nên, sau khi xưa được Gonsuke ra

khỏi tiệm, chàng ta liền lật đặt sang nhà ông thầy thuốc gần đấy, thuật lại đầu đuôi câu chuyện của Gonsuke, rồi lo lắng hỏi:

- Thừa thầy câu chuyện đầu đuôi như thế, thầy có biết muốn thành tiên thì đi đâu tu mau thành nhất không thầy?

Cơ sự thế này thì ngay cả ông thầy thuốc cũng bí. Ông ta chỉ biết lơ đãng khoanh tay, xoay mặt ngó ra ngoài vườn, ngắm cây tùng. Nhưng vợ của ông thầy thuốc nghe xong thì xía miệng vô ngay. Vợ xảo quyết này, thiên hạ giấu cọt gán cho cái tên “mụ cáo già”.

- Chuyện ấy à, cứ dặt nó lại đây cho tui. Ở với tui hai ba năm thì tui dạy thành tiên liền hà.

- Thiệt hả bà? Thế này thì tôi hỏi đúng chỗ quá. Vậy xin nhờ hai ông bà đấy nhá. Xưa nay tôi vẫn nghĩ không biết chừng cái nghề bốc thuốc nó có dính líu với các ông tiên.

Người coi tiệm chẳng hiểu ất giáp gì, nhưng cũng kính cẩn gập mình chào đi chào lại mấy lần, rồi ra về, bụng mừng khôn xiết.

Ông thầy thuốc mặt mày ngượng nghịu, tiễn khách xong thì xoay sang vợ, càu nhàu:

- Nè bà, sao bà nói năng gì tầm bậy như thế? Lỡ cái tên nhà quê kia, đến đây ở cả mấy năm liền mà không được dạy thuật tiên, thế nào nó cũng bất bình, lúc ấy bà tính sao đây?

Nhưng vợ không những không chịu lỗi, ngược lại còn hếch mũi cười, bô bô nói lẩn át chồng:

- Nay, im cái mồm ông đi, chớ cái tướng của ông, thẳng như ruột ngựa, thì kiếm đâu cho ra miếng cơm trong cái thời buổi cực khổ này.

Ngày hôm sau, đúng như đã hẹn, người coi tiệm dắt tên nhà quê Gonsuke đến nhà ông thầy thuốc. Gonsuke cũng khôn, gã nghĩ được hôm nay là ngày ra mắt, nên gã đóng cả bộ áo khoác có in hoa văn dòng họ của gã. Nhưng rốt cuộc trông gã cũng không khác gì hơn một tên nhà quê quèn. Ăn mặc trịnh trọng như thế chỉ làm ông thầy thuốc cứ nhìn chòng chọc vào mặt gã, như ngắm nghía một con hươu xạ từ bên xứ Thiên Trúc mới đem sang, rồi ông ta thắc mắc hỏi:

- Người ta bảo mi muốn thành tiên, mi nói thử xem, từ đâu mà mi nảy ra cái ước vọng đó?

Gonsuke trả lời:

- Dạ thiệt ra cũng không có lý do gì đặc biệt, nhưng khi thấy thành quách Osaka thì tui nghĩ, ngay cả cái ngài Taikosama^[2]. Người đạt quyền cao tước trọng đến như thế, tới lúc cũng chết. Thế thì trên cái thế gian này, dù có đạt được vinh hoa phú quý cho đến mấy, tui nghĩ chẳng qua đó cũng chỉ là chuyện bèo bọt.

Mụ vợ xảo quyết của ông thầy thuốc không do dự nói xen ngay vào:

- Thế thì miễn là được thành tiên, chuyện gì mi cũng chịu làm phải không?

- Dạ vâng, miễn là thành tiên được, thì chuyện gì tôi cũng xin làm.

- Thôi được, từ hôm nay trở đi, mi vô đây ở giúp việc cho ta trong vòng hai mươi năm. Mãn hạn, ta sẽ truyền phép tiên cho.

- Dạ thiệt không? Nếu được như vậy thì tui muôn vàn đội ơn Bà.

- Bù lại trong hai mươi năm đó, ta không trả cho mi một xu nào đâu đấy.

- Dạ vâng, dạ vâng, tui xin chịu.

Từ đấy, Gonsuke vào ở hầu hạ hai vợ chồng ông thầy thuốc ròng rã hai mươi năm trường. Nào là gánh nước, bữa củi, nấu cơm, lau chùi quét dọn nhà cửa. Thêm vào đó, khi nào ông thầy thuốc ra phố đi chẩn bệnh, Gonsuke vác cả hòm thuốc theo hầu ông ta... Thế mà gã không hề hé môi xin lấy một xu. Một kẻ hầu hạ quý giá như gã, tìm khắp nước Nhật này chắc cũng không kiếm đâu ra được. Nhưng rồi cũng tròn hai mươi năm. Cũng như hôm mới đến đây, Gonsuke lại thằng bộ áo khoác có in hoa văn dòng họ gã, cung kính đến trước mặt ông bà chủ, lạy tạ ơn chủ nhân đã cho phép gã hầu hạ chu đáo suốt hai mươi năm trời.

- Như ông bà chủ đã có hứa rành rành, vậy hôm nay xin ông bà chủ truyền cho tiên thuật, trường sinh bất tử... Bị hấn thúc hối, ông thầy thuốc cứng miệng. Bắt người ta hầu hạ đủ điều, hai chục năm trời không trả một xu, bây giờ không lẽ lại mở miệng nói không biết phép tiên; ông thầy thuốc buộc lòng nói:

- Tiên thuật thì chỉ có vợ ta mới biết, mi cứ xin vợ ta dạy đi.

Ông thầy thuốc nói thế rồi quay mặt làm ngơ. Nhưng mục vợ vẫn điềm nhiên, mục nói một mạch:

- Ờ thì để ta dạy phép tiên cho. Nhưng dù có thấy khó đến đâu, mi cũng phải làm y như lời ta bảo đấy nhé. Nếu không thì không những mi chẳng thành tiên được, mà mi còn phải làm không công cho ta thêm hai mươi năm nữa đấy nhé, bằng không ta sẽ phạt tội chết, mi có chịu không?

- Dạ vâng, chuyện dù khó đến đâu, tôi cũng xin làm.

Gonsuke khấp khởi mừng, thấp thỏm đợi mục vợ dạy phép tiên.

- Được rồi, đây này mi hãy ra trèo lên cây tùng ở ngoài vườn kia.

Mục vợ liền ra lệnh như vậy. Số là chuyện phép tiên thì mục có biết quái gì, mục chỉ cốt bày chuyện thật khó để Gonsuke không cách nào làm được, rồi nhân đó bắt gã làm công không thêm hai mươi năm nữa. Nhưng Gonsuke sau khi nghe điều mục dạy, liền ra ngoài vườn, trèo ngay lên cây tùng.

- Leo lên cao hơn nữa, cao hơn nữa.

Mục vợ ra ngoài hiên đứng, ngược nhìn Gonsuke đang trèo lên cây tùng. Gonsuke bây giờ đã ở tít trên ngọn đại thụ, chiếc áo khoác của gã đang căng gió.

- Bây giờ mi hãy thả tay mặt ra nào.

Gonsuke tay trái vịn chặt vào một cành to của cây tùng, chậm rãi thả tay mặt ra.

- Mi thả luôn tay trái cho ta xem nào.

- Ồi, ối, thả luôn tay trái thì tên nhà quê té ngay đó bà. Dưới này toàn là đá, té xuống đây thì chết toi mạng nó.

Ông thầy thuốc cầm lòng không nổi, vội ra ngoài đầu nhà, mặt mày lo lắng.

- Này chưa tới phiên ông phải ra tay đâu, ông để mặc tui.

- Nào hãy thả tay trái ra, nào.

Không đợi vợ nói hết câu, Gonsuke thả phắt luôn tay trái. Gã đang leo cây thế mà thả hết cả hai tay, tất nhiên gã phải té. Trong khoảnh khắc, Gonsuke, cả người gã lẫn chiếc áo khoác, lìa khỏi ngọn cây tùng. Lìa khỏi ngọn cây, nhưng không rớt. Một điều kỳ diệu đang xảy ra giữa ban ngày, thân gã đứng nguyên giữa không trung như một con hình nhân tuồng múa rối.

- Cho ta tạ ơn, nhờ bà mà nay ta đã thành tiên.

Gonsuke trịnh trọng nghiêng mình chào, rồi thong thả đạp trời xanh, lên tầng mây cao, biến mất.

Còn hai vợ chồng ông thầy thuốc, sau này ra thế nào? Không ai biết. Chỉ biết cây tùng thân to bốn người ôm không xuể ấy, nghe người ta nói, vẫn còn sống rất lâu về sau. Người ta đồn rằng hình như có một người tên là Yodoya Tatsugoro đã cho người đem bứng cây đại thụ ấy về trồng trong vườn của mình, để vào mỗi tiết đông ngồi ngắm cảnh tuyết phủ cảnh tùng.

(1922)

Đinh Văn Phước dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Gonsuke, tên gọi chung những người giúp việc làm bếp dưới thời đại Edo (Mạc phủ Tokugawa). Nhật Bản có thành ngữ “thật thà như Gonsuke”.

[\(2\)](#) Taikosama, một cách gọi tôn kính Tướng Quân Toyotomi Hideyoshi (thế kỷ XVI), lãnh chúa thống nhất Nhật Bản.

Trích sổ tay của Yasukichi

(Yasukichi no techo kara)

Lời người dịch:

Trong bức thư gửi cho một người bạn vào khoảng đầu năm 1919, Akutagawa đã có ý định đi tìm tự do trong diễn tả, nghĩa là chọn một lối viết mới, khác với loại văn kể chuyện mà ông thường sử dụng cho đến thời điểm đó. Ông không còn đóng khung tác phẩm trong bối cảnh thời trung cổ mà hướng về cuộc sống thường nhật chung quanh mình. Bắt đầu với *Mấy trái quýt* (1923) (xin xem bản dịch từ nguyên tác Mikan của Đinh Văn Phước trong tập này), ông đã bước hẳn qua một thể loại khác bằng cách sử dụng những đoạn trích từ cuốn sổ tay của một nhân vật mang tên Yasukichi mà thân thế và phong cách vốn có nhiều điểm tương đồng với bản thân tác giả.

Đây là một chuyển biến quan trọng trong đời viết văn của ông. Có thể nói ông đã bước qua thể loại tiểu thuyết tự thuật (shi-shosetsu) nhưng đặt mình ở ngôi thứ ba thay vì ngôi thứ nhất. Từ đấy, ông khai thác thủ pháp này và đã thành công với hai tác phẩm *Sổ điểm danh* những người đã khuất (Tenkibo, Lê Ngọc Thảo dịch) và *Ảo ảnh cuộc đời* (Shinkiro, Phạm Vũ Thịnh dịch).

Nhân vật Horikawa Yasukichi, giáo sư Anh văn trường hải quân chỉ có thể là Akutagawa, vì vừa thông minh lại có cái nhìn lạnh lùng, trào lộng giống hệt ông. Tất cả những đặc tính cao ngạo đó phải chăng chỉ là lớp vỏ ngoài dùng để che giấu nỗi tuyệt vọng sâu sắc bên trong con người trí thức hoài nghi?

Bản dịch gồm năm tiểu phẩm mang nhan đề sau đây: *Gâu*, *Hai người Âu*, *Giờ nghỉ trưa*, *Nỗi thẹn thùng*, *Chú gác đàn dững cảm*.

Ngoài ra, “chùm truyện về Yasukichi” trong đó nhân vật Yasukichi đóng vai chính, còn có những tác phẩm khác như *Cúi chào* (Ojigi) và *Bà à à à* (Obaaaa), *Cuốn tiểu thuyết ái tình* (Ren.ai shosetsu) v.v... không thuộc Trích đoạn từ sổ tay của Yasukichi.

Gâu!

(Wan)

Một chiều mùa đông, trên tầng hai của cái tiệm ăn cáu xỉn, Yasukichi ngồi nhai miếng bánh mì nướng hơi mùi dầu. Trước bàn anh ta là một bức tường trắng đầy vết nứt. Ai đó đã dán lên trên tường mảnh giấy hình chữ nhật với dòng chữ “Đây có xăng-uych nóng (hot)” (một người đồng nghiệp của Yasukichi vốn thực thà nên không hiểu ý nghĩa câu đó khi đọc trại chữ Hot thành Hotto theo âm Nhật thành ra “Xăng-uych nóng hú hồn!” Từ chỗ đó về phía trái có cầu thang đi xuống tầng dưới, còn bên tay mặt là một cánh cửa sổ bằng kính. Yasukichi vừa gặm bánh mì nướng, lâu lâu đưa mắt nhìn lơ đãng về phía cửa sổ. Ngoài đó, phía bên kia đường là một cửa hàng bán quần áo cũ, mái lợp tôn, treo lòng thòng mấy bộ đồ xanh công nhân và vài tấm áo khoác màu kaki.

Theo nguyên tắc, lớp đêm dạy tiếng Anh này bắt đầu từ sáu giờ rưỡi chiều ở trường. Yasukichi bắt buộc phải có mặt mà khổ nỗi, anh ta lại sống ngoài thành phố nên sau khi dạy

xong lớp ban ngày, không có cách nào hơn là phải ngồi chịu trận ở đây cho đến sáu rưỡi. Chắc là thơ của Toki Aika^[1] chứ không ai khác - nếu tôi nhớ nhầm, xin người đọc miễn chấp - có câu:

Mỗi răng nhai cơm dọc đường,

Bít-tết khó nuốt. Anh thương nhớ mình.

Cứ mỗi lần đến quán là mỗi lần bài tanka của Aika lại hiện ra trong đầu. Ngay từ cái thuở anh ta hãy còn chưa cưới cô vợ^[2] rất đỗi yêu thương bây giờ. Thế nhưng, hễ ngồi nhai miếng bánh mì nướng hơi dầu, ngắm cái tiệm bán quần áo cũ, nhìn mảnh giấy quảng cáo “xăng-uych nóng (hot)” thì cái câu “anh thương nhớ mình” không biết từ đâu bỗng hiện ra trong trí.

Lúc này Yasukichi chợt để ý sau lưng anh ta có hai sĩ quan hải quân trẻ tuổi đang ngồi uống bia. Một trong hai người là chủ sự phòng lương bổng ngôi trường anh dạy và anh có nhớ mặt. Vốn không hay giao thiệp với bọn lính tráng, anh ta không biết tên viên sĩ quan là gì. Kể cả những chi tiết khác về người ấy. Có thể người ấy mang lon thiếu úy hay trung úy gì đó. Yasukichi chỉ biết mỗi một điều là hàng tháng khi đi lãnh lương thì tiền bạc phải đến từ tay sĩ quan này mà thôi. Còn nhân vật thứ hai thì anh mù tịt. Mỗi lần hai người sĩ quan muốn kêu thêm bia thì chỉ dùng “ê” với “nè” để sai khiến. Cô hầu bàn lại không có vẻ gì bức bối mà còn cố gắng leo lên leo xuống cầu thang, hai tay mang mấy cốc bia đến. Chẳng bù lúc Yasukichi gọi một tách trà đỏ, khó lòng thấy cô sốt sắng phục vụ như thế. Chuyện này xảy ra không chỉ riêng nơi đây. Đi đến các quán cà phê và tiệm ăn khác trong thành phố này, chỗ nào cũng xử sự giống nhau.

Hai người sĩ quan vừa nốc bia vừa bàn tán cái gì mà có vẻ hoạt náo. Yasukichi không hơi đâu lắng tai xem họ kháo nhau điều gì. Nhưng anh bỗng giật nảy mình khi nghe “Gâu cái coi!” Yasukichi không thích chó và là người từng thích thú khi nghĩ thầm trong số những nhà văn không thích chó có cả Goethe lẫn Strindberg. Cho nên khi lỡ tai bắt được câu nói đó, anh ta nghĩ ngay đến một con chó Tây to cao mà người ta có thể nuôi ở những chỗ như thế này. Cùng một lúc Yasukichi có cảm tưởng ớn ớn như thể con chó đó đang lớn vồn sau lưng mình.

Yasukichi lén nhìn phía đằng sau. Mừng quá trời ạ, chẳng có bóng con vật nào giống như chó cả. Chỉ thấy viên sĩ quan phòng lương bổng đang nhìn ra ngoài cửa sổ, nhe răng cười. Yasukichi phỏng đoán phải có con chó nào ở dưới cửa sổ nhưng anh cảm thấy có điều gì hơi khác thường. Thế rồi, anh thấy người sĩ quan phát lương ấy tiếp tục:

- Ê, gâu cái coi! gâu đi nào!

Yasukichi hơi rướn người nhòai ra nhìn xuống phía dưới cửa sổ. Đèn quảng cáo cho Masamune gì gì^[3] vẫn chưa bật, treo ở một cửa hiệu nào đó là cái đập vào mắt anh ta trước nhất, rồi đến tấm bạt che nắng được cuộn lên với mấy miếng da làm quai guốc ai phơi và bỏ quên trên mấy phuy bia cũ nay dùng hứng nước mưa. Sau đó là dăm vũng nước còn đọng trên phố người qua lại. Rồi gì nữa nhỉ, mà dẫu là gì cũng chẳng thấy bóng chó chiếc nào đâu. Thay vào đó là một đứa trẻ ăn mày tuổi độ mười hai, mười ba. Nó vừa đứng với dáng co ro trong cái lạnh, vừa ngước mắt nhìn cánh cửa sổ trên lầu.

- Ê, gâu cái coi! gâu đi nào!

Sĩ quan phát lương lặp đi lặp lại như thế. Câu nói đó xem ra có mãnh lực điều khiển được tâm trí đứa bé ăn mày. Nó hầu như đang ở trong trạng thái mộng du, bước một hai bước về hướng cánh cửa sổ, mắt thì dĩ nhiên là vẫn nhìn lên. Lúc đó Yasukichi mới khám phá ra cái trò chơi ác độc của người sĩ quan phát lương xấu xa kia. Chơi ác? Hay có thể không phải như thế?

Nếu không phải một trò chơi ác thì có lẽ là một cuộc thí nghiệm để xem con người ta khi bụng lép có thể nào vứt bỏ cả lòng tự trọng hay không đây thôi. Theo chỗ suy nghĩ của Yasukichi, giữa thời này có ai hơi đâu còn đi thí nghiệm để kiểm chứng điều đó. Xưa Esau[4] nhượng đứt quyền trưởng nam để đổi lấy miếng thịt rô ti và nay Yasukichi cũng vì mẩu bánh mì mà đi làm nghề giáo. Xem hai ví dụ đó đã đủ vỡ lẽ. Thế nhưng coi bộ nhà nghiên cứu tâm lý học kia vẫn chưa chịu thỏa mãn dù có từng ấy bằng chứng. Nếu thế thì đúng phóc cái câu hôm nay Yasukichi vừa dạy cho học trò: *De gustibus non est disputandum*[5]. Mỗi người một thích, cấm sao cho được. Muốn thí nghiệm à? Cứ việc! Yasukichi vừa suy nghĩ như thế, vừa mải nhìn đứa bé ăn mỳ dưới cửa sổ.

Sĩ quan phát lương im đi trong giầy lát. Thằng bé bỗng dưng ra lo lắng, bắt đầu đảo mắt nhìn trước nhìn sau suốt con đường. Tuy việc bắt chước tiếng chó sủa không có gì khác thường nhưng hẳn là nó ngại người qua kẻ lại bắt gặp. Trong khi mắt nó còn đảo quanh thì sĩ quan phát lương thò cái bộ mặt đỏ gay ra ngoài cửa sổ, lần này tay lại phất phất một vật gì:

- Ê, gâu cái coi! mỳ gâu thì tao cho cái này!

Trong khoảnh khắc, gương mặt của đứa bé ăn mỳ chợt bùng lên một vẻ thèm thuồng. Đôi khi Yasukichi cũng để tâm đến kiếp sống của những người ăn mỳ với những tình cảm đượm màu lãng mạn nhưng chưa bao giờ anh ta tỏ ra đồng tình hay thương hại họ. Anh nghĩ nếu có kẻ nào mang thứ tình cảm như thế thì chắc chỉ là bọn ương gàn hay giả dối mà thôi. Nhưng nay đứng trước đứa bé ăn mỳ với cái đầu ngửa ra sau ngừng lên nhìn với cặp mắt long lanh, Yasukichi không ngăn được một thoáng thương cảm. Nhưng sự thương cảm đó không vượt qua giới hạn của “một thoáng”. Có lẽ không hẳn là lòng thương cảm mà chỉ là sự yêu thích cái hình ảnh đứa bé ăn mỳ với những nét đẹp từng thấy trong tranh của Rembrandt[6].

- Gâu chứ hả? Ê, gâu đi nào!

Đứa bé ăn mỳ hơi nhăn mặt:

- Gâu!

Tiếng nó lí nhí không rõ.

- To hơn chút coi!

- Gâu! Gâu!

Rốt cục đứa bé sủa hai lần liền. Vừa lúc đó thì một quả cam Navel[7] được ném ra ngoài cửa sổ. Còn việc gì xảy ra sau chắc không cần phải viết thêm. Đứa bé ăn mỳ dĩ nhiên phóng theo quả cam còn sĩ quan phát lương thì cười hả hê.

Một tuần sau khi câu chuyện xảy ra, Yasukichi lại đi đến phòng lương bổng để lãnh tiền. Hôm ấy, người sĩ quan phát lương nói trên coi bộ bận rộn, hết mở quyển sổ này đến quyển sách kia. Viên sĩ quan đó dòm mặt Yasukichi và chỉ nói cộc lốc “Lương hả?” Anh ta cũng đáp lại vồn vện “Vâng, đúng!” Thế nhưng viên sĩ quan lại quá bận rộn hay sao mà không có vẻ muốn đem lương phát cho anh. Chẳng những thế, người ấy rốt cục còn đứng chắn trước mặt, chìa cái móng trong lớp quần phục về phía anh và mải miết sử dụng bàn toán.

- Thầy kế toán!

Sau khi đứng chờ một hồi lâu, Yasukichi gọi viên sĩ quan như kêu nài. Người ấy nhìn ngoái qua vai, như muốn nói “Sắp xong rồi!” Thế nhưng Yasukichi không để câu nói của viên sĩ quan phát ra thành tiếng, anh ta bắt tiếp ngay vào một câu mà mình đã sửa soạn sẵn:

- Thầy kế toán! Tôi có cần phải gâu không? Hở, thầy kế toán!

Nếu ta tin lời của Yasukichi kể lại thì lúc nói câu đó, giọng của anh ta nghe còn ngọt ngào dễ thương hơn cả tiếng của thiên thần nữa.

Hai người Âu

(Seiyojin)

Trường này có mướn hai ông giáo người Âu đến để dạy đàm thoại và tác văn bằng tiếng Anh. Ông người Anh tên Townsend, ông người Mỹ tên Starlet.

Ông Townsend giỏi tiếng Nhật là một ông già đầu hói, tính nết dễ thương. Nói chung, mấy ông giáo người Âu có thói quen là đem cho bằng được Shakespeare với Goethe của họ ra để thao thao bất tuyệt dù khi đề tài câu chuyện chỉ là những thứ tầm phào. May thay, ông Townsend này là người không dám tự phụ chút nào về hiểu biết của mình đối với văn chương. Có lần bàn luận với nhau về Wordsworth^[8] thì ông ta phát biểu:

“Tôi chả hiểu tí gì về thơ. Còn tự hỏi thơ Wordsworth hay ở đâu mới được chứ!”

Yasukichi cư ngụ cùng một tỉnh nghỉ mát ven biển như ông Townsend nên mỗi ngày hai lần họ lấy chung chuyến xe lửa để đi và về. Đạp xe lửa đến trường mất chừng ba mươi phút, hai người có thời giờ phì phèo ống vố Glasgow và trao đổi với nhau hết chuyện thuốc lá, chuyện nhà trường đến chuyện ma quỷ. Bởi vì ông giáo Townsend là một người tin về tâm linh, không hứng thú gì đối với nhân vật Hamlet nhưng ông lại quan tâm đến hồn ma của bố Hamlet cơ. Tuy vậy, hễ đụng tới vấn đề bùa phép hay thuật luyện đá thành vàng, những khoa học thần bí^[9], thì dường như lúc nào nét mặt ông cũng ủ dột, đầu và ống vố cùng lắc đi lắc lại. Ông bảo:

“Những cánh cửa của cõi thần bí cũng không phải khó mở như người thường vẫn nghĩ đâu. Ngược lại, điều đáng sợ là không tài nào khép nó lại được. Mấy thứ đó chó có rờ vào!”

Ông giáo Starlet người Mỹ kia trẻ hơn nhiều và lúc nào cũng đom đống. Chẳng hạn mùa đông thì ông mặc áo khoác ngoài màu xanh ô liu đậm và choàng khăn quàng cổ màu đỏ đi làm. Khác với ông Townsend, hình như ông này đôi khi còn chịu nhòm qua mấy quyển sách mới ra. Gần đây, ông đã diễn giảng về đề tài “Những nhà viết tiểu thuyết mới nhất ở Mỹ” ở học hội về Anh ngữ của nhà trường. Khổ cái là trong bài giảng ấy, ông cho biết những cây viết tiểu thuyết lớn nhất của Mỹ bây giờ là Robert Louis Stevenson^[10] và O’Henry^[11]!

Ông Starlet không ở cùng thành phố nghỉ mát với Yasukichi nhưng vì cũng sống ở một thị trấn ven đường tàu nên đôi khi họ có dịp lấy chung một chuyến. Yasukichi chẳng còn nhớ đề tài những mẫu đối thoại của mình với ông ta, trừ một dịp, lúc họ cùng ngồi trước lò sưởi trong phòng đợi để chờ tàu. Yasukichi đang nén một cái ngáp vừa than thở kiếp nhà giáo nhàm chán. Thì lúc đó, ông Starlet với cặp kính không gọng gắn trên sống mũi và dáng dấp điển trai, bỗng đổi sắc mặt mà bảo:

- Dạy học không phải là một cái nghề. Tôi nghĩ đó là thiên chức. Ông không thấy Socrates và Platon là hai nhà giáo vĩ đại hay sao?^[12]

Khẳng định Robert Luis Stevenson là dân Mỹ^[13], chẳng hề chi. Thế nhưng bảo Socrates và Platon là những nhà giáo thì... kể từ ngày đó, Yasukichi chỉ còn biết dành cho ông Starlet này một tình bạn giới hạn trong vòng xã giao.

Giờ nghỉ trưa - Một cơn mộng huyễn

(Hiruyasumi – Aru Kuuso)

Yasukichi ra khỏi phòng ăn ở lầu hai. Các nhà giáo dân sự ăn trưa xong thường qua phòng bên dành cho người hút thuốc. Hôm nay Yasukichi không qua đó mà bước xuống mấy bậc thang để ra ngoài vườn. Vừa vặn, một hạ sĩ quan nhanh nhẹn nhảy ba bậc một tiến lên. Vừa nhìn mặt Yasukichi, chàng ta đột nhiên đưa tay chào nghiêm chỉnh lối nhà binh và tiếp tục phóng về phía trước. Yasukichi nhẹ nhàng chào trả nhưng cái chào của anh hụt mất đối tượng, rơi vào chỗ không người. Anh tiếp tục lững thững bước xuống thang.

Trong vườn, giữa lùm tuyết tùng và thủy tùng, một cây ngọc lan đang ra hoa. Vì có gì không biết, dù đã nở đầy cành nhưng hoa của loại ngọc lan này không hướng về phía nam đầy nắng. Hoa tân di cũng cùng họ mộc lan như nó lại hướng về phía nam. Yasukichi châm lửa vào điều thuốc lá và thầm khen cây ngọc lan cũng có cá tính. Một con chim chìa vôi từ trời cao liệng xuống như hòn đá rơi. Chìa vôi là loại chim chẳng xa lạ gì với Yasukichi. Con chim ngoáy ngoáy cái đuôi nhỏ như thể mời mọc Yasukichi đi theo mình.

- Tới đây, tới đây. Không phải đằng đó đâu! Đây, đây mà!

Yasukichi rảo bước trên lối mòn rải sạn theo sự hướng dẫn của con chim. Không hiểu sao, tự dưng con chìa vôi lại bay vút lên trên nền trời. Thay vào đó, một chú lính thợ máy người to cao đang men theo con đường nhỏ lừng lững tiến về phía Yasukichi. Anh nghĩ mình có lần gặp chú lính thợ máy này ở đâu rồi. Dĩ nhiên sau khi chào Yasukichi đúng phép tắc, chú ta đi lướt nhanh qua. Yasukichi vừa hút thuốc vừa tiếp tục suy nghĩ xem người lính đó là ai. Hai, ba, năm... rồi mười bước sau, Yasukichi bỗng thấy trong đầu loé ra tia sáng. Người lính đó là Paul Gauguin^[14] chứ ai! Hay Gauguin đầu thai trở lại. Chắc hiện nay anh chàng sắp sửa buông cái xẻng để cầm cây cọ vẽ. Và rốt cục sẽ có một thằng bạn điên khùng cầm súng lục nhả đạn vào lưng anh ta. Tội nghiệp thật nhưng làm gì khác được. Hết lối mòn này đến lối mòn khác, cuối cùng Yasukichi đã đi đến quảng trường trước cổng ra vào. Nơi đây, giữa đám cây tùng và mấy bụi trúc, có trưng bày hai khẩu đại bác chiến lợi phẩm. Yasukichi áp tai lên một thân pháo, anh ta có cảm tưởng nghe tiếng thở của khẩu súng từ bên trong. Đại bác chắc cũng biết ngáp hay sao ấy. Yasukichi lại ngồi xuống dưới chân pháo, rồi châm lửa điều thuốc lá thứ hai. Trên đường vòng rải sạn để cho xe chạy quanh, ánh lên màu xanh một con tắc kè. Con người nếu bị chặt chân thì không thể mọc ra chân khác nhưng giống tắc kè nếu có bị chặt đuôi thì lại mọc đuôi khác ngay. Ngậm điều thuốc bên mép, Yasukichi nghĩ rằng bọn tắc kè còn tin tưởng về tiến hóa luận của Lamarck hơn chính cả Lamarck^[15] nữa. Thế nhưng ngắm một hồi thì mới thấy con tắc kè kia đã biến thành một vệt dầu nhớt lan ra trên mặt sỏi.

Rốt cục, Yasukichi cũng đứng dậy. Men theo dãy nhà sơn xanh dùng làm phòng học, Yasukichi đi trở lại bên kia khu vườn một lần nữa, ra đến sân vận động trước mặt biển. Trên mấy cái sân ten nít đất nện màu đỏ, một vài thầy giáo nhà binh đang hăng hái so tài cao thấp. Trong khoảng không trung trên sân chơi, có những tiếng động khô và đều đặn giao nhau với những vệt trắng mờ lướt qua bên mặt và bên trái tấm lưới. Nhưng đó không phải là những đường bóng đang bay mà chỉ là bọt của những chai rượu sâm banh vô hình người ta vừa mở nút, một thứ sâm banh mà các vị thần mặc sơ mi trắng kia đang nhấp ngon lành. Vừa suýt soa ngưỡng mộ các vị thần, lần này Yasukichi lại đi vòng về phía cái sân bên trong dãy phòng học.

Cái sân này đầy hồng nhưng chưa có cây nào đơm hoa. Khi Yasukichi đang tản bộ anh bỗng để ý có một con sâu đầy lông trên cành hồng mọc chìa ra phía lối đi. Chưa chỉ đã thấy một con sâu khác đang bò trên chiếc lá bên cạnh. Hai con sâu gật đầu chào nhau rồi nói chuyện gì như có liên quan tới Yasukichi. Anh quyết định đứng lại để nghe điều chúng đang bàn với nhau^[16].

Con Sâu Số Một: Cái anh thầy giáo này bao giờ hóa bướm ấy nhỉ? Từ đời ông cố ông sơ chúng mình tới giờ, lúc nào cũng cứ phải bò quanh trên mặt đất.

Con Sâu Thứ Hai: Giống người có khi không hóa bướm được đâu!

Con Sâu Số Một: Hình như hóa được đấy chứ. Coi, chẳng có người đang bay trên kia là gì?

Con Sâu Thứ Hai: Ừ nhỉ. Đang bay thật. Thế nhưng bay kiểu gì mà xấu thế. Cái anh con người này chẳng có ý thức thẩm mỹ chút nào!

Yasukichi đưa bàn tay ngang trán, đưa mắt nhìn chiếc phi cơ đang bay ngang đầu mình.

Chính lúc ấy ác quỷ mới lợi dụng thời cơ đội lốt một người bạn đồng liêu, bước về phía Yasukichi. Hắn ta đang có vẻ khoái trá về một việc gì. Con quỷ này ngày xưa chuyên môn dạy thuật luyện kim, nay phụ trách môn Hóa học Ứng dụng ở nhà trường. Hắn bắt chuyện với Yasukichi:

- Ê, tối nay đi chơi nghen?

Trong nụ cười của ác quỷ, Yasukichi có cảm tưởng đọc được rành rành hai vế sau đây của Faust^[17]: “Mọi lý luận chỉ tuyền màu tro xám. Duy cây đời sinh quả vàng là mãi mãi tươi xanh.” Sau khi bỏ con ác quỷ ở lại, Yasukichi bước vào bên trong dãy nhà. Phòng học vắng hoe. Đi ngang qua ghé mắt nhìn vào chỉ thấy trên bảng đen trong một lớp có một hình vẽ hình học ai để quên chưa xóa. Khi cái hình trên bảng đen biết có người nhòm nó, nó có vẻ sợ rằng người ta sẽ lấy giẻ chùi đi nên mới duỗi ra duỗi vào và ngỏ lời với Yasukichi:

- Người ta còn cần tôi cho giờ học tới!

Yasukichi lại leo lên bậc thang vừa đi xuống khi nãy, bước vào gian phòng dành cho các giáo sư dạy ngôn ngữ và toán học. Trong phòng, ngoài ông Townsend với cái đầu hói, không có ma nào. Thế nhưng ông này có vẻ như đang buồn không biết làm gì nên mồm vừa huýt sáo vừa đi vài bước khiêu vũ một mình. Yasukichi ráng nhin cười, đi về phía phòng vệ sinh để rửa tay. Lúc đó, bất chợt nhìn vào trong kính, Yasukichi ngạc nhiên thấy không biết tự hồi nào ông Townsend đã biến thành một cậu trai trẻ đẹp, còn chính mình thì đã thành ông lão lưng còng với mái tóc bạc trắng như tuyết.

Nỗi thẹn thùng

(Haji)

Trước khi Yasukichi lên lớp, lúc nào anh ta cũng cẩn thận xem lại giáo án. Không chỉ vì lương tâm nhà nghề bắt buộc anh không được dạy láo lếu một khi đã nhận đồng lương của người. Tại một lý do nữa: trong sách giáo khoa, vì là trường chuyên môn của hải quân, đầy đặc những chữ phải hiểu theo nghĩa đặc biệt. Chẳng hạn Cat's paw, nếu không chịu tra cứu thì có thể dịch một cách tai hại thành ra là bàn chân mèo nhưng không đúng đâu, nó chỉ là thuật ngữ để chỉ một làn gió nhẹ.

Có lần Yasukichi đem một đoạn văn ngắn nói về hàng hải dạy cho sinh viên năm thứ hai. Đoạn văn đó hết sức hóc búa. Nó tả gió hú trên cánh buồm và sóng đánh ầm vào cánh cửa bên hông tàu nhưng chẳng thấy bóng mấy chữ sóng và gió chỗ nào trên mặt giấy cả. Yasukichi bắt học trò vừa đọc vừa dịch mà chính mình lại cảm thấy chán ngán trước tiên. Những lúc như thế này Yasukichi thấy thèm bàn cãi với sinh viên những vấn đề khác như triết học hoặc là thời sự. Các nhà giáo thường vẫn thích dạy những môn học ngoài các môn bắt buộc có trong chương trình. Dù môn đó mang tên là đạo đức, sở thích hay nhân sinh quan... thì cũng mặc. Tóm lại,

nhà giáo thường muốn dạy cái gì ông ta cảm thấy thiết thân hơn là những gì có trong sách giáo khoa hay trên mặt bảng đen. Tuy nhiên bọn học trò là thứ không muốn học thêm cái gì ngoài chương trình bắt buộc cả. Không, không phải họ chỉ không muốn học cái khác mà còn thù ghét cả chuyện đó. Yasukichi chắc chắn thế nên dù khi chán ngấy như lúc này, anh thấy không có cách nào hơn là bắt họ tiếp tục đọc.

Thế nhưng ngay cả lúc lắng tai nghe sinh viên đọc và dịch, rồi cẩn thận sửa chữa từng chút những sai lầm của họ, nghĩa là lúc không có gì phải chán, Yasukichi vẫn cảm thấy có gì bó buộc làm sao ấy. Khi vừa xong ba mươi phút trên một tiếng đồng hồ của suất dạy, Yasukichi bảo họ ngừng việc đọc và dịch. Thay vào đó, đến lượt chính Yasukichi đọc từng đoạn một trong bài và bắt đầu dịch. Chuyển hành trình trên biển tả trong sách giáo khoa sao chán ơ là chán. Đồng thời, cả cách dạy của Yasukichi cũng đáng chán không kém. Có lúc quên các thì của động từ, có lúc nhầm những quan hệ đại danh từ, Yasukichi như một chiếc tàu khó nhọc lê qua vùng biển đứng gió.

Bất chợt lúc đó Yasukichi mới để ý đoạn dịch mà mình soạn sẵn chỉ còn bốn, năm hàng nữa là hết veo. Đi hết phần này thì anh ta sẽ vào một vùng biển sóng gió mà không cẩn thận là không được vì nó đầy thuật ngữ hiểm hóc của hải quân, chúng nhan nhản như những lớp đá ngầm. Yasukichi liếc nhìn đồng hồ. Mấy cây kim báo cho biết từ đây đến hồi kèn tan lớp còn những hai mươi phút. Yasukichi cố gắng dịch hết bốn, năm hàng đã chuẩn bị còn sót lại một cách càng từ tốn càng tốt. Dịch xong đoạn đó rồi mà nhìn kim đồng hồ thì chỉ mới có ba phút trôi qua.

Yasukichi cảm thấy kẹt quá rồi. Bây giờ chỉ còn mở được đường máu bằng cách cho học trò hỏi và mình giải đáp thắc mắc. Nếu làm thế mà hãy thừa thời giờ thì cho họ tan sớm vậy. Yasukichi đặt sách xuống, định mở mồm: “Có câu hỏi nào không?” thì tự nhiên mặt bỗng đỏ bừng. Mắc mớ gì mặt lại đỏ bừng như thế nhỉ? - Anh không tài nào giải thích lý do. Tại sao mặt Yasukichi phải đỏ bừng khi anh là người trên nguyên tắc vẫn xem chuyện lừa dối lũ học trò là điều không có gì phải bận tâm. Dĩ nhiên đám sinh viên không tài nào đoán được ý nghĩ trong đầu anh. Họ chỉ ngược mắt chăm chú nhìn thầy. Yasukichi bèn nhìn đồng hồ lần nữa rồi cầm quyển sách giáo khoa lên và đọc như bay như biển.

Đoạn sau của chuyến hành trình đường biển tả trong sách giáo khoa hình như cũng không thú vị hơn đoạn trước. Thế nhưng cái cách thức dạy học của Yasukichi thì... bây giờ anh vẫn chắc mẫm: nó hùng tráng oanh liệt còn hơn cả cuộc chiến đấu của chiếc tàu buồm đang chống trả bão táp.

Chú gác dan dững cảm

(Isamashii Shuei)

Không nhớ rõ trời vào cuối thu hay đầu đông, chỉ biết lúc đó đi đến trường đã phải mặc thêm áo khoác dày. Đến giờ Yasukichi vào bàn cơm trưa, ông giáo nhà binh trẻ ngồi bên cạnh mới tiết lộ cho một chuyện hiểm có vừa xảy ra. Số là mấy hôm trước, vào giữa khuya, hai ba tên ăn trộm thép đã dùng thuyền để vào ngõ sau nhà trường. Phác giác ra chuyện đó, một người gác dan trong lúc tuần đêm đã một mình một thân định vây bắt chúng. Thế nhưng sau một trận ẩu đả kịch liệt, ngược đời là bọn trộm lại ném được người bắt trộm xuống biển. Chú

gác dan ướn như chuột lột, loay hoay mãi mới bò lên tới bờ. Trong khi ấy thì thuyền của bọn trộm đã tếch ra khơi và khuất vào bóng đêm.

Chú gác dan Oura đấy! Hôm ấy nằm nhà phải sướng hơn không!

Người sĩ quan miệng đang nhồm nhoàm bánh mì, cười một cách chật vật.

Yasukichi biết Oura là ai: một trong những người gác dan đóng đô ở các trạm gác ở lối vào trường để thay nhau canh phòng. Khi gặp các giáo sư ra vào, bất luận quân sự hay dân sự, các người gác đều đưa tay lên chào đúng phép nhà binh. Yasukichi vốn không thích được ai chào và chẳng thích chào trả lễ nên lần nào cũng cố tình đi thật nhanh qua khỏi trạm gác, không cho họ có đủ thời giờ đứng nghiêm chào. Thế nhưng mỗi cái chú gác dan Oura này thì Yasukichi không cách chi đánh lừa mắt cho được. Chú ta trấn ở trạm gác đầu tiên, mắt dăm dăm nhìn không chớp một khoảng mười, hai mươi thước từ trong ra ngoài cửa trường cho nên khi Yasukichi mới vừa xuất hiện và chưa đi đến gần thì chú ta đã ở trong tư thế nghiêm chào rồi. Yasukichi rốt cuộc chỉ còn biết phục tùng số mệnh. Không những nghĩ thế thôi, hể thoáng thấy Oura thì Yasukichi đã giở nhanh mũ ra chào trước, như con thỏ bị rần rung chuông hóp hồn.

Theo như câu chuyện vừa nghe thì người gác dan đó bị bọn trộm ném xuống biển. Yasukichi tuy thấy tội nghiệp chú ta nhưng không khỏi buồn cười.

Thế rồi năm sáu hôm sau, Yasukichi chợt thấy Oura trong phòng đợi của nhà ga. Oura vừa nhận ra Yasukichi thì không cần biết là mình đang đứng ở đâu, đột ngột đứng nghiêm và đưa tay lên chào đúng phép nhà binh. Yasukichi có cảm tưởng đang thấy sau lưng chú ta cánh cửa ra vào của trạm gác.

Sau một hồi im lặng, Yasukichi lên tiếng hỏi:

- Hôm trước có phải chú...
- Vâng, suýt nữa cháu bắt được trộm.
- Khổ thân cho chú quá nhỉ!
- May là không bị xây xát gì cả ạ.

Oura nở một nụ cười cay đắng và nói như thể tự trào:

- Nếu thực tình muốn bắt thì cháu cũng tóm được ít nhất một thằng. Thế nhưng bắt được chẳng nữa, mình cũng chẳng xơ múi gì!
- Sao, cái gì mà chẳng xơ múi?

Thưa nghĩa là chẳng được thưởng thiếc gì cả. Bởi vì trong luật lệ ngành gác dan của tụi cháu, không có câu nào rõ ràng cho biết có được gì không.

- Trường hợp chết vì công vụ cũng thế hử?
- Vâng, có chết vì công vụ cũng vậy thôi.

Yasukichi đưa mắt nhìn trộm Oura. Cứ theo cách ăn nói của người gác dan, chú ta không phải là một con người can trường, xả thân bắt trộm tí nào. Chú ta chỉ tính toán tùy theo có tiền thưởng hay không và đã để vuột đi mấy tên trộm lý ra chú có khả năng tóm được. Thế nhưng...

Yasukichi vừa kéo ra điều thuốc, vừa làm đủ cách vui vẻ để biểu đồng tình với chú ta.

- Nếu chú nói thế thì vô lý quá. Ai đời chỉ gánh nguy hiểm mà không có lợi lộc gì.

Oura trả lời “Vâng” hay một chữ gì giống như vậy nhưng gương mặt không giấu được vẻ thất vọng.

- Phải chi có chút đỉnh tiền thưởng nhỉ!

Yasukichi nói với một giọng rầu rầu.

- Thưa, hễ có tiền thưởng thì ai cũng dám lãnh nguy hiểm sao, thầy? Điều đó thật cháu cũng còn ngờ.

Hết câu, Oura giữ im lặng. Tuy nhiên khi Yasukichi đặt điều thuốc lá lên môi mình thì chú ta vội vàng đánh diêm và đưa môi lửa đến trước mặt anh. Áp mặt mình sát vào môi lửa đỏ tươi đang tỏa sáng đầu điều thuốc, để khỏi lộ ý nghĩ của mình, Yasukichi nén một nụ cười sắp nở trên môi.

- Cám ơn chú!

- Thưa không dám.

Sau câu trả lời bình thường như vậy, Oura lại cho hộp diêm vào túi. Tuy vậy, hôm nay Yasukichi tin chắc mình vừa khám phá được sự bí mật của người gác đàn. Chú ta không chỉ đánh que diêm kia môi lửa cho mỗi Yasukichi thôi đâu. Thật ra, Oura đã đánh diêm cho tất cả những vị thần ở dưới đáy cõi u minh đang ngăm quan sát xem chú ta có giữ đúng tác phong của vũ sĩ đạo hay không.

(1923)

Nguyễn Nam Trân dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Toki Aika (Thổ Kỳ, Ai Quả), tên thật là Toki Zenmaro (Thổ Kỳ, Thiện Lữ, 1885-1980), tốt nghiệp khoa Anh văn Đại học Waseda, sau viết báo, làm thơ *tanka* khuynh hướng hiện thực và viết tùy bút. Thiện nghệ về lối thơ cắt 31 âm thành ba hàng.

[\(2\)](#) Người vợ mà Akutagawa liên tưởng đến khi đọc thơ Aika tên là Tsukamoto Fumi, cưới nhau năm 1918, lúc ông hai mươi sáu tuổi và bà mười tám.

[\(3\)](#) Tên một hiệu rượu sake vốn có nhiều loại cùng tên, ví dụ Kiku Masemune, Sakura Masamune...

[\(4\)](#) Theo Cựu ước trong Kinh Thánh, Esau, con trai Isaac đã bị em sinh đôi là Jacob dùng mưu đoạt mất quyền trưởng nam.

[\(5\)](#) Tiếng La Tinh có nghĩa là “Người ta không thể bàn cãi về sở thích của nhau” (vì nói đến sở thích là nói đến chủ quan).

[\(6\)](#) Rembrandt Harmenszoon van Kijin (1606-1669), họa gia Hòa Lan, cùng với P.Rubens và D.Velazquez tiêu biểu cho hội họa phương Tây thế kỷ 17. Bậc thầy về tranh chân dung cũng

như cách sử dụng ánh sáng, đối chọi sáng tối và bố màu.

(7) Loại cam to, ngon và đẹp.

(8) William Wordsworth (1770-1850), một thi nhân lãng mạn, yêu thiên nhiên Anh, sống ở vùng hồ (Lake District) miền Trung nước Anh, nổi tiếng cùng với Coleridge, Shelley, Lord Byron v.v...

(9) Occult sciences (nguyên văn bằng tiếng Anh).

(10) Robert Louis Stevenson (1850-1894), tiểu thuyết gia người Anh (Tô Cách Lan), tác giả Đảo kho vàng, Bác sĩ Jekyll và ông Hyde.

(11) O'Henry (1862-1910), nhà văn Mỹ chuyên về truyện ngắn.

(12) Nguyên văn tiếng Anh, You know, Socrates and Platon are two great teachers, etc...

(13) *Yankees* (Nguyên văn tiếng Anh).

(14) Họa sĩ người Pháp, thuộc phái Ấn tượng, Paul Gauguin (1848-1903), cuối đời sống ở Tahiti.

(15) Lamarck (1744-1892), nhà động vật học người Pháp chủ trương các giống động vật tự nó có khả năng tiến hóa khác nhau.

(16) Đoạn này tác giả mô phỏng theo ý của nhà văn Pháp Jules Renard (1846-1910).

(17) Câu nói mà ác quỷ Mephistopheles đội lốt Faust dạy cho học trò (xem Faust, quyển 1, dòng 2038-2039).

Cục đất

(Ikkai no Tsuchi)

Lời người dịch:

Truyện ngắn này được viết vào năm 1924 khi Akutagawa ba mươi ba tuổi, lúc sự nghiệp văn chương của ông đã đến ngả rẽ. Ông bắt đầu viết một vài tác phẩm với chiều hướng khác như để thử thách tài năng của mình. Tuy là nhà văn trí thức thành thị nhưng ông vẫn có thể miêu tả sinh hoạt nông thôn cực nhọc một cách phong phú và sống động.

Câu chuyện dưới đây miêu tả tình cảm của con dâu và mẹ chồng trong một gia đình nông dân thiếu tay đàn ông đảm đương công việc đồng áng. Tuy cả hai đều phải làm việc cật lực, nhưng từ chỗ khác biệt về quan niệm và mức độ tích cực đối với lao động, giữa con dâu và mẹ chồng đã có một khoảng cách lớn. Kết quả tích cực của lao động đã tạo ra sức mạnh kinh tế đủ để chi phối quan hệ trong gia đình

Atagawa đã cho những người trong truyện đối thoại với nhau bằng tiếng địa phương của vùng Đông Bắc, miền quê nhiều ruộng lúa ở Nhật Bản. Để đối ứng, người dịch đã dùng tiếng địa phương miền Nam, một vùng có nhiều ruộng lúa ở Việt Nam để dịch những đối thoại này.

Con trai bà Osumi đã mất khi mùa hái trà mới bắt đầu. Thằng Nitaro quỵ trên giường bệnh như một người tàn phế tính ra cũng đã tám năm. Cái chết của thằng con trai mãi trên giường bệnh, không nhất thiết chỉ đem lại toàn những chuyện buồn cho bà Osumi, người thường được bà cù lẳng giềng bảo là “kiếp sau sung sướng”^[1]. Khi đưa tay dâng hương trước quan tài Nitaro, bà Osumi có cảm giác như bằng đủ mọi cách, mãi mới thoát qua khỏi một cái gì đó như là qua cửa ải Asahina^[2].

Xong đám ma Nitaro, vấn đề phải lo trước tiên là cảnh ngộ của con dâu Otami. Otami có một đứa con trai. Thế mà Otami lại còn nhận làm hầu hết mọi chuyện đồng áng thay cho Nitaro lúc còn trên giường bệnh. Nếu bây giờ để cho Otami ra đi, dĩ nhiên chuyện chăm sóc thằng bé sẽ gặp khó khăn, cuộc sống cũng không thể nào xoay sở được. Osumi nghĩ cứ đợi cho bữa cúng bốn mươi chín ngày xong, bà sẽ tức khắc kiếm chồng cho Otami, rồi lại bắt làm lụng giống như lúc thằng con trai còn sống. Bà cũng nghĩ cứ bắt thằng Yokichi, em họ của Nitaro làm chồng Otami là được rồi.

Vì có ý nghĩ như thế nên đúng buổi sáng hôm sau bữa cúng bảy ngày lần đầu tiên, khi Otami bắt đầu dọn dẹp đồ đạc, Osumi đã sững sờ hoảng hốt. Lúc đó Osumi đang chơi với đứa cháu nội, thằng Hiroji, ở hành lang căn phòng sâu phía sau. Đồ chơi là một cành anh đào đầy hoa, bẻ trộm từ sân trường học về.

- Nè, Otami, đến nay tao cứ im miệng hoài không nói gì hết, bậy thật. Bộ mày tính bỏ tao với thằng con mày, đi đâu mất sao.

Osumi lên tiếng với vẻ như than phiền hơn là hạch hỏi. Otami cũng chẳng quay đầu lại, chỉ ra tiếng cười.

- Nói gì vậy? Bà nội nó

Chỉ có vậy nhưng Osumi đã nhẹ nhõm an lòng không biết bao nhiêu.

- Vậy hả? Có lý nào mà lại nữ như vậy hả...

Osumi cứ lặp đi lặp lại những lời cầu khẩn lẫn than vãn. Đồng thời, lời nói của bà lần lần được vẻ cảm thương. Sau cùng, vài lần nước mắt đã bắt đầu chảy trên đôi gò má nhăn nheo.

- Này nhen. Nếu bà chịu thì tui sẽ ở hoài trong cái nhà này. Có thằng con như vậy đấy, thích bỏ đi được sao?

Không biết từ hồi nào Otami cũng đã ứa nước mắt, đưa tay ra ẩm thằng Hiroji để lên đùi mình. Thằng Hiroji không biết tại sao lại có vẻ mắc cỡ, cứ đưa mắt để ý đến cảnh anh đào bị ném ra trên sàn chiếu cũ trong căn phòng sâu phía sau.

Otami tiếp tục làm lụng không một chút thay đổi, giống y như hồi Nitaro còn sống. Nhưng chuyện lấy chồng không dễ gì giải quyết được như ý muốn. Otami hình như không có một chút quan tâm nào về chuyện này. Dĩ nhiên, Osumi chỉ cần có cơ hội, khi thì thử gọi lòng Otami, khi thì đem chuyện đó ra bàn một cách lộ liễu. Nhưng lúc nào cũng vậy, Otami chỉ trả lời lấy lệ.

- Ừ. Đẳng nào cũng phải đợi tới sang năm rồi sẽ tính.

Câu nói ấy vừa làm cho Osumi lo lắng, nhưng lại cũng làm cho bà vui ra. Osumi vừa để ý đến hàng xóm, vừa định thôi cứ chờ cho năm tháng thay đổi, dần dần rồi mọi chuyện cũng sẽ theo như lời của con dâu mình nói.

Nhưng Otami đến năm sau cũng vẫn không có một ý nghĩ nào khác ngoài chuyện đi ra đồng làm việc. Osumi lại bắt đầu đem chuyện lấy chồng ra một lần nữa, như là cầu khẩn, còn hơn cả năm ngoái. Chẳng qua một phần vì bị họ hàng trách móc, một phần vì bị khổ tâm với những lời dèm pha của lối xóm.

- Nhưng mà nè, Otami. Với tuổi trẻ của mà bây giờ, làm sao mà sống một mình không có đàn ông cho được.

- Nói là không có cần kia mà. Biết làm sao bây giờ đây. Để người dưng vô trong này coi. Vừa tội nghiệp cho thằng Hiro[3], vừa làm cho bà phải bận tâm, nhất là nếu tui lại phải đâm lo cho một ra thì sao, đâu có phải là chuyện nhỏ, chuyện nhẹ đâu.

- Ừ, cho nên, cứ lấy thằng Yokichi đi. Thằng đó, độ rày người ta nói nó đã bỏ hẳn cờ bạc rồi kia mà.

- Ừ, đối với bà nó là bà con nhưng đối với tui, sao đi nữa cũng là người dưng. Có gì đâu, miễn tui chịu nhịn được...

- Nhưng mà, chịu nhịn đâu phải chỉ một hai năm đâu.

- Nghe đây nhen. Vì thằng Hiro kia mà. Bây giờ tôi ráng chịu khổ đi, đất nhà này không phải bị chia làm hai, nguyên mảnh đất sẽ sang tay thằng Hiro phải không chứ.

- Nhưng mà, nè Otami. (Osumi lúc nào đến chỗ này cũng nhỏ giọng nghiêm nghị). Cái gì chớ miệng người ta xung quanh nói tới nói lui dữ lắm. Những điều mà nói trước mặt tao bây giờ, nhớ nói cho người ta nghe y như vậy nhen...

Chuyện nói đi đáp lại giữa hai người không biết đã xảy ra bao nhiêu lần. Nhưng thái độ

cương quyết của Otami cũng nhờ đó chỉ có mạnh thêm chứ không hề bị lung lay. Thực tế, Otami đã đem sức ra làm việc hơn cả trước kia, khi thì trồng khoai, khi thì gặt lúa mì, mà không cần phải nhờ một bàn tay của một người đàn ông nào. Không phải chỉ như vậy, mùa hè trong lúc trời mưa Otami cũng đã đi cắt cỏ để nuôi bò. Cách làm việc nặng nhọc này chính là những lời bác bỏ mạnh mẽ đối với việc đưa người dưng vô. Osumi rút cuộc rồi cũng phải bỏ lơ chuyện bắt lấy rẽ đi. Nhưng thật ra chuyện bỏ lơ này không nhất thiết đã làm cho bà ta buồn.

Otami đã tiếp tục nuôi sống cả gia đình bằng sức lực của một người đàn bà. Điều này dĩ nhiên một phần cũng do một lòng một dạ “vì thằng Hiro”. Nhưng một phần có lẽ cũng do ở sức mạnh di truyền đã mọc rễ sâu trong người của Otami. Otami là con gái của một người lang bạt từ chỗ núi non cần cỗi đến sinh sống trong vùng lân cận này. “Otami nhà bà mặt hiền lành sao mà có sức quá. Hôm rồi nó dám cõng trên lưng bốn bó lúa rẫy bự đi ngang qua đây đó nhen.” Osumi thường nghe bà cụ kể bên kể lại cho nghe những chuyện như vậy.

Osumi muốn bày tỏ lòng cảm ơn đối với Otami qua công việc của mình. Vừa giữ cháu nội chơi đùa, vừa lo chăm sóc bò, lại còn nấu cơm, giặt giũ, có lúc đi đến láng giềng múc nước... công việc trong nhà không phải ít. Nhưng Osumi với tấm lưng còng, đã làm mọi việc với vẻ thích thú.

Một đêm vào lúc cuối thu, Otami lưng mang một bó củi lá thông lão đảo bước về nhà. Osumi đeo Hiroji trên lưng, đương lúc nhúm củi nung bồn tắm đặt trong góc gian nhà đất tù túng chật hẹp.

- Lạnh lắm phải không? Đến tối mới về được đó hả?

- Bữa nay làm thêm hơn mọi bữa một chút đó.

Otami quăng bó củi lá thông xuống dưới gầm bồn rửa, rồi leo lên bếp sưởi rộng, mà không kịp cởi cả đôi dép rơm dính đầy bùn. Rễ sồi đang cháy lung lay lửa đỏ trong bếp. Osumi muốn đứng dậy liền. Nhưng vì lưng đang đeo thằng bé Hiro, nên nếu không vịn tay vào vách bồn tắm thì không dễ dàng gì đứng lên được.

- Vô bồn tắm liền đi.

- Không có tắm đâu, đói bụng quá trời đi đây nè. Đâu rồi, ăn khoai lang trước cái đã... Nấu rồi phải không, bà nội?

Osumi khắp khểnh đến bồn rửa, mang cả nồi khoai lang nấu làm đồ ăn đến bên cạnh bếp.

- Nấu lâu rồi đợi hoài không thấy về. Coi bộ khoai nguội hết rồi đây nè.

Hai người lấy tấm tre dâm vào khoai lang, cùng nhau cắm sát vào lửa trong bếp.

- Coi bộ thằng Hiro nó đang ngủ ngon. Để nó xuống sàn không được hả.

- Không, bữa nay lạnh quá chừng, để nó xuống sàn làm sao nó ngủ được.

Otami trong lúc nói chuyện như vậy, cũng đã bắt đầu ngoạm đầy miệng những củ khoai lang bốc khói. Chỉ có nông phu sau một ngày lao động mệt nhọc mới biết cách ăn như thế. Otami lần hồi ngốn hết củ này đến củ nọ mới vừa gỡ ra từ mấy cái tấm tre. Osumi tuy cảm thấy

thằng Hiroji đang ngủ ngáy nho nhỏ, nặng ở sau lưng, nhưng tay vẫn không ngừng nướng khoai lang.

- Cả ngày làm lụng như thế này, đói bụng hơn người ta là phải rồi.

Osumi lâu lâu lại nhìn chăm chú vào mặt con dâu với cặp mắt đầy vẻ kính phục. Nhưng Otami vẫn không có một lời, cứ liên tục thốn khoai lang vô đầy miệng trong ánh lửa đầy khói đen.

Otami bất kể nhọc nhằn, cứ tiếp tục bắt lấy công việc của đàn ông. Có lúc đêm tối, vẫn xách đèn dầu đi rảo quanh nhổ rau đệt. Osumi lúc nào cũng cảm thấy kiêng nể người con dâu giỏi hơn cả đàn ông này. Không, nói đúng ra là có cảm giác khiếp sợ hơn là kiêng nể. Otami ngoài công việc đồng ruộng, tất cả việc nhà đều bắt Osumi làm hết. Đạo này, ngay như quần lót của chính mình, Otami cũng chẳng mấy khi giặt. Dầu vậy, Osumi cũng ráng dang cái lưng còng của mình ra cần cù làm việc. Không phải chỉ có vậy, cứ hễ gặp được bà cụ hàng xóm, Osumi ra mặt nghiêm nghị, nức nở khen con dâu.

- Gì đi nữa, con Otami nó cũng như vậy đó nhen, ừ, tui chết đi lúc nào cũng không cần phải lo trong nhà bị cực khổ.

Nhưng cái bịnh siêng làm việc của Otami có lẽ không dễ gì được thỏa mãn. Lại một năm nữa trôi qua. Otami lần này bắt đầu nói đến chuyện mở rộng việc làm đến ruộng dâu bên bờ kia sông. Cứ như lời của Otami thì nghĩ sao cũng thấy thật là dại khi đem miếng vườn gần bằng năm công đất cho mướn với giá chỉ có mười yên. Theo đó nếu lấy đất trồng dâu, nuôi tằm trong lúc rảnh rang, trong thời gian không có những biến động giá cả ở thị trường kén tằm thì chắc chắn ít ra mỗi năm cũng kiếm ra được khoảng một trăm năm mươi yên. Nhưng dầu có muốn có tiền đi nữa, Osumi cũng không thể nào chịu đựng nổi những chuyện bận rộn hơn cả bây giờ. Nhất là chuyện nuôi tằm tốn công mất sức này đúng là chuyện vượt qua mức độ có thể bàn bạc với nhau. Osumi sau cùng đã phản nản, chống đối lại Otami.

- Nghe đây nè, Otami. Không phải tao muốn trốn. Không phải là muốn trốn, nhưng mà mầy coi, chỗ mình không có đàn ông, lại còn có thằng con la khóc, ngay cả bây giờ cũng đã nặng nề quá rồi. Vậy mà mầy lại nghĩ đến chuyện động trời, làm sao mà nuôi tằm được đây hả? Mầy không có nghĩ đến tao một chút nào hết.

Otami bị mẹ chồng khóc lóc như vậy cũng chẳng nổi lòng nào cưỡng bách. Nhưng dầu có bỏ chuyện nuôi tằm đi nữa, chuyện trồng dâu thì nhất định ngoan cố bắt theo ý mình.

Otami vừa nhìn Osumi với vẻ bất mãn, vừa lăm bầm bóng gió.

- Nghe đây nhen. Nói gì chớ ra vườn chỉ một mình tui là xong, chớ có cần ai đâu.

Từ đó trở đi Osumi lại bắt đầu nghĩ đến chuyện bắt rể. Lúc trước vì lo đến cuộc sống, lại vì để ý đến con mắt dòm ngó của thiên hạ, nên đôi khi Osumi đã nghĩ đến chuyện bắt rể. Nhưng lần này lại bắt đầu nghĩ đến chuyện bắt rể chỉ vì muốn tránh những khổ sở của chức phận giữ nhà dầu chỉ trong chốc lát. Cho nên so với lần trước chuyện bắt rể lần này càng trở nên thống thiết hơn.

Đúng vào lúc hoa cam nở rộ ở vườn sau, Osumi ngồi trước đèn, mắt nhìn qua cặp kính to dành làm việc đêm, chậm rãi đem thử chuyện kia ra nói. Otami đang ngồi xếp bằng bên cạnh bếp, vừa cắn đậu muối vừa ra vẻ chẳng để ý gì đến đối phương.

- Lại chuyện bắt rể nữa hả? Không có liên quan gì tới tui hết nhen.

Nếu là Osumi trước kia, chỉ như thế này cũng đã đủ bỏ cuộc. Nhưng lần này, chính lần này, Osumi vẫn cứ khẳng khẳng thuyết phục.

- Nhưng nè, cứ mãi như vậy cũng không được. Ngày mai có đám ma nhà Miyashita nè, lần này nhà mình cũng như người ta, bị trúng phiên phải đào huyệt đó. Những lúc như vậy không có tay đàn ông thì...

- Nghe đây nhen. Nếu trúng phiên phải đào, tui sẽ ra đào đó nhen.

- Thiệt sao? Mà, đàn bà làm sao mà làm được...

Osumi cố ý cười lên. Nhưng khi nhìn mặt Otami, bà thấy cần phải thận trọng, không nên cười vô ý.

- Bà, bộ bà muốn nghỉ ngơi cho sung sướng cho rồi phải không?

Otami vẫn cứ ôm cái đầu gối xếp bằng, lạnh lùng hỏi dồn đối phương. Bỗng nhiên bị đánh vào chỗ yếu, Osumi bất ngờ lật đôi mắt kính to ra. Nhưng lật mắt kính để làm gì, chính bà, bà cũng không biết.

- Hả? Mà, sao mà lại nói như vậy?

- Bà chắc đã quên lời của mình nói lúc cha thằng Hiro chết rồi hả? Đất đai nhà này đem chia làm hai thì còn mặt mũi nào để nhìn tổ tiên...

- Ừ, đúng là có nói như vậy. Nhưng mà, khi nghĩ lại, chuyện thời thế thời cơ cũng cần phải nghĩ chứ. Cái này không còn cách nào hơn, lần này...

Osumi tiếp tục ra sức bênh vực cho chuyện cần tay đàn ông. Nhưng bằng cách nào đi nữa, ý kiến của bà cũng không lọt được chính lỗ tai bà một tiếng nào ra vẻ có lý. Vì trước hết thật lòng bà, nghĩa là bà không thể đem chuyện bà muốn được rảnh rang ra nói. Otami, như khám phá ra được chuyện đó, miệng cứ nhai đậu muối, tấn công mẹ chồng tới tấp, không một chút nương tay. Không chỉ có vậy, đây cũng là nhờ ở cái miệng giỏi răn trời cho mà Osumi không biết.

- Bà thì dầu vậy cũng được. Chết trước nên có sao đâu. Nhưng, thân tui thì sao, làm sao mà nói được bất bình, bất mãn. Tui đây, không phải vì trong sạch hoặc vì phách lối mà cứ khẳng khẳng giữ mình góa bụa. Những đêm đau gân cốt, ngủ không được, không phải không có lúc thấm thía nghĩ rằng cứ khẳng khẳng giữ ý cũng chẳng có ích gì. Chuyện đó không phải là không có. Nhưng tất cả vì nhà mình, vì thằng Hiro, nghĩ như thế mà phải nuốt nước mắt làm mọi chuyện đó chứ...

Osumi chỉ biết nhìn vào mặt con dâu như kẻ mất hồn. Lần lần có một sự thật hiện ra rõ ràng trong lòng bà. Sự thật đó là dầu có giã giũa như thế nào đi nữa, cho đến khi nhắm mắt cũng không thể nào an nhàn ra được. Sau khi con dâu nói xong, Osumi lại mang cặp kính lão to ra đeo, rồi chấm dứt câu chuyện phân nửa như lằm bằm với chính mình.

- Nhưng mà này, Otami. Để gì mà ới, trong đời này không phải bất cứ mọi chuyện đều hợp với lí lẽ hết đâu. Mà, cũng nên nghĩ kĩ lại coi. Tao, thôi không nói thêm cái gì nữa đâu.

Hai mươi phút sau, một thanh niên nào đó trong xóm, vừa đi vừa hát với giọng đủ nghe, lặng lẽ băng qua trước nhà.

- *"Bà cô trẻ ới,*

Hôm nay cắt cỏ đấy à.

Cỏ ới, ngã theo ngọn gió.

Liền cắt nhanh lên."

Giọng hát xa dần. Osumi liếc nhìn gương mặt của Otami qua cặp kính lão một lần nữa. Nhưng, Otami cứ duỗi chân dài ra ở bên kia đèn, miệng ngáp đi ngáp lại.

- Đâu. Ngủ cho rồi. Ngày mai phải dậy sớm.

Otami cuối cùng vừa nói như thế, tay vừa bùm lấy một nắm đậu muối, mệt mỏi đứng dậy ở bên cạnh lò...

Osumi sau đó trong vòng ba bốn năm vẫn cứ tiếp tục im lìm chịu khổ. Cái khổ của một con ngựa già phải đeo cùng một ách với một con ngựa còn đang sung sức. Otami vẫn tối ngày lo làm việc đồng ruộng ở bên ngoài. Với kẻ bàng quan, Osumi vẫn siêng năng làm mọi việc trong nhà không có gì thay đổi. Nhưng, bóng roi vọt vô hình lúc nào cũng dọa dẫm bà ta. Khi thì vì không nhóm lửa bõn tẩm, khi thì vì quên phơi rạ, khi thì vì thả mất bò, Osumi hay bị con dâu Otami cứng đầu gắt gỏng, nói tới nói lui. Nhưng bà không trả lại một lời, cứ tiếp tục nuốt cay nuốt đắng. Đó cũng là vì có tinh thần quen với việc phục tùng. Điều thứ hai là vì đứa cháu, thằng Hiroji, cứ đeo theo bà nội luôn, hơn cả mẹ nó.

Thực tế, với kẻ bàng quan, Osumi vẫn như trước, hầu như không có gì thay đổi. Nếu có chút gì thay đổi thì chắc đó là chuyện bà ta không còn khen con dâu như trước nữa. Nhưng những biến đổi nhỏ nhặt này không đủ làm mọi người để ý. Ít nhất đối với bà cụ bên cạnh nhà lúc nào cũng là Osumi "kiếp sau sung sướng".

Một buổi trưa hè nắng gắt, Osumi ngồi trò chuyện với bà cụ cạnh nhà dưới bóng lá giàn nho phủ trước sân nhà chứa đồ. Chung quanh chỉ có tiếng ruồi bay ở chuồng bò. Bà cụ nhà kế bên vừa nói chuyện vừa hút thuốc điếu vắn ngắn. Đó là phẩm vật gom góp từng chút từ những mẩu thuốc vụn của chú con trai.

- Con Otami đâu rồi? Ừ, chắc là đi cắt cỏ khô hả? Tuy trẻ nhưng cái gì cũng làm hết, ừ.

- Nói gì vậy. Đàn bà con gái sao lại cứ đi ra ngoài. Làm việc nhà là hay nhất chứ.

- Đâu, thích làm việc đồng là hạng nhất đấy chứ. Con dâu nhà tui từ hồi cưới về tới giờ, coi nè, bảy năm rồi có thấy nó đi nhổ cỏ ngày nào đâu, đừng nói gì đến chuyện ra đồng. Hoặc giặt đồ cho con cái, hoặc sửa sang quần áo của mình, mỗi ngày, cứ sống như vậy đó.

- Có được như vậy thì tốt hơn chứ. Con cái gọn ghẽ ra, mình cũng coi được một chút, đằng nào thì cũng sống cho nó đẹp.

- Nhưng mà, tụi trẻ bây giờ đưa nào cũng ghét chuyện đồng ruộng... Hà, vừa rồi có cái tiếng gì vậy?

- Cái tiếng vừa rồi hả? Nè bà, tiếng bò nó xì hơi dít đó!

- Bò xì hơi dít hả? Nó rặn dữ quá hả?... Trẻ mà phải phơi lưng ra ngoài trời nắng nhổ cỏ thì thật là khổ không biết đến chừng nào.

Hai cụ bà thường nói với nhau những chuyện yên lành tầm phào như thế này.

Đã hơn tám năm từ khi Nitaro mất, Otami bằng một tay đàn bà đã ra sức nuôi sống cả gia đình. Đồng thời, dạo đó tiếng tăm của Otami cũng đã bắt đầu lan rộng ra khỏi xóm. Otami không còn là một bà góa trẻ mắc “bệnh kiếm ăn” tối ngày. Dĩ nhiên lại càng không phải là một “dì trẻ” của bọn thanh niên trong xóm. Thay vào đó, là một con dâu gương mẫu. Một tấm gương trình tiết của đời nay. “Coi con Otami ở bên kia đầm, ráng mà noi gương nó.” Miệng ai khi lăm bằm đều có thể nói ra những lời như vậy. Osumi không thể than thở nỗi khổ của mình ngay với bà cụ già hàng xóm, lại cũng không muốn than thở nữa. Nhưng đâu đó trong đáy lòng bà, dẫu không có ý thức rõ rệt, nhưng có dáng muốn cầu trời khẩn phật. Những cầu khẩn này cuối cùng rồi cũng như công dã tràng. Bây giờ không còn biết cầu ai ngoài thằng cháu Hiroji ra. Osumi đổ tất cả tình thương của mình lên thằng cháu vừa mới mười hai mười ba tuổi này. Nhưng hi vọng cuối cùng này đôi lúc cũng bị đứt đoạn.

Vào một buổi chiều thu liên tiếp tốt trời, thằng Hiroji mang túi sách, lon ton từ trường về nhà. Đúng vào lúc Osumi đang khéo léo dùng dao gọt hồng chát hachiya^[4] thất làm hồng phơi ở trước nhà chứa đồ. Hiroji nhẹ mình, vừa mới nhảy qua chiếc đệm phơi hột kê thì đã chụm hai chân lại đành hoảng và với tư thế đó thằng bé đưa tay lên trán chào bà nội. Rồi không cần phải dẫn chuyện gì cả, nó đã nghiêm nghị hỏi như sau.

- Nè, nội! Mẹ con là người đáng kính lắm, hả nội?

- Sao vậy?

Osumi dừng tay dao lại, không khỏi ngạc nhiên nhìn thẳng vào mặt thằng cháu nội.

- Thầy con nhen, trong giờ đức dục, nói vậy đó. Mẹ của thằng Hiroji là người đáng kính, vùng gần đây không có người thứ hai được như vậy.

- Thầy mà nói hả?

- Ủ, thầy con chó ai. Thật không nội?

Osumi đâm bối rối ra. Thầy ở nhà trường dạy cho cháu những chuyện lão toét như vậy à... Thực ra, từ trước đến nay không có chuyện bất ngờ nào đến với Osumi như thế này. Sau một hồi bối rối, cơn giận dữ dội ào đến, Osumi ra miệng chửi bới Otami, như bà không phải là Osumi ngày thường.

- Ủ, lão, lão quá. Mẹ mà đó nhen, cứ lo làm việc ở ngoài không, trước mặt mọi người thì tốt lắm, nhưng lòng dạ cực kì xấu xa, rượt nội chạy tối ngày, tính nết đánh đá tốt bụng...

Hiroji chỉ biết kinh hoàng nhìn bà nội mình đổi sắc mặt. Lần lần, Osumi như bị cơn giận dội ngược lại, bắt đầu rơi nước mắt.

- Cho nên, bà nội sống được cũng nhờ một mình mày đó nhen. Mày đừng có quên nhen. Mày khi nào được mười bảy tuổi, cưới vợ liền, để cho bà nội được thở nhen. Mẹ mày nó nói đợi cho mày đi xong quân dịch đã, biểu đợi lâu như vậy nhen. Làm thế nào, làm sao mà đợi được! Nghe đây nhen, mày nhớ ăn ở hiếu thảo với bà nội phần mày với phần cha mày, hai lần nhen. Như vậy bà nội sẽ đối đãi tốt lại cho nhen. Cái gì bà nội cũng cho mày hết...

- Trái hồng này chín ra, có cho tui hông?

Hiroji đưa tay sờ mó trái hồng trong giỏ với vẻ thèm muốn.

- Cho chó sao không! Mày, còn nhỏ mà cái gì cũng biết hết. Đừng bao giờ làm mất cái tính đó nhen.

Osumi khóc, khóc sụt sùi, rồi bắt đầu cười như nắc cụt...

Rốt cuộc, Osumi đã gây lộn dữ dội với Otami vào đêm sau, sau khi xảy ra sự kiện này. Chỉ vì một chuyện nhỏ nhen là Otami cho rằng Osumi đã ăn mất phần khoai lang của mình. Nhưng trong lúc lời qua tiếng lại, Otami ra giọng cười khinh khỉnh, nói rằng:

- Bà mà chán làm việc thì chỉ còn cách chết thôi.

Vậy là Osumi đã nổi khùng lên tựa như điên, khác với thường ngày. Lúc đó thằng cháu Hiroji đang ngon giấc, gối đầu trên đầu gối bà nội. Nhưng Osumi không những đã lắc vai đánh thức thằng cháu dậy mà còn tiếp tục chửi bới không dứt.

- Hiro, thức dậy, Hiro, thức dậy, nghe mẹ mày chửi tao. Mẹ mày biểu tao chết đi. Nghe cho kĩ nhen. Đúng là đến đời mẹ mày, tiền bạc có nhiều hơn chút đỉnh, nhưng một mẫu ba công vườn, tất cả cái đó đều do ông nội mày với bà già này phá đất làm ra chó đâu. Công đó đâu rồi? Mẹ mày nói muốn nhàn thì cứ chết đi... Otami, tao chết cho rồi đây nè. Mày tưởng tao sợ chết hả. Không, tao không có thèm nghe lời mày dạy đâu. Tao chết đi cho rồi. Nói gì tao cũng chết. Chết để về đây bắt hồn mày...

Osumi chửi bới om sòm, chửi rồi ôm lấy thằng cháu ra khóc. Nhưng, Otami vẫn ngủ lịm bên cạnh bếp như thường lệ, giả vờ như không nghe một tiếng nào.

Nhưng Osumi đã không chết. Thay vào đó, năm sau vào những ngày hết nắng gắt, Otami, người tự hào về sức khỏe của mình, bị bệnh kiết lỵ tám hôm thì mất. Vào lúc đó, trong cái làng nhỏ này đã có không biết bao nhiêu người mắc bệnh kiết lỵ. Thế mà, trước khi mắc bệnh Otami đã đứng ra làm công việc đào huyệt chôn anh thợ rèn vừa gục xuống cũng vì bệnh kiết lỵ này. Ngày làm đám ma anh thợ rèn, ở nhà còn có một thằng nhỏ đệ tử mắc bệnh sắp được đưa đến bệnh viện cách ly. "Chắc đã bị lây hồi đó rồi chứ gì...". Khi y sĩ về xong xuôi rồi, Osumi nhìn gương mặt đỏ kè của con bệnh Otami, nói như trách móc.

Ngày làm đám ma Otami, trời mưa to. Nhưng, những người ở trong làng kể cả xã trưởng, mọi người đều đến tham dự, không sót một ai. Những người dự đám ma đều tỏ lòng thương tiếc Otami đã chết yếu. Ai cũng cảm thấy tội nghiệp cho Osumi và thằng Hiroji đã mất đi người kiếm ra tiền quý giá. Đặc biệt, ông đại diện quan khách cũng đã nói rằng quận đã dự định biểu dương công lao của Otami trong những ngày sắp tới. Đối với lời điệu như vậy, Osumi không

biết phải làm sao ngoài việc cúi đầu. “Ừ, đây cũng là số mệnh, không nuôi tiếc được. Chúng tôi đã đưa đơn lên văn phòng quận từ năm ngoái xin biểu dương cho Otami, anh xã trưởng và tôi đã dùng tiền đi xe lửa đến gặp ông quận trưởng đến năm lần, không phải là chuyện dễ đâu. Nhưng chúng tôi đã phải bỏ cuộc, thôi bà cũng nên thử quên đi.” Ông đại diện đầu hói chất phác lại còn thêm những câu nói giấu cọt như thế. Một giáo viên trẻ ở trường tiểu học nghe chuyện đó, cứ nhìn chăm chăm với vẻ khó chịu.

Đêm làm xong đám ma của Otami, Osumi đã cùng với thằng Hiroji chui vào một cái mùng ở trong góc căn phòng đằng sau, nơi có để bàn thờ Otami. Thường thì dĩ nhiên hai người cùng ngủ trong đêm tối đen. Nhưng đêm nay trên bàn thờ có ngọn đèn Phật thấp lờ mờ. Ngoài ra lại còn có mùi kì lạ của thuốc khử độc chắc đã thấm vào chiếc chiếu cũ. Osumi vì lý do này, lý do nọ nên trần trọc đến khuya, không dễ ngủ được. Cái chết của Otami chắc chắn đã đem lại cho Osumi một nguồn hạnh phúc to lớn. Bà không làm việc nữa cũng được. Không phải lo bị nói này nói nọ. Thêm vào đó còn có ba ngàn yên tiền để dành, vườn tược lại có đến một mẫu ba công. Từ đây mỗi ngày được tự do ăn cơm chung với thằng cháu. Lại còn có tự do mua nguyên một con cá hồi muối, vật mà bà lúc nào cũng muốn ăn. Osumi suốt đời không có lần nào có được cái khoan khoái như thế này. Cái khoan khoái lớn như thế này?... Nhưng kí ức vẫn còn ghi rõ một đêm chín năm về trước. Cảm giác nhẹ nhõm trong đêm đó hình như không có gì khác với đêm nay. Cái đêm vừa làm xong đám ma cho thằng con trai cùng máu mủ với mình. Đêm nay thì sao?... Đêm nay thì vừa làm xong đám ma cho con dâu đã đẻ ra đứa cháu duy nhất cho mình.

Osumi bất ngờ mở mắt ra. Đứa cháu ngửa gương mặt thơ ngây, ngủ bên cạnh bà. Osumi khi nhìn gương mặt đó bà lần lần cảm thấy người như mình thật là một con người khổ nạn. Đồng thời, bà cũng bắt đầu cảm thấy tội nghiệp cho thằng con Nitaro, và con dâu Otami xấu số ở chung với bà. Giác ngộ bỗng chốc đã đẩy trôi mất những thù ghét hờn giận trong chín năm trời. Không những thế, nó còn đẩy mất niềm hạnh phúc của tương lai đã từng an ủi bà. Cả ba mẹ con đều là những người đáng tội nghiệp. Trong đó, người duy nhất sống xấu hổ vì bị mọi người dòm ngó chính là bà, người đáng tội nghiệp nhất. “Otami. Tại sao mày lại chết đi mất rồi như vậy?” Osumi không biết tại sao mình có thể nói những lời như vậy với người mới mất. Bỗng dưng nước mắt của Osumi bắt đầu rơi tầm tã không ngăn được... Sau khi nghe tiếng đồng hồ gõ bốn giờ, bà đã thiếp đi trong giấc ngủ mệt nhừ. Nhưng lúc đó, bầu trời xung quanh ngôi nhà tranh này cũng đã bắt đầu lạnh lạnh đón rạng đông...

(1924)

Lê Ngọc Thảo dịch

Chú thích:

(1) Kiếp sau sung sướng, theo thuyết luân hồi của Phật giáo, kiếp này làm điều tốt thì kiếp sau sẽ được an nhàn, sung sướng.

(2) Asashina, từ phía đông muốn vào Kamakura (mặc phủ đầu tiên của Nhật đóng dinh ở đây), phải qua cửa ải Asashina, đường dẫn đến cửa ải này là một khoảng đường dài, chật hẹp. Qua khỏi cửa ải, quang cảnh mở rộng ra.

[\(3\)](#) Hiro, tiếng gọi tắt của Hiroji.

[\(4\)](#) Hồng hachiya, một loại hồng chất dành để làm hồng phơi khô, sản phẩm của làng Hachiya, tỉnh Gifu.

Số điểm danh những người đã khuất

(Tenkibo)

Lời người dịch:

Akutagawa đã tự sát vào năm 1927. Cảnh ngộ gia đình đã là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc tự sát của ông. Mẹ ông bị bệnh điên. Hình như ông đã tin rằng chứng bệnh tinh thần của ông là do di truyền từ mẹ mình.

Từ lúc nhỏ, ông đã không được sống chung với cha mẹ, vì thế mà tình thương của ông có vẻ hơi hụt đối với những người thân trong gia đình. Có lẽ sự hụt hẫng này phản ánh nỗi khát khao tình thương cha mẹ của ông.

Tác phẩm dưới đây chắc chắn là một tư liệu hết sức quan trọng liên quan đến cuộc đời của tác giả.

Mẹ tôi là người điên. Tôi chưa có một lần nào cảm thấy tình cảm mẹ con ruột thịt ở mẹ tôi. Mẹ tôi búi tóc theo kiểu quăn lược^[1], lúc nào cũng ngồi một mình ở nhà bên ngoài vùng Shiba^[2], bập hơi thuốc qua ống điếu dài. Mặt nhỏ mà thân thể cũng nhỏ. Gương mặt đó không biết tại sao lại có màu xám xịt, không một chút sinh khí. Có lúc tôi đọc Tây sương ký khi gặp những chữ “thổ khẩu khí nê xú vị” (hơi miệng đất, thúì mùi bùn), tôi liền nghĩ đến gương mặt của mẹ tôi... gương mặt nhìn ngang gầy gò hốc hác.

Tôi như vậy đây, chưa bao giờ tôi được mẹ tôi chăm sóc. Thế mà có lần tôi đã cùng với mẹ nuôi của tôi, cố lên lầu hai thăm mẹ, tôi nhớ bỗng nhiên bị mẹ tôi lấy ống điếu dài đánh vào đầu tôi. Nhưng hầu như lúc nào mẹ tôi cũng chỉ là một người điên yên lặng. Khi bị tôi và chị tôi đòi phải vẽ hình, mẹ tôi lấy giấy xếp làm tư rồi vẽ cho chúng tôi. Hình vẽ không phải lúc nào cũng bằng mực đen. Mẹ tôi dùng màu mực nước của chị tôi, khi thì phết vẽ thành áo quần của trẻ em đang rong chơi, khi thì quét thành bông hoa cây cỏ cho chúng tôi. Chỉ có một điều là tất cả những nhân vật trong những hình vẽ đó đều có gương mặt của con cáo.

Mẹ tôi mất vào mùa thu khi tôi được mười một tuổi. Mẹ mất có lẽ không phải vì bệnh tật mà vì bị suy nhược. Kí ức hồi trước sau khi mẹ mất còn lại khá rõ rệt trong đầu tôi.

Lí do có lẽ vì có điện tín báo mẹ hấp hối đến. Một đêm khuya đứng gió, tôi và mẹ nuôi của tôi đã lên xe kéo, từ Honjo^[3] hấp tấp đến Shiba. Cho đến ngay như ngày hôm nay tôi cũng chưa bao giờ dùng khăn choàng cổ, nhưng tôi còn nhớ tối hôm đó tôi đã quăn chiếc khăn tay bằng lụa mỏng có vẽ hình gì đó giống như tranh sơn thủy Nam Tống qua cổ tôi. Và tôi cũng còn nhớ chiếc khăn tay đó có mùi thơm nước hoa tên “nước hoa xương bồ”.

Mẹ tôi nằm dài trong căn phòng tám chiếu ở ngay dưới sàn lầu hai. Tôi và người chị lớn hơn tôi bốn tuổi ngồi sát gối mẹ, cả hai lên tiếng khóc mãi không nín. Nhất là khi ai đó ở phía sau tôi nói “lâm chung, lâm chung” là lúc tôi càng cảm thấy lòng mình tràn đầy đau thương. Nhưng từ nãy giờ mẹ tôi cứ nhắm mắt giống như người chết, bỗng mở mắt ra nói gì đó. Chị em tôi cả hai tuy đang đau buồn cũng đã khúc khích cười.

Đêm sau đó tôi cũng đã ngồi kề gối mẹ tôi cho đến gần sáng. Nhưng không biết tại sao không có một giọt nước mắt nào chảy ra như đêm qua. Tôi cố giả vờ khóc vì cảm thấy mắc cỡ trước tiếng khóc sụt sùi của chị tôi. Đồng thời tôi lại tin rằng mẹ tôi nhất định sẽ không chết nếu không bị tôi khóc cho.

Đêm thứ ba, mẹ tôi mất đi không một chút khổ sở. Trước khi mất, có lẽ đã trở lại được trạng thái bình thường, mẹ tôi nhìn vô mặt chúng tôi, nước mắt ràn rụa. Nhưng cũng như mọi lúc, miệng không mở ra một tiếng nào.

Ngay sau khi mẹ tôi đã được tắm liệm xong, tôi cũng không thể nào ngăn nước mắt. “Dì ở Oji[4]” một bà dì bà con xa thấy vậy đã nói “Thật đáng cảm phục”. Nhưng tôi chỉ nghĩ sao bà này lại cảm phục chuyện lạ lùng như vậy.

Ngày làm tang lễ mẹ tôi, chị tôi cầm bài vị, tôi cầm bát hương theo sau, cả hai đứa tôi cùng ngồi trên xe kéo. Đôi khi tôi ngủ gục, mỗi lần hoảng mở mắt ra tôi lại suýt làm rơi bát hương. Nhưng, sao mãi không tới được Yanaka[5]. Đoàn người tham dự đám tang xếp thành hàng khá dài, lẳng lẳng lết chân qua phố Tokyo trong nắng thu dài dặc.

Ngày mẹ tôi mất là ngày 28 tháng 11. Pháp danh là “Qui Mệnh Viện Diệu Thăng Nhật Tiến Đại Tử”. Thế mà tôi lại không nhớ ngày mất và pháp danh của cha tôi. Có lẽ việc nhớ được ngày mất và pháp danh cũng là một điều hãnh diện đối với một thằng bé mới mười một tuổi như tôi.

Tôi có một người chị. Tuy yếu đuối bệnh tật nhưng chị là mẹ của hai đứa con. Người tôi muốn thêm vào sổ điểm danh những người đã khuất dĩ nhiên không phải là người chị này mà là người chị đã chết yếu vừa lúc tôi sắp được sinh ra. Người chị được xem là khôn ngoan nhất trong ba chị em chúng tôi.

Tên của chị là “Hatsuko” (con đầu lòng) có lẽ vì chị là trưởng nữ. Trên bàn thờ Phật trong nhà tôi còn có một tấm hình của “Hatchan[6]” trong một khung hình nhỏ. Hatchan không có vẻ yếu đuối một chút nào. Hai má có đồng tiền nhỏ tròn trịa giống như trái hạnh chín...

Người được cha mẹ tôi thương yêu nhất nói sao nữa cũng là Hatchan. Hatchan không biết sao đã phải lặn lội từ Shinzenza[7] đến học trường mẫu giáo của bà Summers ở Tsukiji[8]. Nhưng từ thứ bảy đến chủ nhật thì chị lại nhất định đến ngủ ở nhà mẹ tôi... nhà của dòng Akutagawa ở Honjo. Khi đi ra ngoài như thế, có lẽ Hatchan đã mặc đồ Âu mà những năm 20 thời Minh Trị hãy còn là kiểu mới. Tôi còn nhớ dạo còn đi học tiểu học, tôi đã lấy vải cắt dư từ quần áo của Hatchan làm đồ cho búp bê bằng cao su của tôi mặc. Những mảnh vải dư như có hện trước với nhau, toàn là vải calico[9] ngoại quốc có hình nhạc khí và những bông hoa nhỏ khắp nơi.

Một buổi chiều chủ nhật đầu xuân, Hatchan vừa rảo quanh vườn vừa hỏi dì mình ở trong phòng. (Dĩ nhiên tôi tin rằng lúc đó chị cũng mặc đồ Âu).

- Dì ơi, cây này tên gì vậy?

- Đâu, cây nào?

- Cây có bông búp đỏ.

Ở sân nhà ngoại tôi có một đám cây “boke” (mộc qua) thấp, nghiêng cành bên giếng nước cũ. Hatchan với mái tóc xõa, có lẽ đã mở to mắt ra nhìn cành “boke” đầy gai này.

- Cây này cùng tên với con đó.

Nhưng khổ thay chị tôi đã không hiểu được câu nói đùa của bà dì.

- Vậy cây này có tên là cây “baka” (ngu) hả?

Nếu Hatchan còn gọi chuyện thì bà dì vẫn còn lặp đi lặp lại vấn đáp đó. Thật ra chuyện của

Hatchan ngoài ra không còn gì cả. Vài ngày hôm sau đó, chắc Hatchan đã vào quan tài mất rồi. Tôi không nhớ ra được pháp danh của Hatchan khắc trong bài vị nhỏ. Nhưng lạ lùng thay tôi lại nhớ rõ ngày Hatchan mất là ngày năm tháng Tư.

Không hiểu tại sao đối với người chị này... tôi cảm thấy yêu thương dù tôi hoàn toàn không biết. Hatchan, nếu bây giờ vẫn còn sống, có lẽ đã quá bốn mươi. Gương mặt đã quá bốn mươi của Hatchan biết đâu lại giống gương mặt mất hồn ngồi bập thuốc ở lầu hai của mẹ tôi. Đôi lúc như ảo giác, tôi cảm thấy có người đàn bà tuổi trạc bốn mươi không biết đó là mẹ tôi hay chị tôi không biết từ đâu, trông nom, bảo bọc tôi suốt đời. Có lẽ đây là ảo giác do thần kinh bị mệt mỏi vì thuốc lá và cà phê của tôi gây ra. Hay đây là hình bóng của siêu nhiên hiện ra trong thế giới thực tại khi có cơ hội.

Vì mẹ phát điên nên bị sinh sớm hay vì phải đi ở nhà nuôi (nhà cậu tôi) nên tôi đã lãnh đạm đối với cha tôi. Cha tôi làm nghề bán sữa tươi, hình như đã thành công đôi chút. Chính cha tôi đã dạy cho tôi biết những trái cây, những thức uống còn mới mẻ hồi thời đó. Nào chuối, nào kem, nào thơm, nào rượu rum... có lẽ còn có những thứ khác nữa. Tôi còn nhớ có lần mình đã uống rượu rum dưới bóng cây sồi ngoài trại chăn nuôi ở Shinjuku thời đó. Rượu rum là một thức uống có màu vàng cam, với độ rượu rất nhẹ (loại rượu rum bán ở Nhật thời đó, khác với rượu rum có độ cồn rất cao ngày nay).

Cha tôi cho tôi, một trẻ nít, ăn uống những món lạ như thế đó, là vì có ý muốn lấy tôi lại từ nhà nuôi về. Tôi còn nhớ chuyện cha tôi đã lộ liễu khuyên tôi trốn về nhà khi tôi đang được cha cho ăn kem tại tiệm Uoe ở Omori vào một buổi tối. Những lúc như vậy cha tôi ra vẻ hết sức điềm đạm, ăn nói rất hay ho. Nhưng tiếc thay những lời khuyến cáo đó không một lần thành công. Vì tôi yêu thương cha mẹ nuôi tôi... đặc biệt là mẹ nuôi của tôi.

Cha tôi tính tình nóng nảy thường hay cãi lộn với bất cứ ai. Năm lớp chín trung học, tôi đã đấu vật “sumo^[10]” với cha tôi và đường đường vật ngã cha tôi bằng ngón đòn Osotogari^[11] thành thạo nhất của tôi. Cha tôi đứng dậy, liền hướng sang phía tôi, mặt đỏ sắc, nhào tới nói “làm lại”. Dì tôi... em gái mẹ tôi, bây giờ là vợ sau của cha tôi, nhìn việc đấu sumo ấy, đã ra mặt đưa dầu cho tôi hai ba lần. Sau khi giằng co với cha tôi, tôi đã cố ý ngã ngựa ra. Nếu lúc đó, tôi không chịu thua, chắc cha tôi đã ẩu đả với tôi rồi.

Khi tôi hai mươi tám tuổi... lúc tôi còn làm nghề giáo, tôi đã nhận một điện tín báo “cha nằm bệnh viện” nên tôi đã từ Soko qua Kamakura^[12] đến Tokyo. Cha tôi bị bệnh cúm nên phải nằm bệnh viện Tokyo. Tôi đã ở ngủ trong góc phòng bệnh với mẹ nuôi và dì sau của tôi trong hai ba ngày liền. Lâu rồi đâm ra chán. Tôi đã điện thoại gọi một kí giả người Ai Nhĩ Lan hợp ý với tôi đến dùng cơm ở một chỗ hẹn vùng Tsukiji. Lấy lí do là kí giả đó sắp về Mỹ, tôi đã đi ra chỗ hẹn vùng Tsukiji, bỏ ông cha sắp chết của tôi ở lại.

Bọn tôi đã vui thú dùng cơm Nhật với bốn năm geisha. Bữa cơm có lẽ đã xong vào lúc mười giờ đêm. Tôi bỏ kí giả ở lại đó, một mình leo xuống cầu thang hẹp nhỏ. Có tiếng ai gọi tôi “anh A”. Ở phía sau. Tôi dừng chân ở giữa, rồi ngược nhìn lên phía trên cầu thang. Một cô geisha đến tiền, chăm chăm nhìn xuống tôi. Tôi im lặng xuống cầu, ra ngoài hành lang, lên tắc xi. Tắc xi phóng đi liền. Tôi đã nghĩ đến, nhưng không phải là cha tôi mà là gương mặt của cô ta với mái tóc bới kiểu Âu tươi trẻ... nhất là cặp mắt của cô ta.

Khi tôi về đến bệnh viện, biết cha tôi mỗi mòn trông đợi tôi. Không phải chỉ có vậy, cha tôi bảo mọi người ra ngoài bình phong có hai tấm gấp, rồi vừa nắm lấy tay tôi, vừa vuốt nhẹ, kể cho tôi nghe những chuyện xưa... thời mới kết hôn với mẹ tôi, những chuyện tôi không biết.

Nào chuyện cha và mẹ tôi hai người đi mua tử áo, nào chuyện gọi sushi^[13] đến ăn, toàn là những chuyện nhỏ. Nhưng nghe những chuyện đó, không biết lúc nào mi mắt tôi đã nóng lên. Cha tôi cũng ứa nước mắt ra trên đôi má hóp của mình.

Sáng hôm sau, cha tôi mất, không khổ sở lắm. Trước khi chết, hình như đầu óc cũng điên ra, nói loạn lên “Tàu chiến giăng đầy cờ đến. Hô vạn tuế lên đi”. Tôi không nhớ đám tang cha tôi đã diễn ra như thế nào. Chỉ nhớ rằng khi đem thi thể cha tôi từ bệnh viện về nhà, vàng trắng mùa xuân thật to đã soi sáng xe chở linh cữu cha tôi.

Năm nay đã trung tuần tháng ba mà tôi vẫn còn để lò sưởi. Lâu lắm tôi mới cùng vợ tôi đi quét mộ. Lâu quá rồi... Nhưng ngôi mộ nhỏ dĩ nhiên không có gì thay đổi, cả cây thông đỏ kia cũng vẫn vương cành trên mộ.

Ba người được đem vào “sổ điểm danh những người đã khuất” tất cả nằm trong góc mộ địa Yanaka,... lại nữa họ đã vùi xương dưới cùng một tháp đá. Tôi nhớ lại lúc im lìm đặt linh cữu mẹ tôi xuống dưới mộ. Có lẽ Hatchan cũng giống như vậy. Chỉ có cha tôi... tôi còn nhớ trong đám xương trắng vỡ nhuyễn thành tro^[14] của cha tôi, có răng vàng lẫn lộn...

Tôi không thích đi quét mộ. Nếu có thể quên được, tôi muốn quên chuyện cha mẹ tôi và chị tôi. Nhưng, ngày hôm đó, có lẽ vì thể xác đã yếu đuối, nên tôi đã nhìn tháp đá đen đui trong ánh sáng buổi chiều đầu xuân, và nghĩ không biết trong ba người đó, ai là người đã được hạnh phúc.

“Phù du ơi, chỉ sống ngoài mộ địa.”

Thật tình, tôi đã cảm thấy tâm tình của “Joso^[15]” tràn đến bên cạnh tôi, không có lúc nào bằng lúc này.

(1926)

Lê Ngọc Thảo dịch

Nguyên tác: “Tenkibo” trên mạng “Aozora Bunko” (www.aozora.gr.jp).

Chú thích:

⁽¹⁾ Quấn lược, búi tóc đơn giản kiểu Nhật Bản, dùng lược chải tóc lên rồi búi trên đỉnh đầu.

⁽²⁾ Shiba, một khu vực ở Nam Tokyo, thuộc khu Shinagawa ngày nay.

⁽³⁾ Honjo, một khu vực ở Đông Tokyo, thuộc khu Kuroda ngày nay (gần sông Sumidagawa).

⁽⁴⁾ Oji, khu vực ở Bắc Tokyo.

⁽⁵⁾ Yanaka, khu vực ở Tây Bắc, nơi có nhiều chùa chiền và sử tích.

⁽⁶⁾ Hatchan, một cách gọi tắt, thân mật của Hatsuko.

⁽⁷⁾ Shinzenza, vùng có nhiều xưởng đúc tiền ngày nay.

⁽⁸⁾ Tsukiji, vùng phía nam, nay trong khu Chuo (gần vịnh Tokyo).

⁽⁹⁾ Calico, vải mỏng láng nhiều hình, nhập khẩu từ Ấn Độ.

⁽¹⁰⁾ Sumo, đô vật Nhật Bản.

[\(11\)](#) Osotogari, ngón đòn gạt chân từ ngoài vào.

[\(12\)](#) Kamakura, thành phố phía tây trong tỉnh Kanagawa, gần Tokyo.

[\(13\)](#) Sushi, cơm vắt, hoặc cuộn kiểu Nhật Bản, có thể cá sống hoặc thức ăn khác bên trên hay bên trong.

[\(14\)](#) Thành tro, theo tục hỏa táng.

[\(15\)](#) Joso, nguyên tên là Naito Joso (1662-1704), nhà thơ Haiku thời kỳ tiền Edo.

Mộng寐

(Yume)

Lời người dịch:

Tác phẩm này được đăng trên Tạp chí phụ nữ Fujin Koron vào tháng 11 năm 1926, tám tháng trước khi Akutagawa uống thuốc ngủ tự tử. Nguyên nhân của cái chết là những nỗi bất an triền miên ám ảnh ông, hay đó chỉ là kết quả tất yếu của căn bệnh thần kinh di truyền từ người mẹ điên? Trong tác phẩm này ông đã viết những chữ “chết cũng được” và “thuốc ngủ”. Có thể xem đây là dấu tích báo hiệu sự lựa chọn cái chết của chính ông trong năm sau.

Người họa sĩ bệnh hoạn trong câu chuyện này, từ lúc còn bé đã không phân biệt được đâu là mộng đâu là thực, có phải là hình bóng của chính ông không? Người họa sĩ đam mê hội họa nhưng thiếu tự tin về tài năng của mình có phải là tâm trạng của ông không? Nếu người họa sĩ là hiện thân của tác giả, thì cô người mẫu là biểu tượng của gì đây? Có phải ông muốn dùng cô người mẫu để ám chỉ cái xã hội hiện thực đầy cám dỗ, nhiều điều thô lỗ...? Một đề tài bất tận, ông muốn bóc trần nhưng cảm thấy mình bất lực. Nếu đó là sự tự thú nhận thì điều đó không nhất thiết phải ăn khớp với thực tế. Bằng cách là ông cũng có một cụm tác phẩm nổi tiếng xây dựng trên cuộc sống hiện thực như: Chiếc mùi soa, Mấy trái quýt, Tiệc khiêu vũ, Mùa thu, Chiếc xe goòng, Trinh tiết, Cục đất, Ảo ảnh cuộc đời v.v... Người họa sĩ ngồi xem tập tranh của Gauguin, lầm bầm “Phải như vậy mới được”. Có phải ông muốn diễn tả cái thèm thuồng trong tiềm thức về sự chọn lựa của Gauguin không?

Gauguin đã ly khai đời sống văn minh vật chất bằng cách đi tìm cái đẹp mộc mạc, man dại nơi những nàng con gái thổ dân trên đảo Tahiti. Còn Akutagawa đã ly khai cuộc đời bằng cái chết.

Tôi mệt đừ người. Không những vai và cổ cứ mỗi cứng ra, tôi còn bị chứng mất ngủ hành rất dữ. Vậy mà lúc nào chớp mắt được tôi lại hay mộng寐. Tôi nhớ có lần nghe ai đó nói, nằm mơ mà thấy màu sắc thì đó là triệu chứng trong người không khỏe. Nhưng có lẽ vì cái nghề họa sĩ của tôi, nên không lúc nào nằm mơ mà tôi không thấy có màu. Tôi cùng với người bạn vào một cái quán ở cuối phố, vách kính giống như quán cà phê. Bên ngoài vách kính dính đầy bụi bặm, một cây liễu mới ra lá non, mọc ngay bên cạnh cổng xe lửa. Chúng tôi ngồi ở bàn trong góc, ăn một món gì đó đựng trong chén. Ăn xong thì thấy dưới đáy chén còn lại cái đầu rắn dài khoảng ba phân, trong giấc mơ đó tôi cũng thấy màu sắc rất rõ ràng.

Nhà tôi trọ nằm ở ngoại ô Tokyo, mùa đông rất rét. Khi nào lòng thấy u sầu, tôi thường ra đứng trên con đê phía sau nhà, nhìn xuống dưới. Trên nền đá, sỏi lấm lét dầu mỡ và sét gỉ, mấy con đường sắt sáng lóe. Phía bên kia đê, một cây cổ thụ giương cành nghiêng nghiêng. Nói là cảnh buồn thiu thì thật không sai nhưng nó hợp với lòng tôi hơn cảnh phố xá nhộn nhịp ở Ginza hay ở Asakusa. “Dĩ độc trị độc” - một mình trên con đê, tôi ngồi xồm phì phà điều thuốc lá và đôi lúc tôi băng quơ nghĩ như thế.

Không phải tôi không có bạn. Bạn tôi là một họa sĩ trẻ, con nhà giàu, chuyên vẽ tranh theo kiểu Tây phương. Thấy tôi không khỏe, anh khuyên tôi nên đi du lịch. “Chuyện tiền nong, lo thì cũng xong thôi.” - anh tử tế đề nghị với tôi như thế. Nhưng dù có đi du lịch, cái bệnh u sầu này

cũng không thể lành được. Hơn ai hết, chỉ mình tôi mới biết rõ điều này. Thực ra ba bốn năm về trước tôi cũng đã rơi vào tình trạng như vậy và để khuây khỏa tôi đã đi du lịch xuống tận Nagasaki. Đến Nagasaki, tìm khách sạn nhưng không thấy chỗ nào vừa ý. Sau khi bỏ công kiếm được một nơi thì tối đến, mấy con thiêu thân lọt vào trong phòng quấy rầy tôi cả đêm. Chưa đầy một tuần thì tôi quyết định quay trở về Tokyo.

Một hôm vào khoảng xế trưa trời lạnh, đất hầy còn sương đóng băng, tôi đi lĩnh tiền về thì bỗng nổi hứng muốn vẽ. Chắc đó là vì có tiền trong tay, tôi có thể mượn người mẫu, nhưng quả thật cái hứng sáng tác cũng đột nhiên dâng lên trong lòng tôi. Tôi không về ngay mà tạt qua hãng M hỏi mượn người mẫu để vẽ một bức chân dung cỡ lớn, khung cỡ số 10. Trong cơn u sầu, quyết ý này làm tôi thấy sáng khoái hẳn ra, điều mà lâu nay tôi không có. “Vẽ xong bức tranh này thì chết cũng được” - Tôi thật tình nghĩ như vậy.

Người mẫu bên hãng M gửi sang không đẹp nhưng thân thể cô nàng - nhất là bộ ngực thì thật là đầy đặn. Tóc cô rậm, chải tóm hết về phía sau. Tôi rất hài lòng, để cô ta ngồi trên ghế mây rồi lo sửa soạn đồ vẽ ngay. Cô người mẫu đã lỏa thể. Thay vì để cô nàng cầm một bó hoa, tôi vò nhàu một tờ báo tiếng Anh cho cô ta cầm, bắt cô ta ngồi hai chân khép lại và đầu để nghiêng sang một bên. Nhưng khi tôi bắt đầu đối diện với cái giá vẽ, sự mệt mỏi chán nản vì cứ phải vẽ hoài, lại xâm chiếm tôi. Căn phòng này nằm bên phía bắc, nhưng trong phòng chỉ để một cái bồn than làm lò sưởi. Tôi đã đốt thật nhiều than cháy đỏ hực trong đó, nhưng vẫn không sưởi ấm nổi căn phòng. Cô người mẫu ngồi trên ghế mây, lúc lúc mấy bắp thịt trên đùi cứ run lên từng đợt vì lạnh. Tôi đưa cọ lên vẽ và cứ mỗi lần cô ta run là mỗi lần tôi thấy bức. Không phải tôi bức cô ta, nhưng tôi bức với chính tôi. Tôi đã không mua nổi một cái lò sưởi đốt bằng dầu, đồng thời tôi bức vì ngay cả một chuyện như thế này cũng bắt tôi phải khổ tâm lo nghĩ:

- Nhà cô ở đâu?
- Nhà tui hả? Tui ở dưới xóm Yanaka Sansaki.
- Cô ở một mình?
- Đâu có, tui ở với con bạn, hai đứa mượn chung.

Tôi vừa nói vừa đưa cọ phết màu dần lên khung vải, vẽ cô ta như vẽ một tĩnh vật. Cô nàng ngồi, đầu vẫn để nghiêng, mặt trơ trơ không biểu lộ một tình cảm nào. Không những lời cô ta mà cách cô ta nói cũng thẳng thắn một giọng. Đối với tôi, có lẽ từ lúc sinh ra tính cô ta đã như vậy. Nhưng tôi thấy ở đó như có cái gì thoải mái, nên ngay cả sau khi vẽ xong tôi thường bắt cô ta cứ ngồi nguyên như vậy. Tuy mắt cô ta nhìn yên một chỗ không hề lay động, thế mà tôi không khỏi không cảm thấy một sự khiêu khích kỳ lạ toát ra từ thân thể của cô nàng.

Việc sáng tác không tiến triển như ý tôi muốn. Mỗi ngày sau khi vẽ xong, tôi thường nằm lăn ra trên tấm thảm trải trên sàn, nắn bóp sau ót, trên đầu và lơ đãng nhìn quanh căn phòng trọ. Căn phòng này vắn vện chỉ có cái giá vẽ và một chiếc ghế mây. Chiếc ghế mây mặc dù không có ai ngồi, thế mà đôi khi nó bật ra tiếng nghiêng. Có lẽ đó là do sự thay đổi của độ ẩm trong phòng. Những lúc như thế tôi thấy rờn rợn, bỏ ra ngoài đi dạo. Nói là đi dạo nhưng thật ra tôi chỉ quanh quẩn trong cái xóm nhà quê có nhiều chùa chiền nằm dọc theo con đê đằng sau nhà trọ.

Tuy vậy tôi không hề nghỉ làm việc, ngày nào tôi cũng ngồi trước giá vẽ. Ngày nào cô người mẫu cũng đến đây. Càng về sau tôi càng cảm thấy thân thể cô nàng khôu gọi tôi hơn. Chắc hẳn trong tôi có xen chút tình cảm thêm thường trước vóc dáng khỏe mạnh của cô ta. Cô nàng vẫn giữ thái độ lạnh lùng, ngả mình nằm dài trên tấm thảm màu đỏ nhạt, mắt nhìn yên về một góc phòng. “Đứa con gái này không phải là giống người, nó không khác gì một con vật” - Tôi vừa vẽ, vừa nghĩ như thế.

Một hôm vào buổi chiều gió ấm, tôi hì hụi cầm cọ vẽ. Hôm nay cô người mẫu trông đầy đà hơn cả mọi khi. Tôi chợt nhận ra tôi bị sức khôu gọi man rợ của thể xác người con gái lôi cuốn. Và tôi ngửi thấy một mùi hăng nồng toát ra từ dưới nách cô nàng hay từ đâu đó, giống như cái mùi hôi hăng hắc của người da đen.

- Cô quê quán ở đâu?
- Quê tui ở... tỉnh Gunma.
- Làng... hả? Làng này nghề dệt thịnh lắm mà.
- Dạ phải.
- Cô không làm thợ dệt sao?
- Hồi nhỏ có làm chớ.

Trong khi trò chuyện như thế, không biết từ hồi nào tôi đã chú ý đến cái núm vú mỗi lúc một căng to của cô ta. Cái núm vú to lên như một nụ cải sắp nở. Dĩ nhiên cũng như mọi khi, tôi cố dồn hết chú ý vào việc vẽ mà thôi. Nhưng cái núm vú - cái núm vú đẹp đến dễ sợ của cô nàng cứ ám ảnh tôi một cách kỳ dị.

Cả đêm hôm ấy, trời không tạnh gió. Tôi bỗng thức giấc muốn đi tiểu. Nhưng khi tỉnh táo ra thì rõ ràng cửa phòng đã mở, thế mà tôi chỉ đi lòng vòng trong phòng. Tôi chợt dừng lại, ngo ngác đứng yên giữa phòng. Tôi nhìn xuống tấm thảm màu đỏ nhạt ngay dưới chân rồi đưa mấy ngón chân trần mơn trớn mặt thảm. Nó cho tôi cái cảm giác gần như tấm da một con thú có lông. “Mặt trái tấm thảm này màu gì nhỉ?” – tôi tự hỏi và áy náy về câu hỏi đó, nhưng không biết vì sao tôi lại sợ không dám lật tấm thảm lên xem là màu gì. Sau khi làm xong việc bài tiết, tôi chui vào chăn ngủ trở lại.

Ngày hôm sau tôi tiếp tục vẽ, nhưng càng thấy nản. Bây giờ ở lâu trong phòng phút nào, tôi thấy bồn chồn thêm phút ấy. Vì vậy tôi bỏ ra ngoài con dê đằng sau nhà. Cả vùng, trời sắp tối. Những hàng cây, những trụ điện không còn hứng chút ánh nắng nào, thế mà chúng hiện lên rõ trước mắt tôi. Tôi đi dọc theo con dê, muốn hét thật to lên. Dĩ nhiên tôi nén lại được. Tôi cảm thấy như chỉ có cái đầu của tôi đi tới phía trước và tôi rảo bước xuống khu xóm tồi tàn nằm dọc theo con dê.

Xóm quê này, lúc nào cũng ít thấy người qua lại. Một con trâu bị cột nơi góc trụ điện bên lề đường. Con trâu vẫn giữ tư thế chìa cổ tới trước, chăm chăm nhìn tôi, mắt nó uơn ươn mơ màng giống hệt mắt một đứa con gái. Nó như đang trông chờ tôi đến với nó. Và ánh mắt con trâu, tôi cảm thấy như có cả sự khiêu khích âm thầm. “Khi nó đối mặt với tên đồ tể, chắc nó cũng có cái nhìn như thế này”. Cảm giác ấy làm tôi thấy khó chịu, rất cuộc tôi quành sang ngõ khác, không đi qua chỗ con trâu đứng.

Rồi đến một buổi chiều ba hôm sau, tôi ngồi trước giá vẽ, hì hụi vẽ. Cô người mẫu nằm yên trên tấm thảm đỏ nhạt, ngay cả lông mày cũng không hề động đậy. Tôi vẽ cô người mẫu trước mắt hết nửa tháng mà vẫn chưa xong. Và trong khi trò chuyện, cả hai đều không thấy thông cảm gì nhau. Hơn thế nữa, tôi cảm thấy càng ngày thân xác cô ta càng khiêu khích tôi mạnh hơn. Ngay cả vào giờ nghỉ, dù chỉ một chiếc áo sơ mi, cô ta cũng không chịu khoác. Nói chuyện thì cô ta chỉ trả lời qua loa các câu hỏi của tôi. Nhưng hôm nay, trong khi vẫn nằm duỗi chân trên tấm thảm màu đỏ nhạt, xoay lưng về phía tôi (tôi chợt khám phá ra cô ta có một nốt ruồi đen trên vai bên mặt), không biết vì có gì mà cô ta mở miệng bắt chuyện với tôi.

- Nè thầy, con đường vô nhà trọ này có dựng mấy cột đá, phải không thầy?

- Ừ...

- Đó là mấy cái cột làm dấu mả chôn nhau của đàn bà đẻ.

- Mả chôn nhau?

- Thiệt đó ạ, mấy cái cột đá là dấu hiệu đó ghen.

- Sao cô biết?

- Tại tui thấy rõ ràng mấy chữ viết trên cột đá đó a.

Cô nàng vẫn nằm yên, ngoái cổ nhìn tôi qua bờ vai, miệng mỉm cười.

- Khi đẻ, ai chun ra mà không đội một bọc nhau?

- Cô cứ ăn nói nhảm nhí.

- Thầy nói vậy chớ cứ nghĩ ai cũng chun ra theo cái nhau...

- ?...

- Thì người ta cũng giống như mấy con chó con thôi a.

Tôi vẫn ngồi trước cô người mẫu, đưa cọ vẽ một cách miễn cưỡng? – nhưng điều đó không có nghĩa là tôi chán không muốn vẽ. Tôi muốn lột trần cái thô lỗ từ trong cơ thể của cô nàng ra, nhưng để bóc trần được cái thô lỗ ấy tôi lại không đủ tài năng. Hơn thế, chính tôi cũng muốn tránh. Có lẽ vì tôi không muốn dung cọ vẽ và sơn dầu để biểu hiện những cái thô lỗ ấy. Còn nếu nói lấy phương tiện gì thì có thể diễn tả được nó... vừa giờ cọ lên vẽ, đôi lúc tôi liên tưởng đến cây gậy đá hay cây gươm đá trưng bày trong một viện bảo tàng nào đó.

Sau khi cô nàng ra về, tôi ngồi dưới ánh sang mù mờ của bóng đèn điện, giờ tập tranh lớn của Gauguin vẽ thời Tahiti ra xem từng tấm một. Một lúc sau, tôi mới sực ý thức được là chính mình đang lằm bằm trong miệng “phải như vậy mới được”. Tại sao tôi lại lặp đi lặp lại một câu như vậy. Chính tôi cũng không hiểu lý do. Nhưng tôi bỗng thấy rờn rợn, bèn bảo bà giúp việc về đi, rồi tôi uống mấy viên thuốc ngủ, xong tôi đi ngủ.

Khi thức dậy thì đã gần mười giờ. Đêm hôm qua trời ấm, tôi đã nằm lăn ra ngủ ngay trên tấm thảm. Nhưng, hơn cả chuyện ấy, giấc mơ tôi thấy trước lúc thức giấc mới là điều làm tôi lo. Tôi thấy tôi đứng ngay giữa gian phòng này một tay bóp cổ muốn giết cô người mẫu (mà tôi biết chắc rõ rằng đây là chuyện nằm mơ). Mặt cô nàng hơi ngược lên, vẫn không lộ một chút tình cảm nào, mắt dần dần khép lại. Đồng thời cặp vú cô ta vẫn căng phồng tròn trịa thật đẹp.

Cặp vú trắng nõn nổi lằn gân máu nhợt nhạt. Tôi đã không ngần ngại bóp cổ giết cô ta. Hơn thế, tôi thấy có khoái cảm sau khi làm xong cái việc đương nhiên ấy là đằng khác. Cô ta nhắm mắt như đã chết đi trong yên lặng – tôi thức dậy sau một giấc mơ như thế, nốc cạn hai, ba cốc nước trà thật đậm, nhưng càng thấy u sầu hơn. Tự đáy lòng, tôi không hề muốn giết nàng, nhưng bên ngoài cái ý thức của tôi thì sao? – tôi rút một hơi thuốc lá dài, sống trong những giây phút náo náo lạ lùng, trông ngóng cô nàng. Nhưng đã một giờ trưa rồi mà vẫn chưa thấy cô ta đến. Tôi muốn bỏ đi dạo, không đợi nữa, nhưng ngay cả việc đi dạo này cũng làm tôi thấy lo sợ. Nội cái việc bước ra khỏi ngưỡng cửa căn phòng này - một chuyện chẳng có gì cả như thế, mà tôi cũng thấy không chịu nổi.

Ngày sắp tắt, bóng tối dần dần áp xuống. Tôi sống trong chờ đợi, đi đi lại lại trong phòng. Cô người mẫu chắc không bao giờ trở lại. Một lúc sau tôi nhớ lại ký ức của mười hai, mười ba năm về trước – hồi tôi còn bé. Cũng một buổi chiều như chiều hôm nay, tôi ngồi ngoài hiên, đốt mấy cây nhang pháo bông. Dĩ nhiên lúc ấy không phải tôi đang ở Tokyo mà tôi đang sống với cha mẹ ở nhà quê. Bỗng tôi nghe có tiếng la to “Ê, sao vậy mày!” hơn thế nữa tôi cảm thấy vai tôi có ai lay. Trong đầu tôi chỉ nghĩ là tôi đang ngồi ngoài hiên nhưng khi mơ hồ lấy lại được ý thức thì mới biết tôi đang ngồi ở ngoài cánh đồng trồng hành ở sau nhà. Đốt hết cây hành này đến cây hành khác, sạch bách cả hộp diêm tự lúc nào mà tôi không hay - tôi rút một hơi thuốc dài và suy nghĩ, chắc tôi phải để ý đến những giờ khắc tôi sống hoàn toàn bên ngoài ý thức của tôi. Đó không phải chỉ là nỗi lo âu nhưng chính là nỗi lo sợ trong lòng tôi. Đêm hôm qua, tôi nằm mơ thấy tôi bóp cổ giết chết cô nàng, nhưng nếu đó không phải ở trong mộng thì sao...

Cô người mẫu ngày hôm sau vẫn không thấy tới. Tôi buộc lòng phải đến hãng M để hỏi âm tín của cô nàng. Nhưng ông chủ hãng M cũng không có tin tức gì cả. Tôi càng thấy lo, nên xin họ chỉ chỗ cô ta ở. Chính cô ta nói cô ta ở dưới xóm Yanaka Sansaki. Nhưng theo lời ông chủ hãng M thì cô ta ở trên xóm Hongo Higashikata. Khi tôi đến đấy thì đèn đường đã sáng. Nhà cô ta thuê là một căn tiệm giặt ủi trong ngõ hẻm, vách sơn màu đỏ nhạt. Mặt tiền lộng kiếng, bên trong có hai người thợ chỉ mặc áo thun đang đứng chăm chú ủi đồ. Tôi định thung thả đẩy cửa bước vào, thế nhưng không biết làm sao, tôi lại cụng đầu vào cửa kiếng. Tiếng động làm cho cả hai người thợ lẫn chính tôi giật mình.

Tôi lúng túng bước vào, hỏi một trong hai người thợ:

- Có cô... ở nhà không?

- Cô... đi từ hôm kia chưa thấy về.

Mấy tiếng trả lời làm tôi lo. Nhưng tôi nghĩ không nên hỏi thêm, phải cẩn thận, vì nếu có gì thì họ sẽ nghi tôi.

- Cái cô ấy khi nào bỏ nhà đi thì đi mất biệt có khi cả tuần không thấy về.

Người thợ nước da mặt mét mét, tay vẫn không ngừng ủi thêm thắt vào. Trong lời anh ta nói, rõ ràng có giọng khinh miệt, tôi thấy giận vội bỏ ra ngay. Nhưng điều đó còn đỡ, bởi vì trong khi tôi đang đi trong xóm Higashikata đông đúc nhà cửa, tôi lại sực nhớ ra có lần tôi đã nằm mơ thấy xóm này trong mộng. Cũng tiệm giặt ủi vách sơn đỏ, kiến trúc kiểu Tây phương. Cũng mấy người thợ nước da mặt mét mét. Cũng cái bàn ủi cháy hực than. Việc đến đây tìm cô

nàng thì mấy tháng trước (hay mấy năm trước đây), tôi cũng thấy y hệt như vậy trong mộng. Và dĩ nhiên cũng ở trong mộng, sau khi bỏ căn tiệm ra, tôi cũng một mình đi trên con đường vắng vẻ của khu xóm này. Thế rồi – thế rồi... sao các ký ức mộng mị ấy biến đi đâu mất cả, chẳng còn lại chút nào trong trí não tôi. Và bây giờ dù có chuyện gì xảy ra cho tôi đi chăng nữa, thì tôi cũng nghĩ rằng đó chỉ là chuyện trong mộng...

(1926)

Đinh Văn Phước dịch

Ảo ảnh cuộc đời

(Shinkiro)

Lời người dịch:

Truyện ngắn này ra mắt độc giả năm 1927. Từ đầu năm, Akutagawa Ryunosuke đã suy yếu cùng cực, phải tĩnh dưỡng. Ngày 15 tháng tư, ông đến nhà bạn thân là Oana Ryuichi, tỏ ý muốn tự sát. Một tuần sau đó ông về liệu dưỡng tại nhà em vợ ở vùng bờ biển Kugenuma vì bệnh dạ dày, mất ngủ, suy nhược thần kinh, u uất... Sinh hoạt giản dị, xa cha mẹ nuôi và bà bác phiến toái, được vợ là Fumi chăm sóc ân cần, ông có được những ngày xuân trong mùa đông nghiêm trọng của cuộc đời trước khi chết.

Ảo ảnh cuộc đời thuộc loại “truyện không có chuyện” (Hanashi no nai shosetsu), có tính tự thuật, ghi lại những quan sát và tâm trạng của ông trong khoảng thời gian dưỡng bệnh. Cậu O trong truyện là bạn thân

Oana Ryuichi, cháu Y là Yasushi, con trai thứ ba của ông. Bệnh hoạn, bi quan, ông mãi cảm hơn và thấy nhiều ảo giác, những ảo giác riêng của ông lồng vào trong ảo ảnh shinkiro cùng đi xem với bạn trong một ngày trời đẹp nhưng ngắn, mà đêm thì tối tăm và bất an như cuộc đời ở những ngày tháng cuối cùng của ông.

Shinkiro là hiện tượng khúc xạ đặc biệt khi nhiều tầng không khí gần mặt biển có nhiệt độ khác nhau thái quá, khiến cho phong cảnh ở nơi xa hiện lên trên dải không khí sát mặt biển hay mặt cát trông như kéo dài ra hoặc ngược đầu lại. Vịnh Toyama, từ xuân đến đầu hạ, những ngày nắng ấm, gió nhẹ, trời tốt thì buổi chiều thường có hiện tượng này. Ngày xưa người Nhật cho đó là do con nghêu lớn nhả hơi ra mà tạo thành nên gọi là “Shinkiro – Thận khí lâu” (Thận: sò nghêu, khí: hơi, lâu: nhà lâu) hoặc là Hải thị (chợ trên biển). “Thận khí”, tự điển Hán Việt của Thiều Chửu ghi là “Ánh giả, ảo tượng. Ánh sáng từ bề rọi lên trên không thành ra muôn hình ngàn trạng, ngày xưa cho là vì con sò thần hóa ra và coi là Thần lâu hải thị”.

1

Một buổi trưa mùa thu, tôi rời nhà đi xem ảo ảnh shinkiro với cậu K, người bạn từ thời sinh viên từ Tokyo đến chơi. Có thể thấy được ảo ảnh shinkiro ở bờ biển Kugenuma là điều có lẽ ai cũng biết. Ngay cả người giúp việc trong nhà tôi cũng đã nhìn thấy hình dáng chiếc thuyền hiện ngược lên mà trầm trồ “Giống y chang bức hình đăng báo dạo trước”.

Chúng tôi rẽ bên hông quán trọ Azumaya, định rủ bạn là cậu O đi luôn thể. Vẫn mặc chiếc áo sơ mi màu đỏ thường lệ, cậu O có vẻ đang chuẩn bị cơm trưa gì đấy, qua hàng rào thấy cậu ta chăm chỉ quay máy bơm nước bên bờ giếng. Tôi giơ cây gậy bằng gỗ tần bì lên ra hiệu cho cậu O.

- Mời lên nhà chơi. À, cả cậu cũng đến đấy à?

Có vẻ cậu O tưởng tôi cùng cậu K đến chơi nhà cậu ấy.

- Chúng tớ đi xem ảo ảnh shinkiro đấy chứ. Cậu có muốn đi cùng không?

- Ảo ảnh Shinkiro à? - Cậu O bật cười lớn. – Dạo này quả là đang có phong trào shinkiro đấy

nhỉ?

Khoảng năm phút sau, chúng tôi đã cùng cậu O đi trên đường ngập cát. Bên trái con đường là bãi cát rộng. Bánh xe trâu để lại hai rãnh màu đen chạy xéo trên bãi. Tôi nhìn dấu bánh xe lún sâu ấy, cảm thấy có gì như là sức ép lên ngực mình. Dấu vết hùng hồn công trình của thiên tài... cảm giác choáng ngợp như thế.

- Thế này thì tớ vẫn chưa thực sự khỏe lại đâu. Chỉ nhìn thấy dấu xe thể thôi mà đã thấy choáng ngợp rồi.

Cậu O vẫn nhíu mày, không đáp lời, nhưng có lẽ cậu hiểu rõ tâm tình tôi.

Rồi chúng tôi đi xuyên qua đám cây tùng thấp, thưa thớt, đến bờ sông Hikijigawa. Biển trời dài màu xanh đậm sáng sủa phía trước bãi cát rộng. Nhưng phía Enoshima thì nhà cửa cây cối bị mây che mờ có vẻ u uất.

- Thời đại mới đấy nhỉ.

Câu hỏi của cậu K vang lên đột ngột. Không những thế, còn kèm theo nụ cười mỉm. Thời đại mới à? Nhưng trong thoáng chốc, tôi đã phát hiện ra “thời đại mới” của cậu K ngay. Đó là một đôi trai gái đang ngồi ngắm biển sau dây rào tre ngăn cát. Tuy chàng trai, áo khoác tay cụt mỏng, mũ xếp, chưa đáng gọi là “thời đại mới”, nhưng cô gái, tóc cắt ngắn là “thời đại mới” đã đành, mà ngay cả chiếc dù che nắng và đôi giày đế thấp cũng đúng là “thời đại mới” thật.

- Trông hạnh phúc quá hả?

- Thứ cậu thì phải ghen tức với lứa đôi ấy thôi.

Cậu O chầm chọc cậu K.

Chỗ nhìn thấy ảo ảnh shinkiro cách lứa đôi ấy một thôi đường. Chúng tôi trườn bụng lên cát, trông ngóng về phía màn hình hơi nóng tỏa trên mặt bãi cát bên kia dòng sông. Một dải băng màu xanh lung linh trên mặt cát nóng. Chắc hẳn là màu biển phản chiếu lên màn hình hơi nóng ấy. Nhưng ngoài ra, chẳng thấy ảnh của những ghe thuyền đang đậu trên bãi hay gì khác cả.

- Chỉ có thế này mà gọi là ảo ảnh shinkiro à?

Cậu K hất hàm dính đầy cát, nói về thất vọng. Lúc ấy, đâu không biết, một cánh quạ bay trên bãi cát phía xa hai, ba thôi đường, lướt qua phía trên của dải băng màu xanh, rồi đáp xuống bên kia bãi. Cùng lúc, ảnh của con quạ thoáng hiện lên ngực chiều, trên dải băng màu xanh ấy.

- Hôm nay, xem được thế là may mắn lắm rồi đấy.

Cùng với cậu O chúng tôi nhóm dậy trên cát. Không biết từ lúc nào, ngay trước mặt, đôi trai gái “thời đại mới” mà chúng tôi bỏ lại đằng kia, đang bước về phía chúng tôi. Ngạc nhiên, tôi quay đầu lại, nhìn về hướng sau lưng. Nhưng đôi trai gái ấy vẫn còn ngồi nói chuyện gì đấy với nhau gần hàng rào tre, khoảng một thôi đường phía sau.

Chúng tôi, nhất là cậu O chột cười phá lên:

- Cái này mới đúng là ảo ảnh shinkiro chứ nhỉ?

Đôi trai gái trước mặt chúng tôi tất nhiên đâu phải là đôi trai gái ngồi đằng kia. Nhưng hình dáng họ, tóc ngắn của cô gái và chiếc mũ xếp của chàng trai hầu như không khác gì cặp kia cả.

- Tôi cảm thấy có gì rờn rợn.

- Thì tôi cũng tưởng cặp kia đã đến đây lúc mình chẳng biết.

Chúng tôi vừa trò chuyện như thế, vừa băng ngang đồi cát thấp, lần này không đi dọc theo bờ sông Hikijigawa như trước nữa. Chân đồi cát có thân cây tùng đặt nằm gần hàng rào tre ngăn cát. Khi đến đấy, cậu O cúi người xuống, nhặt lên vệt gì đấy trên cát. Một phiến gỗ có hàng chữ Tây Âu bên trong khung đen sơn bằng dầu nhựa thông.

- Cái gì đây? Sr. H. Tsuji... Unua... Aprilo... Jaro... 1906^[1].

- Lại có... Dua... Majesta... nữa. Còn ghi là 1926 đấy.

- Cái này là... đấy, mảnh gỗ dính vào xác chết thủy táng đấy chứ gì.

Cậu O suy đoán.

- Nhưng mà xác chết thủy táng thì phải bọc vào vải buồm gì đấy chứ?

- Thì phiến gỗ này gắn vào đấy. Đây này, có vết đinh đóng đây. Phiến gỗ này hẳn là lúc đầu có hình thập tự giá đó thôi.

Lúc ấy, chúng tôi đã đi vào khoảng giữa rừng tùng và hàng rào trúc của những nhà nghỉ mát. Phiến gỗ ấy có lẽ đúng như suy đoán của cậu O thật. Tôi lại có cảm giác rờn rợn đáng lý không thể có trong một ngày tràn đầy ánh sáng mặt trời như thế này.

- Cậu lại lượn lên thứ gì như là điềm xấu ấy.

- Có sao đâu. Tớ sẽ giữ nó lấy khước. Nhưng mà, từ 1906 đến 1926 thì người ấy đã chết khoảng hai mươi tuổi. Chỉ khoảng hai mươi năm...

- Người ấy là đàn ông, hay đàn bà nhỉ?

- Chẳng biết. Nhưng người ta có thể là con lai đấy.

Tôi đáp lời cậu K, vừa tưởng tượng đến người trẻ tuổi, con lai, đã chết dần mòn trên thuyền. Trong trí tưởng tượng của tôi, anh ta hẳn có mẹ là người Nhật Bản.

- Shinkiro à?

Cậu O đột ngột nói một mình, mắt vẫn nhìn thẳng phía trước. Có thể chỉ là lời buột miệng vu vơ. Nhưng đã chạm nhẹ làm xao động lòng tôi.

- Uống chút trà rồi hăng đi nhé?

Tự lúc nào, chúng tôi đã đến góc đường lớn có nhiều nhà cửa. Nhiều nhà cửa... nhưng con đường lớn phủ lớp cát khô ấy hầu như chẳng có bóng người nào.

- Cậu K thì sao?

- Tớ thì sao cũng được.

Lúc ấy, có một con chó màu lông trắng tuyền, từ đằng kia kéo đuôi lệch thếch, lững thững

Sau khi cậu K lên đường về Tokyo, tôi lại cùng vợ và cậu O đi qua cầu Hikijigawa. Lần này vào khoảng bảy giờ, vừa mới xong bữa cơm tối.

Buổi tối ấy không nhìn thấy sao trời. Chúng tôi ít trao đổi với nhau, chỉ tản bộ trên bãi cát vắng người. Trên bãi cát chỉ thấy một đốm lửa lung linh phía cửa sông Hikijigawa. Có vẻ là dấu hiệu của một thuyền đánh cá đã ra khơi.

Tiếng sóng vọng lại không ngừng. Càng bước lại gần rìa sóng, càng ngửi thấy mùi nồng mặn của biển. Có vẻ không phải là mùi biển cả, mà là mùi của đám hải thảo, rong biển do sóng đưa vào, dưới chân chúng tôi. Không hiểu sao tôi không chỉ ngửi thấy mùi ấy bằng mũi, mà còn cảm nhận được trên da mình.

Chúng tôi đứng ở rìa sóng một hồi, ngắm những ngọn sóng lóe lên màu bạc mờ. Trên biển, đâu cũng chỉ tuyền một màu đen thẫm. Tôi vợ vẫn nhớ lại những ngày trọ ở một bờ biển vùng Kazusa đâu mười năm về trước. Và cùng lúc, nhớ lại người bạn cũng đã ở đấy với tôi. Anh ấy ngoài việc học hành riêng, đã đọc giùm bản hiệu chỉnh của truyện ngắn *Cháo khoai* của tôi...

Lúc nào đấy, cậu O từ trước vẫn ngồi chồm hồm nơi rìa sóng, đã bật lên một que diêm.

- Cậu làm gì đấy?

- Có gì đâu. Chỉ bật que diêm lên thế này mà có thể nhìn thấy được đủ thứ chung quanh, phải không?

Cậu O quay đầu ngẩng nhìn chúng tôi, nửa như nói vọng về phía vợ tôi. Quả thật, ánh lửa từ que diêm đã chiếu lên đủ loại vỏ sò ốc lẫn trong đám rong biển và hải thảo tán loạn trên bãi cát. Đốm lửa ấy vừa tắt thì cậu O lại bật lên que diêm khác, thông thả bước đi ven rìa sóng.

- Ồi, ghê quá, trông cứ như là chân người chết đuối ấy.

Một nửa chôn trong cát, nửa kia thò ra ngoài là một cái chân vịt cho người lặn xuống nước, chỉ có một bên. Ở đấy cũng có những phiến bọt biển lớn nằm lẫn trong đám rong biển. Nhưng khi đốm lửa diêm ấy tắt đi chung quanh lại còn tối đen hơn trước nữa.

- Rốt cuộc không thu hoạch được bằng lúc trưa nhỉ.

- Thu hoạch gì? À phiến gỗ ấy à. Thứ ấy thì không phải ở đâu cũng lượm được.

Chúng tôi định rời khỏi bãi cát rộng, bỏ lại sau lưng tiếng sóng không ngừng nghỉ ấy. Bước chân trên cát thỉnh thoảng lại giẫm lên đám rong biển.

- Khoảng này hẳn cũng có đủ thứ đấy nhỉ.

- Đánh một que diêm nữa lên xem sao nhé?

- Thôi. Mà này, nghe như có tiếng chuông nhỏ ấy.

Tôi nói, lắng tai nghe cho kỹ hơn. Bởi nghĩ là dạo này mình hay có những ảo giác như thế. Nhưng quả có tiếng chuông nhỏ đâu đó thật. Tôi lại định hỏi cậu

O xem có nghe thấy không, thì nghe tiếng vợ tôi đang đi hai, ba bước phía sau cười nói:

- Tiếng chuông nhỏ gắn vào guốc gỗ của em đấy.

Nhưng không quay lại tôi cũng biết vợ tôi mang giày bện rơm mà.

- Tối nay, em làm trẻ con, mang guốc gỗ...

- Nghe như tiếng chuông từ tay áo của chị kia mà. À, đồ chơi của cháu Y đấy chứ gì. Đồ chơi bằng nhựa có gắn cái chuông nhỏ đấy mà.

Cậu O nói rồi cười lớn. Vợ tôi bắt kịp chúng tôi, sắp hàng ba bước đi. Chúng tôi, từ câu đùa của vợ tôi đã bắt đầu trò chuyện với nhau rôm rả hơn trước.

Tôi kể cho cậu O nghe chuyện giấc mộng đêm qua. Trong giấc mộng, tôi nói chuyện với người lái xe tải trước một tòa nhà kiểu mới. Tôi chắc là đã có gặp người lái xe ấy ở đâu đó trước rồi, nhưng lại gặp ở đâu thì đến khi mở mắt dậy cũng chưa nhớ ra được.

- Vậy thì thành linh nhớ lại, hóa ra là cô ký giả báo phụ nữ đến phỏng vấn mình ba, bốn năm về trước đấy mà.

- Thế thì người lái xe tải ấy là đàn bà à?

- Không, tất nhiên là đàn ông chứ. Chỉ có khuôn mặt là của cô ký giả ấy thôi. Quả thật những gì mình thấy một lần thì còn sót lại đâu đấy trong trí mình.

- Có lẽ thế. Khuôn mặt nào gây ấn tượng mạnh...

- Nhưng mà, tớ có quan tâm gì đến khuôn mặt người ấy đâu. Chính vì thế mới cảm thấy rờn rợn. Có vẻ như là bên ngoài ý thức của mình, cũng có đủ thứ sự vật...

- Nghĩa là, thử bật diêm lên xem, thì thấy có đủ thứ chung quanh mình, chứ gì.

Trò truyện như thế, ngẫu nhiên tôi phát hiện ra khuôn mặt của chúng tôi thì thấy được rõ ràng. Nhưng chung quanh vẫn không có gì thay đổi, ngay cả chút ánh sáng sao cũng không thấy. Tôi lại cảm thấy rờn rợn sao đâu, nhiều lần ngẩng đầu lên nhìn trời. Có vẻ vợ tôi để ý, nên tôi chưa nói gì, đã trấn an tôi:

- Tại cát đấy. Phải thế không anh?

Vợ tôi khoanh tay, luồn bàn tay vào nối hai ống tay áo với nhau, quay đầu lại nhìn tôi trên bãi cát rộng.

- Có vẻ thế.

- Cát là thứ hay chơi ác. Ảo ảnh shinkiro thì cũng cát này tạo ra chứ đâu. Chị chưa thấy ảo ảnh shinkiro à?

- Thấy rồi chứ. Chỉ một lần dạo trước. Nhưng chỉ thấy chút gì đấy màu xanh xanh thôi.

- Chỉ thế thôi đấy. Hôm nay chúng tôi cũng chỉ thấy thế thôi.

Chúng tôi đi qua cầu Hikijigawa, tản bộ bên cạnh tường hào Azumaya. Theo cơn gió đã nổi lên từ lúc nào, khắp các ngọn tùng, lá reo vi vu.

Dáng một người đàn ông thấp bé rảo bước về phía chúng tôi. Tôi chợt nhớ lại ảo giác của

mùa hè vừa qua. Cũng một buổi tối như tối nay, mảnh giấy vương trên cành cây dương đã trông như hình dạng cái mũ an toàn. Nhưng lúc này, người đàn ông này không phải là ảo giác. Càng đến gần càng thấy rõ cả ngực áo sơ mi nữa.

- Cái gì thế nhỉ, trông như cái ghim trên cà vạt kia?

Tôi thăm thì thế xong, đã phát hiện ra ngay cái mà tôi ngỡ là ghim cà vạt ấy thật ra là đốm lửa ở đầu điều thuốc vắn. Vợ tôi ngậm ống tay áo, lén cười khúc khích. Nhưng người đàn ông ấy không buồn liếc mắt nhìn chúng tôi, cứ xăm xăm qua mặt.

- Thôi, ngủ ngon nhé.

- Vâng, anh ngủ ngon.

Chúng tôi vui vẻ chia tay với cậu O, rồi bước đi trong tiếng vi vu của lá tùng trong gió. Nghe như còn có tiếng côn trùng lẫn trong tiếng vi vu ấy nữa.

- Lễ mừng thọ của ông cụ là hôm nào thế anh?

“Ông cụ” đây là bố của tôi.

- Ngày nào vậy nhỉ?... Hộp bơ làm quà từ Tokyo đã đến chưa em?

- Hộp bơ thì chưa. Nhưng xúc xích thì đến rồi đấy anh.

Rồi chúng tôi đến trước cửa nhà. Cửa chỉ đóng có một nửa.

(1927)

Phạm Vũ Thịnh dịch

Chú thích:

[\(1\)](#) Những chữ Esperanto quốc tế ngữ, câu đầu có nghĩa là “Sr. H. Tsuji mừng 1 tháng tư năm 1906”, trong đó H. Tsuji là tên người chết. Câu sau có “Mừng 2”, “Majesta” và “1926”, nhưng không hiểu “Majests” (majestic: uy nghi) có phải đọc sai từ “Majo” là “Tháng 5” hay không?

PHẦN BIÊN KHẢO

Akutagawa dựa vào đâu để viết Sợi tơ nhện

(Lạc bước vào rừng văn hóa)[\[1\]](#)

Akutagawa (1892-1927) xuất hiện trên văn đàn Nhật Bản như một hiện tượng hiếm có. Ông bắt đầu nổi tiếng trong làng văn với tài khai thác, triển khai những đề tài có sẵn trong các tác phẩm cổ điển Nhật Bản[\[2\]](#) và của cả những nước khác. Điều này làm cho một số người ngộ nhận là ông chỉ làm việc vay mượn. Ông vay mượn nhưng ông cũng sáng tạo. Sự vay mượn không chỉ dừng lại ở các câu chuyện cổ mà ông còn dùng ngay cả những sáng tác đương thời. Ông không chỉ vay mượn một truyện để viết một truyện, mà trong lắm trường hợp đã tham khảo nhiều truyện để viết một truyện[\[3\]](#). Ông đã tài tình thay đổi cấu trúc của các câu chuyện cũ, gạn lọc nội dung cho đến chỗ tinh khiết nhất và với bút pháp thật độc đáo ông đã gây cho độc giả những ấn tượng mới, tạo dựng những giá trị vượt thời gian, không gian. Tính cả những năm 1912, năm ông viết tác phẩm đầu tay *Nước dòng sông Cái* (Okawa no mizu) khi mới còn là sinh viên, thì cuộc đời sáng tác của ông cũng chỉ vãn vãn khoảng mười lăm năm. Tuy vậy, ông đã để lại cho hậu thế một gia tài khá đồ sộ, khoảng ba trăm tác phẩm, trong đó hơn phân nửa là truyện ngắn vô cùng phong phú về đề tài, về nội dung và rất đa dạng về cách viết[\[4\]](#). Đó là cơ sở để người ta tôn ông làm bậc thầy của truyện ngắn.

Akutagawa viết *Sợi tơ nhện* cho số khai trương của tạp chí *Con chim đỏ* (Akai Tori), tháng bảy năm 1918, thể theo lời yêu cầu của nhà văn bậc đàn anh Suzuki Miekichi. Suzuki Miekichi, người chủ trương tạp chí, kêu gọi các cây bút đương thời cung cấp sáng tác làm món ăn tinh thần cho thanh thiếu niên, vì lúc bấy giờ ở Nhật Bản, các truyện dành cho tuổi trẻ phần lớn là truyện thần tiên, truyện cổ tích.

Phong trào duy tân của Nhật Bản bắt đầu từ năm 1867, năm Vua Minh Trị lên ngôi, thực hiện phương châm “Phú quốc cường binh”, nhằm bảo vệ lãnh thổ khỏi bị các nước Tây phương xâm lăng. Phong trào duy tân, xuyên qua cao trào Thoát Á nhập Âu, không chỉ dừng lại ở việc du nhập kỹ thuật để công nghiệp hóa, mà còn đòi hỏi người Nhật Bản phải thay đổi tận gốc rễ - thay đổi toàn diện, từ cách suy nghĩ đến cách sống. Người Nhật đã tích cực mô phỏng và đã thành công trong sự nghiệp mô phỏng mọi khía cạnh của văn minh Tây phương, từ tổ chức chính trị, quân đội, giáo dục, nghệ thuật... cho đến cách ăn, cách mặc, cách chơi v.v... triết học và văn học Tây phương cũng được tích cực dịch ra tiếng Nhật. Chỉ trong vòng hai mươi lăm năm, nước Nhật đã trở nên hùng mạnh cả về kinh tế lẫn quân sự, sánh vai được với các liệt cường. Qua chiến tranh Nhật – Trung (1894-1895) Nhật Bản xâu xé Trung Quốc, thôn tính Đài Loan, mười năm sau đánh đắm hạm đội Baltic của Nga trong chiến tranh Nhật – Nga (1904-1905) ở eo biển Tsushima giữa Kyushu và bán đảo Triều Tiên, tiếp theo đó nuốt chửng cả Triều Tiên (1910)[\[5\]](#). Xã hội Nhật Bản vào thời của Akutagawa không còn là buổi giao thời của cái cũ gây áp lực làm trì trệ cái mới, nhưng đã nghiêng hẳn về phía thắng thế của văn minh Tây phương.

Những giá trị đạo đức Đông phương dựa trên sự hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng không còn là trọng tâm của sinh hoạt hàng ngày, ngược lại lợi ích của cá nhân được đề cao. Một khi toàn xã hội chuyển mình nghiêng về hướng cổ võ, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân phát triển tài năng riêng, đề cao mục đích sống là giàu sang, danh vọng, địa vị cá nhân, thì yếu tố ích kỷ trong đời sống mới càng ngày càng đậm sâu.

Akutagawa tốt nghiệp Đông Kinh đế quốc Đại học (nay là Đại học Đông Kinh), đại học tiêu biểu cho đỉnh cao tốt bậc của học vấn thời bấy giờ. Là nhà văn, đồng thời là thành phần trí thức ưu tú của Nhật Bản, ông không khỏi không cảm nhận những mâu thuẫn tinh thần, đạo đức trong xã hội, do đó khi viết câu chuyện này cho thanh thiếu niên, chắc chắn ông đã cố ý gói

ghém một lời răn.

Sơ tư nhệ tuy viết cho thanh thiếu niên, nhưng cũng là một tác phẩm được mọi lứa tuổi yêu chuộng. Giá trị văn chương và nội dung triết lý của nó đã thăng hoa, trở thành tuyệt tác không những của Akutagawa, của văn học Nhật Bản, mà là của cả kho tàng văn học thế giới.

Xuất xứ của Sơ tư nhệ

Sơ tư nhệ tuy chỉ chứa đựng một lời răn giản dị về tính ích kỷ, nhưng kết cấu câu chuyện được xây dựng trên cơ sở triết lý nhân quả của Phật giáo, những gì đang diễn ra trước mắt vừa là quả của nghiệp chướng trước đó, vừa là nhân của những gì sẽ xảy ra trong tương lai, hay cực đoan hơn, sắp xảy ra ngay sau đó. Thiện dẫn ta đến thiện, ác chuốc lấy ác. Một việc thiện dù nhỏ, tự nó là mầm mống, là hạt nhân dẫn đến cứu độ, dẫn đến siêu thoát. Nghiệp ác đưa con người đến khổ ải, đọa đày, hủy diệt.

Rõ ràng đây là một câu chuyện Phật giáo, thế mà không một nhà nghiên cứu hay bình luận văn học nào có thể tìm ra điển tích tương tự trong kho tàng sách vở của Nhật Bản, Trung Hoa hay Ấn Độ.

Người ta quay sang lòng kiếm kho tàng văn học Tây phương. Và chính ở đây người ta tìm ra được hai tác phẩm có thể trở thành lời giải cho xuất xứ của *Sơ tư nhệ*.

Giả thiết thứ nhất là câu chuyện *Cây hành tây*, một câu chuyện dân gian của nước Nga có bố cục và nội dung rất giống *Sơ tư nhệ*. Ông Yoshida Seiichi^[6] trong bài bình giảng phụ chú cuối tập truyện *Sơ tư nhệ*, đã dẫn chứng câu chuyện *Cây hành tây* này từ tác phẩm *Anh em nhà Karamazov (1881)* của Dostoevski (1821-1881) qua bản dịch tiếng Nhật của Yonekawa Masao như sau:

“Ngày xưa ngày xưa, có một bà già ác độc. Hồi còn sống bà không làm được một điều tốt nào cả. Bà ta chết xuống địa ngục, bị Sa Tăng bắt, liệng xác ngay vào ao lửa. Lúc ấy thiên thần hộ mệnh cho bà, lặng lẽ cố tìm xem trong suốt đời bà, bà có làm điều gì tốt không, để bạch cùng Đức Chúa Trời. Một lúc sau, thiên thần nhớ ra được một chuyện, bèn ngược lên bạch ngay với Đức Chúa Trời rằng, ngày xưa có lần bà ta đã nhổ một cây hành tây, thí cho một người đàn bà ăn mảy đói khổ. Đức Chúa Trời phán, hãy đi nhổ một cây hành tây, chừa xuống dưới ao cho bà ta nắm lấy, kéo bà ta lên, nếu đầu đuôi thông suốt, kéo bà ta ra được ao lửa thì cho bà ta lên Thiên đàng, nếu cây hành tây nửa chừng bị đứt, phải bỏ bà ta ở đấy. Thiên thần liền chạy đến chỗ bà lão, chừa cây hành tây cho bà và bảo bà hãy nắm chặt lấy nó, xong cẩn thận kéo cây hành tây lên từ từ. Và, đúng vào lúc thiên thần gần như kéo bà lão lên khỏi mặt ao thì những cô hồn khác dưới ao cũng vừa nhận ra là bà lão đang được kéo lên, bèn hòa nhau níu lấy cây hành tây, mong được kéo lên, bèn hòa nhau níu lấy cây hành tây, mong được kéo lên theo. Bà già vốn là một người ác độc, liền co cẳng đạp mọi người xung quanh la ó rằng chỉ có mình tao được kéo lên thôi, chứ bọn bây đâu được. Ngay lúc bà ta vừa nói xong thì cây hành tây bỗng bị gãy ngang, và bà già rớt xuống ao lửa trở lại, mãi tới bây giờ vẫn còn bị lửa thiêu. Thiên thần đành gạt nước mắt, bỏ đi.”

Quả thật câu chuyện này có bố cục và chi tiết giống hệt câu chuyện *Sơ tư nhệ*, một đối một. *Cây hành tây* có nhân vật chính là bà già ác độc thì *Sơ tư nhệ* có tên cướp độc ác. *Cây hành tây* có ao lửa thì *Sơ tư nhệ* có ao máu. *Cây hành tây* có Đức Chúa Trời, *Sơ tư nhệ* có Phật Thích Ca. Thiên thần chừa cây hành tây cho bà già, Đức Phật thông sơ tư nhệ xuống cho

Kandata. Cô hồn trong *Cây hành tây* hòa nhau nín cây hành tây thì cô hồn trong *Sợi tơ nhện* đeo theo sợi tơ nhện. Cả hai phương tiện cứu độ ấy đều đứt phụt vì hành động ích kỷ muốn chiếm đoạt sự cứu độ cho riêng mình, ruồng rẫy những người đồng cảnh ngộ. Một sự trùng hợp kỳ lạ là cả hai có kết thúc hoàn toàn giống nhau: bà già xấu bụng và tên cường đạo cùng rớt trở lại địa ngục, vì hành động bất nhân xuất phát từ tâm địa ích kỷ của mình.

Một lý do khác khiến người ta nghĩ Akutagawa đã vay mượn câu chuyện *Cây hành tây* để viết *Sợi tơ nhện* là vì ông giỏi tiếng Anh và rất sành sỏi văn học Tây phương (ở đại học, ông học ban Văn chương Anh và sau khi tốt nghiệp làm giáo sư dạy Anh văn). Người ta suy diễn, tất nhiên ông đã đọc tác phẩm *Anh em Nhà Karamazov*.

Nhưng chỉ với chừng ấy nội dung mà kết luận *Cây hành tây* là xuất xứ của *Sợi tơ nhện* thì chưa đủ bằng cứ thuyết phục.

Yoshida Seiichi, Miyoshi Yukio^[7] và Donal Keene^[8] cùng đề cập đến một giải đáp thứ hai. Riêng ông Yoshida cho biết Yamaguchi Seiichi mới là người đã trưng bằng cứ xác định được xuất xứ thực thụ của *Sợi tơ nhện*. Yamaguchi đã dẫn chứng tác phẩm *Karma* (Nghệp chướng)^[9] do Paul Carus viết vào năm 1894 và được đăng thành nhiều kỳ trên Tạp chí *The Open Court* phát hành ở Chicago. Karma là tập hợp tám câu chuyện xung quanh chuyến đi của một người phú thương buôn bán vàng ngọc. Trọng tâm tác phẩm là chuyện thứ năm, The spider web.

Nhà xuất bản *The Open Court* đã đặt cho Nhà sách Hasegawa ở Tokyo in nguyên bản tiếng Anh cộng thêm một số tranh màu, đóng thành sách, vồn vện chỉ có 24 trang vào tháng 12 năm 1895. Cuốn sách này bán chạy đến nỗi nó được tái bản đến ba lần. Và ba năm sau, vào tháng 9 năm 1898 thì cũng nhà sách ấy in thêm bản tiếng Nhật do ông Suzuki Daisetsu (1870-1966) dịch. Ông Suzuki trước đó một năm đã được một tổ chức Phật giáo ở Nhật biệt phái sang Mỹ giúp việc cho Paul Carus^[10]. Ông Suzuki đã dịch thoát cái tựa *Karma* (Nghệp chướng) thành *Inga no oguruma* (Bánh xe nhân quả) và dịch thoát cả cái tựa The spider web (Mạng nhện) thành *Kumo no ito* hay *Sợi tơ nhện*^[11].

Câu chuyện *The spider web* (Mạng nhện) bắt đầu với cảnh tên cướp Mahaduta đang hấp hối trong vòng tay của nhà sư, hấn lo sợ sẽ vĩnh viễn không được cứu độ. Nghe lời than của tên cướp, nhà sư từ tốn kể câu chuyện của Kandata dưới Âm Ty, và qua câu chuyện đó đã cải huấn được tên cướp trước lúc hấn nhắm mắt.

Như thế rõ ràng là Akutagawa không những lấy nguyên văn cái tựa *Sợi tơ nhện* của bản dịch mà còn dùng nguyên cả tên của tên cướp Kandata trong nguyên tác. Ngay cái tên Kandata, khi viết dưới dạng chữ Hán, Akutagawa dùng nguyên văn chữ Hán trong bản dịch của ông Suzuki Daisetsu. Ba chữ Hán này khi đọc âm Việt Nam sẽ là Kiến Đà Đa.

Ở đây chỉ còn lại một nghi vấn: vậy thì Akutagawa đã lấy *Sợi tơ nhện* qua việc đọc thẳng nguyên tác tiếng Anh của Paul Carus? Hay qua việc đọc bản dịch tiếng Nhật của Suzuki Daisetsu? Không ai có thể thay thế Akutagawa để trả lời nghi vấn này một cách dứt khoát. Nhưng dựa trên tên tác phẩm là *Sợi tơ nhện* (tựa do Suzuki đã dịch thoát) và tên nhân vật chính Kandata viết bằng chữ Hán là Kiến Đà Đa, đúng y ba chữ Hán Suzuki đã sử dụng, ta có thể đi đến kết luận mà không sợ sai lầm là Akutagawa đã lấy câu chuyện này từ bản dịch của Suzuki. Và rất có thể Akutagawa đã tham khảo câu chuyện *Cây hành tây* để xây dựng cấu trúc tác phẩm *Sợi tơ nhện* của mình.

Tính sáng tạo của Akutagawa xuyên qua việc vay mượn

Mặc dù Akutagawa đã vay mượn hầu như toàn bộ nội dung bản dịch của Suzuki Daisetsu, và cái tựa lẫn cái tên nhân vật chính, nhưng Akutagawa đã lồng vào đó những sáng tạo của riêng ông.

Như đã trình bày ở trên, *The spider web* chỉ là một phần của tác phẩm Karma, câu chuyện thứ năm trong tám câu chuyện xoay xung quanh chuyến đi của một người phú thương buôn bán vàng ngọc. Trong đó tên cướp Mahaduta thật ra ban đầu chỉ là tên hộ vệ trung thành. Thế mà hắn bị người chủ nghi oan là đã ăn cắp túi tiền, bị chủ giao cho lính và bị đánh đập tra tấn. Hắn trốn vào núi đi theo một đám cướp, và trở thành thủ lĩnh. Về sau hắn chặn đánh chuyến đi giao hàng của người phú thương rồi cướp hết vàng ngọc của người chủ cũ, nhưng hắn lại không chia cho bọn em út mà đem giấu đi. Vì thế hắn bị bọn em út làm phản, một lần nữa lại bị đánh đập tàn nhẫn, may được nhà sư cứu giúp. Để cải huấn hắn, nhà sư kể câu chuyện của Kandata, một tên đạo tặc suốt đời chỉ chuyên đi ăn cướp, giết người không gớm tay, duy nhờ làm được một điều thiện, đó là không nỡ giết chết con nhện bò bên vệ đường, nên được Đức Phật, nhủ lòng từ bi sai con nhện trên Niết bàn xuống cứu, và chính Đức Phật răn Kandata, hắn chỉ có thể thật sự được cứu độ nếu bỏ được cái bản ngã ích kỷ... Nhưng khi Kandata nắm sợi tơ nhện leo lên, thoát khỏi được âm ty, hàng hàng lớp lớp đang cố đeo lấy sợi tơ, leo lên theo với hắn. Và ngay khi hắn mở miệng xua đuổi, ruồng rẫy kẻ khác, sợi tơ đứt phụt, hắn lộn đầu trở xuống âm ty.

Xem như thế, *The spider web* là một câu chuyện nhuộm đầy màu sắc tôn giáo, trong đó có đoạn tả cảnh hào quang Đức Phật rọi xuống tận âm ty, cảnh Đức Phật trực tiếp răn Kandata phải diệt dục mới có thể thực sự được cứu độ. Có cả lời giải thích về sợi tơ nhện tuy mong manh, nhưng là sợi dây cứu độ chúng sinh, càng nhiều người bám vào, nó càng chắc ra. Rõ ràng đây là một câu chuyện tôn giáo mang chủ đích muốn chứng minh luận thuyết của tôn giáo ấy. Đọc *The spider web*, người đọc không khỏi không mang ấn tượng đang đọc một bài thuyết pháp, hay một câu chuyện tôn giáo dạy đời.

Trong khi đó đọc *Sợi tơ nhện*, độc giả mang cảm tưởng đang thưởng thức một sáng tác văn chương và tự mình khám phá ra bài học ẩn dụ trong áng văn. Akutagawa đã táo bạo nhưng cũng rất tài tình dám kể chuyện qua con mắt của Phật. Cái độc đáo của ông là đã kể một câu chuyện đọa đầy dưới Âm Ty trong cảnh tinh khiết của Niết Bàn.

Ta hãy nghe ông bắt đầu:

“Đây là một câu chuyện xảy ra trên Cực Lạc. Một bữa nọ, Đức Phật một mình lững thững đi dạo bên hồ sen. Những đóa hoa sen trong hồ nở trắng toát, đẹp như ngọc. Từ giữa nhụy vàng một hương thơm ngào ngạt khó tả, ngan ngát tỏa ra khắp miền. Dạ thừa, trên Cực Lạc lúc đó đúng vào buổi sáng.”

Và ta nghe ông chấm dứt câu chuyện:

“Thế nhưng, trên Cực Lạc sen trong hồ vẫn nở như không có chuyện gì xảy ra. Những đóa sen trắng như ngọc, đài hoa lay nhẹ bên chân Phật. Từ giữa nhụy vàng một hương thơm ngào ngạt khó tả, ngan ngát tỏa ra khắp miền. Dạ thừa, lúc đó trên Cực Lạc đã gần đến đúng Ngọ.”

Câu chuyện bắt đầu trên Cực Lạc và chấm dứt cũng trên Cực Lạc. Ông đã dựng hai cảnh hoàn toàn đối nghịch nhau, hai thái cực Cực Lạc và Âm Ty, ngay trong cùng một màn, diễn ran

gay trước mắt người đọc. Ông dàn cảnh Đức Phật xuất hiện lưng thưng đi dạo bên hồ sen trong hương sen ngào ngạt và xác định “*dưới hồ sen là đáy của Âm Ty*” để hợp lý hóa tất cả những diễn biến sau đó dưới Âm Ty qua mắt Phật. Nhưng ông đã dừng lại ở vai người kể chuyện, không thêm thắt các chi tiết màu nhiệm, hoang đường tôn giáo như ta thấy trong tác phẩm *Karma*. Chỉ vào đoạn chót ông mới cho một lời giải về cái buồn của Đức Phật.

“Vì cái tâm không có một chút từ bi, chỉ muốn một mình thoát khỏi địa ngục mà Kandata đã bị quả báo rớt trở lại địa ngục, dưới mắt Phật, là cả một điều bi đát thảm thương.”

Toàn bộ áng văn tuy ngắn, nhưng nó đã làm cho người đọc rộn ràng với nhiều đoạn tả cảnh vô cùng linh động. Ông đã dồn dập vẽ những chi tiết đối nghịch nhau, những cái xáo động dưới Âm Ty diễn ra trong bối cảnh thanh tĩnh của Niết Bàn. Cực Lạc trong sáng, tươi mát, tinh khiết. Âm phủ u tối, đọa đày, ghê rợn.

Akutagawa đã sắp xếp những diễn biến một cách rất tinh tế, tạo căng thẳng cho người đọc trong suốt câu chuyện. Câu chuyện kết thúc với cảnh Kandata lộn đầu rơi như một con vụn trở lại Âm Ty. Trong u minh chỉ còn lại một sợi tơ cụt ngắn. Nhưng đó cũng là lúc Niết Bàn đang ở trong vùng ánh sáng giữa trưa, sen trong hồ vẫn nở, hương sen vẫn ngào ngạt. Niết Bàn không dao động.

Tác giả lược bỏ các chi tiết thuyết pháp tôn giáo của nguyên tác, không lồng vào tác phẩm của mình một ý kiến, nhường quyền phán xét cho độc giả, dù đó là thanh thiếu niên. Điều này càng làm tăng giá trị cho áng văn.

Đi tìm dữ liệu

Trong việc đi tìm dữ liệu để kiểm chứng tác phẩm *Karma* của hơn một thế kỷ trước, người viết đã tìm thấy những chi tiết chung quanh tác phẩm *Karma* như:

Paul Carus (1852-1919), là một triết gia người Đức sinh sống ở Chicago Mỹ. Ông là người đi tiên phong trong việc giới thiệu triết học Phật giáo vào nước Mỹ. Suốt từ năm 1887 cho đến lúc tạ thế, ông làm chủ biên hai tạp chí *The Open Court* và *The Monist*, cả hai đều do Nhà xuất bản *The Open Court* phát hành.

Ngay khi đọc tác phẩm *Karma* được đăng lần đầu tiên trên Tạp chí *The Open Court*, Nhà xuất bản của tạp chí này đã nhận được thư của dịch giả từ nhiều quốc gia xin phép dịch. Trong đó bản tiếng Nga là do đại văn hào Lev N. Tolstoi (1828-1910) dịch. Cũng như nguyên tác ở Mỹ, các bản dịch ở các nước khác cũng chỉ được đăng trên tạp chí chia thành nhiều kỳ. Duy chỉ có bản tiếng Anh in ở Nhật, và bản dịch ra tiếng Nhật của ông Suzuki, do Nhà sách *Hasegawa* ấn hành ở Tokyo là hai bản được in thành sách trước nhất.

Sau đó ở Pháp có người dùng bản tiếng Nga của Tolstoi dịch ra tiếng Pháp và tự tiện ghi Tolstoi là tác giả. Bản tiếng Pháp mang tên Tolstoi này lại được dịch sang tiếng Đức. Từ đó Âu châu chỉ biết đó như là một sáng tác của chính Tolstoi. Trớ trêu thay, tác phẩm tiếng Đức này được dịch trở lại tiếng Anh, đăng trong tạp chí *The International Magazine* cũng ở Chicago. Một ngẫu nhiên rất lý thú, trụ sở của tạp chí này lại nằm ngay trong cùng một khu phố với Nhà xuất bản *The Open Court*. Chính vì lý do địa lý ấy, Nhà xuất bản *The Open Court* phát giác ra dữ kiện sai lầm kia. Paul Carus viết thư khiếu nại Tolstoi. Tolstoi phải viết thư thanh minh, nay được sử dụng là Lời tựa cho cuốn sách *Karma/Nirvana* do Nhà xuất bản *The Open Court* phát hành. Xin trích dẫn một phần của lời tựa này[\[12\]](#) như sau:

“Một chân lý mà ngày nay đã bị lu mờ là mỗi chúng ta chỉ tránh được điều ác và làm được điều thiện là do nỗ lực riêng của từng cá nhân, ngoài ra không có cách nào khác, tác phẩm này đã nói lên được điều đó một cách vô cùng rõ rệt. Lời dẫn giải trong tác phẩm thật ý nhị vì nó chứng minh rằng cá nhân chỉ thực sự có hạnh phúc khi những người chung quanh cũng hạnh phúc. Ngay khi tên cường đạo trốn khỏi được địa ngục, chỉ nghĩ đến hạnh phúc vị kỷ, lập tức hạnh phúc của hắn chấm dứt ở đó và hắn đã rơi trở lại bể trầm luân như cũ...”

Tôi đã đọc câu chuyện này cho trẻ em nghe và chúng rất thích. Và trong hàng người lớn, câu chuyện này sẽ giúp ta trực diện với những vấn đề quan trọng nhất trong cuộc sống. Và theo tôi đây là một câu chuyện tuyệt diệu mà tôi muốn giới thiệu với mọi người...

Chỉ đến khi nhận được thư (của Paul Carus) tôi mới biết tác phẩm *Karma* đang lưu hành mang tên tôi là tác giả, và tôi rất lấy làm tiếc... không phải chỉ ở chỗ một chuyện sai lầm như thế mà cứ đề tràn lan không có ai lên tiếng cải chính, nhưng còn ở chỗ tại sao lại có thể có một chuyện sai trái như thế, vì tôi sẽ vô cùng hân hạnh nếu được điểm phúc là tác giả của sáng tác này. Đây là tinh hoa trí tuệ của cả một quốc gia và cần được truyền bá cho toàn thể nhân loại như các tác phẩm *Odyssey*, *Cuộc đời của Joseph* và *Thích Ca Mâu Ni*.”

Lev N. Tolstoi

Những suy nghĩ thay lời kết

Hơn một trăm năm trước Paul Carus đã sưu tầm từ đâu đó trong kho tàng văn hóa Ấn Độ để viết tác phẩm *Karma*. Lev N. Tolstoi đã đánh giá nó như là tinh hoa, là kết tinh trí tuệ của cả một dân tộc, đặt nó đứng ngang hàng với tác phẩm *Odyssey* v.v...

Chúng ta thử đọc lại lời nhận xét của Tolstoi:

“... cá nhân chỉ thực sự có hạnh phúc khi những người chung quanh cũng được hạnh phúc...”

Chúng ta thử đổi chữ “cá nhân” thành chữ “quốc gia” chữ “người” thành chữ “nước” rồi thử đọc lại nó một lần nữa:

“... quốc gia chỉ thực sự có hạnh phúc khi những nước chung quanh cũng được hạnh phúc...”

Và suy nghĩ về sự hưng vong của các đế quốc, về biết bao cuộc chiến tranh của nước mạnh ức hiếp nước yếu trong lịch sử nhân loại, chúng ta càng thấy thấm thía lời nhận xét của Tolstoi về tính bất biến của bài học ẩn dụ trong tác phẩm *Sợi tơ nhện*, một bài học vượt biên giới cá nhân, thời gian và không gian, nghiệm đúng cả cho liên hệ giữa các dân tộc.

Ngoài ra, còn có bản dịch Kiến Đạt Đa ích kỷ của Diệu Hạnh Giao Trinh. Đây là một bản dịch từ tiếng Trung Hoa ra tiếng Việt, nhưng không thấy bản dịch chưa xuất xứ và năm tháng của sáng tác. Nội dung và diễn tiến câu chuyện hoàn toàn giống tác phẩm *Sợi tơ nhện* của Akutagawa.

Đáng tiếc là công việc tìm nguồn chưa đến đích của nó. Paul Carus lấy câu chuyện này từ đâu? Không thấy ông nói đến. Người viết sẽ tiếp tục đi tìm câu trả lời cho câu hỏi này và rất mong bạn đọc tham gia việc tìm kiếm này để làm giàu cho trí tuệ của người Việt nói riêng và

Tài liệu tham khảo

1. Bình giảng về Akutagawa Ryunosuke, Inoue Yasushi.
2. Akutagawa Ryunosuke từ A đến R, Nguyễn Nam Trân, e Văn.
3. History of Japanese Literature, Kato Shuichi. Vol.3.
4. Lịch sử Nhật Bản, Vĩnh Sính.
5. Bình giảng về Akutagawa Ryunosuke, Yoshida Seichi.
6. Bình giảng về Akutagawa Ryunosuke, Miyoshi Yukio.
7. A History of Japanese Literature, Donald Keene, Vol.3.
8. Karma, The Story of Buddhist Ethics, Paul Carus.
9. Karma/Nirvana, Two Buddhist Tales, Paul Carus.
10. Watakushi no rirekisho, Suzuki Daisetsu.
11. Suzuki Daisetsu Toàn tập, Vol.26.

Chú thích:

[\(1\)](#) Người viết xin cảm ơn các anh Đình Vĩnh Thạnh, Trần Đình Tường, Nguyễn Nam Trân đã cung cấp tài liệu tham khảo, và nhất là anh Việt Châu, Cung Điền, Tôn Thất Phương, Nguyễn Nam Trân đã góp nhiều ý kiến hoàn thiện bài viết này.

[\(2\)](#) *Bình giảng về Akutagawa Ryunosuke*, Inoue Yasushi.

[\(3\)](#) *Akutagawa Ryunosuke từ A đến R*, Nguyễn Nam Trân.

[\(4\)](#) *History of Japanese literature*, Kato Shuichi. Vol3

[\(5\)](#) *Lịch sử Nhật Bản*, Vĩnh Sính.

[\(6\)](#) *Bình giảng về Akutagawa Ryunosuke*, Yoshida Seiichi.

[\(7\)](#) *Bình giảng về Akutagawa Ryunosuke*, Miyoshi Yukio.

[\(8\)](#) *A History of Japanese Literature*, Donal Keene, Vol.3.

[\(9\)](#) *Karma, The Story of Buddhist Ethics*, Paul Carus và *Karma/Nirvana, Two Buddhist Tales*, Paul Carus.

[\(10\)](#) *Watakushi no rirekisho*, Suzuki Daisetsu.

[\(11\)](#) Suzuki Daisetsu Toàn Tập, Vol.26.

[\(12\)](#) *Karma/Nirvana, Two Buddhist Tales*, Paul Carus.

Akutagawa Ryunosuke từ A đến R

(Con người, thời đại, tác phẩm)[\[1\]](#)

Văn học Nhật Bản hiện đại đã bắt đầu từ thời Minh Trị (1867-1912). Tuy không ai có thể đem dao kéo cắt một mẫu văn học để dán vào một triều đại nhưng phải công nhận có những biến cố lịch sử làm xáo trộn tư duy của con người (trong một chiều hướng khác, sự thay đổi tư duy cũng ảnh hưởng tới lịch sử). Nhà văn Akutagawa Ryunosuke (1892-1927) sinh ra vào đời Minh Trị (ngày 1 tháng 3 năm Minh Trị 25, tức 1892) có thể được xem như sản phẩm của thời đại này tuy sự nghiệp văn chương của ông (1912-1927) phần lớn nằm trong đời Thiên hoàng Đại Chính (1912-1926). Cùng với Natsume Soseki và Mori Ogai, ông là một trong ba trụ cột của văn học Nhật Bản hiện đại. Cũng như Kawabata Yasunari và Mishima Yukio, ông lại là một trong ba nhà văn mà ngoại quốc biết tiếng hơn cả. Người đời yêu văn tài của ông đã đành nhưng cũng thương cảm cho nỗi buồn về “sự thất bại của lý trí” toát ra từ tác phẩm cũng như cuộc đời ba mươi sáu năm ngắn ngủi và đầy bi kịch của ông.

Trước hết hãy thử nhìn bối cảnh văn học cuối Meiji, đầu Taisho là lúc ông sinh ra để xác định vị trí trong văn học sử. Bộ môn cần được quan sát là bộ môn tiểu thuyết tuy ông không hề viết truyện dài, cùng lắm là tác phẩm trung biên mà thôi[\[2\]](#).

Dưới thời Minh Trị, có bốn dòng văn học hầu như đối chọi với nhau:

Trước tiên là những nhà văn theo chủ nghĩa tự nhiên (naturalism). Trường phái này chịu ảnh hưởng của tinh thần khoa học tự nhiên và văn học Tây phương của thế kỷ XIX qua những nhà văn như Emile Zola (Pháp), Gerhart Hauptman (Đức), xem việc miêu tả thực tế không che đậy, không lý tưởng hóa mới là văn học chân chính.

Bên cạnh đó, có khuynh hướng duy mỹ (aestheticism) đề cao giá trị của thẩm mỹ và nhục cảm trong nghệ thuật theo tinh thần của Charles Baudelaire (Pháp) hay Oscar Wilde (Anh).

Khuynh hướng bản xứ gọi là cao sang (yoyuha) được đại diện bởi cách viết đặt trọng tâm vào việc làm giàu có kiến thức (refinement) như kiểu Natsume Soseki hay có thái độ bàng quan (nil admirari), chịu phép (resignation) trước những vấn đề xã hội đặt ra như Mori Ogai.

Trong khi đó, trường phái Shirakaba (Bạch Hoa, cây bạch dương), ra đời cuối thời Minh Trị (Minh Trị 43, 1910), tập trung những cây bút xuất thân từ giới thượng lưu, sớm nhìn thấy mâu thuẫn giữa cuộc sống sung túc của giai cấp mình và những bất công xã hội họ chứng kiến, tìm cách xác định bản ngã bằng cách viết và thực hiện những công trình xã hội[\[3\]](#) có tính cách không tưởng (utopianism).

Bước qua thời Đại Chính, phái duy mỹ vẫn tiếp tục và Shirakaba bắt đầu hưng thịnh. Chỉ có văn học tự nhiên chủ nghĩa là bị suy thoái và nhường bước cho trào lưu tự thuật của watakushi shosetsu (còn đọc là shi – shosetsu, tự tiểu thuyết, tức dòng văn học lấy cái tôi làm trung tâm) và dòng văn học theo chủ nghĩa tân hiện thực (neo - realism), dùng khả năng của lý trí để phán đoán một cách lạnh lùng, khách quan những dữ kiện xã hội dù thuộc về hiện tại hay đã lui vào quá khứ. Akutagawa được các nhà phê bình văn học liệt kê vào dòng văn học thứ hai này.

1. Phát triển của bộ môn tiểu thuyết trong giai đoạn cuối Minh Trị đầu Đại Chính

Được in bằng chữ nghiêng là ba khuynh hướng đối lập với dòng văn học chính thời đó (chủ

nghĩa tự nhiên) và phong trào tư tiểu thuyết[4].

Thời đại Khuynh hướng/ Tác gia 1 2 3 4

Thời đại	Khuynh hướng / Tác gia 1	2	3	4
Meiji 40 (1907)	- Chủ nghĩa tự nhiên (Yamada Katai, Shimazaki Toson, Tokuda Shusei, Masamune Hakuchō, Kunikida Doppo)	- Khuynh hướng duy mỹ (Sato Haruo, Nagai Kafu, Tanizaki Jun- ichiro)	Khuynh hướng cao sang (Mori Ogai, Natsume Soseki)	- Văn phái Shirakaba (Bạch Hoa)
Taishō 10 (1921) 15 (1926)	- Hình thức tư - tiểu thuyết (watakushi - shosetsu)	Chủ nghĩa tân hiện thực (Akutagawa Ryunosuke, Kume Masao, Kikuchi Kan)		(Arishima Takeo, Shiga Naoya, Mushakoji Saneatsu)

1.1. Akutagawa Ryunosuke và trường phái tân hiện thực

Những nhà văn của trường phái tân hiện thực là người có chung quan điểm sử dụng khả năng suy luận của lý trí để phân tích và chỉnh lý những vấn đề mà cả hai trường phái duy mỹ và Shirakaba kia đã để vuột mất. Tuy được xem như chung một trường phái tân hiện thực nhưng họ lại đứng ở những vị trí nhiều khi rất xa nhau và dĩ nhiên có tác phong khác nhau.

1.2. Nhóm Trào lưu mới (Shinshicho)[5]

Một nhóm bè bạn quen biết nhau ở Đại học Đế quốc Đông Kinh (tiền thân của Đại học Đông Kinh) cùng chung chí hướng đã tái bản tạp chí *Trào lưu mới* (Shinshicho, lần thứ 3 năm 1914 và lần thứ 4 năm 1916). Tạp chí đó đã đóng vai trò giới thiệu với văn đàn những tên tuổi mới như Akutagawa Ryunosuke, Kikuchi Kan, Kume Masao, Yamamoto Yuko, Toyoshima Yoshio.

2. Điểm khởi hành của Akutagawa Ryunosuke (1892-1927)

Ông là con gia đình Niihara, được đặt tên Ryu (Long có nghĩa là con rồng vì sinh ngày Thìn, tháng Thìn, năm Thìn) ở khu Irifune, nhượng địa cho người ngoại quốc ở Tokyo. Ông là con trưởng của Niihara Toshizo[6]. Bố ông có xưởng chế sữa bò ở ngoại ô Tokyo có nhiều khách hàng ngoại quốc, sau làm ăn thất bại v.v... nhưng gốc gác này không dính dáng gì tới văn nghiệp ông bao nhiêu. Ra đời mới có bảy tháng thì bà mẹ để phát bệnh tâm thần nên phải đem về phía họ hàng bên mẹ (Akutagawa) làm dưỡng tử. Cha nuôi là Akutagawa Michiaki. Họ Akutagawa xưa kia đời đời vốn giữ chức hầu lễ trà đạo trong phủ chúa, đến thế hệ Michiaki vẫn vòn giữ được nếp văn nhân (bunjin) tao nhã, biết vẽ và làm thơ. Đó là điểm khởi hành của Akutagawa nhà văn.

Ông có khiếu văn chương từ hồi tiểu học, thích sử và muốn trở thành nhà nghiên cứu sử. Học rất giỏi, đến nổi vào ban văn trường Ikko được miễn thi. Lúc bé đã ham đọc *Tây du ký*, *Thủy hử*, *Bát khuyến truyện* (Hakkenden, một tiểu thuyết kiếm hiệp của Bakin thời Edo) cũng như tác phẩm của Kyōka, Katai, Rohan, Ichiyo và Ogai là những nhà văn hàng đầu thời ấy. Ông cũng thích các tác giả ngoại quốc, đặc biệt kịch Henrik Ibsen (Na Uy), thơ William Butler Yeats (Ái Nhĩ Lan) và văn Anatole France (Pháp).

Tác phẩm đầu tiên của ông là *Tuổi già* (Ronen - 1914) tuy có thuyết cho là tùy bút *Nước dòng sông Cái* (Okawa no Mizu -1912). Vào thời điểm đó, ông còn viết kịch *Tuổi xuân và cái chết* (Seinen to Shi), một nhan đề định mệnh!

Cô Yoshida Yayoi, mỗi tính đầu của ông (1914-1915), là con gái một người quen với gia đình. Ông định cầu hôn nhưng họ lại ngăn. Sự kiện này làm ông chán ngán cái xấu xa, ích kỷ của người đời và ôm lấy ý nghĩ bi quan “sinh ra làm người đã là khổ rồi”. Đó cũng là cơ sở triết lý của *Cổng Rashomon* (Rashomon, 1915), tác phẩm nổi tiếng của ông.

Ông là nhà văn tiêu biểu của phái Shinshicho. Trong lần tái bản lần thứ 5 của tạp chí, số ra mắt (tháng 2 - 1916) ông đã cho đăng truyện ngắn *Cái mũi* (Hana) và được văn hào Natsume Soseki nhiệt liệt tán thưởng như sau:

“Truyện của ông viết thực hay. Điền đạm, không đùa cợt, cứ kể tự nhiên mà làm cho người ta thấy buồn cười một cách nhẹ nhàng. Hơn nữa chất liệu dùng trong truyện lại rất mới mẻ. Văn từ gọn gàng, trình bày đầy đủ những điểm cần thiết. Tôi phục lắm. Cứ tiếp tục viết thêm độ hai ba mươi tác phẩm như vậy thì ông sẽ trở thành một nhân tài hiếm có của văn đàn cho xem.”

3. Thử điểm qua các tác phẩm nổi tiếng của ông:

Truyện *Cái mũi* nói trên lấy cảm hứng từ *Truyện bây giờ đã xưa* (Konjaku Monogatari). Trong giai đoạn đầu tiên, khi sáng tác, ông hay mượn đề tài từ *Konjaku* hay *Truyện xưa do quan Uji Dainagon góp nhặt* (Uji Shui Monogatari), hai tác phẩm của thời trung cổ Nhật Bản. Chẳng hạn các truyện ngắn *Cổng Rashomon* (Rashomon, 1915), *Cháo khoai* (Imogayu, 1916), *Địa ngục trước mắt* (Jigokuhen, 1918)...

Phạm vi đề tài và không gian của Akutagawa dần dần nói rộng. *Hứng sáng tác* (Gesaku Zammai, 1917), *Cánh đồng khô* (Karenosho, 1918); lấy bối cảnh thời Edo, *Cái chết của một con chiên* (Hyokyonin no shi, 1918), *Truyện thánh Christopher* (Kirishitohoro-shoninden, 1919) viết về thời ngoại quốc đến truyền giáo; *Tiệc khiêu vũ* (Butokai, 1920), *Mấy hình nộm* (Hina, 1923) nói về sự tiếp thu văn minh Âu Tây thời Minh Trị. Ngoài ra còn có *Sợi tơ nhện* (Kumo no Ito), *Cậu bé Đồ Tử Xuân* (Toshishun, 1920) mượn đề tài Ấn Độ và Trung Quốc đời Đường.

Yếu thế và ý thức và tội lỗi đã đưa ông đến với lòng tin tôn giáo. *Sợi tơ nhện* (Kumo no Ito), *Chúa Ki Tô ở Nam Kinh* (Nankin no Kito), *Cái chết của một con chiên*, *Truyện thánh Christopher* đều nằm trên một quỹ đạo. Trước khi chết không bao lâu ông còn viết *Người Tây phương* (Soku Seiho no Hito) và tục biên của nó, *Người Tây phương* tục biên (Soku Seiho no Hito), lại viết về chúa Ki Tô. Đó không phải là điều ngẫu nhiên. Trong các tác phẩm sau này, không còn đâu cái mĩa mai của *Cổng Rashomon*. Ông đã tìm về lòng tin tôn giáo. Bên cạnh những tác phẩm kết án về sự ích kỷ của con người như *Một vụ án mạng thời mới mở mang* (Kaika no Sátujin), *Lòng đã trót yêu* (Kesa to Morito), *Bốn bề bờ bụi* (Yabu no naka), may thay, ông đã để lại những truyện ngắn nhẹ nhàng và cảm động như *Chiếc xe goòng* (Torokko), *Cậu bé Đồ Tử Xuân*, *Tu tiên* (Sennin), thường thường là những bài viết cho thiếu niên, độc giả của tạp chí *Con chim đỏ* (Akai Tori)^[7].

Những tác phẩm vừa kể đã xác định vị trí nhà văn khuynh hướng vị nghệ thuật của ông nhưng đột nhiên, năm Đại Chính thứ 9 (1920), nhân viết *Mùa thu* (Aki), ông thoát ly lập trường “nghệ thuật vị nghệ thuật” và, sau giai đoạn tiểu thuyết gọi là Yasukichi – mono (truyện với nhân vật chính tên là Yasukichi, có lẽ là chính tác giả), bắt đầu bước vào lãnh vực tiểu thuyết tự thuật với *Thời trẻ của chàng Shinsuke chùa Daidoji* (Daidoji Shinsuke no hansei, 1925). Cuối đời, người ta cho rằng một phần vì dao động trước những biến cố xã hội dưới sức ép của cao trào văn học vô sản, một phần sức khỏe suy sụp do thần kinh suy nhược (có dính líu đến bệnh

diên của người mẹ), ông mang một nỗi bất an thường trực. Phải chăng vì thế mà ông đã miêu tả trạng thái tinh thần của chính mình trong *Ảo ảnh cuộc đời* (Shinkiro, 1927) và *Xã hội thủy quái Kappa* (Kappa, 1927) và sau đó, tự kết liễu đời mình bằng độc dược.

Cái chết của Akutagawa được xem như tượng trưng cho số phận trí thức, đã gây nhiều xúc động cho người đương thời. Ông để lại di cảo *Trong guồng máy* (Hagurama), *Đời một chú ngốc* (Aru aho no issho). Một tác phẩm ông viết khoảng năm 1923-1925 và được in ra sau khi ông mất (tháng 12/1927) nhan đề *Lời phát biểu của một người hèn kém* (Shuju no kotoba) có những nhận định như sau:

- Đời người:

Đời người giống như cái hộp diêm. Đừng có dại mà dùng nó vào chuyện lớn. Dùng vào chuyện lớn là nguy hiểm.

Đời người giống như quyển sách thiếu nhiều trang. Khó thể gọi nó là quyển được. Nhưng nó lại là một quyển đầy.

- Tự do:

Tự do giống như không khí trên đỉnh núi cao. Kẻ yếu không thể nào chịu nổi cả hai thứ đó.

Tự do chủ nghĩa. Tự do luyện ái. Tự do mậu dịch. Đáng tiếc là trong cái cốc nào chứa tự do cũng có pha thật nhiều nước. Nói chung toàn nước đọng.

Hãy thử điểm qua các tác phẩm nổi tiếng của ông. *Cái mũi* là đoản thiên mượn ý truyện nói về cái mũi dài quá khổ của một nhà sư, chép trong tác phẩm trung cổ *Truyện xưa do quan Uji Dainagon góp nhặt* (Uji Shuui Monogatari). Sư Zenchi (Thiền Trí) chùa *Ike-no-O* (Đuôi Ao) của Akutagawa khổ sở vì muốn làm cho mũi ngắn lại giống như con người ta khổ sở vì quá chú ý về mình trong khi những kẻ sống chung quanh lại vô tình có ác ý. *Cổng Rashomon* lấy cảm hứng từ truyện cổ trong *Truyện bây giờ đã xưa* qua câu truyện một tên trộm khám phá đồng xác người chết bỏ trên lầu cổng *Cổng Rashomon*. Triết lý của nó nằm ở chỗ con người vì muốn sống còn nên phải nhúng tay vào điều ác và chỉ khi nào làm một điều ác khác mới ngăn chặn được điều ác trước. Nhân sinh quan của một con người lúc đó mới hai mươi tư tuổi như Akutagawa quả là quá đậm màu sắc yếm thế. Trong đoạn kết của *Rashomon*, tên người ở sau khi trách mụ già đã làm điều ác là nhổ tóc xác chết kết thành búi tóc giả đem đi bán, lại lột quần áo mụ:

“- Vậy ta có lột quần áo mụ, mụ cũng đừng có hận. Không lột mụ, ta cũng thành ma đói.

Tên người ở nhanh nhẹn lột hết quần áo mụ già. Thế rồi giữa khi mụ còn đang đeo cứng vào chân, hấn hung bạo đá phốc mụ ta lên trên đồng xác chết. Từ chỗ hấn đứng đến cầu thang chỉ cách có năm bước. Tên người ở ôm lấy mớ áo quần màu nâu vỏ dẻ, lật đặt xuống thang rồi mất hút vào bóng tối.”

Trong *Xã hội thủy quái Kappa*, Akutagawa thác ngụ thế thái nhân tình của thời đại ông vào xã hội của loài thủy quái. Tác phẩm phản ánh nỗi buồn và sự chán ghét cuộc sống của ông. *Trong guồng máy* là một thế giới mà nhân vật chính nhìn thấy qua huyền ảnh, còn “địa ngục hơn cả địa ngục”. Nó đánh dấu những ngày tháng cuối cùng ông sống trong thác loạn thần kinh, có những câu khiến độc giả phải rùng mình:

“Đó là một kinh nghiệm mà cả đời tôi chưa hề biết. Tôi hết sức cầm bút để viết tiếp nữa rồi. Tôi không thể sống mà chịu đau khổ như thế này mãi. Có ai đó chịu đợi tôi ngủ mà bóp cổ giùm cho tôi chết đi không?”

Về sự “thất bại của lý trí”, chính Akutagawa đã nhận định như thế này trong *Aru aho no isho* (Đời một chú ngốc):

“Hắn giương đôi cánh nhân tạo ra, tung tăng bay lượn trong bầu trời. Cùng một lúc bao nhiêu niềm vui nỗi buồn của đời người chan hòa ánh sáng của lý trí đang hạ thấp xuống dưới tầm mắt hắn. Hắn tung những câu nói mỉa mai và nụ cười chế nhạo trên các phố phường đang thu nhỏ lại, bay vút lên vòm cao không thoáng gọn về hướng mặt trời, dường như quên bằng chuyện người Hy Lạp^[8] ngày xưa, vào lúc đó, cũng mang đôi cánh nhân tạo bị mặt trời thiêu cháy và rơi vùn vụt xuống biển mà chết.”

Sau đây là đôi lời ông phát biểu trong thư tuyệt mệnh gửi cho Kume Masao, người bạn thân và cũng là văn hữu trong nhóm *Trào lưu mới*.

“Tôi chưa thấy ai viết ra một cách không che đậy về tâm lý của một người tự sát. Lý do có thể là người sắp tự sát còn chút lòng tự trọng hoặc bản thân họ thấy tâm lý người ở trong cảnh ngộ của mình không có gì hấp dẫn để mà tìm hiểu. Tuy vậy, trong lá thư cuối cùng tôi gửi cho cậu đây, tôi muốn thuật lại thật rõ ràng tâm lý ấy, nhưng nếu bảo tôi không đặc biệt cho cậu biết động cơ nào đã đẩy tôi đến chỗ tự sát thì cũng được. Régnier^[9] trong một truyện ngắn của ông có lần miêu tả người tự sát. Anh chàng vai chính trong truyện này cũng chẳng biết lý do tại sao anh ta muốn kết liễu đời mình. Chắc khi cậu giở trang ba mục tin vặt của mấy tờ báo cũng nhận ra được là có biết bao nhiêu động cơ có thể thúc đẩy người ta đến chỗ tự sát, nào là cuộc sống khó khăn, bệnh hoạn dày vò hay đau khổ tinh thần. Nhưng theo kinh nghiệm của tôi tất cả những thứ đó chỉ là một phần của động cơ. Cùng lắm nó chỉ là những cái móc đánh dấu những chặng đường đưa đến động cơ ấy mà thôi. Có lẽ người tự sát, giống như Régnier đã miêu tả, không biết lý do gì đưa anh ta đến chỗ chết. Nó cũng giống như hành vi của ta vẫn thường xuất phát từ nhiều động cơ phức tạp. Riêng trường hợp của tôi thì chỉ là nỗi lo âu mơ hồ. Làm như có một sự lo lắng bàng bạc về tương lai. Cậu có thể không tin lời tôi nói vì không ai chung quanh đã sống hoàn cảnh tương tự của tôi suốt mười năm qua. Vì thế dù cậu có coi lời của tôi đây như tiếng hát tan vào cơn gió thoảng, tôi sẽ chẳng trách cậu đâu.”

(Trích dịch Thư gửi một người bạn cũ - Aru kyuyu e okuru shuki)

Trong đêm 23 tháng 7 năm 1927, ông đã bình tĩnh uống một lần hai loại thuốc ngủ chí mạng dù vợ đã biết trước và canh phòng kỹ lưỡng. Thuốc ở đâu ra, ông viết cho biết có một người đàn bà nào đó mang đến. Thế thôi! Miyamoto Kenji bảo ông tượng trưng cho “sự thất trận của văn chương tiểu tư sản (petit bourgeois)”. Kobayashi Hideo, ngược lại ca ngợi mỹ học của ông và đổ cho định mệnh éo le^[10].

4. Ảnh hưởng của văn học ngoại quốc đối với Akutagawa

Không riêng chi trường hợp của các nhà văn thời Minh Trị (lúc Nhật Bản mới tìm đến với Tây phương), kiến thức Âu Mỹ của một nhà văn đời Đại Chính (1912 - 1926) như Akutagawa cũng bắt nguồn từ sách dịch. Kato Shuichi^[11] cho biết Akutagawa đã dẫn ra trong tác phẩm của mình hết Stringberg, Nietzsche, Tourguenev, Tolstoi, Gogol, Dostoevski, Flaubert đến Baudelaire... từ những bài viết của họ được dịch qua tiếng Anh (ông tốt nghiệp đại học khoa Anh).

Cách miêu tả của ông cũng có màu sắc ấn tượng. Cách tả con chồn trong *Cháo khoai* giống như cách Prosper Mérimée (1803 - 1870) tả con chó trong *Colomba*. Cái mũi có lấy ý của tác phẩm cổ điển *Truyện bây giờ đã xưa* của Nhật nhưng chủ đề “hình dạng cái mũi đánh mất và tìm lại được” vốn mượn truyện cùng tên (1835) của Nicolai V. Gogol (1809 - 1852), nhà văn châm biếm người Nga. Để viết *Xã hội thủy quái Kappa*, ông phải hiểu biết về cả Jonathan Swift

lần Samuel Butler. Kiến thức của Akutagawa trải rộng từ Shakespeare cho đến các nhà soạn kịch Ái Nhĩ Lan, các thi nhân Pháp từ Francois Villon đến Paul Valéry. Nhân vật trong truyện của ông nêu cả tên Pierre Loti tức sĩ quan hải quân Pháp Julien Viaud (trong *Tiểu khiêu vũ*) lẫn Whilhem Liebknecht^[12], triết gia khuynh hướng xã hội Đức (trong *Sơn trang Gengaku* - Gengaku Sanbo). Tuy ông không tiếp xúc trực tiếp với Âu Mỹ qua kinh nghiệm bản thân như Ogai (từng sống ở Đức), Soseki (Anh) hay Kafu (Pháp và Mỹ) nhưng kiến thức của ông không vì thế mà kém phần phong phú. Nó đã pha trộn với cổ điển Trung Hoa mà ông nằm lòng, cũng như văn chương thời Edo (nhà thơ Basho, nhà tiểu thuyết Bakin...) ông thường dùng làm đề tài.

Ảnh hưởng của văn chương ngoại quốc đến một nhà văn Nhật Bản bằng cách nhiều khi phức tạp hơn ta tưởng. *Bốn bề bờ bụi* (1925) của Akutagawa, đã trở thành sườn của cuốn phim Rashomon bất hủ của đạo diễn Kurosawa Akira. Ta đã chỉ biết nó bắt nguồn từ *Truyện bây giờ đã xưa* (quyển 29, truyện 23, kể truyện một cặp vợ chồng nhà quan gặp cướp núi, sau khi bị cướp làm nhục trước mặt chồng, vợ lại nảy ra ý muốn giết chồng) là một tác phẩm cổ điển do tác giả vô danh viết ra vào tiền bán thế kỷ XIX, chỉ có mục đích khuyên người đời nên cẩn thận khi liên hệ với kẻ khác (vì người chồng muốn đổi cây cung của mình để lấy thanh kiếm của tên cướp nên bị nó lừa). Thế nhưng, có chứng cứ khác cho ta thấy khi viết truyện này Akutagawa cũng đã mượn nguồn cảm hứng từ văn học phương Tây.

Yasuda Yasuo (theo Tomita Hitoshi^[13]) đã dẫn ra hai tác phẩm Âu Mỹ có thể liên quan đến nó: vở kịch thơ *Chiếc nhẫn và quyển sách* của Browning (1812 -1889) và *Phục thù* của Henry de Régnier^[14] mà Mori Ogai đã cho đăng trong *Chư quốc vật ngữ* (Shokoku Monogatari), *Truyện các nước*. Ông đã so sánh và phân tích từng điểm giống nhau giữa hai truyện đó với *Bốn bề bờ bụi*. Ngoài ra, vẫn theo Tomita, Yoshida Seiichi lập ra mối liên hệ giữa *Con đường trăng sáng* (The Moonlight Road) trong tập truyện *Sao xảy ra được nhỉ* (Can such thing be?) của nhà văn Mỹ Ambrose Pierce. Trong truyện của Pierce, nhân một vụ án mạng, ba người trong cuộc đã trình bày sự việc liên quan tới họ và cuối cùng, người vợ là kẻ bị giết đã mượn lời đồng cốt để trình bày sự thật về phía mình. Thế nhưng theo Tomita Hitoshi (sđd, tr. 66) thì *Yabu no naka* gần với *Người con gái của bá tước Ponthieu*, một tác phẩm của Pháp thế kỷ XIII hơn là truyện của Pierce. Tác phẩm của Pháp kể truyện con gái của bá tước Ponthieu, vì không con nên cùng chồng là Thibaut đi hành hương ở Santiago bên Tây Ban Nha để cầu tự, giữa đường gặp cướp. Thibaut dũng cảm chống cự nhưng rốt cục bị trói, chứng kiến cảnh cướp làm nhục vợ trước mắt. Khi cướp đi rồi, Thibaut nhờ vợ cởi trói hộ nhưng ngạc nhiên thay, lúc đó, vợ lại dùng thanh kiếm tên cướp bỏ lại định chém chết chồng. Thibaut khéo léo tránh và nhờ đó, dây trói trái lại được cắt đứt. Thibaut thoát hiểm, lôi vợ xuống núi và gửi vào tu viện làm ni, một mình về nước. Bá tước biết chuyện, nhục nhã quá nên tìm đến nơi, đóng con gái vào thùng rồi quăng xuống biển.

Có một sự tình cờ lạ lùng là Akutagawa đã viết tiểu luận tốt nghiệp đại học với nhan đề *Nghiên cứu về William Morris*^[15]. Thêm một sự trùng hợp nữa là câu chuyện dịch qua tiếng Anh của *Người con gái của bá tước Ponthieu* đã được in trong toàn tập của Morris. Vẫn chưa tìm ra bằng chứng xác thực xem Akutagawa đã đọc nó trong đó hay không nhưng chi tiết “vợ muốn giết chồng” của truyện Pháp này trùng hợp với ý chính thấy trong chuyện kể của *Truyện bây giờ đã xưa*.

5. Hoài nghi và trí thức

Donald Keene^[16] cũng như nhiều nhà bình luận thường nhấn mạnh về ảnh hưởng bệnh tật của bà mẹ ruột đối với tâm tính Akutagawa. Một người mẹ mắt xám xịt như thầy ma, có thể suốt ngày ngồi không nói không rằng, lâu lâu lại lấy ống điều cốc đầu thẳng bé con, chửi bùa với bà mẹ nuôi dịu dàng mà ông rất yêu quý. *Cổng Rashomon* được ông coi như một trong những tác phẩm “lạc quan” nhất của mình mà đã đậm màu sắc chán đời. Rashomon là cái cổng thành bề thế (nhưng sau lưng không có cái thành nào) giống như cái bản mặt (*men*) của vũ sĩ đạo oai

ng nghiêm nhưng trong đó chất chứa nhiều tàn ác và giả dối đã làm cho Akutagawa hoài nghi về giá trị của văn hóa nói riêng và con người nói chung. Trong *Cổng Rashomon*, ngoài mười dòng đầu ông mượn ở *Truyện bây giờ đã xưa*, cảnh thành phố Kyoto trung cổ được ông phác họa theo *Phương trượng ký* (Hojoki) của Kamo no Chomei^[17]. Truyện thẩm tra hiện tại bằng cách sử dụng tư liệu quá khứ là một nét đặc biệt của văn chương “truyện cũ viết lại” (cổ sự tân biên)^[18] của ông.

Sự hoài nghi, bi quan trong văn ông thường được kèm theo cái tàn khốc trong lối miêu tả như khi ông viết về Kyoto của thế kỷ XII khi bị thiên tai tàn phá (trong *Cổng Rashomon* hay *Bọn đạo tặc* (Chuto) chẳng hạn), hay Nagasaki thế kỷ XVI chung quanh những cảnh cực hình thời cấm đạo.

Ông đã tìm thấy trong vũ sĩ đạo, khuôn vàng thước ngọc của người Nhật Bản có cái gì giả tạo vì đầy kịch tính. Người mẹ xé nát chiếc mùi soa (trong *Chiếc mùi soa*) để ghìem không cho sự đau khổ lộ ra người ngoài biết, rốt cục cũng chỉ làm theo một phương pháp diễn xuất có cái tên là... văn hóa vì nó đi ngược lại sự chân thành tự phát, vốn là bản tính đích thực của con người^[19].

Ngoài cái bóng đen của bà mẹ trù mìn lên suốt cuộc đời, Akutagawa còn nhận ảnh hưởng lớn lao của nhà văn Natsume Soseki, một người ông rất ái mộ. Chúng ta biết Soseki là một nhà trí thức mang một tâm sự u uất, nhất là từ sau những năm tháng du học London trở về. Chính Soseki đã nhận chân được tài năng và khuyến khích ông cứ đeo đuổi nghề văn cho dù lối viết của mình không được sự tán thưởng của độc giả chẳng nữa. Tháng 12 năm 1916, khi Soseki mất, ông giữ ấn tượng sâu đậm về nhà văn bậc thầy này. Người ta thấy ảnh hưởng của Soseki với chủ đề “sự ích kỷ của người đời” qua *Cánh đồng khô*, trong đó, đám đệ tử của thi hào Basho họp lại chung quanh giường bệnh của thầy mà chỉ nghĩ những lợi lộc của chính bản thân họ một mai khi thầy không còn nữa. Keene cũng nhắc cho ta là chủ đề về lòng ích kỷ từng được khai triển bởi nhà văn La Rochefoucauld, theo đó “ngay cả lúc hành động một cách cao thượng, con người cũng vâng theo một động cơ: đó là lòng ích kỷ của họ”. Lòng ích kỷ còn thấy cả trong *Sợi tơ nhện* (Kumo no ito), 1918, khi tên cướp Kandata dần đã được Đức Phật cứu giúp thoát khỏi cảnh trầm luân hỏa ngục, đã vì lòng ích kỷ mà đánh mất dịp may cuối cùng của chính mình và biết bao người khác.

Thái độ trí thức khô khan, lạnh lùng khi trực diện với nhân vật và sự tình trong truyện ngắn, ông đã học hỏi được ở một người đi trước khác: Mori Ogai. Ít nhất đây cũng là ý kiến của nhà phê bình Nakamura Shin – ichiro, người cho rằng Ogai đã trao cho Akutagawa chìa khóa của sự thành công trong lĩnh vực nghệ thuật khi truyền thụ một cách gián tiếp lối viết tiểu thuyết lịch sử kiểu Tây phương, trong đó, người viết cần giữ một khoảng cách với nhân vật mình tạo ra. Từ đó, Akutagawa chỉ sử dụng lịch sử như một bàn đạp để giải thích nó theo quan điểm của cá nhân ông. Anh chàng Goi (ngũ vị), chức quan hạng bét ở Kyoto thèm ăn cháo khoai phải lặn lội xa xôi, đến khi có cháo rồi thì lại chán không muốn ăn nữa, chẳng phải là một trường hợp cá biệt mà tượng trưng cho tính phổ quát (universality) con người muôn thuở, vào bất cứ thời đại nào.

6. Vay mượn hay sáng tạo?

Nhiều người phê bình Akutagawa quá dụng công (overingenious), chẳng hạn như khi viết *Cháo khoai* (Imogayu, 1916), với bố cục quá rắc rối và có thể đã vay mượn Gogol trong tác phẩm *Chiếc áo khoác*. Họ còn nêu lên khuyết điểm của ông là thiếu sáng tạo và chỉ chấp nhận.

Ví dụ *Sợi tơ nhện* là kết hợp hai nguồn: một chi tiết nêu lên trong tuyển tập *Lịch sử ma quỷ và quan niệm về ma quỷ xưa nay* (History of the devil and the idea of devil from earliest times to the present day) của Paul Carus và một giai thoại trong *Anh em nhà Karamazov*^[20]. Họ còn bảo *Cái chết của một con chiến* (Hokyojin no shi - 1918) vay mượn Jocelyn của Lamartine, *Tội ác của Sylvestre Bonnard* (Le Crime de Sylvestre Bonnard) của Anatole France, *Phục thù* (Vengeance) của Henri de Régnier, bản dịch *Ứng khẩu thành thơ* (Improvisatoren) của Hans Christian Andersen, *Quo Vadis* của Henryk Sienkiewicz, *Judith* của Friederich Hebbel, v.v... Nếu nói thế thì hơi oan cho Akutagawa vì để viết có mười trang sách, lẽ nào ông phải vận dụng chừng ấy tư liệu. Và các vị kia có mượn của nhau hay không? Akutagawa có biết gì về Quan Âm Thị Kính hay không nữa chứ (vì truyện nói về nỗi oan của sư huynh Lorenzo, thực ra là một người con gái giả trai)! Nhưng điều không thể chối cãi là dựa vào kiến thức bác lãm, ông có khuynh hướng sử dụng sách vở nhiều hơn là trí tưởng tượng. Có nhà phê bình còn tự hỏi phải chăng Akutagawa đã tự sát chỉ vì không tìm ra nguồn cảm hứng nội tại và cứ phải vay mượn từ bên ngoài!

Tuy nhiên, không có sự sáng tạo nào bắt đầu từ con số không. *Địa ngục trước mắt* (Jigokuhen, 1918) tả bức bình phong vẽ cảnh địa ngục trong đó một mỹ nhân bị thiêu sống trong cỗ xe ngựa có thể vay mượn của nhà văn lưu vong Nga D.S. Merezhkovski^[21] trong *The forerunner, the romance of Leonardo da Vinci* theo chủ trương của Shimada Kinji, nhưng chủ đề của Akutagawa không phải là “người đẹp bị chết cháy” mà là “đâu là mục đích tối thượng của người làm nghệ thuật” qua hình ảnh của lão họa sư khủng Yoshihide say mê nghệ thuật đến nỗi quên cả tình phụ tử khi tìm cảm hứng hội họa trước cảnh đứa con gái yêu bị ngọn lửa của bạo quân thiêu chết.

Cái tài của Akutagawa là dùng những sự kiện nho nhỏ để nói lên được tính phổ quát ở bản chất con người (dưới cái nhìn bi quan của ông). Ông không tôn trọng sự chính xác của lịch sử, vì sự thực mà ông trưng bày không có tính lịch sử mà chỉ có chất thơ. Chủ đề như “đâu là sự thật? có mấy sự thật? chết rồi có còn giữ thể diện hay không?” thấy trong *Bốn bề bờ bụi* hay “thiện và ác khác nhau ở chỗ nào?” trong *Cổng Rashomon*, “dục vọng và thỏa mãn dục vọng” trong *Cháo khoai*, “đời đáng sống hay không đáng sống” trong *Xã hội thủy quái Kappa* đều là những chủ đề lớn nói về thân phận con người. Phong cách của Akutagawa nằm ở chỗ đó! Cho dù ông có sáng tạo bằng mô phỏng và lượm lặt chi tiết vặt vãnh để tạo dựng một chủ đề nhưng ông quả có thiên tài góp gió làm bão vậy.

7. Những dao động cuối đời và cái chết

Trong những năm tháng cuối cùng, ngòi bút của Akutagawa không còn đem đến cho ông những thành công buổi đầu. Tuy loại tiểu thuyết tự truyện nhuộm màu sắc bệnh tâm thần (neurotic I novel) của ông dành được cho ông một chỗ đứng riêng trên văn đàn nhưng đã thấy xuất hiện Shiga Naoga, một cây bút viết truyện ngắn lỗi lạc khác và những nhà văn vô sản của tạp chí *Người gieo giống* (Tanemaku Hito). Ông tỏ ra hòa hoãn với cả Shiga lẫn nhóm *Người gieo giống*. Tuy hãy còn chủ trương nghệ thuật trên hết và giữ bản chất hoài nghi của người theo chủ nghĩa hư vô (nihilism) nhưng ông cũng đã có vài tác phẩm phê bình chủ nghĩa tư bản và đạo đức truyền thống (như trong *Kappa*) cũng như quan tâm đến cuộc sống khổ cực của nông dân (như trong *Ikkai no tsuchi*) hay mô tả thế giới đen tối trong một gia đình trưởng giả mà chủ nhân đang nằm đợi chết (*Sơn trang Gengaku*).

Tuy nhiên lúc đó Akutagawa đã mệt mỏi quá rồi. Trong *Xã hội thủy quái Kappa*, ông đã mơ tưởng được sống trong một thế giới “phi nhân gian” (nonhuman World). Hình ảnh siêu thực của xứ sở loài thủy quái Kappa tương tự như thế giới loài chim cánh cụt (penguin) trong tác

phẩm của Anatole France, một tác giả Akutagawa yêu thích. Nó cũng có thể là nước người tí hon mà Gulliver đã đến thăm hay nơi cô bé Alice lạc đến. Tiếng là “quái” nhưng loài Kappa còn đầy đủ nhân tính hơn cả loài người: “Dần dần tôi bắt đầu quen với ngôn ngữ của loài Kappa và nhân đó, hiểu được phong tục tập quán của chúng. Trong đó có tập quán lạ là những gì con người chúng ta cho là trang nghiêm thì chúng lấy làm kỳ cục. Ngược lại những gì ta cho là kỳ cục thì chúng lấy làm trang nghiêm. Ví dụ ta bảo “chính nghĩa” hoặc “nhân đạo” là những điều trang trọng thì khi nghe tới đó, bọn Kappa ôm bụng mà cười. Có nghĩa là quan niệm về sự khôi hài giữa ta và chúng hoàn toàn khác nhau. Khi tôi có dịp nói chuyện về hạn chế sinh đẻ với một bác sĩ nhi khoa Kappa tên là Chak thì ông ta mở mồm há hốc rồi cười sặc sụa thiếu điều rơi cả kính gấn trên sống mũi. Dĩ nhiên lúc ấy tôi cáu sùng nên mới cất vấn ông ta xem hạn chế sinh đẻ thì kỳ cục ở chỗ nào. Lúc đó tôi chưa giỏi tiếng Kappa cho lắm, chỉ hiểu câu trả lời của Chak đại loại như thế này:

- Kỳ khôi ở chỗ chỉ giúp cha mẹ khỏe thân mà thôi. Thế là quá quắt chứ sao!

Ngược lại, dưới cái nhìn của loài người chúng ta thì thật không có gì kỳ quái hơn là cảnh tượng sinh nở ở xứ Kappa. Sau đó ít lâu, tôi có dịp đi đến căn nhà nhỏ của Bag để xem cảnh vợ ông ấy lâm bồn. Lúc Kappa sinh nở thì cũng giống như chúng mình vậy, nghĩa là có bác sĩ, bà đỡ đến giúp. Tuy nhiên lúc sanh thì ông bố lại chầu mồm vào chỗ kín của bà vợ như người đang nói điện thoại, to giọng: “Thế con có muốn ra đời hay không? Nghĩ cho kỹ rồi trả lời nhé!”. Bag vừa khom gối, hỏi đi hỏi lại nhiều lần như thế. Sau đó thì ông ta lấy thuốc nước sát trùng để trên bàn mà súc miệng. Một chốc, coi bộ đứa bé trong bụng vợ của Bag có vẻ do dự rồi thấy nó lí nhí trả lời:

- Con không muốn ra đời làm gì. Nhất là để mang chứng bệnh tâm thần di truyền từ bố thì khổ lắm! Hơn nữa, giống Kappa sinh ra không biết để làm chi? Bag nghe câu trả lời, bèn lén đưa tay lên gãi đầu. Tức thời bà đỡ đứng chực sẵn bên đã cầm ngay một ống thủy tinh đút vào chỗ kín của bà vợ, như thể chích một thứ thuốc gì đấy. Chỉ thấy bà ta thở phào một cái như trút đi gánh nặng, đồng thời, cái bụng xù xuống tựa quả bong bóng vừa thoát hết hơi”.

(Trích Kappa, đoạn 4)

Nên nhớ Akutagawa viết *Xã hội thủy quái* Kappa năm 1927 (và có thể trước đó), lúc đó Jean - Paul Sartre (1905 -1980), ông tổ của thuyết hiện sinh thời hậu chiến, người đặt câu hỏi thời danh “sinh ra tôi sao không hỏi ý kiến tôi?” mới có hai mươi hai tuổi.

Akutagawa có phải muốn từ giã cuộc đời này để đi tìm một xứ lạ như thế giới của loài thủy quái Kappa?

Cái chết bằng tự sát của ông có nhiều lý do, từ cảnh ngộ gia đình đến bệnh hoạn, chứ không riêng mỗi lý do tinh thần. Có người còn cho những lý do tinh thần ông nêu ra chỉ là để “làm dáng, điểm trang cho cái chết”. Thế nhưng, văn chương ông tự buổi đầu đã nặng tính hoài nghi yếm thế. Sau khi Akutagawa mất, cả hai cánh tả và hữu đều gán cho ông nhãn hiệu như là người của họ nhưng bản thân ông không bao giờ đặt vấn đề chính trị. Có lẽ trong ông tiềm ẩn nỗi khổ tâm của một nhà nghệ sĩ “nhân bản”, đầy lòng yêu cuộc sống (yêu quá hóa hờn), phải đứng trước một lựa chọn có tính bức bách mà không tìm được lời giải thỏa đáng: nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh?

Phụ lục: Phát triển của tiểu thuyết hiện đại sau thời Akutagawa

Niên đại	Khuynh hướng vị nghệ thuật	Khuynh hướng vị nhân sinh
Taisho	Phái nghệ thuật mới (<i>Shinko Geijutsu - ha</i>) Ibuse Masuji, Kajii Motojiro.	Văn học vô sản (<i>Puroretaria Bungaku</i>) Tokunaga Sunao,
Taisho 15		
Showa	Phái tâm lý mới (<i>Shin Shinri - ha</i>) Hori Tatsuo, Ito Sei	Hayama Yoshiki, Kobayashi Takiji.
	Phái cảm giác mới (<i>Shin Kankaku - ha</i>)	
Showa 10	Yokomitsu Riichi, Kawabata Yasunari, Kataoka Teppei	Văn học chuyển hướng (<i>Tenke Bungaku</i>) Nakano Shigeharu, Shimaki Kensaku
Showa 20		Văn học thời chiến

Chú thích:

- (1) Người viết đặc biệt cảm ơn các góp ý của Văn Lang Tôn Thất Phương, Phạm Vũ Thịnh và Việt Châu.
- (2) Trong văn học Nhật Bản không có nhiều truyện dài theo định nghĩa Tây phương. Các truyện dài của họ như *Daibosatsu-toge* thường là sự kết hợp những chương tự nó có thể đứng một mình được. Nhiều truyện dài thường bị tác giả bỏ dang dở nửa chừng. Đi xem tường No là xem năm màn mà câu chuyện không ăn nhập gì với nhau.
- (3) Họ không hành động cụ thể để chống đối bất công xã hội mà chỉ đóng góp vào việc san bằng bất công một cách ôn hòa. Tiêu biểu có Arishima Takeo đem ruộng đất thừa tự phân phát cho dân nghèo hay Mushanokoji Saneatsu lập những “làng mới”, trong đó, ai chịu khó làm việc cũng đều có cơm ăn áo mặc. Những làng mới sớm bị phá sản và phải dẹp bỏ sau đó.
- (4) Điều này không có nghĩa là các nhà văn khuynh hướng khác (Akutagawa, Shiga...) không sử dụng thủ pháp tự thuật.
- (5) *Trào lưu mới* Shinshicho ra mắt lần đầu năm 1907 như một tạp chí tổng hợp, lần thứ 2 năm 1910 như một tạp chí của những người chung chí hướng, có cả Tanizaki Junichiro. Đến nay tái bản đến 20 lần.
- (6) Để giải thích sự yếm thế của Akutagawa, có thuyết cho rằng ông là con tư sinh. Akutagawa thường có cảm tưởng mình bị quỷ thần bách hại như nhân vật Oreste thời cổ Hy Lạp. Ông thích đọc *Đứa con của chị Sen*, kịch của Strindberg và *An-ya Koro* (Đi trong bóng tối) của Shiga Naoya, trong đó, nhân vật chính là kết quả của mối tình vô luân giữa bố chồng và nàng dâu.
- (7) Akai Tori, tạp chí văn chương dành cho nhi đồng, hai lần ra mắt độc giả, khoảng 1918-1929 và 1931-1936.
- (8) Thần thoại Hy Lạp về Icarus trong đó người gắn cánh bay lên mặt trời bị sáp nóng chảy và rơi xuống chết.
- (9) Henri de Régnier (1864 -1936), nhà văn Pháp phái tượng trưng sau chuyển qua phái tân cổ điển.
- (10) Có lẽ người ta xem động cơ tự sát của văn nhân lúc nào cũng phức tạp hơn người thường. Trường hợp Romain (Pháp), Ernest Hemingway (Mỹ), Dazai, Arishima, Mishima và

Kawataba (Nhật) cũng làm tổn nhiều mực.

(11) Kato, Shuuichi, sđd, quyển 3, trang 239.

(12) Cùng với Vladimir Il'ich Lenin và Rosa Luxembourg, hai nhà cách mạng khác hợp thành 3L.

(13) Điểm gặp gỡ giữa Đông và Tây.

(14) Akutagawa đã nhắc đến tên của Régnier trong bức thư tuyệt mệnh gửi cho Kume Massao trước khi tự sát.

(15) William Morris (1834 -1896), thi nhân kiêm nhà nghệ thuật tạo hình, nhà cải cách xã hội người Anh. Cuối đời, theo chủ trương xã hội không tưởng (Utopianism).

(16) Trong *Dawn to the West*.

(17) Kamo no Chomei (Áp, Trường Minh, 1155? -1216), người thời Kamakura, cất am trong núi. Hojoki là một tác phẩm cổ điển của dòng văn học ẩn sĩ.

(18) Trong dòng văn học này còn có Lỗ Tấn (Lu Xun, 1881 -1936), một tên tuổi vĩ đại khác.

(19) Giáo sư Hasegawa trong “*Chiếc mùi soa*” thất vọng với vũ sĩ đạo rồi cuộc chỉ còn biết đặt lòng tin vào “cái lồng đèn Gifu bằng giấy phết có vẽ hình mấy cọng cỏ thu”, tượng trưng đơn sơ của tâm hồn Nhật Bản đích thực treo trước hiên nhà.

(20) Xin xem thêm một biên khảo công phu của Đinh Văn Phước về nguồn gốc Sợi tơ nhện.

(21) Người ông nhắc đến trong tùy bút *Okawa no miizu* (Nước dòng sông Cái) (1912).

Thông tin dịch giả:

(Dịch giả, Năm đến Nhật, Đại học chính, Nơi cư ngụ hiện tại, Email)

Cung Điền

1963, Đại học Thủy Sản Tokyo,

Paris, Pháp

Email: quancanh@walla.com

Dương Thị Tuyết Minh

1972, Đại học Tokyo,

Tokyo, Nhật Bản

Email: quynhchi_qc@yahoo.com

Đinh Văn Phước

1961, Đại học Công Nghiệp Tokyo,

Hino, Nhật Bản

Email: dphuoc@mail.goo.ne.jp

Lê Ngọc Thảo

1967, Đại học Tohoku,

Chiba, Nhật Bản

Email: Tao.Sato@ap.sony.com

Nguyễn Nam Trân

1965, Đại học Tokyo,

Antony, Pháp

Email: hddao@w6.dion.ne.jp

Nguyễn Ngọc Duyên

1967, Đại học Công Nghiệp Tokyo,

Wollongong, Úc

Email: duyennguyen67@hotmail.com

Phạm Vũ Thịnh

1966, Đại học Tokyo,

Sydney, Úc

Email: t4phamvu@hotmail.com

Văn Lang Tôn Thất Phương

1966, Đại học Tokyo,

Canberra, Úc

Email: npttp@yahoo.com.au

Việt Châu

1968, Đại học Nông Nghiệp Tokyo,

Tokyo, Nhật Bản

Email: vilotbl@ybb.ne.jp

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>